

DOMINIC MIDGLEY & CHRIS HUTCHINS

ABRAMOVICH

NHÂN VẬT QUYỀN LỰC BÍ ẨN CỦA ĐIỆN KREMLIN



alpha books®
THỂ DỤC THỂ THAO

NHÀ XUẤT BẢN
THỂ DỤC THỂ THAO

Table of Contents

Mục lục

Tỷ phú đến từ hư vô

Vị tỷ phú bí ẩn nhất nước Nga

Chương 1. Đứa con của Thánh

Chương 2. Trưởng thành

Chương 3. Trúng mánh

Chương 4. Cậu bé mồ côi gia nhập nhóm “Gia đình”

Chương 5. Sự bành trướng thô bạo

Chương 6. Tham gia chính trường

Chương 7. Vương quốc Siberia

Chương 8. Một dân tộc đặc biệt

Chương 9. Bán hết tài sản

Chương 10. Ngài Chelski

Chương 11. Đội quân áo đỏ tiến lên!

Chương 12. Đội bóng mơ ước

Chương 13. Nơi cuộc sống thành thơi

Chương 14. Độc giả áo choàng xám

Chương 15. Dẫn bước

Chương 16. Thành lập Yuksi

Chương 17. Cái giá của sự giàu có

Chương 18. Một mùa giải trắng tay

Lời bạt. Tương lai về đâu

Mục lục

Tỷ phú đến từ hư vô

Vị tỷ phú bí ẩn nhất nước Nga

Chương 1. Đứa con của Thánh

Chương 2. Trưởng thành

Chương 3. Trúng mảnh

Chương 4. Cậu bé mồ côi gia nhập nhóm “Gia đình”

Chương 5. Sự bành trướng thô bạo

Chương 6. Tham gia chính trường

Chương 7. Vương quốc Siberia

Chương 8. Một dân tộc đặc biệt

Chương 9. Bán hết tài sản

Chương 10. Ngài Chelski

Chương 11. Đội quân áo đỏ tiến lên!

Chương 12. Đội bóng mơ ước

Chương 13. Nơi cuộc sống thanh thoi

Chương 14. Độc giả áo choàng xám

Chương 15. Dấn bước

[Chương 16. Thành lập Yuksi](#)

[Chương 17. Cái giá của sự giàu có](#)

[Chương 18. Một mùa giải trắng tay](#)

[Lời bạt. Tương lai về đâu](#)

Tỷ phú đến từ hư vô

Nhà báo Phan An

Báo Thể thao và văn hóa

Những câu chuyện về các tỷ phú luôn hấp dẫn, nhưng Roman Abramovich là một trường hợp đặc biệt hơn tất cả. Bạn đọc sẽ rõ từ khi lật giở những trang viết đầu tiên.

Đây không phải là một cuốn sách tiểu sử thông thường được viết ra một cách tường minh như tự truyện về Bill Gates hay Steve Jobs, mà là sản phẩm của một quá trình thu lượm công phu mang hơi hướm điều tra. Nhóm tác giả thậm chí đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc khai thác thông tin từ nhân vật chính, và phải vượt qua nhiều trở ngại để có thể vẽ ra một chân dung tương đối về Abramovich, một tỷ phú, đúng như tên của cuốn sách, bước ra từ hư vô.

Cuốn sách này giống như một món ăn mà ăn mãi vẫn thòm thòm, vì ngay cả trong những trang viết khá rõ ràng, tác giả vẫn khiến bạn đọc phải nhăn trán vì hoài nghi. Abramovich ẩn hiện từ đầu đến cuối sau một lớp màn sương, với nụ cười mỉm và ánh mắt ít khi nhìn thẳng vào người đối diện. Một nhân vật tưởng ở ngay trước mắt, mà luôn bí ẩn và không thể nắm bắt. Bí ẩn đến nỗi mà năm 1999, một tờ báo ở Nga đã phải treo giải một triệu rúp cho bất kỳ ai chụp được bức ảnh nào của Abramovich. Sản phẩm “ra lò” sau đó không lâu, và dù chỉ là một bức ảnh mờ, vẫn được các tờ báo Nga dùng đi dùng lại trong một thời gian dài.

Trong mắt những cổ động viên bóng đá, Abramovich là một tỷ phú hào phóng, người đã mua lại Chelsea và biến nó thành một đội bóng chiến thắng trong một thập kỷ qua. Với những thầy cô giáo

và bạn học ở trường cấp hai cũ, ông là một người gầy gù và có lòng biêt ơn, đã đóng góp rất nhiều tiền để xây dựng lại ngôi trường trong nhiều năm. Nhưng đố i với các công nhân của các khu khai thác dầu mỏ, Abramovich là một ông chủ khắ c nghiệt và chỉ biêt tận thu sức lao động của người làm thuê. Với hai người vợ cũ, ông thậm chí là một kẻ phản bội. Với các đố i thủ trên thương trường, và thậm chí là với chính người đã dẫn đắ t Abramovich vào điện Kremlin, Boris Berezovsky, ông là một con người tàn nhẫn.

Bạn đọc cũng sẽ luôn phải tự hỏi rằng tại sao người đàn ông lại thành công đến thế. Abramovich mồ côi cả cha lẫn mẹ từ khi mới một tuổi rưỡi, không phải một học sinh xuất sắc ở trường, có cá tính mờ nhạt và bắt đầu sự nghiệp bằng nghề... buôn búp bê. Ngay cả trong giai đoạn thành công rực rỡ, chúng ta cũng sẽ không tìm thấy bất cứ chi tiết nào lộ liễu của ông. Abramovich luôn có ý thức giấu mình, và những gì viết trong cuốn sách không phải chỉ dẫn, mà là sự gợi mở. Điều thú vị là mỗi người sẽ có những cảm nhận khác nhau khi đọc sách, và tự tìm ra lý giải cho riêng mình.

Chelsea chỉ là một phần trong thế giới bí ẩn và thành công của Abramovich. Ông không chỉ là một tỷ phú giàu có và một ông bầu thể thao thành công, mà còn là một “chính trị gia ngầm”, như lời một bình luận trong cuốn sách. Bạn đọc cũng sẽ nhìn thấy bức tranh toàn cảnh của nước Nga vào giữa thập niên 1990, khi chính sách tư nhân hóa các công ty nhà nước của cố Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã tạo điều kiện cho một loạt những tài phiệt như Abramovich ra đời.

Nhưng trong “cuộc chiến” sinh tồn khắ c nghiệt với các chính trị gia, chính con người có vẻ khiêm tốn và không hề thủ đoạn như Abramovich là người trụ lại được. Boris Berezovsky treo cổ tại Anh vào tháng Ba, sau một thời gian lưu vong vì bắt đờ ng chính kiến với chính quyề n Putin. Mikhail Khodorkovsky, từng một thời là

người giàu nhất nước Nga, sẽ ra tù vào tháng Mười năm nay. Abramovich thì trở thành một trong những tỷ phú Nga nổi tiếng nhất thế giới vào thời điểm này, nhờ Chelsea, một sự “bảo hiểm an toàn nhất”. Ông nhận thức rõ rằng các chính trị gia cũng là ông chủ của các nhà tù, và luôn giữ một khoảng cách khôn ngoan với họ.

Cuối cùng, bạn đọc không cần phải là một cổ động viên bóng đá mới đọc được cuốn sách này, dù nó cung cấp rất nhiều chi tiết hấp dẫn về cách Abramovich đã thu tóm và đưa Chelsea trở thành một siêu cường bóng đá châu Âu như thế nào. Đây không phải là một cuốn sách dạng tu thân như những tự truyện về tám gương của các tỷ phú. Nó chỉ viết về một trường hợp đặc biệt mà nếu chỉ đọc thoáng qua, bạn có thể nghĩ rằng Abramovich thành công hoàn toàn là nhờ may mắn.

337 trang sách sẽ dẫn dắt bạn vào một câu chuyện giàu chất “đời” và đáng tin cậy đến nỗi khi đọc xong, bất cứ ai cũng có thể cảm thấy trong bản thân mình có một phần của Abramovich. Không một chi tiết nào trong sách cho thấy những phẩm chất phi thường của Abramovich, nhưng ông đã, đang và có lẽ sẽ còn làm nên những điều phi thường. Bạn sẽ còn phải đọc lại nó nhiều lần, để kiểm chứng, thậm chí là trần trố, không chỉ về bóng đá, mà còn về một cuộc đời đặc biệt. Của một người có tên Roman Abramovich.

Vị tỷ phú bí ẩn nhất nước Nga

Roman Abramovich, một thành viên bí ẩn của điện Kremlin, lần đầu tiên được công chúng Nga biết đến rộng rãi vào năm 1998, khi ông được mô tả là “hậu bao” của Boris Yeltsin, Tổng thống đương nhiệm khi đó, trong chuyên mục Chuyện đương thời của tạp chí Itogi do nhà bình luận kinh tế Yevgeni Kiselev phụ trách. Trước đó, Abramovich đã nhiều lần được xếp hạng tỷ phú chứng khoán. Khi tin tức về sự giàu có tột bậc của ông được lan truyền thì truyền thông bắt đầu tỏ ra quan tâm hơn. Chỉ có một vấn đề duy nhất: làm sao họ có thể kể các câu chuyện về nhân vật vốn được coi là một ông trùm bí ẩn này?

Cho đến năm 1999, chưa có một tờ báo hay đài truyền hình nào có ảnh của Abramovich. Sau khi chán ngán với những bức phác họa chân dung không rõ ràng của ông, một tờ báo quyết định tung tiền để có được những bức ảnh tốt hơn. Tờ báo này trao giải một triệu rúp cho bất kỳ ai cung cấp một bức ảnh của nhà buôn quyền lực bí ẩn này. Giải thưởng này đã có hiệu quả, mang lại cho công chúng một bức ảnh không sắc nét của Abramovich mà báo chí Nga sau đó đã sử dụng trong nhiều tháng liền.

Đến lúc này, có vấn đề quan hệ công chúng của Abramovich, một người Anh tên là Gregory Barker, hiện là nghị sĩ, thành viên đảng Bảo thủ Anh, đã cố gắng thuyết phục ông chụp “một bộ ảnh đẹp” vì cuối cùng, nếu Abramovich không thể né tránh sự quan tâm của công chúng thì tốt hơn nên giới thiệu một hình ảnh càng tử tế càng tốt. Abramovich tìm đến Yuri Feklistov, một nhiếp ảnh gia của tờ tuần san Nga Ogonyok. Feklistov được Abramovich “chọn mặt gửi vàng” nhờ vào mối quan hệ bạn bè với Valentin “Valya” Yumashev, một phóng viên viết hồ sơ ký cho Boris Yeltsin và sau này kết hôn

với con gái Tatyana của vị Tổng thống này. Gia đình Yumashev đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng sự nghiệp cho Abramovich và họ đã trở thành bạn bè thân thiết từ năm 1996. Còn Valya và Yuri thì đã quen biết nhau 20 năm kể từ khi cùng làm việc ở tờ Komsomolskaya Pravda và nhờ người bạn cũ này, Feklistov đã trở thành nhiếp ảnh gia ruột của Abramovich. Ngoài chụp hình cho Abramovich ở nhà và ở văn phòng tại Moscow, ông còn tháp tùng gia đình ông trùm này đi nghỉ ở Scandinavia, miền nam nước Pháp và đến tỉnh Chukotka, nơi Abramovich trúng cử vị trí Tỉnh trưởng năm 2000.

Nhờ vậy, nước Nga và thế giới đã biết đến hình ảnh Abramovich trong nhiều hoạt động khác nhau. Nếu cần có những bức hình về một Abramovich đang nghỉ ngơi, giải trí thì vị nhiếp ảnh gia chụp cảnh ông đi câu cá hồ ở Na Uy, lái tàu ở Địa Trung Hải, tắm nắng với vợ và thư giãn cùng các con. Nếu bạn cần hình ảnh một Abramovich gắn với thế lực chính trị, thì có những bức hình ông đang xem xét các loại giấy tờ trước lò sưởi trong văn phòng, đang vận động tranh cử ở Chukotka, đang trao đổi với các ông trùm khác hoặc đang tản bộ với Tổng thống. Mặc dù đã lộ diện nhiều hơn, người đàn ông đứng sau chiếc mặt nạ này vẫn rất khó nắm bắt. Feklistov có thể bấm máy chụp Abramovich trong những khung cảnh đẹp và các phóng viên ảnh có thể ghi hình ông tại các sự kiện công cộng nhưng thu xếp được một cuộc phỏng vấn ông trùm này vẫn chẳng dễ dàng hơn chút nào. Mặc dù có vị thế là người giàu nhất nước Anh, nhưng Abramovich hạn chế xuất hiện trước công chúng đến mức mà trong một thời gian dài, cuộc phỏng vấn do phóng viên Steve Rosenberg của đài BBC thực hiện tại tư dinh của Abramovich ở Chukotka đã trở thành cảnh quay chính của mọi cuốn phim tài liệu sau đó. Với báo chí Anh, Abramovich cũng không rộng lượng hơn. Một năm sau khi tiếp quản Câu lạc bộ bóng đá Chelsea

tháng 7/2003, ông mới chỉ cho phép một tờ báo thực hiện một cuộc phỏng vấn trực tiếp.

Tất cả các câu hỏi của báo chí đều được chuyển đến John A. Mann II, chức danh chính thức là Giám đốc Quan hệ Đầu tư của Sibneft, công ty dầu lửa giúp xây dựng nền tảng cho cơ nghiệp của Abramovich. Đó là một người Mỹ gốc Phi nhã nhặn (không có nhiều người như vậy ở Moscow), từng là Phó Chủ tịch của Burson Marsteller, một mạng lưới quan hệ công chúng (PR) toàn cầu. Trước khi đảm nhiệm chức vụ này ở Moscow, Mann, khoảng hơn 30 tuổi, đang làm việc ở thủ đô Almaty của Kazakhstan và lấy vợ là người địa phương. Nhưng Mann không phải là bạn thân của Abramovich. Nhiều tuần liền anh không hề được gặp mặt ông chủ của mình và cũng không đủ khả năng khuyến nghị Abramovich tiết lộ nhiều hơn về bản thân. Mann còn nhớ một giai thoại khá bí mật về thái độ của Abramovich trước những câu hỏi về thời thơ ấu. Khi Mann chuyển cho Abramovich một danh sách các câu hỏi về vấn đề này, ông trùm người Nga chỉ liếc qua rồi mỉm cười, xé tờ giấy làm đôi và ném vào thùng rác. Có thể nói, chắc chắn là bất kỳ ai đọc cuốn sách này trước John Mann cũng sẽ biết nhiều về ông chủ của Mann hơn chính anh. Bên ngoài, Abramovich không gây ấn tượng lắm. Thực tế, ông không cao hơn Irina, người vợ thứ hai là bao. Trong khi đó, Irina cũng chỉ cao 1m58, vừa đủ đáp ứng tiêu chuẩn tiếp viên hàng không của hãng Aeroflot. Ông không thích nhìn vào mặt người đối diện. Điều đó khiến người ta nghĩ ông khiêm tốn, thậm chí là rụt rè. Cảm giác này càng dễ đến khi nhìn vào bộ râu quai nón được tỉa tót một cách khéo léo của ông. Rõ ràng chi tiết này khiến ông không giống với các tỷ phú khác. Ông cũng không phải là người sành thời trang, chỉ thích mặc những chiếc quần jean và áo khoác blazer được thiết kế giản dị nhưng rất đắt đỏ hoặc những bộ comple được cắt may tinh tế kết hợp với áo sơ mi hở cổ. Một trong những dịp hiếm hoi mà người ta thấy ông đeo cà vạt là khi

tuyên thệ nhậm chức Tỉnh trưởng Chukotka tháng 1 năm 2001. Lóp nhà giàu mới nổi ở Nga nổi tiếng về phong cách thô kệch và quá đà, nhưng Abramovich lại tỏ ra là một ngoại lệ. Ông đã dùng hàng chục triệu để sắm một đoàn du thuyền (ông đã mua hai du thuyền còn chiếc thứ ba thì đang được hoàn thiện) và sống xa hoa ở Moscow, London và miền nam nước Pháp. Tuy nhiên, ông không hề bị dính tin đồn nào về những buổi tiệc đêm đầy sâm panh và cocaine với các “người mẫu”. Những thói xấu của ông chỉ là thói quen thi thoảng uống một cốc rượu vang đỏ (chứ không phải vodka) và đôi lúc rít một tàu thuốc lá. Vợ ông luôn bên cạnh ông trong nhiều trận đấu của Chelsea còn ông thì thường chụp ảnh với con cái của mình. Một trong những bức ảnh mà ông rất thích là bức ảnh chụp ông một tay ôm vai người con cả Arkady, một tay cầm một bó hồng lớn đi vào MES (Trường Kinh tế Moscow) trong ngày đầu tiên của cậu bé ở trường trung học.

Về phần mình, Irina tỏ ra hài lòng với vai trò nội trợ. Khi họ gặp nhau, Irina đã 23 tuổi nhưng trông có vẻ chỉ mới 17. Larissa Kurbatova, đồng nghiệp của Irina ở hãng hàng không Aeroflot nhận xét: “Cô ấy là một mỹ nhân với cặp mắt to màu xanh, sống mũi thẳng và đôi môi gợi cảm”. Bây giờ, Irina đã bước vào tuổi 36, đã kết hôn được 13 năm và đã sinh cho Abramovich 5 đứa con. Một người bạn của cặp đôi này cho biết họ đặt mục tiêu có 9 người con. Irina muốn tập trung nuôi dạy con cái hơn là tạo sự nghiệp cho riêng mình. Vì vậy cô quyết định tham dự một khóa học về lịch sử nghệ thuật ở Đại học Moscow. Một người bạn của gia đình Abramovich cho biết: “Trong các chuyến đi nước ngoài, họ đến thăm nhiều triển lãm nghệ thuật và Irina muốn giải thích được cho bọn trẻ về mọi thứ ở đó.” Mặc dù rất giàu có, nhưng Abramovich vẫn thích con cái được gần gũi mẹ hơn những người trông trẻ. Thái độ của ông về việc này đôi khi hơi cực đoan. Một lần, Irina muốn tháp tùng chồng tới một buổi biểu diễn đắt khách của Cesaria Evora, một ca sĩ rất được

yêu thích ở Nga, tại nhà hát Vasiliev, Moscow. Vì đã biết rằng Irina rất muốn đi xem nên bạn bè cảm thấy rất bất ngờ khi cô lại ở nhà để chăm sóc con cái mặc dù một người trong Ban tổ chức đã dành riêng 20 vé cho công ty dầu lửa Sibneft theo yêu cầu của Abramovich. Thậm chí, có người còn nói Irina thích những chú chó đồ chơi hơn cả đồ trang sức. Irina thực sự là niềm mơ ước của nhiều đá ng mây râu.

Abramovich rất quan tâm đến bạn bè. Marina Goncharova, người phụ nữ làm việc cho Abramovich từ khi ông còn đang bán búp bê trong một quầy hàng ở một khu chợ Moscow cuối thập kỷ 1980, hiện vẫn đang làm việc cho ông. Ông cũng không phải là người thích tỏ ra trịch thượng. Nhân viên của ông được tự do sử dụng phòng thể dục trong trụ sở của công ty Sibneft tại Moscow. Khi không có lịch tiếp khách ăn trưa, ông thích mời đồng nghiệp ăn cùng trong phòng ăn riêng. Người ta còn thấy phong cách dân dã này ở ông khi để ý đến thành phần khách mà ông mời đến theo dõi một trận đá của Chelsea ở sân của Newcastle United. Trong bốn người khách đó có Tatyana Dyachenko, con gái của cựu Tổng thống Boris Yeltsin, người từng là một trong những chính khách quyền lực nhất ở Nga, và Christian, vị đầu bếp người Áo chuyên nướng những ổ bánh mì không men matzo mà ông ưa thích. Một đồng nghiệp thân cận của Abramovich nhận xét: “Ông ấy không thích sự thay đổi. Ông ấy thích làm việc với người quen, vì vậy ông ấy tìm cách giữ họ lại.”

Abramovich không phải là người ham đọc sách. Có lần, một người khách từng đến thăm phòng làm việc tại tư gia của Abramovich ở ngoại ô Moscow nhắc một cuốn sách ra khỏi giá và phát hiện ra rằng giữa các tầm bìa chẳng có trang sách nào hết. Tất cả các cuốn sách đều chỉ có bìa và gáy, loại “sách trang trí” mà các nhà thiết kế nội thất bố trí chỉ để làm đẹp cho căn phòng. Sở thích của Abramovich những khi rảnh rỗi thực ra rất trẻ con. Ông

thích câu cá, đá bóng, bowling và các trò bi-a của Nga. Khi đi xem đội Nga thi đấu với Tây Ban Nha ở Euro 2004, ông mặc áo cầu thủ Nga và đội một chiếc mũ bóng chày cùng tông màu. Ông thích đi xe máy và lái ô tô thể thao. Các du thuyền của ông có hơi hướng kiểu của James Bond, ví dụ như chiếc Pelorus dài 114m với một sân bay trực thăng, các phòng khách lộng lẫy, một phòng chiếu phim màn ảnh rộng và không dưới 4 tàu tiếp liệu dùng để đưa người từ thuyền vào bờ. Một phụ tá của ông bình luận: “Ông ấy có thú triết lý sống mà bạn khó có thể hiểu được”.

Nói tóm lại, Abramovich có vẻ là một người đàn ông của gia đình, kín đáo và nhút nhát. Thế nhưng, ông chủ mới 38 tuổi này lại kiếm được đến 7,5 tỷ bảng trong thời gian chưa đến 15 năm. Vì vậy, nhiệm vụ của cuốn sách này là lột tả cho được cá tính, phương pháp và hoài bão của Abramovich đằng sau vẻ rụt rè bề ngoài này. Theo một cựu chiến binh người Moscow thì “Tất cả bọn họ đều cùng một giuộc cả thôi.”

Các tác giả của cuốn sách này nhanh chóng nhận ra Abramovich không muốn tạo thuận lợi cho công việc của họ. Alexei Venediktov, Tổng biên tập đài Tiếng vọng Moscow, một đài phát thanh có tầm ảnh hưởng lớn ở Nga, là người thường trò chuyện với ông trùm này. Trong một dịp nói chuyện với Abramovich đầu tháng 12 năm 2003, Venediktov đề cập đến việc ông sẽ gặp ăn trưa với nhóm tác giả chúng tôi ở Moscow hai ngày sau đó, Abramovich liền nói: “Anh đừng gặp họ nữa có được không?” Thật may, chúng tôi đã hứa là sẽ ăn với Venediktov ở một nhà hàng Grudia mà ông ưa thích. Sự quyết rũ của món cá tầm phết kem, salad bò nướng và dĩ nhiên là cả cơ hội tranh luận nữa khiến ông không muốn hủy bỏ cuộc hẹn này. Thấy vậy, Abramovich tỏ ra lo lắng. Một ngày sau cuộc gặp của chúng tôi ở nhà hàng của “những người bạn thân thiết” đó,

Abramovich đã gọi điện cho Venediktov để hỏi xem tình hình thế nào.

“Họ hỏi anh cái gì?” Abramovich hỏi.

“Mọi thứ,” Venediktov trả lời.

“Thế anh kể cho họ những gì?”

“Mọi thứ.”

Một thoáng im lặng.

“Vậy đây, tôi muốn được đọc cuốn sách đó.”

Sự dè dặt của Abramovich khi nói về quá khứ có thể do hai nhân tố chính. Một là do danh tiếng của ông: Abramovich đang là người có vai vế ở Anh, đất nước mà ông và nhiều đồng bào của ông tôn vinh là cái nôi của văn hóa và sự tinh tế. Ông có quan hệ với một số nhân vật trong giới tinh hoa của xã hội Anh, trong đó có Hầu tước Reading, nhà quý tộc Do Thái cao cấp nhất nước Anh, và Huân tước Rothschild, bạn thân của Hoàng tử xứ Wales. Mặc dù không chắc Abramovich đã từng gặp Thái tử Charles, nhưng chúng tôi biết rõ ông đã từng cho vị Thái tử này mượn trực thăng để vượt qua quãng đường 160km từ Highgrove, Gloucestershire, quê của Thái tử, tới Cowdray Park để tham gia vòng đua pô-lô dù đề nghị mượn trực thăng là do các nhà tổ chức nhân danh Thái tử, chứ không phải do chính văn phòng của Thái tử, đưa ra.

Bên ngoài những phòng khách xa hoa của giới thượng lưu, Abramovich thậm chí còn nổi tiếng và được mê n mộ hơn. Những người ủng hộ đội Chelsea lẽ ra đã có thể lên án cách ông đối xử với huấn luyện viên Claudio Ranieri, người bị sa thải để mở đường cho José Mourinho, huấn luyện viên của đội vô địch vòng chung kết C1

năm 2004. Thế nhưng nhiều người lại sẵn sàng đổ lỗi vụ lùm xùm đó cho Peter Kenyon, Giám đốc Điều hành của Câu lạc bộ. Họ vẫn yêu mến Abramovich bởi ông không chỉ khiến Chelsea trở thành câu lạc bộ được bàn tán nhiều nhất trong mùa giải qua (và có lẽ còn nhiều hơn nữa trong thời gian tới), mà còn giúp Chelsea lên đầu tiên đánh bại được Arsenal sau nhiều năm. Khi mọi việc đang tiến triển tốt đẹp, tại sao lại phải khơi lại quá khứ nhiều chuyện tồi tệ như chiếm đoạt cổ phiếu của công nhân, kiếm hàng tỷ đồng nhờ quá trình tư nhân hóa giả tạo, liên lĩnh pha loãng cổ phiếu và tương tự như vậy?

Nguyên nhân thứ hai, Abramovich bận tâm với việc công khai tài sản chi tiết và cách thức ông kiếm được số tài sản đó sẽ tác động như thế nào đến người dân trong nước. Cử tri Nga đã thất vọng cay đắng với việc Chính phủ bán công bán tháo các tài sản quý giá của đất nước với giá rẻ mạt. Vào lúc mà Abramovich phải chống lại những người muốn áp thuế nặng hơn hoặc thậm chí là tịch thu tài sản của các ông trùm, thì ông không hề muốn thu hút thêm sự chú ý nào của công chúng đối với cá nhân ông cả.

Trong bối cảnh như vậy, không người nào sở hữu khối tài sản lớn như của Abramovich lại có thể phớt lờ chính trị. Định nghĩa của nền chính trị đầu sỏ là “cai trị bởi số ít” và số ít ở đây là những người giàu có tội bậc. Đối với họ, sẽ là hết sức nguy hiểm nếu họ không thân cận được với Tổng thống trong khi cử tri Nga đang đảo vì họ đã thâm tóm được quyền điều hành các ngành kinh tế chủ chốt của đất nước với cái giá bèo bọt và mạnh mẽ yêu cầu họ phải trả bớt số tài sản đó. Một doanh nhân phương Tây thạo tin làm ăn ở Moscow đã đánh giá rất sắc sảo như sau: “Để hiểu được Abramovich, bạn phải nhớ ông ấy không phải doanh nhân mà là một chính trị gia ngầm”. Người này muốn nhắc đến thực tế rằng các giám đốc điều hành và các kế toán tin cậy của Abramovich

hoàn toàn có thể đảm nhiệm việc quản lý hoạt động thường nhật của các công ty dầu mỏ, của một nhà máy chế biến thịt, của các công ty xe hơi... thuộc sở hữu của ông. Nhưng việc tiếp xúc, quan hệ với Chính quyền mới chính là việc cần đến tài năng đặc biệt của Abramovich. Nhiều ông trùm kém cỏi hơn, vì không được Kremlin ủng hộ nên cuối cùng đã bị tống vào tù khi Chính quyền tuyên bố tiến trình tư nhân hóa đã giúp họ kiếm được hàng triệu đô-la là bất hợp pháp. Nhiều người khác, trong đó có đối tác cũ của Abramovich là Boris Berezovsky và ông trùm truyền thông Vladimir Gusinsky, tỏ thái độ đối đầu với Putin và đã buộc phải lưu vong. Người giàu nhất trong số các ông trùm là Mikhail Khodorkovsky lại tìm cách thao túng tiến trình chính trị nhằm đạt mục đích riêng. Ông này cuối cùng đã bị bắt giữ vì những cáo buộc gian lận thuế và vào thời điểm các tác giả đang viết cuốn sách này, Khodorkovsky vẫn đang mòn mỏi đợi chờ phía sau song sắt nhà tù.

Trong khi ba nhân vật nói trên, và nhiều người khác nữa, đã để cho “cái tôi” làm lóa mắt thì Abramovich lại đủ thông minh để không quên rằng Tổng thống chính là ông chủ của các nhà tù. Thay vì đối đầu với Putin, ông chấp nhận thực tế và tìm cách sử dụng công cụ hiệu nghiệm nhất của mình là khả năng lôi cuốn cá nhân để duy trì vị thế. Có nhận định cho rằng Berezovsky đã làm tướng Abramovich đứng về phía mình trong cuộc chiến với Putin trong khi thực chất Abramovich đã bắt tay với quyền lực chính trị mới. Trả lời phỏng vấn một tờ báo ở London, Berezovsky cho biết: “Khi Putin lên nắm quyền, tôi trao đổi với Abramovich về việc thành lập một lực lượng đối lập ở Nga để chống lại một Putin đang trở nên quá mạnh, nhưng Abramovich không nghe.” Trên thực tế, khi Berezovsky đang cố gắng lôi kéo Abramovich thì đối tác trẻ tuổi này đã thân cận với Putin đến mức, theo thông tin lần đầu tiên được đề cập trong cuốn sách này, Abramovich chính là người được Putin giao phỏng vấn các ứng cử viên cho nội các đầu tiên của ông ở

điện Kremlin. Khi các tác giả đề cập đến chi tiết này với Berezovsky trong một cuộc phỏng vấn tại văn phòng của ông ở London, Berezovsky lặng đi một hoặc hai giây rồi mới nói được: “Tôi không biết điều đó”. Trong khoảnh khắc đó, ông trùm tài phiệt nổi tiếng gian hùng từng được coi là “bố già của điện Kremlin” này mới nhận ra mình đã bị vị đồ đệ tác trẻ tuổi chơi khăm một cách ngoạn mục.

Abramovich tiếp tục trở thành người ủng hộ mạnh mẽ việc thành lập một chính đảng duy nhất sẵn sàng ủng hộ Putin một cách tuyệt đối trong cuộc bầu cử tổng thống cuối năm 1999. Khi Putin cầm một lực lượng bí mật để chống lại các kẻ thù giấu mặt, chính Abramovich đã trở thành người đồng hành tin cậy của ông. Tuy nhiên, họ không hề dính líu đến việc thuê các băng nhóm vũ trang khủng bố và buộc các nhân vật đối lập phải quy phục. Abramovich là người tao nhã, tế nhị hơn nhiều. Ông nổi tiếng là kiên nhẫn khi phải đối mặt với sự kích động, ngay cả khi điều đó khiến ông phải lui bước trong ngắn hạn. Một trong những người thân cận nhất của ông nhận định: “Ông ấy có thể nhìn xa mười bước, và nếu bước đầu tiên, hoặc thậm chí là chín bước đầu tiên, có vẻ không được tốt đẹp, thì ông ấy vẫn biết cách đi bước thứ mười và tiếp tục tiến lên”.

Không chỉ bí mật ủng hộ Putin, Abramovich cũng dấn thân vào tuyên đấu chính trị. Năm 1999, ông quyết định trở thành người đại diện cho Duma Quốc gia Nga ở tỉnh Chukotka thuộc vùng Siberia xa xôi. Bước đi này là một cú sốc, ngay cả đối với các cộng sự thân cận của ông. Một người quan sát thấy: “Ông ấy không bắt tay, không ôm hôn trẻ em và không nhìn vào mắt mọi người”. Tuy nhiên, những gì ông ấy làm là đúng tiên, rất nhiều tiên. Khi các hoạt động từ thiện của Abramovich bắt đầu gây ấn tượng tốt với những người cùng khổ ở Chukotka thì ứng cử viên Aleksandr

Nazarov, tỉnh trưởng đương nhiệm của Chukotka, ngày càng lo lắng. Việc Abramovich dần được yêu mến bắt đầu gắn với chính sách mị dân. Những gì xảy ra tiếp theo là sự minh họa rõ ràng về tài năng của Abramovich. Trong một diễn biến tàn nhẫn nhưng không đổ máu, Nazarov bị phê truất và Abramovich đã trở thành tỉnh trưởng Chukotka với 99% số phiếu bầu. Tuy nhiên, thay vì phủ phàng gạt bỏ Nazarov, vị tân tỉnh trưởng khuyến khích Nazarov tiếp quản vị trí mà ông đang đảm nhiệm tại Duma. Abramovich đã nhận được đúng những gì mà ông mong muốn, đồng thời biến người bị ông phê truất thành một đồng minh trung thành.

Lúc đầu, Abramovich đồng ý để John Mann có phản hồi chính thức về cuốn sách này. Nhưng đến tháng 5 năm 2004, Mann lại gọi điện cho các tác giả để thông báo Abramovich và các cố vấn của ông “rất quan tâm” tới việc này và đã đi đến nhận định rằng các tác giả cuốn sách đang thu nhận “quá nhiều thông tin tiêu cực”. Sự thay đổi chiến thuật này của Abramovich có phải vì Abramovich nhận ra rằng ông bạn Venediktov đang tiết lộ những thông tin mật y như những ông dẫn đầu bị rò rỉ ở Siberia vậy? Hay vì Kremlin đã giận dữ gọi điện cho Abramovich sau khi các tác giả gửi fax cho người phát ngôn báo chí của Putin để hỏi có đúng Tổng thống đã đe dọa “phá hủy” Sibneft nếu Berezovsky không chấp nhận giảm giá cổ phiếu của mình theo đề nghị của Abramovich năm 2000? Có phải Roddie Fleming, một tỷ phú ngân hàng Anh, đồng tác chính của Abramovich trong một mỏ vàng ở Siberia, đã liên hệ với Mann để kể lại những câu hỏi mà nhóm tác giả chúng tôi đưa ra về vai trò của Abramovich trong thương vụ đó? Hay chỉ đơn giản là do Abramovich đã nhận được nhiều cuộc điện thoại xin phép phát biểu của những người mà các tác giả tìm cách tiếp cận và cảm thấy lo ngại rằng chúng tôi đang tìm hiểu những vấn đề mà đến nay vẫn được giấu kín?

Dù với động cơ nào nhưng Mann đã bay từ Moscow đến để tổ chức một cuộc họp tại văn phòng của Câu lạc bộ Chelsea ở sân Stamford Bridge. Các quy định tại chỗ rất rõ ràng. Chúng tôi có thể hỏi bất kỳ câu hỏi nào nhưng không được phép nêu tên người trả lời, một trong những cấp phó cao nhất của Abramovich. Sau một hồi trò chuyện với một vị luật sư có vẻ quý tộc và quyên rũ, có lẽ có mặt ở đó với tư cách quan sát viên, nhân vật chính đã tới. Trong suốt một tiếng đồng hồ sau đó, chúng tôi đã nêu những luận điểm gây tranh cãi nhất với một nhân vật thực ra chẳng biết gì nhiều về Abramovich. Mặc dù cuộc trao đổi có thể được coi là trọn vẹn và thẳng thắn, nhưng có lẽ không diễn ra như Abramovich dự kiến. Họ nhận được vài điều: dàn ý và vài chi tiết chính của cuốn sách. Đổi lại, các tác giả cũng nắm được những yếu tố đã tạo nên một Abramovich như vậy. Nếu đó là một cuộc thi đấu thì có lẽ tỷ số cuối cùng sẽ được tính hòa.

Cho đến lúc này, nhóm tác giả chúng tôi đã thực hiện các cuộc phỏng vấn với cư dân Ukhta, thị trấn xa xôi ở miền bắc nước Nga, nơi Abramovich từng sống khi còn nhỏ, cư dân ở Moscow, ở miền nam nước Pháp, ở London và cả ở hạt West Sussex. Bạn bè thời thơ ấu, hàng xóm, thầy cô giáo, nhân viên (cả hiện tại và trước đây), các nhà báo, chính trị gia, những người hâm mộ của Chelsea, các chuyên gia bóng đá, các nhà kinh doanh bất động sản, các chuyên gia về thuyền buồm và nhiều người khác đã trao đổi thông tin về về lai lịch, nền tảng giáo dục, thành tích và hoài bão của Abramovich. Những câu chuyện đó làm nổi bật lên hình ảnh một nhân vật đa tính cách giống như một con búp bê Nga với nhiều kích cỡ khác nhau. Đối với người hâm mộ của Chelsea, ông là một Quý ngài hào phóng; đối với các nhà đầu tư nhỏ trong nhiều doanh nghiệp, ông là người chiếm đoạt cổ phiếu một cách tàn nhẫn. Người Eskimo ở Chukotka tôn sùng ông như một vị cứu tinh, còn các nhân viên thuê vụ dày dạn kinh nghiệm ở Moscow thì gọi ông là kẻ trốn

thuê đáng xấu hổ, dù là một cách hợp pháp. Nhân viên cấp dưới, từ người đầu bếp cho đến người phụ nữ làm việc cho ông từ khi ông còn đang là chủ sạp hàng ở chợ, khâm phục sự chân thành và đáng mến của ông, trong khi công nhân đầu mỏ ở Siberia lại tỏ thái độ cay đắng vì bị giảm lương và bị thuyết phục phải bán cổ phiếu. Các đối tác thân cận khẳng định tài năng lãnh đạo và uy tín của Abramovich nhưng các ông chủ ngân hàng phương Tây lại chỉ trích ông là kẻ cơ hội đầu độn. Điều gì có thể giải thích cho những nhận định trái ngược nhau như thế? Để trả lời cho câu hỏi đó, chúng ta sẽ bắt đầu nghiên cứu cuộc sống của Abramovich kể từ khi ông chào đời.

Chương 1. Đứa con của Thánh

Irina Abramovich mang bầu ở những tháng cuối khi cô bắt đầu hành trình dài hơn 1.120km về phía Nam, từ ngôi nhà của cô ở miền bắc nước Nga đến nhà của mẹ cô ở thành phố Saratov bên bờ sông Volga. Saratov là thành phố quê hương cô và cô thường tìm cách thuyết phục ông chồng Arkady rằng họ có thể sống vui vẻ hơn ở đây, nhưng chồng cô lại thích sống ở Syktyvkar, thủ phủ vùng Komi, bất chấp những mùa đông lạnh buốt ở đó. Tuy nhiên, ít nhất thì cô cũng đã có thể tận hưởng giai đoạn cuối thai kỳ ở một nơi ấm áp hơn và có mẹ bên cạnh giúp đỡ khi lần đầu sinh nở. Saratov là nơi sinh ra nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu, ca sĩ và nhà lãnh đạo đến mức người dân Nga thường nói những người sinh ra ở đây đều được một ngôi sao may mắn chiếu mệnh. Irina lâm bồn tại Saratov vào ngày 24 tháng 10 năm 1966, thế nhưng có vẻ như cậu bé Roman Arkadievich Abramovich của cô lại bị một đám mây đen chi phối. Gần một năm sau khi sinh, Irina lại có thai. Lần này, cô quyết định nạo thai chui vì không muốn có thêm một miệng ăn trong giai đoạn vô cùng khó khăn đó. Đau đớn thay, cô bị nhiễm độc máu và qua đời chỉ một ngày trước sinh nhật lần đầu tiên của cậu con trai. Lúc đó Irina mới 28 tuổi.

Cái chết của Irina là một cú sốc lớn đối với Arkady, người bạn thân nhất của anh là Vyacheslav Shulgin cho biết. Đầu là người Do Thái, hai người bạn này quen biết nhau từ đầu thập kỷ 1960 khi cùng làm việc tại sovmarkhoz (Hội đồng Kinh tế Quốc gia) ở Syktyvkar. Trước đám cưới của Arkady, hai người cùng một đồng nghiệp khác là Filchik rất hợp nhau, cùng nhau tán tỉnh các cô gái và mơ ước về một ngày họ có thể chuyển đến Israel. “Arkady là một

người đàn ông điển trai”, Shulgin nhớ lại, “và là thành viên sôi động, chan hòa nhất trong nhóm chúng tôi.”

Sau cái chết của vợ, Arkady vội dấn vào công việc. Công việc của anh bận bịu đến mức dù rất yêu con, anh vẫn phải đưa chú bé Roman mồ côi mẹ (hay như mọi người vẫn gọi yêu là Romka) về sống với bà nội Tatyana. Lúc đó Arkady đang phụ trách bộ phận tiếp liệu của một doanh nghiệp xây dựng lớn nhưng anh không thỏa mãn với sự tẻ nhạt của đời sống văn phòng. Mọi người vẫn còn nhớ anh là người mạnh mẽ, tham gia nhiều hoạt động của cơ quan dù có thể đó không phải trách nhiệm của anh.

Không ai ngạc nhiên khi vào một ngày thứ Hai của tháng 5 năm 1969, anh tự nguyện đảm nhiệm việc giám sát một công trình xây dựng. Shulgin còn nhớ y nguyên những gì xảy ra hôm đó: “Khi họ đang đưa cẩu trục vào vị trí thì tay cẩu bị gãy và đè nghiêng lên đôi chân của Arkady. Người bạn thân thiết nhất của tôi đã qua đời chỉ vài ngày sau đó. Các bác sĩ cho chúng tôi biết đây là một trường hợp rất đặc biệt. Các phần tủy xương đã làm tắc động mạch của Arkady. Chúng tôi đã chôn cất Arkady bên cạnh vợ anh ấy.”

Và thế là Roman Abramovich bắt hạnh đã mồ côi cả cha lẫn mẹ khi mới hai tuổi rưỡi. Một tiểu thuyết gia Đông Âu coi những đứa trẻ mồ côi là “con của Thánh” với lập luận rằng vì chúng lớn lên mà không bị những kỳ vọng hạn hẹp của cha mẹ kìm hãm như phần lớn chúng ta. Những người thân của Abramovich có thể hy vọng điều đó sẽ trở thành hiện thực. Sau khi bố mất, Roman không sống với bà nội ở Syktyvkar nữa, nhưng cũng không phải đối mặt với một tương lai ảm đạm trong trại trẻ mồ côi, mà được anh trai của Arkady là Leib và vợ là Ludmilla, một cựu hoa hậu, nhận làm con nuôi. Hai vợ chồng Leib đã có hai con gái Natasha và Ida (lớn hơn Roman 13 và 10 tuổi). Vì cả Leib và anh trai là Abram đều không có con trai, nên vị trí của Roman với tư cách là cháu trai thừa tự duy nhất của gia

đình đã cho cậu một vị thế nhất định. Leib, và sau đó là Abram, người đưa cậu bé đến Moscow nuôi dưỡng, đều vô cùng yêu thương người con nuôi Roman và chu cấp cho cậu một cuộc sống mà ngay cả Arkady và Irina cũng phải thèm muốn nếu còn sống.

Ngôi nhà mới của Abramovich là căn hộ Số 4 trong một tòa nhà bốn tầng ở Số 22 đường Oktyabrskaya, thành phố Ukhta, cách Moscow 1.120km về phía đông bắc. Khu nhà này được xây dựng năm 1968, cũng trong năm đó, Leib và gia đình chuyển đến ở. Trước khi người cháu trai nhỏ tuổi đến thì điều kiện sinh hoạt ở đây đã rất khó khăn do các quy định về nhà ở của Liên Xô chỉ cho phép mỗi người được sử dụng 9m². Thế nhưng Roman vẫn được đối xử như với một người con đi xa trở về. Leib và Ludmilla dành phòng ngủ nhỏ của mình cho cậu, còn hai người thì ngủ trên ghế sofa trong phòng khách.

Khu căn hộ này hiện đã thay đổi đôi chút so với thời Abramovich sinh sống ở đây. Cầu thang bê tông từ tầng một dẫn lên ngôi nhà thời thơ ấu của ông không trải thảm, ai đó đã cố gắng làm cho mọi thứ sáng sủa hơn bằng cách vẽ một đường viền những bông hoa cúc La Mã dọc theo bức tường cầu thang, nhưng mọi người cũng ít có cơ hội để chiêm ngưỡng chúng vì nhiệt độ bóng đèn đã bị hỏng. Gia đình Leib và Ludmilla đã chuyển đi từ lâu, tới thành phố Kaluga gần Moscow trong những năm 1980. Nhưng gia đình hàng xóm ở tầng trên của họ, Ivan và Ludmilla Lagoda, đều là giảng viên kinh tế học ở Đại học Công nghệ bang Ukhta, thuộc thế hệ những người bỏ lỡ các cơ hội do công cuộc “cải tổ” (perestroika) đem lại, vẫn sống trong căn hộ mà họ cùng với cậu con trai Sergei chuyển đến từ cách đây 35 năm. Họ triu mến nhớ về cậu bé cũng chuyển đến căn hộ ở tầng dưới cùng đợt và thừa nhận rằng phải mất một thời gian khá lâu sau đó họ mới biết rằng Roman là cháu trai mồ côi của Leib mặc dù khi chuyển đến, Roman đã ra dáng một chú nhóc 4 tuổi rồi.

“Chúng tôi không gâ`n gũi đé`n mức có thể hỏi thẳng”, Ludmilla nói, “đó là chuyện riêng của họ”.

Sau đó 2 năm, khi Abramovich vào lớp một, thì các gia đình mới bắt đầ`u qua lại với nhau nhiê`u hơn. Theo chính sách đò`ng bộ hóa một cách quan liêu của Liên Xô, trường học đầ`u đò`i của Abramovich chỉ đợc gọi một cái tên đơn giản là Trường số` 2 với một dòng chữ khắ`c rõ nét trên cổng chính là “Học, học nữa, học mãi” như lời Lê-nin cổ vũ các đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản năm 1918 khi họ hỏi ông làm thế` nào để có thể đò`ng góp tó`t nhắ`t vào công cuộc tăng cường sức mạnh của quố`c gia cộng sản này. Ludmilla Lagoda nhớ lại:

Roman thường qua chơi với Sergei, còn Sergei và cậu bé Dmitri ở căn hộ Số` 1 tâ`ng dưới thì đé`n nhà Leib để chơi với Roman. Chúng chơi khúc côn câ`u với nhau. Leib và Ludmilla rắ`t nghiêm khắ`c. Nế`u Roman đé`n nhà chúng tôi, thì khoảng nửa giờ sau là Ludmilla sẽ gọi lên để xem cậu bé có phá quắ`y gì không. Họ là một gia đình có văn hóa. Khi dùng bữa, Ludmilla luôn trải khăn bàn và đặt dao đĩa theo đú`ng quy cách. Họ cư xử cũng rắ`t tó`t. Điê`u đặc biệt ở Roman là cậu bé luôn đứ`ng lại chào mọi người trong khi tụi trẻ khác thường chạy biế`n đi.

Người bạn thời thơ ấ`u, Dmitri Sakovich, của Abramovich lớn hơn cậu 3 tuổi, nhưng dường như không cậu bé nào cảm thắ`y khoảng cách tuổi tác đó cả. Trong khi Abramovich tiế`p tục con đường trở thành một tỷ phú thì số` phận đã không mỉm cười với Dima (tên gọi thân mật của Dimitri Sakovich). Sakovich hiện có vẻ khiêm nhường và buồn bã. Nghề` xây dựng kiêm trang trí nội thắ`t của ông không đợc phát đạt cho lắ`m. Ông và bà vợ người Do Thái có ý định đi theo chương trình di cư người Do Thái đé`n phía bắ`c Westphalia, Đức do chính phủ Đức tài trợ. Sakovich còn nhớ, người bạn thời thơ ấ`u của ông là người rắ`t tò mò và liên tục đưa ra các câu hỏi. Ví dụ, khi

Sakovich được tặng một bộ đồ chơi lâu đài Nga, Abramovich vô cùng thích thú, tìm cách lắp ghép bằng được và chẳng mấy chốc đã biết cách làm điều đó. “Cậu ấy rất sáng dạ, việc nào cũng cố gắng làm thật tốt và thật nhanh”, Sakovich nhận xét, “Cậu ấy luôn đề cao tính hiệu quả. Bạn có thể cảm nhận được sinh lực dồi dào trong con người cậu ấy”. Liệu đó có phải là dấu hiệu thiếu kiên nhẫn không? “Có lẽ”. Sakovich cũng nhận thấy một đặc điểm tính cách gắn với Abramovich suốt cả cuộc đời và luôn được mọi người nhắc tới: “Cậu ấy luôn vui vẻ, hòa đồng và lúc nào cũng mỉm cười. Điều đáng mến nhất ở Romka là gương mặt luôn tươi cười, đến bây giờ cũng vậy. Khi lên truyền hình, cậu ấy vẫn luôn mỉm cười.”

Như vậy có thể thấy Abramovich đã thấm nhuần cách sống lễ phép, cách cư xử hòa nhã và tôn trọng người lớn tuổi từ khi còn rất nhỏ. Tuy nhiên, để giải thích được thời thơ ấu đã ảnh hưởng đến cậu bé ra sao, làm thế nào mà một cậu bé Do Thái mồ côi như cậu có thể vượt qua quá khứ khó khăn và tạo dựng sự nghiệp tại nơi phổ biến tư tưởng bài Do Thái như nước Nga, thì có lẽ chúng ta phải tính đến những điểm đặc biệt của thành phố Ukhta và những bài học mà bác Leib đã dạy cậu.

Bên ngoài, Ukhta là một thành phố buồn tẻ điển hình ở miền bắc Nga. Với lối kiến trúc không có gì nổi bật, những hàng cây bạch dương và lớp băng tuyết bao phủ mặt đất, thành phố này giống như mọi khu định cư khác được xây dựng dưới thời Stalin để khai thác tài nguyên thiên nhiên ở các khu vực lân cận. Nhiệt độ mùa đông ở dưới mức đóng băng, có nơi còn xuống đến -250C. Cái giá lạnh và sự ảm đạm quanh năm làm suy sụp tinh thần của cư dân. Nhiều người đã tìm đến rượu mạnh để mong tìm thấy cảm giác phấn chấn hơn. Những người không uống được vodka thường tìm đến loại đồ uống pha từ rượu bạc hà (khoảng 300) và bia vốn được coi là “một loại cocktail dễ chịu”. Nhưng điểm khác biệt của

Ukhta so với những nơi tương tự khác là: Ukhta được hình thành từ Gulag, hệ thống các trại cải tạo lao động của Liên Xô.

Thành phố Ukhta vừa kỷ niệm 60 năm ngày thành lập năm 2003. Đây là thành phố được xây dựng và tiếp nhận các tù nhân chính trị bị lưu đày sau các đợt thanh trừng của Stalin. Như vậy, thành phố này được hình thành từ các cá thể chính trị đa dạng bất đồng chính kiến, từ diễn viên ba lê cho đến các nhà vật lý học. Có thời điểm, Ukhta từng rất tự hào vì có một đội bóng mạnh nhờ Nikolay Starostin, một ngôi sao bóng đá của Spartak Moscow, do mâu thuẫn với KGB đã đến đây và đảm nhiệm vai trò huấn luyện viên đội Dinamo Ukhta. Điểm đáng chú ý là phần lớn trong số họ là người Do Thái. Cùng chia sẻ nỗi đau là nạn nhân của Chính quyền, người dân Ukhta từ bỏ phần nhiều những định kiến với người Do Thái vốn phổ biến ở các cộng đồng khác. Thành phố này được đánh giá là văn hóa và văn minh, nơi mà không ai quan tâm bạn thuộc dân tộc nào và mọi người đều cảm thấy “rất bình đẳng”. Ví thể, mặc dù trong danh sách học sinh của trường Số 2, cậu bé Abramovich được ghi nhận là người Do Thái, đồng thời họ chiểu của cha mẹ nuôi cậu cũng thể hiện lai lịch Do Thái chứ không phải ngưỡn gốc Nga, nhưng các thông tin thu thập được cho đến nay cho thấy cậu bé không bị quấy nhiễu và bị bắt nạt ở trường như điểu vẫn thường xảy ra ở nhiều nơi khác trên đất nước Nga.

Thông qua bác Leib, Abramovich đã được tiếp thu những bài học vỡ lòng về quy luật thị trường tại thời điểm mà doanh nghiệp tư nhân của Nga vẫn bị cấm hoạt động. Bác Leib của Abramovich khi đó đang phụ trách phòng tiếp liệu của công ty UkhtaLes, doanh nghiệp gỗ xây dựng của Ukhta thuộc sở hữu nhà nước. Yevgeni Devaltovsky, Trưởng khoa một trường đại học ở địa phương cho biết:

Nếu cha của Abramovich là người phụ trách tiếp liệu của một công ty gỗ địa phương, thì đó là trường học kinh tế tốt nhất mà cậu

Ấy được trải qua. Những gì bây giờ được gọi là kinh doanh thì ngày đó bị coi là đầu cơ. Trong thời kỳ Xô Viết, việc bạn mua một giá và bán với giá khác được coi là một hành động sai trái, nhưng đó đúng là những gì họ đã làm. Hoạt động chính của việc điểu hành các bộ phận tiếp liệu là thu mua hàng hóa với giá rẻ và đem bán lại với giá cao hơn. Bạn phải có tài năng, kỹ xảo và lòng dũng cảm để làm được điểu đó. Không phải ai cũng có năng lực đó, nhưng rõ ràng Leib có. Ngay cả các công chức của Đảng cũng trở thành các doanh nhân xuất sắc bởi họ được tiếp cận nguôn tiếp liệu tốt hơn. Họ sống cuộc sống hai mặt, một mặt cố vũ cho hệ tư tưởng của Nhà nước, mặt khác lại kiếm lời từ thị trường chợ đen.

Nói như vậy thì Leib là một VIP theo tiêu chuẩn ở Ukhta. Ông có điểu kiện tiếp cận những gì mà Ludmilla Lagoda gọi là “xa xỉ phẩm” nhưng nhiều người phương Tây lại chỉ coi là “nhu yếu phẩm”. Trong thời kỳ Xô Viết, nhiều loại hàng hóa thiết yếu, từ xúc xích cho đến giày dép, đều vô cùng khan hiếm. Điểu này có nghĩa là nhiều người tiêu dùng có thể dư dả tiền bạc nhưng lại không có nhiều hàng hóa để mua. Một giai thoại kể rằng nhiều người sẵn sàng mua một chiếc vé tàu hỏa khứ hồi được nhà nước trợ giá để đi chuyển quãng đường tới 2.240km để đến Moscow chỉ với mục đích là mua hàng đồ ng những mặt hàng giá rẻ như xúc xích chẳng hạn. Thực tế thì việc này từng diễn ra phổ biến, đến mức ở nước Nga lan truyền một câu đố vui:

- Cái gì dài, màu xanh và có mùi xúc xích?
- Tàu hỏa.

Leib có đặc quyền tiếp cận với cả thực phẩm và vải vóc vì Nhà nước chuyển các loại hàng hóa này qua bộ phận của ông để bán cho công nhân. Ví dụ, ông có thể chính thức nhận 10 chiếc chăn da cừu và hoàn tất các văn bản giấy tờ cần thiết để chúng tỏ là đã bán

chúng cho cán bộ nhân viên, tuy nhiên, trên thực tế chúng lại được bán ở chợ đen với giá cao ngất ngưỡng so với giá do Nhà nước ấn định. Trong bối cảnh đó, bất kỳ ai có khả năng tiếp cận các loại hàng hóa như vậy đều có vị thế và quyền lực. Ludmilla Lagoda mô tả Leib và những người cùng vị trí như anh là “những ông trùm của thời đó”. May mắn cho hai vợ chồng bà là người hàng xóm đầu tiên có vị thế đó nhận thấy họ cũng có cái để trao đổi. Natasha, một trong hai cô con gái của Leib, là sinh viên của Ludmilla. Với thái độ không hề trịch thượng, Leib nhờ Ludmilla “nhận xét tốt” cho Natasha và tỏ ý rằng Ludmilla sẽ được lợi nếu làm như vậy. Thực ra Natasha đã là một học sinh giỏi nên Ludmilla cũng không cần phải nâng điểm cho cô. Mặc dù vậy, bà vẫn nhận được một sự ưu tiên. Thời kỳ đó, xe hơi hiếm đến mức tất cả những gì một công dân trung bình có thể làm khi muốn sở hữu một chiếc là đăng ký vào một danh sách chờ dài dằng dặc. Leib đã sử dụng các mối quan hệ để đẩy nhanh việc xét duyệt đơn đăng ký của Lagoda. Chẳng bao lâu sau, gia đình Lagoda đã tự hào sở hữu một chiếc Lada.

Điều duy nhất mà ngay cả Leib cũng không thể làm được là tìm một căn hộ lớn hơn cho bản thân và cho gia đình giờ đã đông người hơn của mình. Nguồn cung nhà ở thiếu thốn đến mức các quy định về nhà đất được thực hiện rất nghiêm. Vì vậy, trong khi gia đình Lagoda xoay sở được một căn hộ ba phòng bằng việc giả mạo giấy tờ chứng minh là cha của Ludmilla đang sống với họ thì Leib vẫn không thể tìm được một căn hộ lớn hơn. Mặc dù vậy, trong tất cả các khía cạnh khác thì cậu bé Roman đều được chăm sóc đặc biệt. Mọi người vẫn nhớ rằng, nhờ công việc của ông bác, cậu không những không bao giờ thiếu những đôi giày tuơng tất để đi mà còn là người đầu tiên trong vùng có một chiếc đài kiểu phương Tây chứ không phải loại dùng băng cassette mà mọi người vẫn thường dùng. Tuy nhiên, sự khá giả tương đối của họ khiến một số

người tức giận và căn hộ tồi thơ của Abramovich đã bị kẻ trộm xâm nhập ít nhất hai lần.

Sau 4 năm sống với Leib và Ludmilla, Abramovich lại chuyển đi, lần này là tới Moscow để đoàn tụ với bà nội Tatyana. “Roman biếm mạt năm 1974”, Ludmilla Lagoda nhớ lại, “và Leib giải thích rằng ông ấy quyết định gửi cậu bé đến Moscow bởi thủ đô sẽ đem lại nhiều cơ hội để phát triển sự nghiệp kinh doanh hơn”. Leib quả là có tầm nhìn xa trông rộng.

Abramovich chuyển đến sống với bà nội trong căn hộ một buồng ở Đại lộ Tsvetnoi của Moscow, một khu vực trung tâm và khá trong lành. Tuy nhiên, có vẻ như chính bác Abram mới là người đảm nhận việc chăm sóc cậu. Bác Abram của Abramovich có dáng thân đậm với đôi mắt lấp lánh và mái tóc hất ra sau trán. Bây giờ mái tóc ấy đã gần như bạc trắng. Bác Abram đã theo dõi chặt chẽ việc học tập của cậu bé Roman và chu cấp một cuộc sống vô cùng sung túc cho cậu. Bà Nadezhda Rostova, giáo viên chủ nhiệm lớp của Abramovich từ khi cậu 11 tuổi, nhớ lại rằng Abram đã có những đóng góp rất quan trọng cho sự phát triển của Roman và luôn quan tâm, chăm sóc cho cậu. Bà cho biết cậu bé luôn ăn mặc rất lịch sự, thể hiện là một đứa trẻ có văn hóa và thời trang. Theo bà, Abram thực ra còn yêu chiều Abramovich hơn nhiều người cha khác. Bất cứ khi nào có kết quả thi của Abramovich, ông ấy sẽ lao vội đến trường để xem. “Roman không thể trưởng thành được như bây giờ nếu không được yêu thương nhiều như thế”, Rostova nói, “Tôi nghĩ chính tình yêu của tôi và của Abram đã giúp cậu bé trở thành con người xuất chúng như hôm nay”.

Những ngày đầu tiên đến trường của Abramovich ở Moscow có nhiều khó khăn. Rostova nhớ rõ khi Abramovich đến với Trường Số 232 trên đường Trubnaya, nơi bà hiện vẫn đang đứng lớp: “Ngày đầu tiên bác Abram đưa cậu ấy đến đây, cả hai cánh tay của cậu

đề`u bị bó bột.” Abramovich bị ngã khi đang chơi xích đu và bị gãy cả hai tay. “Đó là một cậu bé rất đáng yêu nhưng đề`u đó còn làm tôi cảm thấ`y yêu cậu bé hơn”, bà nói thêm, “cách cư xử của cậu khiế`n ai cũng yêu mê`n cậu. Các bạn học cùng lớp luôn cảm thấ`y gầ`n gũi với cậu”.

Nế`u bạn cảm thấ`y những lời khen ngợi này có vẻ hơi thái quá thì chúng ta câ`n làm rõ những gì mà Abramovich đã đem lại cho ngôi trường của mình kể từ ngày đó. Nhiề`u trường học ở Nga bị xuô`ng cấp và được trang bị rất nghèo nàn. Thế` nhưng 600 học sinh ở ngôi trường cũ của Abramovich dường như không thiế`u thứ gì. Cô hiệu trưởng, Ludmilla Prosenkova, quả là không có gì quá đáng khi tỏ ra rất tự hào về` phòng thể dục mới sáng choang với sàn gỗ được đánh bóng không tỳ vết, bộ xà ngang áp tường và sân bóng rổ; phòng máy tính với 13 bộ máy tính hiện đại cùng với nhiề`u vô tuyế`n, đầ`u video, radio, máy thu âm; và khu căng-tin được trang bị những thiế`t bị, đồ` dùng nhà bê`p hiện đại nhấ`t của Ý. Tổng số` 5 phòng học và khu làm việc mới được coi nói do công ty xây dựng của bác Abram xây dựng và Abramovich trả tiề`n đề`u có gắ`n những tấ`m thẻ đồ`ng nhỏ vinh danh nhà hảo tâm Roman Abramovich. Các giáo viên thậm chí còn cho in màu một cuố`n sách nhỏ để` chúc mừng những thành tích của ông, trong đó có ghi một đoạn fax mà Trường Số` 232 gửi cho vị mệnh thường quân của mình:

Ngài Roman Arkadievich kính mê`n,

Các học sinh và giáo viên Trường Số` 232 xin cảm ơn Ngài. Ngài đã rất tốt với chúng tôi. Chúng tôi sẽ luôn ghi nhớ những đề`u tốt đẹp mà Ngài đã làm. Khi chúng tôi tập trong phòng thể dục, chúng tôi nghĩ về` Ngài. Khi chúng tôi ăn trong căng-tin, chúng tôi nhớ đế`n Ngài. Khi chúng tôi dùng máy tính trong phòng máy, chúng tôi hướng ý nghĩ về` Ngài...

Cách bày tỏ lòng biết ơn này khiến người ta nhớ lại kiểu sùng bái cá nhân phổ biến thời Stalin. Ví dụ, trong những năm 1940 và 1950, các bài báo ca ngợi việc xây dựng một sân vận động mới sẽ viết: “Các vận động viên luôn nhớ ơn đồng chí Stalin”. Nhìn chung, Stalin được tuyên truyền là bạn tốt nhất của mọi người, từ trẻ em cho đến những người lính biên phòng. Điều đó cũng diễn ra tương tự với Abramovich ở Trường Số 232. Thậm chí trường này còn có kế hoạch xây dựng một bảo tàng để ghi nhận thành tích của các học trò cũ, trong đó Abramovich chắc chắn sẽ được dành một góc riêng đặc biệt lớn.

Sự thể hiện tình cảm của chính Abramovich cũng nồng nhiệt và thái quá không kém. Ngày 13 tháng 2 năm 2001, từ khu tự trị Cộng hòa Chukotka xa xôi, ngài Tỉnh trưởng gửi một bức điện cho bà hiệu trưởng Trường Số 232:

Cô Ludmilla thân mến,

Dịp kỷ niệm 50 năm thành lập trường là cơ hội để tôi được bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với sự dạy dỗ và những kiến thức mà chúng tôi, các học sinh của trường, nhận được. Dù số phận đưa chúng tôi đi đến đâu, tất cả chúng tôi vẫn luôn nhớ về trường, nơi không chỉ là những dãy nhà mà thực sự là nơi kiến tạo nên móng cho tương lai, nơi mà chúng tôi đã nhận được những kinh nghiệm và kiến thức đầu đời.

Trân trọng kính chào,

Roman Abramovich

Tuy nhiên, tình cảm yêu thương giữa Abramovich và Trường Số 232 lại trái ngược hoàn toàn với mối quan hệ của ông với trường cũ ở Ukhta. Cô phó hiệu trưởng Irina Alioshina của Trường Số 2 cay đắng chia sẻ: “Chúng tôi đã đề nghị Roman Abramovich giúp đỡ

nhưng ông ấy phớt lờ. Ông ấy cũng chẳng gửi một dòng rúp lẻ nào”.

Những thông tin thu nhận được cho thấy Abramovich là một học sinh siêng năng hơn là sáng tạo. Cậu không nhận được một giải nào ở trường và ngay cả cô Rostova cũng mô tả cậu là “một học sinh trung bình”. Thậm chí đến bà hiệu trưởng, người hâm mộ số một của Abramovich, cũng thừa nhận rằng cậu bé không có năng khiếu và phát triển học thuật hàn lâm. Tuy nhiên, cậu đã thể hiện những dấu hiệu cho thấy khả năng thích ứng nhanh với cuộc sống hiện đại. Đây chính là đặc điểm tính cách sau này đã giúp Abramovich vượt xa những người bạn học giỏi hơn mình. Ví dụ, nếu không làm bài tập về nhà thì cậu bé lại vận dụng khả năng tư duy nhanh nhạy để đưa ra những phán đoán chính xác và trả lời rất thuyết phục các câu hỏi của giáo viên. Ngoài thời gian học tập, cậu thường tham gia các chuyến dã ngoại của trường đến các thành phố như Brest, St Petersburg (sau đổi tên thành Leningrad) và Pskov. Trong những chuyến đi này, mọi người đều rất ấn tượng với sự hiểu kỳ và lòng khao khát hiểu biết của Abramovich.

Abramovich rời trường học năm 1983 sau 9 năm học tập chăm chỉ và giành được tình cảm tốt đẹp từ bạn bè. Rostova tin tưởng vào tiềm năng của cậu: “Tôi biết Roman có tài hơn những người khác”, bà nói, “và tôi có thể kể cho anh rằng cậu bé đã chuẩn bị tinh thần cho một sự nghiệp lớn ngay từ ngày cậu ấy đến Trường Số 232 này. Người vợ đầu của Roman cũng có nhận xét tương tự trong một cuộc phỏng vấn. Đó có lẽ là điều đúng đắn duy nhất mà cô ấy từng nói.” Mọi việc diễn ra đúng như vậy, Abramovich sau đó chỉ mất vài năm để xây dựng cho mình một “sự nghiệp lớn”.

Chương 2. Trưởng thành

Khi Abramovich bắt đầu quá trình phát triển sự nghiệp, vùng đất Nga rất khác với đất nước mà chúng ta biết đến ngày hôm nay. Năm 1983, Nga vẫn là một phần của Liên Xô. Lãnh đạo Liên Xô lúc đó là Yuri Andropov, một cựu lãnh đạo KGB 68 tuổi ủng hộ mạnh mẽ việc áp dụng lý tưởng cộng sản trong giải quyết những thách thức của một thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Doanh nghiệp tư nhân vẫn bị coi là bất hợp pháp. Trong môi trường như thế, một mảnh bằ ng đại học chính là một trong những tấ m hộ chiế u để tiế n thân. Tuy nhiên, mặc dù chàng thanh niên 17 tuổi Abramovich rất muố n học đại học, nhưng sự cạnh tranh khố c liệt và thành tích học hành không có gì nổi bật thời phổ thông đã không giúp được gì cho anh. Bên cạnh đó, nguồ n gồ c Do Thái cũng là yế u tồ làm vấ n đề trở nên khó khăn hơn.

Sự nghi ngại của người Nga đố i với người dân tộc thiểu số Do Thái, chiế m khoảng 2% dân số, có từ thời Nga hoàng hoặc thậm chí lâu hơn, khi Giáo hội Chính thố ng Nga còn đang cai trị. Stalin lên án người Do Thái là “những kẻ ăn bám vấ t vương” và khuyế n nghị họ đế n sinh số ng tại vùng đấ t dành riêng cho người Do Thái Nga ở khu vực Birobidzhan, phía đông Siberia. Khu vực này được xây dựng năm 1934 để người Do Thái Nga giảm bớt sự quan tâm đế n Palestine. Dù là một vùng đấ t hế t sức khắ c nghiệt nhưng nhiề u người Do Thái thích được số ng ở nơi mà họ có thể tự do thể hiện bản sắ c văn hóa của mình.

Vào thời điểm mà Abramovich đang tìm kiế m một suấ t ở trường đại học, người Do Thái vẫn bị coi là không đáng tin cậy về tư tưởng và không đủ lòng yêu nước để được tuyển vào một số trường, trong đó có Học viện Quan hệ Quố c tể và Đại học Ngoại ngữ. Tuy nhiên,

những chuyên ngành không liên quan nhiều đến ý thức hệ như y học và các ngành khoa học khác không khắt khe đến thế. Thực tế này, cùng với mong muốn tìm cơ hội làm giàu, có thể là những yếu tố khiến Abramovich quyết định theo học chuyên ngành kỹ thuật cầu đường.

Rất tiếc, chúng tôi đã không tìm hiểu được nhiều về sự phát triển nghề nghiệp của Abramovich trong giai đoạn này. Thông tin về những gì xảy ra tiếp theo do chính Abramovich, người nhà của ông và phát ngôn viên của ông cung cấp lại rất khác nhau. Trang lý lịch văn tắt trên website của chính quyền Chukotka, nơi Abramovich là Tỉnh trưởng, cho biết ông nhập học tại Học viện Công nghiệp Ukhta sau khi rời trường trung học năm 1983. Đến giữa những năm 1980, ông bác Leib của Abramovich lại kể với hàng xóm ở Ukhta rằng cậu cháu trai đã chuyển từ Học viện Ukhta tới Học viện Dầu khí Gubkin nổi tiếng ở Moscow. Tháng 7 năm 2003, phát ngôn viên John Mann của Abramovich trả lời một phóng viên tạp chí Panorama của Ý: “Tôi tin rằng ông ấy đã học ở cả hai nơi (các học viện Gubkin và Ukhta) mà không có được tấm bằng nào”.

Có vẻ như ông bác Leib của Abramovich nhận được thông tin từ ai đó chứ không phải là từ cháu trai của mình. Theo những chứng cứ tìm được thì trình tự diễn biến giống như những thông tin mà Abramovich cung cấp. Vì không tìm được một chỗ học ở Gubkin (một phát ngôn viên của Học viện này khẳng định “Abramovich chưa bao giờ đặt chân đến đây”), Abramovich chắc chắn đã quyết định trở lại Ukhta để học ở trường đại học mà thời đó gọi là Học viện Công nghiệp Ukhta. Quan điểm này nhận được sự ủng hộ của Dmitri Sakovich, người bạn thời thơ ấu của Abramovich và người thỉnh thoảng vẫn gặp Abramovich ở Ukhta. Một luận điểm không thể nghi ngờ là đến khoảng năm thứ hai, Abramovich rời trường học và cuộc sống của anh có một bước chuyển quan trọng. Vào năm 18 tuổi,

Abramovich được gọi nhập ngũ. Việc thực hiện nghĩa vụ quân sự trong quân đội Nga (khi đó là Hồng quân) rất khắc nghiệt, nếu không nói là không thể chịu đựng được, đến mức người ta tìm mọi cách để trốn tránh bất cứ khi nào có thể. Các sinh viên theo học các học viện thanh thiếu niên, như Đại học Moscow được phép hoãn nghĩa vụ hai năm này. Tuy nhiên, một suất ở học viện Ukhta thì không đem lại đặc quyền đó. Và trong khi con cái của nhiều gia đình thuộc tầng lớp tinh hoa của Nga thoát khỏi thử thách nghĩa vụ quân sự bằng cách nhờ họ hàng hối lộ cho quan chức hữu quan thì gia đình của Abramovich không có nguồn lực cũng như các mối quan hệ cần thiết để làm việc đó. Đầu năm 1985, anh được cử đến Kirzach, một thành phố cách Moscow khoảng 80km về phía đông bắc, và phục vụ trong một đơn vị pháo binh.

Nếu cuộc sống với các bác Leib và Abram đã cho Abramovich nên tảng kiến thức về thương mại thì thời gian đi lính đã biến Abramovich thành một người đàn ông thực thụ. Trong quân đội, tình trạng “ma cũ bắt nạt ma mới” phổ biến đến mức người ta đặt một từ riêng để gọi nó là dedovshchina. Binh lính năm cuối được gọi là dedy – nghĩa đen là “đại ca”, còn binh lính năm thứ nhất thì được gọi là salagy, tên một loại cá nhỏ, có nghĩa là “bọn chíp hôi”. Các dedy coi việc của họ là phải bóc lột các salagy tàn khốc y như họ đã bị đối xử năm trước đó. Các tân binh được khuyến cáo về việc đó ngay từ khi họ bước chân vào doanh trại. Họ bị lục soát hết tiền bạc. Với những gói quà do người nhà chuyển vào, họ buộc phải mở ra trước mặt mọi người và chia sẻ tất cả những gì nhận được.

Ngày tháng trôi qua, Abramovich ngày càng hiểu rằng nhiệm vụ của anh, một trong những salagy, là phải làm cho cuộc sống của các dedy trở nên dễ chịu hơn. Ví dụ, nếu một người lính đã thực hiện nghĩa vụ đến năm thứ hai được giao ca trực 10 tiếng đồng hồ với nhiệm vụ bảo vệ một kho đạn hoặc gác cổng trung đoàn, anh ta sẽ

chuyên việc đó cho một trong số những người lính nghĩa vụ năm thứ nhất. Đến bữa ăn, các salagy thường bị đói vì khẩu phần ăn lớn nhất và ngon nhất lúc nào cũng được để dành cho các dedy. Nhưng nhiệm vụ khó chịu, nhục nhã và xúc phạm nhất là việc cọ rửa nhà xí. Các nhà xí đó chỉ là những cái hố lộ thiên, quây quanh là đất nung với hai kệ để chân xếp hình chữ V. “Chúng tôi không có găng tay cao su, chỉ dùng tay không, một miếng giẻ và một ít bột chlorine”, Dmitri Sakovich kể lại, “Chúng tôi dùng một con dao để cạo bỏ những vệt phân bị cáu kết lại”.

Những khó khăn thiếu thốn của Quân đội càng trở nên trầm trọng hơn do tình trạng ngược đãi có hệ thống. Người ta bày trò xây dựng hình ảnh một “người lính can trường”. Bất kỳ ai biểu lộ sự yếu đuối sẽ bị chế giễu không thương tiếc. Không chỉ bị nhục mạ bằng lời nói, họ còn có thể bị đánh đập. Những đòn đánh đập này thường được thực hiện khá chính xác nhằm tránh để lại các vết thâm tím rõ rệt. Người ta sẽ không đánh vào mặt mà đánh vào những nơi khó nhìn hơn, trong đó có vùng thận. Sakovich kể lại:

Người Moscow bị căm ghét nhất vì họ bị coi là nhu nhược và ủy mị. Người từ vùng Caucasus không được ưa thích bởi họ thường đến từ các ngôi làng trên núi và thiếu giáo dục. Các trí thức bị coi thường bởi vì trong quân đội thì bạn phải là một “đại trượng phu”. Bạn phải thể thao rất nhiều (một việc rất khó đối với người Moscow), phải khỏe về thể lực và phải quyết đoán. Bạn không được nói: “Anh vui lòng làm giúp tôi việc này nhé” mà phải nói: “Làm đi!” Đó là luật rừng. Kẻ mạnh sẽ chiến thắng.

Ngay cả việc bố trí ăn ở cũng ảnh hưởng đến tinh thần của binh sĩ. Ở một số đơn vị, lính nghĩa vụ bị tống vào những phòng ngủ kê hàng loạt những chiếc giường đôi chứa đến 150 lính. Trang thiết bị vệ sinh chỉ gồm những thứ cơ bản: một vòi hoa sen gồm một ống nước với những cái lỗ thỉnh thoảng lại chảy ra những dòng nước nhỏ.

Mùi hôi hám của cái ghét và mô` hôi lúc nào cũng quanh quấ` t trong phòng.

Edil Aitnazarov cùng đi lính nghĩa vụ với Abramovich ở Kirzach trong gâ`n 2 năm. Abramovich chính là người được lệnh chỉ phòng ăn cho Aitnazarov khi anh này vừa từ Moscow đê`n lúc 2 giờ sáng, mệt mỏi và đói khát, để bắ`t đầ`u thời gian thực hiện nghĩa vụ của mình. Aitnazarov còn nhớ “Romka” là người rắ`t hòa đồ`ng, nhạy cảm và “không bao giờ xung khắ`c với những người lính đi nghĩa vụ trước và cả những tân binh khi chính cậu á`y đã trở thành người có thâm niên lâu hơn”. Trở thành bạn bè ngay từ cuộc gặp đó, mô`i quan hệ giữa Aitnazarov và Abramovich ngày càng trở nên gắ`n bó. Tiế`ng Nga của Aitnazarov, do xuấ`t thân từ một ngôi làng nhỏ ở Kyrgyzstan, còn rắ`t nghèo nàn và chính Abramovich đã dành thời gian giúp anh cải thiện các kỹ năng ngôn ngữ.

Abramovich rắ`t chú ý giữ sức khỏe, tích cực chơi thể thao, không uô`ng rượu và không hút thuô`c. Cậu á`y tỏ ra trân trọng từng phút giây của cuộc số`ng. Cậu á`y tổ chức được một đội bóng đá và một nhóm các nghệ sĩ nghiệp dư. Cậu á`y có khả năng tổ chức tuyệt vời. Cậu á`y thậm chí còn tổ chức các chuyế`n du ngoạn với số` lượng đông để hái nắ`m. Lầ`n đầ`u tiên chúng tôi vào rừng để hái nắ`m, tôi rắ`t ngạc nhiên. Chưa bao giờ tôi thắ`y có nhiề`u nắ`m như thế` trong đời và chưa bao giờ ăn chúng cả. Roman mang một cái vạc từ bắ`p đê`n và nắ`u món nắ`m như một đầ`u bắ`p thực thụ. Buồ`n cười nhắ`t là không có thìa và cũng chẳng có đĩa để ăn. Tuy nhiên, với Roman thì điề`u đó chẳng hê` gì. Chúng tôi đã ăn hế`t món nắ`m bắ`ng những chiế`c cờ-lê!

Aitnazarov đã không còn gặp Abramovich từ ngày 18 tháng 10 năm 1986, khi viên sĩ quan chỉ huy gọi riêng Aitnazarov và thông báo rằ`ng anh sẽ được về` nhà sớm hai tháng. Sau một hồ`i lưỡng lự, ông ta cho anh biế`t lý do: mẹ anh đã qua đời. Aitnazarov vẫn luôn nhớ

những gì mà Abramovich đã làm cho anh lúc đó. Người bạn này không chỉ cho Aitnazarov tất cả số tiền của mình mà còn kêu gọi các đồng đội khác trong đơn vị quyên góp thêm. Mặc dù có năng lực sáng tạo rất tốt nhưng Binh nhì Abramovich không thể trở thành trung sĩ mà chỉ kết được thêm nhiều bạn bè. Dmitri Sakovich cho rằng chính khả năng lôi cuốn cá nhân đã giúp Abramovich trụ được qua giai đoạn nghĩa vụ quân sự khắt nghiệt này. Tuy nhiên, có lẽ chính giai đoạn này lại là thời kỳ quan trọng xây dựng nên tính cách của Abramovich. Kinh nghiệm thời kỳ này không chỉ giúp anh mạnh mẽ hơn vì buộc phải đối đầu và vượt qua nhiều khó khăn, mà còn giúp anh biết cách sống hòa đồng hơn và tự lập hơn. Đối với Sakovich, anh không thu được nhiều kinh nghiệm từ giai đoạn này nhưng lại bị ám ảnh trong nhiều năm sau đó:

Trong 3 đến 4 năm sau khi bị gọi nhập ngũ, tôi đã liên tục gặp ác mộng rằng mình lại bị gọi nhập ngũ lần nữa. Cảnh diễn ra ở trung tâm tuyển quân liên tục tái diễn trong các giấc mơ của tôi. Người ta bảo tôi đến nhận nhiệm vụ. Tôi cố gắng giải thích rằng đây là lần thứ hai tôi bị gọi nhập ngũ, nhưng họ nói tôi vẫn phải đi bởi họ đang thiếu người. Có lần, tôi thậm chí còn mơ bị gọi đến lần thứ ba và họ kiên quyết bắt tôi tòng quân. Khi tỉnh giấc, tôi liên tục phào nhẹ nhõm.

Tuy nhiên, cả Abramovich và Sakovich đều có thể tự an ủi rằng họ đi lính thời kỳ đó là tốt nhất. Họ đã may mắn khi không tham gia quân đội đúng vào hai cuộc xung đột lớn của nước Nga cuối thế kỷ XX: ở Afghanistan (các lực lượng Liên Xô quyết định rút quân vào năm 1985) và tại Chechnya (cuộc chiến tranh Chechnya đầu tiên bắt đầu tháng 12 năm 1994).

Tuy nhiên, khi Abramovich đang rèn luyện trong quân đội thì bức tranh chính trị của Nga đã thay đổi đến mức không còn nhận ra. Sau khi Andropov chết, Konstantin Chernenko, một nhân vật thủ cựu

khác, lên năm quyề`n. Khi Abramovich giải ngũ thì Chernenko cũng qua đời khi còn đang tại nhiệm. Quyề`n điề`u hành đấ`t nước lúc này được giao cho một nhà cải cách cá`p tiế`n là Mikhail Gorbachev. Hai sáng kiế`n táo bạo nhấ`t của Gorbachev là glasnost (mở cửa) và perestroika (cải tổ) đang làm thay đổi cả xã hội và nề`n kinh tế` Nga. Các doanh nghiệp tư nhân, một thời bị coi là bất hợp pháp, nay mọc lên như nấ`m khắ`p nơi, nhấ`t là các doanh nghiệp nhỏ. Nhiề`u sinh viên vì sợ lỡ má`t cơ hội vàng này đã bỏ học để tìm cho mình một chỗ đứng trong thế` giới mới lung linh đó. Có một người đã thử và thấ`t bại. Đó là Sergei Lagoda, người bạn hàng xóm cũ của Abramovich ở Ukhta.

Điểm đáng ngạc nhiên là, mặc dù sau này rấ`t táo bạo và rõ ràng là có khả năng, nhưng ban đầ`u Abramovich đã cố` gắ`ng chố`ng lại sức cám dỗ của ý định bỏ học để lao vào kiế`m tiế`n. Sau khi anh phục viên cuô`i năm 1986, người ta bắt gặp anh tại các buổi khiêu vũ của học viện Ukhta và tiệm rượu Trojan, địa điểm tụ họp thời thượng ở Ukhta khi đó, nơi khởi nghiệp của Stalker, một trong những ban nhạc được ưa chuộng nhấ`t ở Nga hiện nay. Nhưng cuộc số`ng trong quân đội đã không làm má`t đi tính kỷ luật của Abramovich. “Cậu á`y không bao giờ bị bắt gặp uố`ng rượu”, Sakovich nói, “Cậu á`y luôn giữ mình trong giới hạn. Tôi chưa bao giờ thấ`y cậu á`y uố`ng rượu hay hành xử bạo lực. Tôi chắ`c là cậu á`y có nhiề`u bạn gái vì đó là một thanh niên trẻ rấ`t điển trai.”

Thực ra, Abramovich quay trở lại Ukhta chỉ để xác nhận Vika Zaborovskaya, nữ sinh viên học viện mà anh từng gặp gỡ trước khi đi lính, đã kế`t hôn với một người khác. Tuy nhiên, chỉ vài tháng sau đó, vào mùa hè năm 1987, Abramovich gặp được người phụ nữ sẽ trở thành người vợ đầ`u tiên của anh. Olga Lysova là một phụ nữ tóc vàng há`p dẫn đế`n từ Astrakhan và đang theo học ngành địa chấ`t học ở Học viện Ukhta. Ở tuổi 23, Olga không chỉ lớn hơn Abramovich

3 tuổi mà còn đang nuôi một cô con gái nhỏ từ cuộc hôn nhân trước. Có thể Abramovich không biết điều này khi anh thấy cô trong một bữa tiệc ở tiệm rượu. Theo trí nhớ của Olga, vì rụt rè, Abramovich đã nhờ một người bạn giúp anh mời cô nhảy. Cô từng kể lại với phóng viên tờ Tin tức Thế giới như sau:

Tôi nhận lời và ngay lập tức cảm thấy rất ấn tượng. Roman là người đàn ông đẹp trai, cặp mắt xanh sắc sảo và cách ăn mặc thì không chê vào đâu được. Anh ấy luôn mặc comple, ngay cả khi ở nhà. Chúng tôi khiêu vũ theo nhạc pop của một bài hát Nga chậm rãi. Anh ấy nhảy thật tuyệt, tôi chỉ cần thả lỏng mình trong vòng tay của anh ấy và anh ấy dẫn tôi trên sàn với những bước nhảy vô cùng uyển chuyển. Chúng tôi trò chuyện không ngừng. Anh ấy có vẻ nghiêm túc và chín chắn hơn so với tuổi. Chúng tôi cùng nhau rời tiệm rượu và ngồi bên nhau cả đêm, ôm hôn nhau và trò chuyện. Tôi kể với anh ấy rằng tôi đã từng kết hôn và có một con gái 3 tuổi tên là Anastasia. Anh ấy trả lời rằng anh ấy yêu trẻ con và con gái tôi không là vấn đề gì với anh ấy. Tôi càng cảm kích bởi sự chín chắn đó của anh ấy”.

Không lâu sau, Abramovich lần đầu tiên mời Olga đến căn hộ của mình ở Moscow. Thế rồi chỉ 2 tháng sau đó, trên ban công của căn hộ, anh cầu hôn cô. Ban đầu Olga nghĩ anh đùa giỡn và trả lời rằng cô sẽ suy nghĩ về điều đó. Tuy nhiên, ngay cả vào lúc này, Abramovich cũng thể hiện đặc tính khác người. Hai hoặc ba ngày sau, khi Olga trở về Ukhta, anh đi theo để gặp mẹ Olga và xin phép được cưới cô. Olga nhớ lại:

Anh ấy xuất hiện trong bộ comple như thường lệ, tay cầm một bó hoa lớn và một chai “sâm-panh” Liên Xô. Anh ấy đã chứng tỏ với tôi rằng anh ấy nghiêm túc, và tôi trả lời “Vâng”. Tôi nhận thấy anh ấy là người quyết đoán, không cho phép điều gì cản trở mình. Tôi hỏi liệu anh ấy có muốn tôi theo họ của anh ấy sau đám cưới

không, bởi vì ở Nga, bạn không nhất thiết phải làm vậy. Anh ấy âu yếm ôm tôi và thì thầm, “Em yêu, đó hoàn toàn là do em quyết định”. Tôi suy nghĩ, nhưng trước khi tôi có cơ hội trả lời, anh ấy nói thêm: “ Dĩ nhiên là nếu em không lấy họ của anh, thì anh sẽ không cưới em đâu!”. Thế là tôi nghe lời. Đó là Roman: một quả đấm sắt bên trong chiếc găng tay bọc nhung.

Hai người tổ chức một đám cưới kín đáo, chỉ khoảng 15 người thân và bạn bè tham dự, vào tháng 12 năm 1987 tại Phòng Đăng ký kết hôn Dzerzhinski ở Moscow. Họ về sống trong căn hộ 18m2 nhỏ xíu mà người bà quá cố của Abramovich để lại. Đến lúc này, Abramovich đã mệt mỏi với cuộc sống của một sinh viên cậu đường ở Học viện Ukhta. Từ lâu anh đã kiếm được tiền từ việc buôn hàng xa xỉ ở Moscow, chuyển qua đường hàng không và bán lại ở Ukhta. Anh thích các thủ thuật gói ghém vào hành lý của mình các loại thuốc lá, nước hoa, quần jean hàng hiệu và sô-cô-la và đem bán cho bạn bè, nhưng trái tim của anh thực sự nằm ở Moscow. Cuối cùng, anh đã được trở lại thủ đô khi chuyển tới Học viện Giao thông Vận tải Moscow. Có lẽ bước chuyển này cho thấy Abramovich có một niềm đam mê đặc biệt với xe hơi, một sở thích mà ông duy trì cho đến tận ngày nay. Trong 2 năm nghĩa vụ quân sự, Abramovich, người mà theo Aitnazarov xứng đáng được gọi là “điều vận viên”, rất quan tâm đến các thợ máy và các lái xe trong đơn vị. Người ta thường nhìn thấy anh quanh quẩn trong công xưởng giúp họ sửa chữa xe cộ. Abramovich hiện có trong tay một bộ sưu tập ấn tượng những siêu xe đặc chủng với tốc độ cao, trong đó có một chiếc Bentley và một chiếc Ferrari.

Khi trở lại Moscow, cuộc sống sinh viên nhanh chóng đòi hỏi Abramovich phải kiếm tiền một cách nghiêm túc hơn. Khi Gorbachev gỡ bỏ lệnh cấm doanh nghiệp tư nhân, Abramovich mở một công ty sản xuất bút bê có tên là Uyut (tiếng Nga có nghĩa là

“dịu êm”). Công việc kinh doanh phát đạt và chẳng lâu sau hai vợ chồng đã có thể kiếm được 3 nghìn đến 4 nghìn rúp mỗi tháng, gấp 20 lần mức lương trung bình của một công chức nhà nước thời đó. Họ thậm chí còn mua được một chiếc Lada, chiếc xe không lâu sau đã bị hỏng vì “va đập vào mọi thứ”, Olga cho biết. Nhưng thời gian Abramovich dành cho công việc kinh doanh mới đã khiến cuộc hôn nhân của họ trở nên căng thẳng. Họ đã ly hôn sau 2 năm. “Cuối cuộc hôn nhân, chúng tôi cả ngày hầu như không nói với nhau một câu”, Olga nói. “Anh ấy dậy sớm đi làm và về nhà sau nửa đêm. Tôi tin anh ấy là người tham công tiếc việc. Có vẻ như anh ấy đam mê công việc hơn tôi và con gái Anastasia.”

Điều kỳ lạ là mặc dù họ chia tay khi con gái của Olga đã 6 tuổi, nhưng phải đến khi 16 tuổi Anastasia mới biết Abramovich không phải là cha đẻ của mình. Những ảo tưởng cuối cùng của cô bé về tình phụ tử với Abramovich đã sụp đổ 3 năm sau đó, khi cô gọi điện đến công ty dầu lửa Sibneft tìm Abramovich và được thư ký của anh trả lời rằng vì quá bận nên anh không thể gặp hoặc trả lời cô bé được. Olga luôn từ chối kể về vụ ly hôn của họ với cô con gái nhưng Anastasia tin Abramovich là một tình yêu lớn của cuộc đời Olga. “Tôi còn nhớ họ cãi nhau rất to và Roman bỏ đi. Tôi vẫn nghĩ ông ấy sẽ quay lại nhưng ông ấy đã không bao giờ làm thế.” Olga sau đó đã kết hôn lần thứ ba, với Stefan Stefanovic, một nghệ sĩ piano trong nhóm nhạc hát bè cho Abraham Russo, ngôi sao nhạc pop hàng đầu của Nga.

Người thân của Olga cho rằng cuộc hôn nhân của hai người kết thúc do Olga không thể sinh thêm con. Mặc dù Olga không quy tội phản bội cho Abramovich, nhưng quả thực anh đã thay đổi tình cảm nhanh chóng, dành sự chăm sóc cho Irina Malandina, một tiếp viên hàng không của hãng Aeroflot. Dưới thời cộng sản, công việc của một tiếp viên hàng không đường bay quốc tế không hề bị nhạo báng

là “trolley dolly” (búp bê đẩy xe) như cách gọi rất phổ biến ở phương Tây. Công việc này được coi là một nghề có nhiều đặc quyền đặc lợi: các tiếp viên hàng không đường bay quốc tế có điều kiện rất thuận lợi để tiếp cận các loại hàng hóa phương Tây vốn khan hiếm ở Nga. Malandina xin được công việc này nhờ một người cô cũng là tiếp viên trên các chuyến bay được các quan chức chính phủ và các chính trị gia thường xuyên sử dụng. Ảnh hưởng của người cô này đã giúp Malandina tránh được thời gian tập sự chán ngắt trên các chuyến bay nội địa và đi thẳng lên các tuyến bay quốc tế. Một đồng nghiệp của Malandina, Larissa Kurbatova, tiếp viên Ga Hành khách số 2 của sân bay Sheremetyeva tại Moscow, còn nhớ rất rõ: “Khi Irina đến làm việc ở Aeroflot, cô ấy vẫn còn dáng vẻ của một cô bé: non choẹt, mảnh khảnh và nhợt nhạt. Mặc dù đã 23 tuổi nhưng cô ấy trông như mới 17”. Kurbatova nhận thấy Malandina là “một người đẹp” nhưng tình quái bình luận thêm: “Thực ra thì đôi chân đã làm giảm sắc của cô ấy, chúng hơi mập và ngắn. Các ngón tay của cô ấy cũng ngắn và mập mạp”. Hai người phụ nữ trẻ kết bạn và trong một buổi trò chuyện, Malandina tâm sự rằng cô đã lớn lên mà không có cha và chia sẻ: “Con cái mình sẽ không bao giờ phải chịu như vậy. Mình sẽ làm mọi việc để đảm bảo chúng lớn lên trong một gia đình sung túc và thành công.” Kurbatova kể tiếp: “Nghe vậy tôi hỏi cô ấy, ‘Thế còn tình yêu?’ Cô ấy không trả lời.”

Có vẻ như việc biến những hành khách giàu có thành bạn trai là mối quan tâm của nhiều nữ tiếp viên. Theo đuổi mục tiêu này, Kurbatova khuyên người bạn trẻ tìm cơ hội thơ thẩn ở khoang thương gia, mỉm cười với họ và thu thập danh thiếp. Ban đầu Malandina không thành công. Có lẽ vì cô còn hơi nhút nhát. Dù vậy, chẳng bao lâu sau cô đã trở nên quyết đoán hơn. Việc dạy dỗ Malandina cuối cùng đã làm hại chính Kurbatova. Lúc đó, người phụ nữ lớn tuổi hơn này đang ly thân và một mình nuôi con nhỏ. Cô đã tìm được một đám

khá tốt, anh chàng có tên là Misha Melnikov, là một trong số các huấn luyện viên. Anh là con trai của một phi công giỏi và vì vậy được coi là một “con mèo ngon”. “Tôi kể với Ira về anh ấy”, Kurbatova nhớ lại, “nhưng tôi không bao giờ nghĩ được rằng cô ấy có thể âm mưu làm điều đó”. Một thời gian ngắn sau, một tiếp viên khác thông báo cho Kurbatova rằng Malandina trẻ trung, ngây thơ đã cướp mất người yêu của cô. “Cô ấy kể rằng cô ấy thấy Ira gặp Misha ở bên xe buýt trong máy ngày liền. Vì họ chưa quen biết nhau nên Ira rẽ qua đám đông và ngã vào người Misha, giả vờ như tình cờ vậy.” Thủ thuật này không có gì độc đáo nhưng đã có tác dụng. Hai người nhanh chóng cặp đôi với nhau. Kurbatova cho biết, khi cô chắt vãn Malandina về việc đánh cắp bạn trai của mình thì Malandina trả lời rằng Misha sẽ không bao giờ cưới cô vì cô có một đứa con: “Tôi nhận ra mình đã nhầm rằng cô ấy là một cô gái khiêm tốn, đáng yêu. Nhưng rồi Ira cũng không may mắn. Misha lại bỏ rơi cô ấy.”

Rõ ràng Kurbatova không phải người có thể đánh giá một cách khách quan về những gì diễn ra sau đó. Cô nhận xét cay độc rằng Abramovich là một kẻ hám tiền, liêu lĩnh và rất không tinh tế trong việc trò chuyện với các tiếp viên. Mặc dù anh muốn đưa danh thiếp, nhưng rất ít cô gái tỏ ra thích thú. “Chúng tôi cười nhạo anh ta”, Kurbatova nói. “Cứ như anh ta bóc mùi kính khủng vậy. Một hôm anh ta đưa danh thiếp cho Ira. Ban đầu cô ấy không thích thú gì, nhưng một vài tháng sau, cô ấy đột nhiên thông báo rằng sẽ kết hôn”. Kurbatova kết luận có nhiều điều khác ngoài tình yêu đích thực. Có lẽ cô nhận xét rằng Malandina đã hạ hê “một cách thái quá” khi không còn phải lo để xem tháng này có bao nhiêu tiền lương.

Vì Abramovich từ chối trao đổi chuyện cá nhân, và cảm vợ mình làm như vậy, nên chúng tôi không biết nhiều về thời kỳ tìm hiểu

của họ. Tuy nhiên, chúng tôi biết rõ mối quan hệ của cặp đôi này phát triển và đến năm 1991, họ kết hôn. Một năm sau, Abramovich trở thành cha lớn đầu tiên khi cô con gái Anna ra đời.

Đến lúc này, bản năng kinh doanh của Abramovich đã rất sôi sục. Để cập đến giai đoạn này, sơ yếu lý lịch của ông trên website chính thức của tỉnh Chukotka chỉ đề cập đơn giản rằng ông trở thành một doanh nhân, thành lập công ty liên doanh Uyut và công ty ABK chuyên sản xuất hàng tiêu dùng quy mô nhỏ. Thế nhưng người ta cho rằng đầu thập kỷ 1990, Abramovich đã thành lập và đóng cửa không dưới 20 công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tân trang lốp xe và đào tạo vệ sĩ.

Việc sớm thử sức trong một thị trường tự do là một quá trình tập sự rất có giá trị đối với Abramovich. Khuynh hướng sẵn sàng chấp nhận rủi ro cùng với khả năng lôi cuốn cá nhân tài tình và khôn khéo đã bắt đầu tạo thuận lợi lớn cho Abramovich. Nhưng sự kiện tháng 8 năm 1991 mới chính là bước quyết định, không chỉ đối với sự nghiệp cá nhân của Abramovich mà còn đối với cả tương lai của nước Nga. Thời gian đó, một nhóm các nhà cộng sản theo đường lối cứng rắn tìm cách đảo ngược tiến trình cải cách tự do của Gorbachev, Tổng thống của Liên Xô khi đó, bằng cách phối hợp với một số thành phần trong Quân đội quản thúc Gorbachev tại quê nhà. Đồng thời, họ ra lệnh cho xe tăng và binh lính bao vây Nhà Trắng, trụ sở của nghị viện Nga. Những người âm mưu đảo chính đã không ngờ tới sự gan lì của một trong những chính trị gia hàng đầu của Nga, Boris Yeltsin. Yeltsin có vóc dáng cao to, vẻ mặt nhăn nheo do bị tàn phá bởi nhiều năm uống vodka như nước lã. Ông trưởng thành dưới thời cộng sản, nhưng không giống như nhiều apparatchik (thành viên của Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Nga) khác, ông ủng hộ các cuộc cải cách của Gorbachev. Người ta nói rằng, ông mặc dù không tinh thông về kinh tế nhưng lại có bản năng chính trị xuất

sắc không chịu thua kém ai. Ngày 19 tháng 8 năm đó, một lần nữa ông lại chứng tỏ bản năng này. Từ trên tháp pháo xe tăng bên ngoài Nhà Trắng, Yeltsin mặc một bộ comple màu nâu, bên trong là một chiếc áo chống đạn, đồng dạng hô vang các khẩu hiệu phản đối cuộc đảo chính. Trong vòng 48 giờ, những người cầm đầu vụ đảo chính phải bỏ chạy và 4 tháng sau thì Liên bang Xô Viết bị giải tán.

Khi Yeltsin lên nắm quyền, cải cách kinh tế được thúc đẩy. Các nhà lập pháp không theo kịp những chuyển biến mau lẹ của tình hình trong khi các doanh nghiệp năng động lại đứng trước rất nhiều cơ hội. Abramovich là một trong số những người đầu tiên nhanh chóng nhận ra tiềm năng của hoạt động kinh doanh dầu lửa. Trong hệ thống Xô Viết cũ, dầu mỏ khai thác trong nước được bán với giá thấp hơn giá thế giới nhiều lần và chính quyền Xô Viết đã kiếm được khá nhiều tiền nhờ bán dầu sản xuất trong nước ra thị trường thế giới. Khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ, các nhà đầu tư tư nhân có cơ hội tiếp cận khoản lợi nhuận trời cho này.

Chrystia Freeland, Phó tổng biên tập tờ Thời báo Tài chính, nguyên Giám đốc Văn phòng Moscow của tờ báo này từ 1995-1998, nhận xét:

Khi Liên Xô sụp đổ, một trong những vấn đề mà Yeltsin đã lơ là trong kiểm soát chính là lĩnh vực dầu lửa. Chính quyền mới đã phải mất một thời gian khá lâu mới hiểu được điều then chốt là không thể kiểm soát dầu lửa thông qua việc kiểm soát giấy phép xuất khẩu. Vì vậy, nếu bạn trở thành một thương gia trong thời kỳ đặc biệt đó thì quả là điều tuyệt vời. Bạn có thể kiếm được bội tiền.

Abramovich đã làm như vậy. Anh nhanh chóng hiểu rằng một giấy phép xuất khẩu dầu cũng không khác gì một giấy phép in tiền. Dầu lửa không chỉ là một trong những loại hàng hóa đòi hỏi đầu tư ở Nga mà còn là một trong những mặt hàng dễ giao dịch nhất

ở phương Tây. Vấn đề duy nhất là làm thế nào để đưa được dầu ra khỏi biên giới quốc gia. Cần phải có một giấy phép xuất khẩu. Các vấn đề trở nên phức tạp bởi các công chức dân sự với mức lương nghèo nàn cũng nhanh chóng nhận thức được sức mạnh quyền lực do những con dầu cao su của họ đem lại. Giấy phép xuất khẩu cũng trở thành một loại hàng hóa được buôn bán như chính dầu lửa. Nạn hối lộ vốn đã lan tràn trong bộ máy quan liêu của chính quyền Xô Viết, nay tiếp tục tồn tại dai dẳng ở nước Nga non trẻ sau khi chính quyền cũ đã sụp đổ. Không có chứng cứ cho thấy Abramovich đã hối lộ ai đó khi đang là một doanh nhân dầu lửa, tuy nhiên, sự thực là anh có quan hệ gần gũi với một số viên chức cấp cao trong cơ quan hải quan Nga, trong đó có Mikhail Vanin, người sau này trở thành Giám đốc Ủy ban Hải quan Nga.

Thứ mà Abramovich cần nhất lúc này là vốn đầu tư ban đầu cho các hoạt động kinh doanh. Trong gần như suốt cuộc đời kinh doanh của mình, Abramovich phải chịu những tin đồn không hay rằng để có vốn kinh doanh, anh đã tìm cách ăn cắp một lô dầu diesel đang được chuyên chở bằng tàu hỏa từ Ukhta, qua Moscow và đến Kalinigrad năm 1992. Câu chuyện này được tờ Nep+S, một tờ báo địa phương ở Ukhta kể lại chi tiết trong năm 1999. Tờ báo này cũng nhắc đến những tình tiết liên quan như bức điện giả, chứng mất trí nặng và sự can thiệp vào phút chót của một mệnh thường quân giá u mặt. Tờ báo thậm chí còn đưa ra mã số của vụ việc – 79067 – và nói rằng Abramovich đã bị bắt giam trong một sở cảnh sát vì những cáo buộc liên quan. Nhưng trong buổi gặp mặt tại Stamford Bridge, một trong những cấp phó cao nhất của Abramovich cho các tác giả biết: “Tôi có hỏi ông ấy về câu chuyện tàu hỏa. Tôi thấy làm vậy thật tội tệ nhưng tôi phải biết sự thật. Ông ấy nhẹ nhàng nhìn tôi và nói: ‘Điều đó chưa bao giờ xảy ra.’”

Chương 3. Trúng mánh

Khi Abramovich tiến đến chiếc thuyền buồm nơi bạn của anh, Pyotr Aven, đang tổ chức một bữa tiệc rượu, anh chắc hẳn đã nghĩ rằng mọi việc không thể tốt đẹp hơn. Mặt trời đang tỏa sáng, những cô gái xinh đẹp thơ thẩn đi dạo trong bộ bikini, những loại thức ăn và đồ uống hảo hạng nhất. Thế nhưng, bước ngoặt lớn trong đời Abramovich vẫn đang ở phía trước. Abramovich sắp được giới thiệu với một nhân vật quan trọng, người sau này làm xoay chuyển cuộc sống của anh, người có vai trò lớn nhất trong việc biến anh từ một triệu phú dầu lửa thành một tỷ phú tư bản công nghiệp sở hữu không chỉ một mà là ba chiếc thuyền buồm dài và xa hoa hơn cả chiếc thuyền mà Aven du ngoạn ngày hôm đó.

Aven là người rất đáng để kết làm bạn tốt. Anh là một trong số những “Nhà Cải Cách Trẻ”, nhóm những thanh niên cấp tiến có lối tư duy làm biến đổi cả nền kinh tế Nga. Anh tham gia vào khu vực kinh tế tư nhân với việc gia nhập nhóm Alfa, một tập đoàn độc quyền của trùm sỏ Mikhail Friedman, khi đó đã là một người đàn ông vô cùng giàu có và quan trọng hơn là dường như rất biết nhìn người.

Trong số khách mời có mặt trên chiếc thuyền buồm của Aven ngày hè năm 1995 đó có một người đàn ông dáng thấp đậm, đầu chóm hói và phất lên từ việc buôn bán xe hơi. Tên ông ta là Boris Berezovsky, người thầy xuất sắc của Abramovich sau này. Khi hai người gặp nhau, Abramovich mới khoảng 25 tuổi nhưng thực sự đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với Berezovsky, người lớn hơn anh đến 20 tuổi. Theo Giám đốc Đài phát thanh Tiếng vọng Moscow Alexei Venediktov, sau cuộc gặp đó, Berezovsky bảo với ông ta rằng Abramovich là “thanh niên tài năng nhất mà ông ấy từng biết”

(mặc dù trong một cuộc phỏng vấn vài năm sau khi bắt hòa với người mình đỡ đầu, Berezovsky cho biết, thực ra ông chỉ nói rằng trong số các doanh nhân mà ông từng gặp, Abramovich là người có khả năng giao tiếp trực tiếp tốt nhất). Venediktov nhớ lại:

Lúc đó, Abramovich đã được đánh giá là một nhà quản lý giỏi và Berezovsky cần anh ấy làm đối tác. Có lần tôi hỏi Berezovsky rằng Abramovich có tài năng gì và ông ấy trả lời rằng anh ta là một nhà tâm lý giỏi. Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận định đó, căn cứ vào việc anh ta đã thành công trong việc thuyết phục tôi quay về làm việc cho anh ấy. Anh ta rất hiểu người đối thoại của mình. Tôi từng quan sát anh ta giao tiếp với nhiều phóng viên khác nhau và với mỗi người anh ấy đều có cách tiếp cận riêng. Rõ ràng anh ta cũng tiếp cận các chính trị gia theo cách đó. Anh ta thể hiện phong cách của một anh chàng cục mịch, trò chuyện tự nhiên về điểm yếu của mình. Anh ta thường bắt đầu câu chuyện bằng câu: “Dĩ nhiên là anh sẽ không tin tôi” và điều này luôn có tác dụng.

Chrystia Freeland cũng nhận ra ở Abramovich khả năng tạo ấn tượng tốt đối với người đối thoại:

Về tính tình, mọi người đều cảm thấy Abramovich là một người dễ chịu, và chắc chắn trong cộng đồng các ông trùm đó, anh ấy là người được mọi người thương nhắc đến với sự yêu mến. Có lẽ anh ấy thường tỏ ra hòa nhã hơn những người khác. Xét về phong cách, anh ấy là người dễ hòa đồng. Đặc điểm tính cách đó không thể giải thích cho sự thành công trong kinh doanh của Abramovich bởi bản chất của các ông trùm là những “con ngoáo ộp đáng sợ”. Tuy nhiên, dù sao đó vẫn là những gì mà mọi người nói về anh ấy.

Abramovich cũng là người biết cách cư xử với các nhân viên chính quyền. Một viên chức trong điện Kremlin có quen biết với Abramovich sau khi Berezovsky bước chân vào chính phủ, còn nhớ

rã`ng Abramovich là người rấ t kiên nhẫn: “Berezovsky rấ t khiế m
nhã. Ông â y thường bắ t mọi người chờ đợi ở bên ngoài văn phòng
trong nhiề u giờ liề n, đôi khi còn quên cả các cuộc hẹn với họ nữa.
Nhưng Roman luôn ngồ i ngoài hành lang và không bao giờ phàn
nàn.”

Tính cách khiêm nhường của Abramovich phù hợp với vai trò một
đồ i tác cá p thấ p và sự nhạy cảm thông minh giúp anh nắ m bắ t
được tâm lý người khác. Tuy nhiên, chính sự thông hiểu về` kinh
doanh dầ u lửa mới là điề u thuyế t phục Berezovsky cho
Abramovich tham gia vào một trong những thương vụ há p dẫn nhấ t
khi Yeltsin đem bán rẻ các tài sản quố c gia khổng lồ` của Nga. Trong
nhiề u tháng liề n, Abramovich và Berezovsky cùng nỗ lực chuẩn bị
cho một vụ bỏ thầ u mà sau này trở thành một trong những giao dịch
hời nhấ t của quá trình tư nhân hóa trong những năm 1990. Trong
khi Berezovsky có mọi mớ i liên hệ chính trị câ n thiế t để thắ ng
thầ u thì Abramovich thể hiện sự tinh thông trong những lĩnh vực kỹ
thuật phức tạp nhấ t. Lúc này, anh đã là một doanh nhân dầ u lửa
dày dặn kinh nghiệm, thường xuyên giao dịch với nhà máy lọc dầ u
Omsk trong một khoảng thời gian dài.

Năm 1995, nước Nga lâm vào khủng hoảng. Năm trước đó, giá cô
phiế u lao đố c không phanh, lạm phát vượt kiểm soát còn ngân sách
quố c gia thâm hụt nặng nề`. Lúc này, tổng thố ng Yeltsin câ n khôi
phục niề m tin của công chúng vào Chính quyề n và phải gắ p rút
thành lập một ngân quỹ đặc biệt cho chiế n dịch tranh cử tới, nếu
không sự nghiệp của ông sẽ tiêu tan. Kiế n trúc sư của kế` hoạch cứu
vót Yeltsin, nhưng với cái giá ”cắ t cổ” cho người dân Nga, là một ông
chủ ngân hàng tên Vladimir Potanin.

Kế` hoạch của Potanin, ngày nay vẫn được nhắ c đế`n dưới tên gọi
“thương vụ cho vay tiề n để lấ y cổ phiế u” tỏ ra vô cùng táo bạo.
Ông đề` nghị một nhóm các ông trùm giàu có cho Chính phủ vay một

khoản tiền, đổi lại họ sẽ được quyền mua cổ phiếu trong các ngành công nghiệp trụ cột của nhà nước. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng sẽ từ bỏ một phần quyền quản lý và chuyển sang cho các chủ nợ. Vì khả năng Chính phủ có thể trả các khoản vay nợ là rất xa vời nên về lâu dài, thỏa thuận này gần như sẽ khiến các ngành kinh tế chủ lực của đất nước bị trao vào tay một nhóm các nhà đầu cơ với giá rẻ mạt. Trong một phiên họp kéo dài 4 giờ đồng hồ quanh chiếc bàn hình móng ngựa trong một phòng họp tại điện Kremlin ngày 30 tháng 3 năm 1995, Potanin, ngồi giữa hai ông chủ ngân hàng đã ký quyền lực khác là Mikhail Khodorkovsky và Aleksandr Smolensky, nêu ra đề xuất trước đông đủ các thành viên nội các Nga do Thủ tướng Viktor Chernomyrdin làm chủ tọa. Ông đề nghị nhóm cho Chính phủ vay 9,1 nghìn tỷ rúp (lúc đó tương đương 1,12 tỷ bảng Anh) để đổi lấy quyền mua cổ phần thiểu số và quyền quản lý 44 công ty thuộc sở hữu nhà nước, trong đó có Yokos (mục tiêu của Khodorkovsky) và Norilsk Nickel (mục tiêu của Potanin).

Dù sao, đây vẫn là một kế hoạch hấp dẫn đối với Chính phủ Nga vì một số lý do. Thứ nhất, Ủy ban Tài sản Nhà nước, được giao chỉ tiêu thu 8,7 nghìn tỷ rúp từ khu vực kinh tế tư nhân, đến lúc đó mới đạt 143 tỷ rúp. David Hoffman, tác giả cuốn Các ông trùm, Sự giàu có và Quyền lực ở nước Nga mới bình luận: “Các ông chủ ngân hàng đề xuất với Chính phủ một kế hoạch mà trong nháy mắt giới cầm quyền có thể thu được toàn bộ lợi tức của quá trình tư nhân hóa trong cả năm”. Potanin và các ông chủ ngân hàng khác cũng hứa hẹn một sự ủng hộ toàn diện về chính trị, tài chính và chiến lược cho chiến dịch tái tranh cử của Yeltsin và bảo đảm sự ủng hộ đối với bất cứ hoạt động nào nhằm gạt bỏ các thành phần cộng sản cũ. Thứ hai, kế hoạch này được thiết kế giống như việc đem cầm cố tài sản của nhà nước thay vì chuyển nhượng thẳng, và như vậy sẽ không gây phản ứng từ công chúng.

Freeland sau đó đưa ra bình luận trong cuốn *Vụ mua bán của Thế kỷ, cuộc chuyển mình của nước Nga từ chủ nghĩa cộng sản sang chủ nghĩa tư bản như sau:*

Thỏa thuận “tiền cho vay đổi lấy cổ phiếu” là thương vụ thao túng một quốc gia suy yếu một cách đau đớn đến nỗi nước Nga, ngay cả khi tiếp tục rơi vào khó khăn như thời điểm hiện tại (2004), vẫn đang phải tìm cách loại bỏ những ông trùm tham lam đã chủ mưu làm điếu tuôi tệ đó. Tuy nhiên, khi quan sát họ bày mưu tính kế và gạt hái lợi nhuận, tôi không ngừng tự hỏi những người Nga đó có gì khác với các doanh nhân lầy lùnh, các nhà sản xuất hàng điện tử, các nhà tài phiệt công nghệ và các chuyên gia tài chính mà xã hội chúng ta vẫn tung hô ca ngợi vì đã tạo ra một kỷ nguyên thịnh vượng chưa từng có... Vấn đề nằm ở chỗ nước Nga đã cho phép họ làm điếu tuôi đó.

Có một người quan trọng đã vắng mặt tại cuộc họp ngày 30 tháng 3, đó là Boris Berezovsky. Trong tất cả các ông trùm, Berezovsky là người có kinh nghiệm nhất. Phần lớn những người kiếm chác được nhiều từ bữa tiệc tư nhân hóa của Nga là những kẻ cơ hội may mắn “chộp” được thời cơ tốt nhất. Tuy nhiên, Berezovsky là một nhân vật hoàn toàn khác. Một phần vì lớn tuổi hơn và đã có hơn 20 năm làm việc trước khi chộp được tư tưởng tự do kinh doanh mới, Berezovsky là ông trùm ma mãnh và sùng sỏ hơn nhiều.

Trước khi bước vào kinh doanh, ông ta đã có gần 2 thập kỷ làm việc tại Viện Khoa học Đô thị chúng, nơi dễ dàng tiếp cận với các nhà toán học và nhà lý luận nổi tiếng bậc nhất nước Nga, những người kề cận với trọng trách xây dựng một thể hệ phần cứng mới cho kỷ nguyên công nghiệp, từ những hệ thống dẫn đường cho tên lửa xuyên lục địa đến các chương trình tự động hóa các dây chuyền lắp đặt. Berezovsky trưởng thành trong môi trường này, không chỉ như một nhà khoa học mà còn là một nhà tổ chức và kết nối hệ

thông. Ông ta thậm chí còn có tham vọng giành giải Nobel, nhưng công cuộc cải tổ đã cản trở việc đó.

Khi các cuộc cải cách thị trường của Gorbachev được định hình thì Berezovsky đã 40 tuổi, chưa từng được sở hữu một chiếc xe hơi và thực sự cũng không nhìn thấy khả năng có được một chiếc trong tương lai. Vì vậy, cải thiện tình cảnh đó trở thành mục tiêu chủ đạo trong cuộc đời ông. Nhưng giải pháp cho vấn đề chỉ là quyết định ông sở hữu một chiếc Lada cũ mèm, tả tơi và hỏng hóc liên tục. Chiếc xe vốn là của một người bạn cũ của Berezovsky, Leonid Boguslavsky. Trong thời gian làm việc ở Viện Khoa học, Berezovsky có mối quan hệ với nhà máy Avtovaz, nhà máy chuyên sản xuất xe Lada tại thành phố Togliatti bên bờ sông Volga. Ông đã thuyết phục được Boguslavsky cho cùng sở hữu chiếc xe nếu ông có thể đưa nó đi đại tu ở nhà máy Avtovaz.

Có được một chiếc xe luân phiên sử dụng với bạn, Berezovsky bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc đến việc tận dụng mối quan hệ với Avtovaz. Ông nhận ra rằng, cũng giống như ông, tất cả những người Nga thuộc tầng lớp trung lưu đều khao khát có một chiếc xe hơi. Chiến thuật ban đầu của ông có vẻ kỳ cục nhưng đầy sáng tạo. Ông tình nguyện làm tài xế cho một ủy viên ban quản trị Avtovaz có tên là Tikhonov khi ông này đến thăm Moscow. Khi đưa họ đi thăm quan thành phố, ông chú ý đến mọi thông tin mà các hành khách của ông trao đổi. Khi đã củng cố được mối quan hệ với ban quản trị cấp cao của Avtovaz, ông thành lập một công ty liên doanh với một công ty của Ý phát triển một dây chuyền lắp ráp ở Avtovaz. Cùng thời gian đó, Berezovsky cũng không bỏ qua các thương vụ làm ăn nhỏ lẻ. Ông ta sang Đức 10 lần, mỗi chuyến đi mua một chiếc Mercedes và lái về Nga để bán lại.

Cho đến đầu năm 1993, Berezovsky bắt đầu kiếm tiền thực sự. Mối nối với Kaddanikov, Giám đốc Avtovaz, ông mua được 35

ngàn chiếc Lada với những điều khoản vô cùng hào phóng. Theo thỏa thuận, ông sẽ phải thanh toán ngay 10% tổng số tiền phải trả theo thỏa thuận bằng tiền rúp, số còn lại sẽ phải trả sau đó 2 năm rưỡi. Trong một nền kinh tế bất ổn như ở Nga, nơi lạm phát cứ tăng vùn vụt ngoài vòng kiểm soát, thì một thỏa thuận như thế là thua thiệt lớn đối với Avtovaz. Quả thực như vậy, theo tính toán của Hoffman, khi đồng rúp rơi tự do thì giá trị của những chiếc xe hơi đó tính theo đô-la giảm từ 2.989 đô-la xuống chỉ còn 360 đô-la. Kết quả là Berezovsky đã lãi ròng 105 triệu đô-la. Berezovsky tiếp tục kiếm thêm được rất nhiều từ một kế hoạch hoang đường có tên gọi là AVVA bằng việc bán trái phiếu cho công chúng. Khi cần phải nói, Berezovsky đã giàu lên nhanh đến mức nào.

Một cụm từ thời thượng được lưu hành trong ngành kinh doanh xăng dầu đầu những năm 1990 là “liên kết dọc”, việc một công ty khai thác dầu liên kết với một hãng lọc dầu. Các kế hoạch thành lập Sibneft (Hãng dầu mỏ Siberia) đã bắt đầu được nhen nhóm từ tháng 11 năm 1992 sau khi các quan chức công ty sản xuất dầu Noyabrskneftegaz và công ty lọc dầu Omsk, hãng chế biến xăng dầu hiện đại nhất và lớn nhất của Nga, lần đầu tiên đề xuất với Bộ Nhiên liệu và Năng lượng về việc hợp nhất hai công ty trên dưới sự quản lý của đầu não duy nhất. Tuy nhiên, chính sự can thiệp của Berezovsky mới giúp thúc đẩy nhanh tiến trình này. Ông vận động hành lang Aleksandr Korzhakov, Cục trưởng Cục An ninh Tổng thống, để ông này, cùng với một phụ tá cao cấp khác của Yeltsin, thuyết phục một thống đốc địa phương và Bộ trưởng Năng lượng bật đèn xanh cho việc thành lập một doanh nghiệp mới. Chỉ trong vòng vài tháng, Sibneft đã được thành lập theo một sắc lệnh do Yeltsin ký vào ngày 12 tháng 9 năm 1995. Ngoài Noyabrsk và Omsk, công ty này còn nắm quyền điều hành công ty thăm dò dầu khí Noyabrskneftegazgeophysica và công ty tiếp thị Omsknefteprodukt. Thương vụ bán công ty dầu lửa lớn thứ 6 của

Nga cùng năm trong chương trình “cho vay tiền đổi lấy cổ phần”, và việc đầu giá được ấn định vào ngày 28 tháng 12 năm 1995. Chính phủ hy vọng có thể vay được một khoản tối thiểu là 100 triệu đô-la, thế chấp bằng 51% cổ phần của Sibneft đồng thời trao cho chủ nợ quyền quản lý vốn và tham gia đầu giá 49% cổ phần còn lại trong nhiều cuộc đầu giá tiếp theo.

Xác định được đây là một mỏ vàng nhưng vẫn đề của Berezovsky và Abramovich lúc này là phải tìm các nguồn tiền có thể huy động được để mua cổ phiếu của Sibneft. Mặc dù kinh doanh xe hơi thành công nhưng Berezovsky khi đó mới chỉ có 35 triệu đô-la trong khi số tiền ông cần là 50 triệu đô-la. Vì vậy, Berezovsky đã quyết định thực hiện một chuyến gây quỹ tới những nơi xa xôi như Nhật Bản, Đức và New York nhằm thu hút được 15 triệu đô-la còn thiếu. Tuy nhiên, thuyết phục các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn vào một doanh nghiệp Nga trong thời kỳ đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Nổi ám ảnh về Gennadi Zyuganov, nhà lãnh đạo cộng sản rất có uy tín thời đó, lớn đến mức không ai trong số những người mà Berezovsky tiếp cận muốn cho ông vay tiền để mua một doanh nghiệp rất dễ có nguy cơ bị tái quốc hữu hóa chỉ một thời gian ngắn sau đó. Khi Berezovsky đề nghị tỷ phú tài chính Mỹ George Soros, cho vay 10-15 triệu đô-la, ông ta thẳng thừng trả lời là việc đó quá rủi ro. Berezovsky sau đó kể với David Hoffman rằng câu trả lời chính xác của Soros là: “Tôi không thể cho anh dù chỉ một đô-la”. Cuối cùng, Berezovsky đã tìm được nguồn tiền ở trong chính nước Nga bằng việc vay Ngân hàng Menatep. Nghe nói Abramovich cũng vay một số tiền tương tự, phần vốn góp còn lại, lấy từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh dầu mỏ.

Hai nhân vật này giành được chiến thắng trong cuộc “đầu giá” diễn ra sau đó với thỏa thuận cho Chính phủ vay 100,3 triệu đô-la. Theo một cuộc điều tra của Phòng Kiểm toán của chính phủ Nga,

công ty cá p vô n là Công ty Tài chính Xăng dầu, liên doanh 50-50 giữa Ngân hàng Thống nhất của Berezovsky và công ty Vektor-A, một công ty thuộc sở hữu của hãng kinh doanh dầu lửa Petroltrans của Abramovich. Có được quyền điê u hành công ty, công việc tiế p theo của Berezovsky và Abramovich là huy động đủ tiê n để mua 49% cổ phâ n còn lại. Phiên đấ u giá 19% cổ phâ n đầ u tiên được tiế n hành vào tháng 9 năm 1996. Tấ t nhiên, kẻ thắ ng cuộc lại là một liên doanh Berezovsky/Abramovich khác có tên là ZAO Firma Sins. Theo các điê u khoản của thỏa thuận, ngoài việc phải trả 82,4 tỷ rúp cho số cồ phiế u đó, liên doanh này phải cam kế t sẽ đầ u tư 45 triệu đô-la cho Sibnef. Điê u thú vị là Abramovich lúc này lại trở thành một đố i tác lớn xét về lượng cồ phiế u mà anh nắ m giữ, ít nhấ t là trên giá y tờ. ZAO Sins là một liên doanh 50-50 giữa một công ty thuộc quyề n sở hữu hoàn toàn của Abramovich và một công ty khác mà anh và Berezovsky giữ số cồ phâ n bằ ng nhau. Điê u này có nghĩa là Abramovich chiế m 75% số cồ phiế u trong phiên đấ u giá lâ n thứ nhấ t và Berezovsky chỉ chiế m 25%.

Một tháng sau, đợt đấ u giá 15% khác được thực hiện. Lâ n này bên thắ ng thầ u là Công ty lọc dầu ZAO với giá thỏa thuận là 65 tỷ rúp và cam kế t tiế p tục đầ u tư 35,5 triệu đô-la. Và Berezovsky có vẻ lại yế u thề bởi vì công ty ZAO là một liên doanh giữa hai công ty thuộc quyề n sở hữu của Abramovich.

Kế t quả điê u tra của Phòng Kiểm toán về thương vụ Sibneft được công bố năm 1998 cho thắ y, đấ u hiệu cạnh tranh trong suố t quá trình này chỉ là sự giả tạo. Nhà thầ u khác duy nhấ t trong phiên đấ u giá 19% cồ phâ n lại là một liên doanh giữa hai công ty thuộc quyề n sở hữu của một người có tên R. Abramovich. Câu chuyện tương tự cũng xảy ra trong “phiên đấ u giá” tiế p theo. Nhà thầ u “cạnh tranh” 15% cồ phâ n là công ty ZAO Firma Foster, một liên doanh khác giữa hai công ty của Abramovich.

Mặc dù sắc lệnh gốc của Tổng thống Yeltsin quy định rằng số cổ phần được đấu giá sẽ vẫn thuộc sở hữu nhà nước trong 3 năm sau đó, đến tháng 9 năm 1998 mới chính thức “tự do”, nhưng trên thực tế, chúng đã được Công ty Tài chính Xăng dầu, công ty liên doanh của Berezovsky và Abramovich (chứ không phải Chính phủ) đem bán vào ngày 12 tháng 5 năm 1997.

Theo các điều khoản của thỏa thuận gốc, nếu Chính phủ không trả được các khoản nợ thì số cổ phiếu được dùng để thế chấp sẽ được các nhà đầu tư đem bán đấu giá. Họ sẽ được hưởng 30% chênh lệch giá giữa số tiền mà họ đã cho vay và giá bán trên “thị trường”. Trong phiên đấu giá, Abramovich và Berezovsky giành được số cổ phiếu áp đảo. Cuộc đấu giá thu hút tất cả 4 nhà đầu, một trong số đó là công ty FNK. Ban đầu, FNK là liên doanh giữa công ty Chứng khoán Alkion và Ngân hàng Thống nhất của Berezovsky. Sau đó, hai cổ đông này bán bớt cổ phần, thu hút thêm 3 đối tác mới: gồm một công ty liên doanh giữa Berezovsky và Abramovich, trong đó Abramovich chiếm ưu thế, có tên là Firma Latsis (chiếm 29,9% cổ phần) và hai cổ đông khác là Broksi và Aksiap (mỗi công ty nắm giữ 2% cổ phần). Điều thú vị là cả Broksi và Aksiap đều có cùng địa chỉ đăng ký như Firma Latsis và đều là liên doanh Berezovsky/Abramovich. Chưa hết, trong số ba nhà đầu còn lại cũng có một công ty là của Abramovich, tên ZAO Firma Stens.

FNK được tuyên bố là bên chiến thắng với mức 110 triệu đô-la. Như vậy, số cổ phần mà Berezovsky và Abramovich nắm giữ lại được bán cho một công ty mà hai ông trùm này có tới 1/3 cổ phần trong cuộc cạnh tranh mà một trong những nhà đầu khác lại chính là Abramovich.

Trang web của Sibneft mô tả toàn bộ sự kiện trên trong hai đoạn, chính xác như sau:

Kế hoạch ban đầu về việc tư nhân hóa Sibneft là đề xuất đem đầu giá 49% cổ phần cho các nhà đầu tư và giữ lại 51% cho chính quyền liên bang cho đến tháng 9 năm 1998. Trong một loạt các cuộc đấu giá bắt đầu từ tháng 1 năm 1996, các nhà đầu tư tư nhân đã mua 49% vốn cổ phần của Sibneft.

Tháng 12 năm 1995, chính phủ đã thế chấp số cổ phần của mình theo chương trình “cho vay tiền để lấy cổ phiếu”. Theo kế hoạch này, các nhà đầu tư tư nhân sẽ cho Nhà nước vay một số tiền, để đổi lấy quyền quản lý số cổ phần của Nhà nước trong một số công ty. Sau đó, số cổ phần này được bán trong một phiên đấu giá đặc biệt cho các nhà đầu tư tư nhân. Ngày 12 tháng 5 năm 1997, Tập đoàn Tài chính Xăng dầu (FTC) đã mua lại toàn bộ số cổ phần của chính phủ trong Sibneft.

Giá mà mọi việc có thể đơn giản như vậy.

Nhờ thủ đoạn này, Berezovsky, Abramovich và các đồng tác của họ đã mua được Sibneft với giá chưa đến 200 triệu đô-la trong khi giá trị của công ty này năm 2003 ước tính là 15 tỷ đô-la, cao gấp 75 lần. William Browder, vị giám đốc điều hành người Mỹ của Công ty Quản lý Quỹ Hermitage có trụ sở ở Moscow, nhận định: “Trong trò chơi độc quyền đặc biệt này, Abramovich bước vào từ bên lề và chiến thắng”.

Abramovich không phải là người duy nhất. Mikhail Khodorkovsky chỉ phải trả 309 triệu đô-la để mua 78% cổ phần của Yukos, công ty dầu mỏ lớn nhất nước Nga và có giá trị lúc cao nhất lên đến 35 tỷ đô-la. Vladimir Potanin mua 51% cổ phần của công ty Sidanko, một gã khổng lồ dầu mỏ khác, với giá 130 triệu đô-la và chỉ hơn hai năm sau, giá trị vốn hóa thị trường của số cổ phần đó đã lên tới 5 tỷ đô-la. Những con số tương tự có thể thấy được trong tất cả các quá trình tư nhân hóa khác. Các ông trùm

người Nga chắc hẳn đã rất há hê khi nhận định rằng phương Tây đã bỏ lỡ một món hời lớn khi từ chối đầu tư cho những thương vụ này. Tuy nhiên, trên thực tế, sự do dự của những nhà tài phiệt như Soros mang nhiều màu sắc chính trị hơn là kinh tế. Họ cũng có thể lập luận rằng nếu không có “những khoản cho vay” của họ thì Yeltsin không bao giờ có thể tái đắc cử và nước Nga sẽ lại rơi vào tay cộng sản. Lý lẽ này có phần thích đáng, tuy nhiên điều mà họ khó có thể biện minh là trong khi chỉ vài trăm người bạn họ trở nên vô cùng giàu có thì 150 triệu người Nga lúc đó vẫn phải lăn lộn trong khốn khó bởi đất nước họ đã đem bán tài nguyên khoáng sản với cái giá vô cùng rẻ mạt.

Chương 4. Cậu bé mồ côi gia nhập nhóm “Gia đình”

Một chiếc lều màu đen sang trọng được dựng lên ngay trên sân ngôi biệt thự tọa lạc ở ngoại ô Moscow. Con gái của Tổng thống Boris Yeltsin là Tatyana Dyachenko đang tổ chức tiệc nướng ngoài trời cho một nhóm bạn bè và đồng nghiệp. Người lái xe bước ra, mở ngăn hành lý và bắt đầu dỡ xuống những thùng rượu đắt tiền, những túi thịt và những giỏ trái cây tươi ngon nhất. Một vị khách nhận xét: “Chà, nhân viên phục vụ trông khá ghê”. Dyachenko trả lời: “Không phải nhân viên phục vụ đâu, đó là Roman Abramovich đây.”

Yeltsin cai trị nước Nga từ năm 1991 đến năm 1999 và trong những năm đó, một trong những nhóm người có quyền lực nhất trên đất nước này không phải nội các của ông hay Cục An ninh Quốc gia mà là một nhóm những bạn bè và đệ tử nổi tiếng được gọi là “Gia đình”. Từ rất lâu trước khi trở thành một nhân vật tầm cỡ quốc gia, nhờ sự giới thiệu của Boris Berezovsky Abramovich đã tiếp cận, hòa nhập và trở thành thành viên của “Gia đình”.

Ngay từ những ngày bắt đầu con đường trở thành một ông trùm, Berezovsky đã đủ sắc sảo để hiểu ông cần có quyền lực chính trị đủ mạnh để bảo vệ và mở rộng khối tài sản mới giành được. Đầu tiên, ông đầu tư vào tờ tuần báo rất được công chúng ưa thích là Ogonyok. Thông qua một trong những biên tập viên của tờ báo, ông tiếp cận được với người buôn quyền lực tối thượng, đó chính là Yeltsin. Người biên tập viên đề cập ở trên là Valentin Yomashev, người quen biết Yeltsin trong những ngày đầu của công cuộc cải tổ và nhanh chóng giành được sự tin cậy của ông ta. Khi Yeltsin muốn tìm một người viết hồ sơ ký, ông đã chọn Yomashev. Khi Berezovsky

gặp Yeltsin, Yumashev vừa mới hoàn thành tập hồ i ký thứ hai của Yeltsin, Notes of the President. Kế hoạch bợ đỡ Yeltsin của Berezovsky rất táo bạo. Ông cho in một triệu cuốn hồ i ký này ở Phần Lan và trả “nhuận bút” cho Yeltsin vào một tài khoản ở ngân hàng London. Số lượng xuất bản đó lớn đến mức những cuốn sách in ở Nga trở nên nhỏ nhoi. Phần thưởng dành cho Berezovsky, “món quà vô giá” theo mô tả của Chrystia Freeland, đó là trở thành thành viên Câu lạc bộ của Tổng thống. Câu lạc bộ này là nơi các thành viên gia đình và bạn bè thân thiết nhất của Yeltsin đến để vui chơi giải trí. Khi tham gia Câu lạc bộ, Berezovsky nhanh chóng nhận ra cô con gái nhỏ Tatyana của Yeltsin, thường gọi là Tanya, chính là chìa khóa vàng để làm thân với Tổng thống. Aleksandr Korzhakov, vị lãnh đạo tàn bạo của Cục An ninh Tổng thống, từng nói: “Nếu Tanya Dyachenko cho Berezovsky số điện thoại trực tiếp của cô ta thì ông ta sẽ trở thành một thế lực không ai có thể ngăn cản.” Berezovsky tiếp tục dồn dập tặng quà cho Tanya, trong đó có cả một chiếc Niva, một loại xe jeep Nga, và một chiếc Chevrolet.

Berezovsky là ông trùm duy nhất trong Câu lạc bộ. Vì thế, ông cư xử hóm hỉnh như chú gà trống giữa đàn gà mái vạy. Korzhakov kể cho Freeland một ví dụ sống động về phương cách giao tiếp theo kiểu mặt dày mày dạn của Berezovsky. Một lần, khi Korzhakov đang tắm sau một trận tennis thất bại, ông trùm tự cao tự đại đó bước vào và bắt chuyện, bắt chấp những dòng nước cứ chảy róc rách trên nền sứ: “Tôi chẳng nghe ông ta nói được bao nhiêu, nhưng ông ta cứ hét lên,” Korzhakov nhớ lại, “Berezovsky chẳng bao giờ chơi thể thao. Ông ta đến với Câu lạc bộ, ngăn không cho mọi người chơi thể thao và tiếp cận những người ông ta cần để giải quyết những thất bại, những công chuyện và những vấn đề của ông ta.”

Việc Berezovsky bỏ đỡ Dyachenko chẳng bao lâu đã tỏ ra hiệu quả đến mức chính ông ta cũng không thể tiên lượng được, nhất là khi Dyachenko chính là “thê lực ngầm” nắm vai trò trung tâm trong Chính quyền Nga. Dyachenko tạo dựng được sự nghiệp này trước khi cha cô gặp khó khăn trong cuộc tái tranh cử tổng thống tháng 6 năm 1996. Cuối năm trước đó, Yeltsin lần đầu tiên bị một cơn đau tim nặng do cảm thấy bị cô lập và bị đe dọa bởi tỉ lệ ủng hộ ông trong Duma Quốc gia Nga sụt giảm thảm hại. Các đảng cánh tả, đứng đầu là những người cộng sản chịu ảnh hưởng của nhà lãnh đạo có tín nhiệm cao Gennadi Zyuganov, đã giành được 40% số phiếu, tương đương 200 ghế trong Duma.

Sau bầu cử nghị viện, chính Yeltsin cũng không chắc có nên tái tranh cử hay không. Các cộng sự thân cận nhất của ông cũng bắt đầu nhen nhóm ý đồ kế nhiệm ông. Korzhakov và Mikhail Barsukov, Giám đốc Cục An ninh Liên bang, muốn ông sa thải Thủ tướng Viktor Chernomyrdin và chỉ định đồng minh của họ là Oleg Soskovets, khi đó đang là Phó Thủ tướng thứ nhất, lên thay thế. Bước đi này nhằm tạo thế thuận lợi cho Soskovets ra tranh cử tổng thống nếu Yeltsin rút lui.

Tuy nhiên, đến cuối tháng 12 năm 1995, Yeltsin đã lấy lại can đảm và quyết định ông là người duy nhất có thể đánh bại những người cộng sản. Để đền bù cho Soskovets, ông chỉ định vị cựu giám đốc nhà máy sắt thép này làm người phụ trách chiến dịch tranh cử. Tiến trình tổ chức tái tranh cử được triển khai và ngay lập tức, người ta thấy rõ Soskovets không đáp ứng được công việc này. Chiến dịch mà ông ta tổ chức kém cỏi đến mức suýt nữa thì một việc đơn giản là thu thập đủ số chữ ký cần thiết ủng hộ việc đề cử Yeltsin cũng không làm được. Trong cơn bỡ ngỡ, Soskovets triển khai các biện pháp ép buộc các công nhân đường sắt và công nhân thép phải ký kết ủng hộ Yeltsin khi họ nhận lương một cách thiếu

cần trọng. Tất nhiên, mưu đồ này bị báo chí tấn công dữ dội. Phản ứng giận dữ của công chúng lúc đó khiến Yeltsin vô cùng lo lắng.

Cho đến lúc này, những chuyện thâm cung bí sử đã bị lan truyền khắp nơi. Yeltsin cần một người thực sự đáng tin cậy, không dính líu vào bất kỳ tranh chấp tai tiếng nào và không chỉ là một gián điệp đơn thuần. Khi ông thảo luận vấn đề này với phóng viên Yumashev, người sau này cưới cô con gái cưng của ông, người này tỏ ra không ngạc nhiên và trả lời: “Tanya thì sao ạ?” Nhìn bề ngoài, ngoài việc là con gái của Tổng thống, Tanya chưa thể hiện được những năng lực phù hợp với công việc. Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành toán và kỹ thuật ở Đại học Moscow, cô làm nhân viên lập trình máy tính trong chương trình vũ trụ của Nga và đã kết hôn lần thứ hai (cô kết hôn ba lần) với Leonid Dyachenko, một kỹ sư hàng không tập sự. Vào lúc Yumashev đưa ra gợi ý, cô đang trong thời gian nghỉ sinh và chăm sóc cậu con trai thứ hai Gleb. Mặc dù vậy, Yeltsin ngay lập tức hứng thú với ý tưởng đó. Ông lúc nào cũng gắn bó với cô con gái thứ của mình. Người ta nói rằng cô là người duy nhất có thể an ủi khi ông rơi vào trạng thái trầm uất, đau buồn và mất ngủ. Khi Yeltsin mời con gái làm việc bên mình, Tanya nhiệt tình đồng ý và nhanh chóng chuyển đến Kremlin làm việc hàng ngày trong một văn phòng riêng và thường xuyên tham dự các cuộc họp.

Ngoài mức độ gia đình trị nhất định thì chiến dịch tái tranh cử của Yeltsin sẽ không phải cuộc chiến đặc biệt nếu không có sự dính líu của các ông trùm, khi đó mới ở giai đoạn đầu của thời kỳ thăng hoa. Đầu năm 1996, mưu đồ “cho vay tiền để lấy cổ phiếu” đã tỏ ra có triển vọng, song rõ ràng triển vọng đó chỉ có thể thành hiện thực nếu Yeltsin tiếp tục nhiệm kỳ hai. Yeltsin đã thực hiện đúng giao kèo và bây giờ là lúc các ông trùm phải thể hiện sự ủng hộ về “chính trị, tài chính và chiến lược” mà họ đã hứa để đảm bảo ông có thể tái đắc cử. Nếu họ từng có bất kỳ ý nghĩ nào về việc bội ước thì cũng

phải gạt bỏ sau khi Berezovsky (đồng tác mới của Abramovich) cùng với Vladimir Gusinsky – một ông trùm khác, và Khodorkovsky tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Kinh tế Thế giới diễn ra tại Davos tháng 2 năm 1996. Thành công của những người cộng sản trong cuộc bầu cử vào Duma hai tháng trước đó đồng nghĩa với việc họ hiện là đảng độc lập lớn nhất trong Nghị viện và nhiều quan chức ở Davos đã đến chúc mừng Zyuganov với tư cách là tổng thống sắp tới của Nga. Mọi người chạy tới xin chữ ký của Zyuganov khi ông rảo bước trên hành lang khách sạn, các phương tiện truyền thông quan tâm tới ông đến mức ông phải trả lời phỏng vấn tới 20 lần một ngày, còn các doanh nhân phương Tây thì tìm cách lấy lòng ông một cách lộ liễu. Về phần mình, Zyuganov nói cho họ những gì họ muốn nghe. Ông khẳng định việc tái quốc hữu hóa không nằm trong chương trình nghị sự của ông: “Chúng tôi biết nếu chúng tôi khởi động việc thu hồi các nhà máy thì tình trạng bất ổn, giết chóc sẽ diễn ra ở khắp nơi, từ Murmansk đến Vladivostok.” Tuy nhiên, các ông trùm thì thấu hiểu quan điểm thực chất của Zyuganov phía sau vẻ bề ngoài này. Cần phải làm gì đó. Họ nhận ra vị cứu tinh tiềm năng Anatoli Chubais, một cựu bộ trưởng phụ trách chương trình tư nhân hóa của Nga. Nhìn qua thì Chubais không phải là một ứng viên có triển vọng. Thậm chí, ông còn bị Yeltsin chỉ trích thậm tệ và đã bị sa thải ba tuần trước đó. “Anh ta đã bán hết các doanh nghiệp lớn với giá như vụn không”, Yeltsin nói với báo chí: “Chúng ta không thể tha thứ cho việc này”. Tuy nhiên, dù vô cùng lo ngại khi thấy Zyuganov đã thành công trong thể hiện bản thân giống như bạn của các nhà tư bản, Chubais vẫn chưa bỏ cuộc. Ông ta yêu cầu trong nước fax sang Davos một hồ sơ những bản tuyên ngôn, bài phát biểu và các cuộc phỏng vấn của Zyuganov. Những tài liệu đó tiết lộ rằng nhà lãnh đạo cộng sản này cứng rắn hơn những gì mà ông thể hiện tại Davos. Quyết định cảnh tỉnh một phương Tây rõ ràng đang thỏa mãn với lời đường mật của Zyuganov và cảnh báo về những nguy cơ biến động sắp xảy ra, Chubais tổ chức một cuộc họp báo để vạch

trên chương trình nghị sự thực sự của Zyuganov: “Có hai Zyuganov, một cho thế giới bên ngoài và một cho trong nước”, ông ta nói, “Nếu Zyuganov trở thành tổng thống Nga vào tháng 6, ông ta sẽ xóa bỏ kết quả của những năm tháng tư nhân hóa vừa qua, dẫn đến một cuộc đổ máu và một cuộc nội chiến toàn diện.”

Sự công kích này gây ấn tượng mạnh đối với cả Berezovsky và Gusinsky. Khi Berezovsky tiếp cận được một nhân vật là cánh tay phải của Gusinsky sau đó không lâu, họ đồng ý gặp mặt. Hai nhân vật có mối cựu thù sâu sắc trong nhiều năm đã hòa thuận sau một bữa trưa tại quầy rượu của khách sạn Fluela. Sau khi đã thống nhất Chubais sẽ là người điều hành chiến dịch tranh cử của Yeltsin, họ tổ chức một bữa tối kín đáo với các ông trùm khác cũng đang tham gia Hội nghị, trong đó có Khodorkovsky, để tìm kiếm sự ủng hộ. Khi “mặt trận thống nhất” được thành lập, tất cả những việc còn lại phải làm là thuyết phục Chubais tham gia. Các ông trùm đã thành công theo cách thức mà họ cho là cực kỳ thẳng thắn: Họ đề nghị trả tiền cho Chubais, chính xác là 3 triệu đô-la.

Sau khi trở lại Moscow, Berezovsky, Gusinsky, Khodorkovsky, Vladimir Potanin và Mikhail Friedman đến điện Kremlin để cảnh báo Yeltsin về tính nghiêm trọng của vấn đề. Nếu những người cộng sản lên nắm quyền, thì tất cả bọn họ sẽ bị “lên đoạn đầu đài”. Họ thẳng thắn nói: chiến dịch của Yeltsin là một mớ hỗn độn và ông chỉ còn một tháng để xoay chuyển tình thế. Có lẽ lúc đó Yeltsin chưa biết về các cuộc thảo luận của họ ở Davos và vì vậy khi kể lại câu chuyện này trong cuốn hồi ký, vị cựu tổng thống tâm sự một cách rất “ngây thơ”: “... điều làm tôi ngạc nhiên nhất là tất cả bọn họ đều khẳng định cho rằng tôi cần Anatoli Chubais trong chiến dịch tranh cử.” May mắn cho các ông trùm là lúc đó Yeltsin đã nhận thấy rằng sự bất hòa của ông với Chubais chủ yếu do bị bè cánh Korzhakov-Soskovets kích động (nhóm này đang ngày càng

bị ghẻ lạnh) và vui vẻ chào mừng Chubais quay trở lại. Một lần nữa, những ông trùm lại thả ng thế.

Chubais được bầu làm trưởng “nhóm phân tích”, như nhiều người vẫn gọi, gồm một nhà xã hội học, một ông chủ đài truyền hình và một số các nhà phân tích chính trị. Yeltsin đã vô cùng lo lắng, hời hợt trong lần đầu giới thiệu con gái với nhóm này. “Lúc đầu không ai hiểu điều gì đang diễn ra”, ông kể lại, “Đây là một gương mặt mới, một người phụ nữ sẵn sàng ở lại làm việc muộn, đến văn phòng sớm, tham dự tất cả những cuộc họp ban đêm cũng như ban ngày, người có thể trò chuyện với tất cả mọi người và đưa ra những câu hỏi còn rất ngây thơ.”

Tuy nhiên, ngay cả khi nhóm cố vấn sành sỏi này đi vào hoạt động thì kết quả các cuộc thăm dò dư luận về mức độ tín nhiệm dành cho đương kim tổng thống vẫn không hề cải thiện và Yeltsin buộc phải nghĩ đến những biện pháp liều lĩnh. Chính Korzhakov đã đề xuất một giải pháp theo đường lối cứng rắn điển hình: giải tán Quốc hội, cấm Đảng Cộng sản hoạt động và trì hoãn cuộc bỏ phiếu. Korzhakov rõ ràng không phải một nhà dân chủ. Nguyên là một tướng KGB, ông ta tỏ ra thô bạo, với vẻ mặt bất nhã, luôn tìm cách che giấu cái đầu hói bằng cách chải những lọn tóc mỏng vắt qua cái đầu bóng lộn trông giống như một Bobby Charlton nham hiểm vậy. Nhưng ông ta có tất cả sự tự tin của một ông chủ một công ty vệ sĩ nhỏ. Khoác lên mình bộ comple bằng ny-lon không vừa vặn, ông ta ngày càng có vẻ lạc lõng khi mà điện Kremlin đang muốn tìm kiếm hình ảnh mới. Tuy nhiên, ông ta đã có 11 năm là bạn của Tổng thống và vì vậy không dễ bị sa thải. Thực tế là, trong cuốn tự truyện *Against the Grain* (tạm dịch: Lợi ngược dòng), Yeltsin đã dùng ngôn từ rất trêu mỉn để kể về Korzhakov: “Cho đến nay, Korzhakov chưa bao giờ rời bỏ tôi. Có chuyện đi, chúng tôi thậm chí còn cùng ngòi bên nhau suốt đêm. Cậu ấy là một người rất tình

cảm, thông minh, mạnh mẽ và dũng cảm. Nhìn bề ngoài cậu ấy rất giản dị, nhưng đằng sau sự giản dị ấy là một bộ óc sắc bén và một cái đầu sáng láng tuyệt vời”.

Thực ra, Korzhakov chỉ là một sát thủ gặp thời và thăng tiến quá mức. Một ví dụ minh chứng cho phong cách thô bạo của viên tướng chỉ huy Cục An ninh Tổng thống là một việc xảy ra hai năm trước đó: Vladimir Gusinsky không đồng ý phản bội bạn của mình là Thị trưởng Moscow Yuri Luzhkov, vì vậy ông không cung cấp chi tiết tài khoản ngân hàng của Luzhkov; ngay ngày hôm sau, một nhóm vũ trang đeo mặt nạ xuất hiện ở căn nhà nông thôn nơi Gusinsky sống với vợ, mẹ, cậu con trai 2 tuổi và người vú em. Nhóm người này tìm cách gây sự với các vệ sĩ của Gusinsky. Không làm được điều đó, chúng leo lên ba chiếc xe hơi bám theo đoàn xe hộ tống Gusinsky đi vào thành phố, chĩa súng máy qua các cửa sổ để mở và tìm cách buộc đoàn xe của Gusinsky phải dạt sang lề đường. Gusinsky đến được văn phòng một cách an toàn và mọi việc tạm ổn thỏa. Chỉ với hai cú điện thoại, Gusinsky đã xác nhận được những nghi ngờ của mình: nhóm côn đồ đó không phải là cướp mà là thành viên của Cục An ninh Tổng thống do Korzhakov chỉ huy. Gusinsky tiếp tục gửi 5 nhân viên thuộc lực lượng chủ đạo của FSB (Cục An ninh Liên bang, tiền thân là KGB) đến hiện trường. Sự có mặt của các nhân viên này ban đầu đã ngăn chặn được người của Korzhakov. Tuy nhiên khi Korzhakov thấy người của mình phải rút lui, ông ta đã tức giận gửi thêm quân chi viện. Trang bị vũ khí hạng nặng, đội mũ bịt kín đầu và mặc quần áo ngụy trang, nhóm này ra lệnh cho các vệ sĩ của Gusinsky nhắm úp mặt xuống tuyết, đá m đá họ rồi dùng báng súng trường đánh đập họ. Đến lúc này thì các nhóm phóng viên truyền hình đã có mặt và ghi lại cảnh tượng tàn bạo đó. Khi Gusinsky trở về vào nhà sáng sớm hôm sau, bà vợ ông ta bước ra chào với một khẩu súng trường Winchester trên tay. Bà đã xem tin tức trên truyền hình và đã sẵn sàng chờ đợi điều tồi tệ nhất.

Nhân vật chịu trách nhiệm cho thất bại này lại tiếp tục đề nghị Tổng thống nghiêm túc xem xét một kế hoạch mà tất cả ý định và mục đích chỉ là một cuộc đảo chính với sự hậu thuẫn của Quân đội. Đến giữa tháng 3, Duma Quốc gia đã cho Yeltsin một cái cớ để thực hiện đề nghị của Korzhakov. Duma thông qua một tuyên bố rằng thỏa thuận giải tán Liên bang Xô Viết năm 1991 là vi hiến. Những người theo đường lối cứng rắn cho rằng thỏa thuận này chẳng khác gì tội phản quốc. Yeltsin liền ra lệnh cho cấp dưới soạn thảo các sắc lệnh trừng phạt Quốc hội (Duma). Đây là một kế hoạch thô bạo, liều lĩnh và có thể biến Yeltsin thành một kẻ độc tài đang biến nước Nga trở thành một xã hội khốn khổ trong con mắt phương Tây. Theo Yeltsin, chính con gái Tanya đã cứu ông. Không nói gì với cha, cô gọi điện cho Chubais và bảo ông ta đến điện Kremlin để trao đổi. Chubais là một thuyết khách tài ba. Theo Yeltsin, trong cuộc trò chuyện sôi nổi kéo dài hàng giờ đồng hồ sau đó, Chubais đã thuyết phục được ông tin rằng đề nghị của Korzhakov là một sự điên rồ.

Sự thực có lẽ còn phức tạp hơn nhiều. Freeland viết rằng Bộ trưởng Nội vụ của Yeltsin, người được giao trách nhiệm soạn thảo các sắc lệnh, đã từ chối làm như vậy và nói với Yeltsin rằng các dự thảo sắc lệnh đó là bất hợp pháp. Thủ tướng Viktor Chernomyrdin cũng có cùng quan điểm. Yeltsin tiếp tục chịu thêm sức ép khi nguyên phó thủ tướng Yegor Gaidar đã kể với Đại sứ Mỹ về kế hoạch này và nài nỉ ông này thuyết phục Tổng thống Mỹ đương nhiệm Clinton can thiệp. Bất kể sự thật là thế nào thì cuối cùng Yeltsin cũng tránh xa được bờ vực. Từ lúc đó trở đi, Korzhakov và phe của ông ta bị thất sủng, nhóm tổ chức chiến dịch tranh cử Soskovets bị giải tán và nhóm phân tích dưới sự chỉ huy của Chubais kiểm soát mọi công việc.

Họ bắt đầu hoạch định một chiến lược tranh cử điển hình. Sau khi phân tích thống kê dân số của toàn bộ cử tri, họ quyết định tập trung chiến dịch vào giới thanh niên và xây dựng hình ảnh Yeltsin như một con người của nhân dân. Yeltsin đi khắp đất nước gặp gỡ mọi người, tham dự các buổi hòa nhạc pop cho những người ủng hộ, luôn tỏ ra là người dễ gần và biết cảm thông. Các vệ sĩ của ông được đề nghị tháo bỏ những cặp kính đen vốn khiến họ trông có vẻ côn đồ. Một chiến dịch truyền thông trên TV với khẩu hiệu “Hãy lựa chọn bằng trái tim” chiếu cảnh những con người bình thường chia sẻ suy nghĩ về tổng thống của họ. Phương cách tiếp cận thực dụng này xem ra có phần ủy mị và đa cảm một cách giả tạo, gây phản cảm đối với các thính giả phương Tây nhưng lại đem lại kết quả mà Yeltsin mong muốn. Các cuộc trưng cầu dân ý bắt đầu cho kết quả thuận lợi cho Yeltsin. Dyachenko chính là trung tâm của chiến dịch: “Tanya làm việc thực sự siêng năng”, Yeltsin nói, “Con bé có thể làm việc mà chỉ ngủ 3 giờ mỗi đêm và thể hiện sự kiên trì phi thường. Cùng với những người soạn diễn văn, con bé có thể viết đi viết lại mỗi bài phát biểu cả chục lần. Nó cũng có thể duyệt đi duyệt lại với số lần tương tự các kịch bản cho chỉ một cuộc họp hay một buổi hòa nhạc mà thôi.”

Ảnh hưởng ngày càng tăng của Tanya khiến Korzhakov căm ghét. Cô không có chức danh, không được trả lương, nhưng rõ ràng là một người chơi có thế lực. Vai trò không rõ ràng của cô làm ông ta tức giận đến mức tìm cách thể hiện thế bề trên của mình bằng cách bắt cô phải chờ đợi hàng giờ nếu cô muốn gặp ông ta và còn đưa ra những quy định lật vạt khác nữa. Có lúc, ông ta thậm chí còn cấm cô không được mặc quần áo trong văn phòng. Tuy nhiên, cô vẫn thường phớt lờ yêu cầu đó.

Không lâu sau vòng bỏ phiếu đầu tiên ngày 16 tháng 6, với kết quả là Yeltsin dẫn đầu, mọi chuyện dường như đã vượt tầm kiểm

soát của Korzhakov. Vào lúc 5 giờ chiều ngày 19 tháng 6, trong phòng giải lao của Nhà Trắng, các thành viên của Cục An ninh Tổng thống của Kozhakov câu lưu hai trong số các phụ tá của Chubais vì mang theo nửa triệu đô-la tiền mặt. Vì không rõ nguồn gốc số tiền và không biết tại sao số tiền đó lại được đựng trong một chiếc hộp các-tông nên Korzhakov tưởng đã phát hiện ra một vụ xì-căng-đan có thể làm suy yếu kẻ thù của mình. Nhưng một lần nữa, chính Dyachenko đã ngăn cản ông ta. Sau khi gọi điện cho Korzhakov vào lúc nửa đêm hôm đó và nhận được lời đề nghị đừng can thiệp, cô đến văn phòng ở Logovaz, nơi mà Berezovsky cùng với phần lớn các thành viên của nhóm phân tích và một nhóm những người ủng hộ đang bị bao vây. Những người này cho cô biết Korzhakov đã bố trí các tay súng bắn tỉa trên đỉnh các mái nhà gần đó và cho các nhân viên an ninh bao vây nơi này. Vì biết ông ta sẽ không tấn công văn phòng này khi con gái của Tổng thống đang ở đó, Dyachenko ở lại với họ cho đến 5 giờ sáng. Trong vài giờ sau đó, Yeltsin đã buộc không chỉ ông bạn cũ Korzhakov mà còn cả đồng minh của ông ta là Barsukov và Soskovets phải từ chức. Có vẻ hợp lý khi nhận định rằng không ai khác ngoài Dyachenko có thể khiến cha mình chống lại Korzhakov, và khi tên tướng ra đi thì địa vị của cô trở nên bất khả xâm phạm.

Ngày 3 tháng 6 năm 1996, Yeltsin tái đắc cử với 54% số phiếu. Zyuganov, nhân vật gần như đã thuyết phục được phương Tây rằng chủ nghĩa cộng sản sắp sửa quay lại, chỉ đứng thứ 2 với 40%. Với chiến thắng của Tổng thống trong tầm tay, thế lực của các ông trùm một lần nữa được củng cố vững chắc, còn Dyachenko, người phụ nữ mà Berezovsky bợ đỡ không mệt mỏi, sắp chính thức hóa địa vị trung tâm quyền lực của mình. Khi cha cô có thể yên tâm trong 4 năm nữa, cô tiếp tục đi làm và tham dự các cuộc họp. Không phải là vô lý khi Chubais, người sau khi Yeltsin chiến thắng được thăng thưởng chức vụ Chánh Văn phòng Tổng thống, không yên tâm

với sự hiện diện của một con người rõ ràng có thể lực và ảnh hưởng nhưng lại không có chức vụ chính thức. Vì vậy, ông đề nghị tân Tổng thống xác định vai trò và vị trí cho cô. Việc này khiến Tổng thống khó xử. Ông đã quen phụ thuộc vào ý kiến của cô con gái và không muốn để cô ra đi, nhưng mọi việc sẽ thế nào nếu ông đưa cô vào Chính phủ? Một ý tưởng lóe ra khi ông nhớ lại rằng đã có một tiền lệ như vậy trong chính phủ Pháp. Tổng thống Jacques Chirac đã chỉ định cô con gái Claude làm “cố vấn hình ảnh” cho mình. Yeltsin gọi điện cho Chirac và thu xếp cho con gái của hai người gặp nhau và trò chuyện. Dyachenko bay tới Paris và gặp Claude tại dinh thự chính thức của Tổng thống Pháp. Hai người thảo luận về vai trò của nhau và khi cuộc hội thoại trở nên gần gũi, Claude gợi ý họ cùng đến “chào Papa”. Trong màn chào hỏi đó, cô con gái của Tổng thống Nga chợt nhận ra cô đang thảo luận với chính Tổng thống Pháp về cuộc gặp sắp tới của ông với cha mình.

Khi Dyachenko chính thức được bổ nhiệm vào điện Kremlin, sự bợ đỡ bên bí của Berezovsky đối với cô bắt đầu được chứng tỏ là vô cùng khôn ngoan. Bây giờ cô là nỗi sợ hãi của nhiều nhân viên cấp dưới và được gán “mác” tsarevna, có nghĩa là hoàng hậu Nga. Cô khuyếch khích cha mình mặc comple hàng hiệu và cắt tóc kiểu cách điệu, còn cô có vẻ cũng bắt đầu chăm chút cho bản thân. Ở tuổi 35, Tanya là một phụ nữ hấp dẫn mặc dù trước đây cô không cố gắng làm đẹp. Bây giờ cô bắt đầu xuất hiện với mái tóc nhuộm highlight và thậm chí còn có tin đồn cô bắt đầu trang điểm.

Nếu Dyachenko là một tsarevna thì Berezovsky là một Rasputin. Berezovsky biết rõ Yeltsin không tin cậy ông nhưng cũng biết Tổng thống không tin cậy ai khác ngoài con gái mình và thông qua cô, ông có thể đạt mục đích. Hạt giống mà ông gieo ở nơi Dyachenko đã nở hoa khi chính sách tư nhân hóa của chính phủ được hoạch định, các cuộc đấu giá được triển khai và các bộ trưởng được bổ nhiệm.

Không lâu sau khi giành được khả năng thoải mái gia nhập trung tâm quyên lực của Yeltsin, tức là các văn phòng của điện Kremlin cũng như tư dinh của Yeltsin và Dyachenko, Berezovsky đã xây dựng một trung tâm quyên lực cho chính mình: trụ sở câu lạc bộ Logovaz. Phòng khách của Berezovsky là một nơi tụ họp xa hoa và thân tình với cách bài trí từng được so sánh với một lâu đài ở Paris. Nằm trên đường Novokuznetskaya, một đại lộ cổ của Moscow, nơi có đường xe điện kéo kẹt chạy qua, câu lạc bộ này tọa lạc trong một lâu đài từ đầu thế kỷ XIX, một thời thuộc về gia đình Vodka Smirnoff. Mặt tiền màu xám xoàng xĩnh của ngôi nhà khiên không ai có thể mừng tượng đến nội thất được trang hoàng lộng lẫy bên trong, một công việc mà Berezovsky chăm chút thực hiện. Phòng chờ được bố trí một quầy rượu, những bức tường màu vàng, những bộ bàn ghế uốn cong cà phê và một vòm trần uốn cong khắc họa một bông hồng đỏ. Khi nhấm nháp một ly rượu vang đỏ được lựa chọn từ danh sách vô vàn các loại rượu luôn có sẵn, các vị khách có cơ hội thỏa thuê ngắm những chú cá cảnh đến từ vùng nhiệt đới đang bơi lội trong chiếc bể nuôi sáng lấp lánh.

Dyachenko trở thành vị khách thường xuyên viếng thăm câu lạc bộ. Sự thân thiết ngày càng tăng của cô với Berezovsky cũng gây chú ý cho những vị khách đến văn phòng của cô ở điện Kremlin, nơi cô cải tạo thành “một khuê phòng của công chúa tuyệt vời với những bức tường cẩm thạch trắng và những tấm rèm ngà viền ren” như một nhà quan sát nhận xét. Các cuộc hội thoại ở đây hay bị gián đoạn vì cô bận trả lời điện thoại của Berezovsky. Ông ta có số di động riêng của cô và thường xuyên sử dụng nó.

Cặp bài trùng Dyachenko-Berezovsky nhận được sự ủng hộ của ít nhất hai nhân vật quan trọng khác. Một là Aleksandr Voloshin, người sau này trở thành Tham mưu trưởng của Yeltsin và người kia là Badri Patakartsishvili. Voloshin, một người có mái tóc chớm hói và

bộ râu rậm, ưa thích các hoạt động vận động ngắ m và có tham vọng thăng tiế n, tiế p tục trở thành nhân vật bê n bí nhấ t trong nề n chính trị Nga, phục vụ trong vai trò tham mưu trưởng dưới cả thời Yeltsin và Putin. Còn Patakartsishvili lại là người khiêm tồ n đế n mức khi gặp ông ta, rồ i nhìn sang Abramovich, người ta bỗng thấ y Abramovich, dù vô n đượ mệnh danh là ông trùm bí ẩn, chả khác gì một kẻ sẵn sàng khoe mẽ. Patakartsishvili gặp Berezovsky khi họ cùng kinh doanh xe hơi và tiế p tục là bạn, là đố i tác thân thiế t cho đế n nay. Những người này, cùng với Yumashev, là các thành viên sáng lập một nhóm bí ẩn có tên gọi “Gia đình”.

Abramovich, từng là đố i tác cá p dưới của Berezovsky, rấ t đễ y đế n quyề n lực và khả năng đặc biệt của các thành viên trong “Gia đình”. Anh nhanh chóng nhận ra đễ vào đượ vòng trong, tồ t nhấ t là phải thông qua cô con gái yêu của Tổng thố ng. Không lâu sau anh cũng trở nên thân cận với Dyachenko y như Berezovsky. Trên thực tế , Dyachenko và Yumashev, người sau này khiế n Dyachenko chia tay người chồ ng thứ hai, cũng thấ y làm việc với Abramovich đễ dàng hơn nhiề u so với đố i tác nóng tính kia của anh. Ngoài những bữa tiệc nướng ở nhà Dyachenko, Abramovich đã trở thành gương mặt quen thuộc ở điện Kremlin và bắ t đầ u đi nghỉ cùng với cô và Yumashev. Khi Berezovsky mua một chiế c thuyề n buồ m, Dyachenko, Abramovich và Berezovsky cùng dạo chơi trên biển Địa Trung Hải. Elena Tregubova, tác giả cuố n tự truyện Tales of a Kremlin Digger (tạm dịch: Những mẩu chuyện về một nhân vật đã tận dụng triệt đễ Kremlin) kể về thời gian cô này là thành viên nhóm báo chí của Tổng thố ng, rấ t quan tâm theo dõi những tiế n triển trong mộ i quan hệ của họ: “Đầ u năm 1999,” cô viế t, “Dmitri Yakushkin, viên thư ký báo chí mới, luôn tìm cách gây á n tượng và tán tỉnh các nữ phóng viên bằ ng cách khoe khoang về việc đi trượt tuyế t với Tatyana Dyachenko và Roman Abramovich”. Cuố i năm đó, nhà văn này đã tình cờ phát hiện thêm nhiề u bằ ng chứng về

mô' i thâm tình ngày càng sâu sắc của họ. Trong một lần cô đế' n văn phòng của Phó Tổng tham mưu trưởng, Sergei Zveryev, ở điện Kremlin, người này chỉ tay ra phía cửa sổ và nói: “Đã' ng kia là xe của Abramovich đã' y. Anh ta lúc nào cũng ở đây cùng với Voloshin hoặc Tatyana. Anh ta quanh quẩn cả ngày bên cô á' y.”

Trong không khí sôi động của Kremlin, số' lần mà Dyachenko và Abramovich gặp nhau đã khiế' n nhiề' u người đò' n đại như đình đống cột rã' ng họ không chỉ là bạn bè. Không có gì ngạc nhiên khi một người đi xa đế' n mức đưa chuyện này ra nói một cách công khai. Đó là Korzhakov, kẻ thù cũ của Dyachenko. Korzhakov – người từng là cánh tay phải của cha Dyachenko đã có lần cay cú tuyên bố' rã' ng ông ta được lệnh phải hủy mọi loại giấ' y tờ có thể làm hại Abramovich. “Động cơ ư?”, ông ta nói, “Đó chính là mô' i quan hệ có vẻ tình tứ giữa Roman đẹp trai và cô con gái cưng Tatyana của Yeltsin”.

Một điề' u không ai nghi ngờ là doanh nhân dâ' u lửa trẻ Abramovich đã chiế' m được sự tin cậy của gia đình Yeltsin. Sự tin tưởng á' y lớn đế' n mức anh được giao trách nhiệm quản lý các vấ' n đề' tài chính của họ và cuô' i cùng nổi tiế' ng là “thủ quỹ” của gia đình họ. Người ta thậm chí còn đò' n đại rã' ng anh đã tài trợ cho Dyachenko mua một dinh thự ở Garmish-Partenkirchen.

Các đố' i thủ của Abramovich muô' n phá quấ' y anh. Một lần họ treo các tâ' m áp phích lên một trong những con phố' nổi tiế' ng nhấ' t của Moscow với một khẩu hiệu đập vào mắ' t người xem: “Roma đang nghĩ về' Gia đình. Gia đình đang nghĩ đế' n Roma. Chúc mừng! Roma đã tìm thấ' y một xứ sở tuyệt vời”. Quả thực, Abramovich đã tìm được nơi đó.

Chương 5. Sự bành trướng thô bạo

Sibnef, hãng dầu lửa mà Abramovich và Berezovsky khôn khéo giành được, không chỉ là một tập đoàn công nghiệp khổng lồ với hơn 50 nghìn công nhân. Ngoài một công ty khai thác dầu và một nhà máy tinh chế, tập đoàn này còn tham gia nhiều hoạt động phụ trợ khác thông qua chi nhánh khai thác chính Noyabrskneftegaz, có trụ sở ở một khu vực xa xôi phía Tây Siberia. Noyabrskneftegaz bắt đầu hình thành ở vùng Kholmogorskoye, nơi từng có mỏ dầu cực bắc của Nga và bắt đầu khai thác từ giữa thập kỷ 70. Không lâu sau, người ta phát hiện ở khu mỏ này một trữ lượng dầu mới rất lớn. Năm 1980, Chính phủ quyết định mở rộng sản xuất dầu ra toàn quốc và ban hành lệnh khẩn trương xây dựng một mạng lưới các thành phố và làng xã làm nơi cư ngụ cho dòng công nhân di chuyển đến. Một trong những nơi đó là Noyabrsk.

Giống như nhiều “doanh nghiệp kiến tạo địa phương” được thành lập trong thời kỳ Xô Viết, người ta hy vọng Noyabrskneftegaz sẽ vừa khai thác dầu vừa tạo ra cơ sở hạ tầng xã hội. Như vậy, Abramovich và Berezovsky nghiêm nhiên được thừa hưởng thêm 5 nông trang tập thể với 1.500 người, một nhà máy gạch, một nhà máy sản xuất quần áo và một nhà xuất bản. Ngoài ra còn có 200 nghìn m² đất để xây chung cư, 100km đường xá, các khu thể thao, các nhà trẻ và một khách sạn. Tương tự như ở nhà máy lọc dầu Omsk, dân dân, tất cả các hoạt động phụ trợ này đều được đem bán hoặc chuyển giao cho chính quyền thành phố. Thực tế này có thể giải thích cho việc Abramovich mua một công ty giết mổ và chế biến thịt heo có tên là Omsk Bacon nhằm đa dạng hóa các hoạt động phụ trợ. Một vài năm sau, anh cũng mua lại toàn bộ đội khúc côn cầu trên băng của Omsk – đội Omsk Avangard, và xây dựng đội này theo

mô hình một đội Chelsea thu nhỏ. Khi Abramovich tiếp quản, đội bóng này còn được mô tả là “một tập hợp những kẻ vô vọng ngập trong nợ nần” nhưng sau khi được đầu tư nhiều triệu đô-la, đội bóng đã thay đổi hoàn toàn. Năm 2003, Abramovich thuê Sergei Gersonsky, một huấn luyện viên có tầm cỡ quốc gia và đội bóng đó giờ đây đang cạnh tranh ngôi vị hàng đầu khu vực. “Từ khi ông ấy giải cứu chúng tôi cách đây 5 năm, đội bóng đã thay đổi đến mức không thể nhận ra,” Arkady Alekseev, phát ngôn viên của Câu lạc bộ, nhận xét, “Bây giờ chúng tôi có thể thu nhận những cầu thủ tốt nhất”.

Ngoài những tài sản hữu hình đó, các ông chủ mới của Sibneft còn xây dựng lại lối tư duy và văn hóa tập thể của công ty này. Nhiều nhân viên quản lý kỳ cựu của Sibneft đã trưởng thành trong môi trường cộng sản, được định hướng xây dựng và phát triển nhằm đạt được chỉ tiêu của Nhà nước chứ không phải là hướng đến việc tối đa hóa lợi nhuận. Điều này đã dẫn đến những tác hại nghiêm trọng cho môi trường. Theo một nghiên cứu độc lập được công bố năm 2001, có đến 840 nghìn hecta đất ở tây Siberia đã bị ô nhiễm do chất thải hóa học trong quá trình khai thác và đầu rò rỉ từ các đường ống, các giếng dầu và các kho dầu. Báo cáo này, được tổ chức Hòa bình Xanh ủy nhiệm, đưa ra đánh giá rằng các đường ống dẫn dầu đã rò rỉ đến 500 lít dầu mỗi giây. Không chỉ các động vật hoang dã ở địa phương phải gánh chịu hậu quả, các con sông và các tầng nước ngầm ở đây cũng bị phát hiện là ô nhiễm ở mức gấp 50 lần tiêu chuẩn an toàn của Nga. Chi phí để khắc phục những hậu quả này có thể lên đến nhiều tỷ bảng Anh. Tuy nhiên, sau khi được tư nhân hóa, ưu tiên của công ty không phải là làm sạch môi trường mà là kiếm tiền.

Không thỏa mãn với việc mua rẻ được Sibneft, Abramovich và Berezovsky tiếp tục tìm cách kiểm soát chặt các công ty con của

Sibneft. Sibneft là một tập đoàn cổ phần đa công ty và mặc dù bộ đôi Abramovich – Berezovsky sở hữu hầu như toàn bộ cổ phần của Sibneft, nhưng lại chỉ nắm được 61% cổ phần của Noyabrskneftegaz. Hai người nhanh chóng xác định quyết tâm thay đổi hiện trạng khó chịu này. Mùa hè năm 1997, các cổ đông của Noyabrskneftegaz nhận được một thông báo về chương trình nghị sự của phiên họp toàn thể thường niên của công ty. Các nội dung chính bao gồm việc thông qua một điều lệ mới nhằm điều chỉnh hoạt động của Noyabrsk cho phù hợp với luật công ty cổ phần mới của Nga và một đề xuất về việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành nhằm mục đích “chính thống” là tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, kiến nghị này chưa xác định số lượng cổ phiếu mới mà công ty dự định phát hành. Vì vậy, một số cổ đông nhỏ quyết định không dự họp. Đứng vào phiên họp đó, Ban quản trị của Noyabrskneftegaz mới tiết lộ theo kế hoạch này, số cổ phiếu mới được công bố chiếm một tỷ lệ vô cùng lớn, bằng 196.300% công ty. Theo Giáo sư Bernard Black, giáo sư luật của Trường Đại học Luật Stanford, người sau đó tư vấn cho một cổ đông bị thiệt hại của Noyabrsk, Sibneft dĩ nhiên là cổ đông duy nhất ủng hộ đề xuất này, nhưng vì chỉ đại diện của 75% số cổ đông tham dự cuộc họp, nên kế hoạch pha loãng cổ phiếu có một không hai đó đã nghiêm nhiên được thông qua.

Kể từ lúc đó mọi việc chuyển biến một cách nhanh chóng. Tại cuộc họp, Ban quản trị của Noyabrsk chỉ hứa miệng là sẽ tuân thủ những nội dung trong điều lệ mới liên quan đến việc phát hành cổ phiếu mới. Điều lệ này quy định “quyền được ưu tiên mua trước”, cho phép tất cả các cổ đông hiện tại được quyền mua thêm cổ phiếu mới tương đương với tỷ lệ cổ phần mà họ đang nắm giữ, như vậy sẽ đảm bảo tỷ lệ góp vốn của họ ở công ty không bị suy giảm. Tuy nhiên, sau đó, Noyabrsk phớt lờ hoàn toàn điều lệ mới và chỉ cho phép bán đối tác, tất cả đều có mối liên hệ chặt chẽ với Sibneft,

được mua cổ phiếu mới. Hai trong số bốn bên mua cổ phiếu đó đều do Sibneft kiểm soát, bên thứ ba là một quỹ đầu tư khai thác dầu ngoài khơi cũng do Sibneft kiểm soát và bên thứ tư là “một ngân hàng đầu tư chịu sự chỉ đạo của Sibneft”, theo như Black mô tả. Tệ hơn là số cổ phiếu mới không được bán với giá 16 đô-la/1 cổ phiếu – giá đang được giao dịch tại thời điểm đó – mà bị giảm xuống chỉ còn 7,0 đô-la, mặc dù Công ty đã quy định rằng cổ phiếu phải được bán với “giá thị trường”. Chỉ hai tháng sau đó, bốn đối tác trên đều chuyển số cổ phiếu của mình cho Sibneft. Người ta thấy rõ rằng tất cả những bước đi đó đều nhằm mưu đồ giúp Sibneft tăng cổ phần ở Noyabrsk.

Có lẽ không ai ngạc nhiên khi một cổ đông nhỏ đệ đơn kiện Noyabrsk và Sibneft ra tòa về việc này. Tình huống trở trêu xảy ra sau đó không được điều chỉnh cụ thể trong hệ thống pháp luật Nga. Giáo sư Black đã mô tả những diễn biến này một cách sinh động trong một bài báo đăng trên tạp chí của Công ty Dịch vụ Pháp lý cho Cổ đông (Institutional Shareholder Services) có tiêu đề là “Ăn chặn cổ phiếu kiểu Nga”. Noyabrsk và Sibneft bảo vệ hành động của mình bằng một số biện pháp. Đầu tiên họ đưa một “chuyên gia” thuyết phục Tòa rằng giá 7,60 đô-la thực sự là giá thị trường của cổ phiếu Noyabrsk mặc dù giá giao dịch thực tế gấp hơn hai lần (trên thực tế, giá cơ bản của cổ phiếu Noyabrsk thậm chí còn cao hơn vì giá giao dịch đã bị giảm rất nhiều do công ty này bán phá giá dầu và gas cho Sibneft).

Về “quyền được ưu tiên mua trước”, Noyabrsk và Sibneft tranh luận rằng điều khoản của Điều lệ đảm bảo tính pháp lý của quyền này trên thực tế là không được phép theo Luật doanh nghiệp, chính bộ luật mà ngay từ ban đầu những người xây dựng Điều lệ đã sử dụng làm căn cứ soạn thảo. Black thừa nhận luận điểm này có lý nhưng cũng chỉ ra rằng không gì có thể ngăn cản Ban quản trị tạo

điều kiện cho tất cả các cổ đông mua cổ phiếu mới nếu họ muốn.

Quyết định của Tòa có lợi cho bị đơn khi xác định giá cổ phiếu tương đương với khoảng 45% giá giao dịch là hoàn toàn thỏa mãn yêu cầu cổ phiếu được phát hành với giá thị trường, đồng thời khẳng định rằng Noyabrsk “không có nghĩa vụ phải tuân thủ Điều lệ của chính mình”.

Khi cổ đông bị thiệt hại kháng cáo, mọi chuyện còn tồi tệ hơn. Chánh án tòa phúc thẩm ở thành phố nhỏ Salekhard quyết định so sánh chữ ký của luật sư trong bản kháng cáo với chữ ký trong đơn kiện gốc và đi đến kết luận rằng chúng có vẻ “khác nhau” (“Chúng không khác nhau”, Black khẳng định), và bác bỏ đơn kháng cáo. Một việc rất kỳ lạ khác là phiên tòa phúc thẩm lại do chính vị quan tòa đã xét xử phiên tòa sơ thẩm làm chủ tọa. Giáo sư Black nhận xét: “Đây không phải là thông lệ ở các phiên tòa của Nga.”

Kế hoạch chiếm đoạt cổ phiếu thành công này đã giúp Sibneft có được lượng cổ phần vượt trội tại Noyabrsk và giành thêm quyền kiểm soát chi nhánh khai thác dầu chủ chốt này. Mấu chốt của vụ việc này là biện pháp thu tóm Noyabrsk bằng phương pháp chuyển giá. Đây là tiến trình mà một công ty mẹ mua dầu từ một chi nhánh khai thác với giá thấp hơn giá thị trường; sau đó thế chấp công ty con đó, với giá cao hơn nhiều, để vay tiền của các ngân hàng phương Tây. Kết quả là công ty mẹ trở nên giàu có nhưng chi nhánh sản xuất của nó bị thiệt hại. Hãng Yukos của Khodorkovsky cũng đã vô cùng thành công với phương thức làm ăn này.

Kiểu làm ăn đó của giới tài phiệt Nga giải thích tại sao cho đến năm 1998, đầu tư nước ngoài ở Nga rất thấp trong khi đồng rúp trên đà mất giá mạnh. “Hậu quả là, Nga là một trong số những nước có tỷ lệ đầu tư nước ngoài so với GNP thấp nhất trong số

các nền kinh tế thị trường đang nổi lên trong thập kỷ 1990.” Black viết, “Các nhà đầu tư nước ngoài, lẽ ra đã có thể cung cấp nguồn vốn dài hạn giúp Nga tránh được sự mất giá của đồng rúp, nhưng lại rất quan ngại và bỏ đi.”

Có lẽ do lo ngại những tác động tiêu cực của vụ Noyabrsk đến uy tín về khả năng quản trị tập đoàn của mình, Abramovich và Berezovsky quyết định thành lập một “ban cố vấn quản trị tập đoàn” để xây dựng một bộ “các nguyên tắc quản trị tập đoàn”. Giám đốc điều hành của Sibneft lúc đó là Eugene Shvidler, một người bạn và đồng nghiệp lâu đời của Abramovich ở Runicom, công ty kinh doanh dầu lửa có trụ sở ở Thụy Sĩ mà anh thành lập vài năm trước. Không giống như ông chủ, Shvidler có một hồ sơ học vấn hoàn hảo: tốt nghiệp đại học ở Học viện Dầu khí Gubkin, sau đó nhận bằng thạc sĩ ở Đại học Fordham danh tiếng của Mỹ và làm việc cho công ty kế toán khổng lồ Deloitte Touche với vai trò là thành viên bộ phận thuế quốc tế của công ty này. Nhưng cũng như Abramovich, anh này rất chăm chỉ duy trì những mối quan hệ trong điện Kremlin và nghe nói là rất thân cận với Putin và Mikhail Kasyanov, vị thủ tướng mà Putin sa thải ngay trước cuộc bầu cử tổng thống tháng 3 năm 2004. Shvidler có dáng hơi thấp, tính tình nóng nảy, không kiên nhẫn với các phóng viên. Mặc dù được đồng nghiệp ở Sibneft kính trọng và cấp dưới yêu mến, nhưng Shvidler có vẻ giống như nhân vật phản diện trong bộ đôi Shvidler-Abramovich. “Anh ta có thể tử tử như một nhân viên vì tội làm mất cái gì đó”, một người trong cuộc nói, “trong một công ty có 60 nghìn nhân viên, anh ta vẫn có thể chú ý đến những món tiền rất nhỏ. Chẳng hạn, anh ta quan tâm đến cả những tấm vé máy bay.”

Cùng với việc phát hành trái phiếu châu Âu (Eurobond) cuối năm 1997, Sibneft bắt đầu hình thành và sử dụng một thể hệ các nhà quản lý linh hoạt hơn. Eugene Tenenbaum bắt đầu làm việc với

Sibneft khi anh là Giám đốc Điều hành ở Salomon Brothers, ngân hàng đầu tư phụ trách vấn đề Eurobond. Sinh ra ở Nga, anh ta rời Liên Xô năm 1974 khi mới 8 tuổi và chuyển đến Canada. Mặc dù sau đó trở thành công dân Canada, nhưng khi lớn lên, anh ta lại chuyển đến London để theo đuổi ngành ngân hàng. Khi gặp Abramovich và Shvidler, anh ta đã 32 tuổi, vẻ ngoài bảnh bao, luôn đeo kính và đã rất thành đạt. Chính nhờ khuyến nghị của Tenenbaum mà Abramovich đã thành lập một ban quản trị quan hệ đầu tư đầu tiên. Eurobond là biện pháp thu hút thêm tiền mặt bằng cách cam đoan trả một tỷ lệ lãi suất cố định trên giá trị của mỗi trái phiếu và hoàn trả khoản đầu tư của người mua khi đến hạn. Vì Eurobond khi đó đã trở thành một loại hàng hóa có thể giao dịch, nên giá của chúng có thể lên hoặc xuống phụ thuộc vào mức độ tin tưởng của thị trường cả về khả năng trả tỷ lệ lãi suất đã cam đoan và trả gốc đúng hạn của nhà phát hành trái phiếu. Tuy nhiên, niềm tin của thị trường rất dễ bị ảnh hưởng tiêu cực do những tin đồn thất thiệt và các điều kiện giao dịch khó khăn. Vì vậy, Tenenbaum nhắc Shvidler rằng phải có một công vấn về quan hệ công chúng để vô hiệu hóa những tin đồn bất lợi và người được chọn mặt gửi vàng là Gregory Barker. Chuyên gia tài chính trẻ tuổi người Anh này chỉ mới làm việc cho hãng PR Brunswick không lâu trước khi tiếp xúc với Sibneft và vừa trải qua thất bại đầu tiên trong nỗ lực sáp nhập Sibneft và Yukos thành một công ty đầu tư khổng lồ có khả năng cạnh tranh với các công ty khác như Exxon, Shell và BP.

Shvidler thích tính cách của Tenenbaum và rất nhanh chóng, cả Tenenbaum lẫn Barker đều nghỉ việc tại công ty cũ và chuyển đến Moscow vào tháng 3 năm 1998 để đầu tư quân cho Sibneft. Tenenbaum làm Giám đốc tài chính tập đoàn còn Barker trở thành cấp dưới cao nhất của Tenenbaum, phụ trách quan hệ với các nhà đầu tư. Sibneft hoàn toàn khác với những công ty trước đó mà họ đã từng làm việc. “Công việc ở đây rất căng thẳng nhưng hứng thú và

hấp dẫn”, Barker nhớ lại, “Họ không bắt đầu làm việc sớm nhưng liên tục làm việc cho đến rất khuya.” Các nhân viên của công ty rất thân thiết với nhau, đặc biệt là trong ban lãnh đạo. Mọi người thường gọi nhau bằng tên thân mật. Chính phong cách thoải mái của Abramovich đã tạo không khí thân tình cho toàn công ty. Barker còn nhớ rất rõ lần đầu tiên gặp Abramovich: “Tôi còn nhớ đã nói với một thư ký: ‘Cái ông nhà quê đứng ở chỗ máy photocopy kia là ai vậy?’ Cô thư ký trả lời: ‘Roman đây, đây là công ty của ông ấy.’ Anh ấy ăn mặc rất giản dị, chỉ là một chiếc quần jeans và một áo sơ mi hở cổ.”

Văn phòng chính của Abramovich nằm trên một góc tầng chóp của tòa nhà Sibneft ở Moscow, trong khuôn viên một biệt thự được xây dựng vào thế kỷ XIX, có tầm nhìn hướng ra điện Kremlin qua con sông Moscow. Văn phòng xa hoa này có vẻ không hợp với phong cách dân dã của Abramovich. Nội thất của nó do một công ty thiết kế nội thất Anh sắp đặt, bắt chước kiểu cung điện của vua James với những bức tường ốp gỗ tối màu và có một lò sưởi lớn ở giữa.

Abramovich ít khi ngồi sau bàn làm việc. Anh thích được ngồi thư thái trên một chiếc ghế sofa để điều hành các cuộc họp. Khi không khí bớt nóng và có chương trình bóng đá trên truyền hình, nhìn qua cánh cửa luôn rộng mở, mọi người sẽ bắt gặp anh gác chân lên bàn xem đá bóng trên chiếc TV màn hình rộng. Ngay cả Shvidler đáng gờm cũng biết cách giải trí với Abramovich. Mọi người tụ họp ở văn phòng của Abramovich không chỉ để thảo luận về chiến lược kinh doanh mà còn để trò chuyện về những mẫu xe hơi mới và tính xem nên đi đâu trong kỳ nghỉ tới. Abramovich và phụ tá cao cấp nhất của mình không chỉ cùng làm việc mà còn cùng chơi. Mỗi khi họ trở về nhà sau khi cùng nhau đi nghỉ, đến miền nam nước Pháp chẳng hạn, thì mọi người trong văn phòng sẽ phát hiện ra rằng chiến lược hoạt động của Tập đoàn cũng đã được phát triển xa không

kém. Trên thực tế, dấu hiệu duy nhất của việc phân tầng xã hội ở Sibneft, ngoài độ dày của phong bì tiền lương, là bữa ăn trưa. Các nhân viên sẽ ở căng-tin hoặc ở phòng ăn của Ban quản trị tùy thuộc vào vị trí của họ. Riêng Abramovich, tuy có phòng ăn riêng nhưng nếu không có khách thì anh sẽ mời đồng nghiệp cùng dùng bữa.

Nhân vật nổi danh là một trong những ông chủ cứng rắn nhất trên thương trường nước Nga hiện nay chắc chắn cũng có những “phần mềm” khó lý giải. Chánh văn phòng đương nhiệm của Sibneft là Marina Goncharova, một phụ nữ trung tuổi có mái tóc nhuộm vàng, đã làm việc cùng với Abramovich từ những năm 1980 khi hai người cùng bán búp bê ở một sạp hàng ở chợ. Abramovich đã luôn quan tâm tới Goncharova kể từ ngày đó. Một người tỏ ra ngưỡng mộ: “Bất kỳ ai thành đạt như thế ở Anh thì chắc chắn cũng đều đã bỏ rơi cô ấy rồi. Thế nhưng với Abramovich, cô ấy vẫn có sức ảnh hưởng đáng kể.”

Bà không khí dân dã ở Sibneft hoàn toàn đối lập với kiểu văn hóa thứ bậc vốn tồn tại như một truyền thống ở Yukos. Ở Yukos, việc quản lý được tổ chức theo trật tự rất rõ ràng và nhiều người quanh Khodorkovsky tỏ ra khiếp sợ ông ta. Khi điểu hành công ty, Khodorkovsky cho lắp đặt các máy quay phim trong văn phòng để giám sát công việc của các nhân viên. Người ta còn đồn đại về việc Khodorkovsky đã quát mắng những người trưởng thành đến phát khóc và đe dọa họ trước mặt mọi người. Sự khác biệt về phong cách này chưa bao giờ lớn đến mức ảnh hưởng đến việc hợp nhất Sibneft và Yukos, tuy nhiên, chính những vấn đề cốt lõi đã khiến việc đó thất bại. Người ta nói rằng, khi Abramovich và Shvidler nhận thấy Yukos gặp nhiều khó khăn về tài chính hơn họ từng nghĩ, họ đã rút khỏi thương vụ này. Theo trang web của Sibneft, lý do khiến các cuộc thảo luận bị bỏ dở là “vì sự khác biệt về chiến lược”.

Sibneft không chỉ giúp Abramovich và Berezovsky trở thành những trùm tài phiệt trong chớp mắt mà còn giúp họ dư dả tiền bạc vô cùng. Bằng việc thế chấp sản phẩm tương lai cho các ngân hàng nước ngoài, gần như ngay lập tức họ có được những khoản vay khổng lồ. Berezovsky lúc đó rất cần tiền mặt. Tháng 4 năm 1995, lợi dụng lúc Yeltsin quần trí, ông ta tìm cách giành quyền kiểm soát Kênh 1 (Channel One), đài truyền hình quốc gia số 1 ở Nga. Ông ta cam đoan là sẽ biến công cụ truyền thông đầy quyền lực này từ một lực lượng chỉ trích Chính phủ trở thành công cụ cổ động cho sự nghiệp của Tổng thống. Trước tiên ông phải vượt qua sự chống đối của Korzhakov, người kiên quyết phản đối việc trao vào tay tư nhân một doanh nghiệp quan trọng như thế. Tuy nhiên, với sự ủng hộ của nhóm “Gia đình”, Berezovsky dễ dàng đạt được ý đồ khi Dyachenko và Yumashev thuyết phục thành công Yeltsin. Lại một lần nữa, vai trò thành viên nhóm “Gia đình” đã giúp Berezovsky giành được quá nhiều đặc quyền: năm 49% kênh truyền hình này với giá rẻ mạt 2,2 triệu đô-la mà không phải thông qua các cuộc đấu giá công khai theo quy định của pháp luật. Để biện minh, Berezovsky khẳng định rằng mặc dù đài truyền hình này thu được 40 triệu đô-la mỗi năm từ quảng cáo nhưng chi phí lại đang tăng vượt ngoài tầm kiểm soát, lên đến 250 triệu đô-la mỗi năm. Vấn đề ở đây là phần lớn số tiền thu được từ quảng cáo đã bị thất thoát qua các khâu trung gian.

Giải pháp của Berezovsky cho vấn đề này rất linh hoạt. Ông ta chỉ đơn giản đề nghị tuyên bố ngưng bán quảng cáo trong 3 tháng và sau đó bắt đầu mở lại tiến trình này. Việc này làm không ít người tức giận nhưng không ai dự đoán được thảm kịch sẽ xảy ra sau đó. Sau khi đặt một cái tên mới kiểu Orwellian cho kênh truyền hình tư nhân này là Truyền hình Đại chúng Nga, hoặc ORT theo bảng chữ cái tiếng Nga, Berezovsky bổ nhiệm một giám đốc điều hành mới là Vlidislav Listyev. Lúc đó Listyev mới 38 tuổi, có bộ râu kiểu ghi-

đông, là một trong những người dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng nhất thường phỏng vấn những nhân vật có thế lực. Tuy nhiên, chỉ một tháng trước ngày dự định tiếp quản công việc mới (tháng 4), Listyev bị hai người đàn ông bắn chết trên đường dẫn vào căn hộ của mình. Cái chết của nhân vật danh tiếng này đã gây ra một cơn chấn động khắp đất nước và Yeltsin phản ứng bằng cách sa thải công tố viên và cảnh sát trưởng của Moscow, đồng thời đổ lỗi cho Thị trưởng Yuri Lozhkov vì đã không kiên quyết trấn áp mafia.

Dù chính quyền có dùng mọi lời lẽ hoa mỹ thì người ta vẫn không bao giờ tìm thấy thủ phạm. Cái chết của Listyev đã tiếp tục ám ảnh Berezovsky rất lâu. Chúng ta sẽ nhận thấy điều đó trong phần tiếp theo.

Cuối cùng, Berezovsky đã giải quyết vấn đề bằng một biện pháp đơn giản là bán thời gian quảng cáo của ORT cho một doanh nghiệp trung gian để doanh nghiệp này bán lại cho các nhà quảng cáo. Sau này Berezovsky thú nhận: “Tôi chưa bao giờ thích thú với truyền thông như với kinh doanh. Động cơ của ông ta thuần túy là củng cố quyền lực chính trị. “Ngay từ đầu, đó đã là động lực của tôi”, ông ta nói, “Và nhiều người chống lại tôi vì điều đó, nhưng tôi sẵn sàng đương đầu. Tôi nghĩ rằng đây là biện pháp hiệu quả để ngăn chặn cộng sản, ngăn chặn Primakov và Luzhkov (người sau này thách thức Yeltsin trong bầu cử tổng thống).”

Khi vấn đề ORT được giải quyết và Sibneft được vận hành trơn tru dưới sự quản lý của Abramovich và các cộng sự, Berezovsky quyết định tập trung cho sự nghiệp chính trị. Tháng 10 năm 1996, ông trở thành Phó Thư ký Hội đồng An ninh Liên bang Nga, thuộc cấp của Ivan Rybkin. Berezovsky có những mối quan hệ tốt ở Chechnya và nhiệm vụ chính của ông là tìm giải pháp cho cuộc xung đột được khơi mào từ hai năm trước đó. Tuy nhiên, sự nghiệp chính

trị sau đó của ông trùm này không gặp thuận lợi. Ngày 30 tháng 12 năm đó, một bài báo đăng trên tạp chí tài chính Mỹ Forbes đã làm tổn hại nghiêm trọng uy tín của Berezovsky. Bài viết có tiêu đề “Bố già của điện Kremlin? Quyên lức, chính trị, giết chóc. Boris Berezovsky có thể dạy cho các ông trùm mafia ở Sicilia một vài điếu.” Bài báo trên mô tả Berezovsky là người “tinh quái” và “vô liêm sỉ”, đồng thời bình luận: “Sau lưng ông ta đã y rầy xác chết, những món nợ khó đòi và những đối thủ cạnh tranh đang lo sợ cho cuộc sống của họ”, chưa kể đưa ra những cáo buộc khủng khiếp khác, bao gồm cả việc giết hại các đối thủ chính trị, trong đó có cả Vladislav Listyev, người được bổ nhiệm làm Giám đốc điếu hành của ORT. Có lẽ không ai ngạc nhiên lắm khi Berezovsky khởi kiện tạp chí Forbes về tội phi báng. Vụ kiện kéo dài trong nhiều năm vì trước khi điếu trả về vụ này, Berezovsky đòi quyên lức thừa kiện tới các tòa án Anh và bị tạp chí Forbes phản đối kịch liệt. Berezovsky lập luận rằng các tòa án Anh có đủ thẩm quyền xét xử vụ kiện này vì ông có các mối liên hệ trọng yếu về công việc, xã hội và gia đình ở Anh. Ví dụ, bà vợ thứ hai của ông (đã ly thân) sống ở London với hai con chung. Ngoài ra, ông còn có hai người con gái khác từ cuộc hôn nhân trước đang theo học tại Đại học Cambridge.

Forbes thua kiện vào tháng 3 năm 2003, vụ kiện được khép lại với việc tạp chí này thừa nhận đã buộc tội Berezovsky sai, cam đoan không bao giờ nhắc lại và đưa ra lời hiệu đính trên trang web của mình. Dù sao đi nữa, những tai tiếng đó đã khiến giai đoạn đảm nhiệm vị trí Phó Thư ký Hội đồng An ninh của Berezovsky trở nên rất ngán ngùi.

Ông ta và Vladimir Gusinsky bước vào cuộc chiến chống lại Vladimir Potanin sau thất bại trong phiên đấu giá Công ty viễn thông Svyazinvest tháng 7 năm 1997. Ban đầu, chính Abramovich là người đề nghị tư nhân hóa Svyazinvest. Tuy nhiên, thế cờ bị đảo

ngược, cái giá mà họ đề nghị không đạt được. Potanin với sự hậu thuẫn của George Soros đã thắng cuộc sau khi trả giá 1,9 tỷ đô-la. Tuy nhiên, Berezovsky (với sự ủng hộ của Abramovich) và Gusinsky không chấp nhận kết quả đó. Họ sử dụng quyền kiểm soát truyền thông để cáo buộc tiến trình đầu giá này có sự gian lận và Potanin đã hô i lộ các thành viên chính phủ. Hai phó thủ tướng thứ nhất vừa được bổ nhiệm hô i đầu năm là Anatoli Chubais và Boris Nemtsov đã cố gắng xoa dịu vấn đề nhưng không bên nào có ý định thỏa hiệp. Trong cuốn Tales of a Kremlin Digger, Elena Tregubova trích dẫn lời Nemtsov mô tả cuộc chạm trán căng thẳng tại nhà của Valentin “Valya” Yumashev, một nhân vật trung thành với Abramovich-Berezovsky:

Tanya Dyachenko có mặt ở đó. Chubais và tôi đến bởi chúng tôi tưởng Valya muốn thông báo tình hình gì đó, nhưng ông ấy không nói gì. Thật quá tệ. Không khí ngột ngạt. Valya và Tanya ngồi đó trong im lặng, ăn món shashliki với vẻ hăm dọa. Tôi không biết ai chuẩn bị món ăn đó cho họ. Tôi đoán chắc là một đầu bếp nào đó. Sau đó có người nói với tôi rằng đó chính là Abramovich.

Cái gọi là “cuộc chiến truyền thông” này kéo dài nhiều tháng liền cho đến khi Chubais và Nemtsov đến gặp Yeltsin và khuyên Tổng thống “sa thải” Berezovsky, khẳng định rằng nếu ông ta vẫn còn một chân trong Chính phủ thì Yeltsin sẽ mất tín nhiệm với người dân. Sau khi thăm dò ý kiến của các cố vấn, Yeltsin đã thực hiện đề nghị này vào tháng 11 năm 1997. “Tôi chưa bao giờ thích Berezovsky và đến giờ cũng vậy”, Tổng thống viết trong hô i ký, “Tôi không thích vì cái vẻ kiêu ngạo của ông ta và vì mọi người tin ông ta có ảnh hưởng đặc biệt ở điện Kremlin. Điều đó không đúng.” Tổng thống viết thêm rằng ông cảm thấy buộc phải sử dụng Berezovsky vì “tài năng” và “năng lực chuyên môn và kinh doanh” của ông ta.

Nhưng nếu Yeltsin nghĩ sự nghiệp chính trị của Berezovsky sẽ kết thúc tại đây thì vị Tổng thống này đã nhầm. Berezovsky trở lại chính trường tháng 4 năm 1998 khi Leonid Kuchma, Tổng thống Ucraina, đề cử ông làm Thư ký Điều hành của Cộng đồng các Quốc gia độc lập (CIS). Thư ký CIS có nhiệm vụ phối hợp hoạt động giữa các quốc gia thành viên có vai trò quan trọng trong chính trường khu vực. Yeltsin đã phải thừa nhận rằng việc CIS bổ nhiệm chức vụ cho Berezovsky khiến ông “vô cùng ngạc nhiên”. Ông thậm chí còn kinh ngạc hơn khi chứng kiến hết nguyên thủ quốc gia này đến nguyên thủ quốc gia khác lên bục diễn thuyết bày tỏ sự ủng hộ đối với Berezovsky trong vai trò thư ký CIS. Sau đó sự việc dần hé lộ rằng Berezovsky đã vận động hậu trường điên cuồng, tiếp cận từng vị tổng thống một. Yeltsin phát biểu bày tỏ sự e ngại và đề nghị các tổng thống khác cân nhắc lại, nhưng họ phản ứng một cách bối rối và hỏi thảng vì sao Tổng thống Nga lại phản đối một ứng cử viên người Nga?

Yeltsin đề nghị giải lao và yêu cầu Trưởng ban lễ tân triệu tập Berezovsky vào điện Kremlin ngay lập tức. Sau một cuộc gặp riêng ngắn ngủi với ông trùm mà ông từng tỏ ra coi thường này, Tổng thống trở lại phòng họp và thông báo rằng ông đã chấp thuận đề nghị của họ.

Dĩ nhiên Berezovsky thực thi công việc mới một cách rất nghiêm túc. Trụ sở văn phòng mới của ông ta đặt tại Minsk, Belarus. Ông ta nhanh chóng bắt tay vào việc quản lý hoạt động của cơ quan này cho phù hợp với tham vọng của mình. Một người trong cuộc nhớ lại: “Ông ấy không có nên tảng cần thiết. Ông ấy quyết tâm biến cơ quan này thành một tổ chức lớn chỉ trong vài tháng đầu, từ tháng 5 cho đến mùa thu. Thông qua Shvidler, Abramovich đã đề nghị tôi giúp Berezovsky bắt đầu mọi việc.” Anh này không cần phải lo

lãng vì chỉ một năm sau, do tác động của Yeltsin, Berezovsky bị sa thải và không bao giờ giữ vị trí nào trong chính quyền nữa.

Trong suốt thời kỳ này, nhân vật nói trên ở vào vị trí có thể đánh giá được bản chất của mối quan hệ từng là thầy trò giữa Berezovsky và Abramovich. Ông này nói: “Đó chắc chắn không phải là mối quan hệ chủ-tớ. Berezovsky thường đến Sibneft để gặp Abramovich. Trong những lần tôi đến văn phòng của Berezovsky, hai lần ông ấy đi gặp Abramovich, chứ không phải ngược lại.”

Năm 1998, Abramovich vẫn chưa được biết đến nhiều, đối với cả giới tài phiệt phương Tây cũng như là hậu hết công chúng Nga. Gregory Barker cố gắng thuyết phục Abramovich công khai danh sách cổ đông của Sibneft để dân chúng biết rằng Berezovsky, người bị nhiều nhân vật trong cộng đồng tài chính phương Tây coi là lập dị, không phải là cổ đông toàn quyền như họ vẫn nghĩ. Mặc dù Abramovich từ chối nhưng anh quyết định tháo bỏ mặt nạ, công bố mình là đối tác của Berezovsky với hy vọng có thể khiến cộng đồng quốc tế có cái nhìn khách quan và quan tâm nhiều hơn đến Sibneft.

Việc Abramovich mong muốn nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư phương Tây được thể hiện rõ ràng nhất sau thời điểm đồng rúp sụt giá thảm hại tháng 8 năm 1998. Cuộc khủng hoảng bắt đầu ngày 27 tháng 5, sau này được gọi là Ngày Thứ Tư đen tối. Trong phiên đóng cửa hôm đó, chỉ số chứng khoán chính tại Nga bay hơi 10% giá trị, khiến cho tổng mức sụt giảm của thị trường chứng khoán kể từ đầu tháng là 40%. Tỷ lệ lãi suất đã giảm từ 42% trong tháng 1 xuống còn 30%, nay đột ngột tăng lên 150%. Chính phủ nợ nước ngoài hơn 140 tỷ đô-la Mỹ và nợ 60 tỷ đô-la Mỹ tính bằng tiền rúp trong giao dịch thương mại trong nước. Khi đất nước chao đảo bên bờ vực phá sản, Yeltsin buộc phải xem xét việc giảm giá đồng rúp, một động thái chắc chắn là sẽ làm tiêu tan

niềm tin của công chúng. Ông triệu tập Anatoli Chubais, người bị ông sa thải hai tháng trước đó, tới điện Kremlin và đề nghị ông này đi cầu xin sự cứu trợ từ IMF.

Chubais bay tới Washington vào cuối tháng 5 và trở về với lời hứa của Tổng thống Clinton rằng sẽ hỗ trợ tài chính “nhằm thúc đẩy sự ổn định, cải cách cơ cấu và tăng trưởng cho nước Nga”. Tuy nhiên, người ta không hề tin tưởng vào khả năng kiểm soát tình hình của một thủ tướng mới và thiếu kinh nghiệm như Sergei Kiriyenko. Trong lúc đó, chính các ông trùm đang niềm hiềm khích lại ngò i lại với nhau và đề nghị, trái với ý nguyện của Yeltsin, rằng họ muốn đưa Chubais, “người lính cứu hỏa” ưa thích của họ, trở lại chính quyền để tiến hành các cuộc thương lượng quan trọng với IMF. Con số 10 tỷ đô-la mà các ông chủ ngân hàng quốc tế cam kết là không đủ. Nga cần 35 tỷ đô-la. Tình thế đó đã giúp vị thế các ông trùm, trước đó từng bị Kiriyenko thẳng tay tước bỏ, trở lại vị trí hàng đầu.

Trong chuyến thăm tiếp theo tới Mỹ, Chubais thuyết phục được IMF tăng số tiền cho Nga vay lên tới 22,6 tỷ đô-la trong vòng hai năm. Đến cuối tháng 7, họ vẫn tưởng rằng khoản cho vay trước 4,8 tỷ đô-la của IMF có thể giúp giải quyết vấn đề, ít nhất là tới tháng 10. Nhưng thật không may, các nhà đầu tư nước ngoài quyết định rằng đã đến lúc phải rời bỏ Nga. Họ ồ ạt rút vốn, niềm tới mức mà cho đến cuối tháng 8 thì các ngân hàng của Nga không còn đơn giản là gặp khó khăn nữa mà là sắp bị nghiền nát. Sau hàng loạt các sự kiện thảm họa đó, Kiriyenko buộc phải thông báo rằng Chính phủ cho phép phá giá đồng rúp còn 9,5 rúp/1 đô-la Mỹ, mức giảm lên đến hơn 50%. Không lâu sau, Yeltsin sa thải Kiriyenko và nội các của ông ta nhưng đó không phải cách có thể làm dịu vấn đề. Đến cuối năm 1998, đồng rúp đã tụt xuống chỉ còn một phần ba giá trị trước khủng hoảng, hàng trăm nghìn người mất việc làm và

các cửa hàng thì có rất ít hoặc không có gì để bán cả. Đó là thời khắc đen tối nhất của Yeltsin.

Sự yếu kém của đồng rúp trên thị trường tiền tệ quốc tế đã làm cho việc trả nợ nước ngoài của nhiều công ty Nga trở nên vô cùng khó khăn, nếu không nói là không thể. Sibneft đã không gặp may vì chỉ mười ngày sau khi Yeltsin thông báo tạm ngừng trả nợ nước ngoài, Sibneft có một loạt FRN (trái phiếu lãi suất thả nổi) trị giá lên tới hàng chục triệu đô-la đến kỳ hạn thanh toán. Tình hình càng tồi tệ hơn khi công ty này cũng đến hạn phải trả lãi suất Eurobond theo định kỳ hàng quý. Nhưng Abramovich kiên quyết rằng uy tín tập đoàn mà anh đã dày công xây dựng trước đây sẽ không thể bị phá hủy dễ dàng chỉ vì không trả được những khoản nợ trên. “Cứ như là họ đang đọc thần chú vậy”, Barker nói, “Họ suy nghĩ và làm việc suốt ngày đêm. Trong khi một số người nhận thấy đây là cơ hội để gây sức ép đối với các ông chủ ngân hàng thì quan điểm của Sibneft là: chúng tôi sẽ không vỡ nợ. Đó chính là thời khắc tính cách đặc trưng của Abramovich bộc lộ rõ nét nhất.”

Nhưng tính minh bạch về tài chính của Sibneft bắt đầu có dấu hiệu giảm dần trong hai năm sau đó. Thời điểm đó, Eric Kraus, một nhà phân tích đầu tư uy tín người Mỹ làm việc tại Moscow, tỏ ra rất quan tâm một giao dịch khác thường trị giá 450 triệu đô-la liên quan đến cổ phần của Sibneft. Kraus từ lâu đã có mối quan hệ không êm ả với Sibneft và ban quản trị của công ty này. Ông từng thẳng thắn mô tả rằng họ chính là những tên cướp mạo danh. Trước đó, nhân vật này từng có ấn tượng tốt với Sibneft khi nỗ lực Tây hóa phong cách quản trị với việc chỉ định một ban giám đốc độc lập, đưa ra một cam kết về tính minh bạch và công khai thông tin thông qua quan hệ công chúng. Tuy nhiên, đầu năm 2000, Kraus, khi đó đã là chiến lược gia trưởng của công ty môi giới hàng đầu Nikoil, kết luận rằng tất cả những điều đó đều giả dối. “Tôi nhận ra rằng

họ nói được nhưng không làm được”, ông nói, “Đáng buồn là về bản chất, nó vẫn chỉ là một nền chính trị đầu sỏ theo kiểu thú ăn thịt người.”

Những ông ào nổi lên xung quanh việc 27% cổ phiếu mà một trong những cổ đông chính của Sibneft (có tin cho là Abramovich hoặc Berezovsky) đã bán cho Công ty vào tháng 12 năm 2000 với mức giá được giữ kín. Bảy tháng sau, cổ đông lớn này mua lại nguyên vẹn 27% cổ phần bằng cả tiền mặt và “tài sản” để vừa kịp nhận được phần chia cổ tức trị giá 150 triệu đô-la. Kraus và đồng nghiệp từng rất ủng hộ việc Sibneft mua lại số cổ phiếu đó vì cho rằng như vậy thì tất cả cổ đông của Sibneft sẽ được hưởng lợi với tư cách là cổ đông của một công ty sở hữu khối lượng tài sản nhiều hơn trước. Nhưng khi Sibneft công bố các tài khoản IAS (International Accounting Standards - Chuẩn mực Kế toán Quốc tế) vào tháng 10 năm 2001, thông báo việc giao dịch cổ phiếu và chi trả cổ tức thì tranh luận lập tức nổ ra. Vấn đề nằm ở chỗ Sibneft từ chối cho biết họ đã phải trả bao nhiêu để mua số cổ phiếu ban đầu và “người bán trở thành người mua” ấy sau đó đã trả bao nhiêu. Sự thiếu minh bạch một cách cố ý đó khiến giá cổ phiếu của Công ty đã giảm xuống 20% khi các cuộc tranh luận diễn ra. Kraus quan sát và nhận định:

Các nhà đầu tư rất tức giận còn chúng tôi thì rất bất bình. Đó thực sự là một ác mộng PR cho Sibneft. Vì vậy, họ tổ chức một hội nghị trên điện thoại. Hội nghị này kỳ quái đến mức có thể so sánh với những vở bi hài kịch của nhà văn Samuel Beckett. Tham gia hội nghị này gồm Richard Creitzman (một giám đốc điều hành cao cấp của Sibneft), Nick Halliwell (người đã thay Barker làm Giám đốc quan hệ đầu tư), và một người từ bộ phận tài chính tập đoàn. Họ không thể nói được giá phải trả cho số cổ phiếu, bằng tiền mặt hay bằng các hình thức khác và đã trả cổ tức hay chưa. Họ tỏ ra

vô cùng bô i rô i và Creitzman buộc phải cam đoan: “Đây có thể không phải là ngày vinh quang nhất trong lịch sử của Sibneft nhưng giao dịch đó là tự do và công bằng.”

Phản ứng bảo thủ, tự mãn của Sibneft chỉ khiến các nhà đầu tư nhỏ tức giận hơn và Kraus quyết định phải đưa ra một đánh giá đầu tư cho vấn đề này: “Trong một bài báo gây xôn xao dư luận gần đây, chúng tôi gọi Sibneft là ‘kẻ cướp mạo danh.’” Đánh giá của Kraus được Thời báo Moscow phiên bản tiếng Anh sử dụng trong một câu chuyện có tiêu đề: “Kẻ cướp: Sibneft bị lên án vì bán phá giá cổ phiếu”. Kraus nhớ lại:

Họ làm âm ỉ cả lên khi bài báo đó được đăng. Tôi nghe nói Roman Abramovich đã gọi điện cho Nikolai Tsvetkov, Chủ tịch tập đoàn Nikoil để yêu cầu sa thải tôi ngay lập tức. Dưới áp lực của Abramovich và Shvidler, Halliwell quát lên trong điện thoại với tôi: “Thật là kinh khủng” và đề nghị tôi rút lại lời nhận xét đó. Tôi trả lời rằng tôi sẽ làm như vậy nếu họ cho biết giá chuyển nhượng, người được chuyển nhượng cổ phiếu và lý do cho thấy giao dịch đó là công bằng đối với các nhà đầu tư khác. Tôi thừa nhận rằng việc tôi dùng từ “kẻ cướp” là không chuyên nghiệp nhưng tôi không thể không dùng cái từ gây tranh cãi đó.

Kraus có thể cương quyết bảo vệ quan điểm của mình nhưng Ban quản trị Nikoil đã đầu hàng Abramovich. Công ty này ra thông cáo báo chí trích lời phát biểu của Cormac Lynch, Chủ tịch Ngân hàng đầu tư của Nikoil: “Bình luận của Ngài Kraus là thiếu trách nhiệm và không đại diện cho quan điểm của Nikoil về Sibneft. Kiểu cáo buộc thiếu cơ sở này gây tổn hại nghiêm trọng đến danh tiếng của Nikoil với tư cách là một nguồn phân tích độc lập và khách quan.” Tất cả những nghi ngờ rằng lời xin lỗi này không phải là do Sibneft ra lệnh đề nghị bị xóa tan ngay sau khi người ta nhận thấy phiên bản đầu tiên của lời xin lỗi được in trên thông cáo nội bộ của Sibneft. Tại

một hãng tin điện tử lớn, các nhà báo buồn cười chuyện này đến mức họ ghim bản copy của nó lên bảng tin công cộng.

Trong khi đó, tại một hội nghị của Sacs Bloomberg được tổ chức ở khách sạn Savoy, London không lâu sau khi tin tức về vụ mua bán cổ phiếu bất chính này bị bung ra, người ta đề nghị một ủy viên cấp Ban quản trị Sibneft phát biểu. Ông này đã không những không thể làm rõ vấn đề, mà thay vào đó nhắc lại cam kết của Sibneft về khả năng quản trị tập đoàn tốt, khán giả cười ò lên.

Cuối cùng thì Kraus vẫn bị Nikoil đuổi việc và đề nghị rời đi ngay lập tức hoặc sau ba tháng, khi vụ lùm xùm đã lắng xuống. Kraus quyết định nán lại một thời gian.

Đến lúc này, lẽ ra vấn đề phải được khép lại, nhưng Edward Lucas, một phóng viên chi nhánh Moscow của tờ The Economist lại tiếp tục khơi ra câu chuyện. Bài báo của anh có tiêu đề: “Đặt mồi, di chuyển, kéo câu, nút chum” và phụ đề ghi: “các doanh nhân Nga vẫn giữ một số thói quen xấu cũ”. Bài báo bắt đầu bằng câu bình luận: “Ở nhiều nước điếu đó là bất hợp pháp. Ngay cả ở Nga, việc đó cũng là có vấn đề.” Hành động thiếu minh bạch của Sibneft đã được quốc tế biết đến rộng rãi, nhưng các cơ quan giám sát có trách nhiệm của Nga không có động thái điều tra nào cả. Ủy ban Chứng khoán Liên bang, “một con cá mập không răng” như một nhân vật trong nội bộ nhận xét, hoàn toàn không có bất cứ phản ứng nào.

Vậy động cơ của thương vụ được sắp đặt một cách tài tình này là gì? Kraus cho rằng những ai đủ tinh táo đều có suy nghĩ giống như anh: “Tôi đoán rằng Berezovsky và/hoặc các cổ đông khác của Sibneft cần tiền mặt. Họ ‘bán’ cổ phiếu của mình cho Sibneft với thỏa thuận rằng họ có thể mua lại. Sau đó Sibneft tuyên bố một đợt

trả cổ tức béo bở và những ông trùm đã nhanh tay mua lại toàn bộ số cổ phiếu kia để ‘hót không’ phần cổ tức”

Bàn về việc này hai năm rưỡi sau đó, “cánh tay phải” của Abramovich thừa nhận rằng đó là “một sai lầm lớn”. Anh này nói: “Nếu thầy được hậu quả thì chúng tôi đã không đề xuất việc đó. Nó không phải là phi pháp mà chỉ là trình độ quản trị tập đoàn kém và lẽ ra chúng tôi phải giải thích được phần nào cho công chúng. Trên bảng cân đối tài sản của công ty khi đó có nhiều tiền mặt và chúng tôi thấy nơi trữ tiền mặt tốt nhất là cổ phiếu, vì vậy chúng tôi đã mua số cổ phiếu đó với giá thị trường.” Theo nhân vật này, mặc dù Sibneft muốn trở thành một công ty đại chúng nhưng lúc đó vẫn chịu sự kiểm soát của Ban quản trị, “không phải là kiểu công ty Coca-Cola hay IBM”. Anh cũng chỉ ra rằng mặc dù lúc đó giá cổ phiếu trên thị trường giảm nhưng sau đó đã tăng lên “200 đến 300%”.

Khi Sibneft thu lại được lượng tiền mặt đã dùng để trả cho số cổ phiếu bằng việc bán lại cổ phiếu cho người bán ban đầu, công ty này góp vốn đầu tư vào Slavneft, một công ty dầu lửa khác. Năm 2002, cùng với một đối tác liên doanh, công ty này tiến hành mua thêm 49% vốn cổ phần của Slavneft (xem chương 8).

Sản xuất dầu ở Nga giảm từ 591 triệu tấn năm 1987 xuống còn 303 triệu tấn năm 1998 khi quan điểm mới “lợi nhuận, chứ không phải sản lượng” bén rễ trong giới kinh doanh. Tuy nhiên, không lâu sau khi thế giới bước vào thiên niên kỷ thứ 3, sản lượng của Sibneft tăng vọt. Theo Bộ Năng lượng Nga, Sibneft dẫn đầu về tỷ lệ tăng trưởng sản lượng trong năm 2001 với mức tăng 20%. Năm 2002, sản lượng dầu thô của Sibneft tăng tiếp 27%. Cùng với việc tăng sản lượng khai thác từ các mỏ dầu cũ, công ty này còn mở thêm các mỏ

dầu mới. Năm 2000, bốn mỏ dầu mới đi vào sản xuất, trong khi ba mỏ khác đang được xây dựng. Nhờ đầu tư lớn cho công nghiệp lọc dầu và cùng với các hoạt động đầu tư quy mô khác, Sibneft đã trở thành nhà sản xuất dầu động cơ lớn thứ hai của Nga. Sibneft cũng xây dựng một mạng lưới các trạm bơm xăng dầu ở Moscow và công bố các kế hoạch xâm nhập thị trường St Petersburg. Ngay cả Eric Kraus cũng rất ấn tượng với kết quả đó: “Tôi chưa bao giờ khuyến nghị các nhà đầu tư bán Sibneft, và ngày nay nó đã trở thành một công ty dầu lửa phát đạt, quản trị tốt và hoạt động ngày càng tốt.”

Vận may tiếp tục đến với Abramovich khi anh tận dụng được cơ hội một doanh nghiệp dầu lửa lớn được đem ra đấu giá. Thương vụ kiếm bộn tiền tiếp theo là khi anh táo bạo mua lại hai nhà máy luyện nhôm lớn. Điểm chung của hai thương vụ này là anh chỉ phải trả cái giá rất thấp cho số cổ phiếu muốn nắm giữ. Với vụ Sibneft, anh lợi dụng bối cảnh Tổng thống Yeltsin vô cùng cần tiền. Còn trong trường hợp các nhà máy nhôm, anh được hưởng lợi do bên bán bị yếu thế. Sau khi chính quyền Xô Viết sụp đổ, lĩnh vực nhôm chính là nơi diễn ra những cuộc chiến tàn bạo nhất nhằm tranh giành quyền kiểm soát các tài sản nhà nước cũ. Cho đến khi Abramovich bước vào bàn đàm phán thì các cuộc chiến đó cơ bản đã chấm dứt.

Cái gọi là “Cuộc chiến Kim loại” diễn ra hồi đầu thập kỷ 1990 được khơi mào khi các đối thủ cạnh tranh nhận ra tiềm năng kinh doanh trong lĩnh vực nhôm và nickel, tương tự như việc Abramovich nhận ra tiềm năng kinh doanh trong ngành dầu lửa. Giá nhôm trong nước và quốc tế chênh lệch nhau đến mức mà các nhà buôn tháo vát có thể kiếm lời tốt nếu biết tận dụng cơ hội thuận lợi trong giai đoạn giao thoa giữa những quy định khắt khe thời kỳ cộng sản và sự quản lý kinh tế theo nguyên lý của chủ nghĩa tư bản. Một

sinh viên 20 tuổi có tên là Andrei Melnichenko đã kinh doanh và nhanh chóng kiếm được một triệu đô-la nhờ buôn bán kim loại trong khi vẫn chưa tốt nghiệp chuyên ngành vật lý học tại Đại học Quốc gia Moscow. Nhưng sau đó Melnichenko lựa chọn con đường tài chính và đã trở thành Giám đốc Ngân hàng MDM đầy quyề n lực, còn thương gia Oleg Deripaska, bạn của Melnichenko trong Sở Giao dịch Hàng hóa Nga, quyết định đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nhôm. Để làm được điều đó, anh buộc phải hy sinh nhiều điều. Deripaska không chỉ phải chuyển từ Moscow tiện nghi đến sinh sống ở thành phố Krasnoyarsk tẻ nhạt tại Siberia mà còn phải bước vào một thế giới đáng sợ của những mưu mô tởng tiề n, những hợp đồng giết chóc và những vụ kiện tụng lùm xùm kéo dài.

Năm 1992, ngành công nghiệp nhôm của Nga rơi vào khủng hoảng. Bốn nhà máy luyện nhôm lớn nằm ở Krasnoyarsk, Bratsk, Sayansk và Novokuznetsk đều từng có một khách hàng lớn là Không lực Xô viết. Tuy nhiên, khi Chiến tranh Lạnh kết thúc và nền kinh tế bị suy sụp, họ đều thiếu ưu tiề n nghiêm trọng. Tệ hơn là Kazakhstan và Ukraine, hai bạn hàng cung cấp ô-xít nhôm (nguyên liệu thô để sản xuất nhôm) truyền thống không còn là bộ phận của Liên Xô nữa. Các quốc gia độc lập này quyết định xuất khẩu ô-xít nhôm sang Nga theo giá thị trường.

Đến lúc này, David Reuben, chủ tịch của một công ty buôn bán kim loại có trụ sở ở London từng mua nhôm của Liên Xô từ thập kỷ 1970, quyết định dấn thân vào thị trường Nga đầy rủi ro. Ông đi tiên phong trong việc thực hiện biện pháp “thu phí (tolling). Công ty Transworld Metals của ông sẽ cung cấp ô-xít nhôm cho các nhà máy luyện nhôm của Nga; các nhà máy này sẽ xử lý nguyên liệu thô thành nhôm; Transworld sẽ bán số nhôm đó ra thị trường thế giới và chuyển lợi nhuận cho một công ty nước ngoài. Khi chính phủ Nga chuẩn bị bãi bỏ thuế VAT và thuế hàng hóa đối với nhôm xuất

khẩu để đổi lấy ô-xít nhôm nhập khẩu và thu phí luyện nhôm bằng ngoại tệ mạnh, kế hoạch này của Reuben tỏ ra có khả năng sinh lời rất lớn. Chương ngại vật duy nhất đối với Reuben là chủ nghĩa tư bản đậm tính công nghiệp của Nga thời kỳ đó đang phát triển đến đỉnh điểm và các thành phố luyện kim ở Siberia chính là những nơi có tình trạng bạo lực đáng sợ nhất. Đây chính là thách thức mà Reuben phải vượt qua.

Tình trạng giết chóc ở Krasnoyarsk bắt đầu từ đầu những năm 1990 khi một nhân vật xã hội đen có tên là Christyak bị giết hại và 6 tuần sau lại đến một người khác tên là Sinii. Những vụ ám sát này khiến ông trùm xã hội đen Vladimir Liphyagov, tên thường gọi là Lyapa, ra lệnh trả thù. Không may cho Lyapa, những tay súng mà anh ta thuê bội phản, tỏ với mục tiêu của anh ta về số tiền thưởng và người này ngay lập tức treo thưởng gấp đôi nếu họ quay lại giết Lyapa. Tháng 11 năm 1993, sau một trận đấu súng ác liệt, Lyapa bị bắn chết ở trung tâm thành phố Krasnoyarsk. Sau cái chết của Lyapa, giới trùm tội phạm truyền thống của thành phố này chỉ còn lại Yuri Tolmachev, còn gọi là Tolmach. Tên này vô cùng lo sợ. David Satter, tác giả cuốn sách *Darkness at Dawn: the Rise of the Russian Criminal State* (tạm dịch: Bóng tối lúc bình minh: Sự phát triển của tình trạng tội phạm ở Nga), viết:

Anh ta đi đâu cũng kèm theo hàng trăm vệ sĩ. Khi về đến chung cư 9 tầng của mình, anh ta chỉ rời khỏi xe hơi sau khi các vệ sĩ đã kiểm tra toàn bộ khu cầu thang. Ngày 12 tháng 5 năm 1994, Tolmach về đến nhà và ra khỏi xe sau khi các vệ sĩ đã lục soát cầu thang. Đúng lúc đó, một cửa thông hơi hướng ra phía tầng hầm hé mở, một nòng súng nhô ra và người ta nghe thấy một tiếng nổ của một khẩu súng tự động. Tolmach bị trúng 20 phát đạn.

Vụ ám sát Tolmach làm bùng lên một làn sóng giết chóc mới mà đối tượng là các doanh nhân không chịu quy phục chính quyền

mới, các quan chức chính phủ cố tình can thiệp, đại diện của các nhóm tội phạm có tổ chức đóng tại Moscow tính toán sai lầm khi đến Krasnoyarsk đòi được công nạp, và những người không may bị các sát thủ chuyên nghiệp giết nhầm hoặc gặp tên rơi đạn lạc. Con số thiệt mạng lên đến hàng chục người đã biến Krasnoyarsk thành một “thành phố ma” cứ sau 8 giờ tối.

Một chiến lược khác của giới tội phạm là chặn nguồn tài chính của các nhà máy. Khi chủ tịch Ngân hàng Yugorsky đang tìm cách mua một nhà máy luyện nhôm tư nhân thì một trong số các phó chủ tịch của ông bị bắn chết trong xe hơi. Sau đó, chính ông thì được tìm thấy với hàng chục vết đâm trên người và họng thì bị rách nát. Trong một sự việc khác xảy ra gần hai tháng sau đó, người ta thấy hai gã đàn ông tuyên bố là người của FSB đến tìm Felix Lvov, Giám đốc Thương mại của công ty kim loại Mỹ AIOC, tại sân bay Sheremetyevo của Moscow và đưa anh này rời khỏi sân bay. Felix Lvov sau đó được tìm thấy trên một đường rác ven đường với năm phát đạn trên người.

Các quan chức nhà nước cố gắng can thiệp nhằm khôi phục lại trật tự cũng bị thanh toán không kém phần tàn nhẫn. Ngày 3 tháng 7 năm 1997, Phó Tổng đốc Dmitri Chirakadze bị một nhóm côn đồ dùng dao tấn công trên đường. Ông bị đâm năm phát vào cổ, lưng và bụng. Mặc dù sống sót nhưng ông mất khả năng làm việc trong nhiều tháng liền.

Trong một môi trường như thế, những gì Reuben cần là một số đồng tác có bản lĩnh và hòa nhập tốt với cuộc sống nơi này. Anh em nhà Chernoi là Mikhail và Lev tỏ ra có tất cả các tiêu chuẩn cần thiết. Từng nhiều năm buôn bán kim loại, họ không chỉ là bạn của Oleg Soskovets, Chủ tịch Ủy ban Luyện kim Nga lúc đó, mà còn có các mối liên hệ với Shamil Tarpishchev, huấn luyện viên tennis đầy thế lực của Yeltsin, và sau đó là Aleksandr Korzhakov. Một

điểm cộng cho anh em nhà Chernoi là họ không dính líu vào những hoạt động tội ác vô n diễn hình cho cuộc sống ở Krasnoyarsk. Vì vậy, Reuben giúp anh em Chernoi thành lập một công ty ở Monte Carlo có tên gọi là Trans-CIS Commodities và hợp nhấ t với các công ty khác của nhà Chernoi để câ u thành Tổ hợp Trans-World Group. Anh em Chernoi góp vô n trong một số nhà máy nhôm, trong đó có 20% cổ phầ n tại nhà máy Krasnoyarsk, còn gọi là KrAZ.

Năm 1999, Oleg Deripaska, người đã tiế n một bước dài so với thời còn là một sinh viên kiêm nhà buôn kim loại, xác định KrAZ là mục tiêu tiế p theo trong quá trình xây dựng đế chề của mình. Deripaska đã bắt đầ u làm việc ở nhà máy nhôm Saransk Aluminium từ đầ u thập kỷ 1990 khi mới 26 tuổi. Anh làm việc nhiề u giờ trong ngày, thường xuyên ngủ đê m tại nhà máy và có lúc mái tóc của anh gầ n như rụng hế t do bị nhiễm các loại hóa chấ t công nghiệp sử dụng trong quá trình luyện nhôm.

Khi Yeltsin sa thấ Sосkovets và Korzhakov năm 1996, tổ hợp Trans-World Group bị suy yế u nặng nề và sau đó bị chia thành một số công ty nhỏ hơn. Deripaska đã nhanh tay chiế m được quyề n sở hữu nhà máy nhôm Siberian Aluminium, hay còn gọi là SibAl, trong đó không chỉ có nhà máy luyện nhôm Sayansk mà còn có nhà máy Nikolaevsk, một nhà máy sản xuấ t ô-xít nhôm ở Ucraina. Công cuộc thầ u tóm KrAZ của Deripaska hoàn tấ t vào tháng 10 khi Lev Chernoi, do mâu thuẫn với anh trai, và một ông chủ ngân hàng có tên là Vasily Anisimov đờ ng ý bán cổ phiế u cho Abramovich, một cộng sự thân cận của Deripaska lúc đó. Khát vọng xây dựng một tập đầ n nhôm khổng lồ và thố ng nhấ t của Deripaska sắ p thành hiện thực. Một năm sau ông đã thầ u tóm được BrAZ ở Bratsk, ăn chấ c nhà máy Sayansk rồ i chuyể n KrAZ cho cộng sự của mình là Abramovich. Việc còn lại là phải giành đượ c mục tiêu cuố i cùng, NkAZ ở Novokuznetsk.

Năm 2000, các ông chủ của NkAZ là anh em nhà Zhivilo, Mikhail và Yuri, những người đã nắm quyền kiểm soát nhà máy được 5 năm, đồng ý bán toàn bộ nhà máy. Có hai bên tham gia đấu giá: Abramovich và một doanh nhân có tên là Grigori Luchansky. Nghe nói mức giá mà Abramovich trả, khoảng từ 50 đến 70 triệu đô-la (mặc dù giá thị trường của công ty này được cho là gần 200 triệu đô-la), đã được chấp nhận vào tháng 2 năm 2000. Luchansky tiếp tục bán số cổ phần còn lại của mình cho Abramovich. Sau khi thu tóm xong NkAZ, hồ sơ ngành nhôm của Abramovich được hoàn tất. Năm 2000, các nhà máy KrAZ và NkAZ thuộc sở hữu của Sibneft được sáp nhập với SibAl của Deripaska để thành lập tập đoàn Russian Aluminium, hay còn gọi là RusAl. Sự hợp nhất hai tập đoàn nhôm lớn này là thương vụ sáp nhập lớn nhất trong lịch sử nước Nga, tạo nên một tập đoàn khổng lồ sản xuất không dưới 70% sản lượng nhôm của Nga, 10% nguồn cung của toàn thế giới. Và giá trị tài sản của Abramovich nhanh chóng tăng lên đến con số 3 tỷ đô-la!

Chương 6. Tham gia chính trường

Một buổi sáng mùa hè oi ả tháng 8 năm 1999, Vladimir Putin bắt đầu ngày làm việc đầu tiên với tư cách là Thủ tướng của Yeltsin. Sớm hôm đó, đoàn xe hộ tống Putin lướt nhanh vào khuôn viên điện Kremlin, khu vực biệt lập rộng hơn 3 hecta. Người lái xe đưa ông đến lối vào Tòa Văn phòng Tổng thống Số 1. Dù cảm thấy căng thẳng nhưng ông vẫn thể hiện dáng vẻ thư thả trong chiếc áo sơ mi khi bắt tay vào công việc trong khu vực phòng họp đầy quyền lực như Phòng Ban dự của Nhà Trắng. Nhưng lúc này, tầng lầu bên trên mới chính là nơi diễn ra các cuộc phỏng vấn đặc biệt. Các chính trị gia cao cấp đi lại trong dãy hành lang khi chờ được gọi phỏng vấn tại một căn phòng kín. Người phỏng vấn là một thanh niên trẻ và có vẻ dễ chịu. Từng người trong số những người đã được lựa chọn vào vị trí lãnh đạo các bộ, ngành quan trọng trong chính quyền mới của Putin, lần lượt thảo luận với một người đàn ông ngoài 30 tuổi có dáng vẻ khiêm tốn. Phía sau cánh cửa đóng chặt, anh kiên nhẫn trao đổi và lắng nghe từng người.

Ai là người xét duyệt hồ sơ của nội các tương lai đó của Putin? Đó chính là một người từng bán búp bê nhựa ở chợ và đã trở thành một ông trùm: Roman Abramovich.

Người phóng viên tình cờ phát hiện ra vai trò của Abramovich trong hậu trường là Alexei Venediktov, Tổng biên tập Đài Tiếng vọng của Moscow. Theo thông lệ khi diễn ra các cuộc cải tổ nội các, ông sẽ đến điện Kremlin để gặp gỡ những nhà hoạch định chính sách. Ông đi dọc con đường giữa tòa Thượng viện và khu vực tòa nhà Quốc hội được xây dựng rất hiện đại trước khi rẽ trái và bước vào tòa nhà Số 1. Việc đầu tiên của ông là tham dự một cuộc họp thông báo tình hình chung dưới sự chủ tọa của Aleksandr Voloshin, Chánh Văn

phòng Tổng thống và các cấp phó của ông ta. Khi cuộc họp này kết thúc, ông bắt đầu đưa tin. Theo quy định của Hiến pháp Nga, tất cả các ứng viên văn phòng nội các phải được Phòng Nhân sự của Tổng thống phỏng vấn trước khi nhậm chức. Trong khi họ chờ đợi bước vào buổi phỏng vấn, Venediktov tìm cách tiếp xúc và trò chuyện với họ.

Venediktov không phải là một phóng viên điển hình kiểu Nga. Ông ưa thích những chiếc áo sơ mi dài kín cổ, quần jean và áo lót cổ chữ V, đeo kính gọng thép và để mái tóc xoăn dài. Trông ông giống một giáo viên môn lịch sử hơn là một trong những nhà phân tích chính trị sắc bén nhất đất nước lúc đó. Khả năng độc lập trong suy nghĩ đã giúp ông trở thành một trong những tiếng nói được coi trọng nhất trong nền chính trị Nga. Ví dụ, trong cuộc đảo chính năm 1991, ông đã chống lại mệnh lệnh của các ông chủ, từ chối phát sóng thông tin của lực lượng âm mưu đảo chính. Bản tính trung lập đó khiến ông không thể thân thiết với các nhân vật hàng đầu, thậm chí trong hội ký, Yeltsin còn dùng từ “chưa loét” để lột tả tính cách của ông.

Khi leo lên đến tầng 3, Venediktov bắt chuyện với một người lạ mặt khoảng hơn 30 tuổi. Không lâu sau, ông phát hiện ra quyề n lực ghê gớm của người này. Ông thậm chí còn rất ngạc nhiên khi biết điề u này. Ông nhớ lại:

Tôi đến nói chuyện với một số ứng cử viên mà tôi quen biết và hỏi họ đang làm gì ở đó. Họ trả lời: “Chúng tôi đang chờ phỏng vấn”. Tôi hỏi ai sẽ phỏng vấn họ và “Ông ấy trông thế nào?”. Khi họ mô tả anh ta, tôi nhận ra rằng đó chính là người đàn ông trẻ mà tôi đã gặp ở hành lang điện Kremlin.

Việc một trong số những phóng viên thạo tin nhất của Moscow, đã tham gia thương trường từ năm 1990 mà không nhận ra một tỷ

phú thân cận với Tổng thống nghe có vẻ khó tin nhưng quả thực là lúc đó không có bức ảnh nào của Abramovich được công bố cả. Trên thực tế, khi tin tức về quyền lực và ảnh hưởng của ông trùm này bắt đầu lan ra, biên tập viên các báo buộc phải sử dụng ảnh vẽ chân dung Abramovich do các họa sĩ thực hiện cho đến khi có ai đó đã chụp lên được một bức ảnh của ông trùm giàu có mà khiêm tốn này.

Mặc dù từ đầu năm 1999, các ứng cử viên tham gia vào chính quyền của Putin đều phải trải qua cuộc phỏng vấn của Abramovich, nhưng đến tháng 12 năm 2003, Abramovich vẫn kiên trì con đường của một doanh nhân thay vì của một chính trị gia. Theo Venediktov:

Trong cuộc gặp gần đây nhất với tôi, Abramovich nhấn mạnh: “Alexei, tôi cam đoan với anh là tôi không thích chính trị.” Tôi liền nhắc lại việc ông ấy đã giúp thành lập nội các năm 1999 ra sao, từng ứng cử viên bộ trưởng trong chính quyền Putin phải đến gặp ông ấy ở văn phòng thế nào. Ông ấy trả lời: “Không phải như thế”. Tôi nói, đúng là như vậy, bởi vì tôi có mặt ở điện Kremlin hôm đó và tận mắt chứng kiến. “Ồ”, ông ấy cười, “đó chỉ là các cuộc trò chuyện thân tình”. Các cuộc trò chuyện thân tình ư? Trong điện Kremlin ư?

Thông tin mà Venediktov có được có thể trở thành một khám phá bất lợi cho Abramovich. Nếu nó được lan truyền rộng rãi trong công chúng, có thể khiến các chính trị gia bảo thủ cảnh giác hơn với sự can dự của Abramovich vào tiến trình buôn bán quyền lực ở cấp lãnh đạo cao nhất của điện Kremlin. May cho Abramovich, anh có thể tin cậy vào sự sáng suốt của Venediktov. Cho đến tận bây giờ.

Khi đọc hồ sơ ký của Yeltsin, bạn có thể đã nghĩ rằng chỉ duy nhất ông ấy là người có công trong việc phát hiện ra khả năng của tổng thống tương lai Putin. Trên thực tế, chính các ông trùm cũng

muôn đảm bảo nhân vật thay thế Yeltsin phải là ứng cử viên do họ lựa chọn và kiểm soát. Trong khi đó, ý nguyện của cử tri cũng là một yêu cầu phải được tính đến. Vì vậy, các ông trùm nhận thấy họ cần một người có khả năng lôi cuốn được quảng đại quần chúng.

Để đạt được mục đích này, việc đầu tiên họ làm là mời một công ty tư vấn chính trị có trụ sở tại Mỹ. Sau khi tiến hành một loạt các cuộc thăm dò ý kiến, các cố vấn kết luận rằng kiểu mẫu ứng cử viên tổng thống có thể được người dân Nga ủng hộ phải là “một người cứng rắn”. Yevgeny Primakov, thủ tướng từ tháng 9 năm 1998 đến tháng 5 năm 1999, tham gia cuộc đua cho đến khi phải bỏ cuộc vì có chủ trương chữ “r” (tái quốc hữu hóa – re-nationalization). Người kế nhiệm Primakov là Sergei Stepashin cũng được cân nhắc nhưng người ta nhanh chóng nhận thấy anh không đủ uy tín và sức thu hút về tính cách để có thể đánh bại đối thủ chính là Thị trưởng Moscow Yuri Luzhkov. Stepashin bị sa thải chỉ sau khi nhậm chức Thủ tướng chưa đầy ba tháng.

Người lên thay Stepashin là Vladimir Putin, mặc dù hoàn toàn vô danh cho đến khi được bổ nhiệm làm thủ tướng, lại tỏ ra có đủ những phẩm chất cần thiết. Trong thời kỳ Liên Xô, ông gia nhập KGB, đã thăng tiến và nắm giữ vị trí lãnh đạo FSB (tên gọi của KGB dưới thời Yeltsin) năm 1998. Là một người có vẻ khỗ hạnh, đôi mắt hiem khi để lộ xúc cảm, ông tỏ ra thực sự là “một người cứng rắn”. Trong cuốn First Person (tạm dịch: Nhân vật đầu tiên), câu chuyện về cuộc đời của Putin xuất bản năm 2000, một người bạn của Putin kể lại rằng khi ông đang ở cùng với Putin, có một sinh viên say khướt đến và xin ông một điếu thuốc. Tuy nhiên, vị tổng thống tương lai ngăn lại. Cậu sinh viên này hùng hổ phản ứng và “đột nhiên những chiếc vợt qua trước mặt tôi, cậu nhỏ bay vèo đi chỗ khác. Tôi ráng khoái cái cách cậu ấy ném cậu sinh viên đó đi. Chỉ một động tác, đôi

chân của cậu ta bay lên trời!”. Đùng đại gây sự với người đã từng vô địch judo Leningrad năm 1976 ấy.

Việc Abramovich hỗ trợ Putin tuyên dụng nội các đầu tiên chỉ là sự bắt đầu của một sự nghiệp buôn bán quyên lực chính trị vô cùng năng động. Trong suốt nhiệm kỳ tổng thống cuối cùng, Yeltsin đã buộc phải tranh đấu với một Duma Quốc gia do phe cộng sản chiếm ưu thế. Mặc dù tỷ lệ ủng hộ Putin gia tăng nhanh chóng, nhưng vị thế của các nhà cộng sản và khối Fatherland-All Russia trong các cuộc bầu cử vẫn tỏ ra thách thức. Điều cần thiết lúc này là phải có một chính đảng toàn tâm toàn ý ủng hộ Putin, nếu chưa có sự hiện diện của một đảng nào như vậy thì cần phải thành lập một chính đảng mới. Kết quả là đảng Thống nhất, một chính đảng tập hợp các thành phần hỗn tạp, được thành lập và đặt dưới sự lãnh đạo của Bộ trưởng Tình trạng khẩn cấp Sergei Shoygu, một nhân vật dễ chịu và có uy tín cao. Nhưng ông chủ và nhà tổ chức thực sự đứng sau đảng này không ai khác chính là Abramovich.

Không chỉ bảo đảm về tài chính, Abramovich còn đóng vai trò rất lớn trong việc thuyết phục các thống đốc địa phương để phát triển đảng này ra toàn quốc. Đây là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và khó khăn bởi đối thủ chính của Putin trong cuộc đua vào phủ tổng thống là Thị trưởng Moscow, người nhận được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng thủ đô. Tại Moscow, chắc chắn Luzhkov sẽ thu hút được nhiều phiếu hơn. Vì vậy, việc quan trọng là phải tối đa hóa ảnh hưởng của đảng Thống nhất ở những nơi khác ngoài Thủ đô.

Chỉ trong vài tháng cuối năm 1999, Đảng Thống nhất từ một ý tưởng viễn vông đã trở thành một lực lượng chính trị đáng kể. Tuy nhiên, Putin gặp phải một vấn đề nan giải là liệu có nên gấn hình ảnh của mình với “một chính đảng vô danh và thiếu kinh nghiệm” như nhiều người trong phe của ông mô tả. Nếu Đảng Thống nhất

không tạo được dấu ấn trong các cuộc bầu cử nghị viện, nỗ lực tranh cử tổng thống của ông có thể sẽ thất bại chí tử. Các cố vấn của ông bị chia rẽ trong vấn đề này nhưng cuối cùng chính Putin là người quyết định. Trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình, khi được hỏi là sẽ bầu cho đảng nào, ông trả lời: “Chỉ có một đảng duy nhất rõ ràng và chắc chắn là sẽ ủng hộ sự nghiệp của chúng tôi. Đó là Đảng Thống nhất”. Vào ngày bầu cử, ngày 19 tháng 12 năm 1999, sự quyết đoán của ông đã chứng tỏ tác dụng. Đảng Thống nhất giành được 23% số phiếu, chỉ đứng sau phe cộng sản chiếm 24%. Các nỗ lực của Abramovich cũng gặt hái được thành công. Mặc dù Đảng Thống nhất không giành được kết quả cao ở Thủ đô (chỉ được 10% số phiếu), nhưng 20 đến 30% cử tri ở các khu vực khác đã bỏ phiếu ủng hộ đảng này.

Với kết quả trên, Abramovich đã củng cố được quan hệ với vị nguyên thủ tương lai. Chỉ 12 ngày sau, Yeltsin, lúc đó đã trở thành trò cười trong mắt thiên hạ khi tật say xỉn và các vấn đề sức khỏe do uống rượu quá nhiều của ông bị phanh phui, đã thực hiện một hành động bất ngờ và xứng đáng với vị thế của một nguyên thủ quốc gia đến mức ai nấy đều ngỡ ngàng: ông phát biểu từ chức vào một giờ cao điểm trên truyền hình nhân dịp phát biểu chúc mừng Năm mới. Lời phát biểu đầu năm của Yeltsin đã trở thành thông lệ. Dưới thời cộng sản, Giao thừa đã thay cho Giáng sinh để trở thành ngày mà các gia đình sum họp quanh cây thông được trang hoàng lộng lẫy và tặng quà cho nhau. Tục lệ này tiếp tục được duy trì ngay cả sau khi Liên Xô sụp đổ. Năm 1999, Yeltsin ghi âm bài phát biểu như thường lệ vào ngày 28 nhưng sau khi gửi lời Chúc mừng Năm mới tới người dân, ông thông báo rằng giọng ông bị khàn và không hài lòng với văn bản, vì vậy bài phát biểu sẽ được ghi âm lại vào ngày 31. Yeltsin đã quyết định sẽ thông báo việc từ chức và đưa Putin lên làm quyền Tổng thống trong giờ truyền hình cao điểm nhất của một năm nhưng vẫn muôn giữ bí mật đến phút chót. Động thái bất ngờ này

của Yeltsin là nhằm giúp Putin thu hút được cảm tình của công chúng và tạo ưu thế cho Putin so với các ứng cử viên khác trước thềm cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 3.

Chiến dịch tranh cử sau đó diễn ra quyết liệt như nhiều người đã dự đoán và Berezovsky nổi lên là “một bộ óc” đầy thủ đoạn của Putin. Đích nhắm của ông ta là liên danh tranh cử Luzhkov và Yevgeny Primakov. Trong thời gian ngắn ngủi làm thủ tướng, Primakov tìm mọi cách để gây sức ép với Berezovsky. Đầu tháng 2 năm 1999, mặc dù không có cơ sở pháp lý, nhưng các công tố viên nhà nước bị một số nhân viên vũ trang mặc đồ ngụy trang và mang mặt nạ đen thắp tùng bắt cóc tại công trụ sở tại Moscow của công ty Sibneft và hãng hàng không Aeroflot, những doanh nghiệp mà Berezovsky và Abramovich nắm giữ lượng cổ phần rất lớn. Tại Sibneft, mặc dù không có lệnh, nhưng họ vẫn tự ý thu giữ các cặp tài liệu ở văn phòng của Atoll, một trong số các công ty con chuyên về lĩnh vực an ninh của Berezovsky. Một tờ báo thân tín với Luzhkov sau đó lại đổ thêm dầu vào lửa khi đưa tin các nhà điều tra tin rằng Berezovsky đã dùng Atoll để do thám gia đình Yeltsin, trong đó có Tatyana Dyachenko, nhưng không đưa ra được bằng chứng. Khi Berezovsky giận dữ phản kháng, Primakov kiên quyết phủ nhận bất cứ mối liên hệ nào với cuộc đột kích đó. Không may cho chính trị gia bất hạnh này, ông trùm Berezovsky đã nắm được một bản sao mặt lệnh của chính Thủ tướng.

Nhưng nếu Berezovsky nghĩ rằng vụ bê bối có thể dễ dàng có thể tiễn biệt Primakov thì ông ta đã nhầm. Ngày 5 tháng 4 năm 1999, một tháng sau khi Berezovsky bị sa thải khỏi chức Phó Thư ký Hội đồng An ninh, văn phòng công tố viên ra lệnh bắt giữ ông với cáo buộc sử dụng sai mục đích tiền bán vé của Aeroflot ở nước ngoài (lại một lần nữa, cơ sở pháp lý của mệnh lệnh này có vấn đề). Lúc

đó Berezovsky đang ở Pháp nên không bị bắt. Đến ngày 12 tháng 5, Primakov bị sa thải và các cáo buộc đối với Berezovsky bị hủy bỏ.

Trong khi đó, Luzhkov làm cho Berezovsky vô cùng giận dữ vì liên tục cáo buộc rằng chính phủ Nga đang được điều hành không phải bởi Tổng thống Yeltsin, mà là một nhóm hoạt động hậu trường rất nguy hiểm, trong đó có ông trùm này. Rõ ràng là, nếu Luzhkov nắm quyền, Berezovsky sẽ không chỉ bị tước mất quyền lực và ảnh hưởng mà tài sản cũng sẽ bị tổn hại nặng nề. Và theo như Elena Tregubova đề cập trong cuốn Tales of a Kremlin Digger (tạm dịch: Những mẩu chuyện về một nhân vật đã tận dụng triệt để Kremlin) thì Abramovich cũng sẽ trở thành nạn nhân. Một năm sau, khi Luzhkov đang được coi là ứng cử viên thủ tướng đầy tiềm năng, Tregubova đã thảo luận với Sergei Yastrzhembsky, Phó Tổng Tham mưu trưởng của Yeltsin, về hậu quả có thể xảy ra nếu điều đó trở thành sự thật. Yastrzhembsky nhận định rằng Yeltsin và gia đình ông sẽ an toàn nhưng những người thân cận với họ sẽ bị soi xét, và việc đó không có lợi cho bất cứ ai. Có lẽ chúng tôi nên trích dẫn đầy đủ lời kể của Tregubova về những phân tích của Yastrzhembsky:

“Những ai vậy”? Tôi hỏi.

“Ồ, Berezovsky chẳng hạn”

Nhưng ông ấy còn làm tôi ngạc nhiên hơn. Lấy ra một mảnh giấy, ông ấy viết chữ “ABRAMOVICH”. Đưa tờ giấy cho tôi, ông ấy thì thầm “và có lẽ cả người này nữa”.

Sau đó, ông ấy viết thêm chữ “Số 1” bên cạnh tên của Abramovich và “Số 2” cạnh tên của Berezovsky. Điều đó làm tôi sững sờ.

Hai ngày sau, tôi hỏi một người bạn của Berezovsky về Abramovich.

“Ồ, đừng để ý đến cậu ta làm gì”, ông ấy nói. “Cậu ta chỉ là một anh thu ngân của Berezovsky. Cậu ta không dính dáng gì đến chính trị mà chỉ ngồi ở Sibneft để tính toán tiền nong cho Berezovsky thôi.”

Ông ấy không ngờ được rằng khi tôi viết cuốn sách này, Berezovsky đã phải đi tị nạn chính trị và “anh thu ngân” mà Yastrzhembsky liệt kê ở số 1 đang ngày càng giành được cảm tình của Putin.

Luzhkov và Primakov nhanh chóng hiểu ra rằng Putin là một địch thủ nguy hiểm như thế nào khi tiếp tục bị bồi thêm một đòn nữa. Vũ khí mới của Berezovsky lần này là Sergei Dorenko, một người dẫn chương trình truyền hình dũng cảm. Anh này đảm trách một chuyên mục chuyện đương thời cực kỳ thẳng thắn. Một bình luận viên đã mô tả anh này là “một người dẫn chương trình truyền hình mà các chính trị gia căm ghét”. Những tình tiết liên quan đến mối quan hệ của Berezovsky với “con sói” truyền hình này đã lột tả sinh động bản chất vô liêm sỉ của Berezovsky:

Đầu giờ tối ngày 7 tháng 6 năm 1994, Berezovsky rảo bộ ra khỏi trụ sở Câu lạc bộ Logovaz và ngồi vào băng ghế sau chiếc Mercedes của mình. Vệ sĩ của ông ngồi ghế trên cạnh lái xe và, khi họ ra khỏi sân và lướt vào phố, chiếc xe đi ngang một chiếc Opel đậu bên lề đường. Đúng lúc đó, một quả bom điểu khiển từ xa giấu trong chiếc Opel phát nổ, thổi tung phần đầu chiếc Mercedes và sắt thép bay ra tứ phía. Người lái xe bị bay mất đầu, viên vệ sĩ bị mất một mắt và bảy khách bộ hành bị thương. Berezovsky bị xước nặng đến mức sau đó phải bay tới Thụy Sĩ để chữa trị nhưng may mắn là không có vết thương nghiêm trọng nào.

Ít lâu sau, Berezovsky tình cờ xem chương trình của Dorenko và sau khi nghe người dẫn chương trình này có những nhận xét rất

không thể nghĩ về cuộc chạm chán với tử thần của ông ta: “Hôm nay một túi tiền lớn bị trúng bom, thật tệ quá”, đó là thông điệp châm biếm của Dorenko, Berezovsky lẽ ra phải cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm, nhưng ông ta lại không phản ứng gì cả, thậm chí còn làm những việc mà không ai có thể tưởng tượng được. Thay vì trở nên phẫn nộ, Berezovsky cho rằng đã phát hiện được một ngôi sao tiềm năng cho mạng lưới truyền thông của mình. Ông đề nghị thư ký tìm gặp Dorenko và thu xếp một cuộc gặp giữa hai người. Tuy nhiên, ban đầu, người dẫn chương trình truyền hình điển trai có giọng nói khàn khàn này tỏ ra không thích thú và từ chối. Berezovsky không bỏ cuộc. Giống như một người hâm mộ kiên trì, ông ta đến văn phòng của Dorenko và ngồi chờ ở khu vực lễ tân, theo đúng cách mà Abramovich buộc phải làm khi muốn gặp Berezovsky trong giai đoạn đầu mối quan hệ của họ. Sau 40 phút, ông bỏ cuộc nhưng hai người sau đó đã thu xếp được một bữa ăn trưa cùng nhau. Trong bữa ăn tại một nhà hàng Nhật, họ nhanh chóng nhận ra sự đồng cảm và chỉ trong vòng một giờ đồng hồ, Dorenko đã có ông chủ mới. Berezovsky đã nói chuyện với anh về việc đầu tư cho ORT, hứa hẹn cơ hội cho anh được thể hiện phong cách thẳng thắn, cường điệu và trào phúng của mình.

Chương trình Sergei Dorenko là loại vũ khí có lẽ đã ảnh hưởng quyết định đến chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2000. Berezovsky hướng mũi dùi châm biếm hóm hỉnh của ngôi sao mới của mình về phía các đối thủ chính trị trong suốt mùa thu năm đó. Khi một cuộc nói chuyện trên điện thoại bàn bạc về âm mưu này được một hoặc một số người giàu tên ghi âm và tiết lộ cho báo chí tháng 12 năm đó, người ta nhận thấy giữa hai người này có mối quan hệ vui vẻ, thậm chí là khá tình cảm.

Trong suốt 15 chương trình lên sóng giờ cao điểm của Sergey Dorenko, Thị trưởng Moscow bị nhạo báng một cách không thương

tiết c. Ban đầu, sự chế nhạo ấy dù rất tàn nhẫn nhưng không quá nặng nề. Ví dụ, khi Primakov phải phẫu thuật hông, Dorenko mỉa mai bằng cách đưa hình ảnh những động tác đáng sợ mà các bác sĩ thực hiện khi đang phẫu thuật chân và đùi. Và khi Luzhkov ghi điểm vì đã xây dựng lại một bệnh viện ở Budyonovsk, miền nam nước Nga, nơi bị các nhóm Chechnya tàn phá nhưng lại sơ suất không vinh danh nhà tài trợ, Dorenko chỉ trích ông ta một cách không thương tiết c: “Ngài đang làm gì vậy?”, anh ta hỏi, vẻ hoa mỹ, “Tại sao ngài không cảm ơn nhà tài trợ dù chỉ một câu thôi?”

Chiến dịch bôi nhọ Luzhkov của Berezovsky-Dorenko kéo dài liên tục trong nhiều tuần, và ngày càng gây tranh cãi. Chiến dịch này ám chỉ rằng Luzhkov liên quan đến “những vụ chuyển tiền bí mật” từ Moscow đến các ngân hàng ngoại quốc. Hình ảnh của ông trở nên lộ bịch khi các đoạn phim ghi hình ông trong hai năm liên tiếp lại thể hiện hai quan điểm khác nhau, đầu tiên là ca ngợi Yeltsin trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1996 và sau đó lại chỉ trích Yeltsin là tù nhân của các lợi ích đặc biệt và làm việc quá kém cỏi. Thông điệp gây kích động nhất là việc cáo buộc Thị trưởng Moscow có dính líu trong vụ giết hại doanh nhân người Mỹ Paul Tatum, người bị bắn chết khi đang tranh chấp quyền sở hữu một khách sạn ở Moscow, một vụ án mà trước đó không có ai bị buộc tội cả.

Bị chỉ trích quá sức chịu đựng, Luzhkov thưa kiện Dorenko về tội phỉ báng và cuối cùng đã chiến thắng với số tiền bồi thường thiệt hại khiếm tốn là 4.500 đô-la. Tuy nhiên, đối đầu với Dorenko có nghĩa là ông đã sao nhãng việc trọng tâm trong giai đoạn quyết định. Berezovsky vô cùng hài lòng rằng thử thách đối với Luzhkov trên truyền hình đã làm xói mòn vị thế của Luzhkov trong các cuộc trưng cầu dân ý và, mặc dù có một cuộc mít tinh lớn vào phút chót ở một góc của Quảng trường Đỏ, khi các công nhân đi xe

buýt đé n mang theo các áp phích phản đố i “Dorenko là con rô i của Berezovsky” và “Trả lại danh dự cho Thị trường của chúng ta”, nhưng giấ c mơ trở thành tổng thố ng của Luzhkov đã bị phá tan tành. Niề m an ủi duy nhấ t là ông tái đấ c cử Thị trường Moscow vào tháng 12 năm đó.

Đé n lúc này thì những trò châm biế m của Dorenko có lẽ không còn câ n thiế t. Việc Putin quyế t định đưa quân trở lại Chechnya sau các vụ đánh bom khu chung cư ở Moscow và Volgodonsk đã giúp ông giành được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng. “Mọi việc vẫn rấ t gay go cho đé n khi ông á y làm như vậy”, một chuyên gia Nga nhận xét, “còn sau đó thì lại dễ như trở bàn tay”.

Ban đầ u các ông trùm thích phong cách của Putin vì mặc dù có cách tiế p cận cứng rắ n, nhưng ông vẫn được coi là “dễ uố n nắ n”. Họ đã làm việc cùng với Putin từ khi ông là thành viên của chính quyề n Yeltsin và tin rằ ng họ có thể kiểm soát ông trong thời gian chính thức nắ m quyề n. Niề m tin này là một sai lầ m tai hại. Ngay từ ngày đầ u nhiệm kỳ tổng thố ng, Putin đã chứng minh rằ ng ông là người tự chủ. Khi Berezovsky thông báo cho Putin về những nhân vật mà ông ta muố n được bổ nhiệm vào nội các, Putin trả lời rằ ng chỉ có ông mới có quyề n quyế t định việc đó. Đây rõ ràng là một cử chỉ khai chiế n (casus belli). Từ thời khắ c đó, Berezovsky và Gusinsky quyế t định thách thức vị tổng thố ng mới này. Trong khi họ kiên nhẫn tìm thời cơ, chờ đợi một cuộc khủng hoảng quố c gia để thực hiện mục đích của mình, thì Putin tiế n hành một cuộc chiế n chố ng lại họ.

Khi mùa hè năm 2000 ngày càng nóng bức, Putin triệu tập một cuộc họp bắ t thường. Một nhóm 30 ông trùm lớn, nhỏ được mời đé n điện Kremlin. Trong ánh sáng rực rỡ của ngày hè tháng 7, họ bước xuố ng từ những chiế c limousine bọc thép mát lạnh và bước vào căn phòng lớn nhấ t trong số những phòng họp lộng lẫy của

điện Kremlin để gặp Tổng thống. “Nó giống như một cuộc gặp mặt theo lời mời của Don Corleone chứ không phải một cuộc họp với một nhà lãnh đạo quốc gia”, một người có mặt ở đó nhận xét.

Putin chờ cho đến khi họ đã yên vị quanh một chiếc bàn hội nghị bóng bẩy rồi mới bước vào phòng. Lạnh nhạt và điềm tĩnh, ông nhìn xuống bàn và bắt đầu lên tiếng: “Các vị đã đóng góp rất lớn vào công cuộc xây dựng đất nước này thông qua những cấu trúc chính trị và bán chính trị. Vì thế chẳng có ích gì khi đổ trách nhiệm cho hình ảnh phản chiếu ở trong gương cả”. Nếu nhận xét khá mơ hồ này được đưa ra nhằm làm người nghe mất bình tĩnh thì chắc chắn đã mang lại hiệu quả mong muốn: không ai có mặt trong cuộc họp này dự đoán được điều gì sẽ diễn ra tiếp theo.

Trong thông điệp này, Putin đã cảnh báo rằng thời kỳ họ chen chân vào chuyện chính trị đã qua. Họ có thể giữ lại của cải phi nghĩa của mình với ba điều kiện: không được can thiệp vào chính trị, đóng thuế đầy đủ và ngừng thông đồng với các bộ trưởng hay quan chức thoái hóa, biến chất. Ngụ ý đe dọa là không chỉ sản nghiệp của họ có thể gặp rủi ro nếu không tuân theo luật lệ mới mà các đài phát thanh, truyền hình của những người có lợi ích trong lĩnh vực truyền thông, nhất là Berezovsky và Gusinsky, có thể sẽ bị tịch thu hoặc đóng cửa nếu họ sử dụng những cơ sở này để tấn công chính phủ. Tất cả những người có mặt đều nhận thấy, với nền tảng từ KGB, không ai có điều kiện tốt hơn Putin trong việc khai thác một kho tài liệu khổng lồ (được gọi là kompromat – các văn bản thỏa hiệp có thể làm bằng chứng buộc tội do các cơ quan an ninh thu thập được). Đây là mệnh lệnh mà nếu phớt lờ, họ sẽ gặp nguy hiểm.

Không phải các ông trùm thiếu nhạy cảm đến mức không biết rằng thời thế hiện đang bất lợi cho họ. Một nhóm nhỏ bọn họ đã gặp nhau từ đầu năm để thảo luận về những việc cần làm khi mà đa số công chúng đang ngày càng oán giận họ. Mikhail Friedman kể

lại: “Tôi nói với họ: “Phải thừa nhận rằng chúng ta không được người dân yêu mến”. Một người đề xuất thuê một công ty tư vấn hình ảnh. “Tôi nói là chúng ta phải làm nhiều hơn thế. Người dân bình thường không có đủ tiền để đi thăm gia đình ở ngay trong lãnh thổ nước Nga. Trong khi đó, họ lại thấy chúng ta đi St Tropez và gọi đó là đi công tác. Bản thân chúng ta phải trở nên tốt đẹp hơn.”

Tuy nhiên, chính Friedman lại là người tỏ ra loay hoay khó chịu nhất khi Putin đưa ra tô i hậu thư. Chỉ vài ngày trước đó, ông ta đã khẳng định rằng Tổng thống không dám chôn lại các doanh nghiệp lớn vì “chúng ta đã trở nên quá quan trọng”. Đến cuộc họp này, ông ta nhận thức được rằng các doanh nghiệp lớn phải biếm tuân lệnh, nếu không sẽ bị nghiền nát. Thời hoàng kim đầy uy lực của họ có vẻ sắp kết thúc.

Thực sự Putin đã ra tay. Tháng trước đó, vị Tổng thống này đã ra lệnh bắt giữ Gusinsky vì tội tham ô. Tội danh này chỉ được hủy bỏ khi Gusinsky đồng ý ký vào thỏa thuận chuyển giao tập đoàn Media-Most bao gồm nhiều tờ báo và đài phát thanh cho công ty năng lượng Gazprom của Chính phủ với giá trọn gói là 300 triệu đô-la. Khi đến dự cuộc họp đáng sợ này của Putin, ông ta vẫn tỏ cáo rằng thỏa thuận trên được thực hiện khi ông ta ở trong tù và bị ép buộc, vì vậy không có giá trị ràng buộc về mặt pháp lý. Ngay cả khi cuộc họp đang diễn ra thì các hồ sơ kompromat vẫn đang được cập nhật. Oleg Chernov, một trong số ba cấp phó của Sergei Ivanov, người bạn cũ ở KGB được Putin bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia, đang tiếp xúc với Tổng Chương lý Thụy Sĩ để tìm hiểu thêm thông tin về các công ty Nga đăng ký ở quốc gia này.

Súng đã lên nòng.

Khi rời khỏi điện Kremlin, các ông trùm chia thành các nhóm có quan điểm khác nhau. Nhiều người bày tỏ sự phản đối, một số

khác muô' n nổi loạn. Tuy nhiên, Abramovich rõ ràng là có ý định tuân thủ những quy định mới. Trên thực tế, ông đã trung thành với Putin đế' n mức không câ' n phải triệu tập đế' n cuộc họp.

5 tháng sau khi Putin đắ' c cử tổng thồ' ng nhiệm kỳ đầ' u, Berezovsky tìm được cơ hội trả thù. Lúc 11 giờ 28 phút thứ bảy ngày 12 tháng 8, tàu Kursk, một con tàu ngầ' m hiện đại nhấ' t được trang bị tên lửa dẫn đường, bị chìm ở biển Baren vùng biển Bắ' c. Với chiề' u dài bắ' ng hai chiế' c máy bay phản lực lớn cộng lại, tàu Kursk đã từng là niề' m tự hào của Hạm đội phương Bắ' c của Nga và được giao nhiệm vụ bảo vệ các vùng thuộc lãnh thổ nước Nga chồ' ng lại các mô' i đe dọa từ tàu sân bay và các đơn vị chiế' n đầ' u trên tàu sân bay của các thề' lực thù địch. Đó không chỉ là một chiế' c tàu ngầ' m đơn thuầ' n mà còn là biểu tượng của sức mạnh an ninh quố' c gia. Con tàu chìm xuố' ng cùng với toàn bộ thủy thủ đoàn sau khi người ta nghe thấ' y hai tiế' ng nổ. Sự mấ' t mát lớn lao ấy đã làm rung chuyển chính quyề' n non trẻ của Putin.

Putin không được thông báo về' vụ chìm tàu Kursk cho đế' n sáng sớm hôm sau, khi số' phận của thủy thủ đoàn 108 người còn chưa được xác định. Lúc đó ông đang tận hưởng ngày đầ' u tiên của kỳ nghỉ hè ở khu nghỉ dưỡng Sochi tại Biển Đen. Nế' u là một nguyên thủ quố' c gia giàu kinh nghiệm hơn, có lẽ ông đã nhận ra rằ' ng câ' p dưới đang tránh làm ông bị số' c khi Bộ trưởng Quố' c phòng Igor Sergeyev gọi điện lúc 7 giờ sáng để thông báo rằ' ng con tàu "không liên lạc được". Nhưng Sergeyev cam đoan rằ' ng mọi việc vẫn đang trong tà' m kiểm soát và không có lý do gì để Tổng thồ' ng phải chấ' m dứt kỳ nghỉ. Vì vậy, trong khi bộ phận tinh hoa của hải quân Nga đang ngạt thở đế' n chề' t dưới đáy biển sâu thì Putin vẫn đi lướt ván, tắ' m nắ' ng và viế' t thiệp chúc mừng sinh nhật cho một nữ diễn viên nổi tiế' ng. Gia đình của các thủy thủ tàu Kursk đang cô' gắ' ng trong tuyệt vọng để nắ' m thêm thông tin về' người thân trong khi Hải

quân Nga từ chối tất cả các đề nghị của phương Tây về việc hỗ trợ Nga mở các chiến dịch cứu hộ cứu nạn.

Phải đến khi nhận được cuộc điện thoại dài 25 phút từ Tổng thống Mỹ Clinton thì Putin mới nhận ra rằng tình trạng thủy thủ đoàn Kursk đã trở thành một mối quan tâm của cả thế giới. Clinton khẳng định rằng nếu Putin không chấp thuận sự hỗ trợ cho công tác cứu nạn thì chúng tôi ông không hề nhân tính hơn những người tiên nhiệm Xô Viết của mình.

Tình thế đó buộc Putin phải dung hòa lập luận của Clinton với sự phản đối mạnh mẽ của các quan chức cao cấp trong chính quyền Nga, những người tin rằng phương Tây muốn có mặt ở đó để đánh cắp các bí mật quân sự của họ. Putin cuối cùng cũng đồng ý với Clinton. Tuy nhiên, khi phương Tây đề nghị đưa một chiếc tàu ngầm nhỏ của Anh ra ứng phó với tình trạng khẩn cấp này thì các lãnh đạo hải quân Nga kiên quyết từ chối cấp phép. Chắc hẳn là trong khi người Nga quanh co, lập lờ thì toàn bộ thủy thủ đoàn đã thiệt mạng và truyền thông thì cáo buộc thảm kịch này cho lỗi của Putin.

Ngay cả khi không còn hy vọng thì các lãnh đạo hải quân Nga vẫn tiếp tục gây cản trở. Cho đến khi tờ Komsomolskaya Pravda, tờ báo thuộc quyền sở hữu của Vladimir Potanin có quan điểm ủng hộ Kremlin, hé lộ 600 đô-la cho một sĩ quan Hạm đội phương Bắc thì người ta mới có được danh sách đầy đủ thủy thủ đoàn. Cũng nhờ vậy mà gia đình của các thủy thủ mới biết được rằng con em họ đang có mặt trên con tàu Kursk dưới đáy biển khơi. Những việc diễn ra sau đó rất bất bình thường. Phó Thủ tướng Ilya Klebanov và Đô đốc Vladimir Kurodeyov bay tới cảng Vidyayevo để gặp gỡ gia đình các nạn nhân. Nhiều người trong số họ đã được cho uống rất nhiều thuốc an thần để kiềm chế cơn cuồng loạn. Khi bà mẹ của một trong số những thủy thủ mất tích đang phản đối lời giải thích

chính thức của các phát ngôn viên ngay trước mặt Phó Thủ tướng và hàng loạt máy quay phim thì một nữ bác sĩ từ phía sau bà tiến đến và đâm một mũi kim tiêm qua áo khoác của bà. Người phụ nữ ngấm thuốc ngã xuống sàn và được đưa ra khỏi phòng.

Một thảm kịch quốc gia giờ đã trở thành một vụ tai tiếng quốc tế. Phải đến tận sáng sớm thứ 7 ngày 19 tháng 8, đúng một tuần sau vụ tàu chìm Kursk, Putin mới quay trở lại Moscow để nghe báo cáo về nguyên nhân vụ việc. Đêm hôm đó, Chính phủ ra tuyên bố chính thức rằng toàn bộ thủy thủ đoàn đã thiệt mạng, nhưng cá nhân Putin vẫn chưa phát biểu gì. Ông thậm chí còn chưa đề nghị tổ chức quốc tang mặc dù áp lực của công chúng đã buộc Chính phủ phải vội vã thu xếp tổ chức quốc tang vào ngày 23 tháng 8. Cuối cùng, Putin đích thân bay tới Vidyayevo để gặp gỡ gia đình các nạn nhân và nhận thức được rằng họ không chào đón Klebanov.

Tại Câu lạc bộ Sĩ quan, ông phải đối diện với khoảng 600 thính giả phần nộ, chât vãn và phản đối ông trong suốt sáu giờ căng thẳng. Chưa một tổng thống Nga nào từng phải trải qua thái độ thù địch đến vậy. Ông hứa hẹn sẽ cùng họ tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi tại sao một thảm họa kinh hoàng như thế lại có thể xảy ra. Thế nhưng điều này không xoa dịu được người thân của các nạn nhân, những người đang đau đớn và muốn biết sự thật tại sao Tổng thống lại bỏ lỡ thời cơ quan trọng tiếp nhận sự giúp đỡ của các nhóm cứu hộ quốc tế? Tại sao Tổng thống không thân chinh ra biển chỉ đạo các hoạt động cứu hộ cứu nạn? Một vài người thấy hài lòng khi Tổng thống hứa sẽ bồi thường cho những người vợ góa số tiền tương đương số lương trong 10 năm. Nhưng một số người khác thì thẳng thừng buộc tội Tổng thống đang mua chuộc họ.

Truyện thông trên khắp thế giới lên án Putin và chính phủ Nga vì thái độ quá thờ ơ. Tại London, tờ Daily Telegraph cho rằng Putin nhẫn tâm và vô trách nhiệm vì cứ tiếp tục kỳ nghỉ khi thảm họa đang

diễn ra. Nhưng không nơi nào chỉ trích Putin mạnh mẽ hơn Moscow, lớn tiếng nhất là các đài ORT của Berezovsky, NTV của Gusinsky và Đài phát thanh Tiếng vọng (lúc này, Berezovsky vừa mới từ chức thành viên của Duma và tuyên bố sẽ phát động một “chiến dịch chống đối mang tính xây dựng” đối với Putin). Cả ba cơ quan truyền thông trên đều cáo buộc Kremlin đã tìm cách “kiểm soát” tin tức về cuộc gặp của Tổng thống với gia đình của những người đã mất. Đài ORT không chỉ chiếu cảnh Putin chơi lướt sóng khi cuộc khủng hoảng đang ở giai đoạn đỉnh điểm mà còn so sánh việc chìm tàu Kursk với thảm họa hạt nhân Chernobyl.

Đây đúng là kiểu thái độ mà Putin đã cảnh báo các ông trùm rằng ông sẽ không thể dung thứ và sẽ đáp trả bằng sự khôn ngoan nhưng tàn nhẫn vô cùng. Đầu tiên, Tổng thống giận dữ gọi điện cho Berezovsky phàn nàn về việc ORT nhắc đến Chernobyl. Cuối cùng hai người đồng ý gặp nhau. Tuy nhiên, khi Berezovsky đến điện Kremlin, người đón ông không phải là Putin mà là Chánh văn phòng Tổng thống Aleksandr Voloshin. Voloshin yêu cầu ngắn gọn: “Hoặc là ông phải từ bỏ ORT trong vòng hai tuần, hoặc là ông sẽ theo gót Gusinsky.” Câu trả lời của Berezovsky là: “Ông đã quên một điều. Tôi không phải là Gusinsky”. Ông ta yêu cầu gặp trực tiếp Tổng thống. Cuộc gặp diễn ra vào lúc 3 giờ chiều ngày hôm sau. Sau một hồi tranh luận không có kết quả về đoạn phim mô tả thảm kịch của ORT, Putin đưa ra một hồ sơ và bắt đầu đọc. Nội dung chính của hồ sơ này là nhận định cho rằng ORT là một tổ chức tham nhũng bị nhân vật lãnh đạo (đúng đầu là Borris Berezovsky) chiếm dụng lợi nhuận. Putin đã lật lại cáo buộc của Primakov về kẻ thù cũ.

Khi Berezovsky hỏi lý do tại sao Putin lại lôi những cáo buộc cũ rích này ra, Tổng thống trả lời: “Bởi tôi muốn nắm được ORT. Tự tôi sẽ điều hành nó.” Berezovsky đáp lại: “Nghe này Vlod (cách gọi

ngắn gọn và tình cảm của Vladimir), điều này thứ nhất là buồn cười, thứ hai là không thể hiểu được... Anh có hiểu anh đang nói gì không? Có phải thực ra là anh muốn kiểm soát toàn bộ các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga không?” Đến lúc này, Putin đứng dậy và bỏ đi, còn Berezovsky quay trở lại văn phòng và viết cho Putin một bức thư ly khai hoàn toàn khỏi điện Kremlin.

Theo Venediktov, cách Tổng thống Putin xử lý Gusinsky tình hình hơn nhiều. Với sự giúp đỡ của đồng minh trung thành Abramovich, Putin bắt đầu tìm cách phá vỡ đế chế của ông trùm này. Trước khi bị Putin đánh phá, hãng MediaMost của Gusinsky sở hữu NTV (kênh truyền hình thứ tư), tờ Segodnya (một tạp chí chính trị), Itogi và đài Tiếng vọng Moscow (nơi Venediktov làm việc). Putin tìm cách ngăn chặn nguồn sống của bốn cơ quan truyền thông này, đó là thu nhập từ quảng cáo. Chiến lược này tỏ ra hiệu quả vô cùng: Ban quản trị của đài truyền hình NTV được thay thế bởi một nhóm khác biệt phức tạp hơn, tờ Segodnya không thể sinh lời được nữa và bị thu tóm. Trong khi đó, Tổng biên tập tờ Itogi bị sa thải và người lên thay ông đã chuyển hóa hoàn toàn phong cách của Itogy. Cũng theo mô tả của Venediktov thì hãng MediaMost “bị phá hủy hoàn toàn”. Mặc dù đài Tiếng vọng Moscow tồn tại được và tiếp tục sinh lời nhưng nay đã nằm dưới sự quản lý của Gazprom, một công ty năng lượng thuộc sở hữu nhà nước. Điều thú vị là nhận định của Venediktov về các sự kiện này mâu thuẫn với đánh giá của John Mann. Nhân vật này từng khẳng định: “Ngài Abramovich không hề liên quan đến bất kỳ nỗ lực có tổ chức nào nhằm kiểm soát tự do ngôn luận ở Nga. Có lúc ông ấy đã mua của Ngài Berezovsky một nửa đài truyền hình ORT khi đài này tiến hành tư nhân hóa và đặt nó dưới quyền quản lý của nhà nước. Tuy nhiên, ông ấy cũng là một trong số các nhà đầu tư tư nhân vào kênh TVS (một dự án truyền hình đáng buồn là đã thất bại) khiến một nhóm các phóng viên

độc lập có trình độ rời bỏ NTV và sau đó là TV6. Tôi không thể bình luận gì về đoạn hội thoại cá nhân của ông ấy với Ngài Venediktov.”

Theo Venediktov, một thông tin thú vị khác về chuyện này là vào thời điểm đó, “Gusinsky thường qua tôi gửi lời hỏi thăm tới Abramovich và Abramovich cũng gửi lời hỏi thăm tới Gusinsky.”

Trong khi những hoạt động hậu trường này vẫn đang diễn ra sôi động, Putin công khai chìa mũi tấn công trực diện vào các ông trùm. Ví dụ, trong phần cuối một bài phát biểu trước toàn quốc có về mang tính cá nhân, Tổng thống Nga thừa nhận có “cảm giác tội lỗi và chịu trách nhiệm hoàn toàn về thảm kịch (vụ tàu Kursk) này”, ông mạnh mẽ lên án các phương tiện truyền thông nói chung và những ông trùm kiểm soát ngành truyền thông nói riêng:

Họ muốn gây ảnh hưởng đến quần chúng nhân dân, thể hiện với Quân đội và ban lãnh đạo chính trị của đất nước rằng chúng ta cần họ, rằng chúng ta mắc câu họ, rằng chúng ta phải sợ họ, rằng chúng ta nên lắng nghe họ và để cho họ cướp bóc đất nước, Quân đội và Hải quân. Đó là mục đích thực của họ. Thật không may là chúng ta không thể ra lệnh cho họ dừng lại mặc dù đó là việc đúng đắn phải làm.

Ông cũng gay gắt chỉ trích những người từ lâu đã góp phần phá hoại Quân đội và Hải quân nhưng sau đó lại trao hàng triệu đô-la cho gia đình các nạn nhân tàu Kursk khi nhắc đến một quỹ từ thiện do báo Kommersant của Berezovsky phát động. “Lẽ ra họ nên bán các biệt thự của mình ở bờ biển Địa Trung Hải thuộc Pháp và Tây Ban Nha đi”, ông đưa ra một nhận xét đậm chất dân túy, “chỉ khi đó thì họ mới có thể giải thích việc các tài sản đó được đăng ký dưới các tên khác và núp đằng sau các công ty hợp pháp. Và có lẽ chúng ta sẽ đặt câu hỏi: Số tiền đó từ đâu mà ra?” Thông điệp này nhắm thẳng vào Berezovsky, chủ nhân của một biệt thự xa hoa ở Cap d’Antibes, và

Vladimir Gusinsky, người cũng sở hữu một biệt thự lộng lẫy không kém tại Sotogrande, Tây Ban Nha, nơi mà Vladimir và Ludmilla Putin đã từng viếng thăm.

Cuộc chiến đã bắt đầu. Bị các phương tiện truyền thông chỉ trích vào thời điểm khó khăn nhất, Tổng thống đã thể hiện rõ rằng ông đang tuyên chiến với những ông trùm sở hữu các phương tiện đó. Dù là một trong số những người có công trong việc kiến tạo thắng lợi của Putin trong bầu cử, nhưng giờ Berezovsky lại bị các công tố viên chính phủ và cảnh sát thuế vụ điếu tra. Đối với các ông trùm, phải chăng nước Nga của Putin đã trở thành nơi nguy hiểm hơn nước Nga của Yeltsin? Berezovsky và Gusinsky không có ý định quanh quẩn ở lại để tìm hiểu điếu tra này. Đến mùa đông năm đó, cả hai đã rời bỏ đất nước, Berezovsky đến Pháp và sau đó đến Anh tị nạn, còn Gusinsky đến Tây Ban Nha và sau đó là Hy Lạp trước khi dừng lại ở Israel.

Sau khi rời đi, Berezovsky bán 49% cổ phần ở ORT cho Abramovich, động thái biến người từng được ông ta đỡ đầu trở thành ông trùm có tầm ảnh hưởng lớn nhất nước Nga. Khodorkovsky có thể giàu có hơn nhưng lại thiếu cái thức thời của Abramovich. Khi Berezovsky và Gusinsky đang sóng luv vong thì Abramovich lên chiến dịch vận động tranh cử chức tỉnh trưởng Chukotka và xây dựng một hình ảnh chân tình mới. Anh đã dứt khoát giữ khoảng cách với đồng tác cũ hiện đang gặp khó khăn. Anh phát biểu với một phóng viên phương Tây tham gia hỗ trợ chiến dịch tranh cử: “Chúng tôi là bạn thân nhưng Berezovsky không giúp tôi, ông ta giúp chính mình thôi.”

Chưa đầy hai năm sau bài phát biểu của Putin trước cả đất nước về vụ chìm tàu Kursk và đưa ra lời tuyên chiến với các ông trùm,

tất cả các kênh truyền hình độc lập của Nga đã bị đóng cửa. Các ông chủ lớn không bao giờ còn có thể dùng truyền hình để gây áp lực với Kremlin nữa. “Điều đó giống như là việc loại mọi ứng cử viên, ngoại trừ một người, ra khỏi chiến dịch tranh cử”, Alexei Venediktov thở dài ngao ngán.

Tuy nhiên, đối với Putin, chế ngự Berezovsky thôi là chưa đủ. Ông muốn giam cầm ông ta. Nhà chức trách Nga bắt đầu các nỗ lực dẫn độ Berezovsky về Nga với những cáo buộc gian lận số tiền lên đến 8 triệu bảng Anh. Hơn nữa, sau khi nhà chức trách Thụy Sĩ nhắc lại một cáo buộc trước đây về việc Berezovsky biến thủ số lượng lớn tiền của Aeroflot giữa những năm 1990 (đến lúc đó được tính là 970 triệu đô-la Mỹ), lệnh truy nã quốc tế dành cho Berezovsky chính thức được ban hành.

Berezovsky không định trở về nước để đối mặt với những cáo buộc đó. Ông ta thừa biết rằng mình có thể phải ngồi tù một thời gian, hoặc thậm chí tồi tệ hơn. Tuy nhiên, sau khi bị Bộ trưởng Nội vụ Anh David Blunkett bác bỏ yêu cầu tị nạn, Berezovsky buộc phải thông qua tòa án để chống lại tiến trình dẫn độ. Một việc có vẻ kỳ cục là trong một phiên tòa như thế tại Tòa sơ thẩm Phố Bow, Berezovsky tuyên bố nhận được thông tin về một âm mưu giết hại ông ta. Ông ta cho biết một thành viên FSB đã được cử đến Anh để đâm chết ông ta bằng một chiếc bút bi tẩm độc. Âm mưu này nghe có vẻ kỳ lạ. Nhân viên đặc vụ này theo lời kể của Berezovsky được giao nhiệm vụ mang đến Tòa án một chiếc bật lửa có chứa một lượng độc tố đủ gây chết người, chuyển lượng chất độc đó vào một chiếc bút và sau đó đâm ngài tử phú lưu vong vào cánh tay khi ông này đi qua.

Thực ra câu chuyện này có thể không đến mức khó tin như thoát nghe ban đầu. Chuyện tương tự đã từng xảy ra với nhà văn, ông chủ đài truyền hình lưu vong người Bulgari tên Georgi Markov năm 1978. Khi đang đi dạo trên một con phố ở London, Markov bị đầu

một chiếc ô tằm độc đâm vào bắp chân sau và qua đời không lâu sau đó. Việc này khả thi trong môi trường chen lấn xô đẩy ở thành phố, trong một không gian mở, nơi mà người ta dễ dàng lẫn vào đám đông sau khi thực hiện. Tuy nhiên, trong phạm vi một phòng xét xử được bảo vệ nghiêm ngặt thì đó lại là chuyện hoàn toàn khác, nó quá khó tin trừ khi nhân viên đặc vụ kia là một kẻ mạo hiểm đến mức trí. Khó tin hơn là, sẵn sàng đối mặt với khả năng gần như chắc chắn sẽ bị bắt giữ, tay này được mô tả là tiến đến gần Berezovsky và tiết lộ cho ông ta kế hoạch ám sát để ông ta thông báo cho cảnh sát. Một chi tiết kỳ cục khác của câu chuyện này là tay nhân viên đặc vụ kia đã trở lại Nga sau khi kế hoạch ám sát bị tiết lộ.

Berezovsky khẳng định vụ việc này là nỗ lực ám sát lần thứ ba nhắm vào ông ta kể từ khi đến tị nạn ở London. Hậu quả đầu tiên của vụ ám sát bằng bút bi thất bại là những phiên tòa liên quan đến Berezovsky sau đó được chuyển tới Belmarsh, một nhà tù được duy trì an ninh nghiêm ngặt. Sau đó, đến tháng 9 năm 2003, Bộ trưởng Blunkett thay đổi quan điểm và quyết định chấp thuận trao quy chế tị nạn cho Berezovsky. Nếu tiếp tục ở lại Anh trong 5 năm nữa thì nhân vật xin tị nạn giàu có nhất nước Anh này sẽ đủ tiêu chuẩn để được cấp quốc tịch. Trong lúc ấy, ông ta thuê một nhóm vệ sĩ riêng bảo vệ nghiêm ngặt suốt ngày đêm. Ngôi nhà ở ngoại ô của ông được lắp các cửa sổ chống đạn, cửa ra vào bằng thép gia cố, thiết bị giám sát laser bằng hồng ngoại và camera gián điệp ở khắp các phòng. “Tôi không thể sống sót nếu bất cẩn”, một lần ông giải thích, “Ngoài kia có những người muốn thấy tôi chết”.

Trong khi đó, Putin giận dữ cáo buộc chính quyền Anh đang phá hoại tiến trình điều tra. Bộ trưởng Văn phòng Chính phủ Anh Hazel Blears đáp trả rằng các cuộc điều tra của Chính phủ nước này không tìm thấy bất kỳ bằng chứng nào cho thấy Berezovsky

phạm tội. Không lâu sau khi được trao quy chế tị nạn, tháng 11 năm 2003, Berezovsky tới Georgia để thăm người bạn cũ Badri Patakartsishvili. Đó là một hành trình nguy hiểm và trước khi khởi hành, ông ta bí mật đổi tên và làm hộ chiếu lấy tên Platon Yelenin. Có vẻ như cái thói quen lén lút ấy thật khó bỏ.

Giống như vụ bắt giữ Khodorkovsky sau đó, việc truy đuổi hai trong số những ông trùm hàng đầu quốc gia là một bước ngoặt trong lịch sử của nền chính trị Nga. Những ngón tay giờ không còn có thể che khuất mặt trời được nữa. Yeltsin, người bênh vực họ bao lâu nay, hiện đang sống lạng lẽ dưới sự bảo đảm của một sắc lệnh về quyền miễn trừ truy tố. Một phần của sắc lệnh đó như sau: “Tổng thống Liên bang Nga, đã hoàn thành trọng trách, được hưởng quyền miễn trừ... Ngài sẽ không phải chịu bất kỳ thủ tục, biện pháp giam giữ hay câu lưu hành chính và tố tụng hình sự nào; Ngài sẽ không phải chịu các cuộc điều tra về dấn thân và không phải chịu thẩm vấn hay điều tra cá nhân.” Trong một đất nước mà các cáo buộc giả tạo vốn là thủ thuật của nhiều lãnh đạo chính trị thì một sự bảo vệ như thế có thể được coi là sự khôn ngoan hiếm thấy, nhưng một phần của thỏa thuận là Cựu Tổng thống Yeltsin không được can thiệp vào chính trường. Thế là những tỷ phú mà ông tạo ra giờ đã trở nên yếu đuối hơn bao giờ hết.

Giành chiến thắng trong những nỗ lực đầu tiên chống lại các ông trùm, Putin bắt đầu tìm cách buộc họ phải tuân lệnh. Ông áp dụng theo cách thức của Anwar Sadat khi ông này kế vị Tướng Nasser làm Tổng thống Ai Cập năm 1970. Sadat thừa kế một chính đảng vượt trội, và trong một nỗ lực nhằm xây dựng hình ảnh đa đảng trong tiến trình chính trị, ông chia đảng này ra thành một số tổ chức riêng biệt. Quyên lực của ông không suy giảm nhưng hình ảnh của ông lại giống một nhà dân chủ. Tương tự như vậy, Putin cho

phép các ông trùm tài trợ cho một số đảng phái khác nhau và đổi lại, các đảng này sẽ phải ủng hộ sự nghiệp chính trị của ông.

Mặc dù quyên lực gia tăng nhưng có những dấu hiệu cho thấy Abramovich bắt đầu thể hiện thái độ không sẵn sàng tham gia vào tiến trình chính trị. Một cựu cố vấn của Putin cho biết: “Roman không bao giờ muốn dính líu tới chính trị, chỉ muốn tập trung vào kinh doanh, nhưng Berezovsky đã lôi kéo anh ấy vào các vấn đề của điện Kremlin.” Đến nay, người ta không còn nghi ngờ gì việc trò đã giỏi hơn thầy. Trong khi có những người cho rằng Abramovich là nhân vật quyên lực thứ hai ở Nga thì Berezovsky đã là người của quá khứ. Sáu tháng sau khi Berezovsky rời sang Pháp, trong một lần được hỏi về ông ta, Putin đã trả lời: “Boris Berezovsky ư? Ai vậy?”

Chương 7. Vương quốc Siberia

Thời điểm năm 2001, người ta không cần nhiều thứ lắm để có thể gây ấn tượng với người dân Chukotka. Tại các khu vực duyên hải của nước cộng hòa Siberia lạnh lẽo này, cư dân địa phương phải ăn thịt hải cẩu và hải mã đông lạnh trong bữa sáng, bữa trưa và thậm chí cả bữa tối. Sâu trong đất liền, họ cũng sống bằng những bữa ăn có thực đơn không thay đổi, toàn là thịt tuần lộc. Tuyế t bao phủ mặt đất liên tục tám tháng mỗi năm và đố i với nhiều người, cách giải trí duy nhất nhấ t nhấ m trố n tránh sự khổ cực của cuộc sống thường nhật là liên tục nô c những ly cô n công nghiệp pha loãng. Vì thế, tác động của phiên hội chợ tháng 5 năm đó do vị thố ng đố c mới Abramovich tổ chức thật không hề nhỏ. Bình thường thì sự kiện này được tổ chức để kỷ niệm lễ hội hàng năm ở Anadyr, thủ phủ Chukotka, nhưng dưới sự điề u hành của một ông trùm, nó đã trở thành một dịp vui chưa từng có đố i với cư dân địa phương.

Người ta thuê một công ty lớn (doanh nghiệp được giao phụ trách màn pháo hoa đặc sắ c hàng năm kỷ niệm ngày 9 tháng 5 (ngày chiế n thắ ng quân Đức) tại Quảng trường Đỏ ở Moscow) tổ chức màn trình diễn hoành tráng không kém tại một khu vực hồ băng giá ngay bên ngoài thành phố. Còn chương trình giải trí thì do một ngôi sao nhạc pố p hàng đầ u của Nga là Sergei Minaev và một nhóm nhạc cũng nổi tiế ng không kém là Blestyashie thực hiện. Ba máy bay chở đầ y các loại cao lương mỹ vị từ Moscow đế n. Có các cuộc thi tìm người mặc trang phục truyề n thố ng đẹp nhấ t, các trận đấ u vật mà người tham gia cỏi trầ n trong khi nhiệt độ xuố ng dưới 0°C, một cuộc thi kéo co và các khu trưng bày các tác phẩm điề u khắ c băng do các nghệ nhân chuyên nghiệp thiế t kế. Nhưng trung tâm

của sự chú ý chính là một chiếc xe hơi màu đỏ láng bóng mới tinh, một giải thưởng vô cùng hấp dẫn thời kỳ đó.

Nhóm Blestyashie, được mô tả là phiên bản Nga của nhóm Spice Girls, hiểu rằng một ngày tại Siberia lạnh giá không phải là lúc có thể diễn bá`ng những đôi chân trắ`n và cổ hở sâu. Vì vậy họ cố` gắ`ng hế`t sức hâm nóng tinh thắ`n của đám đông đang kinh ngạc trong những chiếc áo lông dày. Sự kiện Blestyashie đế`n lưu diễn ở Sebiria chính là món quà tuyết vời mà Abramovich đem tặng cho xứ sở băng giá này. Mặc dù người ta có thể đặt dắ`u chắ`m hỏi với bất kỳ một chính trị gia nào giành được 99% số` phiế`u bắ`u, như Abramovich đã làm được 5 tháng trước đó, nhưng không ai có thể nghi ngờ rằ`ng ông đã chiế`m được trái tim của nhiề`u người dân Chukotka nhờ việc tổ chức cho hàng nghìn trẻ em địa phương đi nghỉ tại các khu nghỉ mát ở Biển Đen và hứa hẹn nhiề`u phầ`n thưởng khác. Trong buổi trưa ngày tháng 5 lạnh giá đó, khi Abramovich đeo kính đen đắ`ng đàn phát biểu, đám đông lặng đi theo dõi. Trong số` họ có nhà thám hiểm người Anh Benedict Allen, người vừa hoàn thành một chuyế`n đi dài 3 tháng nhắ`m khám phá vùng nội địa bắ`ng xe chó kéo. Ông nhớ lại:

Ông á`y đứng ở đó và có người mang đế`n cho ông một chiếc mi-crô. Tôi còn nhớ, mọi người xung quanh tôi liề`n kêu lên: “Ông á`y sắp phát biểu, ông á`y sắp phát biểu đắ`y.” Cảm giác cứ như thể chúng tôi sắp được nghe lời của Chúa á`y. Thế` rồ`i, có người phản bác: “Không, ông á`y sẽ không phát biểu đâu”. Thế` là một cuộc tranh luận nổ ra: ông á`y sẽ phát biểu hay là không? Thường thì ông á`y là người ít nói nhưng lầ`n này, mọi người rắ`t náo nức vì có cảm giác rằ`ng ông á`y thật sự sẽ phát biểu. Tôi thắ`y ông á`y bắ`t đầ`u má`p máy môi và sau một chút do dự, ông nói câu gì đó kiểu như là: “Chào mừng quý vị đế`n với người dân Chukotka.” Có vẻ như đó là một câu và chỉ thế` thôi. Mọi người thở dài thắ`t vọng, nhưng điề`u

thứ vị là bạn không thể nghĩ rằng ông ấy là một kẻ khoa trương mà đơn giản là bạn cảm thấy ông ấy đã chuyển sự chú ý sang những người dân địa phương, mặc dù rõ ràng ông ấy là người tài trợ cho toàn bộ sự kiện.

Lời chào khiêm tốn của Abramovich sau đó bị lu mờ bởi buổi biểu diễn pháo hoa mà ai cũng mong đợi. Allen cho rằng buổi bắn pháo hoa đêm đó tại một thành phố Siberia xa xôi còn tuyệt vời hơn cả “bức tường lửa” được thả p lên ở London trong lễ kỷ niệm Thiên nhiên kỷ. “Không thể tin được”, ông nói, “Tôi chắc chắn rằng với chỉ một vài quả pháo nhỏ thôi thì các cư dân địa phương đã có thể vui lắm rồi, nhưng với cả một màn trình diễn pháo hoa thì quả là đáng kinh ngạc. Có người thậm chí còn bỏ chạy vì tưởng đó là một cuộc tấn công quân sự vậy. Mọi người sững sờ khi màn pháo hoa bùng lên. Cả bầu trời tràn ngập ánh sáng lấp lánh.”

Sự sùng kính của Chukotka đối với Abramovich được nhen nhóm từ khi ông mới đến với họ, khi mà điều kiện sống của họ vô cùng khó khăn. Ở nước Nga, người ta thường cảm thấy thương hại người Siberia, nhưng khi Abramovich mới đến đây, ngay cả người Siberia ở những vùng khác cũng phải thấy thương cảm cho những người anh em Siberia trên đất Chukotka. Dưới thời cộng sản, do ở gần Alaska, Chukotka được coi là có tầm quan trọng chiến lược. Vì người Mỹ chỉ cách đó 60 kilomet qua eo biển Bering, nên Chính phủ không thể mặc kệ cho Chukotka phát triển tự phát. Vì vậy, họ khuyến khích người Chukotka bản địa trở thành những công dân Xô Viết tốt, họ được đưa về sinh sống ở những khu định cư có các kho dự trữ đầy những loại lương thực mà trước đây rất khan hiếm như gạo và lúa mì, các loại thức ăn đóng hộp và dĩ nhiên là có cả rượu vodka. Còn người Nga thì được khuyến khích đóng tiền bằng cách trả mức lương cao gấp 3 lần mức lương ở Moscow. Người Nga đến đây xây dựng đường sá, quản lý các bệnh viện và vận hành các nhà máy phát

điện. Trực thăng và xe chạy trên băng được cung cấp cho các khu vực xa xôi hơn, còn than đá và nhiên liệu thì được chuyển đến bằng tàu thủy. Nhưng rồi Liên Xô sụp đổ.

Đột nhiên, Chukotka không còn tiền để mua hàng chắt vào các kho nữa. Phụ tùng thay thế cho trực thăng và xe chạy trên băng trở nên khan hiếm và không lâu sau thì nguồn nhiên liệu gặp khó khăn. Những người đến Chukotka trước đây, nếu có thể thì đều đã tìm cách trở lại “đại lục” (cách nói về Moscow). Những người không có cách gì khác thì buộc phải ở lại vùng đất hoang tàn này, nơi mà tài sản giờ đã mất hết giá trị, với hy vọng rằng Nhà nước sẽ nhớ trả lương cho họ. Đoàn người di dời khỏi Chukotka tính đến thời điểm đó đã lên đến 17 nghìn người, kéo tổng dân cư tại đây xuống chỉ còn 70 nghìn người. Mong muốn được rời khỏi thành phố có nhiệt độ hàng ngày xuống đến -40°C và 60% người dân mắc các bệnh tật do rệu rã này được liệt kê trong một áp phích quảng cáo kỳ lạ treo trên một góc phố chính, trong đó người ta đề nghị đổi cả một căn hộ chỉ để lấy một chiếc vé một chiều đi Moscow.

Khi chế độ đỡ đầu Liên Xô đã đi vào lịch sử, người Chukotka bắt đầu quay trở lại lề thói cũ. Đàn ông và phụ nữ tóc đã hoa râm giờ lại được hướng dẫn về cách điểu khiển các đàn chó. Người ta tập trung những đàn chó hoang lại và tìm mọi cách để biến chúng thành chó kéo xe. Các thợ săn vùng duyên hải trở lại với tập quán cổ xưa là đến xin lời khuyên của các pháp sư địa phương về những nơi săn hải mã, cá voi và cá heo tốt nhất. Một thế hệ mới bắt đầu học hỏi lại những kỹ năng cũ. Họ học cách lột da hải mã, mổ thịt chúng, xử lý thịt và đưa vào trong bộ da, khâu lại và tích trữ trong những cái hầm. Ở đó, số thịt này sẽ được đông lạnh trong suốt mùa đông dài dằng dặc và có thể lấy ra làm thức ăn cho cả người và chó. “Chúng tôi ăn thức ăn đông lạnh nhưng cơ thể lại được sưởi ấm từ bên trong,” Misha Maltsev, một công dân của nước cộng hòa Sakha lân

cận cho biế t: “Thức ăn đó rấ t béo và là nguồ n bổ sung năng lượng tô t.” Theo Benedict Allen, khi người Chukotka quay trở lại với nề n kinh tế sản xuấ t giản đơn, “kim ngạch xuấ t khẩu” của Chukotka vào “đại lục” giảm xuố ng chỉ còn 14 nghìn đô-la Mỹ mỗi năm.

Trước khi Abramovich thấ ng cử, tình hình tại Chukotka dưới sự cai trị của Tỉnh trưởng Aleksandr Nazarov, một người vô cùng kém cỏi nề u so với Abramovich. Trong thời gian lưu lại Anadyr, Allen ở cùng với một nhân viên điề u hành nhà máy điện địa phương. Người này không được trả lương trong suố t 5 tháng liề n. Một số giáo viên cho biế t họ còn không được trả lương đế n cả năm liề n. Trong mười lăm chiế c trực thăng đậu ở sân bay Anadyr, có tới mười hai chiế c đã bị tháo phụ tùng để duy trì đường bay của ba chiế c còn lại.

Có thể nói người chịu trách nhiệm lớn nhấ t trước tình trạng này là Nazarov. Ông này khởi nghiệp từ một kỹ sư làm việc ở các mỏ vàng của Chukotka, sau đó gia nhập Đảng Cộng sản để tiế n thân và cuối cùng được giữ vai trò lãnh đạo tỉnh này. Nazarov có chiế n lược cá nhân phù hợp nên đã vượt qua được thời kỳ quá độ từ chính quyề n cộng sản sang nề n dân chủ. Ông ta tỏ ra khôn ngoan khi tham gia thành lập đảng Thố ng nhấ t, một chính đảng ủng hộ Putin trong cuộc bầu cử đầ u tiên và được Abramovich hậu thuẫn. Tuy nhiên, giồ ng như người lính Nhật trở n trong rừng nhiề u năm mà không nhận thấ y rằ ng Chiế n tranh Thế giới lâ n thứ hai đã chấ m dứt, Nazarov tiế p tục điề u hành Chukotka theo tinh thầ n của cuộc Chiế n tranh lạnh vô n đã kế t thúc từ lâu. Sự ly khai của hai phóng viên Nga nhằ m ủng hộ chính sách Công khai hóa trên đảo Diomedede thuộc Alaska năm 1989 đã tác động đế n quan điể m của Nazarov đố i với các mô i quan hệ song phương đế n mức ông làm mọi cách để ngăn cản du khách nước ngoài đế n Chukotka trong suố t thập kỷ 1990. Có lúc ông ta thậm chí còn cho đóng cửa một bê p ăn từ thiện do các nhà thờ của Mỹ tài trợ.

Cũng trong năm 1989, Nga và Alaska ký một hiệp định miễn thị thực cho người Eskimo Yup'ik, những người có tổ tiên sinh sống từ lâu ở eo biển Bering. Thế nhưng, đến mùa hè năm 2000, Nazarov ra lệnh cấm các loại tàu thuyền nhỏ đi qua eo biển Bering sau khi hai người Eskimo bị chết đuối trên đường trở về Nga từ Alaska. Khi một thanh niên trong làng ăn trộm một chiếc thuyền và tẩu thoát tới đảo Saint Lawrence cuối năm đó, ông ra lệnh bắt giữ tất cả các tàu thuyền qua lại và chỉ được thả khi có lệnh của các sĩ quan biên phòng.

Trong khi Nazarov có tư tưởng địa phương cực bộ thì người ngáp nghé vị trí của ông lại có quan điểm hướng tới phương Tây. Năm 1999, Abramovich trở thành ứng cử viên đại diện cho Duma Quốc gia Nga tranh cử chức tỉnh trưởng Chukotka và giành được thắng lợi. Nhiều người phỏng đoán rằng ông tham gia chính trị là để được hưởng quyền miễn trừ truy tố dành cho tất cả các nghị sĩ đương nhiệm. Tuy nhiên giả thuyết này không trả lời được câu hỏi: tại sao lại là Chukotka? Một vài người đoán rằng Putin muốn tìm một người đủ tin cậy nhằm xây dựng ảnh hưởng tại khu vực này và phê chuẩn nhân vật thủ cựu thời Xô Viết vẫn đang đương quyền. Một cách lý giải ngây thơ hơn là Abramovich đã quen Nazarov trong thời gian ông đi vận động các thống đốc địa phương nhân danh đảng Thống nhất và chính Nazarov đã gợi ý ông ra tranh cử. Một trong số những phụ tá cao cấp nhất của Abramovich cho biết, Nazarov đúng là đã khuyến khích Abramovich bắt đầu sự nghiệp chính trị ở Chukotka. Nếu đúng là như vậy, Nazarov hẳn phải nhanh chóng nhận ra rằng ông đã “cõng rắn cắn gà nhà”.

Một trong những đầu mối liên lạc mà Abramovich tiếp xúc từ rất sớm là một người Mỹ có tên là John Tichotsky, giảng viên về kinh tế và thương mại quốc tế tại một trường đại học ở Alaska. Nguyên tắc, nhiệt tình và nói tiếng Nga trôi chảy, Tichotsky rất

quan tâm tới cộng đồng người Eskimo ở Chukotka và nhanh chóng trở nên thân cận với Abramovich. Theo một người bạn, Tichotsky “căm ghét” Nazarov và vì thế ông hoan hỉ khi tìm thấy một người đồng cảm đang ở một vị thế rất tốt, có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng thiếu số vốn chịu thiệt thòi này. Vào mùa xuân năm mà Nazarov ra lệnh đóng cửa tàu thuyền, Abramovich dùng máy bay riêng bay từ Moscow đến Anchorage rồi hướng về phía bắc đến Barrow, thành phố phát triển kiểu mẫu của người Eskimo với mong muốn học hỏi những kinh nghiệm có thể áp dụng vào vùng đất mới của mình. Dùng tiền thu thuế từ các giếng dầu địa phương, thành phố này đã xây dựng nhà cửa, các trường phổ thông và một trường đại học. Trong suốt thập kỷ trước đó, thành phố này cũng đủ dư dả để gửi cho Chukotka một khoản viện trợ trị giá 4 triệu đô-la, chủ yếu u bảnng hiện vật, như máy phát điện và các dụng cụ săn bắn.

Khi Abramovich bắt đầu các nỗ lực viện trợ cho người Eskimo thì Nazarov thực sự nhận ra đối thủ của mình. Khi các con của Abramovich bắt đầu kỳ nghỉ tại Siberia, còn Abramovich thì bắt đầu quyên tặng sách giáo khoa, quần áo ấm, thiết bị y tế và thậm chí là 20 xe ủi tuyết cho Sở Công trình Công cộng Chukotka, thì Nazarov nhận định rằng mọi việc đang diễn ra không như dự kiến của ông ta. Tình hình trở nên căng thẳng khi Abramovich mở văn phòng của tổ chức từ thiện Polius Nadezhdy (Cực Hy vọng) ở Anadyr. Một hôm, một nhóm đầu gấu xuất hiện, tấn công nhân viên cứu trợ và buộc văn phòng phải đóng cửa. Nếu Nazarov cho rằng thế là đủ để ngăn chặn kẻ “giả vờ khiêm tốn” và nhúng mũi vào việc của mình thì ông ta đã sớm phải dẹp bỏ ý nghĩ đó. Hai tháng sau, Abramovich công khai vận động tranh cử ghế tỉnh trưởng. gương mặt ông tươi cười trên những tấm áp-phích dán khắp thành phố với khẩu hiệu ở bên dưới là: “Thời đại mới, Tỉnh trưởng mới, Hy vọng mới.”

Nếu là trước đây, Nazarov có thể đã thắng thế nhưng giờ đây ông ta đánh giá quá thấp quyên lực của Trung ương. Cuối tháng 10, ông ta bị triệu tập tới Moscow. Các bài báo lúc đó tường thuật rằng ông ta bị chắt vắn về những cáo buộc tham nhũng trong tinh tự trị này. Là một tay cáo già, ông ta nhanh chóng hiểu rằng trò chơi đã kết thúc và một tuần trước cuộc bỏ phiếu ngày 21 tháng 12 năm 2000, ông rút khỏi cuộc đua. Một Abramovich không có đối thủ đã được bầu với 99% số phiếu ủng hộ.

Con đường đến quyên lực khá dễ dàng của Abramovich chứng tỏ sự khôn ngoan và tầm ảnh hưởng chính trị của ông. Những người khác sẽ không thể chiến thắng dễ dàng như vậy bởi vì lật đổ một nhà lãnh đạo độc tài ở địa phương là việc rất khó khăn đối với các nhân vật trẻ tuổi từ Moscow đến, minh chứng cụ thể nhất là trường hợp của ông trùm nhỏ Ralif Safin. Là một ủy viên cao cấp trong Ban quản trị Lukoil, một ông lớn giàu mỏ của Nga, Safin cũng cố gắng làm điểu tương tự ở nước cộng hòa Bashkortostan. Ngoài việc điểu là doanh nhân dẫu lừa, Abramovich và Safin còn có điểu tương đống khác. Safin cũng là một người có tư tưởng thân Anh, đã ở Anh rất lâu và một số thông tin được tiết lộ dẫu năm 2004 cho thấy ông có ý định thuê tóm đội Manchester United của giải bóng đá ngoại hạng Anh, mặc dù người ta chưa thấy ông thể hiện nỗ lực nào như vậy cả, nếu thực sự có mong muốn đó. Giống như Abramovich, Safin cố gắng giành ghế tỉnh trưởng khi đang là một thượng nghị sĩ (đại diện cho nước cộng hòa Altai) và chiến dịch tranh cử của ông có vẻ như là một phiên bản chiến dịch của Abramovich. Đỉnh điểu là một buổi hòa nhạc miễn phí ở thủ phủ Ufa thuộc nước cộng hòa Bashkortostan mà ca sĩ chính là Alsou, cô con gái 20 tuổi xinh đẹp của ông, người đã trở thành một trong những ngôi sao nhạc pốp lớn nhất ở Nga năm 2000 sau khi đoạt giải nhì cuộc thi ca khúc truyền hình châu Âu Eurovision. Sự kiện đó còn có sự tham gia của một số ngôi sao lớn khác và đã thành công vang dội.

Sau buổi hòa nhạc Ufa, Alsou tiếp tục tổ chức các sự kiện tương tự và vui vẻ trao tặng đĩa nhạc cho người dân ở các thành phố khác của nước cộng hòa này.

Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa nỗ lực tranh cử của Safin và Abramovich là trong khi Abramovich là một tỷ phú lớn đô i đầu với một nhà lãnh đạo ít tên tuổi của một vùng đất đói nghèo thì Safin, 49 tuổi, lại tìm cách lật đổ Murtaza Rakhimov, người thống trị một trong những nước cộng hòa tự trị giàu có nhất thuộc Nga, một trong số những nhà hoạt động chính trị cứng rắn nhất và đáng gờm nhất ở Nga. Tháng 12 năm 2003, Keith Doughty, một phóng viên điểu tra nổi tiếng của tờ London Evening Standard, viết: “Ngài Rakhimov đã cai trị Bashkortostan bằng bàn tay sắt. Ảnh ông ta được treo ở các tòa nhà công cộng, các khách sạn, ga tàu hỏa; những người ủng hộ thậm chí còn có tư tưởng sùng bái cá nhân đối với ông ta. Vì thế, Ngài Safin, một ông trùm mới nổi còn khá trẻ từ Moscow đến, chắc chắn sẽ gặp khó khăn.”

Lo ngại bởi những thành công ban đầu của Safin, nhà lãnh đạo 69 tuổi của Bashkortostan lên tiếng chỉ trích rằng chiến dịch tranh cử kiểu phương Tây của Safin vi phạm các quy định bầu cử. Mặc dù những cáo buộc này sau đó bị bác bỏ nhưng vị cựu chiến binh quen thuộc này không có ý định bỏ cuộc và cuối cùng đã đánh bại Safin.

Lễ nhậm chức Tỉnh trưởng Chukotka của Abramovich tại Nhà Văn hóa đầu tháng 1 năm 2001 là một sự minh họa rõ nét sự thay đổi của thời cuộc. Trong phần nghi lễ chính thức, các ghế hàng đầu được dành cho một đoàn đại biểu gồm 20 chính khách, doanh nhân và người Eskimo ở Alaska và đầu ướng mạnh nhất được phục vụ là nước cam. Abramovich mặc một bộ comple màu xám tuyên thệ nhậm chức trước quốc kỳ Nga. Sau khi bài quốc ca vang lên, ông lịch sự từ chối phát biểu. Hal Bernton, một phóng viên người Mỹ có mặt ở sự

kiện này đêm hôm đó mô tả: “Sau khi tuyên thệ, cư dân địa phương nhảy múa trong những bộ trang phục tuấn lộc đỉnh cườm. Bữa tiệc đứng có bánh bao nhân cua, món cô-t-lê-t gà rắc bánh mì và một ít quýt và dưa. Một ban nhạc jazz phổ i nhạc theo tiêu chuẩn Nga, kết hợp giai điệu các bài hát của Mỹ và những ca khúc ballad của Sinatra.” Tất cả đều khác xa những bữa tiệc bít-tết tuấn lộc và rượu vodka mà Nazarov thường tổ chức trước đây. Ngay khi cuộc vui bắt đầu chưa được một giờ đồng hồ, Abramovich đã rời bàn tiệc.

Trong chốn địa ngục mà Nazarov để lại, Abramovich bỗng xuất hiện như một Đấng cứu thế. Trong bối cảnh một xã hội bị bần cùng hóa như Chukotka, một số hoạt động ban đầu của ông có thể bị coi là đậm chất mị dân. Trước tiên, trong bản tuyên ngôn, ông hứa hẹn sẽ tạo điều kiện đưa các trẻ em bay về hướng nam để nghỉ ngơi dưới ánh mặt trời. Tổ chức từ thiện Cục Hy vọng của ông, do người em họ Ida quản lý, đảm nhiệm khâu hậu cần. Các nhân viên chăm sóc trẻ em đã rất cảm động khi chứng kiến những cử tri trẻ nghèo khổ của Abramovich ăn củ hoa thủy tiên mà cứ nghĩ là ăn củ hành và tìm cách gửi những lát thịt về quê nhà qua đường bưu điện. Benedict Allen có cơ hội gặp gỡ một số đứa trẻ đó khi chúng đã trở lại làng ở miền bắc Chukotka sau kỳ nghỉ:

Chúng lúc nào cũng tươi cười và luôn hoạt náo khi trở về nhà, và khi đoàn tham quan tiếp theo chuẩn bị lên đường, tất cả đều rất phấn khích. Lúc đó, tôi đã không tin rằng người đàn ông này (Abramovich) lại lãng phí tiền bạc như thế chỉ để đưa trẻ con đi chơi. Nhưng một ông cụ người Nga đã máng tôi: “Sao cậu có thể nghĩ như vậy? Những đứa trẻ này giờ đã có thể tin tưởng vào điều gì đó, chúng nghĩ được xa hơn, vượt ra ngoài thế giới nhỏ bé của chúng.”

Một sự thật chắc chắn là các hoạt động nói trên đã tác động tích cực đến toàn bộ cử tri.

Một số biện pháp điê`u hành khác của Abramovich tỏ ra gầ`n với thực tế` hơn. Các viên chức nhà nước, trước đây thường xuyên bị cúp lương suô`t cả năm trời, nay bắ`t đầ`u được trả lương đúng hạn. Quan hệ thương mại và giao thông của Chukotka với Alaska được nô`i lại, một số` mũi khoan dầ`u được triển khai nhằ`m xác định trữ lượng dầ`u của Chukotka, hệ thố`ng cơ sở hạ tâ`ng được tái đầ`u tư. Một phóng viên báo chí từng đế`n thăm Chukotka tháng 11 năm 2003 đánh giá: “Chỉ riêng tại Anadyr, ông á`y đã cho xây lại bệnh viện, phòng khám nha khoa, trường tiểu học và cao đẳng, mở siêu thị và rạp chiế`u bóng đầ`u tiên trong tỉnh, cải thiện nguồ`n cung ứng điện nước, hiện đại hóa sân bay và cách mạng hóa mạng lưới viễn thông. Ông á`y thậm chí còn cho xây dựng một trang trại gà để cư dân Chukotka có trứng ăn trong bữa sáng.”

Để điê`u hành tân thế` giới gai góc này, Abramovich kêu gọi “các tình nguyện viên” từ Ban quản trị của Sibneft đế`n hỗ trợ ông. Nhiê`u nhân viên quản lý cao câ`p vô`n thành đạt tại chính Sibneft đã không ngại xa gia đình ở Moscow để đế`n Chukotka khoảng ba tuầ`n một lâ`n để đảm bảo rằ`ng mọi chuyện tại Siberia vẫn hoạt động bình thường khi Abramovich không có mặt ở đó. Ông cũng thuyê`t phục được người bạn Aleksandr Mamut mở một chi nhánh ngân hàng ở Anadyr và thế` là lâ`n đầ`u tiên người Chukotka được sở hữu những tâ`m thẻ tín dụng ngân hàng.

Chi phí cho tâ`t cả các hoạt động này, theo phát ngôn viên của Abramovich, lên đế`n 230 triệu đô-la Mỹ, trong đó là 30 triệu thuế` thu nhập cá nhân và 200 triệu tiề`n cá nhân. Nhưng có lẽ hy sinh lớn nhấ`t của Abramovich chính là vê` tình cảm và sức khỏe. Một người vô`n không thích phát biểu nơi công cộng và hiế`m khi giao tiế`p với những người không thân thiế`t nay phải cô` gắ`ng giao lưu, gặp gỡ với nhiê`u người. Nhà tỷ phú thường xuyên được số`ng trong tiện nghi và nề`m những món ăn ngon lành nhấ`t trên thế` giới, nay thực

sự đã dành thời gian cho một trong những vùng đất hoang vắng nhất trên hành tinh. Trong một giây phút có lẽ là yếu mê m, ông đã trút con giận dữ lên Elena Dikum, nguyên là một trợ lý báo chí của Putin, khi cô đến thăm ông ở Chukotka: “Ở đây người ta ăn thịt tuần lộc vào bữa sáng, thịt tuần lộc vào bữa trưa và thịt tuần lộc vào bữa tối. Món khai vị là thịt tuần lộc, món tiếp theo là thịt tuần lộc và món tráng miệng cũng là thịt tuần lộc. Buồn cười đấy, nhưng đó là sự thật.”

Trong những ngày đầu tiên năm quyên, trước khi xây dựng được một ngôi nhà riêng ở Anadyr, Abramovich thường bay trực thăng một quãng ngắn qua eo biển Bering để đến nghỉ đêm ở Anchorage. Tại đây ông thuê phòng ở Khách sạn Captain Cook. Thuộc sở hữu của Wally Hickel, một cựu thống đốc của Alaska, khách sạn này nằm trên vịnh Cook, có 547 phòng, trong đó phần lớn đều có tầm nhìn hướng ra khung cảnh núi non, sông nước rất đẹp. Nhưng Abramovich, với con người vốn dĩ của mình, không dành nhiều thời gian để chiêm ngưỡng vẻ đẹp đó, mà thường bận bịu xây dựng các mối quan hệ với chính quyền Alaska với sự hỗ trợ của Jeff Berliner từ văn phòng thương mại quốc tế của bang này. Berliner đã vận động và thuyết phục Thống đốc bang Alaska nghiêm túc quan tâm tới nhân vật mới này.

Không chỉ tập trung vào Alaska, Abramovich còn hướng về phía nam, tức là tới Canada và các bang khác của Mỹ ở bờ Tây. Gần bốn tháng sau lễ nhậm chức, Abramovich bắt đầu chuyến du lịch bốn ngày đến miền tây bang Washington. Trong lịch trình của ông có việc ghé thăm nhà máy Boeing (công ty sản xuất chiếc máy bay riêng của ông), một cuộc gặp ngắn với Thống đốc Gary Locke và một bài phát biểu dài mười phút tại Thượng viện bang. Ưu tiên của Abramovich trong chuyến đi này là khôi phục niềm tin các nước phương Tây láng giềng vào Chukotka. Sau sự sụp đổ của Liên Xô, các

doanh nhân Mỹ và Canada đã trông đợi một bình minh mới trong quan hệ thương mại với các tỉnh duyên hải miền đông nước Nga. Tuy nhiên, khi các cuộc khủng hoảng chu kỳ phá hoại nền kinh tế Nga và tình trạng tham nhũng trở thành căn bệnh kinh niên thì họ không còn quan tâm nữa. Thế rồi, nhân vật mới nổi này lại hứa sẽ đặt hàng từ họ 50% số lượng thực của Chukotka và khẳng định sẽ tạo môi trường kinh doanh ổn định cho các công ty hoạt động trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Hãy nói chuyện với các nhân viên dưới quyền của Abramovich, họ sẽ cho bạn biết rằng nỗ lực của ông ở Chukotka hoàn toàn là xuất phát từ sự cảm thông đối với một dân tộc khổ ở đây. Mặc dù họ có thể thuyết phục được bạn rằng việc ông lãnh đạo Chukotka là sự thể hiện lòng bác ái nhưng còn có một giả thuyết khác, ít tốt đẹp hơn nữa, đã được đưa ra phân tích. Theo đó, toàn bộ các hoạt động trên là một âm mưu trốn thuế được ngụy trang một cách xảo quyệt, có lợi cho Abramovich và phe cánh nhiều hơn rất nhiều so với cho người dân Chukotka, giúp bọn họ trốn được những khoản thuế lên tới hàng trăm triệu đô-la tại một thời điểm quan trọng trong thời kỳ tái phát triển nền kinh tế đổ nát giai đoạn hậu Xô Viết.

Lập luận này như sau: Trong nhiệm kỳ đầu, Tổng thống Putin đã tiến hành một cuộc cải cách thuế vụ có vẻ khôn ngoan với nội dung là hình thành một loạt các “thiên đường thuế” ở Liên bang Nga. Mục đích là khuyến khích các công ty đầu tư vào các khu vực kinh tế trì trệ như Chukotka và Kalmykia bằng cách đưa ra chính sách giảm thuế vô cùng hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư. Nhưng chính quyền trung ương đã không lường trước được rằng các doanh nhân khôn ngoan đã lợi dụng kẽ hở này bằng việc dựng một đồng minh lên làm tỉnh trưởng của một trong những thiên đường thuế, người này sẽ đưa ra các chính sách có lợi cho các công ty sáp vào

đầu tư ở địa phương như Sibneft. Họ không phải đi đâu xa để tìm một ứng cử viên đạt mọi yêu cầu cần thiết như vậy. Ai có thể tốt hơn cổ đông lớn nhất của Sibneft, chính là Abramovich?

Không lâu sau khi Abramovich bắt đầu làm việc ở Chukotka, James Fenkner, Giám đốc nghiên cứu người Mỹ của Troika Dialogue, một công ty môi giới có trụ sở ở Moscow, nhận thấy lợi nhuận của Sibneft tăng đột biến. Từ năm 1999 đến năm 2001, sản lượng dầu của Sibneft tăng trung bình 17,8%, vượt cả tập đoàn Yukos. Cũng trong giai đoạn này, Sibneft không chỉ trả cho cổ đông mức lợi tức cao nhất ngành công nghiệp dầu mỏ mà còn đầu tư mua sắm tài sản cố định và phát triển doanh nghiệp nhiều hơn bất kỳ đối thủ nào. Một số người có thể nghĩ rằng việc Sibneft có khả năng vừa đầu tư cho phát triển vừa trả hàng trăm triệu đô-la cổ tức cho cổ đông bằng sự gia tăng tổng dư nợ của Công ty. Tuy nhiên, người ta không mất nhiều thời gian để thấy được một yếu tố khác, quan trọng hơn: đó là mức thuế Sibneft phải đóng rất thấp.

Trong một báo cáo đầu tư được đưa ra tháng 11 năm 2002, Troika Dialogue đánh giá:

Các kế hoạch tối ưu hóa thuế vụ được xây dựng một cách hoàn hảo của Sibneft đã giúp đảm bảo cho công ty này chỉ phải trả một tỷ lệ thuế lợi tức thấp nhất trong số các công ty cùng ngành. Mặc dù tỷ lệ này đã tăng nhẹ từ 9,9% trong nửa đầu năm 2001 lên 12,6% trong nửa đầu năm 2002 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với Lukoil (24%), Yokos (22%) và tỷ lệ thuế lợi tức 24% theo luật định. Người ta nhanh chóng thấy rằng chìa khóa cho chính sách thuế hiệu quả của Sibneft là nhờ vào quyết định chuyển một số bộ phận thương mại đến các khu vực có chính sách ưu đãi lớn về thuế của Nga, giúp các khoản lợi nhuận của họ tránh được một tỷ lệ thuế lợi tức đáng kể. Chiến lược của Sibneft, theo Troika, có vẻ như được thực

hiện bằng cách bán dầu của nhà máy tinh chế ở Nga cho chi nhánh thương mại ở Chukotka với giá thấp hơn giá thị trường rất nhiều. Số dầu đó được chi nhánh này bán cho người sử dụng với giá thị trường. Như vậy, nhà máy tinh chế có trụ sở ở Nga có thể báo cáo mức lợi nhuận thấp, đồng nghĩa với việc chỉ phải trả mức thuế thấp, trong khi công ty thương mại ở Chukotka, do được hưởng chính sách thuế ưu đãi rất lớn, có thể công bố khoản lợi nhuận cao hơn nhiều.

Theo luật pháp Nga, tỷ lệ thuế áp dụng cho các khoản lợi nhuận của các công ty trong nước lúc bấy giờ là 24%. Trong số này, 7,5% được dành cho ngân sách liên bang, 14,5% cho ngân sách bang và 2% cho ngân sách địa phương. Ví dụ, trong nửa đầu năm 2002, mặc dù Sibneft trả thuế lợi tức đầy đủ cho ngân sách liên bang và địa phương nhưng lại chỉ phải trả trung bình 3,1% (chứ không phải là 14,5%) cho các thiên đường thuế, trong đó có Chukotka, nơi đặt trụ sở các chi nhánh thương mại của công ty này.

Theo quy định về thuế có hiệu lực đến năm 2002, các tỉnh trưởng như Abramovich, được quyên miễn thuế lợi tức cho các công ty trong 3 năm. Báo cáo của Troika tiếp tục nhận định:

Roman Abramovich, Tỉnh trưởng vùng cực đông Chukotka của Nga, chắc chắn đã sử dụng quyên miễn này một cách có lợi cho Sibneft. Mặc dù Sibneft không công bố các bên được hưởng lợi, nhưng nhiều người tin rằng Abramovich và các bên liên quan kiểm soát được đến 87% lợi tức thông qua công ty quản lý Millhouse. Nếu như vậy thì Sibneft có vẻ như đã dựa chủ yếu vào các mối quan hệ chính trị để có được kế hoạch thuế thành công như thế.

Fenkner sau đó phát biểu: “Nếu ai đó từ BP được bổ nhiệm một chức vụ chính trị tại một địa phương và sau đó chuyển các công ty thương mại đến khu vực đó để dành cho các công ty này một khoảng

thời gian ưu đãi thuế thì có lẽ phương Tây đã phản đối à m i r o i.” Nhìn chung, Sibneft được cho là đã hưởng tổng số lợi nhuận lên đến nửa tỷ đô-la Mỹ.

Với cách lập luận này, những chi tiêu của Abramovich ở Chukotka bị giảm tính bác ái đi khá nhiều. Như một lần Abramovich đã trả lời phỏng vấn nhật báo Pháp Le Monde: “Ngài có biết sự khác biệt giữa một con chuột nhắt với một chú chuột hamster không? Không có gì khác biệt cả, đó chỉ là vấn đề PR mà thôi.” Không ai thấy ngạc nhiên khi Ban quản trị Sibneft phản ứng giận dữ với các phân tích của Troika. Các phân tích này bị tiết lộ rất bất lợi cho Abramovich vì chỉ một tháng sau đó, Abramovich dự định sẽ chính thức tiếp quản Slavneft, công ty đầu lừa khổng lồ cuối cùng đang tiến hành tư nhân hóa. Giống như với Eric Kraus trước đây, các nhà lãnh đạo Troika Dialogue bị oanh tạc tới tấp bởi những cuộc điện thoại giận dữ từ Ban quản trị Sibneft với yêu cầu phải rút lại các nhận định đầu tư nói trên. Nhưng công ty này vẫn giữ quan điểm và thành tích quản trị tập đoàn của Sibneft lại tiếp tục bị chỉ trích.

Tháng 6 năm 2004, khi được đề nghị bình luận về các phân tích của Troika, Mann cho rằng Sibneft chỉ là một trong những công ty hoạt động trong nhiều ngành công nghiệp đã tận dụng các vùng đất “xa xôi” của đất nước để giảm mức thuế đóng góp và sự tham gia của Sibneft không gây hại gì mà chỉ có lợi cho khu vực: “Sự thực là khi di chuyển các công ty thương mại sang Chukotka, chúng tôi đã đem đến nơi này nguồn thu mới mà lẽ ra đã thuộc về một nơi khác.” Anh cũng lưu ý rằng chính quyền Chukotka đã yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư vào đây phải tái đầu tư 50% số tiền tiết kiệm được từ ưu đãi thuế. Anh cho biết thêm: “Từ khi Tỉnh trưởng (Abramovich) lên nắm quyền, Chukotka đã giảm 13,7 tỷ rúp tiền thuế (tính đến ngày 1 tháng 1 năm 2004) cho các công ty đã ký kết hợp đồng đầu tư trong Tỉnh, trong đó có các chi nhánh của Sibneft.

Trong suốt thời kỳ đó, Chukotka cũng đã nhận được khoản đầu tư 14 tỷ rúp từ các công ty được ưu đãi thuế. Cũng cần phải lưu ý rằng các khoản thuế được giảm trừ sẽ đánh vào ngân sách địa phương, chứ không phải do chính quyền bang gánh chịu.”

Điểm thú vị trong các lý lẽ phản bác của Sibneft là trước đây, công ty này đã khẳng định việc Abramovich chi tiêu cho Chukotka là hành động nhân đức, nhưng nay lại thừa nhận rằng đó là một điều kiện cần thiết để tận dụng các cơ hội thuế mà tỉnh này đưa ra.

Có rất nhiều các giả thuyết khác nhau về lý do tại sao Abramovich lại ghé vai gánh vác những khó khăn của một vùng đất rộng lớn nhưng không hiểu khách cho lắm như Chukotka. Orlando Figes, Giáo sư lịch sử ở Đại học Birkbeck, phỏng đoán rằng có lẽ Abramovich đã được truyền cảm hứng từ bộ phim trào phúng Liên Xô có tên là The Chief of Chukotka (Nhà lãnh đạo của Chukotka) được sản xuất cuối những năm 1960. Figes mô tả đó là “một bộ phim hài rất thú vị của Liên Xô.” Ông nhận định thêm:

Bộ phim này đã khiến Abramovich vô cùng thích thú khi kể về quá trình một quan chức Liên Xô trở thành tỉnh trưởng Chukotka và đã thiết lập được một dạng định chế của mình ở đó. Từ “tỉnh trưởng Chukotka” đã trở thành một thuật ngữ dùng để chỉ những người có thể tách một khu vực khỏi hệ thống chính quyền và điều hành nó như một quốc gia tự trị. Có lẽ ông ấy đã nảy ra ý tưởng đến với Chukotka từ bộ phim này.

Nhận định của Chrystia Freeland thì có xu hướng ít khoan dung hơn: “Những khoản được coi là “làm từ thiện” của các ông trùm thường không làm giảm các tài khoản ngân hàng của họ nhiều lắm. Bạn hoàn toàn có thể giảm nghĩa vụ thuế và thay vì đầu tư hàng núi tiền vào các câu lạc bộ bóng đá phương Tây thì dành lại một chút cho người Chukotka”.

Freeland cũng nhận thấy một động cơ khác: niềm mong mỏi được kính trọng. Phất lên mà không bị ai chú ý nhưng rồi Abramovich cũng bị tác động trước sự căm ghét mà người dân Nga dành cho các ông trùm. Sự giàu có đã khiến ông phải chịu thái độ ghẻ lạnh của công chúng. Vậy tại sao không thử làm điều gì đó tốt cho họ? Rõ ràng là ông ấy yêu trẻ con, vậy để cho lại chúng chút gì đó, có cách nào tốt hơn là cho hàng nghìn trẻ em một chuyến đi đáng nhớ nhất trong đời như một Ông già Noel tốt bụng vậy?

Tuy nhiên, thử nghiệm chính trị của Abramovich nhanh chóng kết thúc. Ông chính thức thông báo là không có ý định tranh cử thống đốc Chukotka nhiệm kỳ hai và không khó để tìm được lý do. Các du khách từ Moscow phải bay 9600km qua 12 múi giờ để đến được đây và đối với một người thường hay di chuyển đến London và miền nam nước Pháp như Abramovich thì sự bất tiện của việc hàng tháng phải di chuyển tới một vùng đất xa xôi như thế quả là điều ngày càng trở nên khó chịu. Cũng có những dấu hiệu cho thấy ông nản lòng vì phản ứng thiếu tích cực của các cử tri trước sự hào phóng của mình. Freeland cho biết:

Một ông trùm nói với tôi rằng Abramovich thất vọng vì sự vô ơn của người dân Chukotka. Ông ấy đã dùng rất nhiều tiền của cá nhân để cải thiện các điều kiện sống ở đây và mong được người dân yêu mến vì điều đó. Thế nhưng, thay vào đó, ông lại bị quấy rầy vì những thư từ khiếu nại của người dân kiểu như là: “ông chỉ cho tôi một căn hộ hai phòng ngủ. Tôi cần một căn hộ ba phòng ngủ cơ” và tương tự như vậy. Có lẽ các người hâm mộ của đội Chelsea còn ít đòi hỏi hơn cư dân của Chukotka.

Một lý do khác nữa có thể là do Duma Quốc gia đã thông qua một sắc lệnh nhằm đóng cửa các thiên đường thuế.

Có thông tin cho rằng Abramovich có thể sẽ chọn một nhân vật thân cận để thay thế mình. Trong trường hợp đó, người ta có thể hy vọng và lạc quan cho sự thịnh vượng mới được khởi sắc của Chukotka. Nhưng có lẽ tương lai của khu vực này đã được báo trước trong những gì xảy ra với phần giải thưởng tuyệt vời được trao ở hội chợ Anadyr tháng 5 năm 2000 đó. Ngay ngày hôm sau, Benedict Allen đã thấy chiếc xe hơi màu đỏ bị vứt bỏ trong một con phố nhỏ: “Rõ ràng là ai đó đã điên cuồng lái chiếc xe quanh thành phố, có lẽ trong tình trạng say xỉn. Chắc chắn chiếc xe sẽ được thu dọn đi, nhưng rốt cuộc là nó đã bị bỏ mặc.”

Chương 8. Một dân tộc đặc biệt

Ngoại ô thành phố Omsk của Siberia có một nhà máy lớn. Hàng năm, có đến 300 nghìn con heo thịt được chở đến nhà máy. Ở đó, chúng được giết mổ, chế biến và đóng gói thành hàng tấn thịt xông khói, hàng tạ xúc giăm bông và hàng nghìn kilogram thịt. Điều khá ngạc nhiên là một trong những cổ đông chính của nhà máy Omsk Bacon lại là một người Do Thái. Abramovich không phải là người tuân thủ Do Thái giáo một cách nghiêm ngặt theo kiểu truyền thống. Về chuyện này, ông là điển hình của kiểu đồng giáo ở Nga. Eugene Satanovsky, Chủ tịch Giáo hội Do Thái Nga (RJC), nhận thấy trong khoảng hai đến ba triệu người Nga coi mình là Do Thái, chỉ có khoảng 2 nghìn người tuân thủ giáo lý cấm thịt lợn. Nhưng giống như bản chất trường tồn của người Do Thái Nga, sức bền văn hóa của họ vẫn được duy trì một cách ấn tượng sau nhiều năm bị phân biệt đối xử. Đây là điều mà chúng ta cần xem xét khi tìm hiểu con đường đi đến thành công xuất chúng, trở thành những ông trùm đầu y quyên lực của người Do Thái. Mặc dù người Do Thái chỉ chiếm chưa đến 2% dân số Nga nhưng nhiều trong số những ông trùm hàng đầu ở Nga lại là dân Do Thái như Abramovich, Khodorkovsky, Berezovsky, Gusinsky và Friedman.

Lời giải thích thuyết phục nhất cho hiện tượng này là chủ thuyết “trần kính”. Nhận thấy con đường phát triển bị ngăn chặn bởi tình trạng phân biệt đối xử, người Do Thái tìm đường vòng để đi tới đích. Trong khi người Nga, người Ukraina, người Georgia và những người không phải Do Thái khác, do ít gặp cản trở hơn trong việc thực hiện hoài bão của mình, đã mất đi bản năng kinh doanh dưới thời cộng sản thì người Do Thái lại phát triển một cách sáng tạo văn hóa kinh doanh và sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Trong cuốn sách

lịch sử gần viết về các tổ chức Do Thái thời kỳ hậu Xô Viết, Satanovsky viết: “Ngay cả khi chính quyền bãi bỏ những cuộc đàn áp lớn về chính trị thì chủ nghĩa bài Do Thái vẫn là một xu hướng chính trị lớn trong những năm 1980, buộc người Do Thái Nga phải tạo ra kiểu văn hóa không chính thức của họ.” Và vì vậy, khi doanh nghiệp tư nhân được hợp pháp hóa sau 70 năm dưới thời cộng sản, những người từng phải chịu khổ sở nhất nay lại được trang bị khả năng tốt nhất để nắm bắt những cơ hội mới. Một nhà bình luận đã nhận xét về hiện tượng này là “thẳng chột làm vua xứ mù.”

Người Do Thái ở Nga đã bị ngược đãi với các mức độ khác nhau ngay từ khi quốc gia này được thành lập. Công quốc Muscovy trở thành trung tâm tinh thần của Giáo hội Chính thống Nga vào cuối thế kỷ 15 và có quan điểm bài Do Thái mạnh mẽ. Khi quân đội Nga chiếm đóng một thành phố của Ba Lan, như đã xảy ra ở Polotsk năm 1563, toàn bộ dân Do Thái ở đây bị giết hại. Đến thời Catherine Đại đế, bà có cách tiếp cận hòa dịu hơn đôi chút. Bà chia Ba Lan thành những lãnh thổ lớn trong thế kỷ 18 và tiếp nhận lượng người Do Thái lớn trong quá trình này. Có lẽ là do choáng váng bởi quy mô thăm sát cần thiết để có thể nhổ tận rễ người Do Thái, bà lựa chọn chính sách kiểm chế thay vì tiêu diệt hàng loạt. Chính bà đã tạo ra cái gọi là Biên giới Định cư, nơi ban đầu bao gồm Ba Lan thuộc Nga và bán đảo Crimea nhưng sau đó đã mở rộng ra cả Lithuania, Belarus, Bessarabia và phần lớn Ukraine. Người Do Thái bị cấm rời khỏi khu vực Biên giới để đến Nga nếu không được cấp giấy phép đặc biệt.

Khi sự cai trị độc tài của các Sa hoàng Nga chịu áp lực ngày càng tăng từ nhiều nhóm chống đế quốc, họ dùng chiến thuật vô n đã rất phổ biến là “chia để trị”. Người Do Thái bị đổ lỗi cho việc Sa hoàng Alexander II bị ám sát năm 1881. Con trai và người thừa kế của Sa hoàng Nga kích động hàng loạt các “pogrom” – các cuộc tàn

sát dân Do Thái, đưa các nhóm người Nga ở 200 thị trấn và thành phố tấn công người Do Thái, phá hủy tài sản của họ. Sau sự kiện này, pogrom trở thành chuyện thường xuyên. Tuy nhiên, việc đổ mọi tội lỗi cho những người bị coi là “những kẻ giết Chúa” vẫn không đủ để ngăn chặn cuộc cách mạng năm 1917 và dưới thời Lê-nin, người Do Thái được hưởng một giai đoạn lạc quan ngắn ngủi. Lê-nin phản đối các pogrom và chính thức bãi bỏ Biên giới, nơi có nhiều người Do Thái phải sống trong bần cùng hèn mọn. Nhưng Lê-nin tiếp tục phản bác bất cứ đề xuất nào về một “văn hóa dân tộc” Do Thái, coi đó là “kẻ thù của giai cấp vô sản, những kẻ ủng hộ cái cũ và địa vị của người Do Thái trước đây, kẻ đồng lõa của Giáo trưởng và giai cấp tư sản.” Mặc dù nhiều người gốc Do Thái là thành phần xuất sắc trong số các Bolshevik nhưng họ có khuynh hướng theo tư tưởng thế tục và khi Yevseksiya, bộ phận Do Thái của Đảng Cộng sản, được thành lập năm 1919, các đảng phái theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái bị tan rã và tiếng Hebrew (tiếng Hê-Bơ hay tiếng Do Thái) bị cấm sử dụng do có sự liên hệ với tôn giáo và chủ nghĩa phục quốc Do Thái.

Trong vài thập kỷ sau đó, người Do Thái hòa nhập vào xã hội Nga mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Mặc dù tuyên bố chống chủ nghĩa phục quốc Do Thái nhưng Liên Xô đã trở thành quốc gia đầu tiên công nhận nhà nước Israel năm 1947 (khi Andrei Gromyko, Đại diện của Liên Xô ở Liên Hợp Quốc, tuyên bố ủng hộ thì Đại diện nước Anh lại bỏ phiếu trái ngược). Nhưng chủ nghĩa tự do đó không kéo dài. Khi Israel bắt đầu thân thiết hơn với phương Tây và Liên Xô tìm cách tăng cường ảnh hưởng trong thế giới Arab thì tư tưởng bài Do Thái của Stalin ngày càng tăng. Sau khi hành quyết Zinoviev, một lãnh đạo cộng sản xuất sắc người Do Thái như là một phần trong các hoạt động thanh trừng của Stalin, nhân viên đặc vụ Cơ quan An ninh Nhà nước Liên Xô (NKVD) đảm nhiệm việc này đã mô phỏng những giây phút cuối cùng của nạn nhân cho số phận của mình. Người ta nói

rằng Stalin đã cười ngặt nghẽo khi viên cảnh sát đó kêu van: “Thiên chúa của Israel, xin Người hãy nghe tiếng than khóc của con.”

Ngoài việc thường xuyên thanh trừng người Do Thái và những người khác mà ông ta nghi ngờ, Stalin còn tìm cách hủy hoại đời sống văn hóa Do Thái bằng cách đóng cửa các giáo đường, các rạp hát và các trường học. Nhưng bên cạnh đó, ông ta và những người kế nhiệm cũng tỏ ra khó chịu với sự hời hợt của người Do Thái bởi vì, từ một trong những cộng đồng nghèo đói và “lạc hậu” nhất châu Âu, người Do Thái ở Nga đã tiến bộ và trở thành sắc dân có trình độ giáo dục cao nhất Liên Xô. Cho người Do Thái quyên hời hợt có nghĩa là Liên Xô sẽ mất đi nhiều luật sư, bác sĩ, nha sĩ, nhà hóa học, nhà vật lý học... quan trọng.

Trường hợp của Yuly Khosharovsky là một ví dụ điển hình về cách đối xử thô bạo của Chính quyền Nga với những người Do Thái dám xin phép đến Israel. Những trải nghiệm đau thương mà Khosharovsky phải chịu được lịch sử gia Martin Gilbert ghi lại trong cuốn *Jews of Hope* (tạm dịch là “Hy vọng của người Do Thái”). Khosharovsky lần đầu tiên xin thị thực đến Israel tháng 3 năm 1971 khi ông 29 tuổi. Đơn của ông bị từ chối, viện cớ rằng ông đã nắm giữ nhiều bí mật quốc gia trong thời gian làm việc tại Viện Nghiên cứu Công nghệ Tự động ở Sverdlovsk. Công việc một kỹ sư điện tử vô tuyến của ông cũng bị cản trở. Sau đó ông tìm được việc gác đêm tại một rạp chiếu bóng nhưng vì tiếp tục tích cực xin thị thực, ông đã phải chịu đựng một chiến dịch quấy nhiễu do các lực lượng an ninh tiến hành. Sau khi Liên Xô ký Hiệp ước Helsinki năm 1975, Khosharovsky là một thành viên của nhóm 60 refusenik (những công dân Do Thái bị bác bỏ quyền di cư đến Israel) đến vận động Ủy ban trung ương ở Moscow. Sáu người đã được mời đến nói chuyện nhưng những khiếu nại của họ bị khước từ ngay lập tức.

Trong những năm sau đó, chiến dịch quấy nhiễu tiếp tục. Một vụ rã c rô i xảy ra năm 1980 đã thể hiện rõ bản chất nghiệp dư nhưng nham hiểm của chiến dịch này. Khosharovsky thức giã c lúc 7 giờ 30 phút sáng để chạy thể dục như thường lệ. Khi đang khởi động, ông thấy một người đàn ông đang dạo bước loạng choạng, tay nắm chặt một chai rượu vang bọc giã y báo. Khi ông rảo bước chạy, người đàn ông này cũng bắt đầu liêu xiêu tiến về phía ông. Mặc dù Khosharovsky cố gắng giữ khoảng cách an toàn giữa hai người nhưng gã “say rượu” này cứ lao đảo lao về phía ông và đánh rơi cái chai. Thế rồi anh ta gây sự âm ỉ và sau vài phút, có hai người tự giới thiệu là druzhinniki (thành viên của lực lượng Cảnh vệ Quốc gia) tiến về phía họ. Sau khi làm kẻ say rượu nguôi bốt, họ kiên quyết đưa cả hai người đến đồn cảnh sát với lý do là đã gây lộn. Hai người bị phạt giam 13 ngày nhưng trong khi Khosharovsky phải ngồi tù thì gã say rượu bí ẩn kia trốn mất trước khi bị tuyên án và không bao giờ phải thực hiện bản án của mình.

Tình cảm cộng đồng của người Do Thái Nga được khơi lại trước thái độ thiên vị của truyền thông Liên Xô đối với các cuộc chiến tranh khác nhau của Israel chống lại các nước Arab láng giềng. Martin Gilbert viết trong cuốn Jew of Hope: “Hơn bất kỳ sự kiện đơn lẻ nào kể từ khi nhà nước Israel thành lập năm 1948, chính cuộc chiến tranh Sáu Ngày năm 1967, khi Israel đánh bại quân đội ba nước Ai Cập, Syria và Jordani, đã tạo nên tinh thần đoàn kết dân tộc mới trong người Do Thái Liên Xô.” Khi cuộc chiến ngắ n nguội đó đang diễn ra, Liên Xô tuyên truyền rằng người Israel đang bị tiêu diệt, và khi Israel chiến thắng, nhiều người Do Thái cảm thấy bất bình với những luận điệu hoan hỉ rầm rĩ lên lúc trước. “Từ lúc đó trở đi,” Gilbert nhận xét, “nhiều người Do Thái Liên Xô coi Israel là Tổ quốc và được đến Israel là mục đích dân tộc của họ”. Như chúng ta đã biết, cha của Abramovich là một trong số những người

khao khát được đến Israel trong giai đoạn này. Sự kiện nói trên có lẽ cũng ảnh hưởng rất lớn đến những anh trai của ông.

Ngay cả những người Do Thái không tìm cách để đến Israel cũng nhận ra tình thế nguy hiểm của mình. Dưới thời cộng sản, nhiều người gốc Do Thái phải tìm mọi cách để che giấu lai lịch. Phụ nữ Nga từ lâu đã có tục lệ giữ họ của mình sau khi kết hôn và con cái được quyên dùng họ của cả cha hoặc mẹ. Vì vậy, những người lo ngại rằng một cái họ Do Thái có thể gây bất lợi cho họ thì sẽ lấy họ Nga/Ukraina/Georgia của cha hoặc mẹ không có gốc Do Thái. Tương tự như vậy, một số cha mẹ người Do Thái đặt tên cho con cái những cái tên Nga tương đương với tên Do Thái như Mikhail thay cho Menachem, Boris thay cho Boruch hoặc Arkady thay cho Abraham. Do người Do Thái là nhóm người duy nhất được xác định trong các tài liệu chính thức bằng chứng tộc chứ không phải bằng quốc tịch, nên nhiều người cố gắng làm cho cuộc sống dễ dàng hơn bằng cách làm cho họ được xác định là người Nga. Điều này có nghĩa là khi được trao quyền hời hươg, người ta phải thu xếp hàng đống các công việc giấy tờ vì rất nhiều người Do Thái đã chuyển thành người Nga nay lại muốn tận dụng cơ hội này để đi đến miền đất hứa. Trong hoàn cảnh như vậy, có lẽ không ai ngạc nhiên khi một số người không phải là Do Thái cũng tìm cách để được công nhận chính thức là Do Thái nhằm mục đích di cư. Vì vậy, sau khi hơn một triệu công dân Liên Xô cũ tràn đến Israel từ năm 1989 đến năm 2003, có thông tin cho biết nhiều nhà thờ Chính thống Nga đã mọc lên ở các thành phố khác nhau của Israel.

Tuy nhiên, gia đình Abramovich luôn tỏ ra tự hào về nguồn gốc Do Thái và không tìm cách che giấu điều đó. Họ của ông có lẽ là không thể nào “Do Thái hóa” được hơn nữa, có nghĩa là “con của Abraham”. Leib và Abram cũng đều là những tên Do Thái rất hay. Tuy nhiên, tên thánh của Abramovich, Roman, lại không rõ nguồn

gốc Do Thái lẫn m. Nó có cùng nguồn gốc với cái tên Romeo phổ biến ở nhiều dân tộc, từ người Moldova đến người Do Thái, người Ukraina và người Nga.

Một trong những tác động kép của sự tiến bộ của cộng đồng Do Thái Nga từ một dân tộc thiểu số bị trừ dập thành một nhóm lợi ích giàu có và quyền lực chính là mối hiềm khích cay đắng giữa hai tổ chức Do Thái thù địch: Giáo hội Do Thái Nga Satanovsky (RJC) và Habad. Abramovich có quan điểm trung dung. Cuộc chiến huynh đệ tương tàn này được Yeltsin và sau đó là Putin khuyến khích bởi vì nó giúp họ kiểm soát cộng đồng thiểu số cứng đầu cứng cổ này. Nhân vật trung tâm của cuộc chiến đó là Vladimir Gusinsky, người thành lập RJC năm 1996. Vì Gusinsky là một nhân vật độc lập, nên Yeltsin không thể cho ông ta thắng thế. Yeltsin đã tìm được một vị giáo trưởng có khả năng trở thành nhân vật thay thế tiềm năng, xét về thân học. Đó là Giáo trưởng Berel Lazar.

Lazar là nhân vật quan trọng nhất của Russia of Habad, một tổ chức Do Thái Habad phát triển từ một trong số khoảng hai trăm nhóm đạo Hassidic thuộc Do Thái Chính thống có điều răn các môn đồ rằng chỉ đọc Talmud thôi là chưa đủ. Chìa khóa để đến được với sự cứu rỗi phải là cầu nguyện. Những nhóm đạo này phát triển ở Ukraine, Ba Lan và Byelorussia. Mỗi nhóm do một Tsadik dẫn đạo. Tsadik được coi là cầu nối giữa con người và Chúa Trời. Các nhóm Hassidic rất phát triển ở các shtetl (các thị trấn Do Thái nhỏ) ở Đông Âu. Trong nhiều năm liền, có một phong trào phát triển mạnh, áp đảo cả các xu thế khác khác. Đó là phong trào Do Thái Chính thống Lubavich, phiên bản của phong trào Hassidism Habad, được đặt tên là HBD theo cách viết tắt các chữ cái đầu: H thay cho Hohma, có nghĩa là sự khôn ngoan; B thay cho Bna, có nghĩa là sự cảm thông; D thay cho Daat, có nghĩa là tri thức. Nhóm này bị khủng bố dưới thời các Sa hoàng Nga, nhưng sau khi người đứng đầu

phong trào này bị bắt giữ lần đầu tiên và được thả sau cuộc cách mạng năm 1917, trụ sở của Do Thái Habad được chuyển tới Berlin, sau đó là tới Pháp trước khi ổn định tại Brooklyn, New York. Nhân vật có công trong phát triển một giáo phái vô danh trở thành một phong trào toàn cầu là Giáo trưởng thứ sáu Menachem Mendel Schneerson, người không chỉ được người Do Thái Habad mà cả người Do Thái dòng chính coi là có tầm nhìn lớn. Ông được đào tạo để trở thành một kỹ sư, ông chứng tỏ mình là một nhà quản lý tài giỏi, người thu hút được môn đồ trên khắp thế giới thông qua việc tổ chức một hệ thống các shahah, tức là các nhà truyền giáo. Ông phát biểu: “Ở nơi nào người ta bán Coca-Cola, ở đó có người Do Thái và họ phải là Habad.” Để đạt được mục đích đó, ông cử hàng nghìn “các nhà truyền giáo” đi khắp thế giới để thuyết phục người dân cải đạo. Nhà truyền giáo mà ông cử đến Moscow trong đầu thập kỷ 90 chính là Berel Lazar. Sinh ra ở Milan, có cha là người Mỹ, nhiệm vụ của Lazar là cấp tiến hóa người Do Thái Nga. Dưới chính quyền Xô Viết, sự mâu thuẫn giữa Do Thái Chính thống và Do Thái tự do đã giảm đi nhiều do họ cùng tham gia sự nghiệp chống lại những kẻ thù vô thần. Nhưng học thuyết “mọi con đường đều đến với Chúa Trời” là không đủ đối với Habad. Nhóm này không tán thành các thỏa hiệp tư sản về cái gọi là “phong trào hiện đại”, ví dụ như thông lệ cho phép nam giới và phụ nữ được cùng cầu nguyện bằng ngôn ngữ bản địa.

Ban đầu, vì thế lực còn yếu, không thể đối đầu với giáo trưởng Do Thái dòng chính, Lazar bắt đầu từ những việc nhỏ nhất. Ông thậm chí còn trở thành một thành viên của RJC. Nhưng rồi Gusinsky bắt hòa với Yeltsin. Ban đầu Tổng thống tìm cách dụ dỗ vị giáo trưởng Nga Adolf Shaevich về phe mình. Nhưng khi Shaevich thể hiện thái độ trung thành với Gusinsky, người đã trợ giúp cho cộng đồng Do Thái khi khó khăn, Yeltsin liền chuyển sang Lazar. Ngày Gusinsky bị bắt, cuộc họp các giáo chủ Nga của Habad

đã bắt Lazar làm giáo trưởng đô i lập của Nga để chố ng lại phong trào Do Thái hiện đại (đây rõ ràng là một thủ đoạn khôn ngoan của Boris Berezovsky, đô i thủ lục lõi của Gusinsky). Nikolai Propirny, biên tập viên tuầ n báo Yevreyskaya Gazeta (Tin tức Do Thái) do RJC bảo trợ nhận xét: “Cuộc chiế n Judea bắ t đầ u”.

Propirny chắ c chắ n là một thành viên của phe Do Thái tự do. Được Satanovsky giới thiệu là “một trong những trí thức cao quý nhấ t của chúng ta”, ông có tấ t cả các phụ kiện thể hiện tầ m cỡ một nhà tư tưởng lớn, trong đó có một cái giá đựng tầu thuố c đặt trên bàn với khoảng năm bảy cái tầu treo trên đó. Nhưng viên kim cương gắ n trên tai trái của ông và miế ng ló t chuộ t máy tính có hình một phụ nữ ngực trầ n cho thấ y đây là người có xu hướng trầ n tục.

Những người được giao trách nhiệm tài trợ cho nhóm ly khai mà Yeltsin xác định là sẽ thay thế RJC trở thành lực lượng quan trọng nhấ t trong cộng đồ ng Do Thái bao gồ m Abramovich, bạn của Abramovich là Lev Liviev, một nhà buôn kim cương sinh ra ở Uzbekistan hiện đang số ng ở Israel, và Arkady Gaidamak, một doanh nhân Israel giàu có khác từ Liên Xô cũ đế n. Từ đó trở đi, các giáo đường Habad trở thành nơi Yeltsin đế n chúc mừng cộng đồ ng Do Thái vào dịp Lễ Quá Hải (Passover) và các ngày lễ Do Thái khác. Đáp lại, Habab thể hiện tồ t vai trò một đồ ng minh biế t phục tùng. Về ý thức hệ, Habad cho rằ ng miễn là Nhà nước không ủng hộ chủ nghĩa bài Do Thái thì Habad sẵn sàng ủng hộ những gì Nhà nước yêu cầ u. Và khi nhận được nguồ n ngân sách đô i dào từ các ông trùm, Habad ngày càng nổi như cô n. Điề u đó khiế n RJC cảm thấ y lép vế . Lazar thường chụp ảnh với Yeltsin, và sau đó là Putin, rồ i đem quảng bá ở các giáo đường của Habab với khẩu hiệu: “Hãy đế n với giáo đường của chúng tôi bởi vì Putin cũng ở đây.” Khi cơ đồ phát triển mạnh hơn, giáo đường của Habab được chuyển tới một khu vực sang trọng hơn của thành phố . Một khố i đá Jerusalem trắ ng được

chuyến đến từ Israel và đem trưng bày ở giáo đường Marina Roscha. Vào đêm Lễ Quá Hải, mỗi giờ lại có một em bé Do Thái xuất hiện trên truyền hình quảng bá các buổi hành lễ tại giáo đường mới của Habad.

Trong khi đó, các giáo đường khiêm tốn hơn của RJC được đặt ở phía bên kia đường nhìn sang giáo đường chính của Moscow, một tòa nhà ấn tượng với khu mặt tiền có các cây cột lớn. Chúng có thể vẫn được trang hoàng với hàng chục bức ảnh các ông trùm gặp gỡ với các giáo sĩ RJC, nhưng Satanovsky cảm thấy cay đắng khi hàng triệu rúp của Abramovich được chuyển cho nơi khác. “Bất cứ khi nào chúng tôi nói chuyện với người của Abramovich, họ đều trả lời: “Chúng tôi rất xin lỗi nhưng đó là hội từ thiện duy nhất mà chúng tôi ủng hộ.” Nhưng Satanovsky không có thái độ cạn tài ráo máng. Khi được hỏi về ấn tượng đối với Abramovich, ông vẫn trả lời: “Ông ấy là người nông hậu, rất nông hậu.”

Mặc dù Habad có tín nhiệm với các ông trùm Do Thái và chính phủ Nga nhưng trong con mắt của người Do Thái trên thế giới, Habad đang dần trở thành một giáo phái rất nguy hiểm. Khi Mendel Schneerson qua đời, một nhóm nhỏ các môn đồ có vai vế đã tuyên bố ông là một Đấng Cứu thế. Các nhân vật có quyền lực trong Habad, như Rabbi Ytsakh Kogan, bắt đầu lưu ý rằng Mendel Schneerson là “người tốt nhất để gọi là Đấng Cứu thế”. Mặc dù Lazar từ chối bình luận về vấn đề này nhưng tờ Do Thái Moscow Yevreyskaya Gazeta phát hiện một trang trong cuốn sổ ghi cảm tưởng của giáo đường ở Almata, Kazakhstan, trong đó (có lẽ là trong một phút yếu đuối) Lazar nhắc đến Mendel Schneerson như là một “Chúa Cứu thế”. Những suy nghĩ như thế bị coi là dị giáo trong thế giới Do Thái rộng lớn hơn. Đáng thương cho RJC, vì người Do Thái Nga đã trở nên trăn tục hóa như lời của Propirny:

“Người Do Thái Nga sẽ phục tùng bất kỳ người nào đội một chiếc mũ vành rộng và có râu”.

Cuộc chiến huynh đệ tương tàn giữa các ông trùm Do Thái có thể bị coi là vô nghĩa cho cộng đồng bởi có quá nhiều việc phải làm ở Nga để khôi phục hạ tầng cơ sở Do Thái vốn đã bị bỏ mặc trong nhiều thập kỷ lãnh đạo của các nhà cộng sản. Marina Roscha là giáo đường duy nhất được xây dựng khi cộng sản đang cai trị, đó là vào thập kỷ 1920. Bây giờ, khi tự do ngôn luận đã trở lại, có rất nhiều việc phải làm để củng cố các thể chế tôn giáo.

Tuy nhiên, điều đó cũng không có nghĩa là chủ nghĩa bài Do Thái đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong những năm 1990, trong một nỗ lực nhằm phê phán Yeltsin, phe cộng sản đã tìm cách thông qua một dự luật buộc Yeltsin phải từ chức vì lý do sức khỏe. Tuy nhiên, dự luật này đã bị Duma bác bỏ với tỷ lệ sát sao. Vì vậy, những kẻ cực đoan bắt đầu tìm biện pháp khác để tấn công Yeltsin. Ngăn chặn các mối liên hệ của ông với cộng đồng Do Thái là một trong những nỗ lực đó. Phó Chủ tịch Ủy ban An ninh Duma Quốc gia Nga Viktor Ilyukhin, thuộc Đảng Cộng sản Nga, phàn nàn rằng có “quá nhiều người gốc Do Thái quanh Tổng thống” và thậm chí còn gửi một bản kiến nghị tới Duma Quốc gia nhằm làm thu hút sự chú ý của Hạ viện về vấn đề này. Trong hội ký, Yeltsin kể lại, tại khu vực Krasnodar đã nổi lên trào lưu lên án tất cả các vấn đề của đất nước là lỗi của các “Yid” (từ xâu chỉ người Do Thái) và các “Zionist” (người theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái). Nhân vật bài Do Thái lớn tiếng nhất lúc đó là Albert Makashov, một viên tướng nghỉ hưu, đại diện của Đảng Cộng sản ở Duma Quốc gia.

Nhưng người bài Do Thái thành công nhất trong thập kỷ qua phải kể đến Vladimir Zhirinovskiy, Chủ tịch Đảng Dân chủ Tự do. Điều trớ trêu là chính ông ta cũng mang nửa dòng máu Do Thái. Khi được hỏi về gốc gác lai lịch, ông ta thường đưa ra một câu trả lời rất đặc

trung: “Mẹ tôi là người Nga và cha tôi là một luật sư”. Tuy nhiên, ngôi sao chiếu mệnh của ông ta gần đây đã mờ nhạt đi nhiều và kế hoạch ra tranh cử tổng thống Nga năm 2004 không còn là ưu tiên số một.

Chương 9. Bán hết tài sản

Tháng 8 năm 1999, Sergei Stepashin rời văn phòng của Boris Yeltsin sau khi bị cách chức Thủ tướng, ông gặp Aleksandr Voloshin, Chánh Văn phòng Tổng thống ở cửa. “Ông đã nói gì đằng sau lưng tôi thế?”, Stepashin hỏi nhỏ, “Ông có bị điên không? Vào lúc như thế này ư?”

Voloshin và các ông trùm bạn bè của ông ta từ lâu đã e ngại Stepashin và ngay khi nhận thấy Stepashin không bảo vệ các lợi ích của họ, họ lập tức quay sang chống lại ông. Tuy nhiên, “đường trường mới biết ngựa hay”. Chủ trương này của họ đã trở thành một sai lầm vô cùng nghiêm trọng. Mặc dù bị sa thải để dọn đường cho Vladimir Putin – một cựu đồng nghiệp ở KGB St Petersburg, lên nắm quyền, nhưng Stepashin nhanh chóng được Putin bổ nhiệm vào vị trí tuyền đồn đầu trong cuộc chiến chống lại các ông trùm: Chủ tịch Phòng Kiểm toán. Phòng Kiểm toán của Putin tương tự với Văn phòng Chống Gian lận Nghiêm trọng của Anh, có điều là sắc bén hơn nhiều. Vị trí của Stepashin cho ông quyền tùy ý thực hiện các cuộc điều tra sâu về vấn đề thu thuế các tài sản nhà nước trước đây, và có toàn quyền đưa lực lượng vũ trang lục soát văn phòng của các công ty để tìm chứng cứ nếu cần thiết. Nói như vậy không có nghĩa là Putin thiếu các nguồn tài liệu để sàng lọc. Từ lâu Putin đã thu thập các kompromat về sự phật lên của các ông trùm và những bộ hồ sơ ấy đều “cao hàng mét”, theo tiết lộ của một cố vấn của Putin.

Cuộc sống của một trùm như Roman Abramovich mặc dù xa hoa về vật chất nhưng lại vô cùng căng thẳng. Không ai có thể vươn lên thành một tỷ phú đa quốc gia trong chưa đầy chục năm mà không phải vài lần làm những điều khuất tất. Khi dân chúng ngày càng

bất bình với một số ít người lợi dụng một tổng thống già n như tuyệt vọng, một cơ sở hạ tầng pháp lý yếu kém và một cơ chế thực thi pháp luật hậu như bất lực, thì áp lực đối với họ ngày càng tăng. Cho dù mối quan hệ của họ với chính quyền thời ấy có vẻ nông ấm nhưng giới chính trị gia cũng căng thẳng khi nhận ra vẻ không hài lòng của cử tri. Vì vậy, Abramovich và các ông trùm khác phải chịu một chiến dịch quấy nhiễu liên tục do một số cơ quan chính phủ và cơ quan an ninh thực hiện. Ngoài Phòng Kiểm toán, còn có các cơ quan khác như Bộ Nội vụ, FSB, Công tố Nhà nước, Hải quan và Cảnh sát Thuế quan. Trong nhiều năm, tất cả các cơ quan này thỉnh thoảng lại tìm cách điếu tra các mưu đồ đáng nghi nhất.

Tuy nhiên, họ đã không đạt được nhiều thành tích nổi bật. Điều đó được cho là vì đặc tính Byzantine (đặc tính vô cùng phức tạp) của cơ chế thống trị nước Nga. Thực tế là không hành động nào có thể thành công mà không được sự cho phép của nhà lãnh đạo cao nhất. Những người đứng đầu các cơ quan chính phủ có tư duy độc lập hoặc chống đối đơn thuần bắt đầu tiến hành các cuộc điếu tra, tuy nhiên, chỉ để nhận thấy rằng chúng bị cản trở một cách khó hiểu ở một số giai đoạn nào đó. Họ sẽ hoặc là bị những người ủy quyền phá quấy, bị mua chuộc hoặc bị sa ngã, hoặc là những ông trùm, vốn ngay từ đầu đã dựa vào các mối quan hệ với Chính phủ để làm giàu, sẽ dùng các mối quan hệ chính trị của mình để dẹp bỏ các cuộc điếu tra của họ.

Có thể lấy hai trường hợp cụ thể để minh họa cho việc một số cá nhân vì đi quá xa nên phải gánh chịu hậu quả. Trường hợp thứ nhất là câu chuyện tai tiếng của cựu công tố viên nhà nước Yuri Skuratov và trường hợp thứ hai là vị Phó Chủ tịch Duma Quốc gia theo quan điểm dân túy có tên là Vladimir Yudin.

Skuratov bị đình chỉ công tác trong một hoàn cảnh đặc biệt đầu năm 1999. Tổng thống Yeltsin từng khen ngợi Skuratov là người

“chu đáo, quyết tâm và kiên trì” nhưng sau đó lại công khai chỉ trích rằng ông thiếu các phẩm chất quan trọng nhất của một công tố viên như “một ý chí mạnh mẽ, tính quyết đoán và niềm tin vào bản thân và năng lực của bản thân.” Lúc đó, Skuratov đang chỉ đạo điều tra một số tội ác khủng khiếp, trong đó có vụ mưu sát vị linh mục rất được lòng tín đồ là Father Aleksandr Men, người dẫn chương trình truyền hình Vladislav Listyev, nhà báo Dmitri Kholodov và doanh nhân Ivan Ivilidi. Nhưng người ta thấy lạ vì ông chẳng trừng phạt được ai cả. Trên thực tế, Skuratov đã tỏ ra bất lực đến mức người ta gán cho ông danh xưng “công tố viên thâm lặng.”

Skuratov vốn không quan tâm tới chính trị. Nhưng vào thời gian đó, ông trở nên thân cận với Victor Ilyukhin, Chủ tịch Ủy ban An ninh của Duma Quốc gia – “người nhiều sự nhất trong một nghị viện toàn những kẻ nhiều sự”. Khi Yeltsin bắt đầu cho rằng Ilyukhin là “cố vấn tinh thần” của Skuratov thì vị thế của công tố viên này bắt đầu bị đe dọa. Vị trí đó càng trở nên bấp bênh khi ông bắt đầu điều tra các cáo buộc hối lộ liên quan đến một công ty kỹ nghệ Thụy Sĩ được thuê sửa chữa một số hạng mục ở điện Kremlin. Không lâu sau đó, Skuratov lại vô tình mắc sai lầm khi đi banya (một dạng nhà tắm hơi), cùng với một vài gái mại dâm. Không may cho ông, như có ý đồ từ trước, ai đó đã ghi lại được cảnh ông đang vui thú ở đó.

Tất nhiên là đoạn phim tìm được đường đến điện Kremlin. Khi bị Chánh Văn phòng Tổng thống sử dụng đoạn phim để đe dọa, Skuratov ngay lập tức phải chấp thuận từ chức, vào chính cái ngày mà các công tố viên tiến hành lục soát văn phòng của Sibneft theo lệnh của Thủ tướng Yevgeny Primakov (xem chương 6). Lá thư từ chức của ông sử dụng kiểu ngôn từ rất bóng bẩy: “Ngài Boris Nikolayevich vô cùng kính mến!”, ông viết: “Do khối lượng công việc quá lớn, tình trạng sức khỏe của tôi gần đây đã suy sụp (với

những cơn đau đầu, đau ngực và nhiều thứ khác), tôi kính mong Ngài đưa nội dung thảo luận việc bãi nhiệm chức vụ Trưởng Công tố Liên bang Nga của tôi vào chương trình nghị sự của Hội đồng Liên bang. Tôi thỉnh cầu Ngài xem xét và giao cho tôi một công việc nhẹ nhàng hơn. Trân trọng cảm ơn, Yuri Skuratov.”

Mặc dù đến sáng hôm sau, Skuratov lại thay đổi ý định nhưng khi ông đề nghị được rút lại đơn từ chức, thì người ta nói với ông rằng lá đơn đã nằm ở trên bàn của Tổng thống. Trong hoàn cảnh đó, Skuratov nhận định, cách phòng vệ tốt nhất chính là tấn công. Ông bắt đầu bôi lên tất cả những vụ tội phạm có dính líu đến chính trị và rêu rao khắp nơi. Thế là đột nhiên, “vị công tố viên thâm lộng” đó trở thành một nhân vật tai to mặt lớn, thích lớn tiếng trong nhiều chuyện.

Đến tháng 3, Skuratov tuyên bố rằng đoạn phim quay ở banya là giả mạo và ông không phải là nhân vật trong đó. Theo kế hoạch, vấn đề này sẽ được các thượng nghị sĩ Hội đồng Liên bang đưa ra xem xét vào ngày 17 tháng 3. Thế nhưng, đoạn phim tình cờ lại rơi vào tay giới truyền thông và được công chiếu trên truyền hình Nga ngay đêm hôm trước. Việc này gây bất lợi lớn cho viên công tố và làm ảnh hưởng đến những nỗ lực vào phút chót nhằm cứu vãn danh dự của ông.

Skuratov nhận được sự ủng hộ của Yuri Luzhkov, kẻ thù không đội trời chung của Yeltsin. Thích thú khi chúng kiến đội ngũ thân cận của Tổng thống phải chịu áp lực lớn như vậy, Luzhkov muốn Skuratov tiếp tục các cuộc điều tra. Là một thượng nghị sĩ có thể lực cùng với chức danh Thị trưởng Moscow, ông vận động Hội đồng Liên bang ủng hộ Skuratov và đã thuyết phục được hầu hết, trừ một số đồng nghiệp, bỏ phiếu chống lại việc phê truất Skuratov. Tuy nhiên, đến lúc đó, vị trí của Skuratov đã không thể giữ được nữa và dưới sức ép của Yeltsin, Skuratov phải viết lá đơn xin từ

chức thứ hai, với nội dung chỉ kém khôi hài hơn lá đơn trước một đôi chút.

Vấn đề là, không được phép của Hội đồng Liên bang, Skuratov không thể bị sa thải. Thế là một cuộc trả đũa bắt đầu. Ngày 27 tháng 3, các điều tra viên thuộc cơ quan của Skuratov đột ngột xâm nhập điện Kremlin và thu giữ tài liệu từ 14 tòa nhà. Yeltsin quyết định đã đến lúc phải hành động quyết liệt. Ngày 2 tháng 4, Phó Trưởng công tố Moscow buộc tội Skuratov lạm dụng chức vụ. Không lâu sau, Yeltsin ký sắc lệnh bãi nhiệm ông. Vậy là Skuratov rơi vào tình trạng bị bỏ lửng, phải ngưng làm việc trong hơn một năm. Hai cuộc bỏ phiếu tiếp theo của Hội đồng Liên bang trong năm 1999 vẫn không đạt được đa số phiếu ủng hộ việc bãi nhiệm ông. Cho đến tháng 5 năm 2000, Hội đồng mới chấp thuận kiến nghị của Yeltsin và đặt dấu chấm hết cho “trường ca” Skuratov.

Kết cục của Vladimir Yudin ít kịch tính hơn nhưng cũng không vui vẻ gì. Người ta tin rằng ông đã thu thập được rất nhiều tài liệu liên quan đến các ông trùm dầu lửa từ văn phòng của Trưởng Công tố. Tháng 9 năm 2003, khi bắt đầu một chiến dịch tại Duma Quốc gia nhằm chống lại việc các ông trùm nói chung và Abramovich nói riêng thâm tóm các nguồn tài nguyên của Nga, Yudin nhanh chóng hiểu rằng mình đang đương đầu với một đối thủ đầy quyền lực. Với cái cổ to bè, Yudin thực sự có dáng vẻ của một nhà xã hội chủ nghĩa kém thức thời. Được hộ tống bởi một vệ sĩ diện toàn đồ đen, liên tục châm thuốc, ông đúng là người không quen với việc bị ai cắt ngang câu chuyện và lúc nào cũng thích khoe các thành tích xuất sắc mà ông đạt được kể từ khi bắt đầu sự nghiệp ở Đoàn Thanh niên Cộng sản. Tự cho mình là “người yêu nước”, Yudin phát biểu rằng sự kiện thúc đẩy ông thực hiện chiến dịch này chính là quyết định mua Chelsea của Abramovich. “Cách nhìn nhận của tôi là thế này,” ông nói, “các nguồn tài nguyên phải

do Nhà nước, do tất cả người dân Nga, chứ không phải là một Roman Abramovich hay một Mikhail Khodorkovsky nào đó quản lý.” Ông chỉ trích việc các ông trùm khai thác triệt để các biện pháp trốn thuế. Ông phát biểu: “Thật là sai lầm khi đặt lợi ích của một ngành công nghiệp cụ thể lên trên lợi ích của Nhà nước”.

Nếu Yudin nghĩ rằng có thể giành lợi thế bằng cách chơi trò ngựa bập bênh kiểu dân túy này thì ông quả là đã sớm thất vọng. Khi bắt đầu cuộc công kích Abramovich, ông đang là Phó Chủ tịch Đảng nước Nga Thống nhất, một tổ chức được chính Tổng thống ủng hộ. Tuy nhiên, trong cuộc chạy đua giành quyền tranh cử vào Nghị viện tháng 12 năm 2003, ông đã bị loại. Ông cho rằng nguyên nhân là do sự tác động của Abramovich và Khodorkovsky. Không nản lòng, ông quyết định ra tranh cử với tư cách ứng cử viên độc lập. Khi triển khai chiến dịch, ông sớm nhận thấy mình đang bị chông phá. Một trong những thủ đoạn của đối phương là loại ông khỏi các phương tiện truyền thông đại chúng. Cả hai kênh truyền hình chính đều từ chối phỏng vấn Yudin và mặc dù ông đã vận động được một thời lượng phát sóng trên Kênh 4, nhưng ông chỉ được phỏng vấn có một lần. Trong khu vực bầu cử, đối thủ chính của ông là một nhà tư bản công nghiệp. Ông này tìm cách loan tin rằng họ Yudin cho thấy ông là người Do Thái và gán cho ông là “người hủy diệt Sobchak” (Yudin phản đối, khẳng định rằng ông ủng hộ cố thị trưởng St Petersburg Anatoly Sobchak, người có quan điểm cải cách, trong cuộc đảo chính yếu mệnh năm 1991 nhưng sau đó mâu thuẫn với ông này về quyền của người lao động khi đang là lãnh đạo phong trào công đoàn địa phương). Thế là Yudin bị mất chức. Alexei Venediktov quan sát và bình luận: “Ông ấy không phù hợp hành động với Bộ Chính trị của đảng mình. Ông ấy quá “chơi nổi”. Tuy nhiên, sự nghiệp của Yudin chưa chấm dứt. Ông ấy sẽ tiếp tục, không phải trong Duma mà ở các tổ chức khác.”

Tuy nhiên, không phải tất cả các cuộc điều tra và các chiến dịch đều bị vô hiệu hóa một cách dễ dàng như vậy. Cuộc đối đầu nghiêm trọng đầu tiên của Abramovich với một trong số các cơ quan điều tra xảy ra vào năm 1998, khi mà Phòng Kiểm toán, rất lâu trước khi Stepashin được bổ nhiệm, công bố kết quả cuộc điều tra Sibneft. Bản báo cáo dài 15 trang nêu hàng loạt vi phạm ở công ty này, trong đó phát hiện gây chấn động nhất được nêu như sau: “Phòng Kiểm toán của Liên bang Nga đánh giá rằng giá thị trường của 51% cổ phần ở Sibneft là 2,8 tỷ đô-la, cao hơn giá khởi điểm 25 lần. Theo đó, Chính phủ đã thiệt hại khoảng 2,7 tỷ đô-la.” Điều này có nghĩa là Abramovich và Berezovsky đã sở hữu số tiền 2,8 tỷ đô-la với số vốn ban đầu chỉ hơn 100 triệu đô-la. Ngoài ra, bản báo cáo còn nêu nhiều nội dung khác nữa. Thứ nhất, chưa có ai đánh giá lượng dầu dự trữ của Sibneft với giá trị ước tính khoảng 500 triệu đô-la. Thứ hai, việc bán Sibneft đã được thực hiện với “rất nhiều sai phạm pháp luật” và đề nghị “phải được coi là không có hiệu lực.” Tuy nhiên, khi Yeltsin vẫn còn đang nắm quyền thì không ai có thể làm gì để thay đổi được tác động từ các kết luận nguy hại của Phòng Kiểm toán.

Đến giữa năm 2000, các tòa án địa phương của Nga đã xét xử 3.000 vụ liên quan đến các cáo buộc về tính bất hợp pháp của các tài sản nhà nước được tư nhân hóa và đi đến kết luận rằng có khoảng 1.000 trường hợp đã bị tư nhân hóa một cách phi pháp ở chừng mực nào đó. Tuy nhiên, cũng như mọi lần, những ông trùm quyền thế nhất lại thoát tội và không hề bị trừng phạt. Vậy là dường như chẳng còn ai còn có bụng dạ nào để điều tra các hoạt động tư nhân hóa trong thập kỷ 1990 nữa.

Trong khi đó, một vụ bê bối lớn hơn nhiều sắp sửa xảy ra. Lần này thì liên quan trực tiếp đến Abramovich. Trong khi Skuratov đang đầu tư để giữ được chiếc ghế Trưởng công tố vào đầu năm

1999 thì ông bạn cũ Ilyukhin cáo buộc rằng “khoản tín dụng để ổn định thị trường” 4,8 tỷ đô-la do IMF cho Nga vay trong nỗ lực nhằm ngăn ngừa cuộc khủng hoảng tài chính tháng 8 năm 1998 đã bị chiếm đoạt. Công ty kiểm toán Price Waterhouse Coopers sau đó đã bác bỏ cáo buộc này, song không ngăn được cảnh sát thuế vụ Nga lục soát trụ sở của Sibneft ở Moscow ngày 10 tháng 8 năm 2000. Ngày hôm sau, các công tố viên Thụy Sĩ bắt ngờ khám xét văn phòng Montreux của Runicom, một công ty do Abramovich điều hành. Sibneft ngay lập tức bác bỏ thông tin rằng Runicom có thể dính líu đến vụ bê bối IMF bởi vì cuộc điều tra đang xác minh việc sử dụng sai mục đích 1,4 tỷ đô-la, trong khi trong năm 1998, năm diễn ra việc đó, toàn bộ doanh số của công ty này chỉ đạt 1,2 triệu đô-la.

Báo cáo của Phòng Kiểm toán năm 1998 giậm chân tại chỗ và cuộc điều tra về khoản tiền của IMF không thu được kết quả gì. Tuy nhiên, Abramovich sau đó lại đau đầu vì một vụ bê bối khác liên quan đến thuế. Như chúng ta đã thấy, đây là bậc thầy trong việc khai thác các kẽ hở của luật kinh tế. Nếu giới chức lãnh đạo Nga muốn tìm kiếm điều sai lầm nào đó của ông thì nơi họ có thể dễ dàng tìm thấy nhất chính là việc khai báo nghĩa vụ thuế.

Cho đến lúc đó, Abramovich đã đập tắt được một số cuộc điều tra về thuế. Tuy nhiên, có lẽ do bị ám ảnh rằng vấn đề này có thể bị khơi lại, đầu năm 2002, ông quyết định bắt đầu tiến trình chuyển nhượng từng bước các tài sản của mình ở Nga. Lúc này ông đang sở hữu một nửa cổ phần RusAl, tập đoàn nhôm lớn nhất nước Nga, 92% cổ phần của một trong những công ty sản xuất dầu lớn nhất của tập đoàn này; 26% cổ phần ở hãng hàng không quốc gia Aeroflot; một lượng cổ phần đáng kể của một tập đoàn chế biến thức ăn khổng lồ và hàng loạt các tài sản có tính sinh lời cao khác.

Các cổ phiếu của Aeroflot là số tài sản đầu tiên được chuyển nhượng cuối năm đó, và đến tháng 9 năm 2003, ông bán một nửa

số cổ phiếu ở RusAl với giá 1,8 tỷ bảng Anh. Ông cũng dự định bán Omsk Bacon và 37,5% cổ phần ở Ruspromavto, một tập đoàn lớn nắm giữ đến 21 công ty xe hơi, trong đó có hãng sản xuất xe hơi lớn thứ hai của Nga. Người ta ngày càng nghi ngờ rằng Abramovich đang tháo chạy khỏi nước Nga cùng với hàng tỷ đô-la Mỹ, thế nhưng phát ngôn viên của ông kiên quyết bác bỏ điều đó. Việc dẫn việc ông vừa mua chi nhánh ICN Pharmaceuticals ở Nga với giá 100 triệu đô-la Mỹ mùa hè năm 2003, John Mann khẳng định: “Bạn sẽ không mua thêm gì cả nếu bạn định rời đi.”

Tuy nhiên, với tầm cỡ gia tài của Abramovich thì thương vụ đó chỉ là thứ tẹp nhẹp. Lẽ ra viện dẫn của Mann có thể tăng sức thuyết phục hơn nếu ông nhắc đến một sự kiện có ý nghĩa hơn nhiều diễn ra vào cuối năm trước đó: Abramovich đã cộng tác với hãng TNK của Mikhail Friedman để mua Slavneft. Năm 2002, Slavneft là một trong số 10 công ty sản xuất dầu lớn nhất của Nga và là công ty cuối cùng còn thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Chính phủ Nga có 75% cổ phần trong công ty này và ban đầu ban lãnh đạo công ty chỉ định bán đầu giá dưới 20% số cổ phần nhằm giúp Nhà nước vẫn duy trì tỷ lệ cổ phần quyết định. Nhưng do ngân sách từ thuế thấp hơn dự kiến nên càng lúc càng thấy rõ là Chính phủ sẽ không thể có đủ mức dự trữ tài chính 197 tỷ rúp cần thiết để trả khoản nợ nước ngoài khổng lồ của Nga trong năm sau. Để bù đắp cho khoản thiếu hụt ngân sách này, Chính phủ rõ ràng là không còn con đường nào khác ngoài việc tư nhân hóa toàn bộ cổ phần nắm giữ. Nếu bán hết số cổ phiếu đó, Chính phủ có thể thu được 2 tỉ đô-la Mỹ, và giao dịch này sẽ trở thành thương vụ lớn nhất trong toàn bộ các hoạt động tư nhân hóa của Nga.

Thủ tướng Mikhail Kasyanov nhanh chóng xem xét và thông qua một bản dự thảo do Bộ Quan hệ Tài sản (Ministry of Property Relations) đề xuất. Ngày đầu giá được ấn định vào tháng 10.

Ngoài Chính phủ thì các cổ đông chính của Slavneft lúc đó là chính phủ Belarus với 10% và một quỹ tín thác đặt dưới sự quản lý của Sibneft-TNK và Giám đốc Slavneft Mikhail Gutseriev (13%).

Tháng 4 năm 2002, Gutseriev bị sa thải. Người lên thay ông là Yuri Sukhanov, cựu ủy viên quản trị cao cấp của Sibneft, đồng minh của Abramovich. Tiếc nuối những ngày tươi đẹp đã mất, Gutseriev tìm cách giành lại chức vụ bằng một âm mưu đơn giản và sớm thất bại: xuất hiện ở trụ sở công ty cùng với một đội vệ sĩ vũ trang. Tình trạng căng thẳng được giải quyết chỉ vài ngày sau khi Chính phủ can thiệp, bởi vì rốt cuộc thì Kasyanov vẫn là một Yeltsinite (người ủng hộ Yeltsin) thân cận với cả Abramovich và Shvidler.

Khi Gutseriev đã bị dẹp, nhiệm vụ duy nhất còn lại của Abramovich là ngăn chặn các bên đầu giá tiềm năng khác. Chính phủ Belarus, đóng tại Minsk, chưa bao giờ được xem là một đối thủ đáng gờm nhưng những gã khổng lồ dầu lửa khác như Yukos, Tyumen Oil và Surgutneftegaz đều bày tỏ sự quan tâm đến Slavneft. Tuy nhiên, trong thương vụ này, bên đầu giá đáng gờm nhất là KNNK, một công ty dầu lửa Trung Quốc. Dù vậy, khi đối đầu với Abramovich, với tầm ảnh hưởng của ông ở điện Kremlin thì KNNK không thể tìm thấy cơ hội. Vì thế, liên doanh Sibneft-TNK đã thu tóm được Slavneft với giá 1,86 tỷ đô-la Mỹ và chỉ ba tháng sau, giá trị của Slavneft đã lên đến 2,2 tỷ đô-la Mỹ.

Hơn hai năm sau, Slavneft trở thành trung tâm của một vụ bê bối chuyển giá. Lần này, bên nguyên không phải là Kenneth Dart nữa mà là Vostok Nafta, một hãng đầu tư có các cổ đông là các quỹ hưu trí BT và Royal Mail, Đại học Harvard và chính phủ Na Uy. Vostok đã đầu tư vào Megionneftegaz, chi nhánh tinh chế dầu của Slavneft, công ty sản xuất dầu lớn thứ tám của Nga. Thông thường, khi giá dầu tăng cao thì đây sẽ là khoản đầu tư có lời nhưng các cổ đông

thiếu số của Megion nhanh chóng nhận ra rằng đó không phải là con bò sữa như nhiều người tưởng. Trên thực tế, trong nửa đầu năm 2003, công ty này đã thua lỗ lớn trong khi công ty mẹ Slavneft lại làm ăn phát đạt, chi trả cổ tức đến 740 triệu đô-la Mỹ chỉ riêng trong năm 2003. Các cổ đông của Vostok nhận định rằng sự khác biệt đó là do Megion bán 86 triệu thùng dầu cho các công ty thương mại có liên quan đến Sibneft và/hoặc TNK với giá 7,67 đô-la Mỹ/thùng, rồi các công ty này đem bán lại với giá 15,09 đô-la Mỹ/thùng. Vostok phản ứng với thông tin này bằng cách nộp đơn kiện Slavneft và các công ty liên quan ở Moscow, Siberia, Antwerp và Quần đảo Virgin thuộc Anh vì các thiệt hại lên đến 950 triệu đô-la. Eugene Tenenbaum đáp trả bằng cách gọi hành động pháp lý của Vostok là “thư xanh”, lập luận rằng đó chỉ là một nỗ lực của Vostok nhằm kéo giá bán đến mức mà Megion có thể mua hết cổ phiếu của các cổ đông nhỏ.

Về phần mình, đại diện của Slavneft phát biểu với tờ The Times: “Megion không phải là một công ty độc lập mà là một chi nhánh của Slavneft và tất cả các hoạt động của Megion đã được thực hiện theo thông lệ giữa các chi nhánh khác nhau của một tập đoàn riêng và tuân thủ đúng pháp luật.”

Trong khi đó, Stepashin không định giảm áp lực. Ông cáo buộc Abramovich là “không yêu nước” khi mua Câu lạc bộ Bóng đá Chelsea. Tháng 4 năm 2004, ông thông báo rằng văn phòng của ông đã bắt đầu một cuộc kiểm toán chính thức các khoản tài chính của chính quyền tỉnh Chukotka. Ông giải thích rằng cuộc điều tra này nằm trong lộ trình kiểm tra việc sử dụng quỹ của các bang, tuy nhiên hầu hết mọi người đều hiểu rằng đó là phản ứng trước việc Abramovich công khai mua Chelsea và là một nỗ lực để chứng tỏ rằng Abramovich là người chi tiêu hào phóng ngoài nước nhưng lại phớt lờ người nghèo ở quê nhà.

Việc Abramovich mua Chelsea không hề ảnh hưởng đến kết quả của đợt thanh tra này. Đồng thời, chúng ta có cơ sở để tiến hành điều tra sau khi xem xét thực tế sau: Theo thông tin nhận được ngày hôm qua, quỹ từ thiện nhằm mục đích quyên tiền cho trẻ em vô gia cư ở Nga chỉ gây được 1 triệu đô-la trong năm nhưng hàng triệu đô-la khác đã được dùng để mua câu lạc bộ bóng đá đó.

5 tháng sau, kết quả điều tra của Stepashin về Chukotka được công bố. Bên ngoài, bản báo cáo có vẻ gây sốc khi tuyên bố rằng chính quyền Chukotka đã “phá sản” về mặt kỹ thuật, các nhà chức trách địa phương đã “biến thủ” 28 triệu bảng Anh và cho phép Sibneft “trốn thuế” một cách hợp pháp” 263 triệu bảng Anh. Nhưng khi đọc kỹ, bản báo cáo hoàn toàn không thể được sử dụng làm bằng chứng để chống lại Abramovich.

Nhận định phá sản được đưa ra dựa trên thực tế rằng khoản nợ 9,3 tỷ rúp (tương đương 170 triệu bảng Anh) của Chukotka lớn gấp hơn hai lần thu nhập hàng năm của tỉnh này. Phe Abramovich đáp trả rằng khoản nợ trên đã dây dưa từ thời chính quyền trước và từ khi ông lên làm Tỉnh trưởng thì Chukotka đã “trả được 10% (số nợ) và tái cơ cấu được 13% khác.”

Về cáo buộc biến thủ 28 triệu bảng Anh, Sergei Ryabukin, tác giả của cuộc điều tra của Phòng Kiểm toán, cho là do “chính quyền Chukotka đã không tuân thủ luật ngân sách và mắc sai lầm trong việc lập ngân sách cho địa phương.” Đáp lại, phát ngôn viên của Abramovich giải thích rằng con số nói trên là do việc trả tiền mượn và các vấn đề kỹ thuật.

Về vấn đề trốn thuế, Ryabukin cho rằng 21 công ty, phần lớn có liên quan đến Sibneft, được đăng ký ở Chukotka nhưng lại chưa có hoạt động kinh doanh nào rõ ràng ở đó. Ông cho biết là “họ nhận được các ưu đãi thuế đối với tài sản và lợi nhuận” và khẳng

định rằng các khoản miễn giảm thuế đó lên đến 263 triệu bảng Anh. Các đánh giá này có vẻ làm minh chứng cho các kết luận trong báo cáo của công ty Troika Dialogue mà chúng tôi đã đề cập tại chương 7. Nhưng thực tế là nhiều người đã công nhận rằng việc thành lập các công cụ tránh thuế này tuân thủ pháp luật đến từng câu từng chữ, nếu không muốn nói là hoàn toàn đúng tinh thần của luật. Bởi vậy, việc đề cập đến nội dung này trong báo cáo của Ryabukin có vẻ chỉ nhằm mục đích gây rắc rối cho Abramovich chứ không phải là chính thức buộc tội ông.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó đều làm tăng nguy cơ rủi ro và rõ ràng là Abramovich đã nhận thức được điều này. Từ một năm trước đó, ông đã quyết định đi trước một bước nhằm bảo vệ bản thân phòng trường hợp tình huống bất trắc xảy ra.

Chương 10. Ngài Chelski

Cuối tháng 6 năm 2003, Ken Bates đang hết sức lo lắng. Các ngân hàng muốn ông trả khoản vay 23 triệu bảng Anh chỉ trong một vài ngày, và thế là vị chủ tịch của Câu lạc bộ Bóng đá Chelsea đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng. Ông đã mua câu lạc bộ này với cái giá tương đương 1 bảng Anh năm 1982 sau khi đồng ý trả các khoản nợ cũ của Câu lạc bộ. Ông đã chăm chút để Câu lạc bộ phát triển trở lại. Năm 1996, Câu lạc bộ đã đủ mạnh để có thể giao dịch trên Thị trường Đầu tư Thay thế (thuộc Thị trường Chứng khoán London) và gia tài của Bates có thêm hàng triệu bảng. Thành công ban đầu khiến tham vọng của Bates ngày càng tăng. Để mua quyền sử dụng sân bóng của Chelsea, Stamford Bridge, và chi phí cho việc hoàn thiện một tổ hợp giải trí gồm các khách sạn, nhà hàng và câu lạc bộ thể thao, Bates đã chấp nhận vay một khoản Eurobond trị giá 75 triệu bảng với mức lãi suất khắt khe 9%/năm.

Ông đã xây dựng được hai khách sạn Chelsea Village và The Court, hai nhà hàng Fishnets và Arkles và một câu lạc bộ thể thao “Thế giới Thể thao” (World of Sport). Nhưng dự án này ngay từ đầu đã tỏ ra là một tính toán sai lầm. Stamford Bridge mặc dù tọa lạc trong một khu vực sang trọng ở phía tây London, nhưng lại không gần một sân bay nào và cũng không gần West End. Trong những ngày có các trận bóng đá thì các quán bar lại đông nghịt các cổ động viên chứ không phải là du khách hay doanh nhân. Vì vậy, các khách sạn lúc nào cũng khó có thể xếp kín phòng và trong vài năm qua, giá cho thuê phòng buộc phải giảm xuống, chỉ còn khoảng 100 bảng. Trong khi đó, các nhà hàng không thu hút đủ lượng khách trong những ngày không có đấu bóng, còn các câu lạc bộ thể thao lại phải chịu sự cạnh tranh

khôc liệt của các phòng tập thể dục khác trong vùng như Trung tâm Thể dục David Lloyd và Holmes Place.

Một dự án đầucơ khác của Bates cũng không thành công hơn. Việc kinh doanh các buồng VIP Thiên niên kỷ xây dựng ở khu vực Khán đài Tây (West Stand) nói một cách nhẹ nhấtt thì cũng rấtt chậm chạp. Giá cho thuê các buồng này, với 24 chỗ ngồimỗi buồng, trong vòng 10 năm có giá lên tới 10 triệu bảng. Sky Television, kênh truyềnhình có bản quyềnnchiếugiải ngoại hạng Anh và là một cổ đđông của Chelsea, thuê một buồng. Các nhà tài trợ của Câu lạc bộ là Umbro và Siemens cũng thuê một buồng. Tuy nhiên, các khách hàng khác tỏ ra không hào hứng lắmm và thế là Bates buộc phải giảm giá và thời gian cho thuê. Giá giảm từ một triệu bảng một năm xuống còn 650 nghìn bảng một năm. Không khó để hiểu được tại sao các công ty lại không sẵn lòng trả mức giá ban đầuc. Ngay cả với 650 nghìn bảng một năm thì tính ra giá mà một khán giả theo dõi một trận đấucủa đội nhà phải trả là 1.400 bảng, mức giá quá đấtt đở ngay cả khi so sánh với tiêu chuẩn cao mà các công ty tưởng thưởng cho nhân viên của mình. Trên thực tế, một nhóm người như thế có thể dùng một bữa trưa hoành tráng tại Claridges chỉ với giá 200 bảng một người.

Những áp lực về tài chính này càng lớn hơn do Bates tiếptục phải chi trả khoản lương 1,5 triệu bảng mỗi tuầnc cho các câuthủ và phải lo một số các thương vụ chuyển nhượng kỳ cục khác. Hãy xem trường hợp của Winston Bogarde. Bogarde được mua về Chelsea tháng 8 năm 2000, chỉ hai tuầnc trước khi huấnluyện viên Gianluca Vialli rời Câu lạc bộ. Điềukỳ cục là với mức lương lên tới 40 nghìn bảng một tuầnc theo thỏa thuận ban đầuc, câuthủ này chỉ chơi được bốn trận dưới sự dẫn đắtt của Claudio Ranieri, người thay thế Vialli. Cho đếnkhi hợp đđồng của anh hếtt hạn vào cuốimùa giải

2003/2004, trong vòng chưa đầy 4 năm, tổng số lương Chelsea phải trả cho Bogarde đã là 7,2 triệu bảng.

Mặc dù gặp những khó khăn này, nhưng câu lạc bộ Chelsea vẫn tỏ ra khá thành công trên sân bóng. Trong mùa giải 2002/2003, Chelsea không giành được cúp nhưng đã đứng vị trí thứ tư của giải ngoại hạng, đủ tiêu chuẩn để tham dự cúp châu Âu. Một vị trí ở cúp C1 (Cúp các đội vô địch bóng đá quốc gia châu Âu) không chỉ giúp xoa dịu các người hâm mộ và làm thỏa mãn khát vọng được chơi trên đấu trường danh giá nhất châu Âu của các cầu thủ mà còn hứa hẹn có thể đem lại hàng triệu bảng từ việc tăng số vé bán ra và tiền bản quyền truyền hình. Nhưng điều đó có phải là quá ít và quá muộn không?

Ken Bates là người kiêu ngạo. Ông nổi tiếng là người “làm trước hỏi sau”. Dáng cao to, râu tóc trắng, ông có thể là một người bạn đáng mến nhưng cái kiêu hay gây gổ khiến ông có nhiều thù hơn bạn. Cựu cầu thủ Chelsea David Speedie rất xác đáng khi nhận xét: “Ông ấy luôn phải cao hơn bạn một bậc. Nếu tôi nói với ông ấy rằng tôi đã từng đến Tenerife, ông ấy sẽ nói rằng ông ấy đã từng đến Elevenerife”. Ý tưởng về việc mời gọi một nhóm các nhà đầu tư tiềm năng có vẻ giống như là đi khất thực vậy. Điều đó sẽ là một cú đấm khủng khiếp vào cái tôi của ông, vì vậy ông ủy nhiệm việc này cho Giám đốc Điều hành Trevor Birch.

Người giúp Bates thoát khỏi cơn ác mộng ngày càng kinh hoàng là một nhà môi giới bóng đá có tên là Pini Zahavi. Zahavi bắt đầu sự nghiệp với công việc của một phóng viên thể thao ở Israel nhưng sau khi chuyển sang làm môi giới, ông ta nhanh chóng trở thành một trong số những nhân vật quyền lực nhất trong làng túc cầu châu Âu. Một trong số những người bạn thân cận nhất của ông ta là Eli Azur, người điều hành hoạt động nhiều tờ báo tiếng Nga ở Israel. Hai người cùng quản lý Charlton, công ty mua toàn bộ bản quyền

truyền hình trên toàn thế giới và bán lại cho các đài truyền hình Israel. Zahavi đã chứng tỏ sự khôn ngoan khi nhận ra tiềm năng của thị trường Nga từ rất sớm và vì vậy đã chú ý học tiếng Nga và đầu tư cho việc duy trì các mối quan hệ ở Moscow. Một trong số các mối quan hệ đó là German Tkachenko, Chủ tịch đội Krylia Sovietove Samara thuộc Nga, một thành viên của Hội đồng Liên bang Nga. Quan trọng hơn, Tkachenko là bạn của Abramovich. Năm 1998, Tkachenko và Zahari gặp nhau và trở thành bạn bè.

Khi quyết định sẽ mua một đội bóng châu Âu, ban đầu Abramovich hướng đến Ý và Tây Ban Nha nhưng sau đó lại thôi vì cơ cấu sở hữu quá phức tạp của các đội bóng mà ông nhắm tới. Sau đó ông mới để ý đến nước Anh. Đội bóng đầu tiên mà ông quan tâm là Manchester United, và vào tháng 4 năm 2002, Abramovich bay tới Manchester để xem trận đấu của Manchester United tại sân nhà với đội thủ Real Madrid. Zahavi thu xếp một chuyên gia là Graeme Souness, huấn luyện viên đội Blackburn Rover, cựu cầu thủ của Liverpool, đón Abramovich ở sân bay và đưa ông đến sân bóng. Sau trận đấu, đến lượt hậu vệ phòng Rio Ferdinand trở thành tài xế cho Abramovich, và Rio Ferdinand đã rất cảm động khi thấy Abramovich cất giọng hát cùng với người em cùng cha khác mẹ mới 4 tuổi của anh trên đường đi.

Tuy nhiên, các cuộc đàm phán nghiêm túc đầu tiên của Abramovich lại không phải là với Manchester United mà là với một câu lạc bộ tại London. Người ta lan truyền một giai thoại rằng khi đang ngồi trong một chiếc trực thăng bay trên sông Thames, Abramovich nhìn thấy một sân vận động và hỏi: “Đó là gì vậy?” Và thật là may mắn cho Bates, ai đó đã trả lời: “Chelsea”.

Đến tháng 4, Zahavi đã được một đồng nghiệp là Jonathan Barnett giới thiệu với Trevor Birch trong một bữa trưa tại Les Ambassadeurs, một nhà hàng sang trọng ở Mayfair. Bên ngoài, lý do của buổi gặp gỡ là để thảo luận các thương vụ chuyển nhượng cầu thủ nhưng câu chuyện nhanh chóng chuyển sang khả năng rao bán câu lạc bộ Chelsea. Thế là Zahavi đã có điều kiện để thu xếp cho Abramovich liên hệ với Bates nếu và khi nhà tỷ phú người Nga này quyết định thu tóm Chelsea.

Trong thời gian thu xếp để trả các khoản nợ đáo hạn, Bates cân nhắc một số lựa chọn. Giải pháp dễ dàng nhất cho các vấn đề tài chính của ông là đưa lên sàn giao dịch chứng khoán. Về cơ bản, đây là cách vay khoản tiền bán vé của các mùa giải tới. Câu lạc bộ Newcastle United đã thu được 55 triệu bảng nhờ cách này và một số các câu lạc bộ khác ở Giải Ngoại Hạng cũng thực hiện điều tương tự để trả nợ, mua cầu thủ và sửa chữa sân vận động. Stephen Schechter, Chủ tịch ngân hàng đầu tư Schechter&Co, tư vấn cho Bates rằng bằng cách thế chấp doanh thu vé của các mùa giải trong 25 năm tới của Chelsea, Bates có thể thu được 120 triệu bảng, đủ để trả hết nợ cho Câu lạc bộ và vẫn còn 26 triệu bảng dự trữ. Mặt tiêu cực của biện pháp này là chi phí rất tốn kém. Một lựa chọn khác mà Schechter nêu ra với Bates là bán Chelsea cho quỹ hưu trí Mỹ CalPers, doanh nghiệp từ lâu đã bày tỏ sự quan tâm đến việc đầu tư vào câu lạc bộ này. Tuy nhiên, CalPers đã nói rõ rằng Bates sẽ phải ra đi nếu họ tiếp quản Câu lạc bộ, trong khi thời điểm đó Bates hoàn toàn chưa có ý định nghỉ hưu.

Một vị cứu tinh khác là ông trùm bất động sản Paul Taylor, người nhận được sự ủng hộ của David Mellor, một cựu bộ trưởng, thành viên Đảng Bảo thủ Anh. Taylor đề nghị đầu tư 10 triệu bảng để mua 30 triệu cổ phiếu mới và cho Chelsea vay khoản tiền mà Sky Television sẽ trả cho Câu lạc bộ theo thỏa thuận giữa Hiệp hội Bóng đá Anh và

Sky về việc truyền hình trực tiếp các trận thi đấu của Giải Ngoại Hạng. Khoản tiền của Sky sẽ được trả vào tháng 8 và khoản tiền mà Taylor cho vay sẽ giúp Bates có được khoảng thời gian cần thiết để xoay sở. Điểm hạn chế trong giải pháp của Taylor là nó chỉ mang tính tạm thời.

Ngoài ra, đại diện của Chelsea cũng tiến hành những cuộc thương lượng nhanh chóng với Dermot Desmond, ông chủ của đội Celtic, và các cuộc đàm phán kéo dài với Mel Goldberg, nhà hoạt động nhân danh một hiệp đoàn Venezuela.

Đa số các lựa chọn của Bates đều có hạn chế ở vấn đề này hoặc vấn đề khác, nhưng đề nghị của Abramovich tỏ ra hấp dẫn nhất bởi vì nó có thể trực tiếp đem lại tiền mặt. Vào lúc 8 giờ sáng thứ 2, ngày 23 tháng 6, Birch có một cuộc gặp với Zahavi tại căn hộ gần đài kỷ niệm Marble Arch của nhà môi giới này. Cổ phiếu Chelsea Village, từng được giao dịch với giá 55 xu, lúc đó đã giảm xuống chỉ còn chưa đến 20 xu. Birch cho biết Bates đang rao giá 40 xu một cổ phiếu, nhưng cũng bày tỏ lập trường rằng Câu lạc bộ sẵn sàng đàm phán về giá nếu Abramovich có ý định nghiêm túc. Ba ngày sau, Abramovich, Tkachenko và Tenenbaum gặp Birch tại sân Stamford Bridge. Trong vòng 20 phút, hai bên đã đi đến thỏa thuận giá 35 xu một cổ phiếu. Như vậy, tính ra giá của Câu lạc bộ là 60 triệu bảng và phần góp vốn của Bates là 17 triệu bảng. Abramovich cũng nhận gánh khoản nợ 80 triệu bảng của Câu lạc bộ, nâng tổng chi phí của ông lên đến 140 triệu bảng. Lúc đó đã là 11 giờ 30 phút sáng và bốn người quyết định cùng đi ăn mừng. Tại nhà hàng, Birch trêu đùa rằng Abramovich mua Câu lạc bộ chỉ là để kiếm một bữa trưa miễn phí.

Tối hôm đó, Zahavi thu xếp cho Bates và Abramovich gặp nhau tại một tiệm rượu ở Dorchester. Ở đó họ bắt tay thỏa thuận chỉ sau bốn mươi lăm phút. Hình như không có sâm-panh để chào mừng: cả

hai người đều chỉ uống nước khoáng Evian. Từ lúc đó trở đi, mọi việc diễn tiến rất nhanh. Ngày hôm sau là thứ 6, Abramovich, Tenenbaum và Richard Creitzman có một cuộc gặp khác tại sân Stamford Bridge, lần này là với các cố vấn tài chính và môi giới chứng khoán của Chelsea thuộc ngân hàng đầu tư Seymour Pierce, đứng đầu là vị chủ tịch Keith Harris. Sau đó thì mọi việc đơn thuần chỉ là vấn đề thủ tục.

Birch và Giám đốc thương mại Lorraine O'Brien, người ông quen biết khi còn ở Liverpool, khẩn trương bắt tay vào việc hoàn tất các thủ tục trong mấy ngày cuối tuần. Có vẻ như thương vụ này được giao dịch với tốc độ quá nhanh, nhưng Bates vẫn luôn khẳng khái rằng vụ chuyển nhượng Chelsea không phải là một vụ bán tổng bán tháo. Một lần ông phát biểu: “Các người hâm mộ của chúng tôi nghe người ta tuyên truyền rằng chúng tôi sắp phá sản. Toàn là vớ vẩn. Chúng tôi đã tái sắp xếp các khoản nợ và đó không còn là vấn đề nữa.”

Thỏa thuận được ký kết và Bates phân khởi gọi vào cho Mellor để thông báo tin nóng hổi. Đang ăn tối với bạn bè ở nhà hàng Thái của mình, Mellor thấy cảm thấy buồn vui lẫn lộn. Mặc dù đó là tin tốt lành đối với ông bạn Bates của ông, song lại đáng nghĩa với việc tham vọng của chính ông bị phá hoại. Trong khi đó, Abramovich đã gọi về Moscow cho Aleksandr Voloshin trước khi ký kết. Voloshin ngay lập tức cầm điện thoại gọi cho Alexei Venediktov thông báo về dự án kinh doanh mạo hiểm này. Duy trì được chức ghế Chánh Văn phòng Tổng thống qua giai đoạn quá độ từ Yeltsin đến Putin, Voloshin hẳn rất tự hào là một trong số những người đầu tiên ở Nga được Abramovich thông báo về thương vụ này và vì vậy muốn chia sẻ thông tin với người nào đó mà ông có thể tin tưởng. John Mann cho biết, anh không thể khẳng định rằng Abramovich có thông báo cho Voloshin hay không. Tuy nhiên, anh

chia sẻ: “Quả thực tôi được biết rằng các nhà lãnh đạo cao nhất đã có các cuộc thảo luận về việc Abramovich mua Chelsea.” Không phải ai đó có ý rằng Abramovich đã làm gì sai trái, nhưng người ta không thể hiểu được lý do tại sao Abramovich không hề thông báo cho chính phủ Nga về kế hoạch thôn tính câu lạc bộ Chelsea trước khi đưa ra thông báo chính thức.

Sau mọi cuộc tiếp xúc không chính thức như thế, có lẽ không ai ngạc nhiên khi tính đến ngày thương vụ này được thông báo chính thức, vào lúc tối muộn, đã có không dưới 270 nghìn cổ phiếu được giao dịch, góp nên một lần doanh thu thường ngày chỉ vào khoảng vài chục nghìn cổ phiếu. Cuối cùng, do cổ phiếu giao dịch trên thị trường chỉ ở mức thấp hơn 20 xu trong khi giá giao dịch của thương vụ trên là 35 xu, nên những ai đủ may mắn chớp được các cổ phiếu của Chelsea ngày hôm đó chắc chắn là đã thu lợi lớn. Hiện tại, cơ quan Quản lý Dịch vụ Tài chính của Anh (FSA) vẫn đang tiếp tục cuộc điều tra về các giao dịch tại Chelsea thời gian đó của những người liên quan.

Đây không phải là khía cạnh gây tranh cãi duy nhất của thương vụ nói trên. FSA cũng đang xem xét hai vấn đề khác. Một vài ngày trước khi thông báo về việc bán Chelsea, Taylor đã đề nghị mua số cổ phiếu tương đương 21% cổ phần ở Chelsea của Ruth Gist, vợ góa của cựu Phó Chủ tịch Chelsea Matthew Harding, người thiệt mạng trong một vụ rơi máy bay tháng 10 năm 1996. May mắn cho Gist, bà đã quyết tâm không bán. Theo các điều khoản trong vụ bán Chelsea cho Abramovich, số cổ phiếu của bà có giá trị lên đến 12,6 triệu bảng. Nếu bà chấp nhận đề nghị của Taylor thì con số thiệt hại của bà đã là 4 triệu bảng.

Cuộc điều tra của FSA còn tập trung vào quyền sở hữu một số lượng lớn các cổ phiếu do nhiều công ty không minh bạch ở nước ngoài nắm giữ trước khi bán cho Abramovich. Bí ẩn bắt đầu từ

ngày 28 tháng 6 năm 2002, khi Swan Management, một công ty ủy thác đăng ký kinh doanh tại St Peter Port, Guernsey, bán số cổ phiếu tương đương 26,3% cổ phần của mình tại Chelsea. Một nửa số cổ phiếu đó được bán cho Công ty Chứng khoán Mayflower, một công ty thuộc sở hữu của Bates và đăng ký kinh doanh tại British Virgin Islands. Thương vụ này giúp số cổ phần mà Bates nắm giữ lên đến 29,5%, chỉ thấp hơn một chút mức 30% cần thiết để ông có thể ra giá cho số cổ phiếu còn lại của công ty. Một nửa số cổ phiếu còn lại được bán cho 5 công ty khác nhau, có cùng có địa chỉ đăng ký là Guernsey nhưng lại đặt trụ sở tại các thiên đường thuế xa xôi như Cook Islands, Samoa và British Virgin Islands. Đó là các công ty Catstone (2,9%), Cervantes Investment (2,9%), Kalbarri Investments (2,8%), Yellow park (2,7%) và Ecspress (2,7%).

Một công ty như Chelsea Village trước đây, với những cổ đông bí ẩn, lẽ ra đã có thể sử dụng quyền hạn được quy định trong Điều 212 của Luật Doanh nghiệp Anh để cảnh báo các cổ đông về các nhân vật đứng sau các công ty đầu tư nói trên. Có điều lạ là công ty này đã không làm như vậy. Theo BBC, FSA đã được lưu ý rằng những thông tin mà cơ quan này có được về số cổ phiếu Chelsea do một vài nhà đầu tư sở hữu có thể là không chính xác. FSA lo ngại rằng “hậu quả là thị trường có thể hiểu sai về chủ nhân thực sự của Công ty cổ phần hữu hạn Chelsea Village.”

Trong khi đó, phản ứng của công chúng đối với thương vụ này nhìn chung không được tích cực lắm. Cựu Bộ trưởng Thể thao và người hâm mộ của Chelsea Tony Banks lên tiếng bày tỏ lo ngại về nhiều vấn đề:

Tôi muốn biết liệu đây có phải là người thích hợp để lãnh đạo một câu lạc bộ như Chelsea không. Tôi những mong rằng việc chuyển nhượng Chelsea chỉ nên thực hiện khi các câu hỏi này đã được trả lời. Chúng tôi biết rằng Chelsea đang gặp khó khăn về tài

chính và đã xúc tiến một thỏa thuận với một người mà chúng tôi không hề biết về ông ta và lai lịch của ông ta cả.

Thế nhưng Abramovich đã rút cuốn séc ra để mua Juan Sebastian Veron từ Manchester United với giá 15 triệu bảng, mua Claude Makelele từ Real Madrid với giá 14 triệu bảng, mua Damien Duff từ Blackburn Rovers với giá 17 triệu bảng và mua Frank Lampard, Joe Cole và Glen Johnson từ West Ham với giá lần lượt là 11 triệu, 6,6 triệu và 6 triệu bảng. Trong vòng hai tháng, tổng chi phí của Abramovich cho việc mua cầu thủ đã lên đến 110 triệu bảng. Phong cách tiêu pha hào phóng như thế đã khiến Abramovich trở thành người anh hùng trong con mắt của những người ủng hộ một câu lạc bộ đang thi đấu kém cỏi là Chelsea, những người từ lâu đã luôn ghen tỵ khi phải chứng kiến Arsenal, đối thủ phía Bắc London của họ, được thi đấu cạnh tranh những danh hiệu hàng đầu. Không lâu sau khi các hợp đồng chuyển nhượng lớn được thực hiện, họ sáng tác một bài ca mới (để hát theo nhạc hiệu của chương trình hài Only Fools and Horses), cho thấy rõ cái nhìn mới của họ đối với ông chủ mới của Chelsea:

Ông ấy có Veron ở trong túi

Chúng ta có Johnson từ West Ham

Nếu bạn muốn điêu tột nhất

Thì xin đừng hỏi gì nhé

Bởi Roman, ông ấy là người của chúng ta

Tất cả đều đến từ nơi bí mật

Đó là súng ông ư? Đó là thuốc phiện ư?

Hay đó là dẫu lừa từ biển?

Hồi tưởng cả các bạn Chelsea

Và cả vị tiền của các bạn nữa

Chúng ta vẫn cứ là CFC trứ danh

Vậy tại sao một ông trùm Nga vô n không thích khoa trương lại quyết định mua một đội bóng của Giải Ngoại hạng Anh? Gregory Barker, một nghị sĩ từng là Giám đốc Quan hệ Đầu tư của Sibneft phát biểu: “Tôi vô cùng kinh ngạc... Tôi từng tìm mọi cách để thuyết phục ông ấy thực hiện một bộ ảnh đẹp nhưng khó khăn vô cùng.” Những người thân cận của Abramovich tuyên bố rằng sự việc trên không xuất phát từ động cơ nào khác ngoài việc Abramovich mong muốn được vui vẻ đôi chút khi ông có một gia sản lớn trong tay. Tuy nhiên, một ông trùm khác lại có ý nhận xét châm biếm hơn: “Đó là hợp đồng bảo hiểm rẻ nhất trong lịch sử.”

Abramovich hiểu rằng, bất chấp những gì ông đã làm cho Tổng thống Putin, ông vẫn có thể bị chống lại bất cứ lúc nào. Bằng việc mua Chelsea, vị tỷ phú vô danh nhất thế giới ngay tức khắc trở thành một cái tên thân thuộc ở đất nước đã chấp nhận ông. Trong trường hợp ông bị Putin tấn công, liệu có thủ tướng nào của Anh có đủ dũng cảm để bác bỏ nguyện vọng xin tỵ nạn của ông?

Nói điếu đó hoàn toàn không có nghĩa phủ nhận niềm yêu thích bóng đá đặc biệt của Abramovich. Người ta biết rằng ông đã trực tiếp đến sân vận động theo dõi các trận đấu trong khuôn khổ World Cup năm 1998 ở Pháp và năm 2002 ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Bất kỳ ai từng gặp ông đang xem các trận đấu bóng từ chỗ ngồi ở Khán đài Tây của sân Stamford Bridge đều không thể nghi ngờ cam kết của ông với đội Chelsea và sự phẫn khích trong con người ông. Sự thực là Alexei Venediktov đã từng đề nghị một người quay phim tập trung ghi lại hình ảnh Abramovich trong suốt trận

đầu và kết luận rằng phản ứng chân thật của ông là điều không ai có thể phủ nhận.

Ngay từ đầu, ông đã đóng vai trò vô cùng tích cực trong việc thành lập một đội bóng gồm toàn những ngôi sao tại Chelsea. Abramovich hẳn là có ý định hành xử giống như phương cách của một ông chủ câu lạc bộ của lục địa châu Âu chứ không phải của một câu lạc bộ bóng đá Anh. Tại Tây Ban Nha và Ý, thông thường thì các vị chủ tịch đóng vai trò trực tiếp trong việc lựa chọn các cầu thủ cần tiếp cận, trong khi ở Anh, phần việc đó thường được dành cho các huấn luyện viên. Chỉ 9 ngày sau khi ký hợp đồng với Bates, Abramovich đã bay tới Ý để ăn sáng với Massimo Moratti, Chủ tịch câu lạc bộ Inter Milan lúc đó. Trước đó, có vẻ như Abramovich đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với Moratti thông qua hoạt động kinh doanh dầu lửa vì vị chủ tịch Ý này có nguồn gốc từ một đế chế dầu lửa thịnh vượng. Nhưng trong lần gặp gỡ này, Abramovich quan tâm hơn đến bóng đá và khả năng mua ngôi sao Christian Vieri của Inter. Dù vậy, lần đó ông trở về trắng tay, rời khỏi Ý mà không có gì đáng kể ngoài 3 lưỡi dao cạo mới để luôn cất tia gọng những gì mà người Ý gọi là barba d'attore (bộ râu) của ông. Giá các lưỡi dao cạo đó đắt nhất chỉ là 191 euros, ít hơn nhiều so với chi phí hàng triệu bảng cho Vieri.

Rõ ràng ngay từ ngày đầu tiên của mùa bóng, Abramovich đã hiểu tầm quan trọng của việc tham dự mọi trận đấu mà câu lạc bộ của ông tham gia. Sở hữu nhà ở London, ở Homes Counties, Moscow và miền nam nước Pháp; có công việc làm ăn ở khắp nước Nga và các nghĩa vụ chính trị với một khu vực thuộc Siberia xa xôi, việc đưa các trận đấu bóng vào lịch trình dày đặc của ông đòi hỏi phải được lên kế hoạch một cách cẩn thận và phải có sự phối hợp tốt các phương tiện đi lại. Một ví dụ sinh động là quá trình thu xếp vô cùng phức tạp để có thể đưa được Abramovich, gia đình ông và Eugene

Shvidler, Chủ tịch mới của Chelsea khi đó, đến xem đội Chelsea chơi trận đầu tiên trong mùa bóng với đội Liverpool tại sân Anfield tháng 8 năm 2003. Đang nghỉ tại một khu biệt thự ở miền Nam nước Pháp, Abramovich đáp trực thăng đến sân bay Nice, lên máy bay riêng (một chiếc Boeing 737 Business Jet) và hạ cánh ở Liverpool vào buổi trưa. Trong khi đó vợ con ông, đang ở London hôm đó, đến sân trực thăng Battersea để lên một chiếc trực thăng thuê của hãng hàng không Metro Aviation thuộc sở hữu của Mohamed Al Fayed (ông chủ của hàng Harrods, người trở thành bạn của vợ chồng Abramovich từ khi Irina bắt đầu mua sắm ở cửa hàng này). Người thứ ba, Shvidler, bay từ sân bay Farnborough ở Hampshire bằng máy bay phản lực riêng. Ông này có máy bay riêng đậu ở sân Farnborough nhưng vì lý do nào đó lại thuê một chiếc máy bay phản lực Global Express của một công ty Luxembourg có tên là Global Jet để bay tới xem trận đấu. Sau khi thưởng thức một trận đấu vô cùng hào hứng với kết quả Chelsea thắng 2-1, trong đó có một bàn do Jimmy Floyd Hasselbaink ghi ở phút thứ 87, họ lại tỏa ra ba hướng để trở về nhà. Abramovich bay từ Liverpool về Nice rồi lên một chiếc trực thăng để trở lại khu biệt thự; Irina và các con quay về London; còn Shvidler thì quay lại Farnborough nhưng không may là máy bay phải chuyển hướng sang Luton do không thể hạ cánh ở Farnborough vì các lý do kỹ thuật.

Một tuần sau trận đấu đầu tiên của Chelsea trên sân nhà từ khi có ông chủ mới, công việc có vẻ thư thả hơn một chút. Thật trùng hợp, đội bóng lại tiếp tục giành được một trận thắng 2-1, lần này là trước Leicester, và một trong những hợp đồng mới đắt giá nhất của Abramovich là Adrian Mutu đã ghi bàn thắng vào đúng phút cuối cùng của hiệp một. Để ăn mừng, Abramovich cùng vợ, một người bạn mới là Tổng thống Iceland và phu nhân, và một người đàn ông không rõ tên lên ô tô đến tiệm River Café gần đó để ăn mừng. River Café là một trong những nhà hàng có cái tên không hề phàn

ánh đúng vị thế thực tế. Năm dưới sự quản lý của Rose Gray và Ruth Rogers, vợ của kiến trúc sư Lord Rogers, người được trao giải thưởng Pritzker (giải thưởng cao nhất của ngành kiến trúc thế giới), River Café thực sự là một thiên đường của nghệ thuật ẩm thực hiện đại. Giá cả ở đây thì thể hiện đúng chất lượng thực phẩm, vị trí tuyệt đẹp nằm ngay bên bờ sông Thames và hệ thống dịch vụ hoàn hảo. Đây chắc chắn cũng không phải là nơi mà Abramovich phải lo rằng có một người hâm mộ nào đó ở bàn bên cạnh bám theo ông vào nhà vệ sinh và khơi mào câu chuyện về trận đấu đó. Tuy nhiên, đó chính là điều đã xảy ra. Ở nhà hàng, ông không gặp một người hâm mộ bình thường nào, nhưng ngó phía sau ông lại là một giảng viên đại học đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc. Orlando Figes là một giảng viên lịch sử tại Đại học Birkbeck thuộc Đại học London và đã có trong tay tấm vé cả mùa của Chelsea. Ông cũng là tác giả của một số cuốn sách bán chạy nhất về Nga và là một người nói tiếng Nga rất trôi chảy.

Phòng vệ sinh nam ở River Café khá nhỏ, chỉ có một bồn cầu và Abramovich đã đứng ở trước đó khi Figes bước vào. Không hề bối rối, Figes bắt đầu trò chuyện với Abramovich về trận đấu ban chiều bằng tiếng Nga. Figes nhớ lại:

Ông ấy tỏ ra rất hứng thú khi nói chuyện về bóng đá và chúng tôi đã trò chuyện trong vài phút. Khi ông ấy đi tiểu xong và tôi bắt đầu đứng vào trước bồn cầu, chúng tôi vẫn tiếp tục nói chuyện và khi ông ấy nói: “Sao ông nói được thứ tiếng Nga tuyệt vời thế?” thì tôi hỏi lại: “Tôi kể vài điều về bản thân nhé?”. Nhưng đúng lúc đó thì tôi bắt đầu đi vệ sinh và ông ấy thì đã rửa tay xong, vì thế tôi nghĩ rằng, thật là chó chết, mình không thể bắt tay ông ấy được.

Không thực hiện được nghi lễ đó, Figes kể cho Abramovich nghe rằng ông viết các cuốn sách về lịch sử Nga. Khi Abramovich bày tỏ mong muốn được xem những cuốn sách đó, Figes hỏi làm thế

nào để ông có thể chuyển cho Abramovich được. Mọi chuyện lẽ ra phải tiếp tục như vậy. Nhưng câu chuyện của họ đã diễn ra quá lâu theo tiêu chuẩn của một cuộc gặp trong nhà vệ sinh, kéo dài phải đến 5 phút hoặc hơn, và những người cùng ăn tối với Figes đã trở nên lo lắng. Figes và vợ là Stephanie đang dùng bữa cùng với một cặp đôi khác, trong đó người vợ là một luật sư thành đạt trong lĩnh vực ngân hàng và thường xuyên đến Moscow. Ngay từ đầu cô đã thấy ngại khi Figes đi sau một ông trùm Nga vào trong nhà vệ sinh và khi Figes càng ở trong đó lâu thì cô càng trở nên lo lắng. Có vẻ như cô tin rằng các vệ sĩ của Abramovich đã găm một viên đạn vào đầu Figes và dúi ông vào tường. Thế là cô nhắc ông chôn đi giải thoát cho ông. Khi phe giải cứu đến nơi, Abramovich và Figes đã trên đường ra khỏi nhà vệ sinh. Theo Figes, Abramovich có nụ cười rộng đến mang tai. Chính Figes cũng cho rằng đó là chuyện không bình thường khi Abramovich đi vào nhà vệ sinh và bị một người biếm nói tiếng Nga và ủng hộ Chelsea đến bắt chuyện.

Tuần sau đó, Figes gửi một bức thư và một bộ sách đến văn phòng chính ở Stamford Bridge và nhân viên ở đó đã cam đoan là sẽ chuyển chúng tới Abramovich. 6 tuần sau, không thấy hỏi âm gì, ông gọi điện cho John Mann và gửi một bộ sách khác (lần này ông mua ở hiệu sách vì đã hết sách dự trữ) đến trụ sở của Sibneft ở Moscow. Một lần nữa lại không có ai trả lời. Có lẽ thực ra Abramovich chẳng thích thú với việc bị bắt chuyện trong một nhà vệ sinh đến thế.

Việc Abramovich mua Chelsea đã góp phần tạo ra một Câu lạc bộ những người hâm mộ Chelsea phiên bản kiểu Nga. Địa điểm ưa thích của câu lạc bộ này vào những đêm có đá bóng là Metelitsia, một sòng bạc kiêm nhà hàng kiêm quầy rượu trên phố Novi Arbat ở Moscow, nơi thường chiếu các trận bóng đá Anh cho dân nhập cư và

những người Nga phát cuồng vì bóng đá. Tình trạng bạo lực rất phổ biến ở nước Nga lúc đó. Vì vậy, ban quản lý Metelitsia muốn đảm bảo an ninh tuyệt đối. Các nhân viên bảo vệ cao to tiến hành “kiểm tra bên ngoài” ở cửa ra vào, xem xét thái độ của các khách hàng trước khi kiểm tra vũ khí bằng cách đưa họ đi qua một máy dò kim loại có hình cánh cửa và sau đó trực tiếp kiểm tra bằng máy dò cầm tay cho chắc chắn. Biện pháp phòng ngừa này có vẻ hơi thái quá, tuy nhiên chính Moscow cũng đã nhiều lần bị tấn công khủng bố. Ví dụ, vào tháng 12 năm 2003, một kẻ đánh bom liều chết, được cho là người Chechnya, đã giết chết sáu người và làm bị thương 12 người ngay bên ngoài điện Kremlin.

Những gì diễn ra bên trong Metelitsia cho thấy rõ rằng Abramovich gặp phải thách thức rất lớn trong việc thực hiện tham vọng biến Chelsea thành một thương hiệu toàn cầu. Manchester United vẫn là đối thủ lớn nhất của Chelsea và những người ủng hộ Chelsea buộc phải kiên nhẫn chịu đựng cái nhà nguyện thánh Mẫu đó trong khu thánh đường mơ ước này. Trong khi người hâm mộ của Man United chiêm các ghế hàng đầu tại khu trung tâm rộng rãi có màn hình phẳng lớn nhất, thì các trận đấu của Chelsea thường được trình chiếu một cách khiêm tốn trên một màn hình nhỏ hơn ở một bên cánh khán đài.

Tham vọng của Abramovich đối với Chelsea là rất lớn, và nạn nhân đầu tiên của ông trên con đường thực hiện các tham vọng đó là Trevor Birch. Một vài tháng sau khi Abramovich tiếp quản Câu lạc bộ, Trevor Birch, người đã làm việc nhiều giờ liền để hoàn tất thủ tục giấy tờ cho việc tiếp quản của ông chủ mới, người đã tham gia tích cực vào các cuộc thương lượng để có thể mua được những cầu thủ xuất sắc nhất thế giới, lại nhận được thông báo rằng Peter Kenyon, Giám đốc Điều hành của Manchester United, sẽ thay thế ông. Birch là một trong những nhân vật đáng mến của làng túc cầu.

Khi ông còn đang là cầu thủ tập sự ở Liverpool, cả Bill Shankly và Bob Paisley đều cho rằng ông rất phù hợp với nghề này. Tuy nhiên, vì những lý do mà không ai có thể lý giải được, ngay cả những cầu thủ trẻ triển vọng nhất cũng có thể không bao giờ được thăng hạng và Birch chính là một trong số đó.

Sau khi bị xuống hạng, ông từ bỏ sự nghiệp cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp và chuyển sang nghề kế toán. Ông nhận thấy mình có năng khiếu cho công việc này. Ông thăng tiến từ bậc thấp nhất tới bậc cao nhất ở công ty Ernst&Young và trở nên nổi tiếng vì đã giúp khôi phục một số công ty đang hoạt động trì trệ trong giai đoạn đó. Bates nhận đến Birch năm 2002, và đến tháng 1 năm 2003, Birch được ký một hợp đồng làm việc trong 5 năm tại Stamford Bridge với giá 750 nghìn bảng mỗi năm. Với hợp đồng này, Birch trở thành nhân viên đắt giá nhất từng bị sa thải. Lý do là vì Birch đã sai lầm khi không hưởng ứng sự lạc quan của ông chủ mới. Khi Abramovich bảo với Birch rằng ông muốn biến Chelsea thành một thương hiệu toàn cầu, Birch lại trả lời là phải cần đến 40 năm mới làm được điều này. Bạn không thể trả lời như vậy với một ông chủ trẻ tuổi đang muốn vội vã thực hiện ý định của mình. Sự bi quan của Birch (hoặc là chủ nghĩa hiện thực), đã quyết định số phận của ông. Theo lời khuyên của Pini Zahavi, Abramovich đã thuê được Kenyon, người từng giúp Manchester United nổi danh toàn cầu, bằng một cách đơn giản là đề nghị trả cho ông này mức lương gấp đôi hiện tại, lên đến 1,2 triệu bảng/năm (mặc dù có những tin đồn rằng số tiền trả trọn gói cho Kenyon, bao gồm tiền thưởng, có thể lên đến 7,5 triệu bảng trong 3 năm). Sự thất vọng của Birch cũng được an ủi phần nào với khoản tiền bồi thường từ Abramovich. Mặc dù Birch rời đi gần như ngay lập tức nhưng Kenyon vẫn chưa có mặt cho đến khi ông kết thúc kỳ nghỉ sau khi thôi việc (mà vẫn được hưởng lương) ở Manchester United. Trong thời gian chuyển tiếp đó, Paul Smith đảm nhiệm vai trò của ông.

Người kế nhiệm Birch phải đối mặt với một thách thức to lớn. Ở United, Kenyon có được thuận lợi do danh tiếng tầm cỡ quốc tế của Câu lạc bộ từ nhiều thập kỷ trước. Manchester United là câu lạc bộ bóng đá Anh đầu tiên tỏa sáng ở đấu trường châu Âu. Các cầu thủ như George Best đã thu hút được người hâm mộ bóng đá ở khắp nơi. Những người lái xe tải ở Brazil, không hề biết tiếng Anh, cũng sẽ mỉm cười chào đón du khách và nói: “Bobby Charlton, tôi rất hâm mộ.” Trong những năm gần đây, Câu lạc bộ này còn xây dựng được các nhóm người hâm mộ hâm mộ ở thị trường Viễn Đông nhờ các chuyển giao hữu ở đó trước các mùa giải. Vì vậy câu lạc bộ này có thể tự hào là có đến 11 triệu người hâm mộ ở nước Anh và 54 triệu người hâm mộ khác trên khắp thế giới. Như chúng ta đã thấy trong thái độ của các khách hàng ở tiệm Metelitsia, Moscow, các người hâm mộ của Manchester United ở bất cứ nơi nào cũng rất trung thành và không dễ gì họ chuyển sang ủng hộ Chelsea hay một câu lạc bộ khác dù rằng các câu lạc bộ này có tỏ ra thành công đến mức nào.

Một dấu hiệu cho thấy tham vọng của Abramovich trong việc cải thiện hình ảnh thương hiệu Chelsea là việc ông thuê hãng CPLG (The Copyright Promotions Licensing Group) để giúp ông thực hiện dự định này. Nhưng di sản của Chelsea vốn kém hấp dẫn hơn nhiều so với Manchester United, vì vậy việc khai thác thị trường toàn cầu về bản quyền TV sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Bởi vậy, cách nhanh nhất để quảng bá thương hiệu toàn cầu mà Abramovich mong muốn là Chelsea phải giành được Cúp C1. Ngay tức khắc, điều đó sẽ thu hút rất nhiều người ủng hộ trên khắp thế giới: các người hâm mộ sẽ mong muốn sở hữu mọi thứ, từ những chiếc áo nhái (replica) cho đến những chiếc cốc có in thương hiệu Chelsea. Lòng trung thành của họ sau đó sẽ được củng cố qua các chuyển giao hữu trước mùa giải được thu xếp theo mục đích cụ thể tới các quốc gia hâm mộ bóng đá và chịu chi nhất như Nhật Bản, Hàn Quốc và một thị trường ngày càng lớn là Trung Quốc.

Ngoài ra, việc thu nạp các cầu thủ chủ chốt có sức hấp dẫn đối với một bộ phận dân chúng đặc biệt nào đó. Real Madrid từng chấp nhận một cái giá cắt cổ cho khoản đầu tư vào tiền vệ David Beckham, không chỉ vì khả năng trình diễn trên sân bóng của anh mà còn vì sự gia tăng khả năng bán bản quyền truyền hình ở vùng Viễn Đông. Tương tự như vậy, thu nạp một cầu thủ được hâm mộ ở một quốc gia nào đó có thể làm tăng tín nhiệm của câu lạc bộ ở thị trường này. Fulham chắc chắn là đã được hưởng lợi từ hiệu ứng Junichi Inamoto. Cựu cầu thủ Liverpool và hiện là bình luận viên đài BBC Mark Lawrenson quan sát và nhận định: “Bạn chỉ việc đến đường Loftus vào các thứ 7 khi Fulham chơi bóng trên sân nhà là có thể thấy hàng trăm người hâm mộ Nhật tập trung bởi vì câu lạc bộ này có một cầu thủ Nhật.” Tuy nhiên, lợi ích thực sự của Fulham không phải ở việc tăng doanh thu bán vé tại London nhờ có Inamoto, một cầu thủ thường thường bậc trung, mà ở chỗ Inamoto đã giúp cho câu lạc bộ này nổi danh hơn Nhật Bản.

Kể từ khi mua Chelsea, một việc khó khăn hơn đối với Abramovich là ông phải điều chỉnh cách ứng xử cho phù hợp hơn với văn hóa bóng đá, đặc biệt là tại các trận đấu trên sân khách. Nghi thức ở khu vực ban huấn luyện có vẻ thân mật không kém gì nghi lễ an táng các phara-ông. Matthew Harding quá cố hẳn là đã thường làm cho Ken Bates khó chịu vì thói quen nhảy dựng lên và khua tay mỗi khi thấy hứng thú cao độ. Đây được coi là phong cách rất xấu khi bạn đang ngồi cùng các đại diện của đối phương. Và vì vậy, khi Abramovich tham dự trận đấu đầu tiên của mùa giải ở Liverpool mà không đeo cà vạt còn Shvidler thì vỗ tay sau khi Chelsea ghi bàn, Bates cảm thấy không hài lòng. Ông chủ người Nga cũng nhận được một bài học khác về cách ứng xử khi theo dõi trận đấu của Chelsea trước đội Besiktas của Thổ Nhĩ Kỳ trong khuôn khổ Cúp C1. Trận đấu được chuyển tới Đức sau khi xảy ra một vụ đánh bom tại chi nhánh ngân hàng HSBC ở Istanbul hai tuần trước. Đêm hôm đó đã

xảy ra một vụ đụng độ đẫm máu giữa các người hâm mộ của Anh và Thổ Nhĩ Kỳ. Cảnh sát Đức đã phải huy động hàng trăm nhân viên ra giải quyết vụ việc. Thực ra không phải người Anh muốn khai chiến. Tại Đức có một số dân đáng kể người lao động nhập cư Thổ Nhĩ Kỳ, vì vậy 50 nghìn người ủng hộ Thổ Nhĩ Kỳ đã áp đảo con số 400 người hâm mộ của Chelsea đến xem trận đấu. Abramovich ngồi ở khu vực ban huấn luyện và hành động ban đầu của ông cho thấy ông nhận thức được tính nhạy cảm của tình hình. Khi các người hâm mộ của Chelsea bắt đầu hò reo cổ vũ và hô to tên của ông, Abramovich đặt một ngón tay lên môi nhằm ra hiệu cho họ yên tĩnh hơn. Tuy nhiên, khi trận đấu tiếp tục diễn ra, chính thái độ phân biệt bè phái của ông chủ câu lạc bộ này đã tạo ra một khoảnh khắc không hay. Khu vực ban huấn luyện thường được coi là nơi của sự điềm tĩnh ngay cả trong những cuộc đọ sức căng thẳng nhất. Tuy nhiên, lần này thì khác. Khi Abramovich bật dậy sau một cú chơi xấu rất thô kệch đối với một cầu thủ của mình, những người Thổ Nhĩ Kỳ ngồi phía trước ông quay lại và đưa tay cắt ngang cổ. Các vệ sĩ của Abramovich vô cùng lo lắng về việc này nên đã phải tháp tùng ông rời khỏi khu vực khán đài trước khi trận đấu kết thúc.

Tony Banks, cựu bộ trưởng thể thao và người hâm mộ của Chelsea, có lần phát biểu rằng ông có cảm giác nếu có thể, Abramovich thích xem đá bóng với bạn bè trong phòng kín hơn, ngụ ý rằng Abramovich có rất ít kiên nhẫn và khả năng kiềm chế trong những tình huống kiểu này. Tuy nhiên, khi chứng kiến thái độ của Abramovich sau chiến thắng 4-0 của Chelsea trước Lazio ở Rome tháng 12 năm 2003, có thể thấy nhận định trên không công bằng. Sau trận đấu, 5.000 người hâm mộ của Chelsea từ nơi xa đến bị cảnh sát Ý giữ lại trong sân vận động để người ủng hộ Lazio có thời gian giải tán trước. Trong khi chờ đợi, họ được giải trí bằng các đoạn phim quay lại các trận đấu của Chelsea. Tuy nhiên, họ dần trở nên bớt kiên nhẫn và Gianfranco Zola, một cựu cầu thủ Chelsea rất

được mê n mộ, đê n sân bóng và cô gắ ng xoa dịu tình hình. Anh được mọi người hoan nghênh nô ng nhiệt vì hành động này. Năm phút sau đó, Abramovich xuấ t hiện cùng với các vệ sĩ. Tiê ng hoan hô càng vỡ òa lên vang dội. Giây phút đáng nhớ đó đã giúp Abramovich giành được lòng mê n mộ và sự kính trọng lâu dài của các người hâm mộ. “Điề u đó làm cho bạn xúc động”, Mark Meehan, cựu biên tập viên một tờ báo độc lập của người hâm mộ Chelsea, người có mặt ở sự kiện đêm đó cho biế t: “Ai nâ y đê u vui vẻ gọi điện về nhà để kể lại câu chuyện đó.”

Chương II. Đội quân áo đỏ tiến lên!

Abramovich muốn Tổng thống Putin biết quyết định mua Chelsea của ông trước khi tin tức về việc này được công bố cho giới báo chí. Vì vậy, ông cấp tốc cho gửi một bức điện chuyển phát nhanh đến Tổng thống. Phụ tá thân cận nhất của Putin là Aleksandr Voloshin không thể nào kiềm chế được, lập tức đem việc đó đi buôn chuyện. Lúc biết tin dù đã ráng khuya, ông ta vẫn gọi cho Alexei Venediktov, giọng đầy phẫn khích: “Ông có tưởng tượng được không? Người của chúng ta đã mua Chelsea rồi đấy.” Voloshin nhận thức được khía cạnh chính trị của sự việc ngay khi biết rằng quá nhiều tiền bạc như thế của Nga lại được dành cho cái thứ phù phiếm là một câu lạc bộ bóng đá nước ngoài. Ông hỏi Venediktov: “Ông nghĩ xem, người dân (Nga) sẽ phản ứng như thế nào?” Đây quả là một câu hỏi hay. Thị trưởng Moscow Yuri Luzhkov là người có thể trả lời chính xác về phản ứng của người dân thủ đô trước tin này và vì vậy, ông ta ngay lập tức lợi dụng việc đó cho những tính toán chính trị của mình. Luzhkov cáo buộc Abramovich “phi nhử vào nước Nga”. Luận điệu chỉ trích của Luzhkov nhanh chóng được cựu Thủ tướng Sergei Stepashin phủ họa.

Người bạn tri kỷ Venediktov của Abramovich nhớ lại phản ứng của các thánh giả gọi điện đến chương trình phát thanh của ông thế này:

Họ nói cứ như là Roman Abramovich đã đánh cắp tiền bạc của người dân để mua một món đồ chơi cho chính ông ấy vậy. Dường như tất cả những người gọi điện đến chương trình phát thanh của tôi đều bình luận với giọng điệu như vậy. Vì thế khi gặp Roman vài ngày sau đó, tôi đã kể cho ông ấy. Ông ấy trả lời rằng ông đã tính toán sai lầm, lẽ ra phải chuẩn bị tinh thần cho dư luận trước thì công chúng sẽ có phản ứng tích cực hơn. Tuy nhiên, ông ấy không

quan tâm nhiều đến quan điểm của công chúng Nga. Ông ấy chẳng lo lắng và cũng chẳng nghĩ điều đó quá quan trọng.

Bóng đá Nga chỉ vừa mới bắt đầu hồi phục từ những tàn tích thời kỳ hậu Xô Viết. Cuối thập kỷ 1990, môn thể thao này lâm vào tình cảnh vô cùng khó khăn bởi vì chỉ sau một đêm, các câu lạc bộ vốn được các cơ quan nhà nước tài trợ bỗng trở nên nhẵn túi. Số người theo dõi các trận đấu giảm mạnh và các cầu thủ tài năng nhất của đất nước bỏ trốn ra nước ngoài. Ngay cả truyền hình cũng không hứng thú gì với việc công chiếu các trận đấu giữa các đội bóng xoàng xĩnh trên các sân vận động tồi tàn. Trong bối cảnh đó, Abramovich nhận định, cách tốt nhất để xoa dịu các cổ động viên Nga đang rất tức giận là tung tiền ra giải quyết vấn đề của bóng đá Nga. Tiếp tục chứng tỏ là người khôn ngoan, ông nhanh chóng đưa ra tuyên bố sẽ chi 65 triệu đô-la Mỹ để xây một sân vận động mới cho đội CSKA tại Moscow (CSKA trước đây là đội tuyển của Hồng quân, từng giành cúp quốc gia Nga năm 2003). Do mùa đông ở Nga vô cùng lạnh giá nên mùa giải thường bắt đầu vào mùa xuân và kết thúc vào tháng 10. Với kế hoạch lấp trần kính và nâng sức chứa lên đến 50 nghìn khán giả, sân vận động này hứa hẹn trở thành điểm thi đấu hiện đại nhất cả nước. Đầu năm sau, ông khẳng định lại rằng Sibneft sẽ chi cho Câu lạc bộ này 18 triệu đô-la Mỹ mỗi năm trong vòng ba năm; đổi lại, Sibneft sẽ có quyền sử dụng hình ảnh và can thiệp vào việc mua bán của CSKA. Hợp đồng trị giá 54 triệu đô-la Mỹ này là một thương vụ khổng lồ không chỉ theo tiêu chuẩn của làng túc cầu kiệt quệ của Nga lúc ấy mà thậm chí còn so với cả các tiêu chuẩn châu Âu. Thỏa thuận này thực sự đã vượt xa thương vụ tập đoàn điện thoại di động khổng lồ Vodafone tài trợ trong vòng 4 năm cho Manchester United. Bởi câu lạc bộ giàu có bậc nhất thế giới này, với lượng người hâm mộ lớn hơn tất cả các đội bóng khác, chỉ nhận được 65 triệu đô-la Mỹ, tương đương hơn 16 triệu đô-la Mỹ mỗi năm từ nhà tài trợ.

Việc Sibneft trình làng một hợp đồng kỷ lục như thế là một bước đi phù hợp nhằm mở rộng các cam kết truyền thông của họ với hoạt động thể thao ở những khu vực họ triển khai hoạt động, trong đó bao gồm cả việc dành 10 triệu đô-la Mỹ mỗi năm cho đội khúc côn cầu trên băng Omsk Avangard và tài trợ 350 nghìn đô-la Mỹ cho giải vô địch trượt ván băng súng quốc tế ở Khanty-Mansiisk. Eugene Shvidler tuyên bố rằng những cam kết đó là một phần “trách nhiệm xã hội” của Công ty và ông mong muốn CSKA có thể giúp tăng cường sự hiện diện của bóng đá Nga trên đấu trường châu Âu (sức mạnh của CSKA đã được cải thiện đáng kể và thể hiện đầy thuyết phục trong trận thắng trước Glasgow Rangers trong khuôn khổ vòng loại Cúp châu Âu tháng 8 năm 2004, đưa họ đến cùng nhóm với Chelsea trong chính giải đấu này).

Nhưng không gì có thể che đậy được thực tế rằng những hành động nói trên không nằm ngoài chiến dịch giữ thể diện của Abramovich. Cho đến khi Abramovich can dự một cách muộn màng vào làng túc cầu Nga, 5 trong số 16 đội bóng của Giải Ngoại hạng Nga đã nhận được sự hậu thuẫn của các doanh nghiệp lớn, trong đó có Spartak Moscow (Yukos) và Dinamo Moscow (Lukoil). Sự tham gia của các tập đoàn lớn đang làm thay đổi số phận của môn thể thao này tại Nga. Hàng triệu đô-la đang được đầu tư để nâng cấp các sân vận động và tu sửa các trung tâm huấn luyện. Ví dụ, Dinamo có kế hoạch nâng gấp đôi sức chứa sân vận động của họ lên 60 nghìn người. Các chương trình đào tạo cầu thủ trẻ cũng đang được phục hồi và lần đầu tiên sau nhiều năm, các cầu thủ nước ngoài lại được mời đến chơi ở Nga. Những cầu thủ nước ngoài nổi tiếng, chỉ ít là theo tiêu chuẩn Nga, như cầu thủ người Séc Jirí Jarosík, cầu thủ người Costa Rica Winston Parks (từng ghi một bàn tại World Cup 2002) và cả cầu thủ Brazil José de Souza đã mang lại luồng sinh khí mới cho giải đấu. Các hãng truyền hình đột nhiên quan tâm mạnh mẽ trở lại và trong mùa giải 2003, không dưới bốn hãng

truyền hình đã tham gia phát trực tiếp các trận đấu và phát lại những màn trình diễn hấp dẫn trên sân cỏ.

Đến lúc này, ngân sách trung bình của mỗi đội bóng thuộc Giải Ngoại hạng Nga đạt 15 triệu đô-la Mỹ, tương đương với khoảng 200 triệu đô-la Mỹ cho cả giải đấu. Như vậy, Giải Ngoại hạng Nga có nguồn tài chính ở mức ngang với các giải đấu của Hà Lan, Thụy Điển và Na Uy. Tuy nhiên, không phải ai cũng kiếm được tiền. Giống như Sibneft, phần lớn các công ty liên quan đều coi khoản đầu tư vào bóng đá là một trong những “chương trình xã hội” của họ. Một phát ngôn viên của Yokos từng mô tả chi phí của công ty này cho Dinamo là “vì mục đích từ thiện”. Còn RusAl thì tài trợ cho các câu lạc bộ bóng đá theo những cách sau: Tổng giám đốc RusAl Oleg Deripaska mua cổ phần của đội Kuban; còn German Tkachenko, Phó giám đốc một chi nhánh của RusAl, người giới thiệu Pini Zahavi với ông bạn Abramovich, cũng trở thành chủ tịch của đội Kyrilia Sovetov thành Samara.

Bên cạnh việc thúc đẩy rầm rộ Giải Ngoại hạng Nga, các ông trùm cũng quyết tâm khôi phục sự nghiệp của đội tuyển quốc gia. Sau màn trình diễn tệ hại của Nga tại World Cup 2002, Phó chủ tịch Lukoil và Chủ tịch Yokos-Moskva Vasili Shakhnovski đã viết thư gửi Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Nga. Trong thư, họ khẳng định sẵn sàng thanh toán hóa đơn thuê huấn luyện viên ngoại quốc cho đội tuyển quốc gia. Đội tuyển Nga đã không thể bước vào vòng hai sau khi để thua liên tiếp Nhật Bản và Bỉ mặc dù đã nhận được sự dẫn dắt của Oleg Romantsev, một huấn luyện viên rất thành công của giải ngoại hạng Nga và được cả thế giới đánh giá là huấn luyện viên tài năng nhất nước Nga. Nếu Romantsev không thể thành công thì ai cũng cho rằng sẽ chẳng có huấn luyện viên Nga nào khác có thể làm được điều đó. Người thay thế Romantsev là Valeri Gazzaev, một

huấn luyện viên người Nga khác. Tuy nhiên, sau màn trình diễn kém cỏi tại vòng loại giải vô địch bóng đá châu Âu, Gazzaev cũng bị sa thải.

Chương 12. Đội bóng mơ ước

Trung vệ Chelsea Frank Lampard có lẽ chưa bao giờ phải thực hiện một cú phạt penalty căng thẳng như thế khi bước vào vòng cấm địa buổi chiều Chủ Nhật, ngày 30 tháng 11 năm 2003 đó. Trong trận này, đội chủ nhà Chelsea nghênh tiếp các nhà vô địch giải ngoại hạng Anh – câu lạc bộ Manchester United. Abramovich đã mời khoảng 500 người bạn Nga thân thiết đến xem trận đấu mà ông cho là trận đặc sắc nhất của mùa giải. Các vị khách quan trọng nhất, trong đó có những nhân vật nổi tiếng như nữ diễn viên Minnie Driver, nhà vô địch quần vợt đã nghỉ hưu Boris Berker và tiểu thuyết gia-diễn viên hài David Baddiel, được bố trí chỗ ngồi tại các khu buồng vip Thiên niên kỷ. Những người còn lại thì ngồi trên các khán đài khác. Trận đấu càng trang trọng hơn khi ngài Clive Woodward, huấn luyện viên bóng bầu dục người Anh, và Lawrence Dallaglio, thành viên đội vô địch World Cup đầu tháng đó, tới chỗ ngồi và nhận được sự hoan hô cuồng nhiệt của đám đông 42 nghìn khán giả đang ngồi kín các khán đài.

Đến phút thứ 27 của trận đấu vô cùng căng thẳng này, Lampard chuyền bóng cho Hernan Crespo, Crespo nhận bóng và chuyền vào vòng cấm địa cho Joe Cole. Khi Roy Keane, trung vệ nổi tiếng đá gấu của đội Manchester United, đánh Cole ngã nhào và bị trọng tài thổi phạt đền, đội khách đã ồn lên phản đối với tất cả “sự phẫn nộ” của một tên trộm khi bị bắt quả tang đang tìm cách thoát khỏi cái bẫy bả ng đường cửa sổ. Thủ môn người Mỹ Tim Howard của United cố gắng thực hiện chiến thuật động tác giả, nhằm gây áp lực tới đa lên cầu thủ thực hiện cú đá phạt. Nhưng điều đó không đem lại kết quả. Lampard sút quả bóng thấp và mạnh vào góc cuối

khung thành. Thế là cả khán đài Shed End vỡ òa lên, hò reo cuồng nhiệt.

United tổ chức bao vây khung thành của Chelsea trong phần lớn thời gian còn lại của trận đấu và bốn cầu thủ Chelsea đã bị tuyệt còi khi tìm cách cản phá các đợt tấn công nhằm bảo vệ thế dẫn bàn của đội mình. Tuy nhiên, các nhà vô địch đã không ghi nổi bàn nào. Trận thắng lừng danh này đã đưa Chelsea lên vị trí hàng đầu của Giải Ngoại Hạng.

Cho đến lúc đó, câu lạc bộ Chelsea của Abramovich mới chỉ thua một trận, đó là trận đấu trên sân khách trước đội bóng xuất sắc Arsenal của Arsène Wenger. Mọi việc của Câu lạc bộ tiến triển tốt đẹp đến mức mà một phóng viên thể thao của một tờ báo rất có uy tín tại Anh đã bình luận rằng bí mật của sự thành công trong bóng đá có thể tóm gọn trong ba từ: “Ông chủ. cực. giàu.” Tất cả những bản khoản về khó khăn khi phải nhanh chóng tổ chức một nhóm toàn những ngôi sao ngoại quốc được trả lương hậu hĩnh thành một đội bóng gắn kết đã tỏ ra không còn là vấn đề nữa. Thế nhưng, thời kỳ u ám đã xuất hiện: trong 6 trận đấu sau đó, Chelsea thua ba và hòa một. Và bỗng nhiên, nhiều người lại quay lại chỉ trích và phê phán cách tổ chức này.

Việc phải cùng một lúc bố trí sinh hoạt cho một số lượng lớn các cầu thủ mới với nhiều quốc tịch khác nhau và đến từ nhiều giải đấu châu Âu chắc chắn sẽ là sức ép lớn đối với bộ phận tổ chức của Câu lạc bộ. Adrian Mutu, 31 tuổi, là người Rumani và trước đây chơi cho Real Madrid; Hernan Crespo, 29 tuổi, là người Argentina và được mua từ Inter Milan; Geremi, 25 tuổi, đến từ Cameroon và được mua từ Real Madrid sau khi chơi cho Middlesbrough theo dạng cho mượn trong mùa giải trước; Claude Makelele, 30 tuổi, người Pháp, cũng đến từ Real Madrid. Ngay cả các cầu thủ Anh như Wayne Bridge, từ Southampton đến London, và Damien Duff, được mua từ

Blackburn Rovers, cũng phải đối mặt với tất cả những khó khăn liên quan đến việc chuyển chỗ ở.

Người hâm mộ có thể không quan tâm đến điều gì khác ngoài độ dày của tập tiền lương được trả cho các cầu thủ mới. Tuy nhiên, phía sau hậu trường, như bất kỳ ai khác, các cầu thủ cũng đối mặt với nhiều khó khăn, căng thẳng khi phải chuyển công việc đến một đất nước xa lạ, đặc biệt là với các cầu thủ có đem theo vợ, con hoặc bạn gái. Nếu Chelsea chơi ba trận trên sân khách trong một tuần, thì các bà vợ và các cô bạn gái sẽ cảm thấy cô đơn vì phải ở một thành phố xa lạ trong suốt năm ngày liên tiếp. Những áp lực này, cùng với các vấn đề gia đình như chuyển nhà, tìm trường học cho con cái và có thể là phải học một ngôn ngữ mới, có nghĩa là các cầu thủ nước ngoài có thể sẽ phải bận tâm với những gì đang diễn ra ngoài sân cỏ không kém gì với đường đi của trái bóng đang lăn trên cỏ cả. Theo phân tích của Mark Lawrenson, tình hình ở Chelsea lúc đó đặc biệt khó khăn:

Nhiều đội bóng có thể có một vài cầu thủ gặp tình cảnh đó. Ví dụ Manchester United có Howard, được chuyển nhượng từ New York, và Kleberson. Nếu hai người này gặp khó khăn, họ có thể được cả câu lạc bộ giúp đỡ. Thế nhưng ở Chelsea, bạn có đến 8 hoặc 9 cầu thủ như vậy và nếu có một vài vấn đề xảy ra, thì bạn phải mất nhiều thời gian hơn gấp mấy lần mới có thể tháo gỡ được những khó khăn này.

Việc thích nghi với một phong cách chơi bóng khác cũng có thể ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cầu thủ. So với Giải Serie A của Ý hoặc giải La Liga của Tây Ban Nha thì Giải Ngoại hạng Anh sử dụng thể lực nhiều hơn và chơi bóng với tốc độ nhanh hơn nhiều. Một hậu quả là ngay cả các câu lạc bộ đang chơi uể oải ở cuối giải cũng có thể tạo bất ngờ trước các đội bóng đang đứng ở thứ hạng cao. Trên thực tế, Chelsea đã thua trận đầu tiên trong ba trận thảm bại trước

ngưỡng cửa năm mới với tỷ số 1-2 trên sân nhà trước Bolton Wanderers, đội khi đó đang nằm gần cuối bảng xếp hạng.

Nhưng ít có bình luận viên nào nghi ngờ khả năng của Claudio Ranieri, huấn luyện viên người Ý của Chelsea. Là con trai một người bán thịt ở Rome, Ranieri đã phát triển rất nhanh, thỏa ước vọng từ khi còn học ở trường quản lý bóng đá Ron Atkinson. Phong cách hợp thời trang, cách tiếp cận thân thiện một cách giả tạo, Ranieri được gọi là “Người Thép” khi đang huấn luyện đội bóng Tây Ban Nha Valencia cuối thập kỷ 1990, bắt nguồn từ việc ông thiết quân luật với Ariel Ortega, ngôi sao bóng đá lắm tài, nhiều tật người Argentina, và chuyển nhượng tiền đạo Brazil Romario vì không hài lòng với sở thích đi hộp đêm của anh này. Có lần, đêm trước một trận đấu, ông xộc vào phòng khách sạn của Jimmy Floyd Hasselbaink và rút dây cảm TV để anh này không thể thức khuya được nữa.

Nhưng thay vì coi Ranieri là “Người Thép”, báo chí Anh bắt đầu gọi ông là “Thợ hàn”. Họ lập luận rằng nguyên nhân sâu xa là do ông quá ưa thích việc thay đổi cách tổ chức các cầu thủ và liên tục điều chỉnh đội hình thi đấu. Một số người cho rằng Ranieri rơi vào tình huống này là vì ông chủ mới của Câu lạc bộ đã tung tiền mua cầu thủ vô tội vạ. Tuy nhiên, khi trả lời phỏng vấn báo chí trước trận đấu trên sân nhà với đội Manchester United tháng 11 năm 2003, Ranieri khẳng định rằng ông chịu trách nhiệm trong tất cả các hợp đồng mua cầu thủ: “Sự thật thì tôi là người lựa chọn, còn họ là người cố gắng mua các cầu thủ đó.” Ranieri cho biết, ngay từ cuộc nói chuyện đầu tiên với Abramovich, ông chủ mới của ông đã đề nghị: “Tôi muốn Chelsea trở thành một trong những đội bóng lớn nhất thế giới. Anh cần gì để đạt được điều đó?” Ranieri cũng trả lời một cách đầy tham vọng: “Chúng ta đã có các cầu thủ tốt bởi vì chúng ta đã giành vé tham dự Cúp C1. Thế nhưng tôi cần có

trong tay hai cầu thủ chơi tốt ở mỗi vị trí và nếu được như vậy thì tôi sẽ rất hạnh phúc.”

Huấn luyện viên người Ý này đã nhận được những gì ông muốn. Thế nhưng, khi nhiệm vụ tháng trôi qua, các cầu thủ giỏi như Joe Cole, người lẽ ra luôn là sự lựa chọn đầu tiên gần như đối với bất kỳ một đội bóng nào của Giải Ngoại hạng, thì lại thấy mình không được chơi trọn vẹn cả 90 phút. Ngay cả Damien Duff, trung vệ được nhiệm vụ người coi là một trong những cầu thủ xuất sắc nhất ở Anh, cũng trở thành nạn nhân của cách tổ chức đang gần giống như “hệ thống phân công lao động” này. Những lập luận ủng hộ cách tiếp cận này cho rằng bất kỳ một câu lạc bộ nào muốn duy trì khả năng thách thức trong suốt một mùa giải có lịch thi đấu dày đặc (gồm các trận đấu của Giải Ngoại hạng, của hai giải khác trong nước và trên đấu trường châu Âu) thì đều cần có một lực lượng cầu thủ dồi dào, phòng khi danh sách chấn thương bất đầu dài ra thì chất lượng đội tuyển vẫn không bị ảnh hưởng lớn. Mặt trái của vấn đề này là các ngôi sao trẻ, những người vốn coi mình có quyền làm chủ một vị trí nào đó trong đội hình thi đấu đầu tiên, bất đầu trở nên giận dữ khi bị loại ra. Theo nhiệm vụ người kể lại, Cole là cầu thủ hay cảm thấy bất bình khi phải đứng ngoài sân cỏ vì lý do này.

Trong khi đó, chính Abramovich cũng có những tác động đến tinh thần của đội bóng. Một người có uy tín ở trong cuộc cho biết: “Tôi muốn nói với bạn rằng ông ấy đã tạo ra sự khác biệt như thế nào. Tất cả các cầu thủ đều muốn thể hiện thái độ tốt nhất có thể. Tất cả những người vốn hay đi đến các câu lạc bộ, như Wellington (một địa điểm ưa thích của các nhân vật nổi tiếng ở Knightsbridge) chẳng hạn để chè chén say sưa và vui thú hết mình thì nay hoặc không đi nữa hoặc đi nhưng không uống hay uống rất ít. Họ chắc chắn không còn ra ngoài đi chơi, gặp gỡ bạn bè nhiều như trước đây nữa. Tôi chơi thân với một người, và khi tôi trao đổi về

việc này, anh ấy giải thích: “Tôi không muốn bị đuổi việc. Tất cả chúng tôi đều biết rằng Roman không uống rượu, không làm ăn cầu thả và ông ấy sẽ không thích nếu biết chúng tôi làm như vậy. Ông ấy có một hệ thống theo dõi thông tin siêu hạng để phục vụ điều đó.”

Hắn là John Terry cũng đã thay đổi cách sống của mình. Trung vệ trẻ này đã thể hiện tốt vai trò của một trong những cầu thủ chủ chốt của Chelsea trong mùa giải 2003/2004 và đã trình diễn như một ngôi sao nhạc rock trên tuyến phòng vệ của sân cỏ. Thế mà Terry đã từng có nguy cơ mất hết tài năng chỉ vì anh bị bắt với tội gây lộn với một bảo vệ bên ngoài câu lạc bộ Wellington.

Ảnh hưởng của Abramovich càng được củng cố mạnh mẽ hơn với cách tiếp cận trực tiếp với các cầu thủ. Ông thường vào phòng thay đồ sau khi các trận đấu kết thúc, tránh vào giữa lúc huấn luyện viên đang trao đổi với đội bóng. Eidur Gudjohnsen có lần kể lại: “Ông ấy không nói nhiều. Ông ấy chỉ đi loay quanh và bắt tay mọi người. Ông ấy không bao giờ tìm cách xen vào câu chuyện của đội hay nhắc nhở Claudio Ranieri phải làm gì. Đó không phải là việc của ông ấy, cũng không phải là lý do ông ấy có mặt ở đó. Tôi nghĩ rằng ông ấy chỉ muốn cho chúng tôi thấy rằng ông ấy rất quan tâm tới đội bóng, muốn chúng tôi thành công.” Một người trong cuộc khác nhận xét: “Hình như ông ấy giao phó hoàn toàn việc quản lý Câu lạc bộ cho Huấn luyện viên. Mặc dù không nói gì nhiều sau mỗi trận đấu nhưng ông ấy vẫn có thể làm cho mọi người biết ông ấy cảm thấy thế nào.”

Tuy nhiên, Mark Lawrenson nghi ngờ tác động của những cuộc thăm hỏi đó: “Tôi nghĩ ông ấy chỉ xã giao thôi. Sau tất cả, đó chỉ là trò chơi của ông ấy thôi, bạn có nghĩ thế không? Có lẽ ông ấy muốn đi vào, gặp các cầu thủ và sau đó kể lại với bạn bè rằng “Tôi vừa nói chuyện với Hernan Crespo tuần trước.” Ông ấy không hề

bước vào phòng câ`u thủ sau trận đấ`u với Liverpool (Chelsea thua 0-1 trên sân nhà) và không nói: “Chúng ta phải chơi tô`t hơn.” Hoàn toàn không. Nế`u ông â`y làm như vậy, các câ`u thủ sẽ nghĩ ngay: “Đúng thôi. Nhưng chúng tôi đã bị huấ`n luyện viên rằ`y la đủ rồ`i. Chúng tôi không câ`n Ngài ca thán thêm gì nữa.” Ở Liverpool, những điề`u như thế` hoàn toàn có thể xảy ra. Chúng tôi sẽ nói: “Vâng, thua Ngài Chủ tịch.” Và khi ông â`y đi khỏi, các câ`u thủ lại tự nhủ: “Nhớ trả lương đầ`y đủ cho tôi và tôi sẽ ôn thôi, đừng lo.”

Thấ`t bại của Chelsea trước Liverpool hồ`i đầ`u tháng 1 khiế`n những đò`n đoán về` tương lai của Ranieri ở Câu lạc bộ bắ`t đầ`u gia tăng. Sau trận đấ`u đó, Ranieri và Abramovich đã hội ý kín với nhau đế`n 40 phút trong lúc các phóng viên đang chờ đợi Ranieri xuấ`t hiện để tham dự cuộc họp báo như thường lệ sau mỗi trận đấ`u. Cho đế`n lúc đó, Ranieri đã dầ`n quen với các dự báo ảm đạm cho hồ`i kế`t sắ`p tới của ông.

Những lời đò`n đại về` việc Abramovich định tìm một huấ`n luyện viên thực ra đã xuấ`t hiện từ ông trùm này tiế`n hành đàm phán để mua Chelsea. Khi Abramovich ký kế`t hợp đò`ng với Bates hồ`i tháng 6 năm 2003 thì Ranieri đang đi nghỉ. Lầ`n đầ`u tiên Ranieri nghe về` việc này là khi ông nhận được cuộc gọi của Trevor Birch vào điện thoại di động lúc hai vợ chò`ng ông đang lái xe qua nước Pháp. Bô`n ngày sau, ông gặp trực tiế`p ông chủ mới. Tuy nhiên, đế`n lúc đó, người ta đã bắ`t gặp Abramovich bí mật nói chuyện với nhân vật hắ`n là có khả năng thay thế` cho Ranieri. Đó là Sven-Goran Eriksson, đươ`ng kim huấ`n luyện viên trưởng đội tuyển quố`c gia Anh.

Huấ`n luyện viên 56 tuổi Eriksson được công chúng Anh quan tâm hơn bắ`t kỳ một huấ`n luyện viên nào khác của đội tuyển Anh, có thể một phầ`n là do Eriksson là người ngoại quố`c đầ`u tiên huấ`n luyện cho đội tuyển quố`c gia và vẫn là một ẩn số` khi tiế`p

quản công việc. Nhiều người hâm mộ của Anh lo ngại về điều đó. Với mái tóc xám, cặp kính luôn hiện hữu, đôi giày độn cao để trông cao hơn, huấn luyện viên người Thụy Điển này hiếm khi để lộ cảm xúc. Khi ngồi trên băng ghế huấn luyện viên, biểu lộ cảm xúc duy nhất của ông trong những giây phút kịch tính cao độ chỉ là đứng dậy và vỗ tay. Nếu đội tuyển của ông ghi một bàn thắng vô cùng ngoạn mục hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với hành trình trong một giải đấu, thì có lẽ ông cũng chỉ tiến lên một vài bước để biểu lộ trạng thái cảm xúc đam mê mạnh mẽ mà kín đáo của mình.

Chuyện đời tư vô cùng phức tạp chính là những gì đã giúp cho Eriksson trở thành một biểu tượng dân tộc. Đối với các người hâm mộ đã quen thấy Eriksson trong trạng thái điềm tĩnh, lạnh lùng thì các tình tiết trong thiên tình sử của ông thực sự là những bất ngờ thú vị. Ông bắt đầu mối quan hệ với người tình Nancy Dell'Olio khi bà đã có gia đình. Lúc nhận thấy rằng Dell'Olio chính là người phụ nữ dành cho mình, ông liền làm một việc rất khác đời, đó là tổ chức ăn trưa với Nancy và người chồng bị ông cấm sùng. Sau bữa đó, Eriksson đã thuyết phục được chồng của tình nhân cho phép bà rời bỏ ông ta.

Thành công của Eriksson trong việc đưa đội tuyển Anh lọt vào vòng chung kết World Cup năm 2002 khi mà tình hình dường như đã hoàn toàn vô vọng sau một chuỗi thất bại tệ hại dưới thời huấn luyện viên Kevin Keegan đã giúp ông xây dựng được vị thế uy tín hàng đầu. Và mặc dù tư cách đạo đức của ông bị tổn hại không nhỏ khi người ta bắt gặp ông đang chơi bời với một người Thụy Điển nổi tiếng khác tại Anh – người dẫn chương trình truyền hình Ulrika Jonsson, nhưng điều đó chỉ càng làm ông nổi tiếng hơn. Phong cách điềm tĩnh của ông dường như có tác động đến toàn đội và, ngoài một thất bại đen đui trong trận giao hữu với đội Australia, đội

hình chuếch choạc của các huấn luyện viên cũ dường như đã bắt đầu lui về quá khứ.

Tuy nhiên, mối quan hệ của Eriksson với Chelsea đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm của công chúng dành cho ông. Ai cũng ngỡ ngàng khi thấy bức ảnh chụp Eriksson đang cùng với Pini Zahavi bước vào căn hộ của Abramovich tại Quảng trường Lowndes đầu tháng 7 năm 2003. Khi bị truyền thông dồn dập chỉ trích, Eriksson phủ nhận đó là một cuộc trao đổi công việc, Abramovich buộc phải đảm bảo với Ranieri rằng việc chiêu mộ huấn luyện viên của ông vẫn an toàn còn Birch thì phát biểu với báo chí rằng mọi lời đồn đại về việc họ đang cố gắng thuyết phục Eriksson chuyển sang Chelsea là hoàn toàn vô căn cứ. Tuy nhiên, tất cả những phản ứng này không dập tắt được dư luận và một tháng sau đó, Eriksson càng làm mọi người thêm thất vọng khi thừa nhận là ông đã gặp gỡ Abramovich nhiều lần mặc dù vẫn bác bỏ việc ông được đề nghị trở thành huấn luyện viên của Chelsea.

Không gì có thể xóa đi suy nghĩ của nhiều người rằng thời gian của Ranieri ở Chelsea đang được đếm từng ngày một. Đến cuối tháng 11, vì quá lo lắng về chuyện này, Liên đoàn Bóng đá Anh phải đề nghị Eriksson gia hạn hợp đồng nhằm giảm áp lực khiến ông tiếp tục cam kết với công việc ở đây. Rất tức giận vì FA công khai việc này, Eriksson tuyên bố rằng mặc dù đã nhận được đề nghị đó nhưng ông từ chối đàm phán. Động thái này càng làm báo chí sôi lên, các bài viết liên tục giạt tít về chủ đề này. Đến tháng 3 năm 2004, tình hình càng trở nên trầm trọng hơn. Trong khi báo chí liên tục đưa tin rằng vị huấn luyện viên đội tuyển quốc gia sắp đi đến hội kết thì Chelsea lại từ chối đưa ra bất kỳ tuyên bố rõ ràng nào để bảo vệ ông. Trong hoàn cảnh đó, Ranieri chẳng khác nào một “xác chết đi sống”. Người ta kể lại rằng Ranieri đã dần dựa nước mắt tâm sự với các cầu thủ rằng ông chấp nhận ra đi vào cuối mùa giải này. Ông

thậm chí còn yêu cầu họ không cần phải bận tâm đến việc phát biểu bảo vệ ông trước công chúng. Các diễn biến này dẫn đến một màn trình diễn đặc biệt của khán giả nhà khi Chelsea chơi trận đầu tiên trước Arsenal trong vòng tứ kết cúp C1 ngày 24 tháng 3 năm 2004. Họ liên tục hò reo: “Chỉ Ranieri thôi.” Một số người hâm mộ thậm chí còn mang theo các biểu ngữ có thông điệp ủng hộ Ranieri và giơ lên trong suốt trận đấu. Cảnh tượng này đã được các camera truyền hình ghi lại và đưa lên trang nhất các báo ngày hôm sau. Tờ Evening Standard rất có uy tín của London cũng hòa vào không khí sôi động đó bằng việc phát động một chiến dịch “Hãy giữ Ranieri lại cho London”.

Bỗng nhiên Abramovich, người vẫn được tôn thờ là vị cứu tinh của Chelsea, lại có nguy cơ phải chịu trách nhiệm cho vụ việc này. Nhà tỷ phú từng xây dựng sự nghiệp bằng tài năng xuất sắc trong cái mà Berezovsky gọi là “quan hệ giữa các cá nhân” đến nay dường như lại đánh mất sự nhạy bén của mình. Người ta nói rằng Abramovich đã mất niềm tin ở Ranieri vì những gì mà ông coi là “sự trung thành” của Ranieri với một lối đá tiêu cực và rõ ràng thiếu khả năng xây dựng một đội bóng ổn định.

Trên thực tế, tuyến phòng vệ của Chelsea đúng là nhân tố chính đem lại thành công. Họ đã cố gắng giữ sạch lưới ở mức cao nhất trong Giải Ngoại hạng. Thậm chí, trong những cuộc quyết đấu với Arsenal, khi mà đối thủ này đang trong thời điểm thăng hoa nhất, họ vẫn không để thua một bàn nào trong các trận đấu trên sân khách trong khuôn khổ Cúp C1. Tuy nhiên, kỷ lục ghi bàn của Chelsea lại ít ấn tượng hơn. Và không giống như Wenger của Arsenal, người đã tạo dựng một đội bóng cơ bản giữ vững đội hình trong suốt nhiều tuần liền, Ranieri đôi khi khiến người ta có ấn tượng rằng sự thay đổi đội hình liên tục cho thấy chính ông cũng không chắc chắn rằng đội hình nào của ông là tốt nhất.

Sau trận hòa 1-1 với Arsenal, Ranieri đưa ra một lời phát biểu hết sức ngoại giao, y như một chính khách thực thụ vậy: “Tôi rất vui khi nhận được sự ủng hộ (của các người hâm mộ), nhưng tôi mong muốn họ chỉ ủng hộ cho Chelsea và các cầu thủ mà thôi. Các vị chủ tịch thay đổi, các huấn luyện viên thay đổi, nhưng Chelsea vẫn còn đó.” Vậy nhưng ông vẫn không thể kiềm chế việc cài thêm lời chỉ trích ông chủ của mình: “Chúng tôi đứng thứ hai trong giải, xếp sau một đội bóng tuyệt vời như Arsenal và chúng tôi bước vào vòng tứ kết của Cúp C1. Các ngài còn muốn gì nữa?”

Câu trả lời của Abramovich lúc đó có lẽ là “đồ bạc bẽo!”. Và dĩ nhiên không có chuyện ngưng tìm người kế nhiệm Ranieri. Ngay ngày hôm sau, chiếc Mercedes do tài xế riêng của Eriksson lái dừng lại bên ngoài Gloucester Park, một khu căn hộ sang trọng ở phía Tây London. Lúc đó là 6 giờ 30 phút chiều và Eriksson có cuộc hẹn với Peter Kenyon, Giám đốc điều hành mới của Chelsea, người sống trên tầng hai. Eriksson tiếp tục ở lại và trò chuyện suốt hai giờ liền trong phòng kín với Kenyon và Stuart Higgins, cựu biên tập viên tờ The Sun, cố vấn quan hệ công chúng của Chelsea.

Có lẽ hai bên thu xếp cuộc gặp tại địa điểm này là vì đã tính toán rằng nếu họ chọn Stamford Bridge hoặc một nhà hàng nào đó, thì Eriksson rất có nguy cơ bị phát hiện. Lẽ ra họ phải rút kinh nghiệm từ bài học trước đây của Eriksson ở quảng trường Lowndes. Đến thứ 7, hai ngày sau cuộc gặp vào buổi tối thứ 5 đó, thì họ biết rằng báo chí đã chụp được họ một cách chi tiết nhất có thể. Tờ The Sun đã dành cả trang nhất để đăng bức ảnh Eriksson đang rời căn hộ của Kenyon với dòng tít bên trên viết “Sven lén lút” và phụ đề bên dưới viết “11 tuần trước Euro 2004..., chúng ta bắt gặp ông ấy đang đi ra khỏi nhà của ông chủ Chelsea sau một cuộc nói chuyện hai giờ liền.” Trang bên trong, tờ báo đăng một bức ảnh chụp Eriksson, Kenyon và Higgins qua bức rèm trong suốt của căn hộ khu

Gloucester Park đó. Tờ báo khẳng định rằng Chelsea đang đề nghị vị huấn luyện viên người Anh này một hợp đồng 5 năm với giá 100 nghìn bảng mỗi tuần, cộng thêm một triệu bảng tiền thưởng nếu Chelsea vô địch Giải Ngoại hạng và hai triệu bảng nếu giành Cúp C1. Gói đề xuất này, với 5,2 triệu bảng lương căn bản mỗi năm, cao hơn hẳn mức lương 3 triệu bản một năm mà FA đang trả cho Eriksson lúc đó.

Hình ảnh Eriksson như một kẻ cơ hội quý quyết, không quan tâm tới lợi ích của ai khác ngoài trừ của chính mình còn được nhấn mạnh thêm trong một bức ảnh khác in cùng trang đó. Bức ảnh này được chụp đêm hôm trước, khi ông và người tình Nancy Dell'Olio đang ngồi sau xe hơi để ăn tối với vợ chồng David Davies, Giám đốc Điều hành của FA. Rõ ràng là bài báo có ngụ ý rằng Eriksson đúng là loại người “kiểu gì cũng chơi được”.

Theo sau bản tin sô t dẻo của tờ The Sun, ngay lập tức tất cả các tờ báo khác và các phương tiện truyền thông đều đưa đăng tin bài về sự kiện này, chẳng mấy chốc biến sự kiện trở thành một thảm họa về quan hệ công chúng cho cả hai bên. Câu lạc bộ Chelsea, vốn đã mang tiếng là chơi không đẹp với Ranieri, nay lại càng xấu mặt hơn khi họ bị cáo buộc là đã làm cho huấn luyện viên đội tuyển quốc gia sao nhãng công việc trong giai đoạn quan trọng chuẩn bị cho Giải vô địch các quốc gia châu Âu sắp tới. Còn Eriksson thì bị mô tả là tham lam và không trung thành. Huấn luyện viên người Anh này đã vượt qua được cơn bão truyền thông đổ dồn vào ông sau sự kiện được coi là “cuộc họp bí mật” ở quảng trường Lowndes, nhưng lần này, rõ ràng là ông cần phải có biện pháp mạnh hơn để đối mặt với giới truyền thông. Nếu không cam kết tiếp tục ở lại, ông sẽ làm mất hết nhuệ khí của đội tuyển Anh trong giai đoạn chuẩn bị cho giải đấu châu Âu và càng không xứng đáng thay thế vị trí của Ranieri.

Nếu Chelsea hy vọng rằng việc để lộ các cuộc đàm phán của họ với Eriksson sẽ khiến ông phải đi đến quyết định về gói thỏa thuận mà họ đề xuất thì họ đã đúng. Chỉ có điều quyết định của ông lại đi ngược với mong muốn của họ. Do lo ngại rằng uy tín trong con mắt của công chúng sẽ bị ảnh hưởng một cách không thể cứu vãn được nếu không tái khẳng định cam kết ở lại với đội tuyển Anh trong một thời điểm nhạy cảm như thế, Eriksson ngay lập tức chấp nhận yêu cầu đàm phán của FA. Eriksson và Giám đốc điều hành của FA khi đó là Mark Palios, đã có cuộc trao đổi rất khuya hôm thứ 7, ngày 27 tháng 3, và khi tổ chức họp báo lúc 11 giờ sáng hôm Chủ Nhật, họ tuyên bố rằng huấn luyện viên Eriksson đã ký một hợp đồng mới, cam kết ở lại với công việc của đội tuyển Anh cho đến năm 2008 với mức lương tăng lên đến 4 triệu bảng mỗi năm. Eriksson cũng cam đoan với báo chí rằng hiện “không có cơ hội nào” cho ông đến với Chelsea.

Abramovich càng khó khăn hơn khi một ngày trước đó, vị huấn luyện viên mà Abramovich và Kenyon từng nhận định là tiêu cực và thiếu quyết đoán đã thiết kế được một trận thắng giòn rỗng. Trong tiếng hô vang dội của đám đông: “Chúng tôi không muốn Eriksson”, Chelsea đánh bại Wolves với tỷ số 5-2 trong những pha đá bóng vô cùng sôi động, nhất là sau khi Ranieri thực hiện một pha thay người đầy sáng tạo. Ông đưa vào sân một cầu thủ ruột của mình trước đây là Jimmy Floyd Hasselbaink, người mà ông mua từ Leeds United khi đang làm huấn luyện viên đội Atletico Madrid trong một thời gian ngắn ngủi năm 1999. 30 phút đã trôi qua khi cầu thủ Hà Lan này vào sân và Chelsea đang thua 1-2, nhưng chỉ trong 20 phút sau đó, anh đã kỷ niệm sinh nhật lần thứ 32 của mình bằng một cú hat-trick. Từ chỗ ngờ vực, Abramovich nhảy lên vui sướng.

Tuy nhiên, khi trận đấu kết thúc, Ranieri vẫn chẳng thể nào có tâm trạng để ăn mừng hơn hở cả. Ông cũng như tất cả các cầu thủ đều không xuất hiện tại cuộc họp báo truyền thông sau trận đấu và lần này, truyền thông không đổ lỗi cho ông. Một phóng viên bình luận: “Trong tám tháng qua, ông đã lãnh đạo Chelsea bất chấp những nghi ngờ rằng vị trí của ông có thể bị phế truất bất cứ lúc nào. Ông không bao giờ né tránh bất cứ vấn đề khó khăn nào. Đức hạnh âm thầm của ông, sự trung thành bên bỉ của ông với các cầu thủ đã khiến cả đất nước này ngưỡng mộ.”

Trong khi Ranieri đang ngày càng được sùng bái, thì Peter Kenyon, người-phá-quá y chính (theo ngôn ngữ của làng túc cầu), lại đang gặp một cơn ác mộng. Ông chuyển đến Chelsea trong tuần đầu tháng 2 năm 2004, sau 6 tháng nghỉ phép hưởng lương của Manchester United. Khi Kenyon tạo dáng chụp hình ở Stamford Bridge, mím cười để quay phim, dang rộng cánh tay ôm bức tường Khán đài Đông tráng lệ, ông có dáng vẻ của một người đang thích thú chờ đợi mọi thách thức ở phía trước. Và ngay từ đầu ông đã thể hiện rõ rằng ông không có ý định chạy theo cảm xúc của bất kỳ ai khác.

Ken Bates cảm thấy không vui khi Bruce Buck, vị chủ tịch mới của tổ hợp Chelsea Village, bỏ nội dung truyền thông của ông trong chương trình khai mạc trận đấu trước Charlton Athletic để Peter Kenyon, vị giám đốc điều hành mới, có thể giới thiệu và làm quen với người hâm mộ. Đây có thể coi là một hình thức làm nhục không hề giá trị gì đối với Bates, người được trao danh hiệu Chủ tịch danh dự Chelsea sau khi Abramovich tiếp quản câu lạc bộ này. Vì vậy, như nhiều người dự đoán, Bates đã phản ứng rất mạnh. “Không gì có thể giải thích cho trò chơi này. Không thể có lời giải thích nào hết”, hình như ông đã nói với Buck như vậy. Sự bất hòa giữa Bates và ban lãnh đạo mới càng tăng lên khi ông quyết định không bay tới Đức để theo dõi trận đấu của Chelsea với Stuttgart

trong khuôn khổ Cúp C1 cuối tháng 2. Đây là lần thứ hai hiêm hoi Bates bỏ qua một trận bóng trên đấu trường châu Âu trong hơn hai thập kỷ gần bó với Chelsea. Và chắc chắn, đây là đấu hiệu cho thấ y mối quan hệ giữa ông và chủ nhân mới của Câu lạc bộ đã xấ u đi.

Bates cũng rấ t tức giận khi ban lãnh đạo mới xâm phạm đế n các di sản của ông như gỡ bỏ các khẩu hiệu động viên cầu thủ mà ông đã cho treo lên các bức tường xung quanh văn phòng. Một khẩu hiệu ở khu vực lễ tân viết: “Người của Roman không xây dựng một đế chế lớn bằng cách tổ chức các cuộc họp, họ giành được điề u đó bằng cách loại bỏ bất kỳ ai cản đường họ.” Các nhân viên của Abramovich đã hạ các khẩu hiệu này xuống, cho dù họ hiểu rấ t rõ ý nghĩa những lời khích lệ tinh thần đó.

Giọt nước đã làm tràn ly, Bates quyết định ra đi trong vinh dự chứ không chịu tui phạt. Thời điểm ông chọn để tuyên bố ý định từ chức đây xúc động là trong bữa tiệc cuối cùng ông tham gia với tư cách Chủ tịch Câu lạc bộ. Phát biểu trước 260 bạn bè, ủng hộ viên và các phóng viên ở Stamford Bridge, ông chia sẻ:

Khi tôi ký hợp đờ ng với Roman Abramovich, có một số điề u khoản đã được thỏa thuận. Mặc dù tôi đã tiên lượng rằng sẽ những bước chuyển đổi theo từng giai đoạn nhưng mọi thứ đã không diễn ra theo cách mà tôi mong đợi. Không muố n đổ lỗi cho ai cả, tôi cho rằng đây là sự xung đột giữa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây. Các giá trị của họ không phải là giá trị của tôi. Các tiêu chuẩn của họ không phải là tiêu chuẩn của tôi. Vì lợi ích cao nhấ t của Câu lạc bộ, tốt hơn là Peter Kenyon nên điề u hành Câu lạc bộ theo cách của ông ấy mà không có tôi đứng bên lề.

Một trong những vấ n đề của câu lạc bộ Manchester United là Matt Busby không chịu nghỉ hưu. Tôi đã được họ nhắ c nhở về điề u

này và tôi cảm thấy hợp đồng mà tôi ký kết hồi tháng 7 đã không được tôn trọng. Tôi nay, tôi xin từ chức Chủ tịch Câu lạc bộ Bóng đá Chelsea. Tôi đã hy vọng rằng Bruce Buck, người đặt hai chỗ trong bữa tiệc hôm nay, có mặt ở đây để tôi có thể trao cho ông ấy đơn từ chức của mình. Không may là ông ấy đã không đến.

Bates nói thêm, về kịch nghệ: “Hoàng thượng cuối cùng đã đã nghỉ hưu. Tôi chúc tất cả các bạn mọi điều tốt lành. Đó luôn là điều tốt đẹp nhất.” Đó là cách thể hiện quen thuộc của Bates: thích tranh cãi, thẳng tuột và nóng nảy. Người ta cũng sớm thấy rằng ông không ra đi với hai bàn tay trắng. Theo các điều khoản hợp đồng mà Chelsea đưa Bates trở thành Chủ tịch của Câu lạc bộ, ông được hứa hẹn các khoản công tác phí lên đến 200 nghìn bảng mỗi năm, trong đó bao gồm việc thuê một chiếc Bentley và một lái xe đi cùng. Vì vậy, ông quyết định kiện Câu lạc bộ, đòi bồi thường hai triệu bảng. Phe của Abramovich ngay lập tức tuyên bố rằng yêu sách của Bates là “rất không hợp lý”. John Mann nói: “Ngài Abramovich không trực tiếp tham gia các cuộc đàm phán về hợp đồng. Trên thực tế, ông chỉ có một cuộc ‘gặp gỡ làm quen’ với Ken Bates trước khi các điều khoản được ký kết. Và trong cuộc gặp đó, họ cũng không thảo luận gì tới các nội dung của hợp đồng cả.”

Có một vấn đề rất khó xử là khi đó Bates và Susannah, người vợ thứ hai của ông, vẫn đang sống trong căn hộ tầng mái của Khách sạn Chelsea Village ở khu vực trung tâm khu liên hợp Stamford Bridge. Bates tỏ quyết tâm là sẽ ở lại, tiếp tục ám ảnh Câu lạc bộ giống như hồn ma Banquo luôn ám ảnh Macbeth. Khi được hỏi về giá mà Abramovich sẽ phải trả để ông rời đi, Bates trả lời: “Một nửa Siberia.” Do Abramovich đang muốn dỡ bỏ khách sạn này để mở rộng sức chứa của sân, nên Bates có thể mặc cả rất lớn. Người ta nói rằng Trevor Birch, do hiểu rõ khả năng gây rắc rối của Bates nên đã thương lượng một cách rất linh hoạt về giá mà Bates phải trả cho

số cổ phiếu ở câu lạc bộ Chelsea. Thế nhưng cách tiếp cận không nhân nhượng của Peter Kenyon – người kế nhiệm ông – đã khiến Bates bị gạt ra rìa và bây giờ thì Abramovich phải đối mặt với hậu quả.

Người tiếp theo được Kenyon đưa vào tầm ngắm là huấn luyện viên trưởng của Chelsea. Trong những lời bình luận của Bates tại bữa tiệc của Chủ tịch trước khi ra đi, hình như có gì đó liên quan đến Ranieri. Ông nói: “Roman Abramovich đã mua cửa hàng đồ chơi đồ. Chúng ta hãy hy vọng ông ấy sẽ tôn trọng những món đồ chơi mà ông ấy đã mua.” Bates rất kính trọng vị huấn luyện viên người Ý của mình. Dưới thời kỳ cầm quyền của Bates, Ranieri được ký một hợp đồng mới kéo dài đến tận năm 2007. Tuy nhiên, khi Bates từ chức, Kenyon đã để mắt đến Ranieri. Sau khi các ông chủ chỉ tiêu sắm sửa lu bù cho các cầu thủ mới, Ranieri đã nhận mạnh rằng không gì có thể đảm bảo rằng loạt ngôi sao mới đến sẽ giúp Chelsea giành chức vô địch hay giải bạc nào đó ở Giải Ngoại Hạng. Trong khi đó, Kenyon lại có cái nhìn khác. Trong cuộc trả lời phỏng vấn đầu tiên sau khi đảm nhiệm công việc ở Stamford Bridge, Kenyon cho biết:

Nếu bạn gạt vãn đề đầu tư sang một bên thì việc câu lạc bộ không gạt hái được gì sẽ chỉ là một nỗi thất vọng lớn. Tôi chắc chắn rằng người hâm mộ sẽ đồng ý với điều này. Tuy nhiên, nếu bạn tính đến cả vãn đề đầu tư, thì việc không đạt thành tích nào sẽ còn là một sự mất mát lớn về tài chính. Đó là cách mà huấn luyện viên trưởng của đội bóng cần nhận thức và là cách mà chúng tôi nhìn nhận bởi vì chúng tôi mong muốn chiến thắng. Chiến thắng là tất cả những gì chúng tôi cần.

Rõ ràng đó là bước đi đầu tiên trong một chiến dịch tinh vi nhằm tạo dựng hình ảnh Ranieri là một người không đáp ứng yêu cầu công việc. Bates thuê Ranieri bởi ông rất ấn tượng về thời kỳ

Ranieri huấn luyện các câu lạc bộ tương đối kém cỏi trở thành những đội bóng có khả năng cạnh tranh với một số tên tuổi háp dẫn nhất làng bóng đá châu Âu. Thế nhưng, Abramovich lại muốn có một huấn luyện viên có thành tích khi dẫn dắt những đội bóng siêu đẳng của lục địa này. Vì vậy, từ khi Abramovich tiếp quản Câu lạc bộ thì vận mệnh của Ranieri không phải là có ra đi hay không mà là ra đi lúc nào.

Tuy nhiên, Kenyon gặp rắc rối bởi vì sau một thời gian nỗ lực thuyết phục một cách bền bỉ chưa từng có, ông đã không thể thu hút được Eriksson. Mặc dù Kenyon từng rất thành công trong việc điểu hành Manchester United nhưng ông đã thất bại với thương vụ Eriksson – điểu Jarvis Astaire đã tiên lượng trước khi chuỗi sự kiện liên quan đến Eriksson đi đến hồi kết thiếu may mắn cho Chelsea: “Roll Royces (ám chỉ Manchester United) thì rất dễ lái”. Nhưng ở Chelsea, Kenyon phải ngồi sau tay lái của một động cơ thất thường hơn nhiều.

Thật không dễ gì đánh giá được tác động của sự thất bại này đối với vị thế của Kenyon trong con mắt Abramovich. Việc điểu xuất kéo Eriksson về Chelsea chính là một trong những yếu tố dẫn đến sự bổ nhiệm dành cho Kenyon. Người ta tin rằng Kenyon đã thu xếp cho Eriksson thay thế Sir Alex Ferguson ở Manchester United, câu lạc bộ cũ của ông, trước khi vị huấn luyện viên từ Scotland này thay đổi ý định và quyết định ở lại.

Có vẻ như Abramovich cho rằng nếu Kenyon đã thuyết phục được Eriksson một lần, thì ông có thể làm điểu đó một lần nữa. Đến tháng 9 năm 2003, Kenyon đã tin tưởng rằng Eriksson sẽ điểu quân cho Chelsea sau khi giải vô địch bóng đá châu Âu ở Bồ Đào Nha kết thúc, kịp thời để đưa đội bóng bước vào mùa giải mới. Tuy nhiên, mặc dù Eriksson đã đưa ra những cam kết cá nhân với Câu lạc bộ, nhưng ông này kiên quyết không ký vào đường chấm

nốt bỏ trống vì ngày càng lo lắng về phản ứng của người hâm mộ nếu ông từ bỏ đội tuyển Anh. Vấn đề cần đặt ra lúc này là: việc lộ cuộc gặp trong căn hộ của Kenyon là một sự ngẫu nhiên hay là một phần của một âm mưu nào đó?

Giả thuyết về sự ngẫu nhiên là thế này: Một nhân viên của tòa nhà dịch vụ 11 tầng đó, một cư dân, hoặc một người ngang đường nào đó chợt nhận ra vị huấn luyện viên người Anh đang bước vào tòa nhà và hiểu rằng ông ta ở đó chỉ có thể vì một điều duy nhất. Thế là người này gọi cho tờ The Sun và kể lại câu chuyện. Minh chứng cho giả thuyết này được thể hiện trong một bài viết mà tờ The Sun đăng tải sau đó. Bài báo này trích một nguồn tin không nêu tên nói rằng có người đã bắt gặp Eriksson ở tòa nhà này đầu tháng đó. “Nguồn tin” này nói thêm: “Có một vài người hâm mộ Chelsea trong số các nhân viên ở đây cũng nhìn thấy Sven đến thăm Ngài Kenyon khiến mọi người bàn tán.” Do cuộc gặp kéo dài đến hai giờ đồng hồ, Scott Hornby, nhiếp ảnh gia của tờ báo này, có đủ thời gian để đến Gloucester Park và chụp được cảnh hai người này đang âm mưu điều gì đó.

Điểm yếu của giả thuyết này nằm ở chỗ nó không thể giải thích được bằng cách nào mà tờ The Sun có thể biết được nhiều chi tiết như thế về các lợi ích mà Eriksson được “chào” nếu chúng ta cứ coi rằng người cung cấp những thông tin đó đáng tin cậy.

Giả thuyết về âm mưu thì còn phức tạp hơn nữa: Kenyon và Higgins, do tức giận vì sự thiếu quyết đoán của Eriksson, đã ngấm ngầm âm mưu buộc ông này phải đi đến quyết định. Higgins thông báo cho bạn bè cũ ở The Sun để có thể đảm bảo rằng cuộc gặp sẽ được đưa lên trang nhất và thế là vị huấn luyện viên người Anh này không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận thỏa thuận. Đổi lại, The Sun đồng ý dẫn một nguồn tin khác và chỉ đăng các bức ảnh chụp khi Eriksson đang rời đi, bởi vì chụp ảnh ông khi

đang đến sẽ khiến người đọc hiểu rằng The Sun đã được thông báo trước. Vậy nhưng, người phụ trách PR Higgins luôn khẳng định là “không ai cố tình tạo dựng bức ảnh đó cả”.

Khi Eriksson không còn là một sự lựa chọn nữa, Kenyon rơi vào tình cảnh khổ nhục, phải bắt đầu lại tiến trình tuyển huấn luyện viên trưởng. Và lần này, mọi ứng cử viên mà ông tiếp cận đều hiểu rằng họ là sự lựa chọn thứ hai (hoặc thứ ba, thứ tư, thứ năm...) và biết chính xác là Chelsea có thể trả được bao nhiêu. Về việc này, một ngày sau khi Eriksson ký hợp đồng mới với FA, một bình luận viên đã nhận định rất xác đáng: “Tâm can Kenyon, người đã thuê một cựu biên tập viên của tờ The Sun làm cố vấn báo chí, lúc này trông còn rõ hơn cả một bức ảnh chân dung ở trang 3 vậy.”

Chương 13. Nơi cuộc sống thanh thoi

Ngày 9 tháng 9 năm 1999, tài sản lớn nhất được quảng cáo trên các trang báo của tờ tạp chí Country Life là “một điền trang lớn với những tiện nghi tuyệt vời nơi miền quê đầy cây cối xanh tươi.” Cả hai trang báo liền mặt in hình ảnh các cánh rừng, các khu đồng ruộng, một vài gian nhà phụ, một khu vườn lộng lẫy và một hồ nước sáng lấp lánh. Các nhân viên của hãng bất động sản Knight Frank không cho biết chi tiết về tên và giá của khu điền trang đó. Tuy nhiên, do số tài sản có tầm cỡ như thế thường rất hiếm gặp nên chẳng mấy chốc giới giàu có thích khoe của đã biết đó là Fyning Hill, một lâu đài cổ được xây dựng theo kiểu vương triều Tudor từ những năm 1920 ở West Sussex. Người rao bán nó là ông trùm truyền thông, tỷ phú Australia 61 tuổi Kerry Packer, người vô cùng đam mê môn mã cầu và nổi tiếng về những nỗ lực gây tranh cãi nhằm thành lập một giải cricket quốc tế. Với gia sản khoảng 3,7 tỷ đô-la, vị tỷ phú này hoàn toàn có khả năng mua thật nhiều các tài năng môn mã cầu, tương tự như việc Abramovich mua các ngôi sao bóng đá, và đội Ellerston White của ông đã thống trị môn mã cầu Anh trong suốt một thập kỷ. Thế nhưng, khi thiên niên kỷ mới sắp đến, ông đã quyết định trở lại Australia và đem bán căn nhà thôn quê ở Anh với giá 12 triệu bảng.

Fyning Hill nằm ngay rìa làng Rogate ở khu vực biên giới giữa Hampshire và West Sussex. Bao quanh là những hàng rào và những rặng cây, khu điền trang này một thời từng là nơi ở bí mật của Hussein – đức vua quá cố của Jordan nhưng đã được bán đi trong thập kỷ 1990 sau khi một vụ trộm đồ trang sức trị giá 1 triệu bảng trong ngôi nhà này đã vô tình thu hút sự chú ý của báo chí.

Tuy nhiên, đố i với Abramovich, đây đúng là một địa điểm hẻo lánh mà ông đang tìm kiế m. Do có diện tích lớn như vậy, với chiề u dài và chiề u rộng khoảng chừng một dặm và hai phầ n ba dặm, người đi đường không thể nhìn thấ y phía trong khu điề n trang. Với công chính được gắ n camera giám sát và một đường băng cho trực thăng, ông có thể đi và về mà không phải gặp ai cả và cũng không phải lo bị các băng đảng giang hồ ́ phục kích trên các con đường làng xa xôi. Khu điề n trang cũng có nhiề u không gian để tiế p đấ i khách khứa. Fyning Hill, không phải chỉ là một ngôi nhà có vườn tược xung quanh, mà thực ra là một tổ hợp gồ m ba khu điề n trang nhỏ, mỗi khu đê u có tòa nhà chính và các gian phụ. Ngoài ra, nơi này còn có hai sân thi đấ u polo tồ t nhấ t nước Anh, một khu nuôi ngựa có thể nuôi dưỡng hàng trăm con, một bể bơi, một trường bắ n bia di động, một trường bắ n súng trường, một hồ ́ nuôi cá hồ i và một đường xe điệ n. Với một tỷ phú có lố i số ́ ng ẩn dật, thích có bạn bè thân thiế t quanh mình, thì đây đúng là một nơi lý tưởng.

Tuy nhiên, trước khi giao dịch, Abramovich yêu câ u xác nhận rằ ng ông sẽ được phép sửa chữa tùy ý. Nhờ vậy, tháng 2 năm 2000, một công ty có tên là Conpress (Hong Kong) Ltd, từng được Parker thuê trước kia, gửi đê ́ nghị lên Hội đò ng hạt Chichester xin được tái sử dụng giấ y phép (chưa được sử dụng) năm 1995 để mở rộng thêm phòng ngủ ở tâ ng một bên cạnh khu nhà để xe và nơi ở của nhân viên lúc đó. Với kế ́ hoạch này, Abramovich và vợ sẽ có thêm hai phòng ngủ lớn và một hành lang liề n kê ́, hai phòng tắ m, hai phòng thay đò ́ và hai tủ quầ n áo lớn có chiề u cao lớn hơn cả đầ u người.

Khi đê ́ nghị này được thông qua, Abramovich mới chính thức thực hiện thương vụ mua bán này. Knight Frank chưa bao giờ tiế t lộ giá mua Fyning Hill của Abramovich nhưng khẳng định rằ ng khu điề n trang được mua “trong nửa đầ u năm 2000”. Trong vòng 18

tháng, Abramovich đã cho tiến hành sang sửa lại nơi này. Tháng 11 năm 2001, ông xin phép Hội đồng Hạt cho coi nơi thêm một khu điểm tâm trong vườn và thu hẹp nơi ở của nhân viên. Abramovich thuê tư vấn từ Douglas Briggs Partnership, một công ty kiến trúc địa phương chuyên về bảo tồn các công trình lịch sử và sử dụng đất nông thôn. Tên công ty xin giấy phép cho các hoạt động kiểu này là Rosle Estates Ltd, một công ty đăng ký ở Virgin Islands thuộc Anh năm dưới sự quản lý của Eugen Tenenbaum, người phụ trách tài chính của tập đoàn Sibneft.

Abramovich còn ấp ủ một tham vọng lớn hơn là xây dựng một khu phức hợp giải trí tư nhân tương tự như một siêu thị vùng ngoại ô. Với chiều rộng 50m và chiều dài 150m, khu giải trí này bao gồm một sân chơi bowling, một bể bơi trong nhà, một phòng tập thể dục, một phòng sinh hoạt gia đình, một phòng xông hơi khô, một phòng xông hơi ướt, một vườn cây và một khu bể bơi. Không có gì ngạc nhiên khi khu nhà khổng lồ trị giá 2,5 triệu bảng đó không lâu sau được gọi là “Đế chế Roman”. Tháng 7 năm 2002, quy hoạch có thay đổi đôi chút: một đài phun nước nóng được xây dựng thêm ở bên trong, những bức màn thường xuyên được treo quanh bể bơi trong nhà để tránh ánh sáng chói ban ngày và ánh sáng nhân tạo quá nhiều vào ban đêm, và mái nhà thì được nâng cao lên một chút để tạo khoảng cách an toàn khi trượt nước.

Khi công trình đang được xây dựng, Abramovich bắt đầu có mâu thuẫn với láng giềng. Nguyên nhân là do một dự án xây dựng với quy mô lớn như thế thường xuyên phải vận chuyển một khối lượng lớn nguyên vật liệu. Thế là, hàng ngày từng đoàn xe tải rầm rầm chạy qua một ngôi làng vốn luôn yên tĩnh đã làm cho dân làng bức bối và kêu ca với báo chí. Một cư dân địa phương giận dữ nói: “Ông ấy chẳng làm gì cho chúng tôi hay cho ngôi làng cả, ngoại trừ

việc bắt chúng tôi phải chịu đựng hết cái xe tải này lại đến cái xe tải khác.”

Thực tế thì có thể gọi Abramovich là một lãnh chúa khá xa cách. Packer có thể đến uống ở một tiệm rượu địa phương như White Horse hay Sun chẳng hạn, và tỏ ra quan tâm tới cộng đồng địa phương bằng việc đem cỏ được nhập từ Australia đến để trải lại thảm cỏ cho sân bóng địa phương. Nếu so sánh với Packer, Abramovich thực sự là một ẩn sĩ. Ông thuê đến 28 nhân viên làm việc trong khu điền trang, trong đó có bốn phi công làm việc toàn thời gian để duy trì trạng thái sẵn sàng cất cánh bất cứ lúc nào của hai chiếc trực thăng. Thế nhưng, có rất ít tin tức về cuộc sống trong ngôi nhà lớn đó được hé lộ ra với dân làng. Một người dân địa phương nói: “Bạn phải ký kết một bản cam đoan giữ bí mật để được làm việc tại đó”. Lẽ thường khi người ta biết rằng một tỷ phú mới đã đến, thậm chí còn giàu hơn người trước rất nhiều, thì các đoàn thể trong làng bắt đầu tìm cách lấy lòng ông để tìm kiếm những cơ hội được hưởng lợi. Và có lẽ câu lạc bộ bóng đá Rorate FC là tổ chức đã tưởng tượng ra nhiều cơ hội nhất. Tuy nhiên, Rorate FC không phải là Chelsea: các trận đấu sân nhà thường diễn ra trước khoảng chục người hâm mộ trung thành ngay sau tiệm White Horse, trên một sân bóng không có nổi một chiếc ghế băng chứ chưa nói gì đến một khán đài. Và sau mỗi trận đấu, trước đội Chichester Hospital chẳng hạn, thì Rorate và khách của họ lại đến giải trí ở tiệm rượu của câu lạc bộ, một nhà hàng có diện tích chỉ bằng một phòng khách ở ngoại ô. Tình trạng nghèo khó của Rorate FC có vẻ càng trở nên cay đắng hơn khi mà cư dân giàu có nhất ngôi làng lại hào phóng chi hàng triệu bảng cho Chelsea. Không lâu sau, đài phát thanh địa phương đã đưa tin về tình huống trở trêu đó. Thế nhưng, người ta sớm nhận thấy rằng Abramovich sẽ không bị bó buộc đến mức phải mở ngay hậu bao của mình. Sự trao đổi thông tin giữa Câu lạc bộ và đài phát thanh địa phương đã chấm dứt sau tiết

lộ của một tài xế taxi trong làng. Anh này đã đến Heathrow để đón người quản gia của Abramovich đến làm việc, và bà này đã cho anh biết rằng nếu các quan chức của Rogate FC tiếp tục kêu ca thì sẽ chẳng được gì cả, còn nếu họ im lặng thì may ra còn có thể nhận được gì đó.

Cũng có tin đồn rằng Abramovich đang lên kế hoạch đóng góp cho việc sửa chữa nhà thờ địa phương. Tuy nhiên, Cha Edward Doyle, mục sư nhà thờ Thánh Bartholomew ở Rogate, đã dập tắt đồn đại này:

Không, tôi phải thú thật là tôi đã không có vinh dự được gặp cư dân nổi tiếng đó của chúng ta, và tôi cũng không biết có ai trong làng có được cơ hội đó hay không. Chúng tôi đã gửi cho ông ấy một văn bản giới thiệu về trường tiểu học của chúng tôi phòng trường hợp ông ấy muốn gửi con cái tới đó, nhưng chúng tôi không nhận được câu trả lời nào. Tôi không nghĩ rằng ngôi trường làng đủ cao quý với một nhân vật quan trọng như ông ấy. Rõ ràng là chúng tôi mong muốn ông ấy ủng hộ cho Nhà thờ, vì thế tôi đã gọi đến đó. Tôi có quen biết hai, ba người làm việc trong điền trang đó nhưng họ từ chối trở thành người trung gian cung cấp thông tin. Tôi nghĩ họ sợ mất việc làm nếu họ làm như vậy. Mọi thứ ở Fyning Hill đều rất bí mật.

Abramovich có lẽ đã quyết định không giúp đỡ đội bóng đá địa phương, nhưng môn thể thao mà ông đóng góp lại là môn mã cưỡi, một môn thể thao sang trọng hơn bóng đá nhiều. Bởi Abramovich đã mua một khu điền trang với các sân mã cưỡi hiện đại được người chủ cũ Packer, một người đam mê cuồng nhiệt bộ môn thể nào này, kỳ công chăm sóc, nên sẽ là vô cùng lãng phí nếu ông không sử dụng chúng. Khu nhà này cũng chỉ cách Cowdray, trung tâm tinh thần của môn mã cưỡi Anh, một vài dặm. Một người trong cuộc nói: “Cowdray Park đúng là nơi để chơi mã cưỡi. Đó là nơi mà các hoàng

thân và các quý tộc sánh vai cùng với các nhân vật quye`n cao chức trọng. Ở đó bạn có thể làm quen và trở nên thân thiế`t với họ. Đó rõ ràng là nơi lý tưởng để Abramovich tiế`p cận họ.”

Abramovich hoàn toàn nhận thức được điề`u này. Nế`u có một môn thể thao nào được cho là sẽ mang lại tá`m hộ chiế`u bước vào xã hội thượng lưu Anh, thì đó là môn mã câ`u. Không chỉ có Thái tử Charles và các con trai là Hoàng tử William và Harry là những câ`u thủ tâm huyế`t, mà danh sách khách mời tại sự kiện Mã câ`u quố`c tế` Cartier International thường niên quả thực giố`ng như một cuộc điếm danh các quý tộc hàng đầ`u của nước Anh và các nhân vật nổi tiế`ng thế` giới. Nhân vật mà Abramovich tiế`p cận để` điề` nghị dạy ông chơi môn thể thao này là Alan Kent, một câ`u thủ mã câ`u Anh tầ`m cỡ quố`c tế` ở Cowdray Park. Kế` hoạch dự kiế`n của ông trùm Nga giàu có này là tập chơi môn mã câ`u để` không còn gặp khó khăn khi chơi “môn thể thao đẳ`ng câ`p cao” này và sau đó mời ba câ`u thủ hàng đầ`u chơi cùng với mình. Các câ`u thủ chuyên nghiệp này bị há`p dẫn không chỉ bởi viễn cảnh được trả công hậu hĩnh cho những gì họ thích làm mà còn vì họ biế`t rằ`ng câ`u thủ kiêm nhà bảo trợ của họ sẽ cho họ quye`n lựa chọn những con ngựa hay nhấ`t và sẽ thanh toán tá`t cả các hóa đơn chăm sóc ngựa.

Tuy nhiên, mọi việc diễn ra không được suôn sẻ như vậy. Vô`n tiế`ng Anh hạn chế của Abramovich đã gây khó khăn cho ông. “Khi ông á`y bắ`t đầ`u nói, người phiên dịch phải đi theo ông khắ`p sân, dịch những gì mà ông á`y và Kent nói với nhau.” Một người trong cuộc giải thích. “Mã câ`u vô`n không phải là môn thể thao dễ chơi, ngay cả khi bạn sở hữu những điề`u kiện thuận lợi nhấ`t, đặc biệt là nế`u bạn còn gặp thêm vấ`n đề` về` ngôn ngữ thì mọi việc càng trở nên khó khăn.” Có lẽ tốt hơn cả là Abramovich chỉ nên gắ`n bó với bóng đá và quầ`n vợt thôi. Người ta đờ`n đại rằ`ng ông muố`n chuyển một trong những sân mã câ`u của mình thành một sân bóng

đá (được gọi là “Abramopitch”, ghép từ tên của ông với từ “pitch” trong tiếng Anh có nghĩa là “sân”). Ngoài ra, năm 2001, một công ty có tên là Sports Surfaces Technologies đã được thuê để xây dựng hai sân quần vợt “Kushion Kourt” thuộc loại tốt nhất ở đây.

Sau khi thiết lập được nơi cư ngụ ở nông thôn, Abramovich bắt đầu tìm kiếm thêm một địa điểm ở trung tâm London. Năm 2001, ông chi 1,2 triệu bảng để mua các sàn tầng hầm và tầng trệt của khu nhà số 39, quảng trường Lowndes ở Knightsbridge. Quảng trường này nằm phía sau đường Sloane, rất tiện khi đi đến khu thương xá hạng sang Harrods. Mặc dù gia đình ông sống chủ yếu ở Moscow và căn hộ ở quảng trường Lowndes quá rộng rãi với nhu cầu của Abramovich, nhưng rồi tình hình nhanh chóng thay đổi. Ông và các ông trùm khác từ lâu đã không hài lòng với tiêu chuẩn giáo dục ở thủ đô của nước Nga và sau khi các cuộc đàm phán về việc thành lập một trường học riêng của họ không đem lại kết quả, ông quyết định sẽ đưa các con đến định cư tại Anh. “Tôi muốn con cái đi học ở Anh,” ông nói vào tháng 8 năm 2003, “tôi thấy hài lòng khi chúng có thể được hưởng nền giáo dục tốt nhất thế giới của đất nước này.”

Và thế là, căn hộ nói trên được rao bán thông qua những người bạn cũ và các đại lý môi giới của hãng bất động sản Knight Frank. Được mô tả là “một căn hộ độc lập có vị trí đẹp ở tầng trệt” với giá 5 triệu bảng, ban đầu căn hộ không thu hút được người mua bất chấp các ưu điểm như là vị trí đẹp như mơ hay “luôn mát mẻ, dễ chịu”. Nội thất trong nhà dù sang trọng nhưng mang vẻ u ám với những dấu hiệu của một người chủ thích sống ẩn dật: trang trí ở mức tối thiểu, đồ đạc chú trọng tiện ích chứ không phải để làm đẹp, sự phối hợp các loại màu buồn tẻ như màu be và màu xám kiểu Liên Xô có điểm thêm những chi tiết màu đỏ tía rất kỳ dị. Một khu tiêng sảnh lớn dẫn vào phòng khách và phòng ăn có những cửa sổ

nhìn ra quảng trường. Trong cùng là một phòng sinh hoạt chung, một phòng làm việc và một bếp ăn với các dụng cụ bằng thép không gỉ, bàn bếp làm bằng đá granit màu đen và một bàn ăn có mặt kính. Đi xuống một dãy cầu thang là các phòng ngủ. Chiếc giường cỡ lớn của Abramovich được đặt ở phòng ngủ chính có cửa dẫn vào một mảnh sân được trang trí bằng các chậu cây tre. Đặc tính lạnh lẽo trong cách bài trí của căn nhà không phải là khía cạnh duy nhất cho ấn tượng rằng nó ít khi được sử dụng. Không có hoa tươi trong các bình, cũng không có quả ngon trong giỏ trái cây. Một người đã quan sát rất kỹ và nhận xét rằng những chiếc lá rơi trên sân từ một trong số ít các chậu cây đã làm mê mẩn không khí khá cằn khô. Tuy nhiên, ngay cả hình ảnh đó cũng mang vẻ tối tăm và u ám. Bức tranh một cô gái trẻ buồn bã ngồi trong một căn phòng trống được treo trong phòng làm việc, và một bức họa lớn đơn màu vẽ hình một chú mèo hoang ngự trị trong phòng ăn. Mọi thứ toát lên vẻ giàu có nhưng không mê n khách. Mạnh mẽ duy nhất khiến người ta phần nào cảm nhận được chủ nhân của căn nhà là hai quả bóng nẹp mình bên lò sưởi của phòng khách.

Khi Abramovich mua căn nhà này, nó vừa mới được một công ty phát triển tài sản có tên là Octagon sửa chữa và tái thiết. Mục đích ông mua căn hộ chủ yếu là để đầu tư nhưng chúng ta đã biết rằng cho đến lúc rao bán nó hầu như không được sử dụng ngoại trừ làm địa điểm cho cuộc gặp mặt làm ăn đầy tai tiếng: cuộc hẹn với huấn luyện viên đội tuyển Anh Sven-Goran Eriksson không lâu sau khi Abramovich tiếp quản Chelsea.

Khi rao bán căn hộ trên quảng trường Lowndes, Abramovich đồng thời bắt đầu tìm một ngôi nhà ở London đủ điều kiện sinh hoạt cho vợ chồng ông cùng năm người con và những người giúp việc. Tháng 10 năm 2003, có thông tin cho biết ông đang tiến hành mua một lâu đài sáu tầng ở Belgravia với giá 28 triệu bảng. Tòa lâu

đài có tên là Hugh House này nằm ngay trên quảng trường Eaton, London, thuộc sở hữu của Lily Safra, vợ góa của một ông chủ ngân hàng giàu có đã qua đời trong một vụ hỏa hoạn tại Monaco năm 1999. Tuy nhiên, thương vụ này không suôn sẻ. Có một nguồn tin cho biết thỏa thuận thất bại vì ngôi nhà thiếu không gian cho gara xe hơi, song một nguồn tin khác lại cho rằng Abramovich lần nữa không mua ngôi nhà này vì còn muốn mua cả căn hộ bên cạnh nữa. Do việc tìm nhà quá rắc rối, tháng 3 năm 2004, Abramovich quyết định không rao bán căn hộ ở quảng trường Lowndes nữa.

Nếu nước Anh là nơi Abramovich mở rộng danh mục đầu tư của các quỹ đầu cơ mà ông nắm giữ thì miền nam nước Pháp lại là nơi ông đến để vui chơi dưới ánh mặt trời. Vì vậy, ông đi lại như con thoi giữa London và Nice trên chiếc máy bay Boeing 737 riêng. Với chiếc máy bay phản lực này, ông có thể đi bất cứ khi nào mà ông muốn, tiện lợi hơn rất nhiều so với việc sử dụng máy bay của các hãng hàng không. Tuy nhiên, đó thực sự là một thú đam mê đắt đỏ. Một chiếc máy bay doanh nhân Boeing 737 có giá 40 triệu bảng và Abramovich vẫn duy trì hai phi hành đoàn, mỗi đoàn gồm có một phi công (lương 120 nghìn bảng một năm), một đồng-phi công và hai chiêu đãi viên. Các nhân viên này làm việc hai tuần và nghỉ hai tuần. (mặc dù tiếng Anh của Abramovich hạn chế, nhưng chiêu đãi viên trưởng của ông là một cô gái hoạt bát thành thạo tiếng Anh, người Ailen hiện sống ở Monaco.) Khi đã lên máy bay, Abramovich có thể lựa chọn hoặc là làm việc hoặc là thư giãn bởi vì trên máy bay có bố trí một văn phòng với một chiếc bàn gỗ gụ “khổng lồ” và một phòng ngủ lớn có gắn gương trên trần nhà. Chiếc máy bay này được mua ngày 21 tháng 10 năm 1999, được đăng ký ở Aruba thuộc quần đảo Antilles (thuộc Hà Lan) với số đăng ký P4-GJC và thuộc sở hữu của một công ty có tên gọi là GKW Aviation. Khi không hoạt động, chiếc máy bay sẽ đậu ở Moscow.

Những lần đến Côte d'Azur, Abramovich nghỉ ngơi tại một ngôi biệt thự gần thị trấn St Tropez, căn nhà mà nhiều người tin là ông đã hỏi mua đầu năm 2003 với giá 40 triệu euro. Tuy nhiên, tình yêu lớn nhất của ông lại dành cho một ngôi biệt thự có lịch sử lâu đời tên là Château de la Croe ở Cap d'Antibes mà ông mua ba năm trước đó. Từng là nơi ở của vợ chồng công tước xứ Windsor, ngôi biệt thự đã trở thành một khung nhà cháy rụi sau một trận hỏa hoạn hồi thập kỷ 1980. Mặc dù ngôi nhà chỉ có giá 15 triệu bảng nhưng người mua cũng cần có thêm từng ấy tiền nữa để sửa chữa lại. Ngay cả trong trạng thái đổ nát thì ngôi biệt thự được sơn trắng ấy vẫn có vẻ ngoài trắng lẹ và bên trong vẫn còn lưu lại dấu vết của di sản hoàng gia một thời.

Cụm đức vua Edward VII và người vợ đã ly dị Wallis Simpson kết hôn ở Pháp năm 1937 và thuê ngôi biệt thự này năm sau đó. Bởi vậy, chắc chắn đây là “ngôi nhà” phù hợp với lối sống xa hoa một cựu hoàng đế. Ngoài mười hai phòng ngủ, một bể bơi, hai phòng tắm và một sân quần vợt, La Croe còn có một phòng ăn với 24 chỗ ngồi, và một phòng khách trải thảm và treo những bức tranh đắt tiền. Nhưng vẻ lộng lẫy nhất của ngôi biệt thự nằm ở một phòng tắm với một bồn tắm hình thiên nga được mạ vàng hai mươi tư carat. Đồ đạc bằng gỗ, bằng bạc, bằng sứ được chính tay Công tước xứ Windsor chọn lựa và chuyển đến từ Anh. Bà công tước nhớ lại trong hồi ký: “Hàng đống các loại thùng, các rổ mây, đồ dùng trong nhà, các rương quần áo, các kiện vải vóc, các thùng đồ bạc” trải đầy trên lối đi và các bãi cỏ rộng vào ngày hai người chuyển đến. Phu nhân công tước trước đây và nhà thiết kế nội thất Lady Mendl của bà không hề tiếc tiền sửa chữa khu biệt thự. Chẳng bao lâu sau, Château đã có thể thách thức cung điện Buckingham về sự nguy nga tráng lệ với những tấm gương lộng lẫy, những bức tượng vàng và trắng, những bức màn vàng, xanh và trắng được trang trí tinh tế khắp các phòng.

Khi Chiến tranh thế giới II bùng nổ, gia đình Windsor bị nghi ngờ là có xu hướng quốc xã. Vì vậy, họ bị buộc phải rời khỏi chiến trường châu Âu. Khi chiến tranh kết thúc, gia đình Windsor trở lại La Croe, nơi họ tiếp tục là những ngôi sao của Riviera cho đến năm 1949. Tuy nhiên, lối sống vô cùng giàu có xa hoa của họ bị ám ảnh bởi sự nhàm chán, do đó cuối cùng hai vợ chồng họ quyết định trở lại Paris, nơi họ vẫn luôn được xã hội thượng lưu nghênh đón.

La Croe bắt đầu trở thành nơi sinh sống của hàng loạt hoàng thân quốc thích, lần lượt là vua Léopold III của Bỉ, cựu hoàng Umberto của Ý và vua Farouk của Ai Cập. Sau đó ông trùm vận tải biển Aristotle Onassis chuyển đến, tiếp theo là Stavros Niarchos, ông anh đồng hao với Aristotle Onassis. Sau khi một trận hỏa hoạn tàn phá khu biệt thự này trong thập kỷ 1980, La Croe được bán cho một công ty nước ngoài nhưng lại tiếp tục bị rao bán vào năm 1998. Căn cứ vào quy mô sửa chữa cần thiết của ngôi biệt thự, người ta cho rằng chỉ có những người đặc biệt giàu có với khả năng nhìn xa trông rộng hơn những thiệt hại do thiên hỏa gây ra mới sẵn lòng mua khu đất này. Và người mua hóa ra là một trong những người giàu có nhất nước Nga, đó là Abramovich. Ông có tiền, và có cả tầm nhìn. Và ông đã cho khôi phục lại danh tiếng hoàng gia của La Croe khi xưa.

Để có nơi ăn ở tại Riviera cho bản thân và gia đình khi công trình đang được xúc tiến, ông mua một biệt thự ở St Tropez. Thế là Abramovich giờ có thêm một điểm mới giống Mohammed al Fayed. Ông chủ tịch của thương hiệu danh tiếng Harrods này cũng sở hữu lâu đài “Villa Windsor” ở Paris (từng một thời thuộc về Công tước xứ Windsor) và một ngôi biệt thự lộng lẫy khác ở St Tropez.

Các doanh nhân Nga gần như đã chiếm hữu toàn bộ quãng đường huyết mạch của Côte d’Azur chạy từ Nice đến Cannes. Đơn cử, người bạn một thuở “mới khởi nghiệp” của Abramovich là Boris

Berezovsky cũng sở hữu Villa Le Clocher, căn biệt thự khiến ông trở thành vị láng giềng đáng ngại của Abramovich ở Cap d'Antibes. Thực tế là có nhiều người Nga đã mua những ngôi biệt thự đắt tiền nhất trong vùng này và những đoàn xe lên đến sáu chiếc limousine đen mà họ sử dụng đã trở thành quang cảnh quen thuộc đối với người dân địa phương. Abramovich có tiếng là người biết tiết chế, khác với nhiều đồng hương của ông.

Người ta chỉ có thể phỏng đoán về những gì mà Abramovich muốn tìm kiếm tại đây. Ông chắc chắn không có những đặc tính của một người thích hưởng lạc. Alexei Venediktov nhận xét về ông thế này: "Tôi biết ông ấy là người có đạo đức. Ông ấy rất quan tâm tới gia đình và từng nói rằng đó là những gì mà ông ấy nâng niu quý trọng bởi không có được trong thời thơ ấu." Lý lẽ giải thích hợp lý nhất cho việc ông yêu thích St Tropez là, đối với một người Nga giàu có, nơi này giống như là một ngôi nhà thân thiết khác, nơi họ có thể nghỉ ngơi, thư giãn một cách thoải mái như trong nhà mình.

Ở xứ này, không chỉ được phép uống rượu và quan hệ thỏa thích, họ còn không ngừng tìm kiếm các mối giao thiệp mới. Chính tại một nhà hàng ở St Tropez, Boris Berezovsky đã giới thiệu Abramovich cho Hầu tước Simon Reading, người đã dọn đường cho ông bước chân vào xã hội thượng lưu, quý tộc của London.

Tuy nhiên, để hiểu thấu đáo về sự xa hoa trong lối sống của Abramovich, nơi cần xem xét không phải là các nhà hàng cao cấp Michelin-star của St Tropez mà là các du thuyền neo đậu tại một cảng biển cách đó gần 30 dặm nếu chạy dọc theo bờ biển. Ngày 12 tháng 11 năm 2003, có một du thuyền dài 70m mang tên Sokar (trước đây được gọi là Jonikal) của tỷ phú Mohamed Al Fayed gia nhập Câu lạc bộ thuyền buồm quốc tế Antibes. Chính trên du thuyền này, cậu con trai Dodi của ông đã có hành trình lần cuối với Công nương Diana. Cách du thuyền Sokar không xa là chiếc

The Montkaj, một du thuyền lớn dài 52m thuộc về Hoàng tử Mohamed bin Fahd, con trai thứ hai của vua Ả Rập Xê út. Neo đậu gần đó một cách hoành tráng không kém là chiếc Kingdom 5KR, thuộc sở hữu của Hoàng tử Alwaleed bin Talal bin Abdulaziz Al Saud, một nhà đầu tư chính của EuroDisney. Chiếc thuyền này trước đây thậm chí còn nổi tiếng hơn với những cái tên như Nabila khi thuộc sở hữu của Adnan Khashoggi, và sau đó là cái tên Trump Princess khi Khashoggi bán nó cho Donald Trump.

Nhưng thủy thủ đoàn của các du thuyền này, ngay cả những người đang buồm chán nhứt, cũng phải dừng ngay mọi việc họ đang làm để ngẩng cổ lên và kinh ngạc nhìn một chiếc tàu lớn đang xuất hiện trước mắt họ trong ánh chiều nhạt nhợt lúc 4 giờ chiều ngày mùa đông năm ấy. Dài 128m, chiếc Pelorus có lẽ phải dài hơn đến 34m so với bất kỳ chiếc tàu nào khác trong cảng ngày hôm đó, và sau khi chiếc tàu màu vani này lượn một vòng điệu dàng để lướt vào bên số 2, một chiếc khác đang neo ở khu vực cạnh đó có tên Virginian dài 69m của Sir Anthony Bamford, bỗng trở nên nhỏ nhoi vô cùng. Trong thế giới những tay chơi thuyền buồm có hạng, Abramovich có thể đỉnh đạc mà tuyên bố rằng du thuyền của tôi lớn hơn của các anh rất nhiều.

Sự đam mê của Abramovich với thú tiêu khiển tột thượng đó của giới tài phiệt đã bắt đầu từ 4 năm trước, khi ông mua của Berezovsky hai du thuyền khá khiêm tốn có tên là Stream và Sophie's Choise. Nhưng phải đến mùa xuân năm 2003, ông mới tạo được dấu ấn mạnh mẽ trong giới chơi du thuyền khi báo chí đưa tin ông trở thành ông chủ mới của Le Grand Bleu, một siêu du thuyền dài 120m. Le Grand Bleu có một quá khứ đầy sóng gió. Được một ông trùm điện thoại di động Mỹ có tên là John McCaw đặt mua, khi được hạ thủy năm 2000, nó đã trở thành du thuyền tư nhân lớn nhất thuộc sở hữu của người Mỹ. Nhưng chi phí duy trì một

chiếc thuyền như thế quá đắt đỏ và McCaw quyết định tiết kiệm đôi chút. May mắn là người bạn thân của ông, nhà đồng sáng lập Microsoft Paul Allen, đã đến cứu nguy vào tháng 7 năm 2003. Có người nói rằng Allen mua đứt chiếc du thuyền, nhưng một số người lại nói rằng Allen chỉ chi trả chi phí vận hành cho đến khi họ tìm thấy một khách hàng mới.

Danh sách những người có thể mua và đủ khả năng duy trì phí sử dụng cho một du thuyền xa hoa trị giá 90 triệu đô-la như vậy quả thực rất ngắn, nhưng có một nhóm bí mật các nhà buôn thuyền buồm biết được những tên tuổi này. Cuối thập kỷ 1990, thông tin về một số tỷ phú vô cùng giàu có nhưng kín đáo người Nga (trong đó có Abramovich) đã được đưa thêm vào danh sách và đến năm 2002, một nhà buôn có uy tín người Anh tên là Cavendish White thậm chí còn bắt đầu in phiên bản tiếng Nga cho các catalogue quảng cáo.

Tuy nhiên, người đã môi giới Le Grand Bleu cho Abramovich không phải là Cavendish mà là Nicholas Edmiston, người có biệt danh là “Nam tước đỏ” vì số lượng đông đảo các khách hàng người Nga mà ông phục vụ. Edmiston có bề ngoài điển hình của một người phương trưởng với gương mặt hồng hào, to béo. Ông đã gia nhập ngành công nghiệp thuyền buồm 35 năm nay và thành lập một công ty môi giới lấy tên chính mình vào năm 1995. Một năm sau, ông bắt tay hợp tác cùng Christopher Cecil-Wright và tin tưởng rằng đội tác này có thể giúp doanh thu của công ty tăng trưởng nhanh chóng.

Edmiston hiện đang điều hành một nhóm đa ngôn ngữ gồm hai mươi sáu nhân viên hoạt động tại London, Monaco, Golfe Juan và Los Angeles. Các nhân viên này có quan hệ tốt với các nhà thiết kế, các xưởng đóng tàu và các nhà buôn du thuyền hàng đầu thế giới. Edmiston tự quảng cáo:

Trong vài năm qua, đã có sự gia tăng rất lớn không chỉ số lượng người sở hữu mà còn cả quy mô và tính phức tạp của chính các du thuyền. Điều này giúp nâng cao tính chuyên nghiệp của các nhà buôn và trong môi trường kinh doanh phức tạp và có tính chuyên môn cao như thế, điều quan trọng là bạn phải có cố vấn tốt nhất ở bên cạnh. Các nhà môi giới của chúng tôi hiểu rõ tính phức tạp của việc mua bán thuyền buồm: các hợp đồng, các cuộc điều tra, việc chạy thử, các vấn đề kỹ thuật, các quy định đăng ký mới, các cân nhắc về tài chính, chưa kể đến những tính toán rất chủ quan khi mua một “ngôi nhà” mới trị giá nhiều triệu đô-la như thế.

Ngoài Abramovich, Edmiston còn môi giới thành công vụ mua bán một du thuyền xa hoa khác cho Eugene Shvidler, cánh tay phải của Abramovich. Đó là chiếc Olympia có độ dài khoảng 42m với mức giá 28 triệu bảng.

Với việc mua thuyền của Allen/McCaw, Abramovich đã thực sự bước chân vào thế giới của các tay chơi thuyền buồm chuyên nghiệp. Du thuyền đó không chỉ lớn thứ sáu thế giới mà còn có các tính năng hiện đại đến mức có thể du hành đến một số vùng biển bất ổn nhất trên thế giới. Chiếc thuyền không chỉ có một mà tới hai sân bay trực thăng và có một tàu tiếp liệu lớn kỷ lục, đó là chiếc Sunseeker dài 25m. Không lâu sau khi hoàn tất việc mua du thuyền, Abramovich đưa Le Grand Bleu đến một xưởng đóng tàu của Đức để đại tu và trong khi chờ đợi, ông tỏ ý hết sức quan tâm tới việc thuê thuyền trưởng với việc tiến hành phỏng vấn một số ứng cử viên tại quảng trường Lowndes. Một thủy thủ đoàn chủ yếu là người Úc được hình thành và chiếc thuyền dong buồm đến Rio de Janeiro để tham dự một lễ rửa tội. Nhưng Abramovich sớm chứng tỏ rằng ông không phải là một thủy thủ biết trông trời trông đất khi vào ngày 10 tháng 7 năm 2003, nhật báo Komsomolskaya Pravda

đăng một bức hình Le Grand Bleu đang neo đậu ở Vladivostok, một cảng biển tiêu điê`u ở bờ biển xa xôi phía đông nước Nga.

Bản trường ca du thuyê`n Pelorus bắt đầ`u từ tháng 3 năm 2003, gầ`n như đò`ng thời với thời điể`m các tin tức đầ`u tiên về` việc Abramovich mua chiế`c Le Grand Bleu bắt đầ`u xuấ`t hiện. Khi các thủy thủ đoàn của hai du thuyê`n Le Grand Bleu và Pelorus cùng tham dự khóa học về` sử dụng trực thăng và phòng cháy chữa cháy tại Trung tâm Phòng cháy chữa cháy Quố`c tể` ở Teesside, những người theo dõi tin tức về` giới du thuyê`n bắt đầ`u đò`n đoán. Có phải là Sheikh Modhassan, ông chủ bí ẩ`n của chiế`c Pelorus, đã bán đứt một du thuyê`n khác của ông là chiế`c Tugatsu? Có phải Pelorus sẽ là chiế`c tiế`p theo?

Đế`n tháng 11 năm đó thì sự thật đã rõ ràng. Người ta bắt gặp Abramovich đang ngự lẫm trên món đồ` chơi mới của mình khi dùng Pelorus để đi đế`n Rome, Ý xem Chelsea hạ gục Lazio với tỷ số` 4-0 trong khuôn khổ Cúp C1. Nê`u Le Grand Bleu là một siêu du thuyê`n, thì chiế`c Pelorus trị giá 100 triệu đô-la cũng là một đại du thuyê`n. Phụ trách thiế`t kế` nội thấ`t của Pelorus là Terence Disdale, một nhà thiế`t kế` hàng đầ`u làm việc ở Richmond, Surrey. Thực tể`, Pelorus cũng khá hoàn hảo với kính chố`ng đạn, hệ thố`ng phát hiện tên lửa, hai máy bay trực thăng và một tàu ngầm. Với phạm vi hoạt động 6 nghìn hải lý và tồ`c độ du hành 16 hải lý một giờ, Pelorus có thể chứa 20 khách và 5 nhân viên cùng với thủy thủ đoàn 41 người (bao gồ`m không dưới 3 đầ`u bê`p, 8 kỹ sư, hai nhân viên giặt là làm việc toàn thời gian và một y tá lành nghề`). Các khu vực giải trí bao gồ`m một phòng chiế`u phim rộng rãi và một phòng tắ`m hơi liề`n kế` với một hồ` bơi nhỏ chứa đầ`y nước lạnh. Nhưng liệu tấ`t cả những thứ này đã làm Abramovich hài lòng?

Khi chiế`c Pelorus vừa hoàn thành công đoạn tại tu sau khi mua như thường lệ, người ta bắt đầ`u đò`n đại rằ`ng ông chủ mới của nó

cũng chính là nhân vật đứng sau một chiếc du thuyền dài 95m đang được đóng ở xưởng đóng tàu Feadship van Lent của Hà Lan. Được biết đến với tên gọi “Dự án 790”, chiếc thuyền đang được đóng với thiết kế cơ bản gồm 5 động cơ (giúp nó có thể đạt vận tốc 28 hải lý/giờ, một tốc độ chưa từng có đối với các du thuyền cùng kích cỡ) và một nhà chứa trực thăng có thể mở và đóng một cách nhanh chóng, dễ dàng chỉ bằng một nút bấm.

Người ta khó có thể hiểu được tại sao Abramovich lại cần phải sở hữu tới ba chiếc du thuyền vượt đại dương như vậy. Rõ ràng chúng ta có thể nói tới tính tiện lợi khi luôn có sẵn những chiếc thuyền này rải rác ở các cảng biển khác nhau trên thế giới. Nhưng liệu có giải thích nào mang tính kinh doanh hơn không? Với phạm vi hoạt động tầm xa, hệ thống thông tin hiện đại cùng với các phương tiện hạ cánh trực thăng như thế, đội du thuyền lớn mạnh này giúp Abramovich có khả năng kiểm soát công việc kinh doanh từ khắp mọi nơi trên thế giới. Khi mà Putin có thái độ ngày càng gay gắt hơn với các ông trùm, thì có lẽ một cuộc sống trên sóng đại dương chưa bao giờ có sức hấp dẫn hơn thế.

Ngay cả khi có bộ sưu tập đầy ấn tượng này, vị thế của Abramovich trong danh sách xếp hạng các ông chủ siêu du thuyền vẫn chưa hoàn toàn vững chắc. Sau khi bán chiếc Le Grand Bleu, Paul Allen còn lại ba chiếc: chiếc Meduse dài 67m có phòng thu âm riêng, chiếc Hanse dài 141m từng thuộc về ông trùm quá cố Tiny Rowland và chiếc Charade dài 52m thường được cô em gái Jody sử dụng. Charade được đem bán với giá 19 triệu đô-la năm 2003 nhưng đầu năm sau đó được thay thế bằng chiếc Octopus, một chiếc tàu khổng lồ dài 416 foot và có không dưới 7 boong tàu. Nhưng con hà mã khổng lồ này của Allen cũng nhanh chóng bị vượt qua vào tháng 11 năm 2004, khi xuất hiện một du thuyền còn lớn hơn thế nhiều. Đó là một du thuyền thuộc sở hữu của Larry Ellison, Giám

đô c điề u hành của tập đoàn truyề n thông khổng lồ ` Oracle. Năm 2003, Ellison đã đem du thuyề n Katana ra bán với giá đê ` nghị là 68 triệu đô-la Mỹ để đổng một du thuyề n mới có tên gọi là Rising Sun với độ dài theo nhiề u nguồ n tin lên tới 149m.

Khi mùa đông đê ` n, những người Nga giàu có dùng trực thăng để đi du lịch đê ` n vùng Courchevel. Khu trượt tuyề t này ở Pháp có ý nghĩa rấ t lớn đố i với Abramovich, tương tự như ý nghĩa của khu Klosters đố i với Thái tử Charles. Nằ m ở khu vực Three Valleys gầ n biên giới với Ý và Thụy Sĩ, Courchevel bao gồ m bô n ngôi làng ở độ cao lầ n lượt là 1.300, 1.550, 1.650 và 1.850 m. Không khí trong lành ở Courchevel không phải là điể m duy nhấ t thu hút những khách trượt tuyề t giàu có nhấ t và có thể ` lực nhấ t. Là nơi nghỉ ngơi ưa thích của Hoàng tử Michael xứ Kent, hậu duệ của một Nga hoàng, và Vua Juan Carlos của Tây Ban Nha, nơi này còn đang dầ n trở thành lựa chọn ưu tiên trong các kỳ nghỉ của những tay nhà giàu mới nổi ở Nga.

Theo ước tính có khoảng 15 nghìn người Nga đê ` n Courchevel mỗi mùa đông. Mặc dù họ bị áp đảo bởi số ` lượng 40 nghìn du khách Pháp đê ` n nghỉ ở đây, nhưng người ta nhận thấ y họ tiêu tiề n nhiề u gấ p mười lầ n dân bản địa. “Tháng Một thường là mùa thấ p điể m, nhưng bây giờ, nhờ có người Nga, nó đã trở thành mùa cao điể m.” René Montgrandi, tổng giám đố c của khu nghỉ dưỡng, cho biế t.

Abramovich cũng bị lôi cuố n vào thú trượt tuyề t và thích không khí ở đây đê ` n mức ông quyề t tâm tạo dựng một cơ sở lâu dài cho riêng mình tại khu nghỉ dưỡng này. Tháng 10 năm 2003, Abramovich và vợ là Irina đã dùng một chiế c trực thăng bay đê ` n đây tìm nhà. Trong số ` các mục tiêu mà Abramovich nhắ m tới có các khu biệt thự nhỏ của Mansour Ojjeh, đồ ng chủ nhân của đội đua công thức một McLaren, và ngôi biệt thự của gia đình Smurfit, người Ai len tạo dựng

sự nghiệp thành công từ ngành kinh doanh giấ y và bao bì. Montgrandi là người hướng dẫn họ đi xem những khu biệt thự đẹp nhất trong vùng. Ông đã dành hai ngày để lái xe đưa hai vợ chồng Abramovich đi đến những ngôi nhà đẹp nhất, trao đổi điện thoại đi động với các chủ nhân nhằm thuyết phục họ bán nhà. Tuy nhiên, mặc dù đã trả giá gấp hai hoặc ba lần giá thị trường lúc đó, nhưng không có ai nhận lời bán nhà cho Abramovich cả. Tất cả các khu đất trong vùng hoặc là đã được xây dựng hoặc là đã được bán để xây dựng và những người có may mắn kiếm được một biệt thự hoặc một mảnh đất ở đây thì cũng không có ý định bán. Kế hoạch mua một ngôi biệt thự bị phá sản, Abramovich đành phải đặt thuê chừng 40 căn hộ, mỗi căn có giá tới 1.300 bảng một đêm, thuộc sở hữu của các khách sạn hàng đầu tại Courchevel.

Chương 14. Độc giả áo choàng xám

Boris Berezovsky bước ra ngoài khung cửa xoay dẫn ra phố từ văn phòng của ông tại Down Street, Mayfair cùng với hai vệ sĩ trong trang phục màu đen. Ông đi vòng qua phía sau chiếc xe Mercedes màu đen, mở cửa sau và thả người vào trong xe. Chỉ trong vài giây, chiếc xe hơi tăng tốc vọt đi, bám sát sau đó là một chiếc Range Rover (cũng màu đen) chở theo rất nhiều vệ sĩ. Đối với các tác giả của cuốn sách này, những người bắt gặp Berezovsky đang đi ra khi họ đang rảo bộ xuống đường để đến văn phòng của ông, thì đó là một tin xấu. Lúc này là 11 giờ 50 phút sáng và cuộc hẹn của chúng tôi với nhân vật biếm t nhiều hơn ai hết về sự phát tài của Abramovich đã được ấn định lúc 12 giờ trưa. Khi người gác cửa đeo nơ vàng đang hỏi tên của chúng tôi thì Harold Elletson, người bốn tháng trước từng ăn trưa cùng chúng tôi, từ thang máy bước ra và đến chào chúng tôi. Elletson, một cựu nghị sĩ thành phố Blackpool thuộc đảng Bảo thủ Anh và là một chuyên gia lâu năm về Nga, tình cờ gặp Berezovsky trong một cuộc thảo luận trên truyền thông Nga trước đó vài hôm và đã được mời đến đây để trò chuyện. Rõ ràng là ông trùm Nga lưu vong này vẫn không ngừng bận rộn tìm kiếm các mối quan hệ có lợi cho mình.

Năm trang trọng trên chiếc bàn café ở khu vực lễ tân trong văn phòng của Berezovsky trên tầng hai là một bàn cờ được trang trí công phu. Bình thường thì môn thể thao quốc gia của Nga vẫn có thể được trưng bày trong văn phòng của một ông trùm Nga. Tuy nhiên, Boris Berezovsky lại không phải là Boris Spassky. Như chúng ta đã biết, ba năm trước đây, Berezovsky đã bị chiếu u tương trong trò chơi chính trị Nga và buộc phải rời bỏ tổ quốc, đầu tiên là tới Pháp và sau đó đến London, nơi ông được trao quy chế tỵ nạn chính trị

tháng 9 năm 2003. Sau khi chúng tôi đợi được một lát thì một người có vẻ mặt tươi cười, mắt đeo kính, mặc áo len nâu xuất hiện và giới thiệu mình là Vladimir, phụ trách quan hệ công chúng của Berezovsky. Anh này giải thích rằng Berezovsky sẽ chậm trễ đôi chút rồi đưa chúng tôi đến phòng họp. Trong khi chúng tôi chờ đợi, manh mối duy nhất thể hiện thị hiếu của Berezovsky mà chúng tôi có thể nhìn thấy là một bức tượng Picasso bằng kim loại, một tay cầm bút vẽ còn tay kia cầm các bức tranh. Chiếc áo chèn trên ngực bức tượng mở ra, để lộ hình một người phụ nữ khỏa thân đang tắm. Đó là tác phẩm của nhà điêu khắc Israel Frank Meigher, một trong những nghệ sĩ ưa thích của Berezovsky. Vật trang trí còn lại duy nhất trong phòng họp là một bình thủy tinh có cắm những bông hoa tulip màu đỏ và màu vàng.

Một nửa giờ sau, nhân vật chính xuất hiện, tỏ ra vô cùng xin lỗi vì sự chậm trễ của mình. Theo lời giải thích, vị tỷ phú giàu thứ mười một ở Anh đã bị gọi ra ngoài không phải để thảo luận một giao dịch tài chính lớn mà là để xử lý một việc khẩn cấp của gia đình. Với mái tóc đen sẫm hơi gợn hạt, chỉ còn lại những đám màu xám, ông vẫn có dáng vẻ bảnh bao trong chiếc áo khoác sọc hai tông màu đen và xám, chiếc quần đen và áo sơ mi đen mở cổ. Khi phàn giới thiệu kết thúc, ông đi thẳng đến chiếc ghế có lưng tựa cao đang được đặt ở vị trí trung tâm của phòng họp.

Mọi người nhanh chóng hiểu rõ rằng ông và đối tác cũ (nhân vật chính của chúng ta) giờ đã hoàn toàn cắt đứt liên hệ. Ông cho biết, ông và Abramovich đã không nói chuyện với nhau trong gần ba năm qua, kể từ ngày họ gặp nhau ở Pháp để thảo luận về đề nghị liên quan đến cổ phiếu của ông ở Sibneft và ORT. Như những gì được thể hiện rõ trong đoạn trao đổi dưới đây, đến nay ông vẫn còn thấy chưa xót về thương vụ mà ông buộc phải thực hiện khi đó.

Ông có thể cho chúng tôi biết thêm một vài thông tin về vụ bán cổ phiếu Sibneft của mình?

Tôi không vui về gì bởi vì tôi đã bị gây áp lực và buộc phải làm điều đó. Abramovich bảo tôi rằng nếu tôi không bán, Putin sẽ phá hủy công ty đó.

Vì vậy ông đành phải bán cổ phiếu của mình cho Abramovich?

Vâng, cả tôi và đồng tác của tôi là Badri Patarkatsishvili (Berezovsky gặp Patarkatsishvili, một đồng nghiệp buôn xe hơi, cách đây hơn một thập kỷ. Mặc dù Patarkatsishvili sống ở Georgia, hai người vẫn là bạn thân và vẫn thường xuyên gặp nhau). Chúng tôi sở hữu 50%... 50% là của Abramovich và 50% còn lại là của chúng tôi. Tôi thật ngạc nhiên khi biết rằng có những công ty đã tìm cách mua Sibneft mà họ không hiểu rằng Abramovich đã giành được nó một cách bất hợp pháp bởi vì tôi bị gây áp lực phải bán cổ phần ở đó.

Ông có định kiện ông ấy không?

Không, bởi tôi nghĩ sẽ vô ích thôi. Vô ích, bởi ở nước Nga, chúng tôi không có tòa án. Và tôi không muốn tốn thời gian mà không giành được gì cả. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh rằng những người tìm cách mua Sibneft phải hiểu Abramovich không phải là chủ nhân hợp pháp của Sibneft bởi ông ấy đã gây áp lực để đoạt lấy 50% cổ phần của chúng tôi.

Ông bán số cổ phiếu đó được bao nhiêu? Ông có thể cho chúng tôi biết con số được không, thưa ông?

Vâng, 1,3 tỷ (đô-la Mỹ).

Ông có nghĩ là mức giá đó xác đáng không?

Nó đáng lẽ phải cao hơn gấp hai, ba lần. Abramovich đã trả số tiền đó trong hai năm và nó chỉ tương đương với mức cổ tức của công ty được chia trong thời gian đó.

Tất nhiên là phía Abramovich thì nhìn nhận về sự việc này một cách hoàn toàn khác. Một phụ tá thân cận của Abramovich cho biết, số cổ phiếu mà Berezovsky sở hữu chưa bao giờ rõ ràng cả và “ông ấy lúc nào cũng là một chính trị gia hơn là một doanh nhân.” Người này lập luận rằng Abramovich đã đối xử với đối tác cũ “rộng lượng hơn với bất kỳ người nào khác” và “Boris sẽ không có được như ngày hôm nay (về khía cạnh tài chính) nếu không nhờ có Abramovich.”

Trên thực tế, Berezovsky tỏ ra điềm tĩnh một cách đáng ngạc nhiên so với thái độ thường có ở một người nhận ra rằng mình đã bị lừa đảo hơn 2,6 tỷ đô-la. Thực sự là ông ta và Abramovich đã xa nhau một thời gian trước khi họ gặp lần cuối vào đầu năm 2001 và ông ta khá nỗ lực để thuyết phục chúng tôi rằng “tôi không phải là kẻ thù của Abramovich.” Khi chúng tôi đề nghị ông bình luận về việc Abramovich đã phỏng vấn tất cả các ứng cử viên vào nội các đầu tiên của Putin năm 1999, ông nói với một vẻ rất chân thành: “Tôi không hề biết gì về việc này.” Điều này rất đáng ngạc nhiên bởi vì Berezovsky tuyên bố rằng chính ông là người mà Yeltsin cử đến gặp Putin, khi đó là Giám đốc FSB và đề nghị Putin đảm nhận vai trò thủ tướng. Cho đến lúc đó, Berezovsky và Putin đã biết nhau gần 10 năm rồi. Nhưng chính Abramovich, bên ngoài là đối tác cấp thấp hơn của ông (ít nhất là trên chính trường), mới là người kiểm tra các thành viên nội các sau lưng Berezovsky. “Tôi biết rằng Abramovich rất hiểu Putin,” ông bình luận, lần này có vẻ xúc động hơn, “nhưng tôi không biết là Abramovich đã phỏng vấn tất cả các ứng cử viên.”

Cách tham gia chính trị của hai nhân vật này rõ ràng rất trái ngược nhau. Trong khi Berezovsky vận động hành lang và giành được

hai vị trí quan trọng trong chính quyền thì Abramovich lại thận trọng nép mình trong bóng tối. Berezovsky tìm cách thao túng các sự kiện thông qua đài truyền hình tư nhân, còn Abramovich lại nỗ lực làm việc một cách lặng lẽ trong hậu trường, không bao giờ tỏ ra đố kỵ đâu với bất kỳ một tổng thống cá nhân nào.

Berezovsky giải thích:

Chúng tôi có cách suy nghĩ rất khác nhau về cách thức tham gia chính trị. Mặc dù Nga và phương Tây có thể cho rằng tôi là “giáo chủ áo choàng xám” (ông khoát tay về rất nghiêm nghị khi phát âm các từ này), nhưng tôi chưa bao giờ che giấu quan điểm của mình. Điều đó khác với Abramovich. Hoàn toàn khác. Abramovich không sẵn sàng phản hồi một cách cởi mở giống như tôi. Anh ta không muốn thảo luận hay tranh cãi. Điều đó không có nghĩa anh ta là người xấu còn tôi là người tốt. Quan điểm của tôi với tư cách một chính trị gia... là phải cho xã hội biết quan điểm của mình và phải đấu tranh vì quan điểm đó. Nhưng Abramovich có cách nhìn nhận khác. Anh ta nghĩ rằng tôi tốt hơn nên chơi trò (chính trị) thâm lặng và anh ta đã chơi rất thành công.

Trong khi những chỉ trích của Berezovsky đố kỵ với Abramovich khá kín đáo và ẩn ý, thì sự tức giận của ông đố kỵ với Putin, người bạn cũ đã quay lưng lại với mình hoàn toàn không hề che giấu. Berezovsky cho rằng những lời phỉ báng Putin dành cho các ông trùm Nga xuất phát từ âm mưu của FSB và sự căm giận của truyền thông phương Tây. Khi chúng tôi hỏi ông rằng việc bắt giữ Khodorkovsky có ý nghĩa gì đố kỵ với tương lai của các ông trùm khác, trong đó có Abramovich, ông liền lập tức tấn công người bị coi là “có hiểu biết hạn chế và đầu óc rất hẹp hòi” mà các tác giả muốn nói đến trong câu hỏi. Ông trả lời một cách sôi nổi: “Putin không chống lại người giàu. Ông ta chống lại những con người độc lập.

Chắc hẳn những người có tiền sẽ độc lập... nhưng mặt khác có nhiều người không có tiền cũng cố gắng trở nên độc lập.”

Cũng theo Berezovsky, Putin luôn cố gắng làm suy yếu các cực quyền lực chính trị đe dọa uy quyền của ông ta. Vì vậy các thông điệp địa phương bị suy giảm quyền lực, và Quốc hội cũng vậy. Nhưng Putin lại quay sang tấn công các phương tiện truyền thông đại chúng, nghiền nát ORT (đài truyền hình của Berezovsky) trước tiên, sau đó đến hai kênh trọng yếu khác là NTV và TV6.

Một lần nữa, tôi khẳng định đó không phải cuộc chiến chống lại các phóng viên, đó cũng không phải là cuộc chiến chống lại các chính trị gia. Đó là cuộc chiến chống lại các phóng viên độc lập và các chính trị gia độc lập. Và theo logic thông thường, làm thế nào để bạn có thể kiểm soát đời sống chính trị và truyền thông đại chúng, nếu bạn không kiểm soát được nguồn tài chính? Vì vậy bước đi tiếp theo của Putin là tìm cách kiểm soát các doanh nghiệp độc lập. Bằng cách đưa Khodorkovsky vào tù, ông ta đã gửi một thông điệp rõ ràng đến cả cộng đồng doanh nghiệp: “Tôi không cho phép các anh động chạm đến đời sống chính trị của đất nước này.”

Berezovsky cho biết, khi gần đến cuộc bầu cử tổng thống tháng 3 năm 2004, Putin đã lợi dụng việc kiểm soát truyền thông và bộ máy pháp chế để đảm bảo rằng các đối thủ của ông ta không được trao cơ hội công bằng trong việc chứng tỏ bản thân; đồng thời quấy nhiễu họ bằng các hành động pháp lý do các công tố viên nhà nước dựng lên. Berezovsky tuyên bố là ngay cả quá trình bỏ phiếu cũng gian lận. Ông trích dẫn những chỉ trích của các quan sát viên từ OSCE (Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu) rằng cuộc bầu cử đó là “tự do, nhưng không công bằng.” Tuy nhiên, dù rất phản đối chiến lược này nhưng Berezovsky cũng phải thừa nhận rằng nó đã rất thành công. Sau khi chính ông và Gusinsky phải lưu vong, Khodorkovsky phải mòn mỏi trong tù, Putin đã hợp tác chặt chẽ với

một nhóm đặc lợi gồm các ông trùm hèn nhát, những người hiểu rằng tốt hơn hết là nên tuân lệnh Tổng thống. Berezovsky nhận định rằng những cái tên “dễ thấy nhất” trong nhóm nòng cốt này bao gồm Abramovich, Oleg Deripaska, Mikhail Friedman, Pyotr Aven và Vladimir Potanin.

Berezovsky cho rằng đây là điềm xấu cho tương lai của nước Nga bởi vì việc doanh nhân tham gia vào đời sống chính trị là hoàn toàn bình thường. Lấy ví dụ về cuộc đua vào ban lãnh đạo đảng Dân chủ ở Mỹ, ông cho rằng các doanh nhân trên khắp thế giới đã đóng góp rất lớn vào sự ổn định chính trị trong các nền dân chủ, thậm chí còn nhiều hơn các chính trị gia, những người không bao giờ suy nghĩ xa hơn cuộc bầu cử tiếp theo.

Mặc dù tỏ ra vẫn hết sức say sưa với nền chính trị Nga, nhưng Berezovsky biết rằng trò chơi đã kết thúc, ít nhất là vào lúc này. Ông nói rằng giờ đây ông đã sẵn sàng trở lại với công việc kinh doanh. Nhưng ông sẽ không đầu tư vào truyền thông Anh theo cách đã làm ở Nga. Ông cho biết, mối quan tâm của ông đối với truyền thông trước đây là do mong muốn có được ảnh hưởng và phương tiện để ngăn chặn kẻ thù, bất kể họ là cộng sản hay những kẻ đáng ghét như Yevgeny Primakov và Yuri Luzhkov. Nhưng khó có thể tin được rằng ông vẫn không dính líu vào chính trị trong thời gian lâu như thế. Vladimir Gusinsky, đối tác thất thường của ông trước đây, từng mô tả ông thế này: “Berezovsky phải là số một ở mọi nơi. Ông ấy phải là người chủ trì trong mọi đám cưới và phải là phu đào huyệt ở mọi đám ma. Nếu có điều gì đó xảy ra ở nơi nào đó mà không Berezovsky được biết, ông ấy sẽ vô cùng lo lắng.”

Một lúc không lâu sau, chiếc điện thoại trên đỉnh tủ trà reo vang và sau một cuộc trò chuyện ngắn bằng tiếng Nga, Berezovsky trở lại bàn và – lịch sự như bao giờ cũng vậy – nói rằng thời gian của chúng tôi đã hết. Khi chúng tôi rời đi, ông hỏi khi nào thì cuốn sách

sẽ được xuất bản và muố n chắ c chắ n là ông sẽ nhận được một cuốn. “Đừng lo, chúng tôi sẽ gửi ông một cuốn,” chúng tôi trả lời. Đó là điề u tô i thiếu mà chúng tôi có thể làm.

Chương 15. Dẫn bước

Theo quy định về trang phục trong bữa tiệc mừng sinh nhật lần thứ 37 của doanh nhân Oleg Boyko, nam giới phải mặc comple, còn phụ nữ mặc váy thời trang theo kiểu thịnh hành trong thập kỷ 1930. Địa điểm – một nhà máy công nghiệp bỏ hoang ở ngoại ô Moscow – đã được biến thành một nhà hàng rượu Chicago trong đêm đó. Ngay khi đến bữa tiệc của những doanh nhân mafia này, các khách nam được trao một chiếc mũ phớt mềm và một chiếc khăn trắng. Xét về cách thức tổ chức tiệc tùng thì đây là một hành động khiêu khích, rất nguy hiểm của giới nhà giàu mới nổi lên từ chủ nghĩa tư bản găng-xơ. Tuy nhiên, việc những người giàu mới nổi của Nga đã học cách tự giấu mình là một dấu hiệu cho thấy họ đã trở nên chín chắn hơn. Dmitri Fyodorov, người tổ chức bữa tiệc của Boyko cho biết: “Cách đây một vài năm, một bữa tiệc như vậy có lẽ đã đầy các gái bao. Tuy nhiên, bây giờ điều đó không được xã hội chấp nhận. Ngày hôm nay bạn có thể là một người mẫu cho thuê, nhưng ngày mai bạn có thể trở thành vợ của một người đàn ông. Miễn là người phụ nữ đó cư xử như một người bạn gái thực sự trong một bữa tiệc, thì điều đó vẫn chấp nhận được.”

Roman và Irina Abramovich lẽ ra đã có thể chiếm một vị trí quan trọng trong bữa tiệc giao lưu này. Tuy nhiên, họ ngày càng ít có cơ hội cũng như thời gian tham gia những sự kiện như thế. Hạn chế của việc trở nên siêu giàu là nó làm giảm không gian hành động của bạn. Theo cách diễn giải của Tolstoy thì ở Nga, người nghèo vốn nghèo vì nhiều lý do khác nhau, còn người giàu lại giàu theo cùng một cách. Nỗi lo sợ không nguôi về việc có thể bị ám sát hoặc bị bắt cóc luôn ám ảnh những người đã kiếm được tiền quá nhanh. Điều đó có

nghĩa là cuộc sống xã hội của Abramovich, ít nhất là ở Moscow, bị hạn chế rất lớn.

Tổ chức các cuộc gặp gỡ tại tư gia được bảo vệ nghiêm ngặt là một chuyện, nhưng đi lang thang trong thành phố, ghé vào các buổi giới thiệu các loại túi xách mới hay nhún nhảy trên sàn của một hộp đêm lại là một chuyện khác. Một trong số ít các nhà hàng ở Moscow mà Abramovich thường đến là nhà hàng Vanil, được mệnh danh là một “sự kết hợp tuyệt vời giữa tính thanh lịch hiện đại và vẻ đẹp cổ xưa với những bức tường gạch trần và những tấm gương mạ vàng khổng lồ.” Ông chủ nhà hàng, Fyodor Bondarchuk, là con của cô đạo diễn điện ảnh Sergei Bondarchuk, người đã giành giải Oscar cho bộ phim Chiến tranh và Hòa bình.

Trong giai đoạn này, Abramovich ngày càng dành nhiều thời gian ở nước ngoài hơn, hoặc là ở London hoặc là ở miền nam nước Pháp. Mặc dù cuộc sống náo nhiệt ở St Tropez cũng khá hấp dẫn, nhưng các mối quan hệ xã hội của Abramovich ở London còn có sức hút hơn nhiều. Điều đáng ngạc nhiên là phần lớn các mối quan hệ đó có liên quan đến câu lạc bộ bóng đá Chelsea. Ở Ý, tất cả mọi người, từ chính trị gia và doanh nhân đến nghệ sĩ và nhà văn đều ủng hộ các câu lạc bộ bóng đá một cách nhiệt thành. Tuy nhiên ở nước Anh, nơi có đa số những người thuộc giới tinh hoa ưa chuộng môn bóng bầu dục, thì nhóm người ủng hộ bóng đá từ lâu chủ yếu là tầng lớp công nhân. Nhưng Chelsea đã từ lâu đã góp phần cải thiện xu hướng này.

Trong số những người ủng hộ nổi tiếng của họ có các chính trị gia như cựu Thủ tướng John Major, cựu bộ trưởng David Mellor (thời cựu thủ tướng Tory) và cựu Bộ trưởng Thể thao Tony Banks (thời cựu thủ tướng Tony Blair). Bên cạnh đó, họ còn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của một nhóm cổ động viên Vip do Bá tước “Dickie” Attenborough đứng đầu. Tuy nhiên, có một chi tiết đáng lưu ý là

phần lớn các cổ động viên của Chelsea là những người trung thành với ông chủ cũ của đội bóng – Ken Bates.

Đứng đầu lực lượng cổ động viên thân Nga là Bá tước Jacob Rothschild, một cộng sự thân thiết của nhà tài phiệt đang bóc lột trong tù Mikhail Khodorkovsky. Ông là vị khách thường xuyên trong khu vực khán đài của Abramovich trên sân Stamford Bridge và là người có thể cung cấp cho Abramovich dịch vụ mà tất cả những tỷ phú mới phát đầu mơ ước: các mối giao thiệp với Hoàng gia Anh. Bị tước bỏ địa vị quý tộc trong cuộc cách mạng năm 1917, nhiều người Nga thêm khát các danh hiệu của nước Anh. Abramovich có thể không quá khao khát để phải khom lưng cúi mình nhưng chắc chắn là ông đánh giá cao giá trị xã hội của việc làm bạn với một thành viên của Hoàng gia. Và Bá tước Rothschild chính là người có thể tặng ông món quà có giá trị ấy bằng việc giới thiệu ông với Thái tử Charles. Là cựu Chủ tịch Hội đồng quản trị Triển lãm Quốc gia và là một nhà đóng góp hảo tâm cho các tổ chức từ thiện Do Thái, ông cũng có điều kiện mở rộng phạm vi quan hệ xã hội của Abramovich theo các hướng khác nhau.

Con trai Rothschild – Nat – cũng là một vị khách thường xuyên của Chelsea và hình như còn thân thiết với Abramovich hơn cả cha mình. Nat khoảng 30 tuổi và cũng giống như ông trùm Abramovich, anh đam mê các đặc tính phức tạp của nền tài chính Nga. Anh và cha mình là đồng sáng lập của một công ty có tên gọi là JNR (Jacob&Nat Rothschild) chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính trên thị trường Nga.

Một vị khách khác cũng rất đặc biệt trong khu khán đài của Chelsea là Tổng thống Iceland Olafur Ragnar Grimsson. Abramovich có lần đến thăm Iceland để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh và sau khi gặp gỡ các doanh nhân, ông được giới thiệu với Ngoại trưởng Iceland trước khi tiếp cận được với chính Tổng thống

của quốc gia này. Hai người nhận thấy họ khá tâm đầu ý hợp và thế là Grimsson trở thành vị khách danh dự tại Stamford Bridge. Các khách khứa khác của Abramovich còn có Gregory Barker, cựu Giám đốc quan hệ đầu tư của Sibneft, người hiện là một nghị sĩ Đảng Bảo thủ Anh, và German Tkachenko, một chuyên gia môi giới bóng đá người Nga.

Quay trở lại với Nat Rothschild, ngoài việc thâm nhập sâu vào Stamford Bridge, anh này thậm chí còn đi xa hơn khi thuê một khu khán đài riêng tại sân nhà của Chelsea. Ở đó, anh đóng vai trò chủ nhà, tiếp đón một số lượng khách rất đa dạng, trong đó có Lucas White, con trai của cô Bá tước White; Tamara Mellon, Giám đốc điều hành Công ty giày Jimmy Choo; Tamzin Greenhill, người mẫu từng là đối thủ của ngôi sao nhạc pop Jay Kay, và gây chú ý nhất là cựu bộ trưởng nội các Peter Mandelson. Thết đãi họ sau những trận đấu là các bữa tiệc đứng thịnh soạn chỉ dành cho giới thượng lưu. Riêng Abramovich thì đặc biệt ưa thích các món sushi do Mark Edwards, đầu bếp trưởng nhà hàng Nhật Nobu nổi tiếng sành điệu ở Park Lane, chế biến.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi sự phân biệt đẳng cấp đã phát triển khá mạnh ở Stamford Bridge giữa những khán giả ngồi trong các buồng Thiên niên kỷ và phần khán giả còn lại. Chức năng bên ngoài của Thiên niên kỷ – khu khán đài có kính chắn là để cho khán giả uống rượu trước trận đấu (bán rượu trong khi trận đấu đang diễn ra là bất hợp pháp) và uống trà lúc nghỉ giữa các hiệp. Tuy vậy, khi các trận đấu diễn ra, những khán giả thượng lưu này thường thích rủ nhau ra ngoài các ghế bên ngoài để hưởng không khí và theo dõi trận đấu, trong số đó có Abramovich và nhiều khách mời của ông. Bên cạnh đó vẫn có một vài người kiểu cách cho rằng ý tưởng bước ra ngoài không khí lạnh lẽo ấy là quá đại dột và vì vậy họ theo dõi trận đấu từ bên trong.

Chúng ta biết điều đó, một số người đã nhận thấy sự khác biệt giữa các “người hâm mộ” quan hệ xã hội và các người hâm mộ mua vé mùa – những người trả 1.500 bảng một năm để được ngồi trên khán đài và thực sự theo dõi ngay từ khi trận đấu bắt đầu diễn ra trên sân. Trong nhóm người thứ hai này có Ben Goldsmith, con trai út của ông trùm quá cố Sir James, ngôi sao nhạc rock Bryan Adams và ông chủ các rạp chiếu bóng Nick Allott. Họ chính là những khán giả giàu có nhưng dễ hòa hợp và có thể gây ảnh hưởng đến thái độ của đám đông khán giả.

Sau tiếng còi chung cuộc của trọng tài, trong khi những người khác về nhà hoặc ghé vào làm một cốc bia ở tiệm Shed của Stamford Bridge, thì các “người hâm mộ” kiểu quan hệ xã hội thích đi ăn tối và gọi một chiếc taxi để đến một quán ăn ở Tây London như Riva hoặc San Lorenzo – nhà hàng ưa thích của Công nương Diana quá cố. Tuy nhiên, Abramovich thì thích River Café, Nobu hoặc Zuma hơn.

Mặc dù Chelsea là trung tâm cuộc sống xã hội của Abramovich ở London nhưng bên cạnh đó, ông cũng có những mối quan hệ liên quan đến các công việc kinh doanh khác. Thương vụ hấp dẫn nhất trong mảng này là việc ông đầu tư mua một mỏ vàng của Highland Gold, một công ty có cổ đông là một nhóm các nhà đầu tư nổi tiếng ở Anh, trong đó có Bá tước Daresbury, Chủ tịch điều hành của Highland, Bá tước Derby và Christopher Palmer-Tomkinson, chú của Tara Palmer-Tomkinson, một người bạn quảng giao của Thái tử Charles. Động lực chính của thương vụ này là Roddie Fleming, một ông chủ ngân hàng và là họ hàng của Ian Fleming, tác giả của James Bond. Sau khi đàm phán việc bán ngân hàng gia đình Robert Fleming Holdings cho Chase Manhattan với giá 5 tỷ bảng vào năm 2000, Fleming thành lập công ty quản lý tài sản Fleming Family&Partners và bắt đầu đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng ở Nga.

Abramovich bắt đầu tham gia vào thương vụ Highland sau khi Ivan Kulakov, một cựu thành viên Ban quản trị Sibneft đến văn phòng Moscow của hãng Fleming Family&Partners để đề nghị giúp thuê một khu mỏ có tên là Mnogovershinnoye ở Khabarovsk. Khu mỏ này trước vốn thuộc quyền sở hữu của Oil Finance, một công ty có liên kết với Sibneft, và Kulakov rõ ràng là đang làm việc dưới sự cho phép của Abramovich. Thế là một thỏa thuận được thống nhất vào mùa xuân năm 2002, trong đó khu mỏ được định giá 40 triệu bảng, Kulakov được chia 23% của Highland và nhóm Fleming nhận được 34%. Theo trang web của Highland, trong năm mà thương vụ này diễn ra, khu mỏ này được xếp hạng là “mỏ vàng đang hoạt động lớn thứ ba của Nga.”

Người ta nhanh chóng phát hiện ra những nhà đầu tư mới của Highland đã thực hiện được một thương vụ quá hời. Theo tờ Mail on Sunday, trong 18 tháng sau đó, giá vàng thế giới tăng một cách nhanh chóng. Tính đến tháng 8 năm 2003, giá trị vốn hóa thị trường của công ty đã tăng lên đến 200 triệu bảng. Nhiều tin tức tốt lành khác cũng đến và không lâu sau đó, giá cổ phiếu của Highland tiếp tục nhích lên đôi chút. Tuy nhiên, đến đây người ta bắt đầu đặt câu hỏi về sự can dự của Abramovich. Những thách thức càng trở nên lớn hơn khi rò rỉ thông tin Highland từng thuê một mỏ vàng tiềm năng xa xôi của Nga có tên là Maiskoye vào ngày 4 tháng 9 năm 2003. Nằm ở miền nam của cảng Arctic ở thành phố Pevek (thuộc Chukotka), Maiskoye được cho là có khoảng từ 3-4 triệu ounce vàng có thể khai thác được, trị giá lên đến 1,6 tỷ đô-la Mỹ theo thời giá lúc đó. Christine Coignard, ủy viên quản trị quan hệ đầu tư của Highland, người có vai trò tương đối quan trọng trong thương vụ Maiskoye trong một bài trả lời phỏng vấn tờ Russia Journal có trụ sở ở Moscow cho biết Abramovich - với tư cách là Tỉnh trưởng Chukotka, đã đề xuất “gạt bỏ các chỉ tiêu sản xuất (do nhà nước áp đặt)” khỏi khu mỏ và đề

ngợi xây dựng con đường dài một 180km nối thành phố Pevek với khu mỏ Maiskoye (với chi phí do Chukotka đảm nhiệm hầu như toàn bộ, trừ mười kilomet cuối cùng). Dĩ nhiên, là tỉnh trưởng, Abramovich có quyền khuyến khích và thu hút các doanh nhân đầu tư vào tỉnh này.

Cho đến lúc đó thì mọi việc vẫn tốt đẹp. Giá cổ phiếu của Highland tăng mạnh khi thông tin về việc thu tóm Maiskoye được tiết lộ, và sáu tuần sau khi hợp đồng được ký kết, Harmony Gold, một công ty mỏ Nam Phi, đã bán được 31,7% cổ phần của mình ở Highland với mức giá 137 triệu bảng, lãi lớn so với giá mua 118 triệu bảng.

Nhưng thương vụ này trở nên phức tạp hơn khi chính quyền tiến hành điều tra danh tính của người bán khu mỏ tiềm năng này. Về hình thức trên giấy tờ, bên bán là một công ty có tên Deerfield Universal, thế nhưng ngay sau khi vụ mua bán này được hoàn tất và phát ngôn viên John Mann của Abramovich khẳng định rằng Deerfield “không liên quan theo bất kỳ cách nào, bằng bất cứ thứ gì với Abramovich” thì Coignard nhanh chóng kể lại cho tờ Russia Journal câu chuyện này với nội dung hoàn toàn khác. Bà cho biết: “Bên bán chính thức là Deerfield Universal nhưng người đứng đằng sau đó không ai khác chính là Abramovich. Abramovich là chủ nhân được hưởng lợi của Deerfield và bên bán.” Ấn ý rõ ràng là Abramovich đã sử dụng ngân sách của tỉnh để làm cho tăng sức hút cho Maiskoye và thu lợi cho cá nhân.

Vì Abramovich có tiếng là người quyết đoán trong kinh doanh, nên khi ông quyết định bán mỏ vàng của mình trong khi giá cả thị trường đang gia tăng, dư luận cho rằng ông đã chấp nhận bán rẻ khối tài sản này để tạo được một dấu ấn xã hội. Nếu vậy, có vẻ như ông không nhận được nhiều lợi ích lắm từ khoản tiền làm phúc đó.

Bá tước Daresbury tuyên bố rằng ông chưa từng gặp Abramovich, còn Roddie Fleming thì nói rằng họ mới gặp nhau có một lần và “đó là lần duy nhất tôi gặp ông ấy. Ông ấy là người rất dễ chịu. Ông ấy có phần rụt rè và suy tư. Tôi chưa bao giờ gặp ông ấy để bàn công chuyện làm ăn cả.” Fleming bác bỏ những suy luận cho rằng Abramovich có thể đã bán rẻ công ty để rộng đường bước chân vào xã hội thượng lưu Anh: “Tôi nghĩ điều đó hoàn toàn vô lý. Ông ấy là một doanh nhân Nga thông minh và tôi vui mừng là ông ấy đã chọn London để sinh sống lúc này.” Fleming nói thêm: “Đừng nói điều gì không hay về Abramovich. Ông ấy là người rất dễ chịu, rất tốt để làm bạn, là một tài sản có giá trị cho đất nước này nếu chúng ta có thể giữ chân ông ấy. Những người Nga vốn rất nhạy cảm và đầy nhiệt huyết. Sẽ là không công bằng nếu báo chí gây khó chịu cho ông ấy đến mức ông ấy phải ra đi.”

Dù sao thì, tất cả các dấu hiệu đều cho thấy rằng Abramovich không chỉ mong muốn được kính trọng mà còn muốn góp phần phát triển một vùng đất xa xôi (là Chukotka). Động lực của những mục tiêu xã hội này có vẻ như xuất phát từ người vợ của ông. Khi được hỏi ý kiến về Irina, một cộng sự của Abramovich cho biết: “Đúng với câu “trông mặt mà bắt hình dong”, cô ấy rất xinh đẹp và rất kiên trì.” Không chỉ có vẻ đẹp ngoại hình, Irina còn thể hiện niềm khao khát tri thức trong quyết định theo khóa học về nghệ thuật tạo hình. Điều này có thể là tin tốt cho danh tiếng của người Nga trên thị trường nghệ thuật quốc tế. Mức giá dành cho các tác phẩm nghệ thuật Nga trong các phiên đấu giá tại London và New York đã tăng vọt từ khi bắt đầu Thiên niên kỷ mới. Trong một phiên đấu giá diễn ra vào ngày 21 tháng 5 năm 2003, tập đoàn Sotheby đã thu được gần 5 triệu bảng từ các tác phẩm kiểu này, trong đó vật phẩm đắt tiền nhất là một bức tranh vẽ hình một cô gái khỏa thân có bộ móng lớn của Boris Kostodiev, danh họa mà Stalin ưa thích. Được dự kiến là sẽ có giá từ 250.000 đến 300.000

bảng, cuối cùng bức tranh đã được bán với giá 845.000 bảng. Thực tế, các mức giá trả cho các tác phẩm nghệ thuật của Kostodiev là một phong vũ biểu rất chuẩn xác cho sức khỏe của thị trường nghệ thuật Nga. Cách đây 20 năm, ngay cả những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông cũng chỉ có giá không quá 30.000 bảng. Năm 1989, bức Merchant's Wife mức chính thức ghi kỷ lục mới khi được bán với giá 73.000 bảng. Kỷ lục này bị phá khi bức Village Fair, từng được bán với giá 41.000 bảng năm 1995, tăng lên đến 325.000 bảng chỉ sau đó 5 năm. Cũng trong ngày tập đoàn Sotheby tổ chức đấu giá, thì phiên đấu giá của công ty Christie tổ chức ở thành phố New York bên kia bờ đại tây dương đã bán được một bộ tủ đôi sơn son thiếp vàng của Nga với giá 400.000 bảng, mức giá cao thứ hai trong số các sản phẩm bằng gỗ của Nga.

Hoàng tử Nikita Lobanov-Rostovski, một nhà sưu tập nghệ thuật Nga, cho tờ Art Newspaper biết:

Đó là một hiện tượng xã hội thú vị. Những người này không hề biết gì về nghệ thuật. Họ kiếm được quá nhiều tiền một cách dễ dàng và họ có thể sử dụng một cách bừa bãi. Hãy tưởng tượng xem, có một hộp đêm ở Moscow mà giá vào cửa phải mất đến 500 đô-la Mỹ, chưa bao gồm đồ uống! Trong phòng bán đấu giá, những người giàu mới nổi của Nga cứ giơ tay lên trời cho đến khi họ nhận được những gì họ muốn. Họ còn trẻ và rất bận kiếm tiền. Họ không có thời gian để nghiên cứu gì cả.

Ngoài việc học hỏi để hiểu được cách phân biệt các tác phẩm của Kostodiev và của Kandinsky thì cũng giống như tất cả những người vợ đáng kính khác của các ông trùm, Irina đã nhanh chóng có trong tay một danh sách các địa chỉ mua sắm nổi tiếng. Cô đã sớm phát hiện ra rằng khi cần mua một bộ đồ ăn mới để dùng trên chiếc trực thăng riêng của gia đình thì nơi cần đến là cửa hàng sứ Trung Quốc Thomas Goode ở Mayfair. Nhưng chính Harrods mới là ngôi

nhà tinh thần của Irina và ông chủ nhiệt tình Mohamed al Fayed của cửa hàng này coi cô là một trong những khách hàng quan trọng nhất. Al Fayed, 74 tuổi, có thể là người có thể làm bạn thấy bối rối trong lần gặp đầu tiên. Thân thiện và hay pha trò, ông ta có thói quen bản tới tấp các từ tục tĩu khi nói chuyện. Ông ta hay chỉ trích Hoàng gia Anh vì cho rằng họ là những kẻ chủ mưu giết con trai Dodi của ông, còn Bộ Nội vụ Anh thì lại từ chối không cấp hộ chiếu Anh cho ông. Tuy nhiên, khi cần, ông lại tỏ ra vô cùng đáng mến và trong trạng thái đó thì hầu như không ai có thể ghét ông cả. Do Irina có tiềm năng trở thành một trong những khách hàng sẵn sàng chi trả nhất, nên chắc chắn rằng cô đã được đối xử với thái độ rất đáng mến như thế. Hai người nhanh chóng nhận ra rằng họ có điểm chung: mỗi bận tâm về giáo dục ở nước ngoài, thủ tục giành được một tấm hộ chiếu Anh, và dĩ nhiên là cả nỗi lo sợ về khả năng bị khủng bố. Al Fayed thậm chí còn đi xa đến mức phải đeo cà vạt có kẹp kiểu cảnh sát để có thể sẵn sàng đối phó với bất kỳ kẻ đâm thuê giết mướn nào có ý đồ xấu với ông ta.

Chính nhờ thông qua Irina mà Al Fayed, chủ nhân câu lạc bộ bóng đá Fulham, được giới thiệu với Abramovich và hai người đàn ông này đã có một cuộc trò chuyện rất lâu trong phòng họp của Ban giám đốc ở sân Loftus Road sau khi hai đội bóng của họ gặp nhau trong khuôn khổ Giải Ngoại hạng ngay trước lễ Giáng sinh năm 2003 (Chelsea thắng 1-0). Cuộc gặp đó được hiểu một buổi giao lưu, để các ông trùm sẽ chia và động viên nhau. Al Fayed dường như đã tỏ ra thái quá trong việc tán dương đối thủ của mình. Trong một thông cáo báo chí (tất nhiên là đã được loại bỏ các từ đệm – đặc sản của Al Fayed), ông phát biểu: “Những gì xảy ra ở Chelsea thật là không thể tưởng tượng được và vô cùng thú vị với các người hâm mộ. Dĩ nhiên, tôi thấy mừng khi có thêm một doanh nhân thành công khác đã mua một câu lạc bộ thuộc Giải Ngoại hạng. Bóng đá cần những người như chúng tôi, nếu không thì nhiều câu lạc bộ sẽ không thể tồn tại

được.” Ông cũng cho Abramovich một lời khuyên như đang ở cương vị một người cha vậy:

Đừng để ai lợi dụng sự giàu có của anh. Đặc biệt là đừng để cho các câu lạc bộ và các nhân viên môi giới tìm cách bán cho anh các cầu thủ với giá cao hơn thực tế. Đừng để cho những kẻ môi giới ràng buộc anh với những hợp đồng cầu thủ dài hạn hoặc các khoản lương cầu thủ lớn hơn con số mà anh thấy chấp nhận được. Hãy ghi nhớ rằng, vì nhiều lý do, các cầu thủ sẽ không thể trình diễn trên sân với phong độ cao nhất nếu các điều khoản của hợp đồng quá dễ dàng cho họ.

Vì Irina nói tiếng Anh tốt hơn chồng mình nên cô được cho là người đầu tiên khởi xướng việc Chelsea tìm cách mua Louis Saha, khi đó đang là tiền đạo ngôi sao của Fulham. Dù cuối cùng Saha quyết định đầu quân cho Manchester United nhưng vụ giao dịch nhờ đó là cơ hội tốt để hai ông bà này nâng quan hệ song phương lên mức ngày càng thân mật

Càng ngày, Abramovich và vợ càng có thêm nhiều người bạn Anh quốc nhưng họ vẫn không sao nhãng các mối quan hệ với cố quốc. London có một mạng lưới người đồng hương Nga rất mạnh và gia đình Abramovich là một phần quan trọng trong đó. Người bạn tốt của Abramovich là Tatyana, con gái của cựu Tổng thống Yeltsin, hiện đang sống ở London với người chồng thứ ba là Valentin Yumashev, cựu Chánh văn phòng của cha cô. Polina, con gái của Yumashev với người vợ trước, vợ của Oleg Deripaska – bạn và đối tác kinh doanh của Abramovich, là vị khách thường xuyên của gia đình họ tại London. Ngoài ra, những người Anh gốc Nga nổi tiếng khác còn có Ralif Safin, một trong số các nhà sáng lập Lukoil, một công ty dầu lửa hàng đầu khác của Nga (Ralif Safin là người từng nỗ lực giành quyền lãnh đạo tỉnh Bashkortostan như đã mô tả trong Chương 7), ông trùm ngành nhôm Mikhail Chernoi và nhà tài phiệt

trung tâm thương mại Chechnya Umar Dzhabrailov, người hiện là bạn thân của siêu mẫu Naomi Campbell.

Tuy nhiên, Abramovich thường không thích lui tới khách sạn Lanesborough – nơi tụ họp của hội những người Nga số 1 tại London, bởi khả năng chạm trán với Boris Berezovsky – người có vai trò trung tâm trong hội này – là rất lớn. Một trong những lý do khiến Abramovich không muốn gặp lại người thầy cũ là bởi không muốn gây sứt mẻ quan hệ với tổng thống Putin. Sự khinh ghét mà Putin dành cho Berezovsky lớn đến mức mà Tổng thống Nga đã từ chối tham dự Diễn đàn Kinh tế Nga ở London tháng 4 năm 2004 chỉ vì Berezovsky từng là khách mời trong năm trước.

Abramovich từng thể hiện rõ quan điểm ông muốn con cái được hưởng nền giáo dục ở Anh. Theo lẽ thường, người ta cho rằng sự lựa chọn trường học cho con cái của những ông bạn Nga có thể giúp Abramovich thêm căn cứ để xem xét nên gửi con cái đi học ở trường nào. Polina Deripaska đi học ở Millfield, trường nội trú theo định hướng thể thao ở Somerset, trong khi Tatyana gửi con trai Boris Junior đến học ở trường Winchester. Tuy nhiên, nhiều người sẽ cảm thấy rất ngạc nhiên bởi một người có hoài bão lớn như Abramovich lại không có đòi hỏi quá cao ở các con, nói đúng hơn là ông không gây sức ép về chuyện học hành cho các con, bằng chứng là ông đã gửi con trai Arkady 11 tuổi và Ilya một tuổi đến nhập học ở trường Eton – một trường học cấp trung.

Chương 16. Thành lập Yuksi

Năm giờ sáng ngày 25 tháng 10 năm 2003, chiếc máy bay phản lực cá nhân hiệu Tupolev đáp xuống sân bay Novosibirsk thuộc địa phận Siberia để tiếp liệu. Trên chiếc phản lực ấy là vị tỉ phú giàu nhất nước Nga Mikhail Khodorkovsky. Khi chiếc máy bay đang rà rà trên đường băng để chuẩn bị dừng lại thì bỗng hai chiếc xe tải nhỏ có cửa kính phun màu khói từ trong bóng đêm lao vút đến. Những hành khách đầu tiên trên máy bay nhận thấy sự xuất hiện của những chiếc xe tải đó khi cánh cửa máy bay bật ra sau một tiếng động lớn dội lại từ phía cabin. Trong đám khói đang cuộn bay lên từ cabin, hàng chục người đàn ông mặc quân phục đã chiến bước lên khoang máy bay, yêu cầu tất cả mọi người đặt hai tay lên đầu. Đó là các nhân viên của Cơ quan An ninh Liên Bang (FSB – Federal Security Service), đến bắt Khodorkovsky với lý do là ông trùm này đã không chấp nhận làm nhân chứng tại một phiên tòa hình sự. Tuy nhiên, chẳng có ai tin vào điều đó cả. Ai cũng hiểu được rằng Khodorkovsky bị bắt đơn giản là vì đã can thiệp quá sâu vào chính trị – lãnh địa của Putin.

Thông tin về vụ bắt giữ Khodorkovsky nhanh chóng bay đến tai vị tỉ phú giàu thứ hai nước Nga, đó là Abramovich. Mới chỉ vài tuần trước đó, Abramovich và Khodorkovsky đã đồng ý sáp nhập hai gã khổng lồ dầu khí của Nga là Sibneft và Yukos và duy trì liên lạc thường xuyên theo cơ chế đường dây nóng kể từ lúc đó. Thời điểm Khodorkovsky bị bắt, Abramovich đang ở London theo dõi trận đấu giữa Chelsea và Manchester City. Ngay khi nghe tin, ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu ông là phải gọi điện cho nhà bình luận chính trị phi đảng phái Alexei Venediktov. Ông còn nhớ rằng hôm tháng 6, Venediktov đã từng cảnh báo Khodorkovsky rằng ông này

sẽ bị bắt, nhưng cả Khodorkovsky và Abramovich đều cười phá lên. Giờ đây, Abramovich rất cần sự tham vấn của Venediktov. Abramovich thông báo cho Venediktov biết ông sẽ bay về Moscow ngay ngày hôm sau và muốn thảo luận về vụ việc này. Venediktov tìm cách từ chối, tuy nhiên Abramovich vẫn kiên quyết là sẽ quay về Nga trong vòng một ngày và hai người rất cần phải nói chuyện với nhau. Venediktov cuối cùng đã đồng ý. Khi đến nhà của ông trùm, Venediktov thấy ngôi nhà ngập tràn hoa. Hôm đó là ngày sinh nhật lần thứ 37 của Abramovich. Khi một người đàn ông giàu có và quyền lực như Abramovich tổ chức sinh nhật thì hoa chúc mừng đương nhiên là nhiều vô kể. Hoa nhiều và đẹp đến mức Venediktov khuyên Abramovich nên đem ra phôi bán, lấy số tiền đó cho người nghèo thì cũng đủ để gia đình họ sống cả tháng. Nói về vụ bắt bớ Khodorkovsky, Venediktov nhận xét:

Abramovich tỏ ra vô cùng kinh ngạc và bối rối khi nghe tin đó. Ông ấy từng đinh ninh rằng Khodorkovsky được hưởng quyền miễn trừ truy tố. Đó là một trong số không nhiều những tính toán sai lầm của Abramovich. Ông ấy mời tôi đến bởi vì muốn tôi hiểu rằng ông ấy không phải người đẩy Khodorkovsky vào tù. Thế nhưng tôi chẳng tin lắm và tôi đã nói thẳng điếu đó. Ông ấy kêu lên: “Chẳng lẽ tôi không còn cách nào có thể thuyết phục được ông à?” Tôi trả lời rằng ông ấy có thể nói ra suy nghĩ của mình, nhưng tôi có quan điểm riêng và dĩ nhiên có nhận định riêng của mình về chuyện đó.

Khi hai người này đang trò chuyện thì Khodorkovsky đã bị lực lượng bảo vệ hộ tống trở lại Moscow và sau đó bị giam giữ tại một trại giam khắc nghiệt có cái tên kỳ dị là “Nơi an nghỉ của các thủy thủ” (Matrosskaya Tishina). Trong trại giam đó, một nhân vật có tài sản ước tính trị giá 8 tỉ đô-la bị nhốt cùng với năm tù nhân khác, phải ăn sáng bằng một bát súp lèo tèo vài miếng cá cùng với một

cốc trà, phải dùng bữa tối với bánh bột kiều mạch và bơ. Đây là hành động có chủ đích của Putin nhằm gửi thông điệp rắn đe mạnh mẽ đến những ông trùm đang toan tính những ý đồ chính trị khác. Sau đó, Văn phòng công tố viên xác nhận Khodorkovsky đang bị buộc tội trốn thuế và biển thủ số tiền lên tới 1 tỉ đô-la Mỹ. Tuy nhiên, những người tỏ ra am hiểu tình hình lại cho rằng tội của Khodorkovsky là đã tìm cách mua sự ủng hộ cho khoảng 150 ứng cử viên vào Duma trước thêm cuộc bầu cử ngày 7 tháng 12 với số tiền dao động từ 30 đến 50 nghìn đô-la Mỹ mỗi người.

Vụ bắt giữ Khodorkovsky kéo theo ba ủy viên quản trị cấp cao của Yukos phải vào tù. Cũng trong năm 2003, cánh tay phải của Khodorkovsky là Platon Lebedev bị bắt và bị buộc tội biển thủ 280 triệu đô-la liên quan đến quá trình tư nhân hóa Công ty phân bón Apatit năm 1994. Công tố bang sau đó tiếp tục khởi tố hai nhà quản lý khác của Yukos vì tội trốn thuế và giết người. Giám đốc an ninh của Yukos là Alexei Pichugin sau đó cũng bị bắt giam. Cách tiếp cận của Putin tương tự hai trường hợp của Berezovsky và Gusinsky: dựng cảnh, bắt các nhân vật số hai và sau đó dồn ép, buộc ông trùm phải bỏ trốn đất nước. Tuy nhiên, dường như Khodorkovsky cho mình là người không thể bị đánh bại và vì vậy, thay vì thúc thủ, ông ta lại chọc giận Tổng thống hơn nữa. Chỉ cần nhìn thoáng qua, ai cũng có thể thấy rằng đó là một hành động sai lầm vô cùng.

Tội giam Khodorkovsky chưa phải là hành động cuối cùng của chính quyền Putin. Cảnh sát còn đột kích vào các văn phòng của tổ chức tham vấn chính trị cho đảng Yabloko, nơi có 4 ủy viên ban quản trị của Yukos đang chạy đua ứng cử vào Duma, và tịch thu các cơ sở dữ liệu, danh sách các nhà hoạt động và các kế hoạch vận động tranh cử. Yabloko sau đó đã không giành đủ 5% số phiếu cần thiết để có ghế trong Quốc hội. Cũng trong khoảng thời gian này,

các nhân viên FSB gọi điện đến trường học của cô con gái 12 tuổi của Khodorkovsky và đề nghị cung cấp danh sách các bạn cùng lớp với cô bé. Thậm chí, một trại trẻ mồ côi do Yukos tài trợ cũng bị đột kích. Trên lý thuyết, tất cả những hành động này có thể được thực hiện mà không cần sự cho phép của Tổng thống. Tuy nhiên, thật khó tin là một bộ máy an ninh do các đồng nghiệp KGB cũ của Putin lãnh đạo lại hành động mà không thông báo cho Tổng thống biết.

Dù vậy, kế hoạch hành động của Putin không hoàn toàn thuận lợi. Cộng đồng quốc tế vô cùng lo ngại trước bản chất tùy tiện của vụ bắt giữ. Đại sứ Mỹ Sandy Vershbow dự đoán, việc tổng giam một nhân vật quyền lực như thế sẽ “tác động tiêu cực” đến đầu tư nước ngoài vào Nga. Quả vậy, trong ba tuần kể từ sau vụ bắt Lebedev, thị trường chứng khoán Nga đã mất 20 tỉ đô-la Mỹ, tương đương với 13% giá trị. Trong khi đó, dự trữ của Ngân hàng Trung ương Nga giảm mất khoảng 900 triệu đô-la Mỹ chỉ trong vòng hai tuần do các nhà đầu tư ồ ạt thoái vốn. Thậm chí, khi thông tin về việc bắt giam Khodorkovsky bung ra thì hiệu ứng còn nặng nề hơn. Thị trường chứng khoán Nga mất 1/10 giá trị chỉ trong một ngày và Putin buộc phải phát động lời kêu gọi “chấm dứt tình trạng hỗn loạn”.

Tuy nhiên, trên chính trường, hành động tấn công giới tư bản này lại mang lại kết quả khả quan cho phe Putin trong cuộc bầu cử. Sự ủng hộ dành cho đảng Nước Nga Thống nhất tăng 4% trong vòng hai tuần và cho cá nhân Putin tăng 2% trong vòng một tháng. Trong nỗ lực nhằm giảm bớt sức ép lên giá cổ phiếu của công ty Yukos, Khodorkovsky đã từ chức vào ngày 3 tháng 11 và giá cổ phiếu này tăng trở lại 4,1%. Do không thể điều hành Yukos từ trong trại giam, nơi ông còn không được phép nhận tài liệu chứ chưa nói gì đến chuyện ký kết và đóng dấu, cho nên Khodorkovsky quyết định từ chức là việc nên làm hơn cả.

Diễn biến tình hình dường như đang cho thấy hô ì chuông chấ m dứt cho một sự nghiệp đầ y oanh liệt của Khodorkovsky. Khi đang học ngành hóa tại Học viện Công nghệ Hóa học Mendeleev hô ì giữa những năm 1980, chàng thanh niên Khodorkovsky đã bắ t đầ u khám phá ra cách tạo dựng vớ n làm ăn để tận dụng những cơ hội từ tiề n trình cải cách kinh tế . Anh từng bước thăng tiề n, gia nhập vào hàng ngũ lãnh đạo của Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol) và trở thành Phó Chủ tịch tổ chức này. Các lãnh đạo Đảng nhanh chóng phát hiện ra tiề m năng của chàng thanh niên sáng dạ có giọng nam cao này và nhanh chóng câ p cho anh một khoản tiề n cầ n thiết để đầ u tư vào hàng loạt hoạt động nghệ thuật, từ xuấ t bản đấ n âm nhạc. Tuy nhiên, chỉ đấ n khi Viện nghiên cứu Siêu nhiệt (Institute of High Temperature) phân bổ cho anh 170.000 rúp phục vụ nghiên cứu khoa học, anh mới tìm thấ y cơ hội mà mình hằ ng mong muố n. Thay vì sử dụng số tiề n đó cho nhiệm vụ được giao, anh đầ u tư vào các kế hoạch kiế m tiề n. Một trong những mớ i quan hệ đầ u tiên của anh là với một lập trình viên máy tính có tên là Leonid Nevzlin (người trở thành cộng sự của Khodorkovsky ở Yukos sau này) và anh bắ t đầ u kiế m được một gia sản nho nhỏ bằ ng việc tiế p thị phầ n mẽ m phân phó i và kế toán của Nevzlin cho các công ty thương mại.

Bước đi tiế p theo của Khodorkovsky là tiế n vào lĩnh vực kinh doanh máy tính, nhập khẩu các loại máy với giá rẻ và bán với giá cao hơn. Khi hỏi vay vớ n của một ngân hàng, anh được trả lời rằ ng ngân hàng chỉ có thể cho các ngân hàng khác, chứ không phải là cá nhân vay tiề n. Thế là Khodorkovsky đã nảy ra một ý tưởng quan trọng, đánh đầ u một bước ngoặt lớn trong sự nghiệp: quyế t định thành lập ngân hàng Menatep và bắ t đầ u tạo dựng hình ảnh cá nhân trước công chúng bằ ng việc xuấ t hiện trên truyề n hình để bán cổ phiế u ngân hàng. Việc này đã thu hút được sự chú ý của thủ

tướng Nga đương nhiệm khi đó và Khodorkovsky nhanh chóng được cử làm cố vấn đặc biệt cho Thủ tướng.

Vị trí này có thể không cho anh số tiền lương đáng kể, nhưng đã giúp anh tiếp cận được với các nhân vật chóp bu trong giới chính trị mà anh cần. Không lâu sau, ngân hàng Menatep đã trở thành đầu mối phân phối ngân sách của Chính phủ cho các doanh nghiệp nhà nước, được giao việc thu hồi vốn khi đến hạn và sau đó chuyển cho công ty khác. Khodorkovsky có cơ hội để mở rộng đế chế ngày càng mạnh hơn và từ đó trở đi phát lên không ngừng. Khi cơ hội “cho vay tiền để lấy cổ phiếu” xuất hiện, Khodorkovsky – lúc đó đã trở thành một ông trùm – đã mua cổ phiếu không chế ở Yukos và trở thành một tỉ phú. Sai lầm của Khodorkovsky là ở chỗ: ông đã quên rằng Tổng thống chính là ông chủ của các nhà tù. Người ta cho rằng sự kiện bước ngoặt xảy ra khi Khodorkovsky đến dự một buổi họp với Putin mà lại mặc áo len cổ lọ bên trong áo vét thay vì một chiếc áo sơ mi dài tay và thắt cà vạt lịch sự. Tổng thống coi đây là biểu hiện của sự thiếu tôn trọng đối với ông. Đó làm sai lầm mà Khodorkovsky sau này đã phải trả một cái giá quá đắt.

Việc tổng giám Khodorkovsky vừa mang lại cơ hội, vừa đem đến rắc rối cho Abramovich. Ông đã đề xuất việc thành lập Yuksi ngay từ đầu năm 2003 và theo thỏa thuận, ông sẽ phạt chịu phạt 1 tỉ đô-la Mỹ nếu rút khỏi tiến trình sáp nhập. Trớ trêu là đối tác quan trọng nhất của ông lại đang bị sa chân vào nhà tù và đó rất có thể là đòn cảnh cáo của Putin. 5 năm trước đó, như chúng ta đã biết, Putin đã từng ngăn cản việc sáp nhập hai công ty (khi đó đang trong giai đoạn kém phát triển hơn) và giờ đây, Abramovich buộc phải cân nhắc xem có nên lặp lại điều đó một lần nữa hay không.

Tác động từ vụ bắt giam Khodorkovsky lan đến cả những lãnh đạo cấp cao nhất trong điện Kremlin. Trong vòng vài ngày, Aleksandr Voloshin, nhân vật từng được xem là biểu tượng hiếm hoi

của sự ổn định trong bối cảnh chính trị đầy rẫy biến động, đã từ chức. Là thành viên của “Gia đình”, Voloshin từng là bạn và đồng minh thân thiết nhất của Abramovich trong bộ máy cấp cao của Chính phủ Nga, từng là tổng tham mưu trưởng dưới thời cả Yeltsin và Putin. Việc ông ra đi cho thấy một sự chuyển dịch mạnh trong cán cân quyền lực giữa một bên là các ông trùm mà ông từng nuôi dưỡng và một bên là ngài tổng thống đang quyết tâm thoát khỏi cái bóng của người tiền nhiệm. Dưới cái nhìn của Abramovich thì tình hình đang diễn biến đặc biệt đáng lo ngại. Tuy nhiên, do đang trong chiến dịch tái tranh cử, nên Tổng thống Putin cũng cần ai đó đủ tin cậy để đứng ra trông nom một trong những công ty lớn nhất nước Nga khi đó và đến nay đã trở thành công ty dầu khí lớn thứ tư thế giới.

Theo các điều khoản trong hợp đồng, thay vì mua cổ phần khổng lồ của Abramovich trong Sibneft, Yukos chỉ mua 20% cổ phần của Sibneft với giá 3 tỉ đô-la Mỹ tiền mặt, tương đương giá trị công ty là 15 tỉ đô-la Mỹ và trả cho Sibneft 26% vốn của tập đoàn Yukos để đổi lấy phần còn lại. Điều này khiến Abramovich trở nên yếu thế khi chỉ còn đóng vai trò của một thành viên cấp thấp. Đồng thời, do Khodorkovsky không còn tại vị, nên quyền lãnh đạo công ty mới sáp nhập không được trao cho Eugene Shvidler, CEO của Sibneft, như đã lên kế hoạch từ trước mà lại chuyển cho Simon Kukes, một cộng sự của Khodorkovsky. Abramovich thực sự mong muốn thay đổi tình thế này bởi nếu Shvidler nắm được chiếc ghế nóng đó thì Abramovich sẽ không chỉ khả năng kiểm soát tốt hơn mà còn có thể bảo đảm về mặt chính trị cho Yukos, và về khía cạnh nào đó là cho chính ông, trước các cuộc điều tra rắc rối có thể xảy ra. Một yếu tố khác cũng phải được cân nhắc là sau vụ bắt giam Khodorkovsky, giá cổ phiếu của Yukos giảm mạnh xuống mức 12,50 đô-la Mỹ, khiến thương vụ tương chừng vô cùng lời lãi ngày nào trở nên rất đáng thất vọng.

Ngày 28 tháng 11 năm 2003, vài phút trước khi bắt đầu cuộc họp cổ đông nhằm thông nhất việc bổ nhiệm một ban quản trị mới cho Yuksi, Abramovich tuyên bố tạm ngừng vụ sáp nhập. Người ta đoán rất nhiều về động cơ của việc này, nhưng có lẽ cách giải thích của tờ The Economist là hợp lý hơn cả. Tờ báo danh tiếng này đặt tên cho hành động tháo lui của Abramovich là “thuyết thiên tu”, “thuyết người cha tức giận” và “thuyết bí mật của nghề bác sĩ”. Thuyết đầu tiên cho rằng Abramovich là người theo trường phái thực dụng, lợi dụng điểm yếu mới xuất hiện ở Yukos nhằm đàm phán một hợp đồng khác; thuyết thứ hai cho rằng Abramovich đang hành động theo mệnh lệnh phát ra từ Kremlin và thuyết thứ ba cho rằng Abramovich cảm thấy tương lai của Yukos thật mù mịt và ông không muốn chịu chung số phận với nó.

Phản ứng ban đầu của các cổ đông Yukos trước hành động bỏ bom của Abramovich là vô cùng gay gắt. Giữa tháng 12, Leonid Nevzlin, người sở hữu 8% cổ phần của công ty chủ vốn Group Menatep thuộc tập đoàn Yukos và là người có quyền ra quyết định trong trường hợp Khodorkovsky vắng mặt, yêu cầu các cổ đông lớn của Sibneft phải đền bù số tiền lên tới 5 tỉ đô-la Mỹ vì đã rút khỏi vụ sáp nhập. Nevzlin kiên quyết rằng, ngoài việc nhượng lại 26% cổ phần ở Yukos, Sibneft phải hoàn trả 3 tỉ đô-la Mỹ.

Quan điểm của Nevzlin ngay từ đầu đã có nhiều điểm hạn chế. Giới công tố Nga đã sung công 40% cổ phần của Khodorkovsky và trong khi dù được trao quyền bỏ phiếu, Nevzlin lại bỏ trốn khỏi Nga hồi đầu năm đó để tránh nguy cơ bị bắt bớ và giờ đã trở thành công dân của Israel. Ngay sau khi Nevzlin đưa ra tuyên bố đòi số tiền phạt 5 tỉ đô-la Mỹ, Abramovich được triệu đến điện Kremlin gặp Tổng thống Putin và một tuần sau đó, ông trùm bay sang Israel gặp Nevzlin. Người ta phỏng đoán rằng ông gặp Nevzlin để truyền đạt quyết định Putin chính thức đình chỉ vụ sáp nhập.

Trong lúc đó, Mikhail Khodorkovsky vẫn tiếp tục mòn mỏi đợi tin trong tù. Theo kế hoạch, vụ xét xử Khodorkovsky sẽ bắt đầu vào cuối tháng 12 năm 2003 nhưng tại phiên tòa đó, Khodorkovsky bị tòa án Nga khước từ quyền bảo lãnh và kéo dài thời gian giam giữ. Ông ta thậm chí còn không được tham dự phiên tòa của chính mình mà chỉ xuất hiện trên màn hình video. Ông trùm khét tiếng một thời trông thật thương tâm trong chiếc áo khoác lông cổ tròn, cặp mắt đeo kính ngó ra bên ngoài qua các thanh xà lim. Tại một phiên tòa khác trong tháng 1 năm 2004, thẩm phán phiên toàn lại một lần nữa bác đơn của luật sư riêng xin cho Khodorkovsky được tại ngoại. Phiên tòa tiếp theo dự kiến sẽ diễn ra vào ngày 25 tháng 3 cùng năm, tuy nhiên sau đó đã bị hoãn lại.

Người ta đồn đoán rằng giới công tố Nga muốn khép cho Khodorkovsky tội danh trốn thuế từ việc chỉnh sửa số liệu với số tiền lên tới 10 tỉ đô-la Mỹ. Nếu cáo buộc này được chứng minh, Chính phủ Nga sẽ có quyền tịch thu toàn bộ tài sản và tiến hành tái quốc hữu hóa số cổ phần của Khodorkovsky. Tuy nhiên, sau này sự việc sáng tỏ là ông trùm kiếm được số tiền trên là nhờ vào việc lợi dụng kẽ hở pháp luật để trốn thuế. Mặc dù Chính phủ có thể áp dụng một số luật có hiệu lực trở về trước để truy thu số tiền đó, nhưng vì hành động như thế có thể làm mất niềm tin của các nhà đầu tư và tất nhiên là sẽ ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng đến thị trường chứng khoán Nga.

Trong bối cảnh đó, các cổ đông khác của ngân hàng Menatep ngày càng tuyệt vọng. Vào tháng , Nevzlin đề xuất thỏa thuận “dùng cổ phần đổi lấy tù nhân”. Theo điều khoản của thỏa thuận kỳ quái này, Nevzlin cùng với Vladimir Dubrov và Mikhail Brudno, hai cổ đông nắm giữ 14% cổ phần của Menatep, sẽ từ bỏ cổ phần của họ để đổi lấy tự do cho Khodorkovsky. Tổng số 22% cổ phần của họ tương đương khoản tiền chuộc 3,2 tỉ đô-la Mỹ, tuy nhiên ít

nhất hai trong số họ là Nevzlin và Dubrov đã có tên trong “danh sách truy nã” của Bộ Nội vụ và toàn bộ hoặc một phần cổ phần của họ cũng nằm trong đó. Với tình cảnh của họ, ai cũng biết việc họ sẵn sàng từ bỏ cổ phiếu để đổi lấy tự do cho bạn mình có ý nghĩa như thế nào với Kremlin. Bất luận thế nào thì Khodorkovsky cũng từ chối ý tưởng này.

Mikhail Kasyanov, Thủ tướng đương nhiệm lúc đó của Putin, giờ trở thành thành viên duy nhất của “Gia đình” còn lại trong nội các kể từ khi Voloshin từ chức. Ông tìm mọi cách để xoa dịu tình hình, trong đó có việc bày tỏ sự “quan ngại sâu sắc” với vụ việc Khodorkovsky, thế nhưng điều đó chỉ làm cho Tổng thống thêm bực mình. Sau này, khi đưa ra cách tiếp cận linh hoạt hơn trong xử lý vấn đề với các ông trùm, cụ thể là theo hướng chú trọng lợi ích thúc đẩy đầu tư, Kasyanov đã bị Công tố viên Nhà nước cảnh báo là hãy chỉ nên quan tâm đến công việc của mình. Vị trí của ông từ lâu đã bị lung lay và với hành động thiếu nhiệt huyết trong vụ Khodorkovsky, ông đã tự ký tên vào án tử. Đúng như dự đoán, ngay trước kỳ bầu cử tổng thống, ông bị miễn nhiệm và được thay thế bởi một nhân vật vốn được coi là cơn ác mộng của các ông trùm: Mikhail Fradkov, nguyên Giám đốc cơ quan Cảnh sát thuế, người từng cho phép các nhân viên dưới quyền sử dụng máy phát hiện nói dối để truy bắt tội phạm.

Đối với Khodorkovsky, cảnh ngộ của ông trùm này thậm chí còn bi đát hơn sau ngày 14 tháng 3 năm 2004, ngày Putin tái đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ hai. Thực ra, trước ngày bỏ phiếu, người ta thấy rõ rằng mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với việc duy trì quyền lực của đương kim tổng thống Nga không phải là việc bị một ứng cử viên khác đánh bại mà lại là nguy cơ Tổng thống có thể phải chịu ảnh hưởng của cái gọi là “hiệu ứng Queensland phiên bản Nga”. “Hiệu ứng Queensland” lần đầu tiên được đề cập đến trong chiến

dịch tái tranh cử chức Thủ hiến của Queensland, một bang miền tây Australia, của Wayne Goss năm 1995. Goss được cho là chắc chắn thắng cử đến mức các cố vấn của ông phải lo rằng nhiều người ủng hộ ông sẽ không đi bỏ phiếu. Một phần vấn đề của Putin nằm ở chỗ: ông đã bóp nghẹt truyền thông và giành được sự hậu thuẫn của tất cả các đài truyền hình và gần như toàn bộ báo chí trong nước, ngoại trừ đài “Tiếng vọng Moscow” của Venediktov – cơ quan truyền thông duy nhất chỉ trích ông. Thực tế này, cùng với việc ba trong số năm ứng cử viên khác đều là bù nhìn của Kremlin, nên Putin chắc chắn sẽ chiến thắng. Điều gây lo ngại duy nhất là liệu sự hờ hững của các cử tri có thể dẫn đến tình huống số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt 50%, một tỉ lệ cần thiết để cuộc bầu cử được coi là hợp lệ.

Trong hoàn cảnh đó, giới chính khách xu nịnh ở các địa phương đua nhau tìm cách lôi kéo cử tri đi bỏ phiếu. Tại một trường đại học ở Vladivostok, người ta hứa hẹn rằng lớp nào bỏ phiếu xong đầu tiên sẽ được thưởng một chuyến thăm quan Trung Quốc. Trong khi đó, ở thành phố Khabarovsk gần đó, các bệnh nhân bị cảnh báo là sẽ không có giường nằm nếu vắng mặt trong ngày bỏ phiếu. Cuối cùng, mối quan ngại của Kremlin đã không xảy ra. Số cử tri đi bỏ phiếu vượt qua mức tối thiểu, Putin đã có một chiến thắng đẹp đẽ.

Abramovich dù tỏ ra rất dễ bảo, chấp nhận nộp cho chính phủ Putin mức thuế khá cao trong nhiều năm liền, nhưng lại là người duy nhất trong các ông trùm tỏ ra là một Teflon. Nếu như Putin có muốn dành thêm một cơ hội cho Abramovich, thì Abramovich cũng sẽ từ chối. Abramovich hiểu rằng một người có khả năng sa thải toàn bộ nội các chỉ vài tuần trước cuộc bầu cử tổng thống, thì cũng có thể trở mặt với ông nếu điều đó phù hợp với lợi ích lâu dài của vị tân tổng thống. William Browder từng nói:

Bạn càng giàu có bao nhiêu, thì càng dễ tổn thương bấy nhiêu. Khi xảy ra trường hợp sáu cá nhân sở hữu tới 60% tài sản của một đất nước, thì chắc chắn họ sẽ bị loại bỏ. Abramovich hẳn đã nhận ra điều đó và vì vậy ông đã bán đi tất cả tài sản. Có 10 tỉ đô-la tiền mặt còn hơn là có 20 tỉ đô-la tài sản luôn tiềm ẩn nguy cơ bị tịch thu.

Nếu Abramovich đã thu xếp thành công vụ thoái lui sáp nhập Yuksi thì lúc này ông cũng hoàn toàn có đủ khả năng thu xếp bán viên ngọc quý trên vương miện của mình. Tháng 3 năm 2004, người ta thấy xuất hiện những đò n đại rằng Abramovich đang muốn bán Sibneft cho một công ty dầu khí phương Tây. Các tập đoàn Chevron Texaco, Total, Shell và Exxon Mobil ráo riết cạnh tranh để có thể sở hữu được khối tài sản giá trị này. Sau khi Putin tái đắc cử, chính phủ Nga đã bàn đến việc xem xét lại các mức thuế và dự định phát triển một loại phí mới có tên “thiên nhiên phí”, đánh vào lợi nhuận của các nhà sản xuất nguyên liệu thô, trong đó có dầu lửa. Số tiền thu được sẽ sử dụng cho các chương trình xã hội, phát triển vùng miền và hiện đại hóa các ngành công nghiệp nhà nước.

Về phần mình, các công ty dầu lửa phương Tây rất muốn tiếp cận trữ lượng dầu lửa ở các thị trường mới. Hàng năm, mức tiêu thụ dầu lửa trên thế giới nhiều gấp bốn lần số lượng tìm mới. Mức tiêu thụ không ngừng gia tăng khiến các công ty dầu lửa thậm chí bắt đầu phải khai thác các bãi trầm tích mà chưa đầy 30 năm trước đó từng bị coi là quá bất tiện hoặc chi phí khai thác quá lớn. Vì vậy, các ông lớn trong ngành dầu lửa giờ đây sẵn sàng tham gia hoạt động tại Nga, một thị trường mà họ từng cố gắng né tránh từ lâu do lo ngại sự hỗn loạn về chính trị.

Tình hình có sự thay đổi đôi chút vào tháng 4 năm 2004. Sibir, một công ty niêm yết trên sàn Thị trường Đầu tư Thay thế London (Alternative Investment Market), bất ngờ yêu cầu tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của mình. Tại thời điểm đó, cổ phiếu của Sibir đang

đứng ở mức khá cao - 28 bằng một cổ phiế u, tương đương mức vớ n hóa thị trường của công ty vào khoảng 489 triệu đô-la Mỹ, một phầ n nhờ vào quan hệ liên doanh với Shell. Thật không may cho Sibir và Shalva Chigirinsky – nhà sáng lập đờ ng thời là cổ đờ ng chính của Sibir - là Sibir có một công ty liên doanh với Sibneft. Sibir có gó p 50% vớ n trong công ty Sibneft-Yugra, hiện đờ ng sở hữu giế ng dầ u Priobskoye ở miề n tây Siberia. Theo Sibir, giế ng Priobskoye có trữ lượng dầ u hơn 1,3 tỉ thùng, theo đó số vớ n gó p của Sibir đờ ng đờ ng định giá tương đờ ng 111 triệu đô-la Mỹ. Khi công ty này đờ ng hoàn tấ t các kế hoạch để đờ ng số vớ n gó p ở Sibneft-Yugra lấ y 45% cổ phầ n trong Công ty Dầ u khí Moscow (MOGC), thì một bí mật bấ t ngờ bị bại lộ: khi thực hiện các điề u khoản hợp đờ ng đờ ng đờ ng với số cổ phầ n của Sibir trong công ty liên doanh với Sibneft, MOGC phát hiện ra rằ ng Sibir không hề hay biế t việc cổ phiế u của họ đã bị pha loã ng và họ chỉ còn lại 1% cổ phầ n trong công ty (điề u mà Robert Kirchner – giám đờ ng c phụ trách vấ n đờ ng doanh nghiệp của Sibir gọi là “thủ đờ ng đờ ng vùi kín trong đờ ng hồ sơ”). Thật khó tin là thủ đờ ng đờ ng này đờ ng đờ ng Sibneft bung bít hoàn toàn trong khoảng thời gian dài 4 tháng.

Kế t quả là Sibir phải gá nh chịu những thiệt hại to lớn, còn Sibneft vẫn giữ đờ ng 50% số vớ n trong công ty liên doanh Sibneft-Yugra. Chigirinsky biế t rõ phải đờ ng tội cho ai. Ông cho biế t: “Ban quản trị của Sibneft-Yugra, cùng với ban quản trị của Sibneft, đã chề số vớ n gó p của chúng tôi ra thành hai hay ba loại cổ phiế u khác nhau. Đây là việc làm bấ t hợp pháp và chúng tôi sẽ tìm gặ p tấ t cả các cơ quan liên quan để lấ y lại số tiề n của mình.” Phát ngôn viên John Mann của Sibneft đã từ chớ i bình luận về những cáo buộ c của Chigirinsky, anh ta chỉ xác nhận rằ ng số vớ n gó p của Sibneft vẫn giữ ở mức 50%. Khi đờ ng hỏi liệu có phải Sibneft đã lên kế hoạch mua lại công ty Sibir yế u kém hay không, anh ta cho biế t “chưa từng nghe thấ y” đờ ng xuấ t nào kiểu như thế này.

Một nhà đầu tư người Anh trong công ty Sibir là Nicholas Berry, cũng là một thành viên của “Gia đình” và từng sở hữu tờ Telegraph, nắm tới 20% cổ phần của Sibir. Trước khi sự vụ trên bị phanh phui, Berry đã cảm thấy có chút lo ngại khi vị giám đốc điểu hành của Sibir không phúc đáp cuộc gọi của ông. Bởi vậy, ông cùng với một số nhà đầu tư khác đã bán hết số cổ phiếu của mình với giá cao trước khi các cổ phiếu bị ngừng giao dịch. Khi được hỏi về việc này, ông tỏ ra không muốn dính líu tới Abramovich. Ông trả lời: “Tôi chưa từng nói chuyện với con người đó. Tôi có cổ phần trong Sibir nhưng đã bán hết hồi năm ngoái và tôi xin nhắc lại là tôi chưa từng bao giờ nói chuyện với con người đó.” Khi được hỏi rằng những lời đồn đại về việc ông đã đề nghị vị tỷ phú người Nga đó giúp triển khai một dự án khác có đúng hay không, ông trả lời: “Không, tôi chẳng muốn liên can gì với con người đó cả.”

Do Sibir đòi hỏi thường cho số cổ phần của mình thông qua con đường pháp lý, nên chúng ta cần xem xét lại một chút về nền tảng mối quan hệ giữa Chigirinsky và Abramovich. Hai năm trước vụ bê bối, hai người đàn ông này đã có một cuộc chiến quyết liệt nhằm giành quyền kiểm soát một công ty lọc dầu cung cấp một nửa số xăng tiêu thụ cho thị trường Moscow. Vụ tranh chấp chỉ được giải quyết sau khi cả hai bên đồng ý thu xếp một hợp đồng chia sẻ quyền lực.

Cùng lúc đó, chuỗi sự kiện Yuksi vẫn tiếp diễn. Trong khoảng thời gian cổ phiếu của Sibir bị tạm dừng giao dịch ở London, một phiên tòa ở Moscow đã ra phán quyết phong tỏa tài sản của Yukos (không tính khối tài sản là dầu lửa) sau khi Chính phủ yêu cầu Yukos phải trả khoản tiền 3,4 tỉ đô-la Mỹ (bao gồm 1,6 tỉ đô-la Mỹ tiền thuế thu thuế và 1,8 tỉ đô-la Mỹ tiền phạt). Hãng Standard&Poor ngay lập tức hạ bậc xếp hạng của cổ phiếu Yukos xuống CCC. Sau đó, để khẳng định quan điểm cứng rắn của mình, cảnh sát thuế Nga đã đột

kích trụ sở Yukos. Một số nhà quan sát coi hành động mới nhất này là biện pháp buộc Yukos phải đi đến phá sản. Các nguồn tin ngân hàng cho biết, nếu buộc phải thanh toán hết các hóa đơn thuế, thì công ty dầu khí khổng lồ này gần như chắc chắn sẽ phá sản.

Tháng 5 năm 2004, Khodorkovsky lại xuất hiện trước tòa nhưng phiên tòa lần đó không đưa ra được kết luận gì. Khodorkovsky lại được đưa về phòng xử án Meshansky ở Moscow dưới sự canh phòng cẩn mật của cả một rừng cảnh sát như thường lệ; an ninh được thắt chặt khi ông đến đó và ngay cả cha mẹ ông cũng không được tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, một lần nữa ông bị khước từ quyền bảo lãnh để được tại ngoại với lý do ông có thể bỏ trốn khỏi đất nước hoặc tìm cách gây ảnh hưởng với các nhân chứng. Ông trở về phòng giam, hiểu rằng nếu bị tuyên án, ông có thể sẽ phải đối mặt với bản án 10 năm tù giam và bị tước đoạt tất cả tài sản. Nếu điều đó xảy ra, Putin có thể chuyển quyền kiểm soát Yukos cho một công ty được xem là biệt lập hơn (có thể là Sibneft) hoặc sẽ thành lập một ban quản lý nhà nước.

Hai ngày sau khi Khodorkovsky ra tòa, cơ hội thuận lợi cho Sibneft xuất hiện. Một tòa án trọng tài giữ nguyên quyết định của buổi điều tra trước đó, tuyên bố vụ sáp nhập Yukos không còn hiệu lực. Phán quyết này mở đường cho công ty Sibneft của Abramovich đòi lại 57% cổ phần từ Yukos, tạo điều kiện cho Abramovich tiếp tục chiến lược rút vốn khỏi Sibneft. Điều này chứng tỏ rằng ông trùm tinh khôn nhất của Moscow không hề đánh mất khả năng tận dụng hệ thống chính trị một cách có lợi cho mình.

Đến giữa tháng 6 năm đó, trước khi diễn ra phiên phúc thẩm cuối cùng của Yukos, chủ tịch Yukos là Simon Kukes triệu tập cuộc

họp khẩn cấp các ủy viên quản trị cấp cao tại trụ sở chính của Công ty trong một tòa nhà 18 tầng tọa lạc trên đường Dubininskaya, Moscow. Trưởng phòng Tài chính Bruce Misamore và phó giám đốc điều hành Yuri Beilin đang ở nước ngoài cũng được triệu hồi về Nga để tham gia cuộc họp vào cuối tuần với các cố vấn thuế và các luật sư. Ngày thứ Sáu tuần sau đó, Yukos sẽ có kháng cáo chính thức đối với yêu cầu truy thu thuế nhiều tỉ đô-la của Chính phủ. Một không khí khủng hoảng bao trùm lên Yukos. Trong thời gian trước khi diễn ra các cuộc đàm phán về cuộc khủng hoảng, Kukes cho tờ The Sunday Times biết: “Yukos sẵn sàng tuân thủ bất kỳ phán quyết nào của tòa án. Chúng tôi sẽ nộp, kể cả đó là một khoản thuế khổng lồ nếu chúng tôi có thể tái cơ cấu. Tuy nhiên, đã không còn thời gian cho việc tái cơ cấu nữa. Việc họ yêu cầu phải trả những khoản tiền ngay lập tức chẳng khác nào dồn chúng tôi vào đường cùng.”

Khi cuốn sách này được ấn hành, số phận của Yukos vẫn chưa được định đoạt. Tuy nhiên, có lẽ điều làm mọi người cảm nhận sâu sắc nhất về toàn bộ kịch bản này lại bắt nguồn từ một người háp hổi. Vào tháng 7 năm 2004, tờ Izvestia cho đăng tải bài phỏng vấn với Paul Klebnikov, biên tập viên người Nga của tạp chí Forbes ấn bản tiếng Nga, người đã qua đời trước đó vài ngày do bị bốn viên đạn găm vào người trên đường phố Moscow. Trong bài phỏng vấn, Klebnikov cho biết “Hãy so sánh Sibneft với Yukos. Xét về tất cả các cáo buộc chính thức và không chính thức đối với Yukos (như không trả thuế, không yêu nước và lợi ích chính trị), thì Sibneft còn tồi tệ hơn Yukos nhiều. Tuy nhiên, Sibneft đang phát đạt và được Kremlin ủng hộ trong khi Yukos lại bị bóp vụn.” Klebnikov cho rằng sở dĩ có sự khác biệt đó là do mối quan hệ giữa Abramovich với Putin: “Tôi nghĩ rằng một người là bạn của Tổng thống, còn người kia là một người độc lập. Nếu luật pháp được thực thi nghiêm

khá'c với ông trùm này, thì tại sao lại không nghiêm khá'c với ông
trùm kia, người còn vi phạm đạo đức xã hội trầm trọng hơn nhiều?"

Chương 17. Cái giá của sự giàu có

Người ta nói rằng tiền mua được tự do, nhưng khi bạn có nhiều tiền như Abramovich, bạn trở thành tù nhân của nó. Nguy cơ bị bắt cóc hoặc ám sát luôn hiện hữu và các biện pháp phòng ngừa đương nhiên đã hạn chế cuộc sống của ông rất lớn. Ông không thể tự do tản bộ trong công viên hay đi mua sắm bình thường như bao người khác trên đường phố Oxford. Gần như bất kỳ nơi nào muốn đặt chân đến, ông đều phải đi cùng với các vệ sĩ. Người ta nói rằng nơi duy nhất mà ông cảm thấy đủ an toàn để không cần vệ sĩ đi kèm là Chukotka. Ngay cả khi hai vợ chồng ông bay bằng trực thăng riêng sang khu trượt tuyết Courchevel ở Pháp để tìm mua nhà, thì họ cũng phải có thêm ba vệ sĩ đi kèm.

Ở Anh, những vệ sĩ được săn lùng nhiều nhất chính là các “cựu Herford”, tức là các cựu thành viên của Lực lượng Đặc nhiệm không quân (SAS) cũ của Anh đóng quân ở Herfordshire. Theo một nguồn tin, Abramovich có một vệ sĩ trụ cột là “cựu Herford”, nhưng đa số nhân viên bảo vệ của ông đều là cựu đặc vụ của KGB. Khả năng đây là các cựu thành viên của đơn vị Alpha và Zenith của KGB trước kia. Các đặc vụ làm việc cho Alpha, chuyên trách địa bàn trong nước và Zenith, chuyên trách địa bàn nước ngoài đều là các đơn vị tinh nhuệ trong KGB – một tổ chức được cải tổ thành FSB sau khi chính quyền cộng sản sụp đổ.

Abramovich được cho là cư trú ở Anh với hộ chiếu doanh nhân và theo luật di trú, ông được phép đưa “công nhân nội địa” từ nước mình đến. Điều này giúp ông duy trì một đội vệ sĩ lên tới 30 người và có thể cho bạn bè thuê mượn nếu họ cần gấp.

Việc đi lại của Abramovich, tức là “ông chủ” theo cách nói của các vệ sĩ, chịu sự điều phối vô cùng cẩn trọng của một trung tâm kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc đi lại của Abramovich, việc triển khai các vệ sĩ và bố trí các nhân viên khác. Trung tâm đầu não này cũng chịu trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết cho các chuyến đi. Nhiệm vụ của Trung tâm trở nên khó khăn hơn kể từ khi Abramovich tiếp quản Chelsea và người ta dễ đoán định việc đi lại của ông hơn. Chẳng hạn, nếu Câu lạc bộ có lịch thi đấu ở thành phố Birmingham thì bất kỳ kẻ thù nào của Abramovich cũng đều có thể dự đoán rằng ông sẽ bay đến sân bay trực thăng địa phương vào ngày diễn ra trận đấu. Trong những tình huống như thế, một đội vệ sĩ sẽ được cử đi do thám trước. Công việc này đòi hỏi đội tiền trạm phải xác định được thời gian “ông chủ” đáp máy bay phù hợp nhất, lựa chọn tuyến đường di chuyển tốt nhất từ bãi đậu trực thăng đến sân vận động và phòng ngừa được tất cả các mối hiểm nguy rình rập trên đường đi. Họ cũng sẽ phải đánh dấu vị trí các bệnh viện gần nhất và thông báo cho cảnh sát địa phương về kế hoạch của ông. Trong trường hợp Abramovich sử dụng máy bay trực thăng, trung tâm điều phối cũng phải chịu trách nhiệm bảo đảm rằng đoàn xe bọc thép sẵn sàng đón ngay khi ông đặt chân xuống mặt đất.

Tuy nhiên, thời gian sau trận đấu lại là lúc Abramovich có nguy cơ bị tấn công nhất. Rời khỏi sân bóng sau trận đấu, đương nhiên là Abramovich sẽ phải chịu cảnh giao thông vô cùng lộn xộn. Thế nhưng, là ông chủ Câu lạc bộ, Abramovich lại không thể tránh đám đông bằng cách lên rời đi khoảng 10 phút trước khi tiếng còi kết thúc trận đấu vang lên. Những nguy hiểm khi ở trong chiếc xe ô tô chạy tốc độ rùa bò là điều hiển nhiên: Kinh nghiệm của Berezovsky, nạn nhân một vụ đánh bom xe điều khiển từ xa ở Moscow năm 1994, là một minh chứng đầy thuyết phục. Những rắc rối đặc biệt khó giải quyết tại sân Stamford Bridge và các mối quan ngại về giao

thông có vẻ chính là nguyên nhân khiến Abramovich muốn xây một bãi đỗ trực thăng ngay trên sân thượng khách sạn Village Chelsea để ông có thể rời trận đấu bằng đường không chỉ vài phút sau khi trận đấu kết thúc thay vì phải bỏ ra một giờ đồng hồ đi bằng đường bộ.

Thông thường, các vệ sĩ liên lạc với nhau bằng bộ đàm thoại không dây. Tuy nhiên, họ cũng mang theo một điện thoại di động và một máy nhắn tin. Theo luật, họ không được mang mang theo súng cầm tay. Một phát ngôn viên của Bộ Nội vụ Anh xác nhận:

Tất cả các loại súng cầm tay đều bị cấm ở đất nước này. Bất kỳ ai muốn mang súng đều sẽ phải nộp đơn lên Ngoại trưởng để xin giấy phép đặc biệt theo Điều 5 trong Đạo luật Súng cầm tay năm 1968. Tôi sẽ không xác nhận hay phủ nhận việc cá nhân mà quý vị đề cập (Abramovich) có làm đơn trên hay không nhưng hoạt động bảo vệ theo Điều 5 không dành cho một cá nhân cụ thể.

Người ta đồn rằng nhiều nhân vật đặc biệt quan trọng ở Anh vẫn sử dụng những đội vệ sĩ có trang bị súng bất chấp luật cấm. Nếu như vậy thì những vệ sĩ này đều khiến mình có nguy cơ phải lãnh án 5 năm tù giam theo Đạo luật Hình sự năm 2003. Sĩ quan cảnh sát là lực lượng an ninh duy nhất mặc nhiên được phép mang súng ở Anh, mặc dù có một số ngoại lệ dành cho những nhân viên an ninh tháp tùng các nguyên thủ quốc gia hoặc các chính trị gia nước ngoài được xem là đang ở trong tình trạng rủi ro cao.

Vũ khí sát thương mạnh nhất mà các vệ sĩ có thể mang theo một cách hợp pháp là một chiếc dùi cui nhỏ. Vì vậy, các vệ sĩ phải theo học các khóa chiến đấu tay bo, phải luôn giữ cơ thể cường tráng và đầu óc tỉnh táo. Họ cũng trải qua các khóa huấn luyện kỹ thuật sơ cứu và thực hành sơ cứu khẩn cấp. Do tính chất nguy hiểm của công việc, tiền công của họ rất cao. Các vệ sĩ bảo vệ các nhân vật kiểu như

Abramovich có thể nhận được khoảng 300 bảng một ngày. Ngay cả lái xe riêng của Abramovich cũng có mức tiền công cao hơn bình thường. Ngoài ra, đội xe của Abramovich bao gồm toàn xe bọc thép và các lái xe đều có kỹ năng điều khiển xe rất tài tình, đặc biệt trong những tình huống phải tẩu thoát.

Nhờ tính hiệu quả của hệ thống an ninh này mà ngay cả những tay săn ảnh các nhân vật nổi tiếng thế giới cũng chẳng bao giờ chụp được ảnh của Abramovich. Kể từ khi đến sống ở Anh, Abramovich rất hiếm khi chụp ảnh mà không có sự bố trí từ trước, ngoại trừ khi ông đang lẫn trong đám đông xem bóng đá. Thực vậy, khi hòa cùng các người hâm mộ hâm mộ tại các trận đấu và ký tặng trẻ em tức là ông đang chấp nhận những rủi ro đã được dự tính trước. Theo thuật ngữ của ngành an ninh, các vệ sĩ của ông phải kẻ một đường giới hạn giữa “tiếp xúc và bảo vệ”.

Khi Abramovich trở thành nhân vật nổi tiếng thì không chỉ bản thân ông cần tăng cường sự bảo vệ mà cả gia đình ông cũng có nhu cầu đó. Không còn chuyện bà vợ Irina của ông đi mua sắm ở London mà không bị để ý. Thậm chí, việc bị các tay săn ảnh chụp lén đôi khi cũng diễn ra. Ngay cả các con của ông cũng bị ảnh hưởng. Cô con gái đầu vô cùng nản lòng khi cứ khoảng nửa tháng lại phải thay số điện thoại di động một lần vì bị quấy rầy.

Vấn đề an ninh cũng không thể bị coi nhẹ ngay cả khi ông ở ngoài biển khơi. Chẳng hạn, chiếc du thuyền Pelorus được lắp kính chống đạn và hệ thống phát hiện tên lửa. Trong trường hợp xảy ra chuyện, ông có thể trốn thoát bằng một chiếc trực thăng hoặc tàu ngầm. Không còn nghi ngờ gì nữa, an toàn và an ninh là những ưu tiên hàng đầu của Abramovich khi ông đang trên biển và khi xảy ra tình huống xấu nhất trong mọi tình huống thì người của ông đều được chuẩn bị chu đáo. Thủy thủ đoàn của Le Grand Blue, Pelorus đều là khách hàng của Heliriviera, một công ty có trụ

sở ở Cannes, Pháp chuyên về dịch vụ hỗ trợ bằng trực thăng cho chủ nhân của những du thuyền cỡ lớn. Chỉ riêng du thuyền Pelorus đã có hẳn có một sĩ quan phụ trách hạ cánh trực thăng và tối thiểu hai nhân viên phụ trách sàn đáp trực thăng trên thuyền và thiết bị cứu hỏa di động được bố trí sẵn sàng bảo đảm đủ năng lực xử lý trong mọi tình huống.

Ở Nga, sự thận trọng về mặt an ninh của ông thậm chí còn tỉ mỉ và chi tiết hơn nhiều. Abramovich là ông trùm thuộc thế hệ trẻ và vào thời điểm ông xuất hiện, để có được sự giàu có thường phải lại qua, đút lót và hối lộ các quan chức chính phủ rất nhiều. Tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy Abramovich từng sử dụng một trong những biện pháp trên để trở nên giàu có. Thế nhưng, trong một xã hội mà trung bình người dân chỉ kiếm được một vài trăm đô-la một năm và hơn 40% dân số được xác định là sống trong nghèo đói thì một người giàu có như vậy đương nhiên lúc nào cũng phải cẩn trọng. Về điểm này, giống như những ông trùm khác, Abramovich đã phải thuê một lực lượng vệ sĩ có thể miêu tả như một “tổ chức quân đội cá nhân”. Lương các binh lính Nga thuộc hàng thấp nhất Châu Âu và nhiều người lính hết nghĩa vụ hoặc lính gác xuất ngũ thường bị hấp dẫn bởi viễn cảnh kiếm được hàng trăm đô-la mỗi tháng nếu trở thành các tay súng đánh thuê.

Ngoài việc phải duy trì một đội ngũ bảo vệ, sự giàu có của Abramovich còn đồng nghĩa với việc tên của ông thường xuyên bị gắ n với những hợp đồng mua bán lớn. Đây là điều nhanh chóng làm ông cảm thấy vừa thích thú vừa chán nản. Một lần đã rất khuya, ngay sau khi mua Chelsea, ông gọi điện từ Fyning Hill về nhà một người bạn ở Moscow là phát thanh viên Alexei Venediktov và than phiền: “Alexei này, báo chí ở đây cứ đưa tin về việc tôi mua hết nhà nọ đến nhà kia, cứ như kiểu là tôi muốn sở hữu cả Cung điện Buckingham nữa vậy. Tôi chỉ mới mua một căn hộ tầng trệt

trong một tòa nhà ở London (khu chung cư ở phố Lowndes, Knightsbridge). Tức là, ngoài khu điền trang ở nông thôn, chỗ mà tôi tình cờ mua trước khi Berezovsky mua...” Nghe đến đây, Venediktov, một người luôn nghiêm túc và không thích buôn chuyện phiếm, ngắt lời ông: “Tại sao ông lại nói những chuyện này với tôi? Tôi không quan tâm. Giờ đã là quá nửa đêm ở Moscow, tôi muốn ngủ.” Abramovich có vẻ buồn và giải thích với người bạn: “Tôi muốn anh là người đầu tiên biết những tin đồn đó không phải là sự thật”.

Khi nghĩ lại, Venediktov thừa nhận rằng bởi vì Abramovich hiểu rất rõ về sức ảnh hưởng của đài phát thanh Tiếng vọng, nên không thể nói đây là chuyện nhỏ mà thực sự cho thấy rằng Abramovich muốn xóa tan dư luận trước khi chúng lan ra khắp Moscow. Mặc dù Abramovich tuyên bố rằng ông không quan tâm đến dư luận, dù chúng tốt hay xấu, nhưng cũng như nhiều đồng hương, rõ ràng là ông ý thức sâu sắc về sự khó chịu ngày càng tăng ở Moscow về cách ông tiêu xài tiền (của ông, hoặc rất có thể là của họ) ở phương Tây.

Thực ra, nguyên nhân dẫn đến việc Abramovich phải quây rây giặc ngủ của bạn mình là tin đồn ông đang đàm phán để mua ngôi biệt thự của ông trùm đường đua Công thức 1 Bernie Ecclestone ở Kensington với giá 85 triệu bảng. Nếu mua với mức giá đó, Abramovich hẳn sẽ lập kỷ lục mới về giá của một ngôi nhà tư. Ngôi nhà này được xây dựng ngay chính trên địa điểm của hai tòa đại sứ quán cũ trên đường Kensington Palace Gardens, một con đường nổi tiếng là “con phố của các tỉ phú”. Bốn trăm nhân công được thuê mướn để xây ngôi biệt thự với 12 phòng ngủ, một phòng khiêu vũ, một phòng tắm hơi, một phòng triển lãm tranh ốp gỗ sồi, một salon tóc, một bể bơi và một gara cho 20 chiếc xe hơi. Phần lớn trong số chín nghìn feet vuông đá cẩm thạch dùng để nâng cấp ngôi nhà được

lấy từ cùng một mỏ đá cung cấp loại đá từng được dùng để xây dựng tòa Taj Mahal. Ngôi nhà này càng thêm phần giá trị vì chỉ cách toàn cung điện của công nương Diana quá cỡ vài bước chân.

Tin đồn Abramovich đang để mắt đến tòa biệt thự này bắt đầu lan ra khi ông trùm mời Ecclestone, người giàu thứ 7 nước Anh với khối tài sản tương đương 2,3 tỉ bảng, đến xem trận Chelsea gặp Newcastle United vào tháng 11 năm 2003. Phát ngôn viên của Abramovich John Mann cho biết: “rất rõ ràng là ở chỗ mọi người gửi đủ các loại quảng cáo cho Abramovich và sau đó lại loan tin rằng ông quan tâm tới chúng để khuấy động sự chú ý của công chúng. Đó là một tình huống rất khó xử. Chúng tôi không thể giải thích được. Nếu chúng tôi có bác bỏ thì những thông tin loại đó vẫn sẽ trở thành những hàng tít trên trang bìa nên chúng tôi hầu như không muốn bận tâm đến chuyện đó nữa.”

Thực ra, việc Abramovich mời Ecclestone đến xem một trận đấu tại sân Stamford Bridge bản chất chỉ là một lời “cảm ơn” lịch sự vì Ecclestone đã tổ chức cho gia đình ông đến xem giải Grand Prix châu Âu tại Nurburgring ở Đức hồi tháng 7 năm 2002. Thế là mọi người liền đồn đoán rằng Abramovich đang dự định đầu tư vào môn thể thao đua ô tô. Chính cựu huấn luyện viên trưởng đội tuyển bóng đá Anh Sven-Goran Eriksson cũng góp phần làm câu chuyện lan truyền đi nhanh chóng. Ngay sau khi xuất hiện bức hình chụp cậu con trai của Abramovich đang ngồi trong một chiếc xe hơi tại trạm tiếp liệu Minardi ở Numburgring, ông ta nói rằng Abramovich có thể sẽ đầu tư vào giải đua Công thức 1. Phát ngôn viên của trạm Minardi, Graham Jones đã phản bác rằng “chưa hề có cuộc trao đổi nào về việc này cả”, nhưng tin đồn vẫn được đăng tải trên các tờ báo lá cải với dòng tít: “Abramovich đã sẵn sàng bơm tiền vào Giải đua Công thức 1.”

Bất chấp những lời phản bác, các phóng viên tỏ ra rất hào hứng theo đuổi chủ đề này. Họ đi đến kết luận rằng đội đua của Eddie Jordan, vốn đang gặp khó khăn về tài chính, sẽ là sự lựa chọn của Abramovich.

Abramovich lại một lần nữa gọi điện cho Venediktov lúc đêm khuya, sau khi ông đọc được bài báo đưa tin rằng tỷ phú người Nga Abramovich đang tìm mua nhà ở thị trấn Sevenoaks, hạt Kent. Lần này câu chuyện có vẻ ly kỳ hơn. Người ta đồn rằng ông đã mua một ngôi nhà ở Đại lộ Wilderness giàu có, tổ chức lễ hội Bonfire Night mời tất cả hàng xóm láng giềng đến dự và rồi gọi điện cho họ vào sáng hôm sau đề nghị trả 2,5 triệu bảng cho mỗi ngôi nhà của họ (cao hơn giá thị trường khoảng 500 nghìn bảng). Theo tờ báo, ông có kế hoạch phá bỏ toàn bộ các ngôi nhà trong khu vực này và xây một dinh thự mới có diện tích khu vườn lên đến 12 mẫu Anh. Ngay cả giới kinh doanh bất động sản trong vùng cũng vô cùng kinh ngạc trước thông tin này. Một đại diện của hãng địa ốc Headland&Weald cho biết: “Chúng tôi không hề biết ông ấy có sở hữu bất động sản nào trong vùng hay không.” Một tờ báo địa phương là tờ Sevenoaks Chronicle cũng tìm hiểu câu chuyện, song người phóng viên phụ trách việc này không đưa được câu chuyện đi đến đâu cả. Người này cho biết: “Chúng tôi đã tìm gặp tất cả đối tượng liên quan nhưng chẳng tìm được gì cả. Họ tỏ ra trịnh thượng và không muốn nói chuyện với những người kiểu như chúng tôi.”

Tờ Sunday Mirror lại tiếp tục kể về một ngôi nhà khác mà Abramovich định mua trong thời gian tới. Tờ báo đưa tin, Abramovich sẽ bỏ ra 29 triệu bảng để biến hai tầng trên cùng của một trường đại học ở Kensington thành một căn hộ áp mái sang trọng với 4 phòng ngủ và một bể bơi; thậm chí, ông còn đặt 5 nghìn bảng ở một quán rượu để “tổ chức tiệc cho 360 công nhân”. Sau đó không ai còn nghe thấy gì thêm về chuyện này nữa.

Những người Nga nghèo khó hẳn chẳng vui gì khi nghe tin Abramovich có kế hoạch phung phí thêm nhiều triệu bảng (phần lớn trong số bị cho là tiền “cướp bóc” được từ quê hương) vào trung tâm thương mại Fullham Broadway gần sân của Chelsea. Một tuần sau khi Abramovich kiếm được 1,8 tỉ đô-la từ việc bán đi một số cổ phần ở RusAl, người ta đồn rằng ông đang cân nhắc việc trả 95 triệu bảng để mua trung tâm này, nơi có một rạp chiếu bóng, một siêu thị, các cửa hàng, các quán bar và nhà hàng. Ở đây, triết lý “buôn chuyện để kiếm lời” của John Mann có vẻ rất đúng.

Tất nhiên là cũng có những lời đồn đại về các khoản chi tiêu liên quan đến chính câu lạc bộ bóng đá Chelsea. Nhiều bài báo trích “nguồn đáng tin cậy” đã đưa tin rằng Abramovich đang chuẩn bị bỏ ra 50 triệu bảng để đưa về Chelsea tiền đạo Thierry Henry của đội Arsenal, một cầu thủ mà Abramovich từng liệt kê vào danh sách các cầu thủ yêu thích của ông. Tuy nhiên, chuyện này rồi cũng chẳng đi đến đâu. Tiếp theo, người ta lại đồn rằng ông đã bỏ tiền túi để đưa 500 ông bạn người Nga đến xem trận Chelsea so gài với Manchester United tại sân Stamford Bridge vào tháng 11 năm 2003. John Mann cho biết “Giá một chiếc vé cả lượt đi lẫn lượt về là 1.500 bảng. Không phải là Abramovich trả số tiền đó cho 500 người mà chỉ trả cho 100 trong số 500 người đó.” Ngay sau khi Chelsea thuê Stuart Higgins, cựu biên tập viên của tờ The Sun về làm cố vấn PR cho Câu lạc bộ, một bài báo của tờ Daily Telegraph đưa tin rằng Abramovich từng muốn thuê Godric Smith, cựu phát ngôn viên của Thủ tướng Anh, đảm nhiệm việc này. Thật chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Higgins phản bác: “Sự thật không phải như vậy.”

Những lời đồn không có thực về các khoản chi tiêu khổng lồ của Abramovich không chỉ bó hẹp ở trong nước Anh và Nga. Trong những chuyến đi Canada và Mỹ, những tin đồn vẫn không buông tha ông trùm. Sau một thời gian ngắn lưu lại Vancouver, người ta

đô`n rã`ng ông đang tìm cách mua đội Khúc côn câ`u trên băng Canucks của thành phố` này. Tuy nhiên, ngay cả khi Mann chưa kịp thanh minh thì một cổ đông lớn của Canucks tên là John McCaw đã khẳng định rã`ng ông chỉ muố`n bán đội khúc côn câ`u cho người trong nước.

Những lời đô`n đại vô căn cứ trên có thể khiế`n Abramovich thấ`y rấ`t phiề`n hà, nhưng chúng có thể giúp cho một nhóm các nhà cổ`vấ`n, tham vấ`n và các nhà thầ`u được hưởng lợi. Khi vị tĩ phú nhiề`u tĩ đô-la này đế`n với thành phố` nào, thì thế` nào cũng có một số` doanh nhân khôn ngoan ở đó có cơ hội kiế`m chác đôi chút. Một trong số` những công ty may mắ`n kiế`m được lời lãi theo kiểu này là hãng tư vấ`n địa ô`c Knight Frank. Công ty này đã dàn xế`p đễ` ông trùm mua thành công khu nhà ở West Sussex và căn hộ ở Knightsbridge và có tin là tiế`p tục được Abramovich thuê đễ` giúp mua một ngôi nhà ở London.

Như chúng ta đễ`u đã biế`t, ông chủ khu thương xá Harrods tên là Mohamed Al Fayed mặc dù đã trở thành bạn của Abramovich nhưng đô`ng thời cũng vẫn hưởng lợi từ vị tĩ phú này. Không chỉ có lợi từ việc Irina trở thành khách hàng ruộ`t của Harrods kể từ khi đế`n London, mà với tư cách là ông chủ của bãi đậu trực thăng Battersea và Hãng hàng không thương mại Metro, Al Fayed cũng kiế`m được khá nhiề`u tiề`n nhờ phong cách đi lại bắ`ng đường không của Abramovich. Bởi thế`, Al Fayed tâ`t nhiên là không vui về gì nế`u ông chủ Chelsea xây bãi đậu trực thăng trên mái sân vận động Stamford Bridge. Ngoài ra, sân bay Farnborough, chỉ mấ`t 15 phút đi trực thăng từ Battersea, cũng là một sân bay khác được hưởng lợi từ hầ`u bao của Abramovich.

Heathrow và Gatwick cho rã`ng thị trường máy bay tư nhân đã làm ảnh hưởng đế`n việc kinh doanh đường bay thương mại chủ chố`t của họ, vì vậy họ thường hét mức giá cắ`t cổ với các nhà sử dụng

cá nhân. Họ chuyển hoạt động kinh doanh này cho Luton và sau này là Farnborough, một công ty thuộc quyền sở hữu của Hãng hàng không TAG do gia đình Ojeh (doanh nhân Syria phát lên nhờ các hợp đồng mua bán vũ khí với Ả-rập Xê-út) đi đầu hành.

Trong hơn một thập qua, TAG đã biến sân bay quân sự trước đây ở Hampshire, phía đông nam London, thành một hình ảnh hoàn toàn khác. Với kiến trúc hiện đại và các nhà chứa máy bay công nghệ cao, sân bay này không chỉ duy trì tốt vai trò trước đây mà còn thu hút thêm rất nhiều khách hàng sang trọng. Farnborough còn có lợi thế hơn Heathrow và Gatwick nhờ sự kín đáo. Một nhân viên của hãng hàng không này đã quảng bá: “Nếu bạn muốn bay vào Anh mà không bị chú ý, thì Farnborough chính là địa điểm hạ cánh lý tưởng.” Vì vậy, nơi này đã trở thành sân bay ưa thích đặc biệt của người Nga, đặc biệt là một người luôn dốc hầu bao một cách hào phóng như Abramovich.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, tất cả các khách sạn, nhà hàng, cửa hiệu kim hoàn, văn phòng tuyển người, cửa hàng thủy tinh và đồ sứ đều thích thói quen tiêu pha của Abramovich. Chỉ riêng chi phí tiêu dùng của Abramovich bỏ vào nền kinh tế Anh cũng phải lên tới hàng chục triệu bảng.

Chương 18. Một mùa giải trắng tay

Ngồi một mình trong chiếc thuyền buồm Le Grand Bleu, du thuyền trắng lệt nhết hải cảng Monte Carlo, Abramovich trông vô cùng buồn bã. Cảnh vẫn đẹp, bầu trời đêm đó đầy sao, tỏa ánh sáng lung linh xuống mặt nước và ông vẫn là người vô cùng giàu có. Thế nhưng trông dáng vẻ của ông, người ta tưởng rằng thế giới dường như đã sụp đổ. Ở một khía cạnh nào đó thì đúng là như vậy. Buổi tối hôm đó, giấc mơ đội Chelsea tiến vào trận chung kết cúp C1 châu Âu đã tan thành mây khói sau trận đấu thất bại trước Monaco. Theo một nguồn tin thân cận, trận thua đã làm ông bật khóc. Và giống như mọi người khác, ông chỉ có thể đổ lỗi cho một người, đó là “Gã Thợ hàn” Claudio Ranieri, người đã từng hàn gắn được một số đội bóng nhưng đến đây đã định đoạt xong số phận của mình ở Chelsea.

Một ngày tương sẽ đầy hứa hẹn lại bắt đầu thật tồi tệ. Sau bữa sáng, có người lưu ý Abramovich về nội dung Ranieri trả lời phỏng vấn một tờ báo thể thao tiếng Tây Ban Nha là tờ Marca. Mỗi câu trả lời của Ranieri đều như mũi dao đâm vào ông. Vị huấn luyện viên trưởng Chelsea vô tư nói về sự nóng nảy của ông chủ của câu lạc bộ mà ông đang huấn luyện. Ông ta nói với phóng viên Juan Castro như thế này: “Quý vị có biết sự thật là gì không? Abramovich chẳng hiểu gì về bóng đá cả. Đó thực sự là điều đáng hổ thẹn. Nếu ông ta và những người trong giới của ông ta hiểu những gì tôi đã làm được trong mùa giải này, họ sẽ đánh giá tôi cao hơn... Ký nhiều hợp đồng lôi các cầu thủ về cho đội bóng và gắn kết họ lại với nhau trong một đội hình là một công việc vô cùng khó khăn. Abramovich không nhận ra điều đó. Ông ta và các bộ sậu chỉ nghĩ rằng: ‘Tôi sẽ ký hợp đồng với người này, người này và người này. Và chúng tôi sẽ giành

chiến thắng.” Khi được hỏi liệu những người như Abramovich có phù hợp với môn thể thao này hay không, ông ta có câu trả lời không đúng mực chút nào: “Không, nhưng liệu tôi có thể làm được gì? Trong bóng đá, tiền mới là thứ dùng để nói chuyện.” Sau này, trợ lý của Ranieri cải chính rằng bài báo nói trên đã “diễn giải sai hoàn toàn những gì mà Ranieri đã trả lời ba tuần trước đó và mọi người không nên trầm trọng hóa vấn đề”. Tuy nhiên, thiệt hại vẫn xảy ra. Không thể biết được sự hiềm khích giữa ông chủ và huấn luyện viên đội bóng đã ảnh hưởng như thế nào đến tinh thần thi đấu của các cầu thủ Chelsea và lên chính sự minh mẫn của Ranieri, nhưng trận thua 1-3 trước Monaco thực sự là một thất bại ê chề.

Không thể ngủ được, Abramovich lên bờ và rảo bước đến khách sạn La Port Palace, nơi nghỉ của các cầu thủ. Ở đó, ông gặp Peter Kenyon, Bruce Buck và Eugene Shvidler. Họ nhấ t trí với nhau ở một điểm: Tác động tích cực duy nhấ t của buổi tối đáng thất vọng này là những người tham gia chiến dịch “Cứu Ranieri” đã bị mất tinh thần. Rốt cuộc thì người mà họ yêu quý đã không có được bản lĩnh vững vàng. Sau đó Abramovich đi vào quán bar và bàn luận về trận thua vừa rồi với một số cầu thủ Chelsea, trong đó có Jimmy Floyd Hasselbaink, Frank Lampard và Marcel Desailly.

Khi tỉ số đang là 1-1 thì trọng tài đưa ra một quyết định gây tranh cãi có lợi cho Chelsea: Ông rút thẻ đỏ đuổi Andreas Zikos ra khỏi sân khi Makelele ngã khụy xuống sân vì bị cầu thủ của đội Monaco này đập tay vào đầu. Phản ứng của Didier Deschamps, huấn luyện viên trưởng đội Monaco, là rút Dado Prso, cầu thủ đã ghi bàn thắng mở đầu trận đấu, và thay bằng một hậu vệ. Theo giới túc cầu thì hành động này cho thấy huấn luyện viên đội Monaco đã không còn hy vọng về một trận thắng như các bạn đã biết. 52 phút đã trôi qua, đội khách vẫn chỉ cầu mong một trận hòa. Lúc này Ranieri, người đã bắt đầu tỏ ra là một thiên tài chiến

thuật chứ không phải một người thiế u quyế t đoán như thường thấ y, quyế t định chơi một canh bạc kỳ quặc. Sau khi đưa Juan Sebastian Veron, một câ u thủ đang chơi dưới phong độ, vào sân thay cho Gronkjaer, ông đưa ra một quyế t định vô cùng mạo hiểm với việc thay hậu vệ cánh phải Mario Melchiot bằ ng tiề n đạo Hasselbaink.

Thật khó mà biế t được Ranieri suy nghĩ điề u gì khi đó. Có lẽ ông đã cho rằ ng với sự táo bạo đó, ông có thể xóa đi những nghi ngờ và chứng tỏ với thế giới rằ ng ông thực sự là một thiên tài về đấ u pháp. Những tin đôn không hay về tương lai của ông trong nhiề u tháng qua có thể sẽ chấ m dứt khi ông giành được thắ ng lợi nhờ vào một quyế t định táo bạo là gia tăng tâ n công ở thời điể m thích hợp nhấ t. Nế u đúng là như vậy thì quả thực Ranieri đã chọn sai thời điể m từ bỏ sự cẩn trọng vớ n có của mình. Rõ ràng là ngay từ đầ u hầ u như chẳng có mấ y người, ngoại trừ Ranieri, hiểu được logic đầ ng sau quyế t định thay Melchiot. Lampard quay sang Makelele để tìm một câu trả lời cho việc đó, nhưng câ u thủ người Pháp này chỉ có thể khẽ nhún vai im lặng.

Do hàng thủ đội Chelsea giờ đây trở nên hỗn loạn, Monaco lại tiế p tục duy trì lố i đá tâ n công. Khi mà khung thành của thủ môn Marco Ambrosio đang chịu sức ép ngày càng gia tăng, thật kỳ lạ là Ranieri lại quyế t định thay người một lâ n nữa. Trung vệ cánh phải Scott Parker được thay bằ ng Robert Huth, một trung vệ trung tâm. Đế n lúc này thì Monaco không thể tin nổi sự may mắ n của mình nữa. Vào phút 78, Fernando Morientes ghi bàn thắ ng cho đội chủ nhà. Buổi tồ i hôm đó càng bắ t hạnh hơn với Ranieri và đội bóng của ông khi họ phải nhận thêm bàn thua thứ ba chỉ 5 phút sau đó. Câ u thủ ghi bàn là Shabani Nonda.

Trong phòng thay đồ ` sau trận đấ u, một câ u thủ đã nhìn quanh và thố t lên: “Chuyện quái quỷ gì đã diễn ra vậy?” Câu nói này đã thể

hiện đúng thái độ của nhiều cầu thủ khác. Abramovich vô cùng sùng sốt trước kiểu thất bại này đến mức không thể cầm được nước mắt. Nhưng ông đã lấy được bình tĩnh khi bước vào phòng thay đồ. Ranieri, lúc đó vô cùng hoang mang, liền cất tiếng chào Abramovich và ngay lập tức giải thích lý do thay người và xin lỗi về những gì ông đã nói trong cuộc phỏng vấn với tờ Marca. Abramovich ôn tồn đáp lời rằng Ranieri không cần phải xin lỗi. Ông thậm chí còn mời Ranieri trở lại chiếc du thuyền Le Grand Bleu uống rượu, nhưng vị huấn luyện viên đã lịch sự từ chối, nói rằng ông muốn nói chuyện với các cầu thủ về kết quả trận đấu trước khi ăn tối.

Ranieri tham dự cuộc họp báo sau trận đấu với thái độ như thường lệ, nhưng nếu như trước đây ông có được sự kiêu khác thường trước hàng núi những câu hỏi đầy vẻ khiêu khích thì giờ đây đó chỉ là những lời thanh minh đầy tuyệt vọng. Ông phát biểu: “Không còn nghi ngờ gì, đó là 45 phút tồi tệ nhất kể từ khi tôi cầm quân ở Chelsea. Chúng tôi trông giống như đội bóng chỉ có 10 người thi đấu và trong 15 phút cuối cùng đó, các cầu thủ của tôi đã phá vỡ đội hình. Ai cũng đuổi theo bóng bởi chúng tôi muốn chiến thắng. Khi họ bị mất một người, tôi đã tăng cường thêm tiền đạo vì nghĩ rằng chúng tôi có thể thắng. Tôi phải thừa nhận trách nhiệm của mình trong thất bại đó.” Sau trận đấu đó, Ranieri – vốn được coi là một “báu vật quốc gia” của Anh – bị khắp nơi chế nhạo. Tờ Daily Mail đổi biệt hiệu “Gã Thợ hàn” (Tinkerman) của ông thành “Kẻ Khó ưa” (Stinkerman) và chạy dòng tít một bài báo viết về trận đấu như thế này: “Claudio mạo hiểm và thổi bay tất cả”. Quan điểm của tờ Daily Mail được tất cả các tờ báo khác chia sẻ.

Chỉ trước đó hai tuần thì mọi chuyện hoàn toàn khác. Khi Abramovich đến sân vận động Highbury vào buổi tối thứ 3, ngày mùng 6 tháng 4, hầu như không một ai dám hy vọng Chelsea sẽ đánh bại Arsenal để giành một vé vào bán kết. Trong 17 lần gặp

nhau trước đó giữa hai câu lạc bộ, Chelsea chưa từng biết mùi chiến thắng. Người ta phải trở lại tới tận năm 1995 thì mới thấy được trận thắng cuối cùng của Chelsea trước đội thủ ở phía Bắc London này. Tuy nhiên, điều khiến các cổ động viên của The Blues có vài tia hy vọng là khả năng Arsenal có thể đang “không vững vàng về tâm lý”. Sau chuỗi trận bất bại suốt từ đầu mùa giải ngoại hạng đến nay, họ đã bị Manchester United đánh bại 2-1 trong trận bán kết cúp FA. Nếu tinh thần thi đấu của họ bị khủng hoảng thì sao? Trong khi đó Ranieri lại nổi như cồn. Ông được bầu chọn là Huấn luyện viên xuất sắc nhất giải Ngoại hạng Anh trong tháng 3 và tự tin tuyên bố rằng sẽ không chỉ loại các Pháo thủ khỏi cúp C1 mà còn đánh bại họ để giành danh hiệu vô địch giải Ngoại hạng Anh.

Trong trận đấu ở Highbury, Gã Thợ hàn chọn đội hình giống đội hình đã giành chiến thắng trong trận đấu tại Spurs hôm thứ 7 tuần trước đó. Như vậy, hàng tiền đạo sẽ có Jimmy Floyd Hasselbaink và Eidur Gudjohnsen thay vì hai trong số những chân sút đắt tiền mà Abramovich vừa mới mua về là Hernan Crespo và Adrian Mutu. Trong hiệp thứ nhất, hai đội cùng thực hiện lối đá áp sát và đã gần hết thời gian nửa trận đấu mà cả hai bên vẫn chưa ghi được bàn thắng nào. Tuy nhiên, vào phút thứ 45, sau khi nhận đường chuyền từ Lauren, Thierry Henry đã đánh đầu chuyền ngang và Antonio Reyes đưa bóng vào lưới đội Chelsea ở khoảng cách gần. Tâm lý chưa lúc nào lại bị tổn hại hơn thời điểm phải nhận một bàn thua ngay trước khi tiếng còi kết thúc hiệp một vang lên. Không có cơ hội để đáp trả nào trước giờ nghỉ giải lao, các cầu thủ Chelsea buộc phải sử dụng thời gian nghỉ giữa hai hiệp để suy nghĩ về sự kém may mắn của mình. Chính trong những thời điểm như thế, người ta mới có thể đánh giá đầy đủ nhất về một huấn luyện viên. Ranieri biết ông phải lên dây cót tinh thần cho cầu thủ và phải điều chỉnh chiến thuật. Ông nhận định Arsenal yếu bên cánh trái và quyết định thay trung vệ trung tâm Scott Parker bằng một

cầu thủ chạy cánh Jesper Gronkjaer. Lần thay người này đã đem lại kết quả gần như ngay lập tức. Sau 6 phút được tung vào sân trong hiệp hai, thủ thành đội Arsenal Jens Lehmann chỉ có thể đá bóng sau cú sút của Makelele và Lampard lao vào đá bồi ghi bàn thắng.

Chelsea duy trì được ưu thế cầm bóng trong gần hết thời gian hiệp hai, nhưng Arsenal vẫn rất nguy hiểm trong mỗi lần dâng lên. Chỉ đến khi Henry, vốn thi đấu tệ nhạt trong trận này, phải rời sân và Bergkamp vào thay ở phút 81 thì Chelsea mới đá trên cơ thực sự. 6 phút sau khi Arsenal thay Henry, hậu vệ trái Wayne Bridge bật tường ăn ý với Gudjohnsen ngay bên ngoài vòng 16m50 và bằng cú sút chân trái hoàn hảo, đã ghi bàn thứ hai cho Chelsea. Theo luật bàn thắng trên sân khách, đội chủ nhà giờ cần phải ghi thêm hai bàn thắng nữa trong 3 phút còn lại (cộng cả thời gian bù giờ nếu có) mới có thể vào trận bán kết. Dĩ nhiên, họ đã không ghi thêm được bàn thắng nào.

Hành động ăn mừng chiến thắng của Ranieri sau khi tiếng còi chung cuộc vang lên được coi là một cử chỉ kỳ lạ và quá cuồng nhiệt so với vị thế của một huấn luyện viên. Hai tay ông vung vẩy từ sau ra trước như những chiếc pít-tông và đá vào không khí với vẻ vui mừng tột độ. Ông ôm chầm lấy tất cả những người gặp trên đường. Ông đá chân vào các tấm pa-nô quảng cáo. Và hành động đáng nhớ hơn cả là ông đã khóc. Ranieri thích thể hiện mình là một người Ý yêu bóng đá cuồng nhiệt, nhưng thực tế là nhiều tháng sau khi Abramovich tiếp quản Chelsea, ông đã luôn phải tỏ ra kiên cường theo kiểu của một người Anh. Vì công việc luôn bị đe dọa nên ông không dám tỏ ra tức giận hoặc chống đối lại ông chủ của mình. Tuy nhiên, với chiến thắng trước Arsenal và một suất vào chơi trận bán kết cúp C1, ông không còn phải kìm nén cảm xúc của mình nữa và để nó tuôn trào mãnh liệt. Ông chia sẻ: “Cuối cùng tôi cũng phát điên lên vì vui sướng.”

Với các người hâm mộ The Blues, đêm hôm đó, Ranieri không khác gì một vị thánh. Và thành công của ông được chủ nhân của các câu lạc bộ đẳng cấp châu Âu chú ý. Chỉ trong vài ngày, con người đang bị Chelsea muố n rũ bỏ này bỗng chố c được nhiề u câu lạc bộ như Real Mandrid, AS Roma và AC Milan cân nhắ c mời về làm huấ n luyện viên trưởng. Thật không may cho Ranieri, khoảnh khắ c vinh quang của ông không kéo dài được bao lâu. Trận đấ u với Monaco đang chờ đọ i ở phía trước.

Trong khi đó, Abramovich vẫn không từ bỏ nỗ lực tìm một nhà câ m quân mới. Một ngày trước khi diễn ra trận đấ u với Monaco, Abramovich và Kenyon đã bay đế n thành phố Vigo, nằ m trên đường biên giữa Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, để gặp mục tiêu mới nhấ t của họ: José Mourinho, huấ n luyện viên trưởng đội Porto. Mourinho trở nên sáng giá sau thành công dẫn đắ t Porto loại Manchester United khỏi cúp C1.

Một người đàn ông 41 tuổi, có gương mặt dễ coi. Mourinho khởi đầ u sự nghiệp bóng đá từ một câ u thủ cỡ xoàng của một đội bóng không có danh tiế ng ở Bồ Đào Nha. Sau khi thấ y không thể phát triển thành câ u thủ chuyên nghiệp, ông chuyển sang làm công việc của một huấ n luyện viên thể lực và huấ n luyện viên cho đội trẻ trước khi có được cú đột phá đầ u tiên nhờ vào Bobby Robson khi vị huấ n luyện viên người Anh này đảm nhận nhiệm vụ câ m quân ở câu lạc bộ Sporting Lisbon năm 1993. Mourinho gia nhập câu lạc bộ với tư cách là thông dịch viên cho Robson nhưng hai người nhanh chóng trở nên thân thiế t. Khi Robson chuyển đế n Porto vào năm sau, Mourinho cũng đi cùng và hai năm sau đó, năm 1996, bộ đôi lại di chuyển một lâ n nữa đế n câu lạc bộ Barcelona và Mourinho trở thành trợ lý huấ n luyện viên của Robson. Khi Robson rời đi, Mourinho ở lại và ba năm sau đó, năm 2000, ông được bổ nhiệm làm huấ n luyện viên trưởng đội Benfica. Việc này hóa ra lại gây khó cho

Ban quản trị. Ngay sau khi Ranieri đến, người bổ nhiệm ông ở Benfica đã ra đi và Mourinho không hòa hợp được với người kế nhiệm của ông ta. Chỉ 5 tháng sau khi tiếp nhận chức huấn luyện viên trưởng, ông đã phải ra đi. Công việc tiếp theo của ông là tại câu lạc bộ Uniao Leiria. Sau khi đưa câu lạc bộ này lên vị trí thứ 5 trong bảng xếp hạng của giải ngoại hạng Bồ Đào Nha (lần đầu tiên trong lịch sử của Uniao Leiria), ông đã thu hút được sự chú ý của Porto và gia nhập câu lạc bộ này ngay mùa giải sau đó. Khi Mourinho mới đến, Porto đang ở giữa bảng xếp hạng. Mùa giải 2002-2003, đội bóng không chỉ đoạt chức vô địch giải ngoại hạng Bồ Đào Nha mà còn đánh bại Celtic với tỉ số 3-2 trong trận chung kết cúp C2 châu Âu. Tháng 4 năm 2004, Porto đã giành vé vào trận bán kết cúp C1. Thật dễ hiểu là tại sao khi đó Abramovich và Kenyon lại rất muốn gặp ông.

Tuy nhiên, lúc đầu Mourinho tỏ ra không hào hứng lắm. Ông không xuất hiện tại điểm hẹn ở Galicia. Lý do có thể là vì ông bận bịu với công tác chuẩn bị cho trận đấu bán kết gặp đội Deportivo La Coruña của Tây Ban Nha. Tuy nhiên, nhiều người cho rằng đó là chiến thuật trì hoãn nhằm đòi hỏi quyền lợi nhiều hơn nếu như ông sang dẫn dắt Chelsea. Rồi cuộc, đội của ông càng vào sâu trong giải C1, ông càng có giá hơn.

Trong khi đó, Ranieri cũng chưa mất hết hy vọng. Ngay cả khi không giữ được công việc hiện tại, ông sẽ vẫn ra đi trong tư thế ngẩng cao đầu. Một chiến thắng 2-0 tại sân Stamford Bridge trong trận lượt về gặp đội Monaco là đủ để vững bước tiến vào vòng chung kết và khi ký ức về trận đấu tò ỉ tẹ trên sân Monte Carlo phai nhạt dần, sự thất vọng cay đắng được nhường chỗ cho tinh thần lạc quan đầy thận trọng. Vào ngày diễn ra trận đấu, không khí trong đội bóng của Abramovich vô cùng căng thẳng. Họ ý thức sâu sắc tầm quan trọng của trận đấu: một vé vào chơi trận chung kết với

đội Porto của Mourinho hoặc Deportivo đã là một thành công lớn lao, nhưng khả năng đoạt cúp và đi kèm nó là các phầ n thưởng và hàng triệu đô-la tiề n thưởng đang là gánh nặng đè lên vai họ.

Bước vào trận đấ u lượt về` sinh tử, Jesper Gronkjaer đã đưa Chelsea dẫn trước vào phút thứ 22 và khi Frank Lampard ghi bàn thấ ng thứ hai chỉ vài phút trước khi hiệp 1 kế t thúc thì ngay cả những người hoài nghi nhấ t cũng bắ t đầ u nghĩ đế n những điề u chưa từng dám nghĩ đế n. Nế u Chelsea có thể giữ vững kế t quả hiện tại hoặc gia tăng thêm cách biệt, thì suấ t vào trận chung kế t gầ n như đã được bảo đảm. Thảm họa xảy đế n vào phút thứ 45: Morientes đánh đầ u vào góc xa khung thành của đội Chelsea và khi trái bóng bật trở ra thì Ibarra ôm nó chạy về` sân nhà. Xem hình ảnh quay chậm cho thấ y Morientes đã dùng tay chơi bóng nhưng trọng tài không phát hiện ra và bàn thấ ng được công nhận. Bàn thấ ng này đã được gọi là “bàn tay của Chúa” (cách nói về` bàn thấ ng bằ ng tay của Maradona ghi cho đội tuyển Argentina vào lưới đội tuyển Anh tại World Cup 1986). Vậy là bây giờ Chelsea phải ghi thêm một bàn thấ ng nữa thì trận đấ u mới có thể bước sang hiệp đầ u phụ. Tuy nhiên, trong hiệp hai, Morientes lại ghi thêm bàn thấ ng nữa vào lưới Chelsea, đò ng nghĩa với việc Chelsea phải ghi được 3 bàn nữa trong vòng nửa tiề ng đò ng hò` mới có thể đi tiề p. Giấ c mơ đã tan thành mây khói.

Chelsea giữ nguyên kế t quả hòa 2-2 đế n hế t trận đầ u. Tuy nhiên, tủ đưng cúp vẫn tro`ng không và vị trí thứ hai của The Blues trên bảng xế p hạng của Giải Ngoại Hạng, từng rấ t chắ c chắ n, nay lại bị đe dọa. Hy vọng của Chelsea về` một Arsenal sẽ gục ngã sau hai thấ t bại liên tiề p trước đội Manchester United và chính Chelsea đã nhanh chóng tan vỡ. Sau khi bị Liverpool dẫn trước 1 bàn trong trận đầ u tiề p theo trên sân Highbury, Arsenal đã lội ngược dòng và giành chiề n thấ ng chung cuộc 2-1.

Quả thực, vấn đề bây giờ không phải ở chỗ liệu Chelsea sẽ đánh bại Arsenal ở Giải Ngoại Hạng mùa này nữa hay không mà ở chỗ liệu họ có thể giữ vững vị trí thứ hai để tránh không phải đá u vòng sơ loại cho mùa giải C1 năm sau hay không. Chelsea đã giữ được khoảng cách với đội đứng thứ 3 trong trận đá u đá u tháng 5 với kết quả hòa 1-1 trước Manchester United trên sân Old Trafford.

Vị trí thứ hai trên bảng xếp hạng giải Ngoại hạng Anh và vào đến vòng bán kết cúp C1 vẫn chưa đủ làm Abramovich thỏa mãn. Mourinho đã đến London theo dõi trận đá u lượt về với Monaco để có đánh giá hợp lý về đội thủ mà Porto sẽ đối mặt nếu họ giành vé vào chung kết. Rõ ràng đây cũng là cơ hội để ông bàn về công việc ở Chelsea. Một ngày sau khi chứng kiến Chelsea bị loại khỏi cúp C1, các phóng viên đã chụp được hình ông đang rời khách sạn ở trung tâm London cùng với người bạn của Abramovich là Pini Zahavi.

Đến lúc này, Ranieri có vẻ đã chấp nhận thất bại. Sau trận đá u của Chelsea trước đội Leeds ở giải Ngoại hạng Anh trên sân Stamford Bridge, ông đã nói lời chào tạm biệt với các người hâm mộ bằng một chiếc khăn có biểu tượng Chelsea quàng quanh cổ và bật khóc một lần nữa trước thái độ chân thành của các cầu thủ sau trận đá u. Tuy nhiên, không phải là ông nhận được sự ủng hộ của tất cả các cầu thủ trong đội. Veron và Mutu, cả hai đều không được đá chính dưới thời ông cầm quân, đều không có mặt. Sau này người ta giải thích rằng họ không đến bởi đang dính chấn thương, nhưng sự có mặt của Damien Duff với cánh tay treo lủng lẳng trước ngực do trật khớp vai, dường như là minh chứng cho thấy lý do họ đưa ra không đủ thuyết phục. Dù tình cảm các cầu thủ trong đội bóng dành cho ông khác nhau, nhưng nhìn nhận của người hâm mộ về quyết định từ chức của ông là trăm người như một. Trận đá u đã bị ngắt quãng bởi những câu khẩu hiệu mà người hâm mộ hô vang về “đội quân trắng và xanh của Ranieri” và khi một nhóm cổ động viên

bắt đầu hát “Hãy đứng dậy nếu quý vị ghét Kenyon” thì gần như tất cả mọi người đều làm theo.

Khi mà Mourinho được coi là sẽ kế nhiệm Ranieri thì những nghi ngờ lại bắt đầu xuất hiện. Có những lời đồn đại cho rằng Abramovich đã gặp vị tân huấn luyện viên này và cảm thấy tính cách hai người không hợp nhau lắm. Là con trai một cựu thủ môn đội tuyển Bồ Đào Nha, Mourinho không chỉ tỏ ra tự tin thái quá mà còn vô cùng ngạo mạn. Nhiều người cho rằng Abramovich tỏ ra quan ngại về việc Jorge Mendes, đại diện của Mourinho, đã đưa ra danh sách một số cầu thủ mà cựu huấn luyện viên trưởng của Porto muốn đưa về Chelsea, trong đó có Paulo Ferreira. Abramovich vốn đã lo ngại về chi phí mà Chelsea đang phải trả cho các cầu thủ trung vệ đến mức ông phải trực tiếp gặp Chủ tịch đội AC Milan Adriano Galliani để mua một cầu thủ. Abramovich thậm chí không hứng thú với việc ký kết hợp đồng cầu thủ kiểu này đến mức ông lệnh cho Kenyon thăm dò Didier Deschamps, huấn luyện viên 35 tuổi của Monaco, cựu cầu thủ Chelsea, người đã gây ấn tượng tốt sau khi đưa câu lạc bộ nước Pháp từ thế rất khó khăn tiến vào trận chung kết cúp C1.

Trong khi đó, Mourinho đang chơi trò đả u trí. Nhiều bài báo đưa tin vị huấn luyện viên người Bồ Đào Nha chẳng những không chịu dừng chân ở Chelsea mà còn đang quan tâm đến khả năng làm việc cho một câu lạc bộ khác ở Anh, đại loại như Liverpool hoặc cũng có thể là Manchester United. Đương nhiên, ông sẽ không có bất cứ cam kết với Chelsea chừng nào chưa được đảm bảo rằng ông có vị thế thượng phong trong đàm phán. Điều đó có nghĩa là Chelsea sẽ phải đợi đến sau khi đội của ông chơi xong trận chung kết với Monaco vào ngày 26 tháng 5 tại sân Gelsenkirchen, Đức. Ông cũng hiểu rất rõ rằng danh tiếng sẽ vang xa hơn khi ông trở thành huấn luyện viên đội vô địch C1. Ông đã xây dựng một hình ảnh rất

ấn tượng trong cuộc họp báo được tổ chức một ngày trước khi diễn ra trận chung kết. Liên tục xoay chuyển hết từ Bồ Đào Nha đến Tây Ban Nha, từ Anh lại đến Pháp, nhưng ông từ chối đưa ra quyết định về tương lai của mình.

Kết quả là Porto giành chiến thắng hoàn hảo 3-0 trước Monaco vào buổi tối hôm sau. Một vài phút sau khi nhận cúp vô địch, Mourinho bỏ buổi tiệc ăn mừng chiến thắng trên sân để cùng vợ và con ăn mừng trong đường hầm. Ngay sau đó, ông cũng tuyên bố rõ ràng rằng tương lai của ông sẽ không nằm ở Bồ Đào Nha nữa. Ông cho báo chí biết:

Tôi đã nhận được một số hợp đồng từ các câu lạc bộ nước ngoài. Anh quốc là đất nước tôi muốn dừng chân. Tôi nhận được nhiều lời mời từ các câu lạc bộ ở Ý nhưng Anh quốc vẫn là lựa chọn của tôi. Người đại diện của tôi đã có các cuộc nói chuyện nghiêm túc với các câu lạc bộ. Bản thân tôi chỉ mới trao đổi với một câu lạc bộ, câu lạc bộ mà tôi yêu thích. Tôi sẽ không thay đổi quyết định của mình ngay cả khi có những người khác đến gặp tôi sau chiến thắng này. Mọi thứ sẽ được quyết định trong vài ngày tới.

Vào thứ 7 tuần sau đó, ông có mặt trên du thuyền Pelorus đang neo đậu tại vùng bờ biển Riviera gần St-Tropez của Pháp và nói chuyện với chính Abramovich. Ở đó, ông trình bày với ông chủ người Nga này một kế hoạch tương lai dài bốn trang, theo đó ông muốn giảm số thành viên đội bóng xuống còn 24 cầu thủ (Chelsea khi đó đang có 34 cầu thủ trong đội hình số 1) và hứa sẽ xây dựng Chelsea thành một đội quân có kỷ luật, nghiêm minh và đoàn kết.

Ở hoàn cảnh trái ngược, Ranieri đang sống trong một thế giới giả tạo. Tuần trước, ông có gặp Kenyon vài lần tại sân Stamford Bridge và sau đó gặp Abramovich ở Milan. Thay vì nói về việc sa thải và tiền công cho ông, cả hai lại hỏi ông về kế hoạch cho Chelsea

trong mùa giải tới và các đích ngắm đến trong kỳ chuyển nhượng mùa hè. Sau cuộc gặp với Abramovich, Ranieri vẫn trả lời báo chí với phong cách ngoại giao thường thấy của mình: “Cuộc gặp có kết quả mỹ mãn và giờ tôi chỉ phải ngồi chờ đợi. Chúng tôi bàn về các cầu thủ, về tương lai của đội bóng.” Tên của Mourinho không được đề cập đến và câu nói trước khi rời đi của Abramovich là: “OK, Claudio, tuần tới tôi sẽ có câu trả lời cho anh.”

Ranieri nhận được câu trả lời vào thứ 2 ngay sau đó. Từ Rome, Eugene Tenenbaum gọi điện cho ông và thông báo rằng ông bị sa thải. Sau đó, hai bên đã bắt đầu đàm phán về khoản thanh toán hợp đồng. Người của Ranieri cho rằng lẽ ra Ranieri phải được nhận đầy đủ số tiền công cho ba năm còn lại trong hợp đồng (khoảng 6 triệu bảng), tuy nhiên Chelsea chỉ đồng ý trả cho đến khi ông tìm được công việc mới. Ở tuổi 52, Ranieri đương nhiên không muốn ngồi chơi xơi nước suốt 3 năm và sau một số cuộc đàm phán căng thẳng, ông nhận được 1,75 triệu bảng. Ngay sau đó, ông nhanh chóng tìm được vai trò mới – ghế huấn luyện viên trưởng đội đương kim vô địch giải ngoại hạng Tây Ban Nha Valencia, một câu lạc bộ mà ông từng cầm quân trước đó.

Hai ngày sau khi sa thải Ranieri (cùng ngày Ranieri nhận được danh hiệu Huấn luyện viên xuất sắc nhất trong năm), Chelsea công bố bổ nhiệm Mourinho bằng bản hợp đồng 3 năm trị giá 5 triệu bảng mỗi năm bao gồm tiền thưởng các loại. Người ta nhanh chóng nhận thấy tân huấn luyện viên Chelsea không chỉ có tham vọng to lớn mà cả thái độ cũng không hề khiêm tốn. Ông này nói: “Tôi không muốn đến năm 2010 vẫn chỉ đạt được các danh hiệu tôi đang có, tôi muốn nhiều hơn thế” và “Chúng tôi sở hữu một số cầu thủ hàng đầu và tôi xin lỗi đã có phần ngạo mạn khi tự nhận là một nhà cầm quân hàng đầu. Chúng tôi muốn mọi thứ đều là hàng đầu, nhưng xin đừng gọi tôi là kẻ ngạo mạn. Tôi là nhà vô địch

châu Âu. Tôi không phải là một huấn luyện viên bình thường, tôi là một người đặc biệt.”

Do bố i cảnh Ranieri ra đi có phần đặc biệt và tính tự tôn của cả hai bên, người ta đã đoán rằng Ranieri và người kế nhiệm sẽ không tránh khỏi xích mích. Khi Ranieri nhận định rằng Mourinho sẽ thấy cuộc sống ở giải ngoại hạng Anh khác nghiệt hơn ở giải ngoại hạng Bồ Đào Nha, Mourinho mát mẻ đáp lời rằng ông không cần bất kỳ lời khuyên nào từ một người chỉ có được một danh hiệu là Vô địch giải ngoại hạng Tây Ban Nha cho đội Valencia trong suốt sự nghiệp 20 năm cầm quân.

Không lâu sau khi Mourinho đặt chân đến Chelsea, ông bắt đầu thanh lọc đội hình. Ông nói: “Tôi cần một đội hình tinh - gọn, tôi cần mọi người phải nhiệt huyết.” Sau đó, ông còn triết lý: “Nếu các bạn có trong tay một thùng cam lớn và một quả trong đó bị thối, thì chỉ một tháng sau đó, các bạn sẽ phải vứt vào thùng rác thêm 10 quả khác nữa.” Sau khi nói rõ rằng ông không chỉ muốn giới hạn số lượng đội bóng xuống còn số 21 cầu thủ và 3 thủ môn mà còn muốn đưa về một số cầu thủ mới mà ông lựa chọn, Mourinho đã buộc hơn 10 cầu thủ phải ra đi. Người đầu tiên là Veron. Sau khi trả cho Manchester United 15 triệu bảng để mua một cầu thủ không còn tỏa sáng nữa, Chelsea để anh này vào sân đá được năm trận ở giải ngoại hạng. Vì không có đội bóng nào ngó ý muốn mua, Chelsea đã cho Inter Milan mượn và nhờ đó tiết kiệm được 85 nghìn bảng mỗi tuần. Các cầu thủ khác cũng nằm trong danh sách cho mượn bao gồm Carlton Cole, Mikael Forssell và Boudewijn Zenden. Các cầu thủ nhieu tai tiếng như Mario Melchiot, Emmanuel Petit và Winston Bogarde đều sắp hết hợp đồng nên hai trong số này sẽ phải ra đi nếu Mourinho muốn vươn tới mục tiêu 24 cầu thủ. Tuy nhiên, do sẽ có thêm các cầu thủ mới về nên con số cầu thủ phải rời đi sẽ còn nhiều hơn. Arjen Roben và Petr

Cech vừa được ký hợp đồng, ngay sau đó là Didier Drogba (được mua với giá 24 triệu bảng), Paulo Ferrreira (13 triệu bảng), Tiago, Mateja Kezman và Ricardo Carvalho. Như vậy, những thương vụ mua sắm trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua Chelsea đã đắt của Abramovich hơn 200 triệu bảng.

Một cầu thủ chưa bao giờ nằm trong danh sách lựa chọn của Chelsea chính là David Beckham. Chiến lược của Abramovich luôn là mua về các cầu thủ mới có phong độ đang lên chứ không phải những cái tên lớn đang xuống phong độ. John Mann giải thích: “Chưa bao giờ trong bản kế hoạch có đề cập đến việc tìm mua những cầu thủ phong độ đã đạt đỉnh. Abramovich luôn muốn những cầu thủ sẽ chơi tốt hơn chứ không phải những cầu thủ đang tỏa sáng nhưng có thể đang trên đà xuống phong độ hoặc sẽ sớm xuống phong độ. Beckham không phải là mẫu cầu thủ phù hợp với chiến lược của Abramovich.”

Lời bạt. Tương lai về đâu

Đầu tháng 12 năm 2003, Rupert Murdoch tham dự lễ truy điệu Sir Edward Pickering, một trong những cấp phó thân thiết nhất của ông. Khi đang rảo chân ra khỏi Nhà thờ St Bride trên đường Fleet ở London, ông quay sang nói với một biên tập viên: “Abramovich đang đứng sau thúc đẩy việc mua tờ Telegraph.” Nhìn qua cũng hiểu được rằng ứng cử viên chắc chắn đang nhận được sự ủng hộ của Abramovich là Nicholas Berry, người từng đầu tư vào một công ty liên doanh do Sibneft hậu thuẫn. Tuy nhiên, Berry bác bỏ việc ông ta từng tiếp cận Abramovich. Một trong những phụ tá thân cận nhất của Abramovich cũng khẳng định là Abramovich không bao giờ tham gia vào những hoạt động này.

Có lẽ Murdoch đã lầm. Abramovich có lẽ cũng hiểu được rằng đó sẽ là một hành động quá tham vọng. Mua một câu lạc bộ bóng đá là một chuyện nhưng tiếp quản một hãng truyền thông có ảnh hưởng trên khắp thế giới lại là chuyện khác, bởi ông sẽ ngay lập tức thu hút sự chú ý của các nhà quản lý và các chính trị gia. Tuy nhiên, chuyện này cũng khiến người ta đặt ra một câu hỏi lớn: Abramovich đã kiếm bộn tiền từ việc bán kho báu tài sản ở Nga, vậy ông sẽ đầu tư vào đâu?

Gia sản và khả năng vay mượn của ông trùm này cho thấy ông hoàn toàn có thể mua cổ phần khống chế ở bất kỳ một công ty gia đình nào, có thể là hãng hàng không British Airway, Marks and Spencer hay thậm chí cả Boots. Tuy nhiên, ông chủ quỹ đầu tư Hermitage có trụ sở tại Moscow lại bác bỏ quan điểm này. William Browder cho biết: “Abramovich có tổng tài sản trị giá nhiều tỉ đô-la nhưng không phải là nhà đầu tư chứng khoán. Ông ta giống như

bất kỳ gã nhà giàu nào khác, thích đầu tư vào bất cứ nơi nào trên thế giới có tỉ lệ ăn thua hấp dẫn nhất.”

Một nguồn tin ước tính Abramovich có khoảng 3 tỉ đô-la Mỹ trong các quỹ đầu tư ở phương Tây. Nếu ông mua một doanh nghiệp nào khác ở Anh quốc thì đó hẳn là vì muốn tạo dựng thanh thế. Chẳng hạn, Mohamed Al Fayed, người bạn tỉ phú của Abramovich và cũng là chủ nhân một câu lạc bộ bóng đá Anh, có thể hy vọng rằng một ngày nào đó Abramovich sẽ mua lại thương hiệu Harrods của ông ta, bởi rõ ràng vị tỷ phú người Nga này không phải tuýp người sẽ cho ông ta vay vốn.

Nhắc đến chuyện vay mượn tiền của Abramovich, Alexei Venediktov nhớ lại ánh mắt hoảng hốt của Abramovich trong lần gặp đầu tiên khi 2 người nói chuyện: “Tôi đã mở đầu câu chuyện bằng câu nói: ‘Ngài Roman, tôi có một đề nghị.’ Tôi có thể thấy đôi mắt của Abramovich đờ ra. Tôi đọc được suy nghĩ của ông ấy: ông ấy nghĩ tôi sẽ hỏi mượn tiền. ‘Đó là điều gì vậy?’, ông ấy hỏi. Tôi đáp: ‘Ông có thể cho tôi một chén trà được không?’ Ông ấy đã rất ngạc nhiên.”

Trong khi các chuyên gia nghi ngờ khả năng Abramovich sẽ đầu tư vào các doanh nghiệp Anh, thì nhận định của dư luận về cam kết của ông với Chelsea lại rất khác nhau. Những người theo thuyết hoài nghi cho rằng Abramovich có thể từ bỏ vai trò ông chủ câu lạc bộ bóng đá giống như việc ông từ bỏ vị trí tỉnh trưởng Chukotka. Nếu ông buộc phải tháo lui, hậu quả để lại sẽ thật thảm khốc. Khi đó, ít nhất, sự mất cân đối giữa mức chi tiêu và doanh thu sẽ lớn đến mức chỉ một người giàu và đam mê bóng đá như Abramovich mới có thể gánh vác được. Nếu ông buộc phải từ bỏ Câu lạc bộ, có vẻ như sẽ chẳng thể tìm được người nào khác sẵn sàng gánh vác số tiền khổng lồ mà đội bóng này phải chi trả hàng năm. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh nào thì Abramovich sẽ từ bỏ thú tiêu khiển của

mình? Có người cho rằng đó là khi ông bị tác động mạnh từ sự lên án kịch liệt của giới truyền thông, bất ngờ từ cách ông đối xử với Ranieri và nếu José Mourinho không sẵn được danh hiệu nào về thì Abramovich có thể tự thấy mình là kẻ thất bại. Với một người chỉ muốn có thành công thì đây sẽ là điều vô cùng đau khổ. Một kịch bản khác có thể xảy ra khi Abramovich, một người chỉ quan tâm đến kết quả trước mắt, sẽ thấy chán nản khi cứ phải có mặt tại các trận đấu trên sân nhà và ở sân khách.

Luôn quan điểm khác thì có vẻ thuyết phục hơn khi cho rằng Chelsea – như đánh giá của một ông trùm khác – thực sự là “hợp đồng bảo hiểm rẻ nhất trong lịch sử”. Và không như những người dân ở Chukotka, những người đã làm Abramovich thất vọng vì đã không biết điều trước sự hào phóng của ông, các người hâm mộ của đội Chelsea đã chứng tỏ họ là những người khá biết điều. Những yếu tố này, cùng với tình yêu bóng đá mãnh liệt và quyết tâm của Abramovich trong xây dựng Chelsea thành một thương hiệu toàn cầu, một đối thủ xứng tầm với Manchester United, cho thấy ông sẽ gắn bó với Câu lạc bộ trong nhiều năm tới. Như Venediktov đã nói: “Ông ấy xem mình là một đấng sáng tạo. Ông ấy đã sáng tạo ra một Chukotka mới và giờ đây đang tham vọng sáng tạo một Chelsea mới. Điều đó làm ông ấy cảm thấy hạnh phúc. Tôi có thể làm được điều đó là triết lý sống của ông ấy.”

Mối quan hệ giữa Abramovich và Thái tử Charles cũng đáng đưa ra xem xét. Vị vua tương lai của nước Anh từ lâu đã rất có cảm tình với các tỉ phú giàu khách. Nhà bảo trợ tài phiệt đầu tiên của Thái tử là thương nhân giàu có người Mỹ Armand Hammer. Sau đó, hàng năm vị Thái tử này thường đi nghỉ trên con thuyền Alexander, chiếc du thuyền thuộc sở hữu của ông trùm tư bản ngành đóng tàu Hy Lạp John Latsis. Có một số dấu hiệu cho thấy Thái tử có thể đã phát triển mối quan hệ tương tự với Abramovich. Có được người bạn

tốt người Nga – hơn nữa lại là một ông trùm – đương nhiên là tốt rồi.

Ngoài đội du thuyền cỡ lớn, Abramovich còn đang phát triển một hạm đội bay. Có nguồn tin tiết lộ rằng vào tháng Năm năm 2004, ông đã bỏ ra 56 triệu bảng để mua thêm chiếc Boeing 767 dù đã có chiếc Boeing 737 và vài chiếc trực thăng để ở Fyning Hill. Giống như những chiếc du thuyền, chiếc Boeing mới có sức chứa 360 hành khách nếu đưa vào khai thác vì mục đích thương mại, cũng được lắp đặt nội thất vô cùng sang trọng. Sau khi vỏ máy bay được sơn lại bằng màu trắng và màu xám với chi phí khoảng 280 nghìn bảng, chiếc máy bay này được đưa sang Basle, Thụy Sĩ để bố trí lại nội thất, tạo thành một dinh thự trên không trung. Các phòng ốc được ốp “gỗ gụ, hồ đào và vàng”, được lắp đặt thêm buồng tắm, vòi hoa sen và các màn hình Plasma. Một tờ báo tiếng Nga từng đưa tin rằng chiếc máy bay này sẽ được trang bị công nghệ chế áp tên lửa tương tự với thiết bị được lắp trên chuyên cơ của Tổng thống Mỹ. Như chúng ta đã biết, Abramovich đã cho Thái tử Charles mượn một chiếc trực thăng để đến đi chơi mã cầu, nhưng chẳng mấy ai nghĩ rằng mối quan hệ sẽ chỉ dừng lại ở đó.

Chừng mực mà Abramovich muốn củng cố vị trí trong xã hội Anh phụ thuộc vào việc liệu Putin có chôn lại ông ở nước Nga hay không. Ngoài chiến dịch đơn thương độc mã mà Sergei Stepashin sử dụng nhằm truy bức ông về vấn đề thuế và tài chính ở Chukotka, Abramovich rõ ràng là rất lo ngại việc người bạn cũ của ông – ngài tổng thống cứng rắn Putin – một ngày nào đó có thể coi đây là chuyện chính trị và chiểu theo cảm xúc của đám đông đối với một người đã kiếm quá nhiều tiền, gây tổn hại đến nền kinh tế Nga nhưng lại chi tiêu số tiền đó hết sức phô trương ở nước ngoài.

Putin đang điểu hành một đất nước có được thặng dư tài chính trong nhiều năm gần đây nhờ vào giá dầu cao gấp hai lần mức

giá hòa vốn 20 đô-la một thùng vào giữa năm 2004 do các sự kiện ở Iraq và Ả rập Xê út. Tuy nhiên, trong lúc Putin lạc quan dự đoán tại một cuộc họp nội các diễn ra trong tháng 2 năm 2004 rằng số người dân Nga sống dưới mức nghèo đói sẽ giảm một nửa trong vòng ba hoặc bốn năm nữa, thì thực tế là phần đông các tộc người thiểu số ở Nga đang sống trong cảnh túng bần cùng quẫn. Một trong những hình ảnh đập ngay vào mắt người phương Tây khi đến thăm nước Nga là vẻ mặt thiếu ngủ, kiệt quệ của nhiều người qua đường vì đang phải vật lộn với miếng cơm manh áo hàng ngày.

Giống như nhiều người dân Nga, Putin có thể cũng thấy bức bối với lối cư xử của Abramovich, xét trên phương diện chi tiêu của một cá nhân. Trong khi riêng Sibneft đã tuyên bố mức cổ tức đạt 3,3 tỉ đô-la từ năm 2000 và Abramovich kiếm được nhiều tỉ đô-la từ việc chuyển nhượng công ty, thì Putin chỉ có mức lương chính thức là 33 nghìn bảng một năm và theo kê khai tài sản của ông trước khi tái đắc cử tháng 3 năm 2004 (điều bắt buộc theo luật pháp Nga) thì ông chỉ có 8 tỉ rúp (155 nghìn bảng) tiền mặt, hai căn hộ chung cư, một ít cổ phiếu và một cánh đồng gà ở Moscow. Trên bầu trời, ông có hai chiếc chuyên cơ Nga cổ lỗ sĩ kế thừa từ Yeltsin. Đó là chiếc Ilyushin 62 và Ilyushin 96.

Boris Berezovsky đương nhiên cho rằng đối tác kinh doanh trước đây của mình có rất nhiều nguy cơ trong tương lai:

Tôi nghĩ Putin đang đầu tư với Abramovich. Vị tổng thống muốn chúng tôi với Abramovich rằng ông ấy mới là chủ và rằng ông ấy ngang cơ với các ông trùm khác. Quý vị hoàn toàn có lý khi nghi vấn rằng liệu có phải Abramovich sẽ là người tiếp theo bị bắt? Tôi hoàn toàn chắc chắn rằng Abramovich sẽ bị bắt, không phải là người tiếp theo, thậm chí không phải là người kế tiếp người tiếp theo, nhưng chắc chắn sẽ là một trong số các nạn nhân trong tương lai của Putin.

Bị lôi kéo vào cuộc chiến giữa các trùm tư bản Nga và điện Kremlin đã trở thành thú tiêu khiển đầy nguy hiểm, ngay cả với người phương Tây. Vài ngày sau khi luật sư giàu có người Anh Stephen Curtis nói với bạn bè vào tháng 4 năm 2004 rằng ông sợ sẽ bị các đối thủ kinh doanh có quan hệ thân cận với điện Kremlin sát hại, ông bị tử nạn trong khi đang bay về nhà riêng ở Dorset. Vị luật sư này, người từng bênh vực cho cả Abramovich và Berezovsky, phát biểu ngay trước khi vụ tai nạn kinh hoàng rằng ông tin là tổ chức FSB của Nga đang rất nóng lòng muốn thẩm tra ông về việc ông nhúng mũi vào Yukos, can thiệp vào công cuộc điều tra do Putin chỉ đạo. Bốn tháng trước đó, Stephen Curtis từng giữ ghế giám đốc của ngân hàng Menatep, tổ chức sở hữu 44% cổ phần của Yukos. Ba tháng sau cái chết của Curtis, trong khi các điều tra viên vẫn đang cố gắng tìm hiểu xem có phải chiến dịch trục trặc đã bị phá hoại hay không thì có một số đơn kiện được gửi đến các tòa án của Mỹ, cáo buộc rằng Curtis phải chịu trách nhiệm về tội “biên thủ công quỹ, gian lận thuế và rửa tiền” với tổng số tiền lên tới 5,4 tỉ bảng tại Yukos. Các đơn kiện khẳng định Curtis đã xây dựng rất nhiều các công ty ở nước ngoài để giúp Khordokovsky trốn thuế và tuồn tiền ra khỏi đất nước.

Ngày mùng 9 tháng 7, nhà báo Mỹ Paul Klebnikov bị bắn chết tại Moscow. Có vẻ như đây là một vụ sát hại theo hợp đồng. Boris Berezovsky cho tờ Sunday Times (tờ báo đăng bài “Phóng viên bị sát hại có thể đã phải trả giá cho việc moi móc bí mật của những người giàu ở Nga”) hay rằng Klebnikov hẳn đã “làm ai đó thực sự lo lắng”. Là biên tập viên mới được bổ nhiệm của tạp chí Forbes chi nhánh Moscow, Klebnikov chịu trách nhiệm cho đăng tải danh sách 100 người giàu nhất nước Nga. Những miêu tả chi tiết về số tài sản của những người giàu ở Nga và cách họ kiếm tiền có thể đã làm một vài người trong danh sách giật mình, họ tức giận vì coi đó là một hành động xâm phạm đời tư.

Nhìn bề ngoài, dường như Tổng thống Putin nhận được rất nhiều sự hậu thuẫn của các ông trùm trong cuộc chạy đua tái tranh cử. Viktor Vekselberg, nhân vật nắm giữ phần lớn cổ phần của SuAl – công ty nhôm lớn thứ hai của Nga và là một đồng tác giả của Friedman, đã thể hiện lòng yêu nước bằng việc mua lại bộ sưu tập 9 quả trứng do Fabergé thiết kế hồi cuối thế kỷ XIX từ tỉ phú quá cố Malcolm Forbes với giá 55 triệu bảng. Tuy nhiên, trong khi Vekselberg cho điện Kremlin mượn số trứng này để trưng bày trong hai tháng thì người bạn tỉ phú của ông là Vladimir Potanin còn làm mạnh hơn khi mua bức tranh Black Square (Hình vuông đen) của họa sĩ Nga Kasimir Malevich và hiến tặng nó cho quốc gia. Ngay cả Oleg Deripaska của RusAl cũng cho thấy những dấu hiệu hoảng sợ. Ông trùm này công bố đã bán hai trong số các nhà máy nhôm của mình cho hãng nhôm Alcoa của Mỹ với giá mà tờ Russia Journal mô tả là “quá hời” cho nước Mỹ và tăng tỷ lệ vốn đi vay trong các loại tài sản khác.

Dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy Abramovich cảm nhận được sức nóng này là việc ông quyết định bán đi rất nhiều tài sản của mình tại Nga. Mặc dù hai đứa con đang tuổi cắp sách tới trường của ông hiện (tính đến thời điểm đầu năm 2004 – khi cuốn sách này được xuất bản) vẫn đang theo học ở Moscow, ông luôn bày tỏ sự khâm phục của mình đối với hệ thống giáo dục của Anh và thừa nhận rằng “đang cân nhắc khả năng” đưa bọn trẻ sang học tại các trường ở Anh. Khi được hỏi liệu Abramovich có kế hoạch chuyển gia đình đến Anh hay không, John Mann khéo léo đề cập đến một vài chi tiết trong lời phát biểu của ông trùm hồi năm 2003: “Tôi thấy thoải mái nhất khi ở Moscow. Tôi đã dành gần hết cuộc đời của mình ở đó. Tôi thích thời tiết ở đó. Tôi không thể dành cả đời mình ở miền Nam nước Pháp.” Mann nói thêm: “Bất chấp những gì báo chí Anh thường hay đồn đoán, nơi thường trú của ngài Abramovich

là ở Moscow, nơi ông có nhiều biệt thự xinh xắn, trong đó có một ngôi nhà xinh đẹp trông ra vịnh Anadyr ở Chukotka.”

Abramovich rõ ràng không phải một người muốn phải sống tha hương và vì vậy, giải pháp tốt nhất cho cả Abramovich và Putin là ông trùm tự nguyện giao nộp một số lượng lớn tiền “truy thu thuế” để lấy lòng chính phủ đương nhiệm. Tại Diễn đàn Kinh tế Nga ở London hồi tháng 4 năm 2004, Bộ trưởng tài chính Nga Alexei Kudrin bóng gió rằng điều này có thể là giải pháp. Ông đề nghị các ông trùm phải tuân thủ luật chơi và phải trả thuế (ở mức theo tính toán của Chính phủ, có lẽ là như vậy) để có thể được “ân xá” một cách không chính thức.

Sibneft đã tránh được yêu cầu nộp khoản thuế 1 tỉ đô-la Mỹ của Bộ Thuế khóa một tháng trước khi Kudrin đưa ra ý kiến này. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn có thể dùng cách khác để “tiếp cận” công ty này – một lý do liên quan đến quan hệ công chúng chẳng hạn. Sau cùng thì không ai có thể tưởng tượng được rằng Abramovich từng tham vọng trở thành tổng thống nước Nga. Theo Venediktov, nếu điều đó có xảy ra đi chăng nữa thì cũng phải 10 năm tới chứ không phải bây giờ. Lúc này ông ấy thích lui vào trong hậu trường hơn.

Abramovich không có ý tiết lộ những dự định trong tương lai, nhưng với một người tham vọng như ông, có lẽ kế hoạch tương lai của ông sẽ không chỉ giới hạn trong hành tinh này. Venediktov lên tiếng về hùng biện: “Tiếp theo sẽ là gì? Ai mà đoán được? Có thể là một chuyến bay vào vũ trụ. Tôi đã bảo Abramovich rằng ông ấy có thể đầu tư cho một dự án vũ trụ của riêng mình. Tất nhiên lúc đó chúng tôi chỉ đang bông đùa thôi, nhưng tôi nghĩ tôi đã gieo xuống một hạt giống và ý tưởng ấy có thể nảy mầm trong Abramovich...”

Cực tây của hòn đảo.

Đó là “phá hủy những cột trụ mà hiệp ước với Alexander được khắc trên đó”. Arrian diễn đạt đoạn này có phần lỏng lẻo: hiệp ước, như trong trường hợp của Tenedos (xem phần sau trong quyển này), chắc chắn được ký kết giữa “Alexander và những người Hy Lạp”, chẳng hạn người Mitylene là thành viên của Liên minh Corinth.

Được gọi theo tên của một người Sparta, người chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc đàm phán hòa bình năm 386. Hiệp ước này cũng thường được gọi (một cách chính đáng) là Hiệp ước Hòa bình của Hoàng đế, vì hoàng đế Ba Tư đã giành quyền kiểm soát các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, trong khi điều khoản lại quy định rằng tất cả những thành bang ở Hy Lạp nên có quyền tự trị, ngăn chặn việc sản sinh nên bất kỳ một đế chế thù địch nào. Thymondas đã mang số lính này, di chuyển bằng đường biển, tới Tripolus và từ đó, nhập vào lực lượng của Darius tại Sochi. Họ đã chiến đấu tại bờ Issus. Sự rút lui hiệu quả của đội quân này đã phá hủy bất kỳ cơ hội tấn công thành công nào của hải quân.

Alexander đã quyết định giải tán hạm đội, một lực lượng mà chắn chắn sẽ khiến ngài phải tốn nhiều tiền bạc để duy trì, vào thời điểm Memnon qua đời.

Trong thời đại của Alexander, điều này ám chỉ Đế chế Ba Tư.

Phrygia nhỏ hơn. Vùng Phrygia lớn hơn (sau này là Galatia) do Antigonus cai trị (xem Quyển một).

Có lẽ đây là một thủ lĩnh địa phương. Sau đó không nghe được thông tin nào khác về nhân vật này.

Ngày nay là Golek-Boghaz, con đường chính băng qua dãy Taurus, giữa Cappadocia và Cilicia. Xem Xenophon Anabasis 1.2.20-1.

Trái ngược với cách đối xử của ngài với Philotas khoảng bốn năm sau (xem Quyển ba).

“Công thành Syrian” (còn được gọi là công thành “Assyria” trong phần sau) là con đường Beilan, băng qua dãy Amanus, phía đông nam của Alexandretta.

Chẳng hạn kiểu viết chữ hình nêm.

Nguyên văn: “Sardanapalus, son of Anakyndaraxes, built in one day Tarsus and Anchialus. O stranger, eat, drink, and play, for everything else in the life of a man is not worth this”. Từ “play” ở đây còn được hiểu là ám chỉ việc làm tình. (ND)

Về Orontobates, xem Quyển ba.

Chắc chắn lòng biết ơn này là vì sự hồi phục của Alexander sau trận sốt tại Tarsus.

Theo Aeschines, Against Ctesiphon 164, Demosthenes cũng đưa ra một tường thuật tương tự trong thời gian này.

Từ Cilicia, có hai con đường đi tới những vùng đất phía đông, băng qua Cổng thành Syrian gần Alexandretta và Cổng thành Amanian (Đường Bogtche) ở phía bắc, đi tới Euphrates ở Apamea. Alexander hoặc không được báo cáo về đường đi hoặc đã nghĩ rằng nó không quan trọng; chắc chắn tin tức về việc Darius chặn đường là một bất ngờ đối với ngài.

Plutarch (Alexander tr.20) viết rằng “hai lực lượng đã không đụng độ nhau trong đêm”, thực tế, khi Darius hành quân về phía bắc từ Sochi, họ đã bị chia tách bởi sự rộng lớn của dãy Amanus.

Tại Cunaxa, cách Babylon khoảng 72 kilômét.

Xem thêm, ngoài các sử gia viết về Alexander, Polybius 12.17-22, người chỉ trích ghi chép của Callisthenes về trận chiến. Callisthenes cho biết chiều rộng của đồng bằng khoảng 14 stade [stade là đơn vị đo khoảng cách của Hy Lạp cổ đại, 1 stade bằng khoảng 183 mét].

Về những binh lính này, xem Strabo 14.3.18. Fuller cho rằng hầu hết những binh lính này là bộ binh hạng nhẹ.

Plutarch đưa ra số liệu tương tự. Diodorus and Justin 400.000, và Curtin 250.000. Tất cả những số liệu này đều là không tưởng, nhưng giờ đây chúng ta không thể tìm được số liệu chính xác.

Những người Macedonia này là ai? Nếu đó là một đơn vị Macedonia, có lẽ họ là “các lính trinh sát”. Chúng ta có thể đoán rằng từ “Macedonia” là để thay thế cho một từ khác, chẳng hạn như Paeonia. Cả hai đơn vị này đều được nhắc tới ở đoạn sau.

Anabasis 1.8.21, 22.

Đây không phải là hai đội Chiến hữu vừa được nhắc tới, mà theo Curtius (3.11.2) là “hai đơn vị kỵ binh” được nhắc tới cùng với quân Agrianes ở trên. Họ chắc chắn là lính đánh thuê.

Chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh hạng nặng.

Plutarch, Curtius và Diodorus thống nhất về số thương vong, nhưng số liệu về phía quân Ba Tư thì không đáng tin. Số thương vong của Macedonia do Curtius (3.11.27) đưa ra là 450 người bị giết và 4.500 người bị thương.

Về một vài chi tiết, xem Plutarch, Alexander 20.11-13. Như Fuller lưu ý, Damascus cách Sochi hơn 300 kilômét về phía nam là một địa điểm nổi bật để lựa chọn.

Năm 333 TCN.

Việc Alexander bị thương nhẹ là chính xác. Tuy nhiên, Chares đã khẳng định rằng vết thương này là do chính Darius gây ra, điều mà Plutarch (Alexander 20.9) cho là bịa đặt và đã trích dẫn lá thư của Alexander để bác bỏ.

Điều này có nghĩa là họ đã nhận được không ít hơn 150 ta-lăng, một số tiền khá lớn nếu người ta biết rằng khoản lợi tức của Athens năm 431, bao gồm cả đồ cống nạp từ các thành bang lệ thuộc, chỉ vào khoảng 1.000 ta-lăng.

Plutarch (Alexander 22.5) trích dẫn một lá thư do Alexander viết cho Parmenio, trong đó ngài khẳng định không bao giờ tơ tưởng tới vợ của Darius.

Nhiều kỵ binh Ba Tư trốn tới Cappadocia, nơi họ liên kết với các binh lính địa phương trong nỗ lực giành lại Phrygia nhưng sau đó đã bị Antigonus đánh bại. (Curtius 4.1.34-5, ở đây “Lydia” bị nhầm sang “Phrygia”).

Lính đánh thuê Hy Lạp.

Diodorus (17.48.2-5) và Curtius (4.1.27-33) đưa ra nhiều chi tiết hơn về những sự kiện ở Ai Cập. Vì họ chỉ nhắc tới Amyntas và 4.000 lính đánh thuê, có thể lực lượng đã bị chia nhỏ. Có thể có 4.000 lính khác phục vụ cho Agis, vua Sparta; tương truyền vị vua này đã thuê 8.000 lính trốn chạy từ Issus. Xem E. Badian, JHS 1963, 25-6.

Không hề nao núng khi nghe tin thất bại của Darius tại Issus, Agis tiếp tục chuẩn bị cho cuộc chiến, và vào mùa xuân năm 331, ông “đã hô hào hợp

nhất những người Hy Lạp để đấu tranh vì tự do của họ” (Diodorus 17.62.6). Sau những thành công ban đầu, cuối cùng Agis bại trận dưới tay Antipater tại Megalopolis vào mùa thu năm 331. Về bằng chứng, xem Diodorus 17.48.1-2; 62.6-63.4; 73.5-6; Curtius 6.1; và, về ghi chép gần đây về Agis, xem E. Badian, *Hermes* 1967, từ tr.170.

Diodorus (17.39.2) thuật lại một câu chuyện lạ lùng rằng Alexander đã giấu lá thư của Darius và thay thế bằng một lá thư khác “phù hợp hơn với các quyền lợi” mà ngài đặt ra trước các chiến hữu để bảo đảm việc bác bỏ đàm phán hòa bình. G. T. Griffith (*Proc. Camb. Phil. Soc.* 1968, từ tr.33) cho rằng lá thư trong trước tác của Arrian là giả mạo. Chẳng hạn, ông chỉ ra rằng, Darius không đưa ra những gợi ý về tài chính hoặc lãnh thổ (như ông đã nêu trong các lá thư trong trước tác của Diodorus 17.39 và Curtius 4.1.7), và rằng việc đưa ra vấn đề tội ác chiến tranh là một hành động sai lầm ở vị trí của Darius. Về những tranh luận khác của Griffith, xem hai chú thích tiếp theo.

Chúng ta không biết được gì về liên minh giữa Philip và Artaxerxes trong một thời kỳ được ghi chép tương đối chi tiết. Chẳng hạn, Demosthenes không hề nhắc tới điều này.

Artaxerxes III (Ochus) đã cai trị từ năm 359-338, còn con trai ông, Arses, cai trị từ năm 338 tới năm 336. Darius nhắc tới cuộc xâm lược Tiểu Á của quân Macedonia vào mùa xuân năm 336. Cuộc chiến đó không phải là vô lý, vì chính Ba Tư đã hỗ trợ Perinthus tấn công Philip vào năm 340; tuy nhiên, Philip đã trở thành kẻ xâm lược vào năm 342 khi liên minh với Hermeias của Atarneus và hãn Darius muốn nhắc tới chi tiết này.

Không có bằng chứng nào cho việc này.

Alexander (hoặc Arrian) đã nhầm lẫn. Bagoas đã đầu độc Arses cùng các con của ông, và giành ngai vàng của Ba Tư cho Darius. Sau này, khi ông ta toan tính đầu độc Darius, nhà vua đã giành lại ưu thế về phía mình. Xem Diodorus 17.5.3-6.

Aeschines (*Against Ctesiphon* 239) khẳng định rằng Darius đã gửi 300 ta-lăng cho người Athens nhưng họ đã từ chối và Demosthenes đã bỏ túi 70 ta-lăng trong số đó.

Liệu Alexander có bị ảnh hưởng bởi việc ông nội của ngài, Amyntas III, đã nhận anh trai của Iphicrates làm con nuôi? Aeschines, On the Legation 28. Việc Iphicrates hỗ trợ về quân sự cho Alexander là không chắc chắn.

Tại Sidon, Alexander đã phế truất Strato, người ủng hộ Ba Tư và chỉ định vua Abdalonymus thay thế vị trí của Strato. (Curtius 4.3.4.)

Trên thực tế, “Heracles” này là thần Melcarth của người Tyria (thần Baal của Syria).

Diodorus (17.40.3) nhấn mạnh lòng trung thành của họ đối với Darius.

Người ta nói rằng Alexander đã phải làm lễ hiến tế ở một ngôi đền nằm ngoài thành phố. Những lý do của Alexander về việc dùng vũ lực này đã được ra trong bài diễn văn bên dưới.

Hòn đảo cách bờ biển gần 1 kilômét. Theo Diodorus (17.40), mũi đất rộng khoảng 60 mét. Những tảng đá được lấy từ thành Tyre cũ và các khúc gỗ được lấy từ núi Libanus.

Đơn vị đo chiều sâu, 1 sải bằng 1,82 mét. (ND)

Đây là bước ngoặt của cuộc vây thành.

Antilibanus là ngọn núi phía đông trong số hai dãy núi vây quanh thung lũng Coele-Syria; dùng từ Ả Rập có phần không chính xác. Những người bản địa đã giết khoảng 30 lính Macedonia, những người đi kiếm gỗ để làm bè và pháo đài. (Curtius 4.2.18; 4.3.1)

Vua của Salamis, một trong chín thành phố trụ cột của Syprus.

Cả hai thành phố đều nằm ở bờ biển phía nam của Cyprus.

Agenor, cha của Cadmus, được cho là người đã thành lập cả Tyre và Sidon. Cuộc vây thành kéo dài bảy tháng, từ tháng Một tới tháng Tám năm 332.

Theo Diodorus (20.14), những người Carthage đã dâng một phần mười ngân khố của họ cho thần Melcarth, và cử các sứ thần tham dự lễ hội hằng năm ở Tyre. Tương truyền, họ đã hứa giúp đỡ những người Tyre vào giai đoạn đầu của cuộc vây thành, nhưng sau đó không thể thực hiện lời hứa vì cuộc chiến với Syracuse (Curtius 4.2.10; 4.3.19).

Diodorus (17.46.4) đưa ra con số 13.000 tù nhân, nhưng ông cũng lưu ý rằng 2.000 người đã bị tra tấn. Curtius (4.4.15) bổ sung (số liệu này chưa được xác thực) rằng có 15.000 người đã trốn thoát an toàn, do người Sidon

đã góp phần vào đợt đột kích cuối cùng. Liệu có phải là một sự trùng hợp khi tổng số của các số liệu này là khoảng 30.000 người?

Diodorus (17.39.1) và Curtius (4.11.1) thuật lại (có thể là thiếu chính xác) rằng Darius đã cử sứ thần cùng với những điều khoản tương tự ngay trước trận Gaugamela. Về câu chuyện phức tạp của các sứ mệnh, xem thêm C. B. Welles trong phiên bản Loeb [trong thư viện cổ điển Loeb] của Diodorus. Plutarch (Alexander 25.4) thuật lại rằng con chim sau đó vướng vào những sợi dây buộc máy lăng đá và bị mắc kẹt ở đó, Curtius (4.6.11) kể rằng con chim bị kẹt trong một pháo đài vì dính phải nhựa đường và lưu huỳnh. Do đó, có thể đoán được tại sao Aristander lại tiên đoán Alexander sẽ hạ được thành.

Curtius kể rằng Alexander đã tránh được một vụ ám sát của một người Ả Rập ngay trước khi ngài bị thương.

Furlong: đơn vị đo chiều dài, 1 furlong bằng 1/8 dặm Anh, tức khoảng 201 mét. (ND)

Thông tin về công sự cao khoảng 17 mét có thể đã được sửa chữa, vì trong bản thảo ghi là “khoảng 76 mét”.

Chúng ta không cần tin vào câu chuyện (Curtius 4.6.29) cho rằng Alexander đã kéo lê Batis, trong khi ông ta vẫn còn sống, khắp tường thành phía sau chiến xa của ngài như Achilles đã kéo lê xác của Hector khắp thành Troy (Homer, Iliad). Cuộc vây thành kéo dài hai tháng (tháng Chín đến tháng Mười năm 332), và số người bảo vệ thành bị giết lên tới 10.000 người.

Thống đốc cũ, Sabaces, đã bị giết tại Issus. Theo Curtius (4.7.4), Mazaces đã giao lại kho tàng lên tới 800 ta-lăng.

Một pháo đài vững chắc, cửa ngõ vào Ai Cập, nơi những người Ai Cập đã vài lần đương đầu với quân xâm lược.

Apis chính là thần Ptah của Memphis. Alexander tôn trọng tôn giáo này của người Ai Cập (và của những dân tộc khác mà ngài chinh phục) và đã được tôn làm Pharaoh tại Thebes. Trái lại, Cambyses đã xúc phạm thần Apis (Herodotus 3.27-8).

Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. (ND)

Đây là thành phố đầu tiên và vĩ đại nhất trong nhiều thành phố mà Alexander sáng lập, được kiến thiết (không giống như phần lớn các thành phố) để trở thành trung tâm thương mại lớn. Plutarch (Alexander 26.4) đồng ý với Arrian rằng việc sáng lập thành phố diễn ra trước khi Alexander tới thăm Siwah, nhưng cũng có những ghi chép khác (tiêu biểu như trước tác của Curtius, Diodorus và Justin) cho rằng sự kiện này diễn ra sau chuyến viếng thăm. Về các tranh luận thiên về ý kiến sau, xem C. B. Welles, *Historia* 11 (1962), từ tr.271.

Đoạn này có thể hiểu là Alexander muốn phác thảo lại sơ đồ các chốt phòng vệ, trong khi lúc đó lại không có phần hoặc các phương tiện khác để vẽ lại. (ND)

Xem Quyển hai.

Tướng quân người Athens, người đã tự nguyện xin quy hàng vào năm 335; lần cuối cùng nhân vật này được nhắc đến là vào mùa xuân năm sau đó, khi ông trao vương miện bằng vàng cho Alexander tại Sigeium. Xem Quyển một.

Mặc dù sắc lệnh của Alexander cho người Chios (Tod 192) vào khoảng một năm trước đó đã tuyên bố rằng Hội đồng của Liên minh Corinth nên xét xử những kẻ phản bội.

Đền thờ của thần Ammon, một vị thần mà người Hy Lạp biết đến trong hơn một thế kỷ và được họ coi tương đương với thần Zeus, được đặt ở ốc đảo Siwah cách Thebes khoảng 644 kilômét. Chuyến viếng thăm này đã được nhiều sử gia mô tả, cụ thể Diodorus 17.49-51, Curtius 4.7.5-30, Plutarch Alexander 26-27 và Strabo 17.1.43 (dựa theo Callisthenes).

Người anh hùng trong Thần thoại Hy Lạp, đã giết quái vật tóc rắn Medusa Gorgon. (ND)

Tác giả của bình luận đầy hoài nghi này (cũng được Curtius đưa ra) có thể là Ptolemy, người không đồng ý với việc Alexander tin rằng ngài có nguồn gốc thần thánh. Được tôn làm Pharaoh tại Thebes, Alexander, cũng giống như mọi Pharaoh khác, đều tự coi mình là con của thần Ammon.

Mersa Matruh. Ở đây, Alexander đã gặp các sứ thần đến từ Cyrene, những người đã thương thuyết với ngài về hiệp ước hòa bình và liên minh

(Diodorus 17.49.2).

Về miêu tả ốc đảo Siwah và đền thờ thần Ammon, xem Diodorus 17.50, Curtius 4.7.16, và đặc biệt là H. W. Parke, *The Oracles of Zeus*, (Oxford, 1967) từ tr.196.

Arrian có thể đang nhắc tới triều đại của Ptolemy, ám chỉ nguồn gốc văn hóa Hy Lạp cổ đại.

“Ngón tay” có thể là đơn vị đo lường nhỏ nhất, khoảng 1,8 centimet.

Chắc hẳn vị trưởng tư tế đã chào Alexander (với vai trò một Pharaoh) là “con trai của thần Ammon” (hoặc “con trai của thần Zeus”) và vị hoàng đế trẻ tuổi đã một mình bước vào đền thờ. Nếu đúng như vậy, những lời tiên tri do Plutarch, Diodorus và Curtius thuật lại về việc Alexander là hậu duệ của thần Ammon và ngài sẽ trở thành người thống trị thế giới đều đáng ngờ, trừ phi chúng ta giả định rằng các vị tư tế hoặc chính Alexander, sau đó, đã loan báo thông tin này. Callisthenes rõ ràng đã viết về dòng dõi thần thánh của Alexander (chẳng hạn, xem Plutarch Alexander 33.1) với sự đồng thuận của Alexander. Plutarch (Alexander 28) và Arrian (7.29) coi việc này là một thủ thuật phi chính trị, làm kinh sợ những người còn đang bối rối, trong khi chắc chắn rằng, điều này ít nhiều cho thấy niềm tin của Alexander về việc ngài thực sự là con trai của thần Ammon.

Naucratis là căn cứ của người Milesia và là một thành phố Hy Lạp. Về lá thư của Alexander gửi Cleomenes, xem Quyển bảy.

Trong xã hội La Mã cổ đại, hệ thống đẳng cấp được phân chia theo dòng dõi và sự giàu có. Hai đẳng cấp cao nhất là tầng lớp nguyên lão và hiệp sĩ (equites/knight). Các nguyên lão thường là tầng lớp thống trị truyền thống, nổi lên thông qua con đường chính trị, còn các hiệp sĩ nổi lên thông qua con đường binh nghiệp. (ND)

Tin tức đầu tiên về cuộc nổi loạn của Agis (xem Quyển hai).

Nhiệm vụ của Philoxenus có thể bao gồm cả việc thu “phần đóng góp” của các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á chừng nào họ vẫn còn tiếp tục phải đóng thuế. Sau này, Philoxenus có quyền (hoặc tự cho là mình có quyền) can thiệp vào các thành phố này. Về thảo luận gần đây nhất về danh hiệu và nhiệm vụ của ông, xem Badian, *Ehrenberg Studies*, từ tr.55. Việc ông có

phải là nhân vật Philoxenus được nhắc tới trong phần sau hay không vẫn còn là điều chưa chắc chắn.

Không giống như những lần kết hôn khác của vua Philip, lần kết hôn này với một nữ quý tộc người Macedonia đã đe dọa vị trí của Olympias và Alexander, và cảnh tượng đáng xấu hổ tại tiệc cưới đó đã dẫn tới việc hai mẹ con Alexander phải trốn khỏi Macedonia. Sau khi trở về từ Illyria vào cuối năm, Alexander đã nỗ lực kết thân với Pixodarus, người cai trị Caria, điều này đã dẫn tới việc trục xuất những người bạn của ngài. Xem Chương 9, Chương 10 cuốn Alexander của Plutarch.

Chú (và anh rể) của Alexander Đại đế. Ông đã hỗ trợ Tarentine tấn công người Lucania và Bruttium, nhưng đã bị đánh bại và bị giết vào năm 331/330.

Thay thế Asander, anh trai của Parmenio, mặc dù ông đã góp phần đánh bại Orontobates (xem Quyển hai); xem E. Badian, *Transactions of the American Philological Association* 91 (1960) 329.

331 TCN. Về các sự kiện diễn ra vài tháng sau đó, xem E. W. Marden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964).

Một loại chiến xa thời cổ đại, bao gồm một cỗ xe ngựa có các lưỡi dao sắc hình lưỡi liềm được gắn vào mỗi đầu của trục xe. Lưỡi dao có chiều dài khoảng 1 mét, được sử dụng như một vũ khí. (ND)

Chỉ có Curtius (4.12.13) đưa ra số liệu hợp lý, 200.000 người cho bộ binh Ba Tư, nhưng dù có một vài học giả chấp nhận số liệu này, cũng không có bằng chứng nào cho thấy nó được đưa ra dựa trên nguồn cứ liệu đáng tin. Curtius cho rằng số kỵ binh là khoảng 45.000 người. Marsden (tr.31-37) ước lượng số đó khoảng 34.000 người.

Khazir, một nhánh của sông Lycus. Trận chiến có thể đã diễn ra ở gần Tell Gomel, phía bắc con đường hoàng gia Ba Tư đi từ Nineveh tới Arbela (Erbil); xem Marsden, tr.20.

Ngoài những nguy cơ phải đối mặt trong một cuộc tấn công ban đêm (xem Thucydides 7.43-4; Xenophon, *Anabasis* 3.4.35), Alexander hiểu rõ giá trị của việc lan truyền tin tức nếu đánh bại quân Ba Tư trong điều kiện đó.

Darius có thể tuyên bố rằng tại Issus, ông ta đã thất bại vì thiếu không gian

(xem Quyển một); còn ở lần này, Alexander không có ý định để Darius có thể viện dẫn bất kỳ lý do nào nhằm biện hộ cho sự yếu kém của ông ta. Mệnh lệnh viết tay này không tiết lộ số lượng binh lính trong lực lượng Ba Tư.

Họ đã bị ép buộc phải chuyển tới Trung Á.

Những chiến xa cũng không hề được sử dụng hiệu quả tại Cunaxa (Xenophon, Anabasis 1.8.19-20)

Vì việc người đưa tin có thể bắt kịp Alexander nếu ngài đang ráo riết truy đuổi Darius là một chuyện khó tin, câu hỏi được đặt ra là: “Lúc đó Alexander đang ở đâu?” G. T. Griffith, JHS 1947, 87, cho rằng ngài đã quay lại ngay để hỗ trợ cánh trái đang bị đe dọa, còn Marsden, từ tr.58, cho rằng Alexander đã di chuyển sang cánh trái để bao vây trung quân và cánh phải của quân Ba Tư.

Những người Ấn Độ và Ba Tư này không phải “một vài kỵ binh Ấn Độ và Ba Tư” đã được nhắc tới ở đoạn trước. Những người sau là một nhóm nhỏ, và không thể cướp bóc doanh trại của Macedonia ở cách đó vài kilômét rồi trở về đối đầu với Alexander trong khoảng thời gian đó.

Lần đầu tiên là tại Issus (xem Quyển một).

Chắc hẳn là một số liệu thấp hơn thực tế. Curtius (4.16.26) đưa ra con số 300 người, Diodorus (17.61.3) đưa ra con số 500 người, cùng với “rất nhiều người bị thương.”

Số liệu của Diodorus (90.000) và Curtius (40.000) là hợp lý hơn.

Nguyệt thực (xem phần trước trong quyển này) đã diễn ra vào đêm ngày 20/21 tháng Chín và trận chiến diễn ra vào ngày 1 tháng Mười, nghĩa là vào ngày thứ 26 của tháng Boedromion theo lịch Athens. (Plutarch, Alexander 31.4; Camillus 19.5).

Alexander cho rằng việc chiếm cứ Babylon và Susa quan trọng hơn về mặt chính trị so với việc truy đuổi một đội quân bại trận khắp một vùng đất có địa thế hiểm trở.

Tên một vị vua Ba Tư. (ND)

Điện thờ thần Bel (Marduk) đã không được xây dựng lại trước khi Alexander quay trở lại Babylon vào năm 323. (xem Quyển bảy)

Mazaeus là người phương Đông đầu tiên được chỉ định giữ chức thống đốc. Liệu đây có phải là một phần thưởng cho đóng góp của ông tại Gaugamela (xem Tarn (Alexander 2.109), trích Curtius 5.1.18), hoặc vì ông đã giao nộp Babylon?

Arrian dùng từ “Chaldaean” là để chỉ những vị tư tế của thần Marduk. Harmodius và Aristogeiton (mất năm 514 TCN): là hai người Athens đã giết chết bạo chúa Hipparchus. Những người này được dân Athens tôn kính vì đã khôi phục nền tự do cho họ. (ND)

Sau này, Arrian nói rằng (xem Quyển bảy) các bức tượng này đã được gửi trở lại Athens vào năm 323. Về Harmodius và Aristogeiton, xem Quyển bốn.

Demeter và Persephone.

Arrian đã nhầm lẫn. Thống đốc Abulites đã gửi con trai ông là Oxathres cho Alexander. Ông vẫn giữ vị trí của mình.

Từ Hy Lạp được dịch thành “thống đốc” là “Hyparchos”, một từ có thể dùng để chỉ nhiều vị trí; xem Tarn, Alexander 2.173. “Menes là... một vị tướng, chịu trách nhiệm về một phần rất quan trọng trong thông tin liên lạc” (Tarn, 2.177).

Gần 15.000 người tất cả, tính cả 6.000 bộ binh Macedonia và 500 kỵ binh Macedonia. Chi tiết, xem Diodorus 16.65.1, Curtius 5.1.40-2.

Fuller (tr.227) so sánh với khoản thuế mà người Anh phải trả cho các thành viên bộ lạc ở biên giới Tây Bắc Ấn Độ.

Mục đích của Alexander là ngăn không cho Ariobarzanes di chuyển lượng của cải khổng lồ ra khỏi Persepolis.

Khoản tiền này, theo Diodorus (17.71) và Curtius (5.6.9), là khoảng 120.000 ta-lăng, còn theo Plutarch (Alexander 37) và Strabo (15.3.9) là 40.000 ta-lăng.

Pasargadae là thủ phủ cũ của Ba Tư, do Cyrus sáng lập. Quân Macedonia đã chiếm được 6.000 ta-lăng ở đây.

Đây là phiên bản chính thức, liên quan tới tính liên-Hy Lạp của cuộc viễn chinh. Plutarch (Alexander 38), Diodorus (17.72) và Curtius (5.7) nói rằng việc đốt phá cung điện là ý của Thais, một gái điếm hạng sang người

Athens trong tiệc rượu. Theo biên niên sử chính xác của Curtius, việc này diễn ra vào giữa tháng Năm, vào cuối khoảng thời gian bốn tháng Alexander lưu lại Persepolis. Về việc phá hủy Persepolis, xem các tranh minh họa xuất sắc trong Mortimer Wheeler, *Flames over Persepolis*, hoặc Jean-Louis Huot, *Persia* (London, 1965) trong các seri *Archaeologia Mundi*.

Ecbatana chính là Hamadan thời hiện đại. Cổng Caspian, con đường chính từ Media băng qua những ngọn núi Elburz tới Hyrcania và Parthia, cách Teheran khoảng 64 kilômét về phía tây.

Lúc này Alexander cho rằng cuộc chiến Liên minh đã tới hồi kết.

Số tài sản được tập kết tại Ecbatana, tương truyền, lên tới 180.000 ta-lăng (Diodorus 17.80; Strabo 15.3.9).

Parmenio vẫn còn ở Ecbatana cho tới khi ông mất. Mệnh lệnh của ông có thể đã được hủy bỏ. 6.000 bộ binh Macedonia dường như đã tái nhập vào lực lượng của Alexander tại Susia ở Aria (xem phần sau trong quyển này). Rhagae (Rei) nằm cách Teheran khoảng 8 kilômét về phía đông nam, cách cổng Caspia không ít hơn 70 kilômét.

Darius bị giết gần Damghan hoặc Shahrud. Alexander đã hành quân khoảng 338 hoặc 402 kilômét từ Cổng Caspian trong khoảng hơn một tuần vào giữa mùa hè, rong ruổi khắp một đất nước mà phần lớn là sa mạc.

Về các lăng mộ hoàng gia, xem Diodorus 17.71.2.

Năm 330 TCN.

Barsine, thường được gọi là Stateira. Về việc nàng kết hôn với Alexander, xem Quyển bảy.

Biển Caspian tuy được gọi là biển, nhưng thực chất là một cái hồ. Đây là hồ nước lớn nhất thế giới. Nước hồ mặn như nước biển và các sinh vật sống ở đây cũng là các sinh vật biển. (ND)

Ngày nay là Asterabad.

Có thể là Meshed.

Còn được gọi là Zariaspa (Strabo 11.11.2), và là Balkh thời hiện đại.

Arrian cũng gọi vùng đất này là Drangiana, xem phần trước trong quyển này. Vùng này nằm ở phía tây Arachotia.

Tại Phrada, sau này được gọi Prophthasia, âm mưu phản loạn đã bị phát hiện. Về âm mưu của Philotas, xem Plutarch, Alexander 48-9, Diodorus 17.79.1-80.2, Curtius 6.7-11, tất cả những sử gia này đều nói Philotas đã bị tra tấn để lấy lời khai.

Theo Plutarch, Alexander đã được Antigone, tình nhân của Philotas, cho biết về âm mưu phản loạn.

Trên thực tế, không có bằng chứng nào chống lại Philotas, ngoại trừ việc ông đã hai lần không sắp xếp cho một người Macedonia tên là Cebalinus tiếp kiến Alexander trong khi ông ta khẳng định có thông tin quan trọng cần báo lên hoàng đế. Việc này được suy diễn thành nó có liên quan tới âm mưu chống lại Alexander.

Hoặc bị ném đá cho tới chết (Curtius 6.11.38).

Chi tiết, xem Curtius 7.2.11-35.

Xem Quyển một. Kỵ binh Thessaly được đặt dưới quyền chỉ huy của Parmenio, kỵ binh Pharsalus tương đương với Kỵ binh Hoàng gia của Alexander (xem phần trước trong quyển này).

Về việc xét xử Amyntas, xem Curtius 7.1.10-2.10.

Cleitus “Đen”, người đã cứu mạng Alexander tại Granicus.

Khi nhắc tới “Caucasus của Ấn Độ”, Arrian muốn nhắc tới Các ngọn núi ở Ấn Độ [Hindu Kush]; xem phần sau trong quyển này, và Strabo 11.8.1.

Thành phố thường được biết tới với tên gọi “Alexanderia gần dãy Caucasus”, có lẽ được sáng lập ở Begram, cách Kabul khoảng 40 kilômét về phía đông bắc.

Cây silphium thuộc họ thì là, được dùng nhiều ở vùng bờ biển Cyrenaica (Lybia ngày nay). Tương truyền loại cây này được sử dụng như một phương thuốc tránh thai của người cổ đại. (ND)

Loài cây này xuất hiện trên đồng tiền Cyrene.

Về Tanais, xem phần sau trong quyển này.

Về Bactra, xem phần trước trong quyển này. Những thị trấn khác giờ là Kunduz và Tashkurgan. Alexander đã băng qua Hindu Kush qua đèo Khawak, có độ cao 3.536 mét.

Arrian đã nhầm lẫn. Ông không biết rằng dòng Oxus (Amu Darya) đổ vào biển Aral.

Lập lại cách bày binh bố trận ở Danube năm 335 (xem Quyển một).

Hiện nay là Samarcand.

Orexartes là tên Aristobulus gọi dòng Jaxartes (Syr Darya), dòng sông cũng giống như sông Oxus, đổ vào biển Aral.

Dòng Tanais mà Herodotus gọi (4.45.57) là sông Don và hồ Maeotis chính là biển Azov. Alexander và những người theo ngài đã đồng nhất dòng Jaxartes với dòng Tanais (Plutarch, Alexander 45.5), và Strabo (11.7.4) cho rằng việc đồng nhất đó là một phần của “âm mưu” khẳng định rằng Alexander đã chinh phục được toàn bộ châu Á. Gadeira hiện nay được gọi là Cadiz. Giống như nhiều sử gia cổ đại khác, Arrian coi Libya là một phần của lục địa Á châu.

Iliad 13.6.

“Alexandria xa nhất” chính là Chojend ngày nay.

Arrian đã không nhắc tới việc chiếm đóng bảy chốt biên phòng này.

Nhiều khả năng Alexander đã suy nghĩ lạc quan về việc sắp đặt một sự hòa giải chung.

Chojend, đã được nhắc tới trước đó.

Xem Herodotus 4.122-142.

Curtius 7.7.24-29 thuật lại rằng Aristander đã thay đổi lời tiên tri và tuyên bố rằng chưa bao giờ lễ hiến tế lại thuận lợi như vậy.

Về các cuộc hành quân chống người Scythia, xem Fuller, tr.236-41.

Khoảng 1.000 người, theo Curtius (7.6.10).

Curtius (4.7.30-9) đồng ý với Aristobulus rằng quân Macedonia đã rơi vào ổ phục kích, mặc dù ghi chép của ông có nhiều khác biệt so với ghi chép của Arrian. Có tới 2.000 người trong tổng số 3.000 bộ binh, 300 người trong tổng số 800 kỵ binh thiệt mạng.

Hiện nay là Zarafshan.

Năm 329/328 TCN.

Về chuyến khởi hành từ Nautaka một năm sau đó, xem phần sau trong quyển này.

Arrian viết thiếu chính xác. Menes được cử đi từ Susa vào cuối năm 331, Epocillus được cử đi từ Ecbatana vài tháng sau đó (xem Quyển ba). Nói chung, người ta cho rằng tên Bessus ở đây là để chỉ Bessus, kẻ giết vua Darius, được nhắc tới ngay trước đó. Dòng sửa lại có thể là “Asclepiodorus, xatrap của Syria, và Menes, “thống đốc”” (xem Tarn, Alexander 2.179-80). Từ Hy Lạp mang nghĩa “thống đốc” cũng là “Hyparchos”; xem Quyển ba. Chi tiết về quân tiếp viện, tổng số là 19.000 người, xem Curtius 7.10.11-12. Về hình thức cắt xẻo “dã man” này, xem Herodotus 3.154.

Trong cuốn Alexander, Plutarch nói rằng Alexander đã chấp nhận và sử dụng trang phục pha trộn của Ba Tư và Media, tránh những yếu tố “dã man” của trang phục Media. Sau này, Arrian (xem Quyển bảy) cho rằng việc này là do động cơ chính trị.

Việc này diễn ra tại Markanda vào mùa thu năm 328. Về một số ghi chép khác biệt về nơi diễn ra, xem Plutarch, Alexander 50-2 và Curtius 8.1.20-2.12. Những phiên bản khác biệt này đã được T.S Brown phân tích trong AJP 1949, từ tr.236.

Tương truyền, họ đều là con của Leda, nhưng lại có hai ông bố khác nhau: Castor là đứa con trai phạm tục của Tyndareus – vua Sparta, và Polydeuces là đứa con trai thần thánh của thần Zeus – người đã dụ dỗ và cưỡng hiếp Leda. Truyền thuyết về họ có nhiều dị bản, cũng có dị bản kể rằng cặp song sinh này được sinh ra từ một quả trứng, cùng với một cặp song sinh khác là chị em Helen và Clytemnestra. (ND)

Triết gia này sinh ra ở Abdera thuộc Thrace và là thầy dạy triết học Khắc kỷ của Pyrrhon. Quan điểm của ông thường xuyên mâu thuẫn với quan điểm của Callisthenes; xem Plutarch, Alexander 52-3.

Mối quan hệ giữa thần Công lý và thần Zeus đã được thuật lại từ rất lâu đời, ít nhất là trong thơ ca của Hesiod (Works and Days, từ tr.256); Sophocles, Odeipus at Colonus, từ tr.138; Anaxarchus phân tích thần thoại cổ xưa theo hướng phù hợp với quan điểm của ông ta.

Rất có thể nỗ lực của Alexander đưa nghi lễ phủ phục (proskynesis) vào trong triều đình, cũng giống như việc ngài sử dụng trang phục của người Ba Tư, là vì mong muốn người Macedonia và người Ba Tư có thể chung sống

hòa thuận với nhau. Luận bàn sâu nhất về vấn đề này là bài báo của J.P.V.D. Balsdon trong *Historia* 1950, từ tr.371. Xem thêm T. S. Brown, *AJP* 1950, từ tr.242.

Về vấn đề này, xem Plutarch, *Alexander* 2-3.

Hipparchus đã bị giết vào năm 514 và Hippias đã bị trục xuất khỏi Athens vào năm 510; xem Thucydides 6.54-9.

Người Ba Tư không cho rằng những vị hoàng đế của họ là những vị thần, mặc dù người Hy Lạp coi việc thực hiện nghi lễ phủ phục là một hành động thờ cúng; xem Herodotus 7.136.

Thân mẫu của Alexander, Olympias, là con gái của Neoptolemus, vua của Epirus, vốn là hậu duệ của vị tổ tiên trùng tên với ông là Neoptolemus, con trai của Achilles, cháu trai của Aeacus.

Xem Herodotus 1.204-14 và 4.83-144.

Theo Curtius (8.5.22), đó là Polyperchon, người đã chế nhạo người Ba Tư. Đây là phiên bản được viên thị thần hoàng gia Chares thuật lại (Plutarch, *Alexander* 54.4-6).

Hoàng đế Ba Tư thường hôn lên môi “họ hàng” của mình (Xenophon, *Cyropaideia* 1.4.27, 2.2.31; Herodotus 1.134).

Plutarch (*Alexander* 55.1-2) thuật lại rằng Hephaestion xác nhận rằng Callisthenes đã tán thành việc thực hiện nghi lễ prokynesis rồi sau đó đã phá bỏ cam kết này, và những kẻ xu nịnh Alexander lại càng khiến Callisthenes trở thành cái gai trong mắt ngài.

Xem thêm Curtius 8.6.2-6.

Việc này diễn ra ở Bactra vào đầu năm 327. Curtius (8.6.8-8.23) cũng đã thuật lại việc này một cách chi tiết. Ông đưa ra một danh sách có một chút khác biệt về những kẻ dính líu tới vụ này và cũng khác biệt về một số chi tiết so với Arrian.

Và theo Curtius.

Plutarch (*Alexander* 55.6) trích một lá thư Alexander viết cho các tướng lĩnh của ngài là Craterus, Attalus, và Alcetas, những người đang tham gia chiến dịch ở Pareitacene, trong đó ngài nói rằng chỉ có Những cận thần trẻ

tuổi dính líu tới âm mưu ám sát ngài. Về độ tin cậy của lá thư này, xem CQ 1955, từ tr.219.

Curtius (8.7) cũng đi theo truyền thống này.

Plutarch (Alexander 55.7) xác nhận đây là cách mà những người này bị giết chết. Curtius (8.8.20) thuật lại rằng họ bị tra tấn.

Plutarch thuật lại cả hai dị bản. Hơn nữa, sử gia này còn cho rằng, theo lời Chares kể lại, Callisthenes đã bị giam giữ trong suốt bảy tháng cho tới khi ông qua đời.

Về dịp tiếp kiến đầu tiên, xem phần trước trong quyển này.

Người Chorasmia cư trú ở khu vực nằm giữa vùng Caspian và biển Aral. Tên gọi thời cổ đại của biển Marmara, bắt nguồn từ từ “pro” nghĩa là trước, còn “pontos” nghĩa là biển Đen. Sở dĩ có tên gọi này là vì người Hy Lạp phải đi thuyền qua biển này để tới được biển Đen. Propontis là biển nằm sâu trong đất liền, nối liền biển Đen và biển Aegean. (ND)

Đây là lần đầu tiên nhắc tới dầu trong văn học Hy Lạp.

Massagetae là một tộc người Scythian, sống ở phía đông Caspian, những người đã đánh bại và giết Cyrus Đại đế (Herodotus 1.201-16).

Vì hành động anh hùng của Aristonicus, Alexander đã cho dựng một bức tượng đồng hình ông tại Delphi, với một tay ôm đàn lia, một tay nâng cao cây giáo (Plutarch, Moraliatr.334).

Curtius (6.5.4) thuật lại rằng Artabazus đã 95 tuổi vào năm 330, nhưng điều này hoặc là một sự phóng đại hoặc là chúng ta nên đoán chừng rằng độ tuổi của Artabazus là khoảng từ 55 đến 95. Alexander đã có ý định để Cleitus kế nhiệm Artabazus, nhưng ông đã qua đời trước khi đảm nhiệm vị trí này.

Những điều này không được biết tới, trừ phi, như đã nói từ trước, báo cáo về việc họ đã tới Bactra vào mùa đông trước (xem Quyển ba) là một sự nhầm lẫn và lúc này đi cùng với họ là Arsames và Barzancs.

Curtius (7.11) cũng mô tả việc chiếm Pháo đài đá, mà ông gọi là Pháo đài đá của Ariamazes. Curtius thuật lại, với một sự phóng đại lộ liễu, rằng pháo đài có chiều cao 5486 mét. Sự kiện này diễn ra vào năm 327 TCN.

Tương đương với một ta-lăng.

Cho dù tình cảm của Alexander đối với Roxane có hay không thì chắc chắn rằng ngài đã hy vọng dùng cuộc hôn nhân này để chiếm được cảm tình của các quý tộc Bactria.

Về cách hành xử của Alexander với hoàng gia Ba Tư, xem Quyển hai. Vợ của Darius, Stateira, đã mất khi sinh con vào đầu năm 332 TCN (Plutarch, Alexander 30).

Được Curtius (4.10.25-34) và Plutarch (Alexander 30) thuật lại.

Nghĩa là Ahura Mazda. Theo Plutarch, chính xác hơn là Darius đã gọi tên các vị thần tổ tiên của ông.

Người Pareitacae sống giữa lưu vực hai con sông Oxus và Jaxartes. Curtius (8.2.19) gọi họ là người Chorienes Sisimithres.

Năm 327.

Hiện nay là sông Kabul.

Người cai trị một thành phố lớn của Taxila, nằm ở phía tây bắc của Rawalpindi, và lãnh thổ nằm giữa sông Ấn và sông Hydaspes. Taxiles là tên hiệu của ông, tên riêng của ông là Omphis (Ambhi); xem Curtius 8.12.14. Tại Ohind, cách Attock 26 kilômét.

Hiện nay là lãnh thổ của Bajaur và Swat. Alexander đang tiến về phía dòng sông Ấn, phía trên Attock.

“Có thể là Nawagai, thủ phủ hiện tại của Bajaur” (Fuller, tr.126).

Leonnatus chịu trách nhiệm về tiểu đoàn bộ binh của Attalus và lính đánh giáo của Balacrus, Ptolemy quản lý tiểu đoàn bộ binh của Philotas, và đơn vị của Philip có thể là một đội quân khinh giáp (xem Tarn, Alexander 2.144).

Khu vực này chưa được xác định.

Diodorus (17.84) cho rằng hành động bội bạc này là do Alexander, người đã tấn công đám lính đánh thuê mà không hề có sự kích động nào; xem Plutarch Alexander 59.3-4.

Diodorus và Curtius (8.10.22) thuật lại rằng Nữ hoàng Cleophis xinh đẹp đã được phục hồi tước vị. Có người (Curtius) còn cho rằng Alexander đã có một đứa con trai với nữ hoàng.

Lần lượt là Bir-kot và Ude-gram, theo Ngài Aurel Stein, On Alexander's Track to the Indus (London, 1929), 43, từ tr.59.

Được Stein xác định vào năm 1926 là Pir-Sar, một đỉnh núi có chiều cao trên 2.134 mét, cách sông Ấn khoảng 120 kilômét về phía bắc Attock. Xem Fuller, tr.248-54.

Về truyền thuyết này, xem Diodorus 17.85.2 và Curtius 8.11.2. Arrian thuật lại những truyền thuyết khác về Heracles trong phần sau của quyển này. Fuller đã chỉ ra tầm quan trọng về chiến thuật của Pháo đài đá và ảnh hưởng của việc hạ được pháo đài đối với những tộc người Ấn Độ lân cận. Có lẽ là Charsadda, thủ phủ của Gandhara.

Người cai trị của Kashmir.

Arrian có phần sa đà khi nói về thành phố Nysa, địa điểm chiến lược cho việc vượt sông Ấn, nhằm làm rõ thái độ đối với truyền thuyết kể về vị vua trong vùng đất thần thoại này của Ấn Độ. Nysa dường như nằm ở thung lũng Kabul, có thể là gần Jalalabad. Chuyến viếng thăm thành phố này của Alexander đã được Curtius (8.10.7-18) thuật lại ngay sau những sự kiện mà Arrian đã nhắc tới tại 4.23.

Theo thần thoại Hy Lạp, Dionysus vốn là “con rơi” của thần Zeus và Semele. Tương truyền, Semele chỉ là một người phàm nhưng có nhan sắc tuyệt trần. Thần Zeus tìm đến với Semele trong hình dạng của một người đàn ông bình thường và hai người rất yêu nhau. Khi Semele mang thai Dionysus, bà nghe theo lời xúi bẩy của Hera – vợ của thần Zeus, xin thần Zeus xuất hiện trước mắt nàng trong hình dạng của một vị thần. Thần Zeus đáp ứng yêu cầu của nàng, và Semele chết ngay tức khắc, do người phàm không thể sống sót nếu nhìn thẳng vào thần Zeus. Bào thai Dionysus được Zeus giữ lại, khâu vào bắp đùi, và đủ ngày đủ tháng thì Zeus rạch đùi, “đẻ” ra vị thần Rượu nho. (ND)

Cây thường xuân là một trong những biểu tượng của thần Dionysus. (ND)

Bacchus là tên của thần Dionysus bằng tiếng La Mã. (ND)

Trong nguyên văn, những sĩ quan này đã kêu những tiếng “Euoi, Euoi”, là những tiếng kêu say mê và sung sướng trong những lễ hội vinh danh thần Dionysus cổ xưa. (ND)

Eratosthenes (276-195/194 TCN): là một người Hy Lạp xuất sắc trong nhiều lĩnh vực: toán học, địa lý, thiên văn học, thơ ca, v.v... (ND)
Nhà thông thái vĩ đại của thế kỉ thứ III TCN, người đứng đầu thư viện Alexandria từ năm 246, người đã bị những kẻ ghen tị gọi là công dân hạng hai. Thành tựu lớn nhất của ông là cuốn Geography, cuốn sách đã được Strabo sử dụng rộng rãi.

Chúng ta có thể so sánh với những điều Strabo nói trong phần đầu của Quyển 15, cuốn Geography, đặc biệt là trong Chương 7-9. Ông là người hoài nghi hơn Arrian rất nhiều. Xem thêm các bình luận của Arrian trong cuốn Indica (1.7; 5.10-13) của ông.

Taxila, cách Rawalpindi khoảng 32 kilômét về hướng tây bắc.

Trên thực tế, sông Ấn bắt nguồn từ dãy Himalaya.

Lần lượt là các dòng Jhelum, Chenab, Ravi và Beas. Punjab là “mảnh đất của Năm dòng sông”.

Ctesias, một người Cnidos, là ngự y của Artaxerxes (404-359). Ông đã viết một cuốn lịch sử về Ba Tư và một cuốn sách về Ấn Độ mà hiện nay chỉ còn lại một vài đoạn trích ngắn. Ctesias là người nổi tiếng về chuyện cường điệu. Xem Aristotle, History of Animals 8.27. Sông Ấn không có nơi nào rộng hơn 4 kilômét.

Xem Herodotus 3.102, 4.13; Strabo 15.1.44.

Xem Xenophone, Cyropaideia 7.5.67.

Những điều này sẽ được Arrian đề cập tới trong cuốn sách khác của ông là The History of Indica (Indica). Trước tác này vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay.

Trước tác đã bị thất lạc này đã được Arrian sử dụng triệt để trong Indica. Về chuyến hải hành, xem các chương 17-43.

Megasthenes (350-290 TCN): một nhà dân tộc học, nhà thám hiểm thời Hy Lạp cổ đại. Ông cũng có một tác phẩm tên là Indica. (ND)

Biển Azov và biển Caspian.

Đây là quan điểm phổ biến trong thời cổ đại. Herodotus và Aristotle (Meteorology 2.1.10) biết điều này, nhưng sau đó Patrocles, người đã được cử đi để khám phá vùng biển Caspian vào khoảng năm 284/283, báo cáo

rằng vùng biển này thực chất chỉ là vịnh. Quan điểm này đã được Eratosthenes thừa nhận và được phổ biến, cùng với một vài phản đối cho tới tận thế kỷ XIV. Về chuyến thám hiểm của Alexander, xem Quyển bảy. Sandracottus là Chandragupta, người sáng lập ra triều đại Mauryan, người đã trục xuất những người Macedonia khỏi Punjab sau khi Alexander qua đời và đã cai trị phần lớn Ấn Độ, kể cả lãnh thổ phía Tây sông Ấn mà Seleucus đã nhượng lại cho ông vào năm 304. Megasthenes là sứ giả của Seleucus và trước tác của ông đã hình thành nên kiến thức nền tảng của Hy Lạp về Ấn Độ; xem Strabo, Quyển 15 và Indica của Arrian.

Cybele, phần núi Dindymus ở Phrygia đã được thánh hóa.

Xem Herodotus 2.5, và 2.10-34.

Theo thần thoại Hy Lạp, Menelaus là vua của Sparta trong thời kì Mycenae và là chồng của nàng Helen. (ND)

Odyssey 4.477, 581.

Arrian đã nêu tên của những dòng sông này trong cuốn Indica (4.8-12) của ông.

Herodotus 7.33-6; 4.83, 97.

Vua của Pauravas, vương quốc nằm giữa lưu vực sông Hydaspes và Acesines.

Địa điểm hạ trại của Alexander và nơi ngài vượt sông không được biết tới.

Dự đoán có vẻ khả quan nhất là do Ngài Aurel Stein đưa ra. Ông cho rằng Alexander đã dừng quân hạ trại tại Haranpur và đã vượt sông tại Jalalpur.

Thảo luận về nhiều giả thuyết, xem Fuller, tr.181-5. Về các cuộc hành quân tấn công Porus, xem Diodorus 17.87-89; Curtius 8.13-14; Plutarch, Alexander 60.

Arrian đã nhầm lẫn. Quả thực, trong phần sau, ông thuật lại rằng cuộc chiến nổ ra vào tháng Năm. Theo Nearchus (Strabo 15.1.18; Arrian, Indica 6.5), vào hạ chí, tức là vào khoảng 21 tháng Bảy, Alexander đã hạ trại bên dòng Acesines.

Tương đương với những tiểu đoàn bộ binh của họ (Tarn, Alexander 2.191). Seleucus Nicator đã lập nên triều đại Seleucid, triều đại đã cai trị phần lớn lãnh thổ châu Á mà Alexander đã chinh phục.

Ghi chép của Arrian là không chính xác. Tarn (Alexander 2.191-2) cho rằng Ptolemy đã viết: “Alexander đã đặt trung đoàn vệ quân Hoàng gia và những trung đoàn vệ quân khác dưới quyền chỉ huy của Seleucus, và kề cận với họ là những tiểu đoàn phalanx, tùy theo từng ngày mà lựa chọn ưu tiên các trung đoàn vệ quân hay các tiểu đoàn bộ binh.”

Những đơn vị bộ binh được liệt kê trước đó có tổng số khoảng hơn 6.000 người. Vì Arrian viết rằng các con thuyền đều cố gắng chở được càng nhiều lính bộ binh càng tốt nên có lẽ toàn bộ số lính bộ binh không được chuyển qua sông trong thời điểm này.

Điều lạ lùng là Alexander hy vọng đánh bại toàn bộ lực lượng của Porus chỉ bằng kỵ binh của ngài. Ghi chép của Plutarch (Alexander 60.7) cơ bản dựa trên lá thư của Alexander lại viết rằng hoàng đế đã dự tính về khả năng kỵ binh Ấn Độ tấn công.

Đôi khi lời bình luận về Aristobulus dường như là của chính Arrian chứ không phải của Ptolemy. Do đó, đoạn văn này không phải là bằng chứng cho thấy Ptolemy viết sau Aristobulus.

Theo Plutarch (Alexander 60.8), con trai của Porus đã mang theo 1.000 kỵ binh và 60 chiến xa. Ông đồng ý với Arrian rằng quân Ấn Độ đã thiệt hại 400 kỵ binh và toàn bộ chiến xa. Curtius (8.14.2) cho rằng anh trai của Porus đã được cử đi cùng với 1.000 kỵ binh và 100 chiến xa.

Curtius (8.13.6) đồng ý với số liệu của Arrian về số lượng bộ binh và chiến xa, nhưng khác về số voi chiến (85 voi chiến). Ông đã không hề nhắc tới kỵ binh. Diodorus (17.87.2) đưa ra số lượng là 50.000 bộ binh, 3.000 kỵ binh, trên 1.000 chiến xa và 130 voi chiến; trong khi số liệu của Plutarch (Alexander 62.1) là 20.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh.

Diodorus (17.89.1-3), sử gia duy nhất ngoài Arrian nhắc tới số thương vong, đưa ra con số 12.000 quân Ấn Độ thiệt mạng và 9.000 người bị bắt giữ; về phía Macedonia, thiệt hại 280 quân kỵ và trên 700 quân bộ.

Diodorus (17.88.4) đồng ý với Arrian rằng Porus cao khoảng 5 cubit, nghĩa là khoảng 2,3 mét theo đơn vị cubit của Athens. Tuy nhiên, Tarn (Alexander 2.170) cho rằng đơn vị cubit của người Macedonia chỉ khoảng 36 centimet. Nếu như vậy, Porus chỉ cao khoảng 1,8 mét.

Xem Diodorus 17.89.6; Curtius 8.14.45; Plutarch, Alexander 60.15.

326 TCN. Diodorus (17.87.1) đã nhầm lẫn khi nói rằng cuộc chiến nổ ra khi Chremes làm quan chấp chính, nghĩa là vào tháng Bảy năm 326 – tháng Sáu năm 325.

Plutarch (Alexander 61) nói rằng phần lớn những sử gia cho rằng Bucephalus chết vì vết thương, nhưng Onesicritus thuật lại rằng con thần mã này chết vì tuổi già vào năm nó 30 tuổi. Chúng tôi không cho rằng độ tuổi của Bucephalus tương đương với tuổi của Alexander hoặc Alexander không thể “thuần hóa” con ngựa này cho tới khi nó 16 tuổi. Bucephalus có thể đã sống tới năm 30 tuổi, và Alexander đã cười nó khi nó khoảng 7 hoặc 8 tuổi. Về miêu tả công cuộc thuần hóa Bucephalus, xem Plutarch, Alexander 6.

Nghĩa là ở khu vực nằm giữa Susa và Persepolis. Plutarch (Alexander 44.3-4) cho rằng sự việc này diễn ra ở Hyrcania, Diodorus (17.76.5) và Curtius (6.5.18) cho rằng vụ việc xảy ra ở khu vực của người Mardia, tới phía tây Hyrcania.

Diodorus (17.89.6) nhắc tới một cuộc dừng chân kéo dài 30 ngày.

Arrian đã nhắc tới trước đó về sự xuất hiện của các sứ thần của Abisares, người cai trị Kashmir.

Strabo (15.1.30) cho rằng vị Porus này chính là cháu của Porus, vua Paurava.

Vì Nicanor đã được chỉ định làm thống đốc của lãnh thổ phía tây Sông Ấn (xem Quyển bốn) và lần gần nhất Sisicottus được nhắc đến là với vai trò thủ lĩnh của một pháo đài gần Aornus (xem Quyển bốn), có thể Sisicottus là cấp dưới của vị xatrap đã bị sát hại, Nicanor.

Trong Indica (3.10), Arrian đã viết là điểm giao với sông Ấn có bề rộng khoảng 6 kilômét, nhưng đó là sau khi nó nối với dòng Hydaspes và Hydraotes.

Cả Sangala lẫn Pimprama (được nhắc tới sau đó) đều không xác định được; dĩ nhiên chúng đều nằm trong địa hạt Amritsar. Tộc người Malli và Oxydracae sinh sống ở khu vực xa hơn về phía nam.

Người Hy Lạp chia đêm thành ba canh, người La Mã chia thành bốn canh. Ở đây Arrian viết theo người La Mã.

Eumenes, người Cardia vùng Thrace, là thư ký của Philip. Sau khi Alexander qua đời, ông coi giữ vùng Cappadocia và Paphlagonia, và đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến của Những người kế vị cho tới khi chết dưới tay Antigonus vào năm 316. Cả Cornelius Nepos và Plutarch đều viết tiểu sử về ông. Đây là lần duy nhất trong cuộc viễn chinh Eumenes được nhắc đến với vai trò là chỉ huy quân sự.

Strabo (15.1.27) cho rằng quân Macedonia đã chịu tổn thất nặng nề sau trận mưa dữ dội. Trận mưa này đã đổ xuống từ khi họ rời Hydaspes; xem Diodorus 17.94.3. Về chuyện dịch bệnh, xem thêm Diodorus 17.93-5; Curtius 9.2.1-3.19 (cùng với các bài diễn văn của Alexander và Coenus); Plutarch, Alexander 62.

Tarn (Alexander 2.287) nghi ngờ rằng bài diễn văn của Alexander có thể chỉ là một tác phẩm chấp vá, vì nó không tách biệt rõ ràng với lời đáp của Coenus và Coenus đã ở lại Acesines (xem Quyển bốn), nơi ông qua đời ít lâu sau đó. Nhưng Coenus đã được sắp xếp để gửi các nhu yếu phẩm, và giống như Porus, ông chắc chắn đã hợp nhất với lực lượng của Alexander. Ông đã mất tại Hydaspes. Tuy nhiên, bài diễn văn có những câu nói mà tính xác thực của chúng vẫn còn bị nghi ngờ; xem Tarn.

Hiểu biết về sông Ganges của Alexander là khá đầy đủ, nhưng điều nghi vấn là Alexander vẫn cho rằng biển Đông ở gần đó, như Aristotle có thể đã dạy ngài. Dù trong hoàn cảnh nào, Nearchus đã viết rằng hành trình đi qua các vùng đồng bằng của Ấn Độ đã mất bốn tháng (Strabo 15.1.12).

Quan điểm cho rằng biển Hyrcanian (Caspian) là vịnh không phải là của Alexander mà là từ địa lý học của Eratosthenes (và Arrian). (Xem phần trước trong quyển này).

Xem Xenophon, Anabasis 1.7.4.

Ở đây, có thể có nhầm lẫn. Lính Thessaly đã được cho về quê từ lúc ở Ecbatana chứ không phải ở Bactra.

Đầu năm 325, khi tin đồn lan tới Bactria rằng Alexander đã bị giết ở Malli, 3.000 lính đánh thuê đã nổi loạn và cuối cùng bỏ chạy về Hy Lạp (Curtius

9.7.1-11). Ngay sau cái chết của Alexander, một cuộc nổi loạn có quy mô lớn hơn của lính đánh thuê đã nổ ra ở Bactria (Diodorus 18.4.8; 7.1-9). Carthage là tên gọi một thành phố cổ, thuộc xứ Tunisia ngày nay. (ND) Diodorus (17.95.1) và Curtius (9.3.19) cũng xác nhận việc xây dựng 12 điện thờ cho 12 vị thần Olympia. Theo Diodorus, điện thờ có chiều cao 23 mét. Không dấu tích nào của các điện thờ này còn sót lại, nhưng vì các dòng sông của Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều sau thời đại của Alexander nên điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Diodorus, Curtius và Plutarch (Alexander 62) còn bổ sung rằng Alexander cũng đã hạ lệnh xây dựng nơi ăn ngủ cho binh lính và chuồng ngựa cho ngựa chiến lớn hơn mức bình thường nhằm gây ấn tượng với hậu thế.

Điều này không được nhắc tới trước đó.

Xem Quyển năm.

Các sử gia nhìn chung đều xác nhận lá thư là có thật, nhưng rất khó có thể xác định ai là người biết về việc gạch xóa trong đó.

Curtius (9.3.20) cho rằng Coenus qua đời tại Acesines, nhưng vì ông và Diodorus đã nhầm lẫn khi cho rằng Alexander đã quay trở lại dòng sông này để gặp hạm đội của ngài nên chẳng có lý do gì để nghi ngờ Arrian. Về Coenus, xem Badian, JHS 1961, từ tr.20, mặc dù chúng ta không cần phải giả định rằng cái chết của Coenus là vì lý do khác chứ không chết một cách tự nhiên.

Theo Nearchus (Arrian, Indica 19.5), tổng số có 120.000 lính, bao gồm cả “những người dã man”.

Địa điểm này không được xác định. Diodorus (17.91.4) và Curtius (9.1.24) đã nhầm lẫn khi cho rằng vương quốc của Sopeithe nằm ở phía đông Cathaei, giữa hai dòng sông là Hydraotes và Hyphasis. Xem Strabo 15.1.30. Xem Arrian, Indica 18.9-10. Strabo (15.1.28) nhận xét rằng Onesicritus xứng đáng là hoa tiêu chính trong số tất cả những hoa tiêu của Alexander, và rằng ông ta vượt trội hơn tất cả những người đi theo Alexander trong việc kể những câu chuyện kỳ lạ.

Trong Indica, Arrian đã đưa ra tổng số 800 tàu thuyền, hiển nhiên là từ số liệu của Nearchus. Diodorus và Curtius đưa ra con số là 1.000 tàu thuyền.

Nearchus (Indica 18.11) nói rằng Alexander đã làm lễ hiến tế các vị thần tổ tiên của ngài theo chỉ dẫn của các nhà tiên tri, đó là các vị thần: Poseidon, Amphitrite, các nữ thần Nereid, thần Biển cả và ba thần sông. Theo Aristobulus (Strabo 15.1.17), Alexander đã bắt đầu lên đường “một vài ngày trước khi chòm Thất tinh xuất hiện”, nghĩa là khoảng đầu tháng Mười một năm 326.

Xem Indica 7.8-9.

Theo Curtius, lực lượng người Malli và Oxydracae khoảng 90.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 900 chiến xa. Diodorus cho rằng lực lượng này gồm 80.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 700 chiến xa. Arrian chỉ nhắc tới 50.000 quân Malli (xem phần sau trong quyển này).

Diodorus (17.97.2) so sánh cuộc vượt sông này với cuộc chiến của Achilles trên sông Scamander (Iliad 21.228).

Sa mạc Sanda-Bar.

Fuller chỉ ra rằng những “thị trấn” này chính là nhiều ngôi làng Ấn Độ hiện nay – “được hình thành từ nhiều túp lều đắp bằng đất bùn, chúng tạo nên một bức tường bảo vệ theo vòng tròn có chiều cao và độ dày không lớn lắm.”

Xem Curtius 9.4.26.

Strabo (16.1.3) đưa ra một ghi chép tương tự. Ông đã giải thích tại sao Gaugamela (có nghĩa là “nơi chặn thả lạc đà”) lại mang cái tên này.

Curtius (9.5.14) nhắc tới Timaeus và Aristonus cũng như Peucestas và Leonnatus, Plutarch (Moralia 327b, 344d) nhắc tới Ptolemy và Limnaeus. Peucestas và Leonnatus sau đó cũng được nhận vương miện bằng vàng vì họ đã góp phần cứu mạng Alexander.

Curtius (9.5.21) chỉ trích Cleitarchus và Timagenes vì đã thuật lại rằng Ptolemy có mặt trong trận chiến này. Trong cuốn History, chính Ptolemy đã thuật lại rằng thời điểm đó ông đang thực hiện một nhiệm vụ viễn chinh khác. Ptolemy nhận được danh hiệu “Vị cứu tinh” từ người Rhodian vào năm 304 vì đã giúp đỡ họ trong suốt cuộc vây thành Rhodes của Demetrius.

Curtius (9.6.6) nói rằng Craterus đã phê bình Alexander nhân danh các sĩ quan cấp cao, và đã nhận được sự ủng hộ của Ptolemy cũng như những

người khác.

Một đoạn thuộc một trong những vở bi kịch đã bị thất lạc của Aeschylus. Curtius (9.8.9) cho rằng tên của vị thống đốc cũ là Terioltes và ông ta đã qua đời.

Về mô tả vùng đất này của Onesicritus, xem Strabo 15.1.34.

Diodorus (17.102.5) và Curtius (9.8.11-13) ghi chép rằng Oxycanus, người mà họ gọi là Porticanus, đã qua đời; các tù binh đã bị đem bán và những thị trấn trong vương quốc của ông đều đã bị phá hủy.

Theo Diodorus và Curtius (người sử dụng trước tác của Cleitarchus làm cứ liệu chính), trong vùng này có 80.000 lính Ấn Độ đã bị giết và nhiều người đã bị bắt làm tù binh.

Xem Arrian, Indica, Chương 11. Strabo (15.1.59) đưa ra một mô tả tốt hơn về những người Bà La Môn, dựa vào ghi chép của Megasthenes.

Nghĩa là Drangiana. Craterus có thể đã di chuyển thông qua con đường của các thủ lĩnh Hồi giáo.

Chính là điểm cao nhất của đồng bằng sông Ấn trong thời đại của Alexander. Nó thường được biết đến với tên gọi Hyderabad hoặc Bahmanabad. Alexander đã tới đó vào khoảng giữa tháng Bảy năm 325. Gió mùa tây nam.

Theo Plutarch (Alexander 66.1), Alexander gọi hòn đảo này là Scillustis, còn những người khác gọi nó là Psiltucis.

Những lễ hiến tế này, giống với những lễ tế được thực hiện vào đầu cuộc hành trình xuôi dòng sông Ấn (xem Quyển năm), là lễ tạ ơn của Alexander vì chuyến đi thành công của ngài.

Xem Indica 20.10. Wilcken, Alexander 196, coi việc hiến tế và rót rượu cúng là lễ tạ ơn mà Alexander thực hiện vì đã chạm tới “cực hạn của thế giới” cũng như là một lời cầu nguyện cho tương lai. Điều này dường như xuất hiện rất nhiều trong văn bản của Arrian. Chuyến hải hành của Nearchus đã được miêu tả trong Indica, chương 21-43.

Đó là số liệu của Nearchus; Aristobulus cho rằng các cửa sông Ấn cách đó khoảng 200 kilômét (Strabo 15.1.33). Nhánh sông phía đông của sông Ấn thời điểm đó được cho là đổ về phía đầm lầy Rann of Kutch.

Khoảng đầu tháng Mười một.

Nearchus đã rời Pattala vào khoảng ngày 21 tháng Chín năm 325, nhưng đã phải đợi ở nhánh sông phía đông của sông Ấn suốt 24 ngày cho tới khi gió mùa Đông Bắc xuất hiện (Indica 21).

Sông Hab, không phải là sông Purali. Về phát hiện này và đường hành quân của Alexander nói chung, xem Ngài Aurel Stein, Geographical Journal 1943. 193-227.

Về những động lực thúc đẩy Alexander hành quân qua Gedrosia, hiện nay là Makran, xem phần sau trong quyển này.

Các sư đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy của Leonnatus, Ptolemy và Alexander (Diodorus 17.104.6). Diodorus chắc chắn đã phóng đại khi viết rằng “hàng nghìn người” đã bị giết.

Vị trí của Rhambacia chưa được xác định. Diodorus (17.104.8) nói rằng Alexandria mới nằm ở bờ biển, nhưng Stein (tr. 215) cho rằng thị trấn mới nằm ở khu vực nội địa, gần Bela hiện tại.

Arrian sử dụng từ “Oreitae” và “Oria” một cách tùy tiện.

Một loài cây nhỏ, có gai, có mùi thơm mát rất dễ chịu. Nhựa của cây mật nhĩ lập có thể sử dụng như một loại nước hoa, làm thuốc, hoặc để xức cho người chết. (ND)

Loài cây này, mà từ nó người ta tạo ra được một loại dầu thường được nhắc tới trong Kinh thánh, mọc nhiều đến nỗi người Macedonia sử dụng để lót giường ngủ (Strabo 15.2.3).

Xem thêm Strabo 15.2.6-7.

Đó là những người Ichthyphagi. Họ được Arrian mô tả chi tiết hơn trong cuốn Indica (chương 29). Xem Strabo 15.2.2; Diodorus 17.105.3-5; Curtius 9.10.8-10; Plutarch, Alexander 66.6.

Một thị trấn ở Thrace cạnh biển Đen, được những người khai khẩn đất mới từ Miletus xây dựng.

Bampur, nằm cạnh một con sông cùng tên, gần biên giới Carmania. Thời điểm mà Alexander hành quân tới đây có thể là vào cuối tháng Mười một năm 325.

Theo truyền thuyết, Semiramis là hoàng hậu của vua Ninus và là người kế tục ngai vàng của ngài, trở thành nữ hoàng của người Assyria. (ND)

Sự kinh địch của Alexander với Hercules và Perseus cũng là một động lực khiến ngài đi tới Siwah. Arrian (Indica 9) nhận xét rằng những người Ấn Độ phủ nhận việc từng có một người khác (ngoại trừ Hercules và Dionysus) đã xâm lược Ấn Độ trước Alexander; xem Strabo 15.1.6.

Chúng ta có thể loại bỏ tuyên bố của Plutarch (Alexander 66.4) rằng Alexander mang theo 120.000 bộ binh và 15.000 kỵ binh. Nearchus (Arrian, Indica 19.5) đáng tin hơn khi thuật lại rằng Alexander đã mang theo 120.000 binh lính khi bắt đầu cuộc hải hành xuôi dòng Hydaspes. Từ số liệu này, chúng ta có thể trừ đi số thương vong ở Ấn Độ, số binh lính được gửi trở lại cùng với Craterus, số người được để lại Ấn Độ và số binh lính cùng với Leonnatus ở lại lãnh thổ của người Oreitae. Ước tính số lính mà Alexander mang theo có thể trong khoảng từ 8-10.000 người (Tarn, Alexander 1.107) – chắc chắn là một số lượng quá thấp – tới 60-70.000 người (H. Strasburger, Hermes 1952, từ tr.486). Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta đều không biết rõ tỷ lệ sống sót sau cuộc hành quân đó là bao nhiêu.

Plutarch (Alexander 42.7) nói rằng sự việc diễn ra trong cuộc truy đuổi Darius, Curtius (7.5.10) cho rằng nơi xảy ra sự việc này là ở Sogdiana gần sông Oxus.

Chòm Tiểu Hùng Tinh có Sao Bắc Đẩu; Đại Hùng Tinh còn được gọi là chòm Gấu Lớn, hoặc Cái Cày, mà từ đó, người ta có thể tìm thấy Sao Bắc Đẩu.

Apollophanes đã bị giết ngay sau chuyến khởi hành của Alexander trong một cuộc đại chiến chống lại người Oreitae (Arrian, Indica 23.5). Có thể nhiệm vụ của Apollophanes là cung cấp các nhu yếu phẩm cho quân đội của Alexander.

Việc này đã không được thực hiện vào thời điểm mà Alexander qua đời, tức là khoảng 18 tháng sau đó.

Curtius (10.1.1) còn thêm vào Agathon. Ông thuật lại rằng cả bốn người này đều bị giam giữ và 600 người đi theo họ bị xử tử. Mặc dù Curtius

không nói gì hơn về số phận của bốn sĩ quan này nhưng chắc hẳn họ đều bị tử hình. Về “thời gian cai trị kinh hoàng” của các xatrap của Alexander trong thời gian này, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.16.

Điều này không được xác minh nhờ vào lá thư của Alexander gửi Cleomenes (xem Quyển bảy).

Theo Diodorus (17.105.7) và Curtius (9.10.17), Alexander đã chỉ thị cho Phrataphernes và Stasanor cung cấp thực phẩm cho quân đội. Phrataphernes chắc hẳn đã bị nhầm sang Pharismanes; ở đây không thấy nhắc tới việc Phrataphernes đã tới nơi và tái hợp với lực lượng của Alexander.

Xem những mô tả tỉ mỉ trong Curtius (9.10. từ tr.24), Plutarch (Alexander 67) và Diodorus (17.106.1). Câu chuyện có thể liên quan tới lễ hội được nhắc tới ở đoạn sau.

Arrian đã mô tả sinh động buổi gặp gỡ của Nearchus với Alexander tại Harozeia (Hormuz) trong Indica (chương 33-6). Diodorus (17.106) cho rằng họ đã gặp nhau ở một thị trấn ven biển có tên là Salmus.

Chính là cuốn Indica, chương 18-43.

Đó là vào đầu tháng Mười hai năm 325.

Tức Aria.

Orxines là hậu duệ của Cyrus (Curtius 10.1.22).

Lăng mộ này ngày nay được biết tới như là lăng mộ của thân mẫu vua Solomon. Nó thường xuyên được mô phỏng lại, xem Jean-Louis Huot, Persia (London, 1965).

Các Magus thuộc giai cấp thầy tu người Media. Bên cạnh nhiệm vụ canh giữ lăng mộ của Cyrus, họ còn là người giải thích các giấc mơ và khi một người Ba Tư muốn thực hiện lễ hiến tế, họ cũng phải nhờ tới một Magus. Xem Herodotus 1.120.132.

Cyrus Đại đế là con trai của Cambyses I và là cha của Cambyses II. (ND) Chính là Persepolis; xem phần trước.

Curtius (10.1.22-38) kể một câu chuyện khác. Theo sử gia này, Orxines vô tội và cái chết của ông là do Alexander nghe theo lời sàm tấu của hoạn quan Bagoas, kẻ đã nhận hối lộ của các nguyên cáo để đưa ra chứng cứ sai lầm. E. Badian (CQ 1985, từ tr.147) cho rằng dị bản này có phần chuẩn xác hơn.

Tuy nhiên, quân Macedonia lại lấy làm tức giận trước lối sống ngày càng theo lối phương Đông của Peucestas (xem Quyển bảy).

Xem Curtius 10.1.17-19 và Plutarch, Alexander 68.1. Trong số những kế hoạch (Hypomnemata) còn lại sau cái chết của Alexander có một cuộc viễn chinh tấn công Carthage, Bắc Phi, Tây Ban Nha, và bờ biển nước Ý tới Sicily (Diodorus 18.4.4). Tranh luận về tính xác thực của những kế hoạch này, xem E. Badian, Harvard Studies in Classical Philology 1968, từ tr.183. Châu Á, ở đây thường bao gồm cả châu Phi.

Một câu chuyện tương tự về Calanus cũng được Plutarch nhắc đến (Alexander 65.6).

Diogenes là một triết gia Khắc kỷ nổi tiếng, người dành phần lớn cuộc đời mình để sống tha hương ở Athens. Mặc dù ông có thể đã gặp Alexander tại Corinth vào năm 336, giai thoại này, cũng giống như các giai thoại khác trong đó triết gia luôn khôn ngoan hơn hoàng đế, có thể là hư cấu. Trong trước tác của Plutarch (Alexander 14) và những sử gia khác – không ít hơn 22 lần nhắc tới câu nhận xét của Alexander: “Nếu ta không phải là Alexander, ta muốn là Diogenes.”

Arrian dường như đã dựa vào ghi chép của Aristobulus đã được Strabo (15.1.61) đưa ra.

Strabo (15.1.63-5) giữ được một phiên bản đầy đủ hơn về ghi chép của Onesicritus, người đã được cử tới thăm các triết gia Ấn Độ. Các học thuyết của họ là “học thuyết theo trường phái triết học Khắc kỷ”. (T. S. Brown, Onesicritus 45).

Plutarch (Alexander 65.5-6) nói rằng tên của triết gia này là Sphines, nhưng những người Hy Lạp khác gọi ông là Calanus bởi ông sử dụng lời chào là “Cale” theo tiếng Ấn Độ thay vì từ “Chaire” theo tiếng Hy Lạp.

Theo Strabo (15.1.68), Calanus mất ở Pasargadae, nhưng Diodorus (17.107.1) lại cho rằng ông mất ở vùng biên giới giữa Ba Tư và Susiane. Câu chuyện này rất phổ biến trong thời xưa; xem M. Hadas, Hellenistic Culture, từ tr.178.

Arrian, Indica 10.

Xem Plutarch, Alexander 69.8, và Strabo 15.1.68. Chares và Onesicritus thuật lại rằng Calanus đã lao mình vào ngọn lửa.

Atropates là thống đốc của Media. Abulites và Oxathres lần lượt cai trị Susiane và Paraetacene (xem Quyển ba). Theo Plutarch (Alexander 68.7), nhà vua đã phóng cây sarissa hay cây thương vào người Oxathres.

Xem Curtius 10.1.39. Về việc xử tử các thống đốc trong giai đoạn này, xem E. Badian, JHS 1961, 16.

Barsine là tên chính thức. Còn thông thường, cô được gọi là Stateira.

Nhờ việc kết hôn với các cô gái dòng dõi quý tộc, Alexander đã tự kết nối ngài với các nhánh của hoàng gia Ba Tư. Artaxerxes III Ochus đã cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN.

Chares, viên thị thần hoàng gia, người đã mô tả chi tiết các lễ hội, đã đưa ra con số là 92 chú rể; xem Athenaeus 12.538b-539a. Về mục đích của Alexander, xem Wilcken, Alexander 208.

Xem Diodorus 17.109-1-2; Curtius 10.2.9-11; Plutarch, Alexander 70.3.

Plutarch và Curtius đều đưa ra con số là 9.870 ta-lăng, trong khi Diodorus nói rằng số này “ít hơn 10.000 ta-lăng”.

Xem Arrian, Indica 23.5; Curtius 9.10.19.

Curtius (8.5.1) xác định thời điểm gây dựng lực lượng này là vào khoảng năm 327; tương tự với Plutarch (Alexander 47.6). Diodorus (17.108) cho rằng sự kiện này xảy ra sau cuộc binh biến ở Hyphasis.

Xem thêm Phụ lục A.

Có một sự sửa chữa nhỏ trong văn bản (xem E. Badian, JHS 1965, 161). Ở đây nên hiểu là “đạo quân kỵ binh thứ mười lăm hầu hết là lính phương Đông, nên sức mạnh của toàn kỵ binh được gia tăng nhờ vào lượng binh lính nước ngoài được thêm vào.”

Sau khi nối với dòng Coprates, dòng sông này được biết tới với tên gọi Pasitigris, mà vào thời của Alexander nó đổ vào vịnh Ba Tư. Nearchus đã giong buồm ngược dòng Pasitigris tới khu vực lân cận của Susa; xem Arrian, Indica 42. Dòng Pasitigris ngày nay đổ vào sông Shatt-al-Arab, như một hợp lưu của dòng Euphrates và Tigris. Trong thời cổ đại, hai dòng sông

này đều đổ vào vịnh Ba Tư qua những cửa sông khác nhau, như Arrian đã thuật lại.

Xem Strabo 16.1.9-10; Herodotus 1.193. Strabo (16.1.11) mô tả, dựa trên cứ liệu của Aristobulus, cách Alexander cải thiện được việc tưới tiêu của vùng này.

Xem Strabo 16.1.9.

Curtius (10.2.12-30) và Diodorus (17.109), người đã bị bắt giữ sau bài diễn văn của Alexander, nói rằng Alexander đã tự tay bắt những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn. Về sự kiện này, xem Plutarch, Alexander 71.

Những mỏ vàng mỏ bạc tại núi Pangaeum gần Philippi được cho là đã mang lại hơn 1.000 ta-lăng mỗi năm cho vị hoàng đế này (Diodorus 16.8.6). Vào năm 346 TCN.

Chắc chắn, Alexander muốn nhắc tới đóng góp của mình trong trận Chaeroneia vào năm 338; xem Plutarch, Alexander 9.2-4; Diodorus 16.86. Demosthenes (Halonnesus 12) cho rằng đó là thời gian người Macedonia phải nộp cống vật cho Athens. Người Thebes dưới sự chỉ huy của Pelopidas đã dàn xếp ổn thỏa các sự vụ với người Macedonia vào năm 368. Philip đã đóng vai trò là con tin tại Thebes vào các năm 368-365 TCN.

Về những sự kiện sau trận Chaeroneia, xem Wilcken, Alexander, từ tr.41. Xem Curtius 10.2.24; Plutarch, Alexander 15.2. Về vấn đề tài chính của Alexander, xem A. R. Bellinger, *Essays on the Coinage of Alexander the Great* (New Yorck, 1963) tr.35.

Về sự xa hoa của các tướng lĩnh dưới quyền Alexander, xem Plutarch, Alexander 42; Athenaeus 12.539; Aelian, *Varia Historia* 9.3.

Plutarch đã liệt kê những vết thương của Alexander trong *Moralia* 327a-b và 341a-c.

Chắc chắn đây là một sự phóng đại. Chúng ta chỉ được nghe về lễ kỷ niệm tại Susa (xem Quyển ba).

Nhưng dường như chỉ có 25 Chiến hữu hy sinh trong trận Granicus được đúc tượng. Plutarch (Alexander 71.9) nói rằng Alexander đã trợ cấp một khoản tiền cho con cái của những người đã hy sinh trong cuộc viễn chinh.

“Người thân/họ hàng” [Kinsman] là một danh hiệu mà vua Ba Tư ban cho những người đứng đầu đất nước này. Curtius (3.3.14) cho rằng số lượng những người này lên tới 15.000 người. Về nộ hôn theo phong tục, xem Quyển bốn.

Tên gọi sau là dành cho vệ quân (hypaspists). Diodorus (17.57.2) sử dụng tên gọi Những tấm khiên bạc cho vệ quân trong trận Gaugamela. Xem Tarn, Alexander 2.151-2.

Đây rõ ràng là một sự phóng đại, trừ phi “những người Macedonia” được hiểu là các sĩ quan người Macedonia.

Dạ yến này được tổ chức để kỷ niệm sự hòa giải giữa Alexander và những người đồng hương Macedonia cũng như (hy vọng là) giữa người Macedonia và người Ba Tư. E. Badian (Historia 1958, từ tr.428) đã bác bỏ ý kiến của Tarn (Alexander 2. từ tr.434) rằng Alexander đã cầu nguyện cho “sự đoàn kết của toàn nhân loại.” Về bài tụng ca sau dạ yến, xem Xenophon, Symposium 2.2.1.

Theo mong muốn của Alexander; xem phần trước trong quyển này.

Xem Diodorus 17.114.1; Plutarch, Alexander 47.9-10; Curtius 6.8.2.

Craterus được cho là (Plutarch, Eumenes 6.3) sĩ quan được binh lính Macedonia quý mến hơn cả vì sự chống đối của ông với cung cách ngày một phương Đông hóa của Alexander.

Nghĩa là thay thế Antipater, trở thành người ủy quyền của Alexander trong việc lãnh đạo Liên minh Corinth.

Vào thời điểm Alexander qua đời, khoảng chín tháng sau, Craterus vẫn chưa đi quá vùng Cilicia.

Về mối bất hòa giữa Antipater và Olympias, xem Diodorus 17.118.1,

Plutarch, Alexander 40.11-13; Curtius 10.10.14. Về mối quan hệ giữa

Alexander và Antipater, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.36 và G. T.

Griffith, Proceedings of the African Classical Associations 1965, từ tr.12.

Có một trang bị mất kể từ dấu (*)

Xem Plutarch, Eumenes 2.

Từ Opis tới Ecbatana (Hamadan).

Về ngựa Nesaea, xem Herodotus 7.40.2; Strabo 11.13.7. Diodorus (17.110.6) đưa ra số liệu có chút khác biệt; số lượng ngựa trước kia được chăn thả ở đồng bằng Nesaea là 160.000 con và chỉ còn khoảng 60.000 con khi Alexander đặt chân tới vùng này.

Nhiều sử gia thuật lại rằng Nữ hoàng Amazon đã tới thăm Alexander tại Hyrcania hoặc khu vực gần Jaxartes; Diodorus 17.77.1, Curtius 6.5.24-32, gọi nữ hoàng là Thalestris. Plutarch (Alexander 46) đã đưa ra một danh sách dài các sử gia chấp nhận hoặc phủ nhận câu chuyện này.

Xenophon có nhắc tới trang bị vũ khí của nữ tộc Amazon trong Anabasis (4.4.16) nhưng điều đó không có nghĩa là ông đã gặp bất cứ ai trong số họ. Không một sử gia cổ đại nào nghi ngờ sự tồn tại của nữ tộc Amazon trong quá khứ, kể cả người hoài nghi nhất là Strabo (11.5.3).

Xem Plutarch, Theseus 27.

Trận chiến thứ hai là trận Marathon vào năm 490. Cả hai bức tranh đều do Micon, một người nổi danh vào khoảng năm 460, vẽ và được trưng bày tại Stoa Poikile ở Athens. Xem Pausanias 1.15, 8.11; Aristophanes, Lysistrata 678. Chúng ta có thể hiểu rằng “Cimon” ở đây nghĩa là “Micon”, cho dù rất có thể đây là sai sót của Arrian.

Xem Herodotus 4.110-17; 9.27.

Xem Lysias, Epitaphios 1; Isocrates, Panegyricus 19; Plato, Menexenus 239B.

Xem Plutarch, Alexander 72.1; Diodorus 17.110.7-8.

Xem Plutarch, sđd.

Về sự ganh đua của Alexander với Achilles, và về mối quan hệ của ngài với Hephaestion, xem Quyển một. Về sự tiếc thương của Achilles trước cái chết của Patroclus, xem Homer, Illiad 23.141, 152.

Xem Herodotus 7.35. Theo sử gia Herodotus, trong cuộc chiến của Xerxes Đại đế chống lại người Hy Lạp, vị vua này đã cho xây dựng một cây cầu từ cây lanh và cây cói để vượt qua eo biển Hellespont. Khi cây cầu sắp được hoàn thành thì một cơn bão dữ dội kéo tới khiến nó bị phá hủy hoàn toàn. Vô cùng tức giận vì điều này, Xerxes đã ra lệnh chém đầu các kỹ sư xây cầu và thậm chí còn “trừng phạt” eo biển Hellespont bằng cách dùng roi quất

vào mặt nước 300 lần, vừa đánh vừa lớn tiếng đọc các tuyên cáo sỉ nhục.
(ND)

Trung tâm của việc thờ cúng Asclepius thuộc vùng Argolid.

Ở phần trước, Arrian thuật lại rằng sự việc này là có thật.

Plutarch cũng kể rằng giàn thiêu đó có giá 10.000 ta-lăng, nhưng Diodorus lại nói là 12.000 ta-lăng. Về mô tả chi tiết “giàn thiêu”, xem Diodorus 17.115. Plutarch cho rằng đó là “một lăng mộ”, và hiển nhiên nó được xây dựng để vinh danh Hephaestion; xem Wilcken, *Alexander* 234-6.

Xem Diodorus 17.114.4-5; Plutarch, *Alexander* 72.3; 75.3; *Eumenes* 2; *Pelopidas* 34.2; *Aelian, Varia Historia* 7-8.

Xem phần trước trong quyển này. Ghi chép về cuộc tranh cãi của hai sĩ quan này đã bị mất.

Cuộc chinh phạt kéo dài 40 ngày. Plutarch (*Alexander* 72.4) cho rằng những người Cossaea đã bị thảm sát như là một “lễ hiến tế” dâng lên Hephaestion. Tuy nhiên, trong cuốn *Indica* (40.6-8), Arrian nói rằng Alexander đã thành lập nhiều thành phố để khuyến khích người Cossaea định cư và chung sống hòa bình; xem Diodorus 17.111.6.

Diodorus (17.113.1-2) đưa ra một danh sách tương tự nhưng không giống hoàn toàn.

Công trình của hai sử gia này hiện đã bị thất lạc. Aristus, thuộc vùng Salamis của Cyprus, đã mô tả lăng mộ của Cyrus (*Strabo* 15.3-8), và có thể đồng nhất với mô tả được tin tưởng của Antiochus II. Cleitarchus (trong *Pliny, Natural History* 3.57) cũng thuật lại rằng những người La Mã đã gửi sứ thần tới tiếp kiến Alexander.

Quan điểm này về biển Caspian, xem *Quyển năm*. Alexander chắc chắn đã được Aristotle kể rằng Caspian không phải là vịnh, nhưng việc khám phá ra vịnh Ba Tư đã khiến ngài nghi ngờ điều này.

Về đoạn này, xem Tarn, *Alexander* 2.11.

Các vị tư tế của Bel (Marduk).

Euripides (480-406 TCN): nhà bi kịch nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại. (ND)

Trích từ một vở bi kịch đã thất truyền. Câu này thường được trích dẫn mà không hề nhắc tới tác giả nhưng Plutarch (*Moralia* 432c) cho rằng nó là của

Euripides.

Xem Herodotus 1.32; Plutarch, Solon 27.

Xem Strabo 16.1.5. Herodotus (1.181) mô tả đền thờ, và nói rằng nó vẫn còn tồn tại cho tới thời của ông (xem chú thích của How và Well cho đoạn này). Về mệnh lệnh khôi phục đền thờ của Alexander, xem Quyển ba.

Diodorus (17.112.2) thuật lại một cách lạ lùng rằng các vị tư tế đã nói với Alexander rằng ngài có thể thoát khỏi nguy hiểm nhờ vào việc tái xây dựng đền thờ.

Xem Quyển ba. Về câu chuyện này, xem thêm Plutarch, Alexander 73.3-5; Appian, Civil Wars 2.639.

Xem Cicero, On Divination 1.119, 2.32.

Perdiccas bị chính binh lính của mình giết hại tại Memphis vào năm 321 (Diodorus 18.36). Còn trận Ipsus diễn ra tại Phrygia vào mùa hè năm 301.

Xem Plutarch, Alexander 69.7; Cicero, On Divination 1.47.

Vì lúc đó là mùa xuân năm 323, thời điểm này có vẻ muộn hơn so với sự kiện Hy Lạp gửi các sứ thần tới chúc mừng Alexander. Diodorus (17.113.3-4) cho rằng những sứ thần của Hy Lạp xuất hiện vào thời điểm đó với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm cả việc đưa ra những tranh luận chống lại việc triệu hồi những người bị trục xuất khỏi thành bang của họ, như Alexander đã yêu cầu. Về mệnh lệnh này, xem Diodorus 18.8.2 (17.109.1), Curtius 10.2.4; Tod, các trang 201, 202.

Xem các quyển trước.

Ở đây Arrian dựa vào trước tác của Aristobulus; xem Strabo 16.1.11.

Tương đương với cụm từ trong nguyên tác, nghĩa là “chủ yếu nhằm chống lại những người Ả Rập.”

Strabo (16.1.11) sử dụng trước tác của Aristobulus làm cứ liệu chính cho những tuyên bố cho rằng những người Ả Rập đã không hề cử sứ thần tới tiếp kiến Alexander và vị hoàng đế trẻ tuổi “đang nuôi tham vọng trở thành chúa tể của toàn thế giới”. Arrian dĩ nhiên chấp nhận quan điểm này của Alexander.

Xem Herodotus 3.8 (cùng với chú thích của How và Wells).

Mặc dù không ghi rõ nguồn ở đây, nhưng trong đoạn này nguồn cứ liệu chính của Arrian vẫn là trước tác của Aristobulus (Strabo, Sđd).

Một hòn đảo thuộc quần đảo Sporades, phía Tây Samos, hiện nay được gọi là Nikaria. Về câu chuyện của Daedalus và Icarus, xem Ovid, *Metamorphoses* 2.21-96.

Hiện tại là Bahrein.

Báo cáo về chuyến hải hành này đã được Theophrastus sử dụng trong các tác phẩm về thực vật của ông.

Đó là bán đảo Ras Mussandam (Maketa), mà Nearchus đã nhìn thấy từ Hormuz.

Arrian, *Indica* 32.

Nhánh sông này đổ vào vịnh Ba Tư gần Terebon.

Strabo 16.1.9-11.

Khoảng một năm trước đó (tháng Tư/Năm năm 324) Alexander đã thành lập thị trấn Alexandria (sau này là Charax) giữa hai cửa sông của sông Tigris và sông Eulaeus; xem Pliny, *Natural History* 6.138.

Diodorus (17.116.5-7) viết là “một trong những người chèo thuyền”. Ông không nói gì về số phận của người này.

Menidas được nhắc tới gần nhất là vào mùa đông năm 328/327, khi ông được cử đi từ Nautaca tới Macedonia để mang viện quân tới (xem Quyển bốn).

Điểm quan trọng là những sứ thần này đội trên đầu những vòng hoa theo nghi lễ. Điều này cho thấy họ là các theoi, những đại diện của thần linh và khẳng định nguồn gốc thần thánh của Alexander. Plutarch (*Moralia* 219e) và Aelian (*Varia Historia* 2.19) nhắc tới việc chính Alexander đã yêu cầu họ thừa nhận ngài là một vị thần. Về vấn đề gây tranh cãi này, xem J. P. V. D. Balsan, *Historia* 1950, từ tr.383 và tốt hơn nữa là xem Wilcken, *Alexander* tr.209-215.

Xtator là một đơn vị tiền tệ Hy Lạp cổ. (ND)

Đồng xtator được nhắc tới ở đây có thể là xtator bạc, tương đương với một đồng tetradrachm của Athens, và một lính “mười-xtator” nhận được 40 dracma mỗi tháng. Lính “lương-đúp” có thể nhận được 60 dracma, còn lính

thường thì nhận được 30 dracma mỗi tháng. Theo một ghi chép rời rạc, số tiền phải trả hằng ngày cho một Hypaspist trong lực lượng viễn chinh là 1 dracma.

Về thông điệp của các sứ thần, xem tr. 372. Plutarch (Alexander 72.2) đồng ý với Arrian, tuy nhiên Diodorus (17.115.6) thuật lại rằng thần Ammon cho phép vinh danh Hephaestion như một vị thần.

Về việc bổ nhiệm ban đầu của Cleomenes, xem Quyển ba. Cleomenes được Alexander bổ nhiệm làm thống đốc (xatrap) của Ai Cập. Đây chính là người đã khiến nạn đói ở Hy Lạp (330-26) thêm trầm trọng bằng cách độc quyền xuất khẩu ngũ cốc từ Ai Cập và bán chúng với giá cao; ngoài ra Cleomenes còn chiếm đoạt một lượng lớn tài sản của các tư tế (Ngụy Aristotle, *Oeconomica* 2.33; Ngụy Demosthenes 56.7). Cleomenes sau này bị khép vào tội chết dưới tay của Ptolemy, người đã giành được Ai Cập bằng cách chia rẽ các địa hạt sau khi Alexander qua đời.

Pharos nằm cách bờ biển khoảng 1,6 kilômét, cách châu thổ sông Nile khoảng 32 kilômét về phía tây. Alexander đã nối hòn đảo này với đất liền bằng đê chắn sóng, và nhờ đó xây dựng hai cảng biển cho Alexandria. Ngọn hải đăng do Ptolemy II xây dựng. Xem mô tả của Strabo về thành phố, 17.1.6-10.

Về tính xác thực của lá thư này, xem CQ 1953, từ tr.157.

Plutarch (Alexander 73) nói rằng đó là một người Messenia tên là Dionysius. Cả ông và Diodorus (17.116) đều nói rằng đó là một tù nhân đang chịu án treo, nên việc giam giữ anh ta có phần lơ lửng. Người ta cho rằng hành động của tù nhân này hoặc là tự phát hoặc là do thần linh dẫn động.

Plutarch và Diodorus nói rằng người đàn ông này đã bị khép tội chết.

Trong cuộc viễn chinh tấn công người Ả Rập tiếp theo.

Xem Plutarch, Alexander 75.4, Diodorus 17.117.1.

Plutarch (Alexander 76) đưa ra một bản khác về nhật ký hoàng gia mà ông khẳng định phần lớn là trích dẫn nguyên văn. Bản của Plutarch chỉ khác một vài chi tiết so với bản mà Arrian đưa ra. Aelian (*Varia Historia* 3.23) đưa ra một bản thứ ba được cho là của Eumenes, người giữ Nhật ký. Bản

này có ít điểm giống với hai bản trước. Về vấn đề liệu Nhật ký này có phải là một cứ liệu đáng tin về những ngày cuối cùng của Alexander hay không, xem Pearson, *Historia* 3 (1954/55), từ tr.429, và A. E. Samuel, *Historia* 1965.

Về cuộc viễn chinh tấn công Ả Rập.

Demophon và Cleomenes đều là các nhà tiên tri người Hy Lạp, những người còn lại đều là những người Macedonia lỗi lạc, Attalus là chỉ huy một tiểu đoàn và là anh rể của Perdikkas.

Thông thường, người ta cho rằng Sarapis (hoặc Serapis) là tên hiệu của Ptolemy I và vị thần có tên Separis chắc hẳn là một vị thần có tên gọi tương tự hoặc có quyền năng giống như thần Bel (Marduk). Về Sarapis, xem W. W. Tarn (*Historia* 1962 từ tr.238). Tuy nhiên, cũng có nhiều tranh luận cho rằng Alexander đã sáng lập nên giáo phái Sarapis, mà ngày nay vẫn tồn tại ở Ai Cập, và sau đó mang giáo phái này tới phương Đông cùng với ngài. Cụm từ này cũng có thể có nghĩa là “người mạnh nhất”. Xem Diodorus (17.117.4-5) và Curtius (10.5.4-5), người thuật lại rằng Alexander đã đưa nhẫn của ngài cho Perdikkas.

Xem Diodorus 17.118; Curtius 10.10.14; Plutarch, *Alexander* 77.2.

Không thứ nào trong số này có thể chứa thuốc độc. Người ta thường kể lại rằng đó là nước sông Styx, con sông bắt nguồn ở gần Nonacris ở phía bắc Arcadia; xem Pliny, *Natural History* 30.149; Pausanias 8.17.6. Nói chung, giả thuyết về việc Alexander bị đầu độc không đáng tin lắm. Tuy nhiên, có thể tham khảo tài liệu R. D. Milns, *Alexander the Great* (London, 1968) 255-8, người cho rằng thuốc độc là mã tiền với liều lượng thấp.

Về “chiếc cốc của Hercules”, xem Diodorus 17.117.1-2 (cùng với chú thích của Welles trong phiên bản Loeb). Plutarch (*Alexander* 75.5) đã hoàn toàn phủ nhận câu chuyện này.

Theo lịch hiện đại, Alexander mất vào ngày 10 tháng Sáu năm 323 TCN.

Về các ví dụ cho việc này, xem Plutarch, *Alexander* 39.

Plutarch (*Alexander* 28.6) cũng cho rằng đây là những động lực thúc đẩy Alexander khẳng định ngài là con trai của thần Zeus. Tuy nhiên, hãy xem

CQ 1953, từ tr.151 về tầm quan trọng của lá thư Alexander đã gửi cho người Athens mà Plutarch đã trích dẫn trong cùng một chương.

Arrian trước đó đã bình luận về thói nghiện rượu của Alexander.

Xem những câu chuyện đã được Plutarch (Alexander 2) kể lại.

JHS 83 (1963), 27-46. Câu trích dẫn nằm ở tr. 29.

Như G. T. Griffith đã nhấn mạnh trong “A Note on the Hipparchies of Alexander” trong JHS 83 (1963), 68-74, tại tr.71.

Trong Greek, Roman and Byzantine Studies 7 (1966), 159-166.

Trong JHS 85 (1965), tr.160-161.

Vào khoảng thế kỷ thứ III SCN, có một tác phẩm đã tập hợp các truyền thuyết, huyền thoại xung quanh các cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế với nhan đề là Alexander Romance, trong đó có một số câu chuyện ghi tên tác giả là Callisthenes. Tuy nhiên, sử gia này đã chết khi Alexander còn chưa qua đời nên ông không thể có một ghi chép đầy đủ về cuộc đời của Alexander. Tác giả khuyết danh của cuốn Alexander Romance, bởi vậy, thường được gọi là Ngụy Callisthenes. (ND)

Sự kiện sáng lập Alexandria thường được đặt trước chuyến viếng thăm Siwah theo cứ liệu của Arrian. Tuy nhiên, xem thêm C. B. Welles, Historia 1962, từ tr.276.

Theo Curtius (5.6.12), việc đốt cung điện diễn ra sau cuộc viễn chinh tấn công Mardi, sự kiện bắt đầu vào khoảng ngày 6 tháng Tư và kéo dài khoảng 30 ngày.

Xem D. M. Lewis trong Classical Review 1969, tr. 272.

Những chú thích của người dịch (ND) và người biên tập (BT) sẽ được ghi chú rõ. Những chú thích khác là chú thích của bản dịch tiếng Anh.

Epictetus (50-120 SCN): triết gia vĩ đại thuộc trường phái Khắc kỷ [Stoicism]. Triết lý này đề cao sự tri túc [contentment – nghĩa là biết đủ].

Tri túc đem đến một đời sống lặng lẽ, bình yên, không có gì đáng để bận tâm phiền não. Sự bình an tâm hồn là điều đáng quý trọng hơn cả. Niềm an lạc ấy được tìm thấy thông qua sự tự kiểm chế [self-control] hay tự chủ [self-mastery]; đó là khả năng chế ngự lòng ham muốn và làm chủ bản thân, không để mình buông thả theo dục vọng. (ND)

Hoàng đế Hadrian (76-138 SCN): Hoàng đế La Mã trị vì từ năm 117 cho đến khi ông qua đời vào năm 138 SCN. (ND)

Hội đồng Areopagus còn được gọi là Hội đồng Công tố hay Hội đồng Quý tộc, là hội đồng tư pháp và lập pháp cao nhất của Athens thời cổ đại. (ND)

Cuốn sách này được viết bằng tiếng Hy Lạp. Đây là lời tựa của bản dịch tiếng Anh do Aubrey de Selincourt chuyển ngữ.

Hoàng đế Marcus Aurelius (121-180 SCN): hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 cho tới khi ông qua đời vào năm 180. Cuốn sách nổi tiếng được nhắc đến ở đây là cuốn Meditation (tạm dịch: Suy ngẫm), một trong những tác phẩm được đánh giá là kinh điển của triết học Khắc kỷ. (ND)

Appian (95-165 SCN): sử gia người Hy Lạp của La Mã. Ông là tác giả của cuốn Roman History (tạm dịch: Lịch sử La Mã) gồm 24 quyển được viết bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Pausanias (nổi danh vào khoảng 143-176 SCN): nhà địa lý người Hy Lạp. (ND)

Galen (129-200/ 217-216 SCN): thầy thuốc, nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người La Mã gốc Hy Lạp. Ông có viết một tác phẩm nhỏ mang tên That the Best Physician is also a Philosopher (tạm dịch: Thầy thuốc giỏi cũng là một nhà triết học). Học thuyết của ông đã chi phối và gây ảnh hưởng tới y học châu Âu từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ XVII. (ND)

Lucian (125/120- sau 180 SCN): một nhà trào phúng, nhà hùng biện và viết luận bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Ý nói việc Arrian và một số nhà văn cùng thời với ông cố gắng mô phỏng ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại của ba, bốn trăm năm trước. (ND)

Phương ngữ Hy Lạp cổ đại được sử dụng ở vùng Attica, Athens và Ionia. (ND)

Thomas North (1535-1604): dịch giả người Anh. Ông là người đã dịch cuốn Parallel Lives (tạm dịch: Những cuộc đời song hành) của Plutarch sang tiếng Anh. (ND)

Percy Bysshe Shelley (1792-1822): nhà thơ, nhà triết học Anh, một trong những nhà thơ lớn nhất của thế kỷ XIX. Ông là người đã dịch tác phẩm Symposium của Plato sang tiếng Anh. (ND)

Philip A. Stader (Greek, Roman and Byzantine Studies 8, 1967, từ tr.155) đã chỉ ra rằng Xenophon không chỉ là tên hiệu, mà còn là một phần trong tên của nhà sử học.

Arrian được bầu làm quan chấp chính vào năm 129 hoặc 130 SCN, và trong thời đại của ông, thông thường người được bổ nhiệm giữ vị trí này phải vào khoảng 42 tuổi; xem JRS55 (1965), tr.142.

Nữ thần Nông nghiệp, một trong mười hai vị thần trên đỉnh Olympus. (ND)
Còn được gọi là nữ thần Persephone, con gái của thần Zeus và nữ thần nông nghiệp Demeter. (ND)

Ấm chỉ triều đại Flavia, một triều đại La Mã kéo dài từ năm 69 đến năm 96 SCN. Những hoàng đế Flavia bao gồm Vespasian (trị vì từ năm 69-79 SCN), và hai con trai của ông là Titus (trị vì từ năm 79-81 SCN) và Domitian (trị vì từ năm 81-96 SCN). (ND)

Chúng ta không rõ tại sao Arrian lại chọn theo học triết gia Epictetus tại Athens. Trong một bài báo quan trọng về vai trò thống đốc của Arrian đăng trên tờ English Historical Review năm 1896 (được in lại trong cuốn Essays của ông, F. Haverfield biên tập, Oxford, 1906), Giáo sư H. F. Pelham cho rằng Arrian chắc hẳn chịu ảnh hưởng của truyền thống bên dòng họ ngoại, “gen” Arrian, một dòng họ nổi tiếng về Chủ nghĩa Khắc kỷ La Mã. Giáo sư ước đoán rằng tên hiệu Arrianus là ngậm chỉ họ của người mẹ, một kiểu thường thấy vào thế kỷ thứ I và thứ II SCN.

Trong một lá thư gửi Lucius Gellius, Arrian đưa ra lý do cho việc xuất bản những lời giảng dạy của thầy mình. Chúng ta biết rằng vị Gellius này là một công dân nổi tiếng của thành Corinth, L. Gellius Menander, người cùng với con trai mình, L. Gellius Iustus, đã cho xây dựng một văn bia vinh danh Arrian tại Corinth; xem G. W. Bowersock trong Greek, Roman and Byzantine Studies 8 (1967), tr. 279-280.

Trích dẫn này được lấy từ trang 218, dòng thứ 3, trong một bài báo của Pelham.

Dion (408-305 TCN): bạo chúa vùng Syracuse, thuộc Sicily. (ND)

Timoleon (411-337 TCN): tướng lĩnh, chính trị gia người Hy Lạp. (ND)

Điều này khiến Arrian còn được gọi là “Xenophon thứ hai”. Bản thân ông thường tự nhận mình là “Alexander giữa các nhà văn”. (ND)

Quyển thứ 17 của Diodorus đã được C. Bradford Welles dịch (cùng với những chú thích bổ ích) trong bộ sách của Thư viện sách kinh điển Loeb (The Loeb Classical Library), cuốn sách của Curtius cũng đã được J. C. Rolfe dịch trong cùng bộ này, và Justin (cùng Cornelius Nepos và Eutropius) ở Thư viện của Bohn. Tác phẩm về Alexander của Plutarch là tác phẩm thường xuyên được chuyển ngữ, bản dịch gần đây nhất của cuốn này là của dịch giả Ian Scott-Kilvert, có tên The Age of Alexander (Penguin Books).

Những tác giả này là đối tượng nghiên cứu chi tiết của Lionel Pearson trong cuốn The Lost Histories of Alexander the Great (New York, 1960).

Callisthenes được coi là sử gia chính thức của Alexander cho tới khi ông bị thất sủng và bị hành hình vì tội mưu phản. (ND)

Về phần này, xem thêm nghiên cứu của tôi, Plutarch Alexander: A Commentary (Oxford, 1969), lx-lxii.

Xem thêm phân tích thuyết phục của C. B. Welles trong bài “The reliability of Ptolemy as an historian”, *Miscellanae...* A. Rostagni (Turin, 1963), từ tr.101. Curtius, người đã đọc cuốn sách của Ptolemy, có thể đã nhắc tới khía cạnh này về tác phẩm của Ptolemy khi ông mô tả Ptolemy (9.5.21) là một người đàn ông “chắc chắn không có khuynh hướng nói giảm nhẹ sự vẻ vang của riêng mình”.

R. M. Errington, “Bias in Ptolemy’s History of Alexander”, *CQ*, 1969, từ tr.233, đưa ra một vài ví dụ về việc Ptolemy kể sai sự thật. Errington nhận định rằng Aristonous bị tước đoạt đi niềm vinh dự là đã cứu sống Alexander, nhưng ông lại không thừa nhận quan điểm phổ biến cho rằng Ptolemy đã “phớt lờ” những chiến thắng vang dội của Antigonus trước những kẻ sống sót ở Issus, vì sự kình địch của Ptolemy với Antigonus chỉ xuất hiện sau năm 314.

Proskynesis là hành động cúi chào hoặc quỳ lạy. Đây là phong tục của người Ba Tư, nhằm thể hiện lòng kính trọng với những người có địa vị cao hơn. Nghi lễ này không được người Hy Lạp chấp thuận vì họ cho rằng việc

quỳ lạy là nghi lễ chỉ dành cho thần linh. Sự bất đồng quan điểm này đã dẫn tới âm mưu sát hại Alexander Đại đế, mà những người chủ mưu được cho là Philotas và Callisthenes. (ND)

Strabo (63/64 TCN-24 SCN): sử gia, nhà địa lý và nhà triết học Hy Lạp. (ND)

Quintus Curtius Rufus: một sử gia La Mã, viết dưới triều đại của hoàng đế Claudius (41-54 SCN) hoặc Vespasian (69-79 SCN). Tác phẩm còn lại duy nhất của ông là *Historiae Alexandri Magni*, một tiểu sử bằng tiếng Latinh về Alexander Đại đế gồm mười quyển. Trong đó, hai quyển đầu đã bị thất lạc. (ND)

Polypius (200-118 TCN): sử gia Hy Lạp. (ND)

Xem P. A. Brunt, “Persian Accounts of Alexander’s Campaigns” trong *CQ*, 1962, từ tr.141. Trích dẫn này được lấy trong tr.141.

Bessus (mất vào mùa hè năm 329 TCN): xatrap (tương đương với chức thống đốc hoặc phó vương) vùng Bactria, sau tự xưng là Vua của các vị vua Ba Tư. Năm 329 TCN, Bessus bị bắt. Alexander Đại đế đã trừng phạt ông bằng cách ra lệnh cắt bỏ tai và mũi của Bessus, hình phạt dành cho những kẻ nổi loạn chống lại nhà vua theo tập tục của người Ba Tư. (ND)

Ốc đảo Siwah nằm trong vùng sa mạc phía đông Ai Cập là nơi có đền thờ thần Ammon. Tương truyền rằng vào tháng Hai năm 332, Alexander đã tới đây để hỏi ý kiến các nhà tiên tri của Ammon. Không ai biết vị hoàng đế này đã hỏi gì và được trả lời ra sao, nhưng từ sau chuyến đi này, Alexander bắt đầu tự coi mình là con trai của thần Ammon. (ND)

Liên quan đến những chi tiết về binh lính của của Alexander, xem thêm Trung tướng J. F. C. Fuller, *The Generalship of Alexander the Great* (London, 1958); E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), Phụ lục I và II; A. R. Burn, “The Generalship of Alexander”, trong *Greece and Rome* 1965, tr.140-54.

Sarissa (hoặc sarisa) là một cây giáo dài khoảng 4-7 mét được sử dụng trong chiến tranh Hy Lạp cổ đại. Vũ khí này được vua Philip, cha của Alexander Đại đế, đưa vào đội hình phalanx truyền thống của Macedonia. (ND)

Xem G. T. Griffith, *Proceedings of the Cambridge Philological Association*, 4 (1956/7), từ tr.3.

Gukhas theo tiếng Nepal nghĩa là chiến binh. Họ nổi tiếng vì sự thiện chiến và lòng trung thành. (ND)

P. A. Brunt, “Alexander’s Macedonian Cavalry”, trong *JHS* 83 (1963), tr.27-46, thảo luận về nhiều vấn đề liên quan tới đội kỵ binh của Alexander. R. D. Milns đã chứng minh trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 7 (1966), tr.159-166.

Về các trung đoàn (Hipparchy), xem Phụ lục A.

Tên một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Tên gọi Hindu Kush có nguồn gốc từ tiếng Ả rập, có nghĩa là “Các ngọn núi Ấn Độ”. (ND)

E. Badian trong *JHS* (1965), tr.161.

Một cấp bậc quân sự thời cổ đại, chỉ người chỉ huy một đội quân gồm 1.000 người. (ND)

JHS 83 (1963), tr.39.

Về Ptolemy và Aristobulus, xem phần Dẫn nhập.

Vua Philip bị ám sát vào mùa hè năm 336 TCN. Kẻ ám sát nhà vua là một quý tộc trẻ tuổi tên là Pausanias, người nhiều năm trước đó đã bị Attalus, cha một thứ phi của Philip, xúc phạm. Tương truyền rằng, một trong những lý do khiến Pausanias ra tay ám sát vị hoàng đế của mình là Pausanias lấy làm oán hận việc Philip không cho phép anh ta chống lại Attalus. Alexander và mẹ ông, Olympias, lúc đó đã xa cách với vua Philip, bị nghi ngờ dính líu tới vụ việc này, dù những người anh em của Alexander ở vùng Lyncestis đã bị hành hình vì tội đồng lõa, và sau này Alexander đã buộc tội vua Ba Tư vì đã khoe khoang rằng ông ta đã mua chuộc Pausanias. Về chi tiết, xem Diodorus 16.93-4; Aristotle *Politics* 1311b2. E. Badian, *Phoenix* 17 (1963) từ tr.244, cung cấp những thảo luận tốt nhất gần đây. Ngoài ra, xem thêm A. B. Bosworth, *CQ* 1971, từ tr.93.

Trong tác phẩm *Alexander* (3.5), Plutarch đưa ra ngày sinh của Alexander là vào khoảng 20 tháng Bảy năm 356 TCN.

Tóm tắt của Arrian quá ngắn gọn nên dễ gây hiểu lầm. Theo ghi chép của Diodorus (17.3-4), Alexander, khi đương đầu với tình trạng bất ổn ở Hy

Lạp, đã giành được sự thừa nhận vị trí của ông như là “người lãnh đạo” của Liên minh Corinth từ Liên minh Thessaly và Liên minh Amphictyonic tại Delphi, cũng như từ những quốc gia riêng lẻ ở bên trong và bên ngoài vùng Peloponnese. Cuối cùng, ông đã tổ chức được một cuộc gặp gỡ những người đại diện tại Corinth và được chỉ định là “Tổng chỉ huy” của Liên minh.

Tường thuật về cuộc chinh phạt này, xem Fuller từ tr.219. Những người Triballia sống ở phía nam sông Danube, một khu vực hiện tại thuộc Pleven. Như trong nhiều bản ghi chép dùng cụm từ “những thương gia” (trader), Alexander có thể đã gặp một đoàn lái buôn có vũ trang.

Không phải Philotas, con trai của Parmenio, thủ lĩnh của kỵ binh Liên minh. Nhân vật này được nhắc tới ở phần sau.

Arrian miêu tả (từ đông sang tây) những tộc người sống dọc bờ bắc của sông Danube trong thế kỷ thứ II TCN, chứ không phải trong thời đại của Alexander. Ông đã từng phục vụ ở biên giới Danube, (Indica 4.15). Người Getae là những người Thrace mà người La Mã gọi là người Daci. Cuối cùng, họ bị khuất phục bởi người Trajan vào thế kỷ thứ II SCN. Lãnh thổ của họ được gộp vào khu vực của Dacia. Herodotus thuật lại rằng họ tin rằng những người đã khuất không hề mất đi mà tham dự vào nhóm các vị thần Salmoxis.

Alexander rõ ràng đã không chỉ lên kế hoạch cho một cuộc viễn chinh trừng phạt mà đã lên kế hoạch để thiết lập dòng Danube như là đường biên giới phía bắc cho lãnh thổ của ngài.

Đây là lần đầu tiên Arrian sử dụng từ “pothos”, “khao khát, hấp dẫn”, một từ mà ông và các sử gia về Alexander Đại đế sử dụng để mô tả khao khát chinh phục, khám phá điều chưa biết và điều bí ẩn. Victor Ehrenberg, *Alexander and the Greeks*, từ tr.52, cho rằng từ này được chính Alexander sử dụng. Tuy nhiên, ông lại cho rằng đoạn văn này là một ngoại lệ.

Các vị vua của Macedonia tin rằng họ chính là hậu duệ của Heracles.

Khoảng gần 50 năm trước khi người Celtic xâm lược Macedonia và Hy Lạp.

Cleitus đã quy phục Philip vào năm 349. Người Taulanti và Autariates đều là những tộc người Illyria, người Taulanti sống gần Epidamnus (Durazzo), người Autariates sống ở vùng lãnh thổ xa hơn về phía bắc, ở biên giới Paeonia.

Cyna là em gái cùng cha khác mẹ với Alexander, con gái của vua Philip và một phụ nữ người Illyria. Về số vợ của Philip, xem Athenaeus 13.557c.

Erigon là một nhánh sông của Axios (Vardar), giờ là Tzerna. Pelium là pháo đài biên giới của Macedonia đặt ở phía nam hồ Lychnitis.

Diodorus (17.8-14) đưa ra một ghi chép chi tiết hơn về những sự kiện diễn ra ở Thebes, ít ưu ái Alexander hơn nhiều.

Từ năm 338, Cadmeia, thành lũy của Thebes, đã bị một đơn vị đồn trú của Macedonia chiếm đóng. Timolaus là thủ lĩnh của một nhóm Macedonia (Demosthenes, *On the Crown* 295). Về Amyntas, có lẽ nên đọc Anemoitas, người mà Demosthenes nhắc tới cùng với Timolaus như là một kẻ phản bội người Thebes.

Từ “tự trị” (autonomy) không có trong bản thảo, nhưng cần thiết phải cho từ này vào. “Tự do ngôn luận” đã được đề cập tới (nhưng từ “tự trị” dường như được ưa thích hơn). “Tự do” và “tự trị” luôn đi cùng với nhau, và các thành bang Hy Lạp rõ ràng muốn bảo vệ những quyền này trong “Hiến chương” của Liên minh Corinth (xem Ngụy Demosthenes 17.8). (Ngụy Demosthenes là tên thông thường để ám chỉ tác giả khuyết danh của một số bài diễn văn được gán cho nhà hùng biện Demosthenes.)

Người ta thuật lại rằng ở Athens, Demosthenes đã đem đến một người lính, người khẳng khẳng định rằng Alexander đã bỏ mạng trong một trận chiến mà cũng trong trận đó, anh ta đã bị thương.

Onchestus nằm trên đường bờ biển L. Copais, cách Thebes khoảng gần 10 kilômét về hướng đông bắc. Khoảng cách từ Pelium tới Onchestus không ít hơn 400 kilômét. “Những cổng thành” mà Arrian nhắc tới là chỉ con đường tới Thermopylae.

Diodorus và Plutarch đã khẳng định việc Alexander trì hoãn tấn công Thebes. Plutarch thuật lại (Alexander 11.7) rằng ngài đã yêu cầu giao nộp những thủ lĩnh chống đối người Macedonia, Phoenix và Prothytes, và hứa

rằng sẽ tha thứ cho những người này. Tuy nhiên, ngài chỉ nhận được một sự lãng mạ.

Theo Diodorus (17.12.3), Perdiccas hành động theo mệnh lệnh của Alexander.

Khoảng 6.000 người Thebes đã bị giết và hơn 30.000 người bị bắt làm tù binh. Số tiền thu được từ việc bán các tù binh này là khoảng 440 ta-lăng (Diodorus 17.14; Plutarch, Alexander 11.12).

Cuộc viễn chinh Sicily là cuộc viễn chinh quân sự của người Athens tới Sicily vào khoảng năm 415 TCN tới năm 413 TCN, và đã chuốc lấy thất bại thảm hại. Cuộc viễn chinh này còn được gọi là thảm họa Sicily.

Không thể tính toán một cách chính xác những thiệt hại của người Athens trong cuộc viễn chinh Sicily (415-13) vì chúng ta không rõ trong số các thủy thủ đoàn của hơn 200 thuyền chiến ba tầng chèo, hơn 40.000 con người, có bao nhiêu người là người Athens. Tuy nhiên, ít nhất cũng có 4.000 kỵ binh, bộ binh hạng nặng và hạng nhẹ người Athens đã bỏ mạng.

Về lực lượng lính đánh thuê ở Sicily, xem các đoạn văn của Thucydides được N. G. L. Hammond trích dẫn trong *History of Greece* 390, chú thích 1. Người Ba Tư đã bước vào cuộc chiến năm 412 và dân Athens đã chống cự kiên trì cho tới mùa xuân năm 404.

Thất bại tại Aegospotami (tháng Tám năm 405) đã khiến việc quy phục Athens trở nên bất khả. Những điều kiện quy phục bao gồm “phá hủy Trường Thành và các công sự Peiraeus, giao lại hạm đội 12 tàu chiến, bỏ quyền kiểm soát hoàn toàn, triệu hồi những người lưu đày, và tuân phục Sparta trong mọi vấn đề về chính sách ngoại giao” (Hammond, tr.418). Có thể xác định niên đại cho việc khôi phục sức mạnh trên biển của người Athens từ tháng Tám năm 394, khi Conon đánh bại hạm đội Sparta tại Cnidus. Việc tái xây dựng Trường Thành, được bắt đầu ngay trước thời điểm này, đã được hoàn thành vào khoảng năm 391. Cả hai việc này phần nhiều đều nhờ vào sự trợ giúp của người Ba Tư.

Liên minh của người Boeotia dưới sự lãnh đạo của Thebes đã đánh bại Sparta tại Leuctra vào năm 371 và tại Mantinea vào năm 362. Cuộc xâm

lược Sparta diễn ra vào năm 369. Về các sự kiện này, xem Xenophon, History of Greece 6.4.4-15, 7.5.18-27; và 7.1.15-22.

Cả ba thị trấn này đều bị ép quy phục trong suốt cuộc Chiến tranh Peloponnesia. Sau một thời gian vây thành kéo dài, Plataea quy phục Sparta vào năm 427, Melos và Scione quy phục Athens lần lượt vào các năm 415 và 421. Trong các trường hợp này, đàn ông đều bị giết, còn phụ nữ và trẻ em bị bán làm nô lệ.

Quân Thebes đã đột kích Plataes vào tháng Ba năm 431, nhưng đã buộc phải rút lui khỏi thị trấn. Gần Plataea, vào năm 479, người Hy Lạp đã đánh bại quân Ba Tư do Mardonius chỉ huy và khiến họ phải rút quân khỏi Hy Lạp. Thebes đã được sử dụng như một căn cứ quân sự của Ba Tư và một đạo quân Thebes cũng đã chiến đấu bên phe Ba Tư. Vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnesia, Erianthus người Thebes đã đề nghị phá hủy Athens và đem giết bỏ hoặc bán làm nô lệ các công dân của thành bang này. Sparta, với thế lực của mình, đã bác bỏ đề nghị này.

Diodorus (17.10) đã nhắc tới nhiều điếm báo xấu.

Trách nhiệm đạo đức thuộc về Alexander, mặc dù chắc chắn ngài đã đệ trình quyết định của mình cho các đồng minh. Cuộc nổi loạn đã gây ra mối bất hòa trong Hiệp ước Hòa bình và Alexander (với vai trò một thống lĩnh) đã kêu gọi các binh lính Đồng minh mặc dù chỉ có các khu vực lân cận Thebes gửi quân tới – bao gồm người Plataea, Phocia, Thespieae và Orchomenus. Nhưng Alexander không sai khi nhận ra rằng hình phạt dành cho Thebes khiến nhiều kẻ thù của thành bang này cảm thấy nhiều ân oán cũ đã được giải quyết. Ngài chắc hẳn cũng mong muốn lấy số phận của Thebes làm lời cảnh báo chết chóc cho bất kỳ thành bang nào có ý định nổi loạn chống lại ngài.

Sau Chaeroneia, Philip có ý định xây dựng lại Plataea và Orchomenus, những thị trấn bị Thebes phá hủy hai lần vào năm 373 và năm 364, nhưng rõ ràng việc này đã không được thực hiện.

Một nghi lễ của Hy Lạp cổ đại. Trong nghi lễ này, người ta sử dụng rượu và các kỹ thuật thôi miên để đưa con người về trạng thái bản năng nhất. (ND)

Nghi lễ Huyền bí vinh danh thần Demeter được tổ chức tại Eleusis từ ngày 15 tới ngày 23 tháng Boedromion theo lịch Athens, tương ứng với tháng Chín/tháng Mười.

Theo Plutarch (Demosthenes 23.3), những sử gia đáng tin nhất đưa ra tám cái tên, mặc dù những người khác thường nhắc tới 10 người. Những tên tuổi được lưu lại này cũng không hoàn toàn thống nhất. Tất cả những sử gia mà Arrian nhắc tới đều là các nhà hùng biện, ngoại trừ các tướng quân Chares, Charidemus và Ephialtes. Arrian có lẽ đã tính tới những cống hiến của Demosthenes về lăng mộ của Pausanias, vụ ám sát Philip (Aeschines 3.160), và trao đổi thư từ của ông với tướng quân Macedonia, Attalus, người đã cùng với Parmenio mở chiến dịch tấn công Ba Tư vào đầu năm 336.

Những người khác cũng rời khỏi Athens. Chares gặp Alexander tại Sigeum vào năm 334, trong khi Ephialtes và Thrasybulus (những cái tên mà người ta nghĩ rằng đã bị bỏ qua trong danh sách của Arrian) chiến đấu bên phe Ba Tư tại Halicarnassus (Diodorus 17.25.6).

Vua của Macedonia từ năm 413 tới năm 399 TCN. Ông nổi tiếng là người bảo trợ cho văn học và nghệ thuật, chính dưới triều đại của ông, Euripides đã dành những năm cuối đời để viết cuốn Bacchae.

Các nữ thần thơ ca. (ND)

Một thể loại thơ được trình bày rất oai nghiêm và trang trọng. (ND)

Hiện tượng này, xảy ra do sự hóa đặc hơi ẩm, thường được nhắc tới trong văn học cổ điển. Người ta nói rằng hiện tượng này xảy ra vào đúng thời điểm Alexander tới Thebes. Aristander là nhà tiên tri mà Alexander (cũng có thể là cả Philip) tin nhiệm nhất, là người được Arrian nhắc tới thường xuyên với những lời tiên đoán vô cùng chính xác. Các cư dân của Telmissus ở Caria đã được nhắc tới khá sớm, vào khoảng giữa thế kỉ thứ VI, do khả năng tiên đoán của họ (Herodotus 1.78).

Antipater nhận lệnh ở lại cùng với 12.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh. Những số liệu của Arrian cũng đã được Diodorus khẳng định (17.17) khi ông đưa một danh sách các lực lượng của Alexander sau khi vượt eo biển tới lục địa Á châu: 32.000 bộ binh và 5.100 kỵ binh. Những số liệu cao hơn cho bộ

binh (43.000; 40.000) được các sử gia khác đưa ra, có thể bao gồm 10.000 binh lính, những người đã ở châu Á vào năm 335, mặc dù phần lớn lực lượng này, trong khoảng thời gian đó, đã rút lui. Người ta không tìm thấy lời giải thích thỏa đáng nào cho các số liệu đưa ra số lượng kỵ binh ít hơn. Về vấn đề này, gần đây nhất, xem P. A. Brunt, JHS 1963, từ tr.33, và E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), từ tr.24.

Một eo biển hẹp thuộc tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nối liền biển Aegean và biển Marmara. (ND)

Homer, *Iliad* 2.701; Herodotus 9.116.

Phía tây bắc của thành Troy, gần Mũi đất Sigeium.

Diodorus (17.17.2), thuật lại rằng Alexander, trước khi đặt chân lên bờ, đã quẳng cây thương của ngài xuống để khẳng định lục địa Á châu là phần thưởng của cuộc chiến. Nếu điều này là sự thật, nó chứng tỏ rằng Alexander đã quyết tâm chinh phục Đế chế Ba Tư.

Tám khiên này đã được Peucestas mang theo trong cuộc tấn công vào thành lũy của thị trấn Malli.

Con trai của Achilles và là người sáng lập triều đại Moloosian. Alexander khẳng định mình thuộc dòng dõi của Neoptolemus, thông qua mẹ ngài là Omphias.

Hephaestion là người bạn thân thiết nhất của Alexander từ thuở thiếu niên. Việc đội vòng hoa tại lăng mộ của Achilles và Patroclus tượng trưng cho mối quan hệ giữa hai người. Chính vì điều này, khi Hephaestion qua đời, Alexander đã vô cùng đau khổ.

Hiero và Gelo đã cai trị Syracuse và Thero Acragas (Agrigentum) vào đầu thế kỉ thứ V. Những thành tựu của họ đã được Pindar và Bacchylides vinh danh.

Trong *Anabasis* của Xenophon, số phận của Clearchus được thuật lại trong Quyển hai.

Chỉ huy của quân đánh thuê người Hy Lạp. (ND)

Memnon không chỉ là một tướng lĩnh [condottiere] của quân đánh thuê mà còn là một trong những người thuộc giai cấp thống trị của Ba Tư, và là người đã kết hôn với em gái của Artabazus. Vào năm 335, Memnon đã

ngăn chặn thành công mũi tiến quân của quân Macedonia tới Tiểu Á, và cũng trong thời gian này, ông đã tán thành cuộc chiến xâm lược châu Âu (Diod, 17.18.12). Về những hành động sau đó và cái chết của Memnon, xem Quyển hai. Có lẽ một phần động cơ thúc đẩy các xatrap từ chối kế hoạch của Memnon là do lòng ghen tị của họ đối với ông.

Không có gì làm Alexander hài lòng hơn là quyết định chiến đấu của người Ba Tư. Ngài hiểu được chiến thắng sẽ có tác động như thế nào đối với các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, và hy vọng rằng các thủ lĩnh Ba Tư không có lời biện hộ nào cho điều mà ngài coi là thất bại rõ ràng của họ. Đây là ví dụ đầu tiên trong số nhiều ví dụ cho việc Alexander từ chối lời khuyên của lão tướng Parmenio, một vài ví dụ trong số này, ít nhất, có thể là do trí tưởng tượng của Callisthenes, với vai trò là sử gia chính thức của Alexander, để làm giảm nhẹ những lời chê trách Alexander vì đã xử tử Parmenio trong một vụ nổi loạn sau này.

Do đó, việc này đã tước bỏ cơ hội tấn công của kỵ binh và bộ binh (một lực lượng khoảng 20.000 người). Lý do cho sai lầm ngớ ngẩn này không được nêu rõ.

Vụ thảm sát này là một sai lầm, vì theo thỏa thuận với Liên minh Corinth, số tù binh Hy Lạp phải được gửi đi lao động khổ sai. Ngay từ giai đoạn đầu khi vây thành Miletus, Alexander đã nhận ra điều này và cho phép 300 lính đánh thuê, những người có ý định chống trả đến cùng, được tuyển mộ vào đội quân của ngài.

Nhà tạc tượng Hy Lạp nổi tiếng. Cùng với Scopas và Praxiteles, ông được coi là một trong những nhà điêu khắc vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại. (ND) Arrian dường như đã nhầm lẫn. Theo Velleius (1.11.4), những bức tượng này đã được Metellus Macedonicus chuyển tới La Mã vào năm 148.

Những số liệu về tổn thất của quân Macedonia thấp một cách đáng ngờ, vì họ thường không tính đến lính đánh thuê.

Theo quan điểm của một nhóm nhỏ trong số những người Hy Lạp đã tham gia trận chiến, lời khắc (cùng với việc bỏ qua, không hề nhắc gì tới người Macedonia) chắc hẳn được coi như một sự tuyên truyền hướng tới các đồng minh Hy Lạp. Alexander đã nhấn mạnh sự vắng mặt của người Sparta.

Zeleeia là một thành phố Hy Lạp, nhưng có thể đoán rằng họ cũng phải chịu các khoản thuế tương đương với các cư dân khác trong vùng. Về sự phát triển trong chính sách ngoại giao hướng tới các thành phố Hy Lạp của Alexander, xem E. Badian, “Alexander the Great and the Greeks of Asia”, trong *Ancient Society and Institutions. Studies Presented to Victor Ebrénberg*, Oxford, 1966, từ tr.37.

Như sắp xếp của Alexander đã cho thấy, những người này được đối xử giống như trước kia, không ưu ái hơn cũng không tệ bạc hơn.

Một phần của Troad.

Alexander đã đề nghị xây dựng một điện thờ mới – điện thờ cũ đã bị đốt cháy hoàn toàn vào đêm ngài ra đời – nhưng những người Ephesian đã từ chối. Lưu ý rằng đồ cống nạp không được hoàn lại.

Việc thiết lập các nền dân chủ không phụ thuộc vào thiên kiến của Alexander đối với chính quyền dân sự (thực sự thì tại sao Alexander lại thích chính quyền kiểu này hơn?) mà là vì người Ba Tư đã hỗ trợ các tập đoàn chính trị đầu sỏ.

Miletus cách cửa sông Maeander khoảng 16 kilômét.

Alexander chắc chắn không hề tin tưởng lòng trung thành của các đồng minh Hy Lạp. Ngài đã giữ lại hai mươi tàu thuyền của Athens mà thủy thủ đoàn của chúng được coi như những con tin.

Về một số ghi chép khác biệt về cuộc vây thành, đặc biệt là những giai đoạn cuối, xem Diodorus 17.23-27.

Myndus nằm ở cực tây của bán đảo, nơi có thị trấn Halicarnassus.

Theo Diodorus, nhân vật này đã bị giết khi chiến đấu bên phe Macedonia. Hecatomnus, người cai trị Caria, đã để lại ba người con trai: Mausolus, Hidrieus, Pixodarus và hai người con gái: Artemisia và Ada. Artemisia kết hôn với Mausolus, còn Ada kết hôn với Hidrieus, và họ thừa kế ngai vàng của Hecatomnus.

Sự kháng cự duy nhất diễn ra ở Marmara, nơi cư dân đã quyết định đốt bỏ thị trấn (Diodorus 17.28).

Milyas là tên cũ của Lycia, nhưng tên Lycia được sử dụng để chỉ vùng đất cao, mở rộng về phía đông bắc tới tận Pisidia.

Cả hai đều bị xử tử.

Hellespontine Phrygia. Alexander đã giao vùng này cho Calas.

Plutarch (Alexander 17.6) nhận xét rằng nhiều sử gia đã tìm thấy trong sự kiện này cơ hội nói về cách hành xử “ấn tượng và khoa trương”, và viết về “cú đánh may mắn của định mệnh”. Sử gia này trích một lá thư mà trong đó, Alexander không nói bất cứ điều gì về sự việc kỳ lạ này, nhưng Callisthenes chắc chắn đã viết về điều này, dĩ nhiên là với sự chấp thuận của Alexander.

Badian (Ehrenberg Studies, 65, chú thích 50) bình luận rằng 50 ta-lăng là một số tiền quá lớn mà một thành phố Hy Lạp phải cống nạp và yêu cầu này cho thấy nhu cầu về tiền bạc của Alexander trong thời gian đó.

Thị trấn này là Termessus, nhưng có thể Arrian đã nhầm lẫn.

Bất chấp những đóng góp lớn của Antigonus trong việc giữ vững phòng tuyến Phrygia cho Alexander Đại đế – Curtius (4.1.35) chỉ nhắc tới ba chiến thắng của ông trước quân Ba Tư sau trận Issus – trong Anabasis, chỉ có duy nhất một lần sử gia này nhắc tới Antigonus “một mắt”, cha của Demetrius Người vây thành. Tarn (Alexander 2.110) cho rằng sự im lặng này là do Ptolemy là kẻ thù của Antigonus trong Cuộc chiến của Những người kế vị. Họ đã được thả vào đầu năm 331, sau khi Alexander trở về từ Ai Cập.

1. David Hume (1711–1776): Nhà triết học, sử học và kinh tế học người Xcốtlen. Các tác phẩm chủ yếu của ông là Luận thuyết về bản chất của loài người (A Treatise of Human Nature), Nghiên cứu về sự nhận thức của con người (An Enquiry Concerning Human Understanding), Luận văn về kinh tế chính trị (A discourse on political economy).

2. Thành phố Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania nằm giữa vùng đất New England, căn cứ phe của Hamilton và thành phố Richmond, thủ phủ tiểu bang Virginia, căn cứ phe Cộng hoà của Madison và Jefferson.

1. Sau này, Ngân hàng Quốc gia như Hamilton đề xuất hết hạn hiệu lực sau đó 20 năm, đúng vào nhiệm kỳ đầu tiên Madison giữ chức Tổng thống Mỹ, năm 1811. Nhưng sang nhiệm kỳ thứ hai, chính Madison lại yêu cầu Quốc hội Mỹ thành lập Ngân hàng thứ 2, thực hiện đúng những chức năng như ngân hàng thứ 1 mà Madison từng bác bỏ.

2. 'Quan điểm về tính hợp hiến của Ngân hàng quốc gia': Opinion as to the Constitutionality of the Bank of the United States.

3. Ngân hàng Quốc gia (The First Bank of The United States), thành lập năm 1791 và chấm dứt sự tồn tại năm 1811. Năm 1816, một ngân hàng Trung ương khác được thiết lập (The Second Bank of The United States), tồn tại đến năm 1836. Qua nhiều biến động, ngân hàng quốc gia tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, năm 1913, Đạo luật dự trữ Quốc gia được phê chuẩn thiết lập hệ thống Dự trữ Liên bang (FED) bao gồm 12 ngân hàng khu vực do một ban lãnh đạo điều hành do chính Tổng thống bổ nhiệm như ngày nay nhằm đối phó với tình hình khó khăn về kinh tế và tài chính.

1. William Howe (1729-1814): Hiệp sĩ và Đại tướng, là viên tướng Anh có binh nghiệp sáng chói. Năm 1759-1780, ông được bầu vào Nghị viện Anh, phản đối việc đàn áp các thuộc địa Mỹ, nhưng tuân lệnh Vua George III sang làm Tổng tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ, thất bại tại trận Germantown (tháng 10/1777), Howe xin từ chức.

2. Horatio Gates (1727-1806): Sinh tại Anh rồi tham gia quân đội Anh, có mặt trong nhiều trận đánh với quân Pháp và người Da Đỏ tại các thuộc địa Mỹ. Khi cuộc Cách mạng Mỹ bùng nổ, ông tham gia phe thuộc địa chống Anh, có công lao lớn trong trận Saratoga. Năm 1780, Gates được giao chỉ huy đội quân miền Nam nhưng bị thất bại ở Camden, S.C. rồi bị cách chức. Vợ và con trai duy nhất của ông đều chết trong chiến tranh.

3. John Burgoyne (1722-1792) : Có mặt trong cuộc chiến tranh 7 năm, được bầu vào Nghị viện năm 1761. Năm 1776, Burgoyne từ Canada đánh chiếm New York nhưng thất bại, bị tướng Horatio Gates bắt tại trận Saratoga năm 1777. Khi trở lại Anh, ông bị chỉ trích dữ dội nên chuyển sang lĩnh vực văn học và xã hội, sau này trở thành một nhà viết kịch lớn.

4. George Clinton (1739-1812): Luật sư, đại biểu Quốc hội New York, đại biểu Đại hội các thuộc địa lần 2, Thống đốc tiểu bang New York (1777). Sau này, Clinton kịch liệt chống bản Hiến pháp Mỹ vì e sợ mất quyền hành. Trong những năm 1790, Clinton đứng về phe Cộng hoà-Dân chủ. Năm 1804, ông là phó Tổng thống cho Thomas Jefferson. Thất bại trong cuộc

đưa Tổng thống năm 1808, ông lại chấp nhận làm Phó Tổng thống cho James Madison. Ông là địch thủ trong suốt nhiều năm của Hamilton.

5. Benjamin Franklin (1706-1790) : Nhà ngoại giao, chính khách, học giả, nhà khoa học, nhà báo nổi tiếng ở cả Mỹ và châu Âu. Năm 1775, ông là lãnh tụ của Đại hội các thuộc địa khoá 1; tham gia uỷ ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Pennsylvania. Những năm 1776-79, là một trong ba đặc sứ ký kết hiệp định liên minh với Pháp; cùng John Jay và John Adams đàm phán Hiệp ước Paris (1783) chấm dứt chiến tranh. Năm 1785, là Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao Pennsylvania; tham dự Hội nghị Lập hiến và có đóng góp to lớn.

6. Henry Clinton (1738-1795): Trung tướng, Hiệp sĩ, từng tham gia Nghị viện Anh. Trong cuộc chiến tranh, Clinton là phó Tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ cho tướng William Howe. Năm 1778, ông thay Howe làm Tổng tư lệnh quân Anh nhưng gặp nhiều thất bại nên từ chức năm 1781.

7. Tướng Charles Cornwallis (1738-1805): Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aixơlen (1798).

8. Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

9. Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aixơlen (1798). Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản

bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

1. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang: The Articles of Confederation, chủ yếu do John Dickinson soạn thảo, có hiệu lực từ năm 1781 đến năm 1789, khi chính quyền Washington được thành lập theo bản Hiến pháp mới cho đến ngày nay.

2. Robert Morris (1734-1806): Một trong những nhà lãnh đạo quan trọng của Cách mạng Mỹ, tham gia Đại hội các thuộc địa Khoá 1 và 2, từng ký tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776. Ông làm Giám sát Tài chính cho Hợp bang (1781-84) và có nhiều đóng góp to lớn cho nền tài chính của cuộc Cách mạng; tham gia hội nghị Annapolis và Hội nghị Lập hiến; là Thượng nghị sĩ Liên bang (1789-95). Cuối đời do buôn bán thất bại nên ông bị phá sản và suýt phải vào tù.

1. Adam Smith (1723-1790): Nhà triết học và kinh tế học người Anh nổi tiếng với tác phẩm 'Sự giàu có của các quốc gia' (1776).

1. Francis Bacon (1561–1626): Hiệp sĩ, luật sư, chính khách đồng thời là nhà triết học lớn người Anh nổi tiếng với các tác phẩm 'Lợi ích của việc học' (The Advancement of Learning, 1605 và 'Những bài luận văn' (Essays) rất nổi tiếng.

2. Gaius Julius Caesar (100 BC–44 BC): Thống chế, chính khách La Mã, là Tổng tài từ 58-56 (B.C), lập nhiều chiến công lớn, chinh phục xứ Gaules, sau này bị ám sát. Ông cũng là một sử gia lớn với nhiều tác phẩm viết về chiến tranh như 'Bình luận về cuộc chiến tranh với người Gaules' và 'Cuộc nội chiến La Mã'.

3. Venable (1758-1811): Hạ nghị sĩ rồi là Thượng nghị sĩ phe Cộng hoà, Chủ tịch Ngân hàng Virginia.

4. Muhlenberg (1750-1801), đại biểu Đại hội các thuộc địa (1779-1780); Chủ tịch Hạ viện Pennsylvania (1780-1783); Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Pennsylvania (1787); Chủ tịch Hạ viện Liên bang Mỹ (1789-1791; 1793-1795).

1. Gouverneur Morris (1752-1816): Đại biểu Đại hội các thuộc địa khoá 2. Ông là một trong những đại biểu trẻ nhất và xuất chúng nhất và có nhiều

đóng góp lớn cho cuộc Cách mạng Mỹ. Morris có vai trò nổi bật trong Hội nghị Lập hiến, tích cực ủng hộ chủ nghĩa quốc gia, chính ông là người chấp bút viết bản Hiến pháp. Sau này, Morris là Công sứ tại Pháp và là Thượng nghị sĩ, bạn thân và đảng viên Liên bang nhiệt thành ủng hộ các chính sách của Hamilton.

2. Edmund Randolph (1753-1813): từng là tùy tùng của Washington rồi tham gia chính quyền tiểu bang Virginia, đại biểu Đại hội các thuộc địa. Dưới chính quyền Washington, Edmund Randolph giữ chức Tổng chưởng lý Liên bang, rồi thay Thomas Jefferson làm Ngoại trưởng (1794-95). Trong cuộc xung đột Jefferson-Hamilton, ông cố gắng giữ quan điểm trung lập.

3. Hamilton đề xuất rằng cả nước Mỹ sẽ chia thành một số quận bầu cử nhất định bằng nhau không phân biệt biên giới tiểu bang để bầu chọn Thượng nghị sĩ một cách cân bằng.

4. Hội nghị Lập hiến họp theo cách thức đề ra những giải pháp rồi các đại biểu bỏ phiếu thông qua hay cần sửa đổi từng điểm một, nhưng mỗi bang chỉ có một phiếu bầu chung cho các đại biểu. Vấn đề được thông qua nếu có đa số các bang bỏ phiếu thuận, chứ không phải căn cứ theo số lượng đại biểu bỏ phiếu thuận. Vì vậy, Hamilton luôn ở thế thiếu số so với Yates và Lansing, nên phiếu của ông hầu như chẳng có tác dụng gì.

5. Yates là Thẩm phán toà án tối cao New York còn Lansing là luật sư và là Thị trưởng thành phố Albany. Việc xử án khi đó được tiến hành tại một vài thời điểm nhất định, chứ không phải tổ chức liên tục trong năm. .sup

1. Napoleon Bonaparte (1769-1821): Là một trong những nhà quân sự xuất sắc nhất thế giới, tự lên ngôi Hoàng đế Pháp năm 1804, từng có tham vọng xây dựng một Vương quốc châu Âu.

2. William Pitt (1759-1806), Thủ tướng Anh trẻ nhất trong lịch sử, nhận chức năm 1783 khi mới 24 tuổi.

3. Charles Maurice de Talleyrand (1754-1838): Có vai trò lớn trong cuộc Cách mạng Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp dưới thời Napoleon, chính trị gia xuất sắc, đại diện cho Pháp tại Hội nghị Vienna (1814-1815).

1. Đảng Cộng hoà (Republic Party) do Thomas Jefferson sáng lập, là đảng của những nhà tiểu nông, chủ đồn điền tập trung chủ yếu ở các bang miền Trung Tây, và miền Nam nước Mỹ, giành quyền lực từ năm 1801 đến 1815. Sau nhiều biến động, ngày nay là Đảng Dân chủ Mỹ. Thường được gọi là Đảng Cộng hoà - Dân chủ để phân biệt với Đảng Cộng hoà ngày nay thành lập năm 1854 trên cơ sở đảng Liên bang trước đây. Đảng Dân chủ là đảng của cựu Tổng thống Bill Clinton.

2. Khi mới thành lập, 13 tiểu bang của nước Mỹ rất khác nhau về đặc điểm kinh tế và xã hội. Trong khi các bang miền Bắc có nền kinh tế và ngành thương mại khá phát triển thì các bang miền Nam lại mạnh về nông nghiệp với các vùng đồn điền với rất nhiều lao động nô lệ. Điều khoản hạn chế tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc buôn bán nô lệ thật sự ảnh hưởng lớn đến nền sản xuất của miền Nam đã làm họ rất lo ngại.

3. Đảng Liên bang: Federal Party. Chấm dứt sự hoạt động sau khi Hamilton qua đời. Sau này, năm 1865, những người theo tư tưởng liên bang tập hợp lại dưới một cái tên mới là Đảng Cộng hoà. Và tồn tại đến ngày nay. Đây là đảng của Tổng thống đương nhiệm George Bush (con).

1. Sau này, mãi tới năm 1812 dưới quyền Tổng thống của Madison, khi nước Mỹ đã có một sự chuẩn bị tốt hơn về quân sự sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh thì những xung đột và bức bách của quân Anh mới hoàn toàn chấm dứt.

2. Hiến pháp khi đó qui định ai có phiếu bầu nhiều nhất của các đại cử tri sẽ trở thành Tổng thống.

3. Nhưng thể chế chính trị Mỹ không thể chấp nhận được sự mâu thuẫn giữa hai người lãnh đạo cao nhất của đất nước thuộc hai đảng khác sau vì thế sau này sửa chữa điều kiện rằng Tổng thống và Phó Tổng thống phải là người cùng một đảng.

4. John Curtis Marshall (1755-1835). Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Adams (1800-1801); Chánh án Toà án Tối cao Mỹ cho tới khi mất. Được coi là Chánh án vĩ đại nhất trong lịch sử tư pháp Hoa Kỳ, người kế tục tư tưởng của Hamilton về một chính quyền liên bang vững mạnh.

5. Elbridge Gerry (1744-1814). Một trong những lãnh tụ của cuộc cách mạng Mỹ. Năm 1789, được bầu vào Quốc hội khoá đầu tiên, Gerry ủng hộ những chính sách của phe Liên bang; Thống đốc Massachusetts (1810); Phó Tổng thống cho James Madison (1813).

6. Charles Cotesworth Pinckney (1746-1825). Sớm tham gia cách mạng, đại biểu Hạ viện (1778 và 1782) và Thượng viện tiểu bang Nam Carolina (1779). Ông là ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Liên bang (1800), ứng cử viên Tổng thống (1804 và 1808) nhưng đều thất bại.

1. Sự bế tắc trong cuộc bầu cử Tổng thống này đã dẫn tới việc Quốc hội Mỹ và năm 1804 đã thông qua điều khoản sửa đổi Hiến pháp thứ 12, qui định rằng các đại cử tri phải ghi rõ ràng tên cử Tổng thống và Phó Tổng thống mà mình lựa chọn.

1. Timothy Pickering (1745-1829): người bang Massachusetts, từng giữ chức Ngoại trưởng dưới thời Washington, bị Adams sa thải sau khi phát hiện ra ông câu kết với Hamilton chống lại các chính sách của mình.

2. Nguyên văn câu của Troupe là 'Delenda est Carthago'. Carthage là một vương quốc cổ đại do người Phoenici thành lập hồi thế kỷ IX trước CN ở bờ biển Bắc Phi. Đây là một vương quốc thương mại giàu có với lãnh thổ rộng lớn bao gồm tất cả các miền ven biển Địa Trung Hải, địch thủ lớn nhất của đế chế La Mã. 'Delenda est Carthago' là câu nói nổi tiếng của Cato, nghị sĩ Viện Nguyên lão La Mã. Cứ mỗi lần nói chuyện hay diễn thuyết bất cứ điều gì đều kết thúc bằng lời kêu gọi 'Delenda est Carthago', có nghĩa là nhất định phải tiêu diệt Carthage. Carthage bị người La Mã phá huỷ năm 146 trước CN.

1. Samuel Adams (1722 - 1803): Lãnh tụ chủ chốt của cuộc Cách mạng Mỹ. Ông học trường Harvard, tham gia nhiều hoạt động chính trị chống lại nước Anh, là người sáng lập Hội những người con Tự do (Sons of Liberty). Ông là người phác thảo hầu hết các chỉ thị của cuộc Cách mạng, là lãnh tụ chính thành lập các Ủy ban Liên lạc liên Thuộc địa, chỉ huy vụ Lô chè Boston (1773), góp phần soạn thảo Các điều khoản Hợp bang; sau này là Thống đốc Massachusetts (1794 -1797).

2. Elias Boudiot, sau này là một viên tướng xuất sắc trong cuộc chiến tranh giành Độc lập, rồi là đại biểu Quốc hội Mỹ.
3. John Adams (1735-1826): Tổng thống thứ 2 của Mỹ. Ông nổi tiếng với vụ bào chữa cho lính Anh trong vụ thảm sát ở Boston năm 1770, và viết nhiều bài báo nổi tiếng bảo vệ quyền của các thuộc địa Mỹ. John Adams tham gia Đại hội các thuộc địa lần 1; tham gia Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; là Chủ tịch Ủy ban Hậu cần và Chiến tranh. Năm 1783, ông tham gia ký Hiệp định Paris kết thúc chiến tranh.
4. William Blackstone(1723-1780): Hiệp sĩ, luật sư xuất sắc người Anh, nổi tiếng với tác phẩm 'Những lời bình luận về luật pháp nước Anh'.
5. John Lock (1632-1704): Triết gia nổi tiếng người Anh với các tác phẩm 'Bàn về lòng khoan dung' (1689), 'Bàn về trí tuệ con người' (1690), 'Luận văn về nguồn gốc, sự phát triển và chấm dứt của chính quyền'. Ông chủ trương xã hội phải có pháp luật mà vua chúa cũng phải tuân theo, nếu không người dân sẽ có quyền nổi dậy.
6. Montesquieu (1689-1755): Triết gia xuất sắc người Pháp của Thế kỷ Ánh sáng, nổi tiếng với các tác phẩm 'Những bức thư của người Ba Tư' (1721), 'Bàn về chính trị' (1723), 'Suy nghĩ về chính thể quân chủ phổ thông' 1724, 'Tinh thần pháp luật' (1748). Ông là người đề xướng chủ trương Tam quyền phân lập.
7. Patrick Henry (1736-1797): Một trong những lãnh tụ nổi tiếng nhất của cuộc Cách mạng Mỹ. Năm 1774, Henry kêu gọi các thuộc địa khác cử đại biểu thành lập Đại hội các thuộc địa lần thứ 1. Cách mạng nổ ra, Henry là Tư lệnh quân đội Virginia và góp phần soạn thảo Hiến pháp đầu tiên cho tiểu bang; Thống đốc Virginia (1776-79, 1784-1786) nhưng từ chối tham dự Hội nghị Lập hiến năm 1787, là lãnh tụ phe chống Liên bang nhiều năm sau đó.
8. Richard Henry Lee (1756-1818): một trong những lãnh tụ hàng đầu của cuộc Cách mạng Mỹ, người đề xướng nền Độc lập cho các thuộc địa. Sau này là Thống đốc Virginia (1792-1795) và là Thượng nghị sĩ Mỹ (1799-1801).

9. Thomas Jefferson (1743-1826): Tổng thống thứ 3 của Mỹ (1801-1809). Là một học giả, kiến trúc sư, nhà khoa học lớn, ông cũng là người sáng lập Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

10. Tướng Henry Knox (1750-1806): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, có mặt tại hầu hết các trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ 1785 - 1794, ông là Bộ trưởng Chiến tranh trong chính quyền Hợp bang cũng như chính quyền Liên bang của George Washington. Knox hoàn toàn tán thành quan điểm Liên bang của Hamilton.

11. Tướng Nathanael Greene (1742-1786): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, chỉ đứng sau Washington. Sau khi quân Mỹ ở miền Nam thất bại tại trận Camden, S.C. (1780), Greene được cử thay thế tướng Horatio Gates và lập nhiều chiến công lớn.

1. James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ 4 của Mỹ. Ông là một chính trị gia và học giả rất uyên thâm. Tham gia hoạt động chính trị từ khi còn rất trẻ; ông đã đóng vai trò quan trọng tại Hội nghị Annapolis (1786) và Hội nghị Lập hiến năm 1787, được mệnh danh là “Cha đẻ của Hiến pháp Mỹ” vì những đóng góp to lớn. Là Hạ nghị sĩ Liên bang (1789-97), Madison tham gia xây dựng tuyên ngôn Nhân quyền, góp phần tổ chức các cơ quan hành pháp và tạo nên một hệ thống thuế liên bang. Là lãnh tụ phe chống đối các chính sách của Hamilton, ông và Jefferson thành lập Đảng Cộng hoà - Dân chủ (1791). Ông là ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống Jefferson. Sau này, ông là đồng chủ tịch tại Hội nghị Lập hiến của Virginia năm 1829-30, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

2. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang quy định rằng, bất cứ một đạo luật quan trọng nào muốn có hiệu lực phải được tất cả 13 tiểu bang thông qua, và chỉ cần 1 tiểu bang chống đối thì dự luật không thể được ban hành.

3. Tướng Anthony Wayne (1745-1796): tham gia quân đội thuộc địa và có mặt tại nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là tại trận Yorktown. Năm 1792, Wayne là chỉ huy quân Mỹ trong cuộc chiến chống người Da Đỏ ở vùng Tây Bắc; tham gia đàm phán hiệp ước Greenville với người Da Đỏ. Sau Hiệp ước Jay, năm 1796 Wayne chỉ huy quân đội Mỹ tại vùng đất này.

4. James Monroe (1758-1834): Từng tham dự nhiều trận đánh quan trọng và có mặt tại Thung lũng Forge. Ông là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang cho tới năm 1786, là Thượng nghị sĩ Mỹ thuộc phe Cộng hoà kịch liệt chống chính sách của Hamilton. Sau này, ông là Công sứ tại Pháp; Thống đốc Virginia, Công sứ tại Anh, Ngoại trưởng Mỹ; Bộ trưởng Chiến tranh, trước khi trở thành Tổng thống thứ 5 của Mỹ (1816-1825).

5. Phố Wall: Wall Street, thuộc quận Manhattan, thành phố New York, nay là Trung tâm Tài chính của Mỹ và thế giới.

6. Phocion: (402 - 318 trước CN): Một người anh hùng Hy Lạp cổ đại. Phocion đã cứu dân chúng thành bang Athens khỏi sự sụp đổ. Ông là người rất dũng cảm và đức hạnh, được Plato rất ca ngợi.

Trong tiếng Trung, từ “Doanh” đọc là /yíng/, Tô Duyệt Duyệt nghe thành /yín/, nghĩa là “Dâm” nên gán cho anh ta cái tên này.

Human Resource officer: chuyên viên nhân sự.

Jianshang: phiên âm tiếng Trung, có nghĩa là gian thương. Ở đây, Tô Duyệt Duyệt muốn nói Tập đoàn JS là viết tắt của Tập đoàn gian thương.

Hàn Tín: còn gọi là Hoài Âm Hầu, là một danh tướng bách chiến bách thắng, một trong “tam kiệt nhà Hán” thời Hán Sở tranh hùng.

Trong tiếng Trung, Tô đọc là /su/, đọc lái ra là Sue.

Gió Tây Bắc: gió khô nóng, hay còn gọi là gió Lào, là loại thời tiết tương đối nguy hiểm.

Logistics: là quá trình lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng chuyển dịch của hàng hóa hay thông tin liên quan tới nguyên liệu vật tư (đầu vào) và sản phẩm cuối cùng (đầu ra) từ điểm xuất phát tới điểm tiêu thụ.

Một trò chơi bắn bong bóng cổ điển và tuyệt vời nhất, rất được giới trẻ ưa chuộng.

Đàn ông ngoại tình thường mua xe Polo cho bồ, nên xe Polo được gọi là xe nhân tình.

Mì qua cầu là một món mì ở Vân Nam.

Nhiều quá chẳng, không nhiều.

Già Lưu: một nhân vật trong truyện Hồng lâu mộng, là người có cá tính trong sáng, tràn đầy sức sống.

Mụ Sói Đỏ là nhân vật trong phim hoạt hình Cừu vui vẻ và Sói xám.
Zilgo: tên một loại băng dán vết thương.
Chỗ dựa vững chắc.
Kim Ốc: một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng ở Trung Quốc. A Kiều là Trần A Kiều, nhân vật nữ chính có số phận hẩm hiu.
Tàng không được phép hút thuốc.
Ý chỉ người đàn ông độc thân kiệt xuất.
Có nghĩa là: ngoài sáng giả vờ làm việc khác để che giấu việc chính trong bóng tối, chọn cách tấn công không ai nghĩ tới.
Một loại mì xào
Durex là một hãng sản xuất bao cao su nổi tiếng.
Chứng rối loạn tâm lý sau khi bị tổn thương nặng nề.
Vị thần truyền dịch bệnh.
Anh chàng đẹp trai
MicroBlog: trang blog cá nhân, ngắn gọn, công cụ giao tiếp hữu hiệu và đáng tin cậy trong các doanh nghiệp.
(*) Cuộc họp triều đình.
Vạn thặng: xưa ở Trung Quốc, thiên tử có muôn cỗ binh xa, gọi là vạn thặng.
(*) Ác sáo:cũng gọi là Song Lục kỳ - Một trò chơi giống như cờ tướng.
Tạm dịch: Tiếng cười ai đó khá khen thay Quyển rũ quân vương chịu đắng cay. Nước mắt bên chân đầu ngó lại Còn vui sẵn bản hát đàn say.
(*) Hốt lý đại hội: tiếng Mông Cổ có nghĩa là họp triều đình.
(*) Thanh từ: một thể văn được dùng ở đời Minh, xuất phát từ lối viết văn của Đạo gia.
(*) Nhi nam là hai thiên chu nam và thiên nam trong Kinh thi nói về tình yêu vợ chồng.
(*) Bắc Dương là chỉ các tỉnh duyên hải miền Bắc như Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông.
(1) Cuộc đời mãi mãi bao la, Tâm tư theo đuổi cho già tình sâu. Thực tâm thường, hạnh ban đầu. Càng thương yêu lắm càng giàu nghĩa ân.

(2) Lập chí sao cho tần tiện, Tài giới lòng chớ tham lam. Lấy biết làm tâm niệm, Bớt đi lạm dụng lợi danh.

* Một dân tộc ở Tân Cương Trung Quốc.

1. Văn bản được đưa ra sau Hội nghị Postdam (Đức). Nội dung chính của hội nghị là quyết định các chính sách về việc giải quyết nước Đức phát xít sau chiến tranh, yêu cầu Nhật đầu hàng và đưa ra phương châm quản lí nước Nhật thời hậu chiến - ND.

2. Quan chức phụ trách hành chính giáo dục quốc gia hoặc địa phương. Giám học có nhiệm vụ thị sát giáo dục, giám sát việc giảng dạy, đặc biệt các giám học ở địa phương nắm quyền quyết định nhân sự giáo viên. Chế độ này bắt đầu từ năm 1871 dưới thời Minh Trị - ND.

3. Các công ty độc quyền thao túng nền kinh tế Nhật Bản. Các công ty này thường thuộc quyền kiểm soát của các dòng họ và có mối quan hệ chính trị, kinh tế rất mật thiết với chính phủ - ND.

4. Cơ sở giáo dục xã hội mang tính tổng hợp, xúc tiến các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục, học tập của cộng đồng cư dân sống trong khu vực - ND

5. Lưu Cầu là tên gọi cũ của Okinawa được sử dụng như tên gọi chính thức từ năm 1372 đến năm 1879 - ND

6. Văn bản hướng dẫn về khóa trình giáo dục từ tiểu học tới trung học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục công bố - ND

7. Viết tắt của cụm từ Government Appropriation for Relief in Coccupied Area (Ngân sách chính phủ cứu trợ cho cho các khu vực bị chiếm đóng) - ND

1. Viết tắt của cụm từ The Council for Mutual Economic Assistance (Hội đồng tương trợ kinh tế) - ND

2. Hiệp ước được kí ngày 8 tháng 9 năm 1951 với sự tham gia của Nhật và 48 nước khác là thành viên của Liên Hợp Quốc - ND

3. Quốc kì và quốc ca Nhật Bản. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai một bộ phận không nhỏ người Nhật cự tuyệt quốc kì và quốc ca vì cho rằng, nó có liên quan đến chủ nghĩa phát xít – ND.

4. Chức quan phụ trách giúp việc cho tư lệnh quân đội ở những vùng quân Nhật chiếm đóng - ND
 5. Hanshin là cách nói gọn cho hai địa danh Osaka và Kobe - ND
 6. Shinkansen là tàu điện cao tốc hình viên đạn. “Giờ học Shinkansen” có nghĩa tương tự như “giờ học cưỡi ngựa xem hoa” trong tiếng Việt - ND
 7. Trước đó, đặc biệt là thời Ê-đô (1603-1868), trong xã hội Nhật tồn tại chế độ phân biệt địa vị xã hội theo trật tự “sĩ-nông-công-thương” - ND
 8. Thời kì tỉ lệ sinh đột ngột tăng cao. Đặc biệt là những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai (khoảng từ năm 1947-1949) - ND
 9. Các trung tâm học thêm, luyện thi vượt cấp - ND
1. Gia đình gồm vợ, chồng và những người con chưa kết hôn - ND
 2. Paul Lengrand (1910-2003), nhà tư tưởng giáo dục Pháp - ND
1. Giáo dục hiện đại ở đây là chỉ nền giáo dục có từ thời Minh Trị trở đi - ND.
 1. Ở Nhật sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, giáo dục phổ thông được chia ra làm Tiểu học (6 năm), Trung học bậc thấp (4 năm) và Trung học bậc cao (3 năm). Ở đây để dễ hiểu sẽ thống nhất dịch là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông – ND.
 2. Yutori trong tiếng Nhật có nghĩa là nhàn nhã, thong thả - ND.
 3. Sắc chỉ thể hiện nguồn gốc đạo đức của quốc dân, triết lí cơ bản của giáo dục quốc dân được Thiên hoàng Minh Trị ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1890 (năm Minh Trị thứ 23) - ND.
1. Các cuốn sách giáo khoa sơ cấp được dùng từ cuối thời Heian (thế kỉ 8-thế kỉ 12) tới đầu thời Minh Trị - ND.
 2. Cuộc chiến tranh diễn ra giữa quân đội chính phủ Minh Trị với binh lính Mạc phủ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1868 đến năm 1969-ND.
 3. Thống nhất giữa tôn giáo và chính trị-ND.
 4. Cơ quan hành chính tối cao trong chính quyền Minh Trị. Cơ quan này được thành lập năm 1868 sau hai lần cải cách trở thành chế độ tam viện: Tả viện, Hữu viện và Chính viện trong đó Chính viện đóng vai trò trung tâm-ND.

5. Cuốn sách gồm 6 quyển do Fukuzawa Yukichi biên soạn, xuất bản năm 1869. Sách được viết dưới dạng xướng ca nói về địa lý, lịch sử thế giới - ND.

6. Cuốn sách giải thích về vật lý thường thức do Fukuzawa Yukichi biên soạn. Sách có một tập được xuất bản vào năm 1868 - ND.

7. Kana là vần trong tiếng Nhật. Tiếng Nhật có hai hệ thống chữ “Hiragana” và “Katakana” - ND.

8. Nguyên tác của đoạn này lấy từ tập văn vần “Wilson Reader” được sử dụng trong các trường tiểu học ở miền Đông nước Mỹ do đó mà nội dung của nó cách khá xa cách sử dụng từ ngữ thông dụng hàng ngày.

9. Sứ đoàn do Iwakura đứng đầu được chính phủ Minh Trị phái sang các nước Âu Mỹ trong khoảng thời gian từ 1871-1873 tiến hành các hoạt động ngoại giao, điều tra phục vụ cho việc đàm phán sửa đổi lại các hiệp ước đã kí với các nước phương Tây trước đó-ND.

10. Cuộc chiến tranh chống chính phủ Minh Trị do Saigo Takamori (1827-1877) lãnh đạo - ND.

11. Nhà giáo dục học người Thụy sĩ (1746-1827)-ND.

12. Mori Arinori (1847-1889), chính trị gia thời Minh Trị, Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên trong Nội các của Thủ tướng Ito Hirobumi vào năm 1885 - ND.

13. Cơ quan tối cao ra đời sau khi Viện Thái chính bị đình chỉ vào năm 1877-ND.

1. Tòa nhà được thiết kế theo kiểu phương Tây bắt đầu khởi công xây dựng năm 1881 và hoàn thành vào năm 1883 ở Tokyo. Nơi đây diễn ra nhiều hoạt động văn hóa và chính trị của giới thượng lưu trong xã hội đương thời -ND

2. Người đứng đầu cơ quan tư vấn lập pháp vốn được lập ra từ tháng 3 năm 1869-ND.

3. Chỉ thể chế nhà nước - ND

4. Johann Friedrich Herbart (1776-1841) nhà triết học, giáo dục học Đức - ND.

5. Các sắc chỉ này với tư cách là mệnh lệnh của Thiên hoàng theo quy định của Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản không cần Đế quốc nghị viện thông

qua – ND.

6. Được thành lập năm 1888 với mục đích bàn thảo các đề án. Hiến pháp quy định đây là cơ quan tư vấn của Thiên hoàng – ND.

7. Motoda Nagazane (1818-1891) nhà Nho học xuất thân ở Kumamoto. Thừa lệnh của Thiên hoàng, ông đã biên soạn nhiều sách, văn bản liên quan đến giáo dục thời Minh Trị - ND.

8. Hi sinh lợi ích bản thân phục vụ lợi ích nhà nước - ND.

9. Uchimura Zou (1861-1930) nhà tư tưởng Thiên chúa giáo, nhà báo, nhà truyền giáo thời Minh Trị. Ông có nhiều đóng góp trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ môi trường và hòa bình - ND.

10. Diễn ra trong khoảng thời gian 1894 -1895 - ND

11. Một nhân vật lịch sử thời Nam-Bắc triều ở Nhật (thế kỉ 14) - ND

1. Mutsu Munemitsu (1844-1897). Ông có viết cuốn sách mang tựa đề “Kenken Roku” (Kiến kiến lục) – ND.

2. Sự thương thảo giữa ba nước Nga, Đức, Pháp xoay quanh việc phân đổi Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông sau chiến tranh Nhật-Thanh - ND

3. Tên gọi khu vực phía tây Nhật Bản (Quan Tây) bao gồm Kyoto, Osaka và các tỉnh phụ cận-ND.

4. Misson-School-ND

5. Tsuda Umeko (1864-1929), nhà giáo dục thời Minh Trị, Taisho. Năm 8 tuổi, bà đến Mỹ du học và trở thành nữ du học sinh đầu tiên của Nhật Bản. Sau khi về nước bà đã có nhiều đóng góp cho giáo dục Nhật Bản - ND.

6. Yoshioka Yayoi (1871-1959), bác sĩ, nhà giáo dục Nhật - ND..

7. Vụ án được coi là có liên quan đến kế hoạch ám sát Thiên hoàng Minh Trị. Có rất nhiều người bị bắt và bị xử tử trong vụ án này – ND.

8. Tranh luận về tính chính thống của hai vương triều Nam và Bắc tồn tại trong khoảng thời gian từ 1336 đến 1392 – ND.

9. Hệ thống tư tưởng có hạt nhân trung tâm là tôn vương luận được hình thành ở phiên (han) Mito thời Ê-đô – ND.

1. Natsume Soseki (1867-1916), tiểu thuyết gia, nhà nghiên cứu văn học Anh – ND.

2. Nằm ở cực nam bán đảo Liêu Đông (Trung Quốc) – ND.

3. John Dewey (1859-1952) nhà triết học, nhà cải cách giáo dục, nhà tư tưởng xã hội Mỹ - ND
4. Alfred Binet, nhà tâm lí học người Pháp (1857-1911), người đã tạo ra phương pháp kiểm tra trí thông minh đầu tiên trên thế giới dựa trên thành quả nghiên cứu của T.Simon (1873-1961) – ND.
5. Phương pháp giáo dục mới do nhà giáo dục học Helen Parkhurst (1887-1973) đề xướng năm 1920 tại thành phố Dalton, bang Massachu- set, Mỹ. Phương pháp này là một trong các phương pháp học tập cá biệt, ở đó các phòng thí nghiệm cho từng môn học được thiết lập và học sinh sẽ tự chủ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phương pháp này đã có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới – ND.
6. Trường học tự do – ND.
7. Học viện văn hóa – ND.
8. Trường Meijo – ND.
9. Trường Tezukayama – ND.
10. Trường tự do Mino – ND.
11. Trường Showa – ND.
12. Vụ bạo động đốt công viên Hibiya ở Tokyo diễn ra vào ngày 5/9/1905 xuất phát từ những bất mãn xung quanh vấn đề tiền bồi thường sau chiến tranh Nhật-Nga – ND
13. Gốc tiếng Anh là Settlement chỉ cơ sở được thiết lập cố định ở một khu vực nào đó với các dịch vụ xã hội phục vụ đời sống toàn diện của người dân như giáo dục, nhà trẻ, y tế... – ND.
14. Suihei trong tiếng Nhật có nghĩa là chân trời, nằm ngang. Ở đây nó ám chỉ sự công bằng, không có sự phân biệt – ND.
15. Cuộc bạo động do nguyên nhân chính là giá gạo quá cao. Năm 1890, 1897 phong trào nổ ra ở các địa phương và đến năm 1918 thì trở thành cuộc bạo động có quy mô toàn quốc – ND.
1. Chữ Vũ (chỉ nóc nhà) diễn đạt ý nhóm họp thế giới lại thành một nhà. Đây là câu khẩu hiệu chính phủ Nhật hay dùng để nhấn mạnh tính chính đáng của quân đội Nhật trong cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Nguồn gốc của câu khẩu hiệu này bắt nguồn từ sách Nhật Bản thư kỉ - cuốn sách

gồm 30 quyển, tập hợp nhiều câu chuyện thần thoại về nước Nhật và Thiên hoàng được biên soạn vào năm 720 -ND.

2. Trong Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản có ghi chủ thể nắm quyền thống trị là nhà nước và Thiên hoàng là người đứng đầu nhà nước. Mi- nobe Tatsukichi và những người khác có chủ trương tăng cường vị trí của nội các và nghị viện đã gây ra sự đối lập với những người tôn sùng, bảo vệ Thiên hoàng. Kết quả là năm 1935 ông buộc phải từ nhiệm nghị viên Viện quý tộc và các cuốn sách do ông viết bị cấm phát hành - ND

3. Tên Đoàn Thiếu niên cộng sản của Liên Xô (Pioner = tiên phong) – ND. Edom là một khu vực lịch sử định cư của người Semite thuộc miền Nam Levant nằm ở phía nam của xứ Judea và Biển Chết, phần lớn ở Negev. Nó được đề cập trong các hồ sơ Kinh Thánh là Vương quốc Edom thời kỳ đồ sắt tại thiên niên kỷ 1 TCN.

Cựu Thế giới (The Old World): bao gồm các phần của trái đất được người châu Âu biết đến trước khi Christopher Columbus trong chuyến hải hành của mình phát hiện ra châu Mỹ vào năm 1492, bao gồm: châu Âu, châu Á và châu Phi (một cách tổng thể gọi là đại lục Phi-Á – Âu) và các đảo bao quanh. Thuật ngữ này được dùng phân biệt với thuật ngữ Tân Thế giới (The New World), gồm cả châu Mỹ.

Sephardic Jews / Sephardi Jews / Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Những người này bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492 và phải chạy trốn sang các nước Hồi giáo thuộc Đế quốc Ottoman, tạo ra ngôn ngữ của riêng mình chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha pha lẫn với một số từ Hebrew.

Baron von Rothschild: thuộc Gia tộc Rothschild là một gia tộc Do Thái có nguồn gốc từ Frankfurt, Đức. Họ đã tạo nên một đế chế tài chính – ngân hàng tại châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 18.

Khả Hãn (Khan): một danh hiệu dành cho những người cai trị và các quan chức ở các vùng Trung Á, Afghanistan và một số quốc gia Hồi giáo khác.

Dhimmi: là một thuật ngữ lịch sử đối với công dân không phải Hồi giáo sống tại một nhà nước Hồi giáo. Theo nghĩa đen có nghĩa là “người được bảo vệ.” Theo các học giả, quyền lợi của các dhimmis được bảo vệ đầy đủ

trong cộng đồng của họ, nhưng trong vai trò là những công dân trong quốc gia Hồi giáo, họ phải chịu những hạn chế nhất định và phải trả thuế jizya. Great Schism: Sự chia rẽ chính thức (1054) giữa Chính thống giáo Đông Phương (Eastern Orthodox Church) và Giáo hội Công giáo Rôma (Roman Catholic Church).

Mizrahic Jews / Mizrahim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung Đông và Bắc Phi.

Gen: một đơn vị di truyền được chuyển từ cha mẹ sang con cái và được dùng để xác định một số đặc tính của con cái.

Khazars: là một dân tộc Turkic bán du mục đã tạo ra một đế chế giữa những năm cuối thế kỷ 7 và thế kỷ 10 (650-965). Đế chế Khazars thống trị khu vực rộng lớn kéo dài từ thảo nguyên Volga-Don đến Đông Crimea và Bắc Caucasus.

DNA ty thể: mitochondrial DNA – mtDNA. DNA ty thể là cơ sở của nhân tố di truyền ngoài nhân.

Châu Phi hạ-Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là khu vực của lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara.

Y-chromosome: nhiễm sắc thể Y. Là một cấu trúc có tổ chức của ADN và protein nằm trong các tế bào.

Haplotype: là một đại diện của DNA nằm dọc theo sợi nhiễm sắc thể.

Khazar Khaganate (Hãn quốc Kazan): là tên một liên minh các dân tộc du mục thuộc các dân tộc Turk ở khu vực dãy núi Altai và cũng là tên gọi một hãn quốc hùng mạnh ở Trung Á trong giai đoạn từ thế kỷ 6 tới thế kỷ 7.

Cách ly di truyền: genetic isolation.

Lowlands (các vùng đất thấp): các khu vực của Scotland nằm ở phía nam và phía đông của vùng cao nguyên.

Ngôn ngữ Slavic: một nhóm các ngôn ngữ liên quan khá chặt chẽ của các dân tộc Slavơ và một nhóm nhỏ của các ngôn ngữ Ấn – Âu, được dùng ở hầu hết các nước Đông Âu, phần lớn các nước vùng Balkan, các bộ phận của Trung Âu và vùng Bắc của châu Á.

Anusim là những người Do Thái, theo luật Do Thái (halakha), đã bị buộc phải từ bỏ đạo Do Thái ngược lại ý muốn của họ, thường khi buộc phải

chuyển đổi sang tôn giáo khác. Thuật ngữ này xuất phát từ cụm từ Talmudic “`averah b'ones (Hebrew: עברה באונס)”, có nghĩa là “một sự vi phạm bắt buộc”.

Krymchaks: là một cộng đồng sắc tộc – tôn giáo của vùng Crimea bắt nguồn từ các tín đồ nói tiếng Turkic của Rabbinic Judaism. Theo lịch sử họ sống ở gần gũi với người Crimean Karaites.

Crimean Karaites: là những người thực hành Karaism là hình thức ban đầu của Do Thái giáo theo mặc khải của Thiên Chúa trong Kinh Torah. Karaite Judaism từ chối những bổ sung sau này của Tanakh (Kinh Thánh Hebrew như Khẩu Luật Rabbinic (Rabbinic Oral Law) và đặt trách nhiệm cuối cùng của việc giải thích Thánh Kinh cho từng cá nhân.

Turkic: Các dân tộc Turkic là một nhóm các sắc tộc sống ở miền Bắc, Đông, Trung và Tây Á, Tây Bắc Trung Quốc và các vùng của Đông Âu. Do Thái giáo Rabbinic hay Rabbinism là dòng chính của Do Thái giáo từ thế kỷ thứ 6, sau khi Talmud Babylon được quy điển hóa. Phát triển từ Do Thái giáo Pharisaic, Do Thái giáo Rabbinic dựa trên niềm tin rằng tại núi Sinai, Moses đã nhận được từ Thiên Chúa “Torah Viết”, cùng với lời giải thích bằng miệng, được gọi là “Torah Nói” mà Moses đã truyền lại cho mọi người.

Do Thái giáo Karaite hay Karaism là một phong trào của người Do Thái đặc trưng bởi sự công nhận Tanakh là thẩm quyền pháp lý tối cao duy nhất trong Halakha và thần học. Đó là khác biệt của Do Thái giáo Karaite với Do Thái giáo Rabbinic. Do Thái giáo Rabbinic coi Torah Nói, như đã hệ thống hóa trong Talmud và các văn bản tiếp theo, là những giải thích có thẩm quyền của Torah. Còn Do Thái giáo Karaite giữ thái độ rằng tất cả các giới răn mà Thiên Chúa truyền lại cho Moses đã được ghi nhận trong Torah Viết mà không cần bổ sung hoặc giải thích của Torah Nói. Kết quả là, người Do Thái Karaite không chấp nhận các truyền thống truyền miệng trong Talmud và các văn bản khác.

Châu Phi Hạ Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là phần lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara. Về mặt chính trị, nó bao gồm

tất cả các nước châu Phi toàn bộ hay một phần nằm ở phía nam của sa mạc Sahara (ngoại trừ Sudan).

Đế chế Songhai (Songhai Empire): là quốc gia Songhai đã thống trị Tây Sahel trong thế kỷ 15 và 16. Sahel là vùng khí hậu sinh thái và địa sinh học của quá trình chuyển đổi ở châu Phi giữa sa mạc Sahara ở phía bắc và Sudanian Savanna ở phía nam.

Do Thái giáo quy phạm (normative Judaism): theo truyền thống, việc thực hành Do Thái giáo được dành cho việc nghiên cứu Kinh Torah và chấp hành các luật lệ và điều răn. Trong Do Thái giáo quy phạm, Torah và luật Do Thái là không thay đổi, nhưng cách diễn giải của luật là cởi mở hơn. Nó được coi là một mitzvah (giới luật) để nghiên cứu và hiểu luật.

The Syrian Malabar Nasrani là một nhóm ethno-religious từ Kerala, Ấn Độ. Nó ám chỉ những người đã trở thành Kitô hữu ở bờ biển Malabar trong những ngày đầu của Kitô giáo, bao gồm cả người bản địa và người Do Thái Diaspora ở Kerala. Tên gọi Nasrani được cho là xuất phát từ tên Nazarét được sử dụng bởi các Kitô hữu Do Thái cổ xưa ở vùng Cận Đông đã tin vào thiên tính của Chúa Jesus, nhưng vẫn bám víu vào rất nhiều các nghi lễ Mosaic.

Nhiễm sắc thể Y Aaron (Y-chromosomal Aaron): là tên được đặt cho giả thuyết tổ tiên chung gần đây nhất của nhiều người trong tầng lớp tư tế Do Thái (Jewish priestly caste) theo phụ hệ được gọi là Kohanim (số ít là “Kohen”, “Cohen”, hoặc Kohane). Theo Kinh Torah, tổ tiên này được xác định là Aaron, anh em trai của Moses. Do đó, tổ tiên chung gần đây nhất theo giả thuyết được đặt tên là “nhiễm sắc thể Y Aaron”, tương tự với “nhiễm sắc thể Y Adam”.

Amerindian: là bất kỳ thành viên của các dân tộc sống ở Bắc hay Nam Mỹ trước khi người châu Âu đến.

Sabra (Hebrew: צבר) là một từ lóng không chính thức dùng để chỉ người Do Thái Israel sinh ra tại Israel.

Sephardic Haredim là những người Do Thái gốc Sephardi và Mizrahi theo Do Thái giáo Heradi.

Moses Mendelssohn (1729-1786) là một triết gia Do Thái Đức, là người đã khởi nguồn Haskalah.

Yishuv là tên gọi cộng đồng người Do Thái ở Vùng đất Israel giữa những năm 1880 và 1948, khi Israel tuyên bố trở thành một nhà nước độc lập. Cộng đồng Do Thái Yishuv đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng cho một Nhà nước Israel đã được trù liệu. Trong khi truyền thống và lịch sử Do Thái là lớp nền móng đầu tiên trong việc định hình Nhà nước Israel hiện đại, Yishuv là lớp thứ hai.

Con đường này được cho là bắt đầu từ nơi Chúa Jesus bị xét xử tới nơi Người bị đóng đinh và chôn cất tại đồi Golgotha.

Halutz trong tiếng Hebrew có nghĩa là tiên phong.

Hindu đề cập đến bất cứ ai tự coi mình như văn hóa, sắc tộc hoặc tôn giáo gắn liền với các khía cạnh của Ấn Độ giáo (Hindusm).

Intifada: phong trào nổi dậy của người Palestine chống lại Israel.

Um Kulthoum: một ca sỹ, nhạc sỹ và nữ diễn viên điện ảnh Ai Cập nổi tiếng quốc tế trong những năm 1920-1970.

Trong ý nghĩa chính của nó, mitzvah trong tiếng Hebrew đề cập đến giới luật và những điều răn của Chúa. Nó được sử dụng trong Do Thái giáo Rabbinic để nói đến 613 điều răn trong Torah ở núi Sinai và cộng thêm bảy điều răn khác đặt ra sau đó, tổng số là 620.

Aggadah đề cập đến văn bản chú giải không mang tính pháp lý trong văn học cổ điển của giáo đoàn Do Thái giáo, đặc biệt được ghi lại trong Talmud và Midrash.

Midrash là một phương pháp giải thích những câu chuyện Kinh Thánh vượt ra ngoài những chặt lọc đơn giản của giáo lý tôn giáo, pháp lý, hoặc đạo đức. Những giải thích này được các Rabbi điền vào những “khoảng trống” được tìm thấy trong Kinh Torah.

Beatnik là một khuôn mẫu truyền thông thịnh hành trong suốt những năm 1950 đến giữa những năm 1960, trưng bày những khía cạnh nông cạn của phong trào văn hóa Beat trong những năm 1950.

Định cư Pale (The Pale of Settlement): là thuật ngữ được đặt cho một khu vực của Đế quốc Nga, trong đó người Do Thái được phép thường trú, còn

vượt qua đó thì bị cấm.

Nickelodeon: rạp chiếu phim nhỏ, vé năm xu, thịnh hành ở Mỹ trong những năm 1905-1915.

Miriam là chị gái của Moses và Aaron, và là con gái duy nhất của Amram và Jochebed. Bà là một tiên tri và xuất hiện đầu tiên trong Sách Xuất Hành trong Kinh Thánh Hebrew.

Deborah là một tiên tri của Thiên Chúa của Israel, Thẩm phán thứ tư của Israel thời tiền quân chủ, cũng là một chiến binh và là vợ của Lapidoth theo Sách Thẩm Phán. Là nữ thẩm phán duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh, Deborah dẫn đầu cuộc phản công thành công chống lại các lực lượng của Jabin – Vua Canaan – và chỉ huy quân đội của ông là Sisera. Câu chuyện được kể lại trong chương 4 Sách Thẩm Phán.

Amidah cũng gọi là Shmoneh Esreh (18“ שמנה עשרה, lời cầu nguyện”), là kinh cầu nguyện chính của nghi lễ Do Thái giáo. Người Do Thái cầu nguyện Amidah tại mỗi trong ba lễ cầu nguyện trong một ngày điển hình: buổi sáng, buổi chiều, và buổi tối.

Bức tường Âm thanh chính là tốc độ của âm thanh truyền trong không khí, khoảng 336m/s. Khi tốc độ của một vật di chuyển trong không khí từ thấp hơn, tăng dần đến mức đạt và vượt tốc độ này thì người ta nói rằng nó đã vượt qua “bức tường âm thanh”.

Indie rock là một thể loại nhạc alternative (Alternative rock) có nguồn gốc từ Vương quốc Anh trong những năm 1980.

Haggadah là một văn bản Do Thái quy định thứ tự của bữa ăn tối trong ngày lễ Vượt Qua.

Shtetls là những thị trấn nhỏ với dân số Do Thái lớn tồn tại ở Trung và Đông Âu trước Holocaust.

Arcade: hành lang có mái che với các cửa hàng và quầy ở hai bên.

Mesopotamia: vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris, ngày nay bao gồm lãnh thổ Iraq, Kuwait, Đông Bắc Syria, và phần nhỏ của Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Nam Iran. Đây được coi là “cái nôi của văn minh” nhân loại.

Đế quốc La Mã (Roman Empire) (thế kỷ 1 TCN – thế kỷ 5, 6 CN): là một đế quốc lớn nhất trong lịch sử thế giới bao gồm lãnh thổ các quốc gia bao quanh Địa Trung Hải ngày nay của châu Âu, châu Phi và châu Á. Ba thành phố lớn của nó là Rome (thuộc Ý), Alexandria (thuộc Ai Cập) và Antioch (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ). Năm 285, Hoàng đế Diocletianus phân chia Đế chế thành Đế quốc Tây La Mã (Western Roman Empire) và Đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire). Đế quốc Tây La Mã kéo dài đến năm 476; còn Đế quốc Đông La Mã (còn có tên gọi khác là Đế quốc Byzantine) kéo dài đến năm 1453.

Aliyah là sự nhập cư của người Do Thái từ các cộng đồng Diaspora về lại Vùng đất Israel.

Palestine: trong thế kỷ thứ nhất, Đế chế La Mã đánh bại dân tộc Judea 1.000-năm-tuổi, phá hủy Đền Thờ Jerusalem và đẩy ải hàng trăm nghìn người Do Thái. Để xóa tất cả ký ức về xứ Judea, Rome đổi tên Judea thành ‘Palestine’ theo tên kẻ thù của người Do Thái trong Kinh Thánh – Philistines – là dân tộc đã từng định cư dọc theo bờ biển xứ Canaan. Về sau, người phương Tây gọi Đất Thánh Do Thái-Kitô giáo là Palestine. Dân tộc Ả-rập đã không chấp nhận rộng rãi tên ‘Palestine’ cho đến thế kỷ 20.

Plato (424/423 TCN – 348/347 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại.

Aristotle (384 TCN – 322 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Học trò của Plato.
Jehovah: trong Kinh Thánh Torah, Jehovah là tên riêng của Thượng Đế, như đã mặc khải cho Moses trên núi Sinai. (xem Câu chuyện Do Thái: lịch sử thăng trầm của một dân tộc)

Noah: theo Sách Sáng Thế, ông Noah đóng con tàu lớn mà ngày nay gọi là tàu Noah để tự cứu ông và gia đình, bảo tồn thế giới động vật, thực vật khỏi bị diệt vong bởi trận trừng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa.

Mari Letters: là một bộ sưu tập các thư từ hoàng gia từ Mari, một thành phố cổ trên sông Euphrates.

Amarna Letters: thư từ ngoại giao, trên bảng đất sét, chủ yếu giữa chính quyền Ai Cập và đại diện của họ ở Canaan và Amurru trong khoảng thời gian những năm 1300 TCN.

Semitic: nhóm các ngôn ngữ có liên quan với nhau được nói bởi 470 triệu người tại Tây Á, Bắc Phi và Sừng châu Phi. Chúng là một nhánh của họ ngôn ngữ Phi – Á. Ngôn ngữ Semitic được nói nhiều nhất hiện nay là tiếng Ả-rập, Amharic, Hebrew, Tigrinia và Aramaic.

Babylon: một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại, nằm ở Al Hillah, tỉnh Babil, Iraq, khoảng 85km về phía nam thủ đô Baghdad (Iraq).

Pharaoh: tước hiệu của vua Ai Cập cổ đại.

Mặc khải: một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là vén mở ra bức màn bí mật để cho thấy một điều gì đó.

Ba Tư (Persia): một quốc gia cổ ở phía tây nam châu Á, nay là Iran.

Jericho: thành cổ nằm gần Bờ Tây của sông Jordan.

Về mặt địa lý, Transjordan gồm các khu vực phía đông của sông Jordan, bao phủ phần lớn Jordan ngày nay.

Xức dầu (anointing) diễn tả hành động xoa dầu trên cơ thể, hay đổ dầu lên đầu nhằm một mục đích nào đó. Sự xúc dầu bao gồm nhiều mục đích và ý nghĩa khác nhau. Trong thời Cựu ước, xúc dầu được xem là một nghi thức quan trọng nhằm xác chứng rằng: người được xúc dầu được Đức Chúa Trời chỉ định để thi hành một sứ mệnh đặc biệt.

Samaritans là một nhóm sắc tộc-tôn giáo của Levant, hậu duệ của cư dân Semitic cổ của khu vực.

Đế quốc Byzantine (Byzantine Empire) (330-1453): còn gọi là Đế quốc Đông La Mã, đóng đô ở Constantinople (nay là Istanbul, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ).

Gnosticism: Thuyết Ngộ Đạo (từ tiếng Hy Lạp cổ đại: gnostikos γνωστικός, “học”, từ Gnosis γνώσις, kiến thức) mô tả một tập hợp các tôn giáo cổ xưa xa lánh thế giới vật chất – mà họ xem như được tạo bởi các đấng tạo hóa – và chấp nhận thế giới tâm linh.

Thời Trung cổ: giai đoạn giữa sự sụp đổ của Đế quốc La Mã và sự trỗi dậy của các quốc gia châu Âu hiện đại, tức là từ thế kỷ 5 kéo dài đến thế kỷ 15. Levant là một thuật ngữ lịch sử địa lý đề cập phỏng chừng đến một khu vực rộng lớn ở Tây Nam Á bao bọc bởi dãy núi Taurus của Anatolia ở miền Bắc, Biển Địa Trung Hải ở phía tây, và sa mạc miền Bắc Ả-rập và

Mesopotamia ở phía đông. Một số các quốc gia hoặc các bộ phận của các quốc gia nằm trong khu vực Levant là Cyprus, Ai Cập, Iraq, Israel, Jordan, Lebanon, Palestine, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ. Đôi khi bán đảo Sinai cũng được bao gồm, mặc dù phần nhiều được coi là một vùng trung gian, ngoại biên tạo thành một cầu nối giữa Levant và Bắc Ai Cập.

Aramaic: thuộc cận họ Semitic, nằm trong họ ngôn ngữ Phi – Á (Afro-asiatic). Tiếng Aramaic là một phần trong nhóm ngôn ngữ Tây-Bắc Semitic, trong nhóm này còn có các ngôn ngữ Canaanite như tiếng Hebrew và tiếng Phoenicia. Aramaic là ngôn ngữ chính của xứ Syria.

Bộ Luật Do Thái: (Hebrew: הַלְּכָה , Sephardic: (halaxa); phiên âm như halacha hoặc chalachah) hoặc halocho (Ashkenazic: (halocho)) là tập hợp các luật tôn giáo của người Do Thái có nguồn gốc từ Torah Viết và Torah Nói. Bao gồm 613 điều răn, luật Talmudic và Rabbinic, các phong tục và truyền thống biên dịch trong Shulchan Aruch (thường được gọi là “Code of Jewish Law” – “Bộ Luật Do Thái”).

Bán đảo Iberia nằm ở cực tây nam châu Âu, được bao quanh bởi Địa Trung Hải về hướng đông và nam, và bởi Đại Tây Dương về hướng tây và bắc. Dãy núi Pyrenees làm thành biên giới đông bắc của bán đảo. Gibraltar, điểm cực nam của bán đảo, được ngăn cách với châu Phi bởi eo biển cùng tên. Đây là bán đảo lớn nhất châu Âu với diện tích 582.860km². Bán đảo Iberia gồm có các quốc gia và vùng lãnh thổ: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Andorra và Gibraltar.

Sephardi Jews hay Sephardic jews hay Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha.

Ashkenazi Jews hay Ashkenazic Jews hay Ashkenazim: nhóm người Do Thái gốc Đức sống trong các cộng đồng ở Trung và Đông Âu mà hiện nay là miền Bắc nước Pháp, Đức và Thụy Sĩ.

Bán đảo Balkan là một khu vực địa lý của khu vực Đông Nam châu Âu. bao gồm toàn bộ hoặc một phần của Albania, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Hy Lạp, Kosovo, Cộng hòa Macedonia, Montenegro, Serbia, Slovenia, và phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Novorossiya là một thuật ngữ lịch sử của Đế chế Nga biểu thị một khu vực phía bắc của Biển Đen (nay là một phần của Ukraina).

Đế quốc Ottoman: còn gọi là Turkish Empire – Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ theo lịch sử.

Mizrahi là những người Do Thái đến từ Trung Đông và Bắc Phi.

Zionist: Người theo Chủ nghĩa Phục quốc Do thái

(1) Gaius Julius Caesar (phát âm như “Gai-us Giu-li-us Xê- da”; trong tiếng Latin như “Khai-xơ”; 12 tháng 7 hoặc 13 tháng 7 năm 100 TCN 15 tháng 3 năm 44 TCN) là một lãnh tụ quân sự và chính trị của La Mã và là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã.

1. Pháp nộ: cái giận của pháp.

2. Hồi thử nại: trở lại bờ này.

1. Hạc nội không có lương thực mà đất trời rộng rãi.

1. Ba cõi không an, như ở trong nhà lửa.

2. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe (khó vì đi ngược dòng đời)

1. Phật một thước, Ma một trượng.

1. Dịch từ câu thơ:
 “Nhất bát thiên gia phạm
 Cô thân vạn lý du
 Kỳ vi sinh tử sự
 Giáo hóa độ xuân thu.”

(1) Lệ học ở làng Câu Hoan xưa, Bùi Thị Tân - Cửa Việt số 15 (Bộ cũ) tr. 86.

(*) Chữ dùng của Hồ Chí Minh cho bọn tham ô, lãng phí, quan liêu.

* Trọng Thi: chữ dùng của Lê Thần Trần Trọng Kim

(*): GS- KTS Hoàng Đạo Kỉnh - Phó Chủ tịch Thường trực Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, Ủy viên Hội đồng lý luận và phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương.

1\ Xem bài viết của Hồ Chủ tịch năm 1952, sách Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, trang 131.

(1) Creatio dei (tiếng La tinh): tạo vật của Thượng đế.

(2) Trong nguyên bản 'Galuleh' cho hợp vần điệu và bài ba-lát thêm hài hước. Người dịch giữ nguyên.

(1) Thời Trung cổ việc mổ xẻ xác người bị Giáo hội nghiêm cấm.

(2) Ý nói ít cổ đạo.

(3) Tương tự như ta có câu: được đăng chân, lân đăng đầu!

(1) Phần lớn nước Ý bấy giờ bị Tây Ban Nha chiếm. Khi dân chúng vùng Nam Ý nổi loạn, Giáo hoàng lại đứng về phe Tây Ban Nha.

(2) Âm chỉ cuộc chiến tranh ba mươi năm (dưới danh nghĩa tôn giáo) diễn ra ở Đức vào đầu thế kỷ 17 - dựa trên bối cảnh này Brecht đã sáng tác vở kịch 'Bà mẹ dũng cảm và những người con'.

(3) Phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thời Trung cổ, đưa tới việc thành lập các giáo hội Tin Lành.

(4) Giáo hoàng bí mật liên kết với vua Thụy Điển Gustav Adolf II (theo đạo Tin Lành) vì quyền lực Giáo hội bị dòng họ Habsburg (Áo) thuộc phe Thiên Chúa đe dọa.

(5) Phái Luther: đạo Tin Lành (bấy giờ bị gọi là 'phản Chúa') theo đường lối cải cách của Martin Luther (1483-1546).

(6) Âm chỉ Galilei.

(7) Lời Kinh Thánh (xem màn 6).

(8) Zither: một loại đàn với khoảng 30 dây, gốc từ Trung Á

(9) Wien (Vienne): thủ đô nước Áo.

(10) Ý tác giả: những dụng cụ để tra khảo ở Tòa án Tôn giáo.

(1) Discorsi (tiếng Ý): mạn đàm.

(2) Nước Cộng hòa Venedig.

(3) Hieme et aestate... (tiếng Latin): 'trong mùa đông và mùa hạ, gần và xa, bao lâu ta còn sống và cả sau đó nữa.'

(4) Elle: đơn vị chiều dài cổ, khoảng từ 60 đến 80 cm.

(1) Kinh Thánh (Tân ước).

(2) Tác phẩm 'De imitatione Christi' (Nối bước Chúa Cứu thế) của Thomas von Kempen (1379-1471).

(3) Ý nói Kinh Thánh.

(4) Những nước theo đạo Tin lành ở Châu Âu.

(5) Mailand (Milano): thành phố công nghiệp lớn thứ hai ở Ý hiện nay.

(6) Đại công tước Florenz.

(7) Được vùng Lưỡng Hà (Tigris và Euphrat) thờ là nữ thần phồn thực.

(8) Âm chỉ chế độ Hitler đang lộ hành ở Đức - khi Brecht sáng tác vở 'Cuộc đời Galilei' này.

(1) Toscana: một vùng ở Trung Ý, nay gồm chín tỉnh, thủ phủ là Florenz (Florence).

(2) Quan nội quản: tạm dịch từ Hofmarschall (maréchal du palais), viên quan quản lý sinh hoạt trong hoàng cung.

(3) Thường thì rất ít người tóc đỏ, nên họ bị coi là phù thủy!

(4) Đường ngoại luân (Epizykloide): đường do một điểm nằm trên một vòng tròn vạch ra khi vòng tròn này lăn trên một vòng tròn khác cố định.

(5) Tiếng La tinh: Vũ trụ của Aristoteles thần thánh.

(1) Một dòng từ thiện do bà thánh Angela Merici (1474-1540) thành lập.

(1) Tiếng La tinh: nhẹ dạ, cả tin tới mức thành khờ khạo, mê muội.

(2) Venus: vừa là sao Kim, vừa là tên của nữ thần ái tình - thần 'Vệ nữ' (thần thoại La Mã).

(3) Brecht chơi chữ; 'Schwindel' vừa có nghĩa chóng mặt, vừa có nghĩa sự lừa gạt. Do đó, câu 'Tôi bị chứng chóng mặt' có thể thay bằng: 'Tôi đau khổ vì bị lừa gạt.'

(4) Như chú thích trên. Câu này nghĩa là 'Trong Collegium Romanum thì đừng hòng mà lừa gạt được.'

(5) Tycho Brahe (1546-1691): nhà thiên văn và toán học Đan Mạch. Năm 1572, ông phát hiện ra một ngôi sao mới, trước khi có kính viễn vọng.

(6) Tiếng La tinh: Hãy đấu tranh chống lại ngay từ lúc sự việc còn manh nha.

(7) Kinh Thánh, Cựu ước, Josua 10:12.

(8) Kinh Thánh: Đức Chúa Cha gửi con là Chúa Giê-su xuống thế gian, chịu đóng đinh để cứu loài người tội lỗi.

(1) Có hai nàng Thais: một là vũ nữ, gái điếm ở Athènes (Hy Lạp), thế kỷ 4 tr.TL, người tình của đại đế Alexandre; nàng kia là một cô gái giang hồ Ai Cập, hối cải, được một ẩn sĩ cải đạo, sau được phong thánh. Không rõ ở đây Brecht nói về nàng Thais nào.

(2) Salomo (965-926 tr.TL): vua Do Thái, tương truyền rằng rất sáng suốt.

(3) Những câu Hồng y Barberini 'nghĩ thầm' được in nghiêng đậm cho rõ ý.

(4) 'Das Heilige Offizium': cơ quan tối cao phụ trách các vấn đề thuộc về 'Đức tin' - vấn đề hàng đầu của Giáo hội.

(5) Biến tượng (Phase): những trạng thái khác nhau của mặt trăng hay một hành tinh không tự chiếu sáng, dạng xuất hiện của nó tùy theo được mặt trời chiếu sáng như thế nào.

(6) Nguyên văn: đừng nên vì muốn đổ chậu nước tắm mà hất luôn cả đứa bé đi.

(1) Âm chỉ các Giáo hoàng.

(2) Kinh Thánh (Sáng thế ký): Chúa Trời tạo ra con người mang hình ảnh của Người.

(3) Ở đây Brecht cũng cho Galilei gọi khi thì 'ông', khi thì 'cậu'.

(4) Priap: thần phồn thực.

(5) Horace (65-8 tr.TL): nhà thơ La Mã cổ đại.

(6) Esquilin: tên một trong bảy ngọn đồi ở Rom.

(7) Kinh Thánh (Cựu ước): Bị quỷ dữ xúi giục, Adam và Eve - tổ tiên loài người - đã ăn trái táo cấm trong vườn Địa đàng để được thông hiểu mọi sự 'như Đức Chúa Trời', nên hai người bị Chúa đuổi khỏi vườn Địa đàng, từ đó con cháu đời đời bị trừng phạt.

(1) Người dịch lược bỏ phần đầu rất dài của Hans Mayer viết về kịch nghệ của Brecht và về các vở 'kinh điển' khác của ông.

(2) Ngoài nghĩa sử thi, anh hùng ca, 'episch' còn có nghĩa 'tường thuật, kể'. Brecht là người đề xướng kỹ thuật cho xen kẽ những màn đọc thơ hoặc hát ca khúc giữa những đối thoại hoặc màn diễn trên sân khấu, nhằm mục đích giúp khán giả hiểu một cách có ý thức ý nghĩa sâu xa của cốt truyện, tâm lý nhân vật, hậu ý tác giả, thay vì để họ - như thói thường - bị lôi cuốn theo tình tiết, buồn thương, giận ghét theo nhân vật trên sân khấu.

(3) Robert Oppenheimer (1904-1967): nhà vật lý nguyên tử Mỹ, một trong những cha đẻ của hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản cuối Thế chiến II. Về sau ông chống lại việc chế bom H vì lý do đạo đức, nên không được tham gia những chương trình quan trọng nữa. Từ 1947 đến 1966, ông chỉ còn là giám đốc một viện nghiên cứu tại Princeton. (Thậm chí, năm

1954 - thời 'săn' Cộng sản của McCarthy - Oppenheimer còn phải ra điều trần trước một ủy ban điều tra về khuynh hướng chính trị của ông).

(4) Friederich Dürrenmatt (1921-1990): nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng Thụy Sĩ. Trong vở Die Physiker - các Nhà vật lý, ông đã cho những nhà khoa học này chạy trốn vào nhà thương điên để khỏi phải cộng tác.

(5) Vở 'Flüchtlingsgespräche' (1940) cũng của Brecht.

(6) Thời Hitler cầm quyền (1933-1945), nước Đức có tên là Đế chế thứ ba.

(7) Theo cách phân loại và định nghĩa thông thường trong văn học phương Tây, vở kịch được gọi là hài kịch (Komoedie) khi kết thúc tốt đẹp - 'có hậu', còn bi kịch (Tragoedi) luôn kết thúc với nhân vật chính bị thất bại, thua cuộc.

(8) Ý nói: hiện tượng các nhà khoa học dửng dưng cảm tìm chân lý, đánh đổ học thuyết cũ.

(9) Có lẽ Hans Mayer muốn nói tới thời kỳ phôi thai của 'xã hội dân quyền' chăng, vì lúc đó còn là thời Trung cổ?

(1) 'Luận về chuyển động tròn của các thiên thể'.

(2) Salviati là người diễn đạt quan điểm của Galilei; Sagredo là người ham tìm hiểu (giống một người bạn của Galilei); còn Simplicio (nghĩa là ngây thơ) bênh vực quan điểm cũ của Arisroteles. Galilei đã phải mang vạ, vì bị vu cáo rằng nhân vật Simplicio này tượng trưng Giáo hoàng đương thời.

(3) Những 'giáo phái khác' ở đây có lẽ là những giáo hội Cơ Đốc 'ly khai', không chấp nhận quyền cai quản của Vatican, như Giáo hội Chính Thống, Giáo hội Tin Lành.

(4) Johannes Kepler (1571-1630): nhà thiên văn Đức; ông cho rằng mặt trời đã phát ra lực gây nên sự chuyển động của các hành tinh.

(1) Otto Hahn (1879-1968) là nhà hóa học Đức - không phải nhà vật lý như trong lời giới thiệu của Nxb Suhrkamp. Năm 1944, ông được trao giải Nobel Hóa học. (Mọi chú thích đều của người dịch).

(1) Nikolaus Kopernikus (1473-1543): giáo sĩ Ba Lan, lập ra thuyết thái dương hệ với mặt trời là trung tâm (thuyết nhật tâm). Thuyết này chỉ được công bố sau khi ông qua đời.

(2) Nghĩa bóng là tránh ngôi nhà này.

(3) Claudius Ptolemaeus (100-160): nhà nghiên cứu Hy Lạp, lập ra thuyết về vũ trụ với quả đất là trung tâm (thuyết địa tâm).

(4) Tám lớp như sau (từ tâm ra): 1. mặt trăng 2. sao Thủy (Merkur) 3. sao Kim (Venus) 4. mặt trời 5. sao Hỏa (Mars) 6. sao Mộc (Jupiter) 7. sao Thổ (Saturn) 8. tầng của các định tinh.

(5) Thế kỷ 14, bệnh dịch hạch hoành hành khủng khiếp ở châu Âu khiến hàng triệu người chết, nên thời bấy giờ người ta luôn nơm nớp lo sợ.

(6) Brecht cố ý để Andrea nói sai, vì ông chơi chữ: kippen nghĩa là hất đổ (học thuyết cũ)!

(7) Skudo là đồng tiền vàng.

(8) Nước Cộng hòa: từ thế kỷ 7 Venedig (Venise) đã xưng là Cộng hoà San Marco, do một Hội đồng (Signoria) - gồm đại diện các gia đình quý tộc - cai trị, đứng đầu là một Đại thống lãnh (Doge) được bầu mãi đời.

(9) Cremonini: một thời là bạn của Galilei.

(10) Inquisition, một thứ 'tòa án' cực đoan của Giáo hội Thiên Chúa giáo thời Trung cổ, nhằm tiêu diệt mọi 'tà giáo' và ảnh hưởng của chúng trên mọi lãnh vực - kể cả trong khoa học, như vụ án Giordano Bruno và Galileo Galilei. Bản án khủng khiếp nhất là 'thiêu'.

(11) Giordano Bruno (1548-1600): triết gia Ý, tu xuất dòng Dominique, dựa trên thuyết của Kopernikus đặt nghi vấn về sự hiện hữu của Chúa trong không gian và thời gian trong vũ trụ. Năm 1592 Venedig giao ông cho Rom, năm 1600 ông bị Tòa án Tôn giáo kết án thiêu.

(12) Nghĩa bóng là gây dư luận xôn xao.

(13) Prag: thủ đô Tiệp.

(14) Trước khi người Âu học được kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc, họ phải viết lên da cừu hay dê - nhưng nhờ đó mà nhiều văn thư cổ vẫn giữ được đến ngày nay.

(15) Com pa tỷ lệ (Proportionalzirkel): một thứ thước tính thời bấy giờ, gồm hai 'thước' có chia độ để tính toán; chúng được bắt ốc ở một đầu, xoay được như cái com pa.

(16) Mượn ý câu 'Người không nên cột mõm con bò đang đập lúa' (Cựu Ước, Moses quyển 5 - 25,4).

(17) Gracia Dei (tiếng La tinh): Chúa lòng lành vô cùng.

(1) Klafter (đọc là clap-tơ): đơn vị cổ cho gỗ, bằng khoảng 3 mét khối gỗ.

(2) Âm chỉ Giordano Bruno.

(3) Âm chỉ Giordano Bruno.

(4) Nơi có ngọn tháp nghiêng nổi tiếng, tương truyền Galilei đã thí nghiệm 'luật rơi tự do' của ông tại tháp này.

(5) Dòng họ nổi tiếng ở Ý, giàu có nhờ làm ngân hàng, do tiền nhiều, thế lực mạnh, nhiều người trong dòng họ này được làm Giáo hoàng. Đã hỗ trợ nghệ thuật và khoa học suốt nhiều thế kỷ, với những tên tuổi như Michelangelo, Leonardo da Vinci, Galileo Galilei...

(6) Thế kỷ 17 nước Ý vẫn còn chia làm nhiều vùng nhỏ. Mỗi đại công quốc tuy không gọi là nước, song các đại công tước vẫn có triều đình riêng.

(1) Vết đen thỉnh thoảng xuất hiện trên bề mặt mặt trời, gây rối loạn và nhiễu về điện.

(2) Tên một quyển sách của nhà thần học kiêm thiên văn học Johann Fabrizius (1587-1615).